ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

1. Tên học phần: Triết học Mác – Lênin/Marxist-Leninist Philosophy

2. Mã học phần: CTRI 004

3. Số tín chỉ: 3 (3,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ 1

5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 45 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành
- Giờ học tập định mức của người học: 150 giờ (bao gồm 45 giờ dự giờ giảng trên lớp, 90 giờ tự học có hướng dẫn, nghiên cứu, 15 giờ chuẩn bị và tham gia dự kiểm tra, đánh giá định kỳ - quy chuẩn 50 giờ học tập/1 tín chỉ).

6. Điều kiện tiên quyết/Điều kiện học trước: Không

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Phạm Xuân Đức	0904.409.139	yenduclinh@gmail.com
2.	ThS. Trần Thị Hồng Nhung	0974.588.423	Nhungkienlinhchi@gmail.com
3.	ThS. Nguyễn Thị Hiền	0972.579.236	nguyenhienhp25@gmail.com
4.	ThS. Đỗ Thị Thuỳ	0936.503.703	thuydhsd@gmail.com
5.	TS. Phạm Văn Dự	0976.181.949	Phamvandu84@gmail.com
6.	TS. Phùng Thị Lý	0989.407.962	phunglysd@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Triết học Mác - Lênin cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Triết học và vấn đề cơ bản của triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; chủ nghĩa duy vật biện chứng: Vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức; chủ nghĩa duy vật lịch sử: Vai trò của triết học trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về triết học Mác - Lênin, bao gồm những vấn đề chung của triết học, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; giúp sinh viên hiểu rõ bản chất khoa học và cách mạng của triết học Mác - Lênin, vai trò của thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. Qua đó, hình thành cho sinh viên thế giới quan khoa học, phương pháp luận đúng đắn, tư duy logic và năng lực vận dụng

các nguyên lý, quy luật của triết học Mác - Lênin để phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề của tự nhiên, xã hội, tư duy cũng như các vấn đề trong học tập, nghề nghiệp và cuộc sống; góp phần bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, ý thức trách nhiệm công dân và năng lực học tập suốt đời, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn phát triển mới.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- **CO1 (Kiến thức):** Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng và có tính hệ thống về triết học Mác – Lênin, bao gồm khái niệm, đối tượng, chức năng và vai trò của triết học; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng như vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử như học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người; làm rõ giá trị khoa học và ý nghĩa phương pháp luận của triết học Mác – Lênin trong nhận thức và hoạt động thực tiễn.

- CO2 (Kỹ năng): Rèn luyện cho sinh viên năng lực vận dụng các nguyên lý, quy luật và phạm trù của triết học Mác – Lênin để phân tích, đánh giá và giải thích các vấn đề của tự nhiên, xã hội và tư duy; phát triển kỹ năng tư duy logic, tư duy phản biện, thu thập và xử lý thông tin, làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình và giải quyết các tình huống gắn với học tập, nghề nghiệp và thực tiễn cuộc sống trên cơ sở thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận khoa học.

- CO3 (Tự chủ và trách nhiệm): Tạo điều kiện để sinh viên hình thành và phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, tư duy độc lập và sáng tạo; xây dựng thế giới quan khoa học, phương pháp luận đúng đắn, bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm công dân, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần học tập suốt đời; chủ động vận dụng triết học Mác – Lênin trong học tập, rèn luyện, công tác và tham gia giải quyết các vấn đề của cộng đồng, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh mới.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Làm rõ được khái niệm, đối tượng, chức năng và vai trò của triết học; vấn đề cơ bản của triết học; sự ra đời, phát triển và ý nghĩa của triết học Mác - Lênin đối với nhận thức và hoạt động thực tiễn.	PI1.1	2
CLO2	Diễn giải được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, bao gồm: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức; giải thích được các nguyên lý, quy luật, phạm trù và ý nghĩa phương	PI1.1	2

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	pháp luận của chúng.		
CLO3	Diễn giải được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, bao gồm: học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người; liên hệ được với thực tiễn phát triển của xã hội Việt Nam hiện nay.	PI1.1	2
	Kỹ năng		
CLO4	Áp dụng các nguyên lý, quy luật và phương pháp luận của triết học Mác - Lênin để phân tích, đánh giá và giải quyết các tình huống liên quan đến tự nhiên, xã hội, tư duy, học tập, nghề nghiệp và cuộc sống.	PI1.1	3
CLO5	ận dụng thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận khoa học để thu thập, xử lý thông tin, tư duy phản biện, làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình và đề xuất giải pháp đối với các vấn đề thực tiễn phù hợp với yêu cầu học tập và nghề nghiệp.	PI1.1	3
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Thể hiện ý thức tự giác trong học tập và nghiên cứu triết học Mác - Lênin; chủ động rèn luyện tư duy khoa học, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm công dân và năng lực tự học, tự nghiên cứu nhằm vận dụng đúng đắn thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận khoa học trong học tập, nghề nghiệp và cuộc sống.	PI10.1 PI10.2	3

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4		x	
CLO5		x	x
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	**Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI ***		
	PLO 1	**PLO 10**	
	PI1.1	**PI10.1**	**PI10.2**
CLO1	I		
CLO2	I		
CLO3	I		
CLO4	M		
CLO5	M		
CLO6		R	R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Ví dụ						
Điểm chuyên cần, điểm kiển tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Điểm danh, theo dõi mức độ tham gia học tập. - Bài kiểm tra ngắn (trắc nghiệm/tự luận). - Thảo luận nhóm, trình bày kết quả học tập. - Rubric đánh giá.	CLO1	20	Điểm chuyên cần; Rubric kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO1 → PLO1/PI1.1
			CLO5	40	Rubric thảo luận, thuyết trình	Điểm CLO5 → PLO1/PI1.1
			CLO6	40	Rubric thái độ học tập, tự học, làm việc nhóm	Điểm CLO6 → PLO10/PI10.1; PI10.2
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra tự luận. - Rubric chấm bài.	CLO1	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	Điểm CLO1 → PLO1/PI1.1
			CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học	Điểm CLO2 → PLO1/PI1.1

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
					phần	
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi trắc nghiệm khách quan. - Máy tính chấm.	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	Điểm CLO2 → PLO1/PI1.1
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	Điểm CLO3 → PLO1/PI1.1
			CLO3	20	Điểm bài thi cuối kỳ	Điểm CLO4 → PLO1/PI1.1
			CLO4	40	Điểm bài thi cuối kỳ	Điểm CLO5 → PLO1/PI1.1

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đo lường mức đạt CLO	Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI	Dữ liệu được lấy từ
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
CLO1	13	x	PI1.1	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO2	Diễn giải được các nguyên lý, quy luật và phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật; vận dụng để giải thích các hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy.	x	PI1.1	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO3	Diễn giải được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử; quy luật vận động và phát triển của xã hội; vai trò của quần chúng nhân dân và cá nhân trong lịch sử.	x	PI1.1	Bài thi cuối kỳ
CLO4	Áp dụng các nguyên lý và phương pháp luận của Triết học Mác – Lênin để phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong học tập, nghề nghiệp và thực tiễn xã	x	PI1.1	Bài thi cuối kỳ

	hội.			
CLO5	Vận dụng tư duy biện chứng, tư duy logic trong học tập, nghiên cứu, làm việc nhóm và đề xuất giải pháp đối với các tình huống thực tiễn.	x	PI1.1	Thuyết trình, thảo luận nhóm; Bài tập vận dụng
CLO6	Thể hiện thế giới quan khoa học, ý thức tự học, tinh thần trách nhiệm, bản lĩnh chính trị và thái độ tích cực trong học tập, công việc và các hoạt động xã hội.	x	PI10.1; PI10.2	Rubric đánh giá quá trình; Quan sát trên lớp; Đánh giá thảo luận nhóm, thuyết trình

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thảo luận nhóm

Tiêu chí đánh giá	**CLO**	**Trọng số**	**Giỏi (10 - 8.5)**	**Khá (8.4 - 7.0)**	**Trung bình (6.9 - 5.0)**	**Yếu (4.9 - 0.0)**	**Điểm**
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	30%	Tham dự đầy đủ >90% số giờ học, đi học đúng giờ, chấp hành tốt kỷ luật phòng học và chuẩn bị bài chu đáo trước khi lên lớp.	Tham dự từ 80% đến 89% số giờ học, đi học đúng giờ, không vi phạm nghiêm trọng kỷ luật và nội quy học vụ.	Tham dự từ 70% đến 79% số giờ học, thỉnh thoảng còn đi muộn hoặc thiếu tập trung trong giờ học.	Tham dự dưới 70% số giờ học hoặc vi phạm nghiêm trọng kỷ luật học đường.	
Ý thức tự học & thảo luận nhóm	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5.	70%	Chủ động, tích cực nghiên cứu trước tài liệu; hợp tác nhóm xuất sắc, đóng góp ý kiến chất lượng cao, thuyết trình lưu loát.	Hoàn thành tốt nhiệm vụ tự học và làm bài tập nhóm được giao, hợp tác nhóm tương đối hiệu quả.	Tham gia tự học và thảo luận nhóm còn thụ động, chỉ thực hiện khi được giảng viên yêu cầu.	Không chuẩn bị bài tự học, thờ ơ, không hợp tác nhóm hoặc không hoàn thành bài tập tự học.	
ĐIỂM TỔNG							

2. Rubric thi tự luận (Thang điểm 10)

Mô tả mức chất lượng	

Mức chất lượng	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Điểm
Thang điểm	**10 – 8.5**	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Bài kiểm tra giữa kỳ	Đáp ứng 80% - 100% yêu cầu	Đáp ứng 70 – 80% yêu cầu của mức Giỏi	Đáp ứng 50 – 60% yêu cầu của mức Giỏi	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu của mức Giỏi	
ĐIỂM TỔNG					

3. Rubric/Thang đánh giá kết quả bài thi trắc nghiệm

Tiêu chí đánh giá	CLO	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)	Điểm
Kết quả trả lời câu hỏi trắc nghiệm trên máy	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Trả lời đúng 34–40/40 câu; nắm vững kiến thức và có khả năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng phù hợp với yêu cầu học phần.	Trả lời đúng 28–33/40 câu; nắm cơ bản về kiến thức và có khả năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng phù hợp với yêu cầu học phần ở mức khá.	Trả lời đúng 20–27/40 ; nắm kiến thức và có khả năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng ở mức trung bình.	Trả lời đúng 0–19/40 dưới mức yêu cầu; chưa nắm được kiến thức, khả năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng còn hạn chế.	
ĐIỂM TỔNG						

12. Yêu cầu học phần

- Quy định chuyên cần:

+ Sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá 20% số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

+ Sinh viên cần chuẩn bị bài trước khi đến lớp, tích cực tham gia các hoạt động học tập như trao đổi, thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết vấn đề và các hoạt động học tập khác theo yêu cầu của giảng viên.

- Nhiệm vụ học tập và tự học:

+ Chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo về Triết học Mác - Lênin theo hướng dẫn của giảng viên.

+ Đọc trước nội dung bài học, chuẩn bị câu hỏi, tình huống thực tiễn liên quan đến các nội dung được học trước khi lên lớp.

+ Hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ học tập được giao như: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, nội dung tự học, tự nghiên cứu, báo cáo chuyên đề, thuyết trình và các hoạt động

học tập khác.

+ Chủ động tìm hiểu, vận dụng các nguyên lý, phạm trù, quy luật cơ bản của Triết học Mác - Lênin để phân tích, giải thích các vấn đề trong tự nhiên, xã hội và tư duy.

+ Thực hiện việc tự học, tự nghiên cứu theo kế hoạch nhằm hình thành năng lực tư duy lý luận, tư duy phản biện và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

- Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật:

+ Có thái độ học tập nghiêm túc, chủ động, tích cực trong quá trình học tập học phần Triết học Mác - Lênin.

+ Tôn trọng ý kiến trao đổi, thảo luận học thuật; có tinh thần hợp tác, trách nhiệm trong hoạt động học tập cá nhân và làm việc nhóm.

+ Thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; bảo đảm tính trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử.

+ Không sao chép, đạo văn, sử dụng tài liệu không đúng quy định hoặc thực hiện các hành vi gian lận trong học tập.

+ Có ý thức rèn luyện phương pháp tư duy khoa học, khách quan, toàn diện, lịch sử - cụ thể; từng bước hình thành thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận khoa học.

- Yêu cầu về vận dụng kiến thức:

+ Vận dụng những nguyên lý cơ bản của Triết học Mác - Lênin để nhận thức và giải thích các hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy.

+ Sử dụng thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận khoa học để phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong học tập, nghề nghiệp và đời sống.

+ Hình thành tư duy logic, tư duy phản biện, khả năng phân tích và đánh giá các vấn đề trên cơ sở khoa học.

+ Liên hệ kiến thức Triết học Mác - Lênin với quá trình học tập chuyên môn, rèn luyện phẩm chất cá nhân, ý thức trách nhiệm công dân và trách nhiệm nghề nghiệp.

+ Có ý thức vận dụng phương pháp tư duy khoa học, phát huy tính chủ động, sáng tạo trong học tập, lao động và nghiên cứu.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Trường Đại học Sao Đỏ (2023), *Tài liệu học tập Triết học Mác - Lênin*, in lưu hành nội bộ.

[2] - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin,* NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

[3] - Nguyễn Hữu Vui, Nguyễn Ngọc Long (2002), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[4] - Nguyễn Viết Thông (2009), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5] - Phạm Văn Đức (2021), *Hướng dẫn ôn thi hiệu quả môn triết học Mác - Lênin,* NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[6] - Nguyễn Ngọc Hà (2021), *Tìm hiểu triết học Mác - Lênin*, NXB Khoa học Xã hội.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
1	**Chương 1. TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI** **Mục tiêu chương**: Trình bày được triết học và vấn đề cơ bản của triết học. Liên hệ được vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay. **Nội dung cụ thể**: **1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học** 1.1.1. Khái lược về triết học 1.1.1.1. Nguồn gốc của triết học 1.1.1.2. Khái niệm triết học 1.1.1.3. Vấn đề đối tượng của triết học trong lịch sử 1.1.1.4. Triết học - hạt nhân lý luận của thế giới quan 1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học 1.1.2.1. Nội dung vấn đề cơ bản của triết học 1.1.2.2. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm 1.1.2.3. Thuyết có thể biết (thuyết Khả tri) và thuyết Không thể biết (thuyết Bất khả tri) 1.1.3. Biện chứng và siêu hình 1.1.3.1. Khái niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử 1.1.3.2. Các hình thức của phép biện chứng trong lịch sử **1.2. Triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội** 1.2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin 1.2.1.1. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác 1.2.1.2. Những thời kỳ chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của Triết học Mác 1.2.1.3. Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do C. Mác và Ph. Ăngghen thực	9 (9LT, 0TH)	**Thuyết trình; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học theo nhóm kết hợp với trực quan.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [2]: tr.11 - 116. [3]: tr. 131 - 164. [4]: tr. 11 - 42. [5]: tr. 11 - 30. [6]: tr. 67 - 106. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Liên hệ kiến thức với ngành nghề đang theo học. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên tài liệu [1]: Phần 1.2.1.3.; 1.2.1.4.; phần 1.1.2.3.;	CLO1 CLO4

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	hiện 1.2.1.4. Giai đoạn V.I. Lênin trong sự phát triển triết học Mác 1.2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin 1.2.2.1. Khái niệm triết học Mác - Lênin 1.2.2.2. Đối tượng của triết học Mác - Lênin 1.2.2.3. Chức năng của triết học Mác - Lênin 1.2.3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam 1.2.3.1. Triết học Mác - Lênin là thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng cho con người trong nhận thức và thực tiễn 1.2.3.2. Triết học Mác - Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học và cách mạng để phân tích xu hướng phát triển của xã hội trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại phát triển mạnh mẽ 1.2.3.3. Triết học Mác - Lênin là cơ sở lý luận khoa học của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam		phần 1.2.1.3.; 1.2.1.4.; 1.2.2.2.; 1.2.2.3.	
2	**Chương 2. CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG** **Mục tiêu chương:** Trình bày được mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức, nội dung của phép biện chứng gồm 2 nguyên lý, 6 cặp phạm trù và 3 quy luật, rút ra được ý nghĩa phương pháp luận; sinh viên lấy được ví dụ và liên hệ với thực tiễn. Hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng cho bản thân. **Nội dung cụ thể:** **2.1. Vật chất và ý thức** 2.1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất 2.1.1.1. Quan niệm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật trước C. Mác về phạm trù vật	20 (18LT, 0TH, 02KT)	**Thuyết trình; Phương pháp động não; Tổ chức học theo nhóm, tổ chức cho sinh viên tranh luận kết hợp với nêu vấn đề và trực quan hình ảnh, clip.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	chất 2.1.1.2. Cuộc cách mạng trong khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và sự phá sản của các quan điểm duy vật siêu hình về vật chất 2.1.1.3. Quan niệm của triết học Mác - Lênin về vật chất 2.1.1.4. Các hình thức tồn tại của vật chất 2.1.1.5. Tính thống nhất vật chất của thế giới 2.1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức 2.1.2.1. Nguồn gốc của ý thức 2.1.2.2. Bản chất của ý thức 2.1.2.3. Kết cấu của ý thức 2.1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức 2.1.3.1. Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật siêu hình 2.1.3.2. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng **2.2. Phép biện chứng duy vật** 2.2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật 2.2.1.1. Biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan 2.2.1.2. Khái niệm phép biện chứng duy vật 2.2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật 2.2.2.1. Hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật 2.2.2.2. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật * Cái riêng và cái chung * Nguyên nhân và kết quả * Tất nhiên và ngẫu nhiên * Nội dung và hình thức * Bản chất và hiện tượng * Khả năng và hiện thực 2.2.2.3. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật * Quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất và ngược lại * Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập		thảo luận theo nhóm. + Đưa vấn đề tranh luận. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [2]: 117 - 283; [3]: tr. 164 - 348. [4]: tr. 42 - 129. [5]: tr. 32 - 76. [6]: tr. 108 - 168. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Thảo luận theo nhóm. + Liên hệ lý luận với thực tiễn, với ngành nghề đang theo học. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên tài liệu [1]: 2.1.1.4.; 2.1.1.5.; phạm trù nội dung và hình thức; bản chất và hiện tượng; khả năng và hiện thực; quy luật phủ định của phủ định; phần 2.3.2.; 2.3.5. + Làm bài kiểm tra giữa học phần.	

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	* Quy luật phủ định của phủ định **2.3. Lý luận nhận thức** 2.3.1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng 2.3.2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức 2.3.3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức 2.3.4. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức 2.3.5. Tính chất của chân lý * Kiểm tra giữa học phần			
3	**Chương 3. CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ** **Mục tiêu chương:** Trình bày và liên hệ thực tiễn để làm rõ các nội dung của chủ nghĩa duy vật lịch sử: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người. Giúp sinh viên tin tưởng vào chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng các nội dung triết học Mác - Lênin về con người để rèn luyện, hình thành nhân cách của bản thân. **Nội dung cụ thể:** **3.1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội** 3.1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội 3.1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất 3.1.2.1. Phương thức sản xuất 3.1.2.2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất 3.1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội 3.1.3.1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội 3.1.3.2. Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội 3.1.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên 3.1.4.1. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội 3.1.4.2. Tiến trình lịch sử - tự nhiên của xã	16 (16LT, 0TH)	**Thuyết trình; Phương pháp động não; Tổ chức học theo nhóm, kết hợp với nêu vấn đề và trực quan hình ảnh, clip.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Giao chủ đề thuyết trình, hướng dẫn sinh viên thuyết trình. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [2]: tr. 287 - 489; [3]: tr. 349 - 462. [4]: tr. 130 - 188. [5]: tr. 77 - 122. [6]: tr. 344 - 517. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	hội loài người 3.1.4.3. Giá trị khoa học bền vững và ý nghĩa cách mạng **3.2. Giai cấp và dân tộc** 3.2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp 3.2.1.1. Giai cấp 3.2.1.2. Đấu tranh giai cấp 3.2.1.3. Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản 3.3.2. Dân tộc 3.2.2.1. Các hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc 3.2.2.2. Dân tộc - hình thức cộng đồng người phổ biến hiện nay 3.2.2.3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại **3.3. Nhà nước và cách mạng xã hội** 3.3.1. Nhà nước 3.3.1.1. Nguồn gốc của Nhà nước 3.3.1.2. Bản chất của Nhà nước 3.3.1.3. Đặc trưng cơ bản của Nhà nước 3.3.1.4. Chức năng cơ bản của Nhà nước 3.3.1.5. Các kiểu và hình thức Nhà nước 3.3.2. Cách mạng xã hội 3.3.2.1. Nguồn gốc của cách mạng xã hội 3.3.2.2. Bản chất của cách mạng xã hội 3.3.2.3. Phương pháp cách mạng 3.3.2.4. Vấn đề cách mạng xã hội trên thế giới hiện nay **3.4. Ý thức xã hội** 3.4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội 3.4.1.1. Khái niệm tồn tại xã hội 3.4.1.2. Các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội 3.4.2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội 3.4.2.1. Khái niệm ý thức xã hội 3.4.2.2. Kết cấu của ý thức xã hội 3.4.2.3. Tính giai cấp của ý thức xã hội 3.4.2.4. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội 3.4.2.5. Các hình thái ý thức xã hội 3.4.2.6. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội		các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Thuyết trình theo chủ đề giảng viên giao. + Liên hệ lý luận với thực tiễn và ngành nghề đang theo học. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên tài liệu [1]: Phần 3.1.3.; 3.2.1.3.; 3.2.2.1.; 3.3.1.4.; 3.3.1.4. 3.3.2.4.	

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	3.5. Triết học về con người 3.5.1. Khái niệm con người và bản chất con người * Con người là thực thể sinh học - xã hội * Con người là sản phẩm của lịch sử và của chính bản thân con người * Con người vừa là chủ thể của lịch sử, vừa là sản phẩm của lịch sử * Bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội 3.5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người * Thực chất của hiện tượng tha hóa con người là lao động của con người bị tha hóa * Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người 3.5.3. Quan hệ cá nhân và xã hội; vai trò của quần chúng Nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử 3.5.3.1. Quan hệ giữa cá nhân và xã hội 3.5.3.2. Vai trò của quần chúng Nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử 3.5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam			

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Các ngành

1. Tên học phần: (tiếng Việt/tiếng Anh): Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2. Mã học phần: CTRI 002

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ nhất

5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết 0 giờ thực hành

- Giờ học tập định mức của người học (bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá): 100 giờ (50 giờ/1 tín chỉ)

6. Điều kiện tiên quyết/Điều kiện học trước: Sau khi học xong học phần Triết học Mác - Lênin.

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Phạm Thị Hồng Hoa	0384.080136	Honghoa_dhsd@yahoo.com
2.	TS. Vũ Văn Đông	0985.412.618	Duydongvu82@gmail.com
3.	TS. Phạm Xuân Đức	0904.409.139	yenduclinh@gmail.com
4.	ThS. Nguyễn Mạnh Tưởng	0904.476.146	Nguyenmanhtương10@gmail.com
5.	ThS. Trần Thị Hồng Nhung	0974.588.423	Nhungkienlinhchi@gmail.com
6.	TS. Phùng Thị Lý	0989.407.962	phunglysd@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

9. Ngôn ngữ giảng dạy

Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu học phần

a) Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về nền tảng lý luận của Kinh tế chính trị Mác - Lênin, bao gồm: đối tượng, phương pháp nghiên cứu, bản chất và các quy luật kinh tế của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, cũng như thực tiễn phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; giúp sinh viên hiểu rõ vai trò, bản chất của sản xuất hàng hóa, giá trị thặng dư, cạnh tranh, độc quyền và nền kinh tế thị trường hiện đại. Qua đó, hình thành tư duy kinh tế

sắc bén, phương pháp luận khoa học, bản lĩnh chính trị, nhận thức đúng đắn đường lối, chủ trương phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước; phát triển năng lực vận dụng các quy luật kinh tế vào học tập, rèn luyện, công tác và giải quyết các vấn đề thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội, góp phần tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng đất nước trong thời kỳ mới.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng về các nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác - Lênin, bao gồm: đối tượng và phương pháp nghiên cứu; lý luận về sản xuất hàng hóa, giá trị và giá trị thặng dư; cạnh tranh và độc quyền; các quy luật kinh tế của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và quan hệ kinh tế quốc tế ở Việt Nam; từ đó làm rõ vai trò và giá trị lý luận, thực tiễn của các quy luật kinh tế đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

- CO2 (Kỹ năng): Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng các kiến thức Kinh tế chính trị Mác - Lênin để giải thích và phân tích các hiện tượng, quy luật kinh tế cùng các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội; phát triển kỹ năng tư duy kinh tế, tư duy phản biện, thu thập và xử lý thông tin, thảo luận, làm việc nhóm, thuyết trình và liên hệ kiến thức với thực tiễn học tập, lao động và cuộc sống.

- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Tạo cơ hội và môi trường cho sinh viên phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và không ngừng bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, tư duy kinh tế độc lập, lập trường giai cấp vững vàng; xây dựng ý thức chấp hành nghiêm túc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế - xã hội; phát huy tinh thần trách nhiệm công dân, ý thức phục vụ cộng đồng, tác phong làm việc khoa học, năng động và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình học tập, công tác và cống hiến cho sự phát triển đất nước.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome –CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	**Mô tả CLO**	**PIs**	**Mức độ của PIs theo thang đo Bloom**
	Kiến thức		
CLO1	Làm rõ được đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin; cơ sở khách quan và quá trình hình thành, phát triển của hệ thống lý luận kinh tế chính trị Mác - Lênin.	PI1.1	2
CLO2	Diễn giải được các phạm trù và quy luật kinh tế cơ	PI1.1	2

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	bản của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, bao gồm: hàng hóa, giá trị, giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền.		
CLO3	Diễn giải được lý luận về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và quan hệ kinh tế quốc tế ở Việt Nam; vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước và các thành phần kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện đại.	PI1.1	2
	Kỹ năng		
CLO4	Áp dụng các nguyên lý và quy luật kinh tế của Kinh tế chính trị Mác - Lênin để phân tích và giải quyết các tình huống gắn với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống.	PI1.1	3
CLO5	Vận dụng tư duy kinh tế và kiến thức chuyên môn để đề xuất giải pháp hoặc thực hiện các hoạt động học tập, làm việc nhóm, nghiên cứu thị trường phù hợp với chủ trương, đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.	PI1.1	3
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Thể hiện ý thức tự giác trong học tập, nghiên cứu và cập nhật kiến thức kinh tế; chủ động tu dưỡng bản lĩnh chính trị, tư duy độc lập, tinh thần trách nhiệm công dân và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình học tập, công tác và hội nhập quốc tế.	PI10.1 PI10.2	1

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4	x	x	

CLO5		x	x
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	**Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI ***		
	PLO 1	**PLO 10**	
	PI1.1	**PI10.1**	**PI10.2**
CLO1	I		
CLO2	I		
CLO3	I		
CLO4	M		
CLO5	M		
CLO6		R	R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Ví dụ						
Điểm chuyên cần, điểm kiển tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Điểm danh, theo dõi mức độ tham gia học tập. - Bài kiểm tra ngắn (trắc nghiệm/tự luận). - Thảo luận nhóm, thuyết trình. - Rubric đánh	CLO1	20	Điểm chuyên cần; Rubric kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO1 → PLO1/PI1.1
			CLO5	40	Rubric thảo luận, thuyết trình	Điểm CLO5 → PLO5/PI1.1
			CLO6	40	Rubric thái	CLO6 →

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		giá.			độ học tập, tự học, làm việc nhóm	PLO10/PI10.1 ; PI10.2
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra tự luận. - Rubric chấm bài.	CLO1	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO1 → PLO1/PI1.1
			CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO2 → PLO1/PI1.1
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi trắc nghiệm khách quan. - Máy tính chấm.	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO1 → PLO1/PI1.1
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → PLO1/PI1.1
			CLO3	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO3 → PLO1/PI1.1
			CLO4	40	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO1/PI1.1

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đo lường mức đạt CLO	Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI	Dữ liệu được lấy từ
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**
CLO1	Làm rõ được đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin; cơ sở khách quan và quá trình hình thành, phát triển của hệ thống lý luận kinh tế chính trị Mác - Lênin.	x	PI1.1	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO2	Diễn giải được các phạm trù và quy luật kinh tế cơ bản của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, bao gồm: hàng hóa, giá trị, giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền.	x	PI1.1	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO3	Diễn giải được lý luận về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	x	PI1.1	Bài thi cuối kỳ

	và quan hệ kinh tế quốc tế ở Việt Nam; vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước và các thành phần kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện đại.			
CLO4	Áp dụng các nguyên lý và quy luật kinh tế của Kinh tế chính trị Mác - Lênin để phân tích và giải quyết các tình huống gắn với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống.	x	PI1.1	Bài thi cuối kỳ
CLO5	Vận dụng tư duy kinh tế và kiến thức chuyên môn để đề xuất giải pháp hoặc thực hiện các hoạt động học tập, làm việc nhóm, nghiên cứu thị trường phù hợp với chủ trương, đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.	x	PI1.1	Thuyết trình, thảo luận nhóm; Bài tập vận dụng
CLO6	Thể hiện ý thức tự giác trong học tập, nghiên cứu và cập nhật kiến thức kinh tế; chủ động tu dưỡng bản lĩnh chính trị, tư duy độc lập, tinh thần trách nhiệm công dân và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình học tập, công tác và hội nhập quốc tế.	x	PI10.1; PI10.2	Rubric đánh giá quá trình; Quan sát trên lớp; Đánh giá thảo luận nhóm, thuyết trình

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thảo luận nhóm

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10 - 8.5)	Khá (8.4 - 7.0)	Trung bình (6.9 - 5.0)	Yếu (4.9 - 0.0)	Điểm
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	30%	Tham dự đầy đủ >90% số giờ học, đi học đúng giờ, chấp hành tốt kỷ luật phòng học và chuẩn bị bài chu đáo trước khi lên lớp.	Tham dự từ 80% đến 89% số giờ học, đi học đúng giờ, không vi phạm nghiêm trọng kỷ luật và nội quy học vụ.	Tham dự từ 70% đến 79% số giờ học, thỉnh thoảng còn đi muộn hoặc thiếu tập trung trong giờ học.	Tham dự dưới 70% số giờ học hoặc vi phạm nghiêm trọng kỷ luật học đường.	
Ý thức tự học &	CLO1; CLO2;	70%	Chủ động, tích cực	Hoàn thành tốt	Tham gia tự học và thảo	Không chuẩn bị	

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10 - 8.5)	Khá (8.4 - 7.0)	Trung bình (6.9 - 5.0)	Yếu (4.9 - 0.0)	Điểm
thảo luận nhóm	CLO3; CLO4; CLO5.		nghiên cứu trước tài liệu; hợp tác nhóm xuất sắc, đóng góp ý kiến chất lượng cao, thuyết trình lưu loát.	nhiệm vụ tự học và làm bài tập nhóm được giao, hợp tác nhóm tương đối hiệu quả.	luận nhóm còn thụ động, chỉ thực hiện khi được giảng viên yêu cầu.	bài tự học, thờ ơ, không hợp tác nhóm hoặc không hoàn thành bài tập tự học.	
ĐIỂM TỔNG							

2. Rubric thi tự luận (Thang điểm 10)

Mô tả mức chất lượng					**Điểm**
Mức chất lượng	**Giỏi**	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	
Thang điểm	**10 – 8.5**	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Bài kiểm tra giữa kỳ	Đáp ứng 80% - 100% yêu cầu	Đáp ứng 70 – 80% yêu cầu của mức Giỏi	Đáp ứng 50 – 60% yêu cầu của mức Giỏi	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu của mức Giỏi	
ĐIỂM TỔNG					

3. Rubric/Thang đánh giá kết quả bài thi trắc nghiệm

Tiêu chí đánh giá	CLO	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)	Điểm
Kết quả trả lời câu hỏi trắc nghiệm trên máy	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Trả lời đúng 34–40/40 câu; nắm vững kiến thức và có khả năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng phù hợp với yêu cầu học phần.	Trả lời đúng 28–33/40 câu; nắm cơ bản về kiến thức và có khả năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng phù hợp với yêu cầu học phần ở	Trả lời đúng 20–27/40 ; nắm kiến thức và có khả năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng ở mức trung bình.	Trả lời đúng 0–19/40 dưới mức yêu cầu; chưa nắm được kiến thức, khả năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng còn hạn chế.	

Tiêu chí đánh giá	CLO	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)	Điểm
			mức khá.			
ĐIỂM TỔNG						

12. Yêu cầu học phần

- Quy định chuyên cần: Sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá 20% số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- Nhiệm vụ học tập và tự học: Sinh viên phải chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo và các văn kiện của Đảng, tác phẩm của C. Mác, Ăngghen, Lênin và Chủ tịch Hồ Chí Minh theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp; hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ tự học, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các chuyên đề tự học theo kế hoạch của học phần; tích cực phối hợp làm việc nhóm, chuẩn bị slide và thực hiện báo cáo, thuyết trình chuyên đề khi được phân công.

- Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật: Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động trao đổi, thảo luận và phản biện trong các hoạt động trên lớp; thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- Yêu cầu về vận dụng kiến thức: Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng những nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác - Lênin vào việc rèn luyện đạo đức, lối sống, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, phản biện và các hoạt động chính trị - xã hội phù hợp.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Trường Đại học Sao Đỏ (2023), *Tài liệu học tập Kinh tế chính trị Mác - Lênin*, in lưu hành nội bộ.

[2] - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021): *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

[3] - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005): *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác Lênin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[4] - C.Mác - Ph.Ăngghen (1995), Toàn tập, Tập 12, 18, 23, 25. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5] - V.I. Lênin (1995), Toàn tập, Tập 27, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[6] - Ngô Thái Hà (2022), *Hướng dẫn ôn thi hiệu quả môn Kinh tế chính trị Mác -Lênin*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
1	**Chương 1. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN** **Mục tiêu chương:** Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng nghiên cứu, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu học tập học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Qua đó củng cố niềm tin về con đường phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam. Sinh viên vận dụng vào trong quá trình học tập học phần. **Nội dung cụ thể:** 1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác - Lênin 1.2. Đối tượng, mục đích và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin 1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin 1.2.2. Mục đích nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin 1.2.3. Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin 1.3. Chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin 1.3.1. Chức năng nhận thức 1.3.2. Chức năng thực tiễn 1.3.3. Chức năng tư tưởng 1.3.4. Chức năng phương pháp luận	02 (02LT, 0TH)	**Thuyết trình; giảng giải, nêu vấn đề.** **- Giảng viên:** + Trình bày, giải thích khái niệm, quá trình hình thành, phát triển, đối tượng, mục đích, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu [1]: tr.5 - 9. [2]: tr.11 - 33. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập, câu hỏi, tham gia tích cực quá trình học tập, phát biểu xây dựng bài.	CLO1 CLO4
2	**Chương 2. HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG** **Mục tiêu chương:** - Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về sản xuất hàng hóa, hàng hóa, trao đổi hành hóa, dịch vụ và quan hệ trao đổi trong	06 (06LT, 0TH)	**Thuyết trình; phân tích, so sánh. Tổ chức cho sinh viên thảo luận; trực quan; phát vấn.** **- Giảng viên:** + Trình bày lý luận của	CLO1 CLO4

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	trườmg hợp một số yếu tố khác hàng hóa thông thường ở điều kiện ngày nay. - Trang bị c+ho sinh viên kiến thức về nền kinh tế thị trường và một số quy luật chủ yếu của nền kinh tế thị trường, vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Liên hệ với thực tế, với bản thân. **Nội dung cụ thể:** 2.1. Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về sản xuất hàng hóa và hàng hóa 2.1.1. Sản xuất hàng hóa 2.1.2. Hàng hóa 2.1.3. Tiền tệ 2.1.4. Dịch vụ và quan hệ trao đổi trong trường hợp một số yếu tố khác hàng hóa thông thường ở điều kiện ngày nay 2.2. Thị trường và nền kinh tế thị trường 2.2.1. Khái niệm, phân loại và vai trò của thị trường 2.2.2. Nền kinh tế thị trường và một số quy luật chủ yếu của nền kinh tế thị trường 2.2.3. Vai trò của một số chủ thể tham gia thị trường		chủ nghĩa Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa. + So sánh thị trường và các nền kinh tế thị trường. + Phân tích vai trò của một số chủ thể tham gia thị trường. + Trực quan, phát vấn sinh viên. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học qua các nội dung do giảng viên đưa ra. + Liên hệ với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: tr.10 - 24. [2]: tr.34 - 77. [3]: tr.49 - 74. [4]: tr.25, tr.271. [6]: tr.30 - 46. + Lắng nghe, ghi chép, tranh luận và phản biện. + Thảo luận theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên. + Sinh viên tự học theo sự hướng dẫn giảng viên. tài liệu [2]: 2.1.3. b; 2.1.4; 2.2.3. + Liên hệ thực tế với bản thân, ngành học.	
3	**Chương 3. GIÁ TRỊ THẶNG DƯ**	06	**Thuyết trình;**	CLO2

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG **Mục tiêu chương:** - Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguồn gốc bản chất và các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư. - Trang bị cho sinh viên kiến thức về nguồn gốc, bản chất của tích lũy và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. Sinh viên vận dụng vào thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 3.1. Lý luận của chủ nghĩa Mác về giá trị thặng dư 3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư 3.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư 3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư 3.2. Tích lũy tư bản 3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản 3.2.2. Những nhân tố ảnh hưởng tới quy mô tích lũy 3.2.3. Một số hệ quả của tích luỹ tư bản 3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường 3.3.1. Lợi nhuận 3.3.2. Lợi tức 3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa * Kiểm tra giữa học phần	(06LT, 0TH, 01KT)	**nêu vấn đề; phân tích, thảo luận nhóm; trực quan; đàm thoại.** **- Giảng viên** + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Phân tích quá trình sản xuất giá trị thặng dư. + Phát vấn sinh viên về nguồn gốc của giá trị thặng dư. + Trực quan nội dung, hình ảnh về các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. + Hướng dẫn sinh viên thảo luận nhóm. + Hướng dẫn trả lời câu hỏi thắc mắc của sinh viên. + Giao bài tập về nhà cho sinh viên thuyết trình nội dung về lợi nhuận. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên** + Đọc trước tài liệu [1]: tr.25-40. [2]: tr.84-123. [3]: tr.84-103. [4]: tr.23, tr.251. [6]: tr.47-63. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo nhóm. + Đưa ra những câu hỏi thắc mắc.	CLO4 CLO5 CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			+ Tự học theo sự hướng dẫn của giảng viên, nội dung 3.2.3; 3.3.2; 3.3.3 ở tài liệu [2]. + Liên hệ, vận dụng kiến thức vào ngành nghề. + Làm bài kiểm giữa học phần	
4	**Chương 4. CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG** **Mục tiêu chương:** - Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về độc quyền, độc quyền nhà nước và quan hệ cạnh tranh trong trạng thái độc quyền. - Trang bị cho sinh viên kiến thức về đặc điểm của độc quyền, độc quyền nhà nước và những biểu hiện mới của độc quyền và độc quyền nhà nước trong giai đoạn hiện nay. Qua đó sinh viên vận dụng vào thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 4.1. Cạnh tranh ở cấp độ độc quyền trong nền kinh tế thị trường 4.1.1. Độc quyền, độc quyền nhà nước và tác động của độc quyền 4.1.2. Quan hệ cạnh tranh trong trạng thái độc quyền 4.2. Lý luận của Lênin về các đặc điểm của độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa 4.2.1. Lý luận của V.I. Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền 4.2.2. Lý luận của V.I. Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản 4.3. Biểu hiện mới của độc quyền, độc quyền nhà nước trong điều kiện ngày nay,	06 (06LT, 0TH)	**Thuyết trình; nêu vấn đề; phân tích, thảo luận nhóm; trực quan; đàm thoại.** **- Giảng viên** + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Diễn giải nội dung về cạnh tranh ở cấp độ độc quyền. Lấy ví dụ. + Phân tích những đặc điểm kinh tế của độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường. + Hướng dẫn sinh viên thảo luận nhóm. + Trao đổi những thắc mắc của sinh viên. + Giao bài tập về nhà theo nhóm: Trình bày các biểu hiện mới của độc quyền và độc quyền nhà nước. + Đưa nội dung và hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá.	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản 4.3.1. Biểu hiện mới của độc quyền 4.3.2. Biểu hiện mới của độc quyền nhà nước dưới chủ nghĩa tư bản 4.3.3. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản		**- Sinh viên** + Đọc trước tài liệu [1]: tr.41 - 56 [2]: tr.124 - 168 [3]: tr.147 - 171 [5]: t27, tr.402, 472, 448 - 449, 481 - 485. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo nhóm, mục 4.3. + Đưa ra những câu hỏi thắc mắc. + Thực hiện bài tập về nhà theo nhóm. + Tự học nội dung theo sự hướng dẫn trong tài liệu [2]: 4.2.2; 4.3.3. + Liên hệ lấy ví dụ thực tiễn ngành nghề sinh viên đang học.	
5	**Chương 5. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM** **Mục tiêu chương:** Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về tính tất yếu khách quan và đặc trưng của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Qua đó thấy được sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường và nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam cũng như lợi ích của các chủ thể tham gia thị trường. Sinh viên vận dụng vào trong quá trình học tập học phần.	05 (05LT, 0TH)	**Thuyết trình; nêu vấn đề; diễn giải, phân tích, thảo luận nhóm; trực quan; đàm thoại.** **- Giảng viên** + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Diễn giải nội dung về kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam. + Phân tích nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam. + Lấy các ví dụ thực tế.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	Nội dung cụ thể: 5.1. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.1.2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.1.3. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.2.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam 5.3.1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế 5.3.2. Vai trò Nhà nước trong bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích		+ Hướng dẫn sinh viên thảo lận nhóm. + Trao đổi những thắc mắc của sinh viên. + Giao bài tập về nhà theo cá nhân, nhóm: Hãy làm rõ lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế**.** + Đưa nội dung và hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên** + Đọc trước tài liệu [1]: tr.57 - 77. [2]: tr.169 - 223. [3]: tr.233 - 256. [4]: tr.12, tr.860, tr.18, tr.376. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo nhóm, mục 5.1. + Đưa ra những câu hỏi thắc mắc. + Tự học nội dung theo sự hướng dẫn giảng viên trong tài liệu [2]: 5.2.1; 5.3.2. + Liên hệ lấy ví dụ thực tiễn ngành nghề sinh viên đang học tập.	

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
6	**Chương 6. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM** **Mục tiêu chương:** Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa, tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế, tác động và phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam. Qua đó sinh viên vận dụng vào trong quá trình học tập học phần. **Nội dung cụ thể:** 6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam 6.1.1. Khái quát về cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa 6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam 6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam 6.2.1. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế 6.2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam 6.2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam	05 (05LT, 0TH)	**Thuyết trình; nêu vấn đề; diễn giải, thảo luận nhóm; trực quan; giao nhiệm vụ cho sinh viên.** **- Giảng viên** + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Diễn giải: nội dung về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. Những nội dung về hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. + Trực quan hình ảnh về thành tựu hội nhập kinh tế quốc tế. + Hướng dẫn sinh viên thảo luận nhóm. + Trao đổi thắc mắc sinh viên. + Giao bài tập về nhà theo cá nhân, nhóm: tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam. + Đưa ra nội dung và hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên** + Đọc trước tài liệu [1]: tr.78 - 105. [2]: tr.224 - 286. [3]: tr.196 - 215 và tr.203 - 230. + Chuẩn bị nội dung	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			thảo luận theo nhóm, mục 6.2. + Đưa ra những câu hỏi thắc mắc. + Tự học nội dung theo hướng dẫn sinh viên trong tài liệu [2]: 6.1; 6.2.3.	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

1. Tên học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học/ Scientific Socialism

2. Mã học phần: CTRI 001

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ 2

5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành

- Giờ học tập định mức của người học: 100 giờ (bao gồm 30 giờ dự giờ giảng trên lớp, 60 giờ tự học có hướng dẫn, nghiên cứu, 10 giờ chuẩn bị và tham gia dự kiểm tra, đánh giá định kỳ - quy chuẩn 50 giờ học tập/1 tín chỉ).

6. Điều kiện tiên quyết/Điều kiện học trước: Sau khi học xong học phần: Triết học Mác - Lênin.

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	ThS. Trần Thị Hồng Nhung	0974.588.423	Nhungkienlinhchi@gmail.com
2.	ThS. Nguyễn Thị Hiền	0972.579.236	nguyenhienhp25@gmail.com
3.	TS. Phạm Thị Hồng Hoa	0384.080136	honghoa_dhsd@yahoo.com
4.	TS. Nguyễn Thị Nhan	0386.620.358	Nguyenthinhan010187@gmail.com
5.	TS. Phùng Thị Lý	0989.407.962	phunglysd@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Giúp sinh viên nhận diện và giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh trong thực tiễn quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức lý luận cơ bản, hệ thống và có bản chất khoa học, cách mạng của Chủ nghĩa xã hội khoa học – một trong ba bộ phận hợp thành của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Qua đó, giúp sinh viên nắm vững bản chất của thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, các vấn đề xã hội - chính trị cơ bản trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Từ đó, củng cố bản lĩnh chính trị, niềm tin khoa học vào con đường XHCN, hình thành tư duy lý luận và kỹ năng vận dụng vào thực tiễn kinh tế - xã hội địa phương và đất nước

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về Chủ nghĩa xã hội khoa học, tập trung vào những vấn đề cốt lõi như sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp; vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đặc biệt gắn với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- CO2 (Kỹ năng): Rèn luyện cho sinh viên năng lực tư duy lý luận, phân tích và vận dụng các quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội khoa học để nhận diện, giải thích và giải quyết các vấn đề chính trị – xã hội đặt ra trong thực tiễn; phát triển kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin, thảo luận, phản biện, làm việc nhóm, trình bày và liên hệ kiến thức lý luận với thực tiễn Việt Nam.

- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Tạo cơ hội và môi trường cho sinh viên phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu; xây dựng ý thức chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ cộng đồng, tác phong làm việc khoa học và trách nhiệm nghề nghiệp trong quá trình học tập, công tác và cống hiến cho xã hội.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Làm rõ được khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học; quá trình ra đời, các giai đoạn phát triển và giá trị khoa học, cách mạng của Chủ nghĩa xã hội khoa học.	PI1.1	2
CLO2	Diễn giải được nội dung lý luận cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân chủ XHCN và nhà nước XHCN.	PI1.1	2
CLO3	Diễn giải được các quan điểm lý luận về cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp/tầng lớp, vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	PI1.1	2
	Kỹ năng		
CLO4	Áp dụng các quan điểm, phương pháp luận khoa học của Chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích, đánh giá các sự kiện, tình huống thực tiễn xã hội - chính trị và công cuộc	PI1.1	3

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	đổi mới, xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay.		
CLO5	Vận dụng lý luận về giai cấp, dân tộc, tôn giáo và xây dựng gia đình để đề xuất giải pháp hoặc thực hiện các hoạt động học tập, làm việc nhóm, nghiên cứu và tham gia phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với bối cảnh thực tiễn.	PI1.1	3
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, niềm tin khoa học vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội do Đảng lãnh đạo; chủ động tu dưỡng trách nhiệm công dân, chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong học tập, công việc và hoạt động cộng đồng.	PI10.1 PI10.2	1

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4	x	x	
CLO5		x	x
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *		
	PLO 1	PLO 10	
	PI1.1	PI10.1	PI10.2
CLO1	I		
CLO2	I		
CLO3	I		
CLO4	M		
CLO5	M		

CLO6		R	R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Ví dụ						
Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Điểm danh, theo dõi mức độ tham gia học tập. - Bài kiểm tra ngắn (trắc nghiệm/tự luận). - Thảo luận nhóm, thuyết trình. - Rubric đánh giá.	CLO1	20	Điểm chuyên cần; Rubric kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO1 → PLO1/PI1.1
			CLO5	40	Rubric thảo luận, thuyết trình	Điểm CLO5 → PLO5/PI1.1
			CLO6	40	Rubric thái độ học tập, tự học, làm việc nhóm	CLO6 → PLO10/PI10.1; PI10.2
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra tự luận. - Rubric chấm bài.	CLO1	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO1 → PLO1/PI1.1
			CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO2 → PLO1/PI1.1
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi trắc nghiệm khách quan. - Máy tính chấm.	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO1 → PLO1/PI1.1
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → PLO1/PI1.1
			CLO3	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO3 → PLO1/PI1.1
			CLO4	40	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO1/PI1.1

Ký hiệu CLO	**Nội dung CLO**	**Cần đo lường mức đạt CLO**	**Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI**	**Dữ liệu được lấy từ**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
CLO1	Làm rõ được khái niệm, đối tượng, phương pháp	x	PI1.1	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi

	nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học; quá trình ra đời, các giai đoạn phát triển và giá trị khoa học, cách mạng của Chủ nghĩa xã hội khoa học.			cuối kỳ
CLO2	Diễn giải được nội dung lý luận cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân chủ XHCN và nhà nước XHCN.	x	PI1.1	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO3	Diễn giải được các quan điểm lý luận về cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp/tầng lớp, vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	x	PI1.1	Bài thi cuối kỳ
CLO4	Áp dụng các quan điểm, phương pháp luận khoa học của Chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích, đánh giá các sự kiện, tình huống thực tiễn xã hội - chính trị và công cuộc đổi mới, xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay.	x	PI1.1	Bài thi cuối kỳ
CLO5	Vận dụng lý luận về giai cấp, dân tộc, tôn giáo và xây dựng gia đình để đề xuất giải pháp hoặc thực hiện các hoạt động học tập, làm việc nhóm, nghiên cứu và tham gia phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với bối cảnh thực tiễn.	x	PI1.1	Thuyết trình, thảo luận nhóm; Bài tập vận dụng
CLO6	Thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, niềm tin khoa học vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội do Đảng lãnh đạo; chủ động tu dưỡng trách	x	PI10.1; PI10.2	Rubric đánh giá quá trình; Quan sát trên lớp; Đánh giá thảo luận nhóm, thuyết trình

	nhiệm công dân, chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong học tập, công việc và hoạt động cộng đồng.			

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thảo luận nhóm

Tiêu chí đánh giá	**CLO**	**Trọng số**	**Giỏi (10 - 8.5)**	**Khá (8.4 - 7.0)**	**Trung bình (6.9 - 5.0) (Mức đạt CĐR)**	**Yếu (4.9 - 0.0)**
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	30%	Tham dự đầy đủ >90% số giờ học, đi học đúng giờ, chấp hành tốt kỷ luật phòng học và chuẩn bị bài chu đáo trước khi lên lớp.	Tham dự từ 80% đến 89% số giờ học, đi học đúng giờ, không vi phạm nghiêm trọng kỷ luật và nội quy học vụ.	Tham dự từ 70% đến 79% số giờ học, thỉnh thoảng còn đi muộn hoặc thiếu tập trung trong giờ học.	Tham dự dưới 70% số giờ học hoặc vi phạm nghiêm trọng kỷ luật học đường.
Ý thức tự học & thảo luận nhóm	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5.	70%	Chủ động, tích cực nghiên cứu trước tài liệu; hợp tác nhóm xuất sắc, đóng góp ý kiến chất lượng cao, thuyết trình lưu loát.	Hoàn thành tốt nhiệm vụ tự học và làm bài tập nhóm được giao, hợp tác nhóm tương đối hiệu quả.	Tham gia tự học và thảo luận nhóm còn thụ động, chỉ thực hiện khi được giảng viên yêu cầu.	Không chuẩn bị bài tự học, thờ ơ, không hợp tác nhóm hoặc không hoàn thành bài tập tự học.

2. Rubric thi tự luận (Thang điểm 10)

Mô tả mức chất lượng					**Điểm**
Mức chất lượng	**Giỏi**	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	
Thang điểm	**10 – 8.5**	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Bài kiểm tra giữa kỳ	Đáp ứng 80% - 100% yêu cầu	Đáp ứng 70 – 80% yêu cầu của mức Giỏi	Đáp ứng 50 – 60% yêu cầu của mức Giỏi	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu của mức Giỏi	
ĐIỂM TỔNG					

3. Rubric/Thang đánh giá kết quả bài thi trắc nghiệm trên máy

Tiêu chí đánh giá	CLO	Điểm	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Kết quả trả lời câu hỏi trắc nghiệm trên máy	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	10	Trả lời đúng 34–40/40 câu; nắm vững kiến thức và có khả năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng phù hợp với yêu cầu học phần.	Trả lời đúng 28–33/40 câu; nắm cơ bản về kiến thức và có khả năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng phù hợp với yêu cầu học phần ở mức khá.	Trả lời đúng 20–27/40 ; nắm kiến thức và có khả năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng ở mức trung bình.	Trả lời đúng 0–19/40 dưới mức yêu cầu; chưa nắm được kiến thức, khả năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng còn hạn chế.
Tổng điểm		**10**				

12. Yêu cầu học phần

- **Quy định chuyên cần:** Sinh viên phải tham dự tối thiểu **80%** tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá **20%** số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- **Nhiệm vụ học tập và tự học:** Sinh viên phải chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo và các văn kiện của Đảng theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp; hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ tự học, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các chuyên đề tự học theo kế hoạch của học phần; tích cực phối hợp làm việc nhóm, chuẩn bị slide và thực hiện báo cáo, thuyết trình chuyên đề khi được phân công.

- **Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật:** Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động trao đổi, thảo luận và phản biện trong các hoạt động trên lớp; thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức:** Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng những nội dung cốt lõi của Tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc rèn luyện đạo đức, lối sống, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, phản biện và các hoạt động chính trị - xã hội phù hợp.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Trường Đại học Sao Đỏ (2023), *Tài liệu học tập Chủ nghĩa xã hội khoa học,* lưu hành nội bộ.

[2] - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

[3] - Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[4] - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5] - Hoàng Chí Bảo (chủ biên) (2021), Dương Xuân Ngọc, Đỗ Thị Thạch, Bùi Ngọc Lan, *Hướng dẫn ôn thi hiệu quả môn Chủ nghĩa xã hội khoa học* (Dành cho sinh viên đại học không chuyên lý luận chính trị), NXB Đại học Sư phạm.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
1	**Chương 1. NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC** *** Mục tiêu chương:** Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời, các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học. Trên cơ sở đó sinh viên nghiên cứu các phạm trù tiếp theo của chủ nghĩa xã hội khoa học. *** Nội dung cụ thể:** **1.1. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học** 1.1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học 1.1.1.1. Điều kiện kinh tế - xã hội 1.1.1.2. Tiền đề khoa học tự nhiên và tư tưởng lý luận 1.1.2. Vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen 1.1.2.1. Sự chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị 1.1.2.2. Ba phát kiến vĩ đại của C.Mác và Ph.Ăngghen 1.1.2.3. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học **1.2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học**	03 (03LT, 0TH)	**Thuyết trình; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học theo nhóm kết hợp với trực quan.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: tr.2 - 17. [2]: tr.11 - 49. [4]: tr.11 - 30. [5]: tr.29 - 44. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	CLO1 CLO4

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	1.2.1. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học 1.2.1.1. Thời kỳ từ 1848 đến Công xã Pari (1871) 1.2.1.2. Thời kỳ sau Công xã Pari đến 1895 1.2.2. V.I.Lênin vận dụng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới 1.2.2.1. Thời kỳ trước Cách mạng Tháng Mười Nga 1.2.2.2. Thời kỳ sau Cách mạng Tháng Mười Nga (1917) đến năm 1924 1.2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay 1.2.3.1. Thời kỳ từ năm 1924 đến trước năm 1991 1.2.3.2. Từ năm 1991 đến nay **1.3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học** 1.3.1. Đối tượng nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học 1.3.2. Phương pháp nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học 1.3.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học 1.3.3.1. Về mặt lý luận 1.3.3.2. Về mặt thực tiễn		+ Thảo luận theo nhóm. + Liên hệ thực tiễn CNXH ở một số quốc gia trên thế giới trong giai đoạn hiện nay. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên tài liệu [1]: Phần 1.3.	
2	**Chương 2. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN** *** Mục tiêu chương:** Giúp sinh viên nắm vững những nội dung cơ bản của lý luận về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân, biểu hiện và ý nghĩa của sứ mệnh đó trong bối cảnh hiện nay. Qua đó sinh viên nắm vững phương pháp để chủ động tiếp thu kiến thức, vận dụng phân tích về sứ mệnh của giai cấp công	05 (05LT, 0TH)	**Thuyết trình; phương pháp động não; tổ chức học theo nhóm, tổ chức cho sinh viên tranh luận kết hợp với nêu vấn đề và trực quan hình ảnh, clip.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa.	CLO1 CLO4

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	nhân Việt Nam trong tiến trình cách mạng Việt Nam, nhất là trong điều kiện hiện nay. *** Nội dung cụ thể:** **2.1. Quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân** 2.1.1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân 2.1.1.1. Khái niệm giai cấp công nhân 2.1.1.2. Đặc điểm của giai cấp công nhân 2.1.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 2.1.3. Những điều kiện quy định và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 2.1.3.1. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 2.1.3.2. Điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử **2.2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay** 2.2.1. Giai cấp công nhân hiện nay 2.2.1.1. Về những điểm tương đối ổn định với thế kỷ XIX 2.2.1.2. Những biến đổi và khác biệt của giai cấp công nhân hiện đại 2.2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay 2.2.2.1. Nội dung kinh tế 2.2.2.2. Nội dung chính trị - xã hội 2.2.2.3. Nội dung văn hóa, tư tưởng **2.3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam** 2.3.1. Giai cấp công nhân Việt Nam 2.3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay 2.3.2.1. Nội dung kinh tế 2.3.2.2. Nội dung chính trị - xã hội		+ Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Đưa vấn đề tranh luận. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: tr.18 - 33. [2]: tr.51 - 85. [3]: tr.206 - 290. [4]: tr.361 - 378. [5]: tr.45 - 55. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Liên hệ lý luận với thực tiễn, với ngành nghề đang theo học. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên tài liệu [1]: 2.2.	

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	2.3.2.3. Nội dung văn hóa, tư tưởng 2.3.3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay 2.3.3.1. Phương hướng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay 2.3.3.2. Một số giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay			
3	**Chương 3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI** *** Mục tiêu chương:** Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản và hệ thống quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, về chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam. Giúp sinh viên bước đầu có khả năng vận dụng những nội dung bài học vào phân tích, giải đáp những vấn đề thực tiễn liên quan đến chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. *** Nội dung cụ thể:** **3.1. Chủ nghĩa xã hội** 3.1.1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa 3.1.2. Điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội 3.1.2.1. Điều kiện kinh tế 3.1.2.2. Điều kiện chính trị - xã hội 3.1.3. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội **3.2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội** 3.2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.2.2. Đặc điểm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.2.2.1. Trên lĩnh vực kinh tế	04 (04LT, 0TH)	**Thuyết trình; Phương pháp động não; Tổ chức học theo nhóm, kết hợp với nêu vấn đề và trực quan hình ảnh, clip.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Giao chủ đề thuyết trình, hướng dẫn sinh viên thuyết trình. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu [1]: tr.34 - 53. [2]: tr.86 - 124. [3]: tr.82 - 96. [4]: tr.397 - 419. [5]: tr.56 - 67. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	3.2.2.2. Trên lĩnh vực chính trị 3.2.2.3. Trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa 3.2.2.4. Trên lĩnh vực xã hội **3.3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam** 3.3.1. Đặc điểm quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa 3.3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay 3.3.2.1. Những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.3.2.2. Phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay		quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Liên hệ lý luận với thực tiễn, với ngành nghề đang theo học. + Liên hệ những vấn đề thực tiễn về thời kỳ quá độ ở Việt Nam hiện nay. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên tài liệu [1]: 3.3.	
4	**Chương 4. DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA** *** Mục tiêu chương:** Giúp sinh viên nhận thức đầy đủ và đúng bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về việc xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ và Nhà nước xã hội chủ ở Việt Nam hiện nay. Giúp sinh viên có khả năng vận dụng lý luận về dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa vào việc phân tích những hiện tượng, vấn đề liên quan đến dân chủ, xây dựng Nhà nước trong thực tiễn, trước hết là trong công việc, nhiệm vụ của cá nhân. *** Nội dung cụ thể:** **4.1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa** 4.1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ 4.1.1.1. Quan niệm về dân chủ 4.1.1.2. Sự ra đời, phát triển của dân chủ 4.1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa	05 (04LT, 0TH, 01KT)	**Thuyết trình; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học theo nhóm kết hợp với trực quan.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: tr.54 - 70. [2]: tr.125 - 163. [3]: tr.57 - 104. [4]: tr.429 - 436.	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	4.1.2.1. Quá trình ra đời của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa 4.1.2.2. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa **4.2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa** 4.2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.2.1.1. Sự ra đời của Nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.2.1.2. Bản chất của Nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.2.1.3. Chức năng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.2.2.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là cơ sở, nền tảng cho việc xây dựng và hoạt động của Nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.2.2.2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa trở thành công cụ quan trọng cho việc thực thi quyền làm chủ của người dân **4.3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam** 4.3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 4.3.1.1. Sự ra đời, phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 4.3.1.2. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 4.3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 4.3.2.1. Quan niệm về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 4.3.2.2. Đặc điểm của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam 4.3.3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay 4.3.3.1. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay		[5]: tr 68 - 79. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Liên hệ lý luận với thực tiễn, với ngành nghề đang theo học. + Liên hệ những vấn đề thực tiễn về thời kỳ quá độ ở Việt Nam hiện nay. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên tài liệu [1]: 4.3. + Làm bài kiểm tra giữa học phần.	

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	4.3.3.2. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa **** Kiểm tra giữa học phần.***			
5	**Chương 5. CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI** *** Mục tiêu chương:** Cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Giúp sinh viên hiểu rõ vị trí, vai trò của những giai cấp, tầng lớp cơ bản trong quá trình xây dựng đất nước và nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Giúp sinh viên có kỹ năng nhận diện những biến đổi trong cơ cấu xã hội - giai cấp và nội dung liên minh giai cấp ở nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. *** Nội dung cụ thể:** **5.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội** 5.1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội 5.1.1.1. Khái niệm cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội - giai cấp 5.1.1.2. Vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội 5.1.2. Sự biến đổi có tính qui luật của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội **5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội** **5.3. Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam** 5.3.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 5.3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời	05 (05LT, 0TH)	**Thuyết trình; Phương pháp động não; tổ chức học theo nhóm, tổ chức cho sinh viên tranh luận kết hợp với nêu vấn đề và trực quan hình ảnh, clip.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Đưa vấn đề tranh luận. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: tr.71 - 79. [2]: tr.165 - 193. [3]: tr.57 - 89. [4]: tr.388 - 397. [5]: tr.80 - 89. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Liên hệ lý luận với	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 5.3.2.1. Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 5.3.2.2. Phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội - giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam		thực tiễn, với ngành nghề đang theo học. + Liên hệ thực tiễn về liên minh giai cấp trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam hiện nay. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên tài liệu [1]: 5.1/5.1.2, 5.3/5.3.2.	
6	**Chương 6. VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI** *** Mục tiêu chương:** Trang bị cho sinh viên quan điểm cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc, tôn giáo. Sinh viên nắm được những nội dung cơ bản của chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta. Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng tư duy và năng lực vận dụng những nội dung trong bài học để phân tích, giải thích những vấn đề trong thực tiễn một cách khách quan, có cơ sở khoa học. *** Nội dung cụ thể:** **6.1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội** 6.1.1. Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc 6.1.2. Chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc 6.1.2.1. Hai xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc 6.1.2.2. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin 6.1.3. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam 6.1.3.1. Đặc điểm dân tộc Việt Nam 6.1.3.2. Quan điểm và chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc **6.2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**	04 (04LT, 0TH)	**Thuyết trình; phương pháp động não; tổ chức học theo nhóm, kết hợp với nêu vấn đề và trực quan hình ảnh, clip.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Giao chủ đề thuyết trình, hướng dẫn sinh viên thuyết trình. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: tr.80 – 98. [2]: tr. 195 - 237. [3]: tr.57 – 104.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	6.2.1. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo 6.2.1.1. Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo 6.2.1.2. Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 6.2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay 6.2.2.1. Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam 6.2.2.2. Chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay **6.3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam** 6.3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam 6.3.1.1. Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo; quan hệ dân tộc và tôn giáo được thiết lập và củng cố trên cơ sở cộng đồng quốc gia - dân tộc thống nhất. 6.3.1.2. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi tín ngưỡng truyền thống. 6.3.1.3. Các hiện tượng tôn giáo mới có xu hướng phát triển mạnh làm ảnh hưởng đến đời sống cộng đồng và khối đại đoàn kết toàn dân tộc. 6.3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay 6.3.2.1. Tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa dân tộc và tôn giáo, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết tôn giáo là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài và cấp bách của cách mạng Việt Nam. 6.3.2.2. Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải đặt trong mối quan hệ với cộng đồng quốc gia - dân tộc thống nhất theo định hướng xã hội chủ nghĩa. 6.3.2.3. Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, quyền của		[4]: tr.188 – 396. [5]: tr.90 – 104. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Liên hệ thực tiễn về vấn đề dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay. + Liên hệ lý luận với thực tiễn, với ngành nghề đang theo học. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên tài liệu [1]: 6.3/6.3.1.	

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	các dân tộc thiểu số, đồng thời kiên quyết đấu tranh chống lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo vào mục đích chính trị.			
7	**Chương 7. VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI** *** Mục tiêu chương:** Cung cấp cho sinh viên những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về gia đình, xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng gia đình ở Việt Nam hiện nay. Sinh viên có kỹ năng, phương pháp khoa học trong nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến vấn đề gia đình và xây dựng gia đình, từ đó có những nhận thức mới, độc lập về vấn đề này. *** Nội dung cụ thể:** **7.1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình** 7.1.1. Khái niệm gia đình 7.1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội 7.1.2.1. Gia đình là tế bào của xã hội 7.1.2.2. Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hòa trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên 7.1.2.3. Gia đình là cầu nối giữa cá nhân với xã hội 7.1.3. Chức năng cơ bản của gia đình 7.1.3.1. Chức năng tái sản xuất ra con người 7.1.3.2. Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục 7.1.3.3. Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng 7.1.3.4. Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình **7.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội** 7.2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội 7.2.2. Cơ sở chính trị - xã hội 7.2.3. Cở sở văn hóa	04 (04LT, 0TH)	**Thuyết trình; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học theo nhóm kết hợp với trực quan.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: tr.99 – 112. [2]: tr.239 - 270. [3]: tr.136 – 147. [4]: tr.188 – 396. [5]: tr.106 – 117. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Liên hệ thực tiễn về xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. + Liên hệ lý luận với thực tiễn, với ngành	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	7.2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ **7.3. Xây dựng gia đình ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội** 7.3.1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 7.3.2. Biến đổi trong thực hiện các chức năng của gia đình 7.3.2.1. Chức năng tái sản xuất ra con người 7.3.2.2. Biến đổi chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng 7.3.2.3. Biến đổi chức năng giáo dục (xã hội hóa) 7.3.2.4. Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm 7.3.3. Biến đổi trong các mối quan hệ gia đình 7.3.4. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội		nghề đang theo học. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên tài liệu [1]: 7.3.	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Các ngành

1. Tên học phần: (tiếng Việt/tiếng Anh): Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

2. Mã học phần: CTRI 003

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ hai

5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết 0 giờ thực hành
- Giờ học tập định mức của người học (bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá): 100 giờ (50 giờ/1 tín chỉ)

6. Điều kiện tiên quyết/Điều kiện học trước: Sau khi học xong học phần: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	ThS. Nguyễn Thị Hải Hà	0984.851.368	nguyenhadhsd@gmail.com
2.	ThS. Đặng Thị Dung	0357.158.987	dungdungdhsd@gmail.com
4.	ThS. Nguyễn Mạnh Tưởng	0904.476.146	Nguyenmanhtuong10@gmail.com
5.	TS. Vũ Văn Đông	0985.412.618	Duydongvu82@gmail.com
6.	ThS. Đỗ Thị Thùy	0936.503.703	thuydhsd@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền từ năm 1930 - 1945; Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Hình thành cho sinh viên phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn đường lối lãnh đạo của Đảng, và khả năng vận dụng đường lối của Đảng vào tiễn trong học tập, cuộc sống.

9. Ngôn ngữ giảng dạy:

Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu học phần

a) Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Rèn luyện tư duy phân tích sự hình thành, bổ sung, phát triển đường lối của Đảng qua từng thời kỳ cách mạng. Vận dụng kiến thức Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn. Hình thành năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm trong công việc. Có kỹ năng hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Cung cấp và trang bị cho sinh viên khối kiến thức lý luận chính trị về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam**,** Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945) và hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), trong thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - nay).

- CO2 (Kỹ năng): Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá, nhận định đường lối của Đảng qua từng thời kỳ cách mạng. Áp dụng đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam để giải quyết vấn đề trong học tập, công việc.

- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Tạo cơ hội và môi trường cho sinh viên phát triển năng lực tự học, kỹ năng đọc hiểu và nghiên cứu tài liệu, kỹ năng hợp tác làm việc nhóm hiệu quả, giao tiếp và thuyết trình chuyên đề một cách cẩn thận, nghiêm túc, tuân thủ kỷ luật học tập và tự định hướng, đưa ra kết luận và bảo vệ được quan điểm cá nhân thuộc lĩnh vực chuyên ngành.

10.2. Chuẩn đầu ra học phần (Course Learning Outcome - CLOs)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Làm rõ được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá lãnh đạo của Đảng trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ Nhân dân và cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Quá trình hình thành, bổ sung và phát triển đường lối của Đảng qua các thời kỳ cách mạng.	PI1.1	2
CLO2	Diễn giải được lý luận về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ cách mạng.	PI1.1	2
CLO3	Diễn giải được quá trình hình thành,bổ sung, phát triển đường lối của Đảng qua từng thời kỳ.	PI1.1	2
	Kỹ năng		
CLO4	Áp dụng đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam để giải quyết các tình huống gắn với thực tiễn và trong học tập.	PI1.1	3
CLO5	Vận dụng đường lối lãnh đạo của Đảng và kiến thức chuyên môn đề xuất giải pháp hoặc thực hiện các hoạt động học tập, làm việc nhóm,nghiên cứu chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước.	PI1.1	3
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Thể hiện ý thức tự giá trong học tập, nghiên cứu và cập nhật kiến thức lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ động bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, tư duy độc lập tinh thần trách nhiệm công dân và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình học	PI1.1	1

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	tập, công tác và hội nhập quốc tế.		

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4	x	x	
CLO5		x	x
CLO6			x

10.4. **Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)**

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *		
	PLO 1	PLO 10	
	PI1.1	PI10.1	PI10.2
CLO1	I		
CLO2	I		
CLO3	I		
CLO4	M		
CLO5	M		
CLO6		R	R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Ví dụ						
Điểm chuyên cần, điểm	20%	- Điểm danh, theo dõi mức độ tham gia học tập.	CLO1	20	Điểm chuyên cần; Rubric	Điểm CLO1 → PLO1/PI1.1

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
kiểm tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ		- Bài kiểm tra ngắn (trắc nghiệm/tự luận). - Thảo luận nhóm, thuyết trình. - Rubric đánh giá.			kiểm tra thường xuyên	
			CLO5	40	Rubric thảo luận, thuyết trình	Điểm CLO5 → PLO5/PI1.1
			CLO6	40	Rubric thái độ học tập, tự học, làm việc nhóm	CLO6 → PLO10/PI10.1; PI10.2
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra tự luận. - Rubric chấm bài.	CLO1	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO1 → PLO1/PI1.1
			CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO2 → PLO1/PI1.1
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi trắc nghiệm khách quan. - Máy tính chấm.	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO1 → PLO1/PI1.1
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → PLO1/PI1.1
			CLO3	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO3 → PLO1/PI1.1
			CLO4	40	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO1/PI1.1

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đo lường mức đạt CLO	Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI	Dữ liệu được lấy từ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
CLO1	Làm rõ được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá lãnh đạo của Đảng trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ Nhân dân và cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Quá trình hình thành, bổ sung và phát triển	x	PI1.1	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ

	đường lối của Đảng qua các thời kỳ cách mạng.			
CLO2	Diễn giải được lý luận về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ cách mạng.	x	PI1.1	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO3	Diễn giải được quá trình hình thành,bổ sung, phát triển đường lối của Đảng qua từng thời kỳ.	x	PI1.1	Bài thi cuối kỳ
CLO4	Áp dụng đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam để giải quyết các tình huống gắn với thực tiễn và trong học tập.	x	PI1.1	Bài thi cuối kỳ
CLO5	Vận dụng đường lối lãnh đạo của Đảng và kiến thức chuyên môn đề xuất giải pháp hoặc thực hiện các hoạt động học tập, làm việc nhóm, nghiên cứu chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước.	x	PI1.1	Thuyết trình, thảo luận nhóm; Bài tập vận dụng
CLO6	Thể hiện ý thức tự giá trong học tập, nghiên cứu và cập nhật kiến thức lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ động bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, tư duy độc lập tinh thần trách nhiệm công dân và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình học tập, công tác và hội nhập quốc tế.	x	PI10.1; PI10.2	Rubric đánh giá quá trình; Quan sát trên lớp; Đánh giá thảo luận nhóm, thuyết trình

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thảo luận nhóm

Tiêu chí đánh giá	**CLO**	**Trọng số**	**Giỏi (10 - 8.5)**	**Khá (8.4 - 7.0)**	**Trung bình (6.9 - 5.0) (Mức đạt CĐR)**	**Yếu (4.9 - 0.0)**
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	30%	Tham dự đầy đủ >90% số giờ học, đi học đúng giờ, chấp hành tốt kỷ	Tham dự từ 80% đến 89% số giờ học, đi học đúng giờ, không vi phạm nghiêm	Tham dự từ 70% đến 79% số giờ học, thỉnh thoảng còn đi muộn hoặc thiếu tập	Tham dự dưới 70% số giờ học hoặc vi phạm nghiêm trọng kỷ luật học

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10 - 8.5)	Khá (8.4 - 7.0)	Trung bình (6.9 - 5.0) (Mức đạt CĐR)	Yếu (4.9 - 0.0)
			luật phòng học và chuẩn bị bài chu đáo trước khi lên lớp.	trọng kỷ luật và nội quy học vụ.	trung trong giờ học.	đường.
Ý thức tự học & thảo luận nhóm	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5.	70%	Chủ động, tích cực nghiên cứu trước tài liệu; hợp tác nhóm xuất sắc, đóng góp ý kiến chất lượng cao, thuyết trình lưu loát.	Hoàn thành tốt nhiệm vụ tự học và làm bài tập nhóm được giao, hợp tác nhóm tương đối hiệu quả.	Tham gia tự học và thảo luận nhóm còn thụ động, chỉ thực hiện khi được giảng viên yêu cầu.	Không chuẩn bị bài tự học, thờ ơ, không hợp tác nhóm hoặc không hoàn thành bài tập tự học.

2. Rubric thi tự luận (Thang điểm 10)

Mô tả mức chất lượng					**Điểm**
Mức chất lượng	**Giỏi**	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	
Thang điểm	**10 – 8.5**	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Bài kiểm tra giữa kỳ	Đáp ứng 80% - 100% yêu cầu	Đáp ứng 70 – 80% yêu cầu của mức Giỏi	Đáp ứng 50 – 60% yêu cầu của mức Giỏi	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu của mức Giỏi	
ĐIỂM TỔNG					

3. Rubric/Thang đánh giá kết quả bài thi trắc nghiệm trên máy

Tiêu chí đánh giá	CLO	Điểm	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Kết quả trả lời câu hỏi trắc nghiệm trên máy	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	10	Trả lời đúng 34–40/40 câu; nắm vững kiến thức và có khả năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng phù	Trả lời đúng 28–33/40 câu; nắm cơ bản về kiến thức và có khả năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng	Trả lời đúng 20–27/40 ; nắm kiến thức và có khả năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng ở mức trung	Trả lời đúng 0–19/40 dưới mức yêu cầu; chưa nắm được kiến thức, khả năng nhận biết, thông

Tiêu chí đánh giá	CLO	Điểm	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
			hợp với yêu cầu học phần.	phù hợp với yêu cầu học phần ở mức khá.	bình.	hiểu, vận dụng còn hạn chế.
Tổng điểm		**10**				

12. Yêu cầu học phần

- Quy định chuyên cần: Sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá 20% số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- Nhiệm vụ học tập và tự học: Sinh viên phải chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo và các văn kiện của Đảng, tác phẩm của C. Mác, Ăngghen, Lênin và Chủ tịch Hồ Chí Minh theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp; hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ tự học, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các chuyên đề tự học theo kế hoạch của học phần; tích cực phối hợp làm việc nhóm, chuẩn bị slide và thực hiện báo cáo, thuyết trình chuyên đề khi được phân công.

- Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật: Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động trao đổi, thảo luận và phản biện trong các hoạt động trên lớp; thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- Yêu cầu về vận dụng kiến thức: Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng những nội dung cốt lõi của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam vào việc rèn luyện đạo đức, lối sống, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, phản biện và các hoạt động chính trị - xã hội phù hợp.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Trường Đại học Sao Đỏ (2025), *Tài liệu học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, in lưu hành nội bộ.

[2] - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội

- Tài liệu tham khảo:

[3] - Bộ GD&ĐT (2018), *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4] - Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X),* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[5] - Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI,* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[6] - Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII,* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[7] - Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội

[8] - Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
1	Chương 1. ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM **Mục tiêu chương**: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng nghiên cứu, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Qua đó củng cố niềm tin về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong các thời kỳ cách mạng. Sinh viên vận dụng vào trong quá trình học tập **Nội dung cụ thể:** 1.1. Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1.1.1. Đối tượng nghiên cứu 1.1.1.1. Nghiên cứu các sự kiện lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam 1.1.1.2. Nghiên cứu Đảng đề ra chủ trương, đường lối lãnh đạo đất nước 1.1.1.3. Nghiên cứu quá trình chỉ đạo, tổ chức thực tiễn trong tiến trình cách mạng 1.1.1.4. Nghiên cứu về công tác xây dựng Đảng trong các thời kỳ lịch sử 1.1.2. Nhiệm vụ nghiên cứu 1.1.2.1. Nhiệm vụ trình bày có hệ thống Cương lĩnh, đường lối của Đảng 1.1.2.2. Nhiệm vụ tái hiện tiến trình lịch sử lãnh đạo, đấu tranh của Đảng 1.1.2.3. Nhiệm vụ tổng kết lịch sử của Đảng 1.1.2.4. Làm rõ vai trò, sức chiến đấu của hệ thống tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở 1.2. Chức năng của học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1.2.1. Chức năng nhận thức 1.2.2. Chức năng giáo dục	01 (01LT, 0TH)	**Thuyết trình; giảng giải, nêu vấn đề.** - **Giảng viên:** + Trình bày, giải thích khái niệm, đối tượng nghiên cứu. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu [1] tr 1-9 [2] tr. 11-34 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Sinh viên tự nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên.	CLO1, CLO4

	1.2.3. Chức năng dự báo và phê phán 1.3. Phương pháp nghiên cứu, học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1.3.1. Quán triệt phương pháp luận sử học 1.3.2. Các phương pháp cụ thể 1.4. Mục đích, yêu cầu khi học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1.4.1. Mục đích học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1.4.2. Yêu cầu học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam			
2	**Mục tiêu chương:** - Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và nội dung cơ bản giá trị lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. - Trang bị cho sinh viên phương pháp nhận thức biện chứng, khách quan về quá trình Đảng ra đời và vai trò lãnh đạo của Đảng trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, xác lập chính quyền cách mạng. **Nội dung cụ thể:** 2.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 02/1930) 2.1.1. Bối cảnh lịch sử 2.1.2. Nguyễn Ái Quốc và quá trình chuẩn bị thành lập Đảng 2.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 2.1.4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 2.2. Đảng lãnh đạo quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền (1930-1945**)** 2.2.1. Phong trào cách mạng 1930-1931 và 2.2.2. Phong trào dân chủ 1936-1939 2.2.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945	06 (06LT, 0TH)	**Thuyết trình; phân tích, so sánh. Tổ chức cho sinh viên thảo luận; trực quan; phát vấn.** - Giảng viên: + Giảng giải sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. + Phân tích, so sánh đường lối lãnh đạo của Đảng. + Trực quan, phát vấn sinh viên. + Chia nhóm, hướng dẫn sinh viên thảo luận nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu [1] tr. 10- 34 [2] tr. 35-126. [3] tr. 9-71. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép, tranh luận và phản biện. + Thảo luận theo nhóm dưới sự hướng dẫn giảng viên. + Sinh viên tự nghiên cứu theo sự hướng dẫn	CLO1, CLO4

			giảng viên tài liệu [1]: 2.1.2.1; 2.1.2.2; 2.1.4; 2.2.1.2; 2.2.3.4; 2.2.4. + Liên hệ thực tế với bản thân, ngành học.	
3	Chương 3. ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975) **Mục tiêu chương:** Cung cấp cho sinh viên những kiến thức lịch sử cơ bản về sự lãnh đạo của Đảng đối với hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời kỳ 1945-1975. Nâng cao niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và sức mạnh đoàn kết của toàn dân trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Liên hệ thực tế với bản thân trong học tập và cuộc sống. **Nội dung cụ thể:** 3.1. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954) 3.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946) 3.1.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện (1946-1950) 3.1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi (1951-1954) 3.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống Thực dân Pháp và can thiệp Mỹ 3.2. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975) 3.2.1. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam - Bắc (1954-1965) 3.2.2. Đảng lãnh đạo cách mạng cả nước (1965 - 1975) 3.2.3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954-1975 * Kiểm tra giữa học phần	09 (08LT, 0TH, 01KT)	**Thuyết trình; nêu vấn đề; phân tích, thảo luận nhóm; trực quan; đàm thoại.** **- Giảng viên:** + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Chia nhóm, đưa ra chủ đề sinh viên thảo luận theo nhóm + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu + Trực quan nội dung, hình ảnh, video về các chiến dịch. + Phát vấn sinh viên nhận xét đường lối của Đảng qua từng thời kỳ. + Hướng dẫn sinh viên thảo luận nhóm. + Giải đáp những câu hỏi thắc mắc của sinh viên. + Giao bài tập về nhà theo cá nhân, nhóm cho sinh viên: sinh viên thuyết trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần II của Đảng. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1] tr. 35- 70 [2] tr. 127-235. [3] tr. 72-112. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép, tranh luận. + Đưa ra những câu hỏi	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6.

			thắc mắc. + Tự học theo sự hướng dẫn của giảng viên, nội dung 3.1.1.1;3.1.4; 3.2.1.1; 3.2.3 ở tài liệu [1]. + Liên hệ bản thân phát huy truyền thống yêu nước hiện nay. + Vận dụng kiến thức vào ngành đang học. + Làm bài kiểm tra giữa học phần.	
4	**Chương 4. ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI (1975 - nay)** **Mục tiêu chương:** Giúp sinh viên nắm được đường lối, những tri thức có hệ thống về quá trình phát triển đường lối và lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới từ sau ngày thống nhất đất nước năm 1975 đến nay. Rèn luyện cho sinh viên phong cách tư duy lý luận gắn liền với thực tiễn, phát huy tính năng động, sáng tạo của người học; vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống. **Nội dung cụ thể:** 4.1. Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986) 4.1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981 4.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986 4.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986 - nay) 4.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986-1996 4.2.2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy	14 (14LT, 0TH)	**Thuyết trình; nêu vấn đề; diễn giải, so sánh, thảo luận nhóm; trực quan; đàm thoại; dự án.** **- Giảng viên:** + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Diễn giải nội dung trong các kỳ Đại hội Đảng. + So sánh những điểm mới trong mỗi kỳ đại hội Đảng. + Hướng dẫn sinh viên thảo luận nhóm. + Trao đổi thắc mắc sinh viên. + Giao bài tập về nhà theo cá nhân, nhóm cho sinh viên: Sinh viên liên hệ vào ngành đang học. + Đưa nội dung và hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1] tr. 71-125 [2] tr. 238-409. [4] tr. 115-160; tr. 226-	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6.

	mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 1996 đến nay 4.3.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới KẾT LUẬN		232; tr. 342-364; tr. 500-539. [5] tr. 227-232. [6] tr. 89-96, 280-298. [7] tr. 35-234. [8] tr. 30-245. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo nhóm, mục 4.1.1.1. + Đưa ra những câu hỏi thắc mắc. + Tự học nội dung theo sự hướng dẫn giảng viên trong tài liệu [1]: 4.1.1.1; 4.1.1.3;4.2.2.1; 4.2.2.2; 4.3.3 + Liên hệ tinh thần yêu nước và bảo vệ đất nước hiện nay. + Lấy ví dụ thực tiễn ngành nghề đang học.	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

1. Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh Ideology

2. Mã học phần: CTRI 005

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ 2

5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành

- Giờ học tập định mức của người học: 100 giờ (bao gồm 30 giờ dự giờ giảng trên lớp, 60 giờ tự học có hướng dẫn, nghiên cứu, 10 giờ chuẩn bị và tham gia dự kiểm tra, đánh giá định kỳ - quy chuẩn 50 giờ học tập/1 tín chỉ).

6. Điều kiện tiên quyết/Điều kiện học trước: Sau khi học xong học phần: Triết học Mác - Lênin.

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Phạm Xuân Đức	0904.409.139	phamxuanducdhsd@gmail.com
2	TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên	0984.794.081	kimnguyendhsd1@gmail.com
3	ThS. Nguyễn Mạnh Tưởng	0904.476.146	Nguyenmanhtương10@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Hải Hà	0984.851.368	nguyenhadhsd@gmail.com
5	ThS. Đặng Thị Dung	0357.158.987	dungdungdhsd@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên kiến thức về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung, quan điểm cơ bản trong hệ thống tư tưởng của Người như: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn các vấn đề của tự nhiên, xã hội và tư duy, hình thành quan điểm khoa học, lập trường cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển, nội dung và giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; giúp sinh viên hiểu rõ vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam trong

quá khứ, hiện tại và tương lai. Qua đó, hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học, bản lĩnh chính trị, đạo đức, lối sống và ý thức trách nhiệm của công dân; phát triển năng lực vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào học tập, rèn luyện, công tác và giải quyết các vấn đề thực tiễn, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng về cơ sở hình thành, quá trình phát triển và các nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết toàn dân tộc; Nhà nước của dân, do dân, vì dân; văn hóa, đạo đức, con người và các giá trị lý luận, thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- CO2 (Kỹ năng): Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng các kiến thức tư tưởng Hồ Chí Minh để giải thích các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và nghề nghiệp; phát triển kỹ năng tư duy phản biện, thu thập và xử lý thông tin, thảo luận, làm việc nhóm, thuyết trình và liên hệ kiến thức với thực tiễn học tập, lao động và cuộc sống.

- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Tạo cơ hội và môi trường cho sinh viên phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và không ngừng bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; xây dựng ý thức chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ cộng đồng, tác phong làm việc khoa học và trách nhiệm nghề nghiệp trong quá trình học tập, công tác và cống hiến cho xã hội.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Làm rõ được khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập học phần tư tưởng Hồ Chí Minh; cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.	PI1.1	2
CLO2	Diễn giải được tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.	PI1.1	2
CLO3	Diễn giải được tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về văn hoá, đạo đức, con người.	PI1.1	2
	Kỹ năng		
CLO4	Áp dụng các quan điểm cơ bản của tư tưởng Hồ Chí	PI1.1	3

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Minh để phân tích và giải quyết các tình huống gắn với học tập, rèn luyện đạo đức, lối sống và trách nhiệm công dân trong bối cảnh thực tiễn.		
CLO5	Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để đề xuất giải pháp hoặc thực hiện các hoạt động học tập, làm việc nhóm và tham gia các hoạt động xã hội phù hợp với chuẩn mực đạo đức, ý thức công dân và yêu cầu nghề nghiệp.	PI1.1	3
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Thể hiện ý thức tự giác trong học tập, rèn luyện theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; chủ động tu dưỡng phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm và ý thức công dân trong học tập, công việc và các hoạt động xã hội.	PI10.1 PI10.2	1

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4	x	x	
CLO5		x	x
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *		
	PLO 1	PLO 10	
	PI1.1	PI10.1	PI10.2
CLO1	I		
CLO2	I		
CLO3	I		

CLO4	M		
CLO5	M		
CLO6		R	R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Điểm danh, theo dõi mức độ tham gia học tập. - Bài kiểm tra ngắn (trắc nghiệm/tự luận). - Thảo luận nhóm, thuyết trình. - Rubric đánh giá.	CLO1	20	Điểm chuyên cần; Rubric kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO1 → PLO1/PI1.1
			CLO5	40	Rubric thảo luận, thuyết trình	Điểm CLO5 → PLO5/PI1.1
			CLO6	40	Rubric thái độ học tập, tự học, làm việc nhóm	CLO6 → PLO10/PI10.1; PI10.2
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra tự luận. - Rubric chấm bài.	CLO1	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO1 → PLO1/PI1.1
			CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO2 → PLO1/PI1.1
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi trắc nghiệm khách quan. - Máy tính chấm.	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO1 → PLO1/PI1.1
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → PLO1/PI1.1
			CLO3	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO3 → PLO1/PI1.1
			CLO4	40	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO1/PI1.1

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đo lường mức đạt CLO	Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI	Dữ liệu được lấy từ
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
CLO1	Làm rõ được khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa	x	PI1.1	Bài kiểm tra giữa học phần;

	học tập học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh; cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.			Bài thi cuối kỳ
CLO2	Diễn giải được tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.	x	PI1.1	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO3	Diễn giải được tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người.	x	PI1.1	Bài thi cuối kỳ
CLO4	Áp dụng các quan điểm cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh để phân tích và giải quyết các tình huống gắn với học tập, rèn luyện đạo đức, lối sống và trách nhiệm công dân trong thực tiễn.	x	PI1.1	Bài thi cuối kỳ
CLO5	Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để đề xuất giải pháp hoặc thực hiện các hoạt động học tập, làm việc nhóm và tham gia các hoạt động xã hội phù hợp với chuẩn mực đạo đức, ý thức công dân và yêu cầu nghề nghiệp.	x	PI1.1	Thuyết trình, thảo luận nhóm; Bài tập vận dụng
CLO6	Thể hiện ý thức tự giác trong học tập, rèn luyện theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; chủ động tu dưỡng phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm và ý thức công dân trong học tập, công việc và các hoạt động xã hội.	x	PI10.1; PI10.2	Rubric đánh giá quá trình; Quan sát trên lớp; Đánh giá thảo luận nhóm, thuyết trình

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thảo luận nhóm

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10 - 8.5)	Khá (8.4 - 7.0)	Trung bình (6.9 - 5.0) (Mức đạt CĐR)	Yếu (4.9 - 0.0)
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	30%	Tham dự đầy đủ >90% số giờ học, đi học đúng giờ, chấp hành tốt kỷ luật phòng học và chuẩn bị bài chu đáo trước khi lên lớp.	Tham dự từ 80% đến 89% số giờ học, đi học đúng giờ, không vi phạm nghiêm trọng kỷ luật và nội quy học vụ.	Tham dự từ 70% đến 79% số giờ học, thỉnh thoảng còn đi muộn hoặc thiếu tập trung trong giờ học.	Tham dự dưới 70% số giờ học hoặc vi phạm nghiêm trọng kỷ luật học đường.
Ý thức tự học & thảo	CLO1; CLO2;	70%	Chủ động, tích cực	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Tham gia tự học và thảo	Không chuẩn bị bài tự học,

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10 - 8.5)	Khá (8.4 - 7.0)	Trung bình (6.9 - 5.0) (Mức đạt CĐR)	Yếu (4.9 - 0.0)
luận nhóm	CLO3; CLO4; CLO5.		nghiên cứu trước tài liệu; hợp tác nhóm xuất sắc, đóng góp ý kiến chất lượng cao, thuyết trình lưu loát.	tự học và làm bài tập nhóm được giao, hợp tác nhóm tương đối hiệu quả.	luận nhóm còn thụ động, chỉ thực hiện khi được giảng viên yêu cầu.	thờ ơ, không hợp tác nhóm hoặc không hoàn thành bài tập tự học.

2. Rubric thi tự luận (Thang điểm 10)

Mô tả mức chất lượng					**Điểm**
Mức chất lượng	**Giỏi**	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	
Thang điểm	**10 – 8.5**	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Bài kiểm tra giữa kỳ	Đáp ứng 80% - 100% yêu cầu	Đáp ứng 70 – 80% yêu cầu của mức Giỏi	Đáp ứng 50 – 60% yêu cầu của mức Giỏi	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu của mức Giỏi	
ĐIỂM TỔNG					

3. Rubric/Thang đánh giá kết quả bài thi trắc nghiệm trên máy

Tiêu chí đánh giá	CLO	Điểm	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Kết quả trả lời câu hỏi trắc nghiệm trên máy	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	10	Trả lời đúng 34–40/40 câu; nắm vững kiến thức và có khả năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng phù hợp với yêu cầu học phần.	Trả lời đúng 28–33/40 câu; nắm cơ bản về kiến thức và có khả năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng phù hợp với yêu cầu học phần ở mức khá.	Trả lời đúng 20–27/40 ; nắm kiến thức và có khả năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng ở mức trung bình.	Trả lời đúng 0–19/40 dưới mức yêu cầu; chưa nắm được kiến thức, khả năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng còn hạn chế.
Tổng điểm		**10**				

12. Yêu cầu học phần

- **Quy định chuyên cần:** Sinh viên phải tham dự tối thiểu **80%** tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá **20%** số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết

thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- **Nhiệm vụ học tập và tự học:** Sinh viên phải chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo và các văn kiện của Đảng, tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp; hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ tự học, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các chuyên đề tự học theo kế hoạch của học phần; tích cực phối hợp làm việc nhóm, chuẩn bị slide và thực hiện báo cáo, thuyết trình chuyên đề khi được phân công.

- **Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật:** Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động trao đổi, thảo luận và phản biện trong các hoạt động trên lớp; thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức:** Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng những nội dung cốt lõi của Tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc rèn luyện đạo đức, lối sống, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, phản biện và các hoạt động chính trị - xã hội phù hợp.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Trường Đại học Sao Đỏ (2026), *Tài liệu học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh*, in lưu hành nội bộ.

[2] - Bộ giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh,* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

[3] - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4] - Hội đồng Trung ương chỉ đạo giáo trình quốc gia các bộ môn Khoa học Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh (2003), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5] - Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[6] - Nguyễn Thế Thắng (Chủ biên) (2021), *Hướng dẫn ôn thi hiệu quả môn Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Đại học Sư phạm.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
1	**Chương 1. KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP HỌC PHẦN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH** **Mục tiêu chương:**	02 (02LT, 0TH)	**Thuyết trình; nêu vấn đề, thảo luận, dự án.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái	CLO1 CLO4

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	- Sinh viên hiểu được khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập tư tưởng Hồ Chí Minh; nội dung cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh. - Củng cố niềm tin khoa học, trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước. - Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác. - Củng cố niềm tin khoa học, trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước. - Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác. **Nội dung cụ thể:** 1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh 1.2. Đối tượng nghiên cứu 1.3. Phương pháp nghiên cứu 1.3.1. Cơ sở phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh 1.3.1.1. Thống nhất tính đảng và tính khoa học 1.3.1.2. Thống nhất lý luận và thực tiễn 1.3.1.3. Quan điểm lịch sử - cụ thể 1.3.1.4. Quan điểm toàn diện và hệ thống 1.3.1.5. Quan điểm kế thừa và phát triển 1.3.2. Một số phương pháp cụ thể 1.4. Ý nghĩa của việc học tập học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh 1.4.1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận 1.4.2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước 1.4.3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác		niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Cho chủ đề, hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện dự án về một tấm gương người tốt việc tốt trong trường. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu [1] tr.7 - 56, [2] tr.1 - 31, [3] tr.17 - 52, [5] tr.12 - 22. + Sinh viên tự nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên. + Sinh viên thực hiện dự án về một tấm gương người tốt việc tốt trong trường. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm.	
2	**Chương 2. CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH** **Mục tiêu chương:**	04 (04LT, 0TH)	**Thuyết trình; nêu vấn đề; làm việc nhóm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải nội dung.	CLO1 CLO4

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	- Sinh viên hiểu được cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. - Làm rõ được cơ sở khoa học hình thành và các giai đoạn phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay. **Nội dung cụ thể:** 2.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh 2.1.1. Cơ sở thực tiễn 2.1.1.1. Thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX 2.1.1.2. Thực tiễn thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX 2.1.2. Cơ sở lý luận 2.1.2.1. Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam 2.1.2.2. Tinh hoa văn hoá nhân loại 2.1.2.3. Chủ nghĩa Mác - Lênin 2.1.3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh 2.1.3.1. Phẩm chất Hồ Chí Minh 2.1.3.2. Tài năng hoạt động, tổng kết thực tiễn phát triển lý luận 2.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 2.2.1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và có chí hướng tìm con đường cứu nước mới 2.2.2. Thời kỳ 1911 - 1920: Hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản 2.2.3. Thời kỳ 1920 - 1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam 2.2.4. Thời kỳ 1930 - 1941: Vượt qua thử thách, giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo 2.2.5. Thời kỳ 1941 - 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, soi đường cho sự		+ Nêu các vấn đề cần giải quyết. + Giao bài tập cho các nhóm. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu [2] tr.32 - 72, [3] tr.54 - 89, [4] tr.44 - 112, [5] tr.23 - 41, [6] tr.5 - 30. + Tìm và sưu tầm tư liệu về hoạt động của Hồ Chí Minh trong các thời kỳ. + Sinh viên chuẩn bị nội dung thảo luận theo sự hướng dẫn của giảng viên.	

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	nghiệp cách mạng của Đảng và Nhân dân ta 2.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh 2.3.1. Đối với cách mạng Việt Nam 2.3.1.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đến thắng lợi và bắt đầu xây dựng một xã hội mới trên đất nước ta 2.3.1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam 2.3.2 Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại 2.3.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần mở ra cho các dân tộc thuộc địa con đường giải phóng dân tộc gắn với sự tiến bộ xã hội 2.3.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển trên thế giới			
3	**Chương 3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI** **Mục tiêu chương:** - Sinh viên hiểu được tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. - Vận dụng sáng tạo để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. **Nội dung cụ thể:** 3.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc 3.1.1. Vấn đề độc lập dân tộc 3.1.1.1. Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc 3.1.1.2. Độc lập dân tộc phải gắn liền tự do, cơm no, áo ấm và hạnh phúc của Nhân dân 3.1.1.3. Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để 3.1.1.4. Độc lập dân tộc gắn liền với thống	06 (06LT, 0TH)	**Thuyết trình; nêu vấn đề; làm việc nhóm, thảo luận.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Phân tích nội dung. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1] tr.97 - 127, [2] tr.73 - 122, [3] tr.90 - 131, [5] tr.42 - 63. + Lấy ví dụ liên hệ thực tế ngành nghề phần 3.1.1.4, 3.2.1.3. + Tìm các câu trích dẫn cho các luận điểm	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	nhất và toàn vẹn lãnh thổ 3.1.2. Về cách mạng giải phóng dân tộc 3.1.2.1. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản 3.1.2.2. Cách mạng giải phóng dân tộc, trong điều kiện của Việt Nam, muốn thắng lợi phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo 3.1.2.3. Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc, lấy liên minh công - nông làm nền tảng 3.1.2.4. Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo, có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc 3.1.2.5. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng 3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội 3.2.1.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội 3.2.1.2. Tiến lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan 3.2.1.3. Một số đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa 3.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.2.1. Mục tiêu chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.2.2. Động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.3.1. Tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ của thời kỳ quá độ		của Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc. + Sinh viên tự nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên.	

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	3.2.3.2. Một số nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ 3.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội 3.3.1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội 3.3.2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để bảo đảm nền độc lập dân tộc vững chắc 3.3.3. Điều kiện để bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội 3.4. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay 3.4.1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định 3.4.2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa 3.4.3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị 3.4.4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ			
4	**Chương 4. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN** **Mục tiêu chương:** - Sinh viên hiểu được tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam, về Nhà nước của dân, do dân và vì dân. - Có niềm tin vào sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng. Tích cực vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để xây dựng Đảng, Nhà nước trong giai đoạn hiện nay. **Nội dung cụ thể:**	06 (05LT 0TH, 01KT)	**Thuyết trình; đàm thoại, nêu vấn đề, thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho các nhóm. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:**	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	4.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh 4.1.2.1. Đảng là đạo đức, là văn minh 4.1.2.2. Những vấn đề nguyên tắc trong hoạt động của Đảng 4.1.2.3. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên 4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân 4.2.1. Nhà nước dân chủ 4.2.1.1. Bản chất giai cấp của Nhà nước 4.2.1.2. Nhà nước của Nhân dân 4.2.1.3. Nhà nước do Nhân dân 4.2.1.4. Nhà nước vì Nhân dân 4.2.2. Nhà nước pháp quyền 4.2.2.1. Nhà nước hợp hiến, hợp pháp 4.2.2.2. Nhà nước thượng tôn pháp luật 4.2.2.3. Pháp quyền nhân nghĩa 4.2.3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh 4.2.3.1. Kiểm soát quyền lực Nhà nước 4.2.3.2. Phòng, chống tiêu cực trong Nhà nước 4.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công cuộc xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước 4.3.1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh 4.3.2. Xây dựng Nhà nước * Kiểm tra giữa học phần		+ Đọc trước tài liệu: [2] tr. 123 - 168, [3] tr.132 - 175, [5] tr.66 - 86. + Lấy ví dụ thực tế ngành nghề của sinh viên phần 4.1.1, 4.1.2. + Sinh viên tự nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên . + Sinh viên làm bài kiểm tra giữa học phần.	
5	**Chương 5. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ** **Mục tiêu chương:** - Sinh viên hiểu được tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. - Tích cực xây dựng khối đại đoàn dân tộc, đoàn kết quốc tế.	06 (06LT, 0TH)	**Thuyết trình; nêu vấn đề, làm việc nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích các định nghĩa, tính chất. + Tổ chức thảo luận. + Giao bài tập cho cá nhân và các nhóm.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	- Luôn cảnh giác và chống lại âm mưu của các thế lực thù địch nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. **Nội dung cụ thể:** 5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc 5.1.1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc 5.1.1.1. Đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng 5.1.1.2. Đại đoàn kết toàn dân tộc là một mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam 5.1.2. Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc 5.1.2.1. Chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc 5.1.2.2. Nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc 5.1.3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc 5.1.4. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc - Mặt trận dân tộc thống nhất 5.1.4.1. Mặt trận dân tộc thống nhất 5.1.4.2. Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất 5.1.5 Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc 5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế 5.2.1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế 5.2.1.1. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng 5.2.1.2. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng Nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của thời đại		+ Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [2] tr.169 - 204, [3] tr.176 - 209, [4] tr.235 - 141, [5] tr.89 - 97. + Chuẩn bị thảo luận theo sự hướng dẫn của giảng viên phần 5.2. + Sinh viên tự nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên nội dung phần 5.1.4. + Lấy ví dụ liên hệ ngành nghề của sinh viên phần 5.3.	

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	5.2.2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức 5.2.2.1. Các lực lượng cần đoàn kết 5.2.2.2. Hình thức tổ chức 5.2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế 5.2.3.1. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích; có lý, có tình 5.2.3.2. Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ 5.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay 5.3.1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng 5.3.2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí dưới sự lãnh đạo của Đảng 5.3.3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế			
6	**Chương 6. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI** **Mục tiêu chương:** - Sinh viên hiểu được tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới. - Tích cực học tập và làm theo các chuẩn mực đạo đức cách mạng. - Rèn luyện con người xã hội chủ nghĩa đáp ứng giai đoạn hiện nay. **Nội dung cụ thể:** 6.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa 6.1.1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác 6.1.1.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa 6.1.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về	06 (06LT, 0TH)	**Thuyết trình, nêu vấn đề, làm việc nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích các định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu; [1] tr.234 - 290, [2] tr.205 - 265, [3] tr.333 - 409, [4] tr.20 - 27, [5] tr.39 - 50. - Sưu tầm các câu	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác 6.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa 6.1.2.1. Văn hóa là mục tiêu, động lực của sự nghiệp cách mạng 6.1.2.2. Văn hóa là một mặt trận 6.1.2.3. Văn hóa phục vụ quần chúng Nhân dân 6.1.3. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới 6.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 6.2.1. Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của người cách mạng 6.2.2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng 6.2.2.1. Trung với nước, hiếu với dân 6.2.2.2. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư 6.2.2.3. Thương yêu con người, sống có tình có nghĩa 6.2.2.4. Tinh thần quốc tế trong sáng 6.2.3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng 6.2.3.1. Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức 6.2.3.2. Xây đi đôi với chống 6.2.3.3. Tu dưỡng đạo đức suốt đời 6.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người 6.3.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người 6.3.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người 6.3.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người 6.4. Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh 6.4.1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người 6.4.2. Xây dựng đạo đức cách mạng		chuyện kể về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. - Lấy ví dụ liên hệ ngành nghề phần 6.1.2, 6.2.2. - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo sự hướng dẫn của giảng viên phần 6.2.2, 6.3.3. - Sinh viên tự nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên nội dung phần 6.2.3.	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh, Kế toán

1. Tên học phần: Tâm lý học đại cương/ General Psychology

2. Mã học phần: KHXH 010

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ nhất

5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành

- Giờ học tập định mức của người học (bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá): 100 giờ (50 giờ/1 tín chỉ)

6. Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Phùng Thị Lý	0989407962	phunglysd@gmail.com
2.	ThS. Nguyễn Thị Hiền	0972579236	nguyenhienhp25@gmail.com
3.	ThS. Nguyễn Thị Hải Hà	0984.851.368	nguyenhadhsd@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Tâm lý học đại cương giới thiệu cho sinh viên nội dung cơ bản về: những vấn đề khái quát về tâm lý học với tư cách là một khoa học; cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý - ý thức; hoạt động nhận thức; ngôn ngữ và nhận thức; tình cảm và ý chí; nhân cách và các thuộc tính tâm lý của nhân cách. Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng phân tích và tổng hợp các tri thức tâm lý được học để nhận dạng các hiện tượng tâm lý cơ bản, kỹ năng làm việc nhóm và tự học, tự nghiên cứu tài liệu. Vận dụng các quy luật, cơ chế vận hành của tâm lý vào đời sống con người.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu học phần

a) Mục tiêu chung của học phần:

Học phần Tâm lý học đại cương được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng, hệ thống về khoa học tâm lý, bao gồm các quy luật, cơ chế hình thành và vận hành của các hiện tượng tâm lý con người từ nhận thức, tình cảm đến ý chí và nhân cách. Thông qua việc học tập, sinh viên hiểu rõ vai trò của tâm lý học trong việc hình thành nhân cách, từ đó có cơ sở để giải thích và giải quyết các vấn đề liên quan đến đời sống tâm lý thực tiễn.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng về tâm lý học với tư cách là một khoa học, bao gồm: lịch sử hình thành và phát triển của tâm lý học; đối tượng, nhiệm vụ, chức năng và phương pháp nghiên cứu của tâm lý học; cơ sở sinh lý thần kinh của tâm lý; sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; các quá

trình nhận thức, ngôn ngữ, trí nhớ, tình cảm, ý chí; nhân cách và các thuộc tính tâm lý của nhân cách; đồng thời giúp sinh viên hiểu được bản chất, quy luật và cơ chế vận hành của các hiện tượng tâm lý trong học tập, lao động, giao tiếp và đời sống.

- CO2 (Kỹ năng): Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng các kiến thức tâm lý học để phân tích, nhận diện và giải thích các hiện tượng tâm lý của cá nhân và tập thể; phát triển kỹ năng tư duy khoa học, tư duy phản biện, quan sát, thu thập và xử lý thông tin, giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình, tự học và tự nghiên cứu; đồng thời biết vận dụng các quy luật và cơ chế tâm lý vào học tập, giao tiếp, giải quyết các tình huống trong cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp.

- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Tạo cơ hội và môi trường cho sinh viên phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời; hình thành thái độ tôn trọng, thấu hiểu và ứng xử phù hợp trong các mối quan hệ xã hội; nâng cao ý thức rèn luyện phẩm chất đạo đức, trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm nghề nghiệp; phát huy tinh thần hợp tác, tác phong làm việc khoa học, khả năng thích ứng với môi trường học tập và làm việc, đồng thời vận dụng kiến thức tâm lý học để phát triển bản thân và góp phần xây dựng môi trường học tập, làm việc tích cực, hiệu quả.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome –CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng

CLOs	**Mô tả CLO**	**PIs**	**Mức độ của PIs theo thang đo Bloom**
	Kiến thức		
CLO1	Làm rõ được được khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ, chức năng, phương pháp nghiên cứu của tâm lý học; lịch sử hình thành và phát triển của tâm lý học; bản chất của tâm lý người và cơ sở sinh lý thần kinh của các hiện tượng tâm lý.	PI 1.1	2
CLO2	Giải thích được sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; các quá trình nhận thức, ngôn ngữ, trí nhớ, tình cảm, ý chí và mối quan hệ giữa các hiện tượng tâm lý trong hoạt động của con người.	PI1.1	2
CLO3	Giải thích được sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; các quá trình nhận thức, ngôn ngữ, trí nhớ, tình cảm, ý chí và mối quan hệ giữa các hiện tượng tâm lý trong hoạt động của con người.	PI1.1	2
	Kỹ năng		
CLO4	Vận dụng kiến thức tâm lý học để phân tích, nhận diện và giải thích các hiện tượng tâm lý trong học tập, giao tiếp và các tình huống thực tiễn; đề xuất cách ứng xử phù hợp trên cơ sở các quy luật tâm lý.	PI1.1 PI1.2	2
CLO5	Áp dụng các nguyên lý và quy luật tâm lý vào hoạt động học tập, làm việc nhóm, giao tiếp, phát	PI1.1	2

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	triển bản thân và giải quyết các vấn đề phát sinh trong môi trường học tập và nghề nghiệp.		
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Thể hiện ý thức tự học, tự nghiên cứu, tôn trọng sự khác biệt cá nhân, có trách nhiệm trong giao tiếp và hợp tác; chủ động rèn luyện các phẩm chất, kỹ năng tâm lý cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả học tập, công việc và phát triển nghề nghiệp.	PI0.1 PI0.2	2

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	X		
CLO2	X	X	
CLO3	X	X	X
CLO4		X	X
CLO5		X	X
CLO6			X

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *		
	PLO 1	PLO 10	
	PI1.1	PI10.1	PI10.2
CLO1	I		
CLO2	I		
CLO3	I		
CLO4	M		
CLO5	M		
CLO6		I	I

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Điểm chuyên cần, điểm kiển tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Điểm chuyên cần. - Tham gia thảo luận trên lớp. - Vấn đáp. - Bài tập cá nhân/nhóm. - Rubric đánh giá quá trình.	CLO1	20	Điểm Rubric chuyên cần	CLO1 → PLO1/PI1.2
			CLO5	40	Điểm bài kiểm tra thường xuyên	CLO4 → PLO2/PI2.1
			CLO6	40	Rubric đánh giá thái độ học tập	CLO6 → PLO5/PI5.1
Điểm kiểm tra giữa kỳ	30%	- Bài kiểm tra tự luận (50 phút). - Rubric chấm tự luận.	CLO1	20	Điểm bài kiểm tra giữa kỳ	CLO1 → PLO1/PI1.2
			CLO2	30	Điểm bài kiểm tra giữa kỳ	CLO2 → PLO1/PI1.3
			CLO3	20	Điểm bài kiểm tra giữa kỳ	CLO3 → PLO2/PI2.1
			CLO4	30	Điểm bài kiểm tra giữa kỳ	CLO4 → PLO4/PI4.2
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Thi trắc nghiệm (60 phút). - Rubric chấm bài thi.	CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → PLO1/PI1.3
			CLO3	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO3 → PLO2/PI2.1
			CLO4	25	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO4/PI4.2
			CLO5	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO5 → PLO3/PI3.1
			CLO6	15	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO6 → PLO5/PI5.1

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đo lường mức đạt CLO	Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI	Dữ liệu được lấy từ
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
CLO1	Làm rõ được được khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ, chức năng, phương pháp nghiên cứu của tâm lý học; lịch sử hình thành và phát triển của tâm lý học; bản chất của tâm lý người và cơ sở sinh lý thần kinh của các hiện tượng tâm lý.	x	PI1.1	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO2	Giải thích được sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; các quá trình nhận thức, ngôn ngữ, trí nhớ, tình cảm, ý chí và mối quan hệ giữa các hiện tượng tâm lý trong hoạt động của con người.	x	PI1.1	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO3	Giải thích được sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; các quá trình nhận thức, ngôn ngữ, trí nhớ, tình cảm, ý chí và mối quan hệ giữa các hiện tượng tâm lý trong hoạt động của con người.	x	PI1.1	Bài thi cuối kỳ
CLO4	Vận dụng kiến thức tâm lý học để phân tích, nhận diện và giải thích các hiện tượng tâm lý trong học tập, giao tiếp và các tình huống thực tiễn; đề xuất cách ứng xử phù hợp trên cơ sở các quy luật tâm lý.	x	PI1.1	Bài thi cuối kỳ
CLO5	Áp dụng các nguyên lý và quy luật tâm lý vào hoạt động học tập, làm việc nhóm, giao tiếp, phát triển bản thân và giải quyết các vấn đề phát sinh trong môi trường học tập và nghề nghiệp.	x	PI1.1	Thuyết trình, thảo luận nhóm; Bài tập vận dụng
CLO6	Thể hiện ý thức tự học, tự nghiên cứu, tôn trọng sự khác biệt cá nhân, có trách nhiệm trong giao tiếp và hợp tác; chủ động rèn luyện các phẩm chất, kỹ năng tâm lý cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả học tập, công	x	PI10.1; PI10.2	Rubric đánh giá quá trình; Quan sát trên lớp; Đánh giá thảo luận nhóm, thuyết trình

	việc và phát triển nghề nghiệp.			

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thảo luận nhóm

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10 - 8.5)	Khá (8.4 - 7.0)	Trung bình (6.9 - 5.0) (Mức đạt CĐR)	Yếu (4.9 - 0.0)
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	30%	Tham dự đầy đủ >90% số giờ học, đi học đúng giờ, chấp hành tốt kỷ luật phòng học và chuẩn bị bài chu đáo trước khi lên lớp.	Tham dự từ 80% đến 89% số giờ học, đi học đúng giờ, không vi phạm nghiêm trọng kỷ luật và nội quy học vụ.	Tham dự từ 70% đến 79% số giờ học, thỉnh thoảng còn đi muộn hoặc thiếu tập trung trong giờ học.	Tham dự dưới 70% số giờ học hoặc vi phạm nghiêm trọng kỷ luật học đường.
Ý thức tự học & thảo luận nhóm	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5.	70%	Chủ động, tích cực nghiên cứu trước tài liệu; hợp tác nhóm xuất sắc, đóng góp ý kiến chất lượng cao, thuyết trình lưu loát.	Hoàn thành tốt nhiệm vụ tự học và làm bài tập nhóm được giao, hợp tác nhóm tương đối hiệu quả.	Tham gia tự học và thảo luận nhóm còn thụ động, chỉ thực hiện khi được giảng viên yêu cầu.	Không chuẩn bị bài tự học, thờ ơ, không hợp tác nhóm hoặc không hoàn thành bài tập tự học.

2. Rubric thi tự luận (Thang điểm 10)

Mô tả mức chất lượng					**Điểm**
Mức chất lượng	**Giỏi**	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	
Thang điểm	**10 – 8.5**	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Bài kiểm tra giữa kỳ	Đáp ứng 80% - 100% yêu cầu	Đáp ứng 70 – 80% yêu cầu của mức Giỏi	Đáp ứng 50 – 60% yêu cầu của mức Giỏi	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu của mức Giỏi	
ĐIỂM TỔNG					

3. Rubric/Thang đánh giá kết quả bài thi trắc nghiệm trên máy

Tiêu chí đánh giá	CLO	Điểm	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Kết quả trả lời câu hỏi trắc nghiệm trên máy	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	10	Trả lời đúng 34–40/40 câu; nắm vững kiến thức và có khả năng	Trả lời đúng 28–33/40 câu; nắm cơ bản về kiến thức và có khả năng nhận	Trả lời đúng 20–27/40 ; nắm kiến thức và có khả năng nhận biết,	Trả lời đúng 0–19/40 dưới mức yêu cầu; chưa nắm được kiến

Tiêu chí đánh giá	CLO	Điểm	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
			nhận biết, thông hiểu, vận dụng phù hợp với yêu cầu học phần.	biết, thông hiểu, vận dụng phù hợp với yêu cầu học phần ở mức khá.	thông hiểu, vận dụng ở mức trung bình.	thức, khả năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng còn hạn chế.
Tổng điểm		**10**				

12. Yêu cầu học phần

- **Quy định chuyên cần:** Sinh viên phải tham dự tối thiểu **80%** tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá **20%** số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- **Nhiệm vụ học tập và tự học:** Sinh viên phải chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo và các văn kiện của Đảng, tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp; hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ tự học, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các chuyên đề tự học theo kế hoạch của học phần; tích cực phối hợp làm việc nhóm, chuẩn bị slide và thực hiện báo cáo, thuyết trình chuyên đề khi được phân công.

- **Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật:** Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động trao đổi, thảo luận và phản biện trong các hoạt động trên lớp; thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức:** Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng những nội dung cốt lõi của Tâm lý học đại cương vào việc rèn luyện đạo đức, lối sống, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, phản biện và các hoạt động chính trị - xã hội phù hợp.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Trường Đại học Sao Đỏ (2023), *Tài liệu học tập Tâm lý học đại cương*, in lưu hành nội bộ.

[2]. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên) (2022), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Sư phạm.

- Tài liệu tham khảo:

[3]. Bùi Kim Chi, Phan Công Luận (2010), *Tâm lý học đại cương hướng dẫn trả lời lý thuyết giải bài tập tình huống và trắc nghiệm*, NXB Chính trị - Hành chính.

[4]. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên) (2010), *Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
1	**CHƯƠNG 1. TÂM LÝ HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC** **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày được vài nét về lịch sử hình thành và phát triển tâm lý học, bản chất, chức năng và phương pháp nghiên cứu của tâm lý học. Qua đó liên hệ thực tiễn trong đời sống xã hội. **Nội dung cụ thể:** 1.1. Vài nét về lịch sử hình thành và phát triển tâm lý học 1.1.1. Những tư tưởng tâm lý học thời cổ đại 1.1.2. Những tư tưởng tâm lý học từ nửa đầu thế kỷ XIX trở về trước 1.1.3. Tâm lý học trở thành một khoa học độc lập 1.2. Bản chất của tâm lý người 1.2.1. Tâm lý người là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người thông qua chủ thể 1.2.2. Bản chất xã hội của tâm lý con người 1.3. Đối tượng, nhiệm vụ, chức năng và phương pháp nghiên cứu của tâm lý học 1.3.1. Đối tượng của tâm lý học 1.3.2. Nhiệm vụ của tâm lý học 1.3.3. Chức năng của tâm lý học 1.3.4. Các phương pháp nghiên cứu tâm lý học	03 (03LT, 0TH)	**Thuyết trình; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học theo nhóm kết hợp với trực quan.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Nhận xét, đánh giá nội dung sinh viên thảo luận và tự học. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: tr 5-11. [2]: tr.7- 27. [3]: tr.13-18;tr61- 64. [4]: tr.5- 22. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên tài liệu [1]: phần 1.3 (1.3.4).	CLO1 CLO4
2	**CHƯƠNG 2. CƠ SỞ SINH LÝ THẦN KINH CỦA TÂM LÝ** **Mục tiêu chương:** Trình bày được cấu tạo, thành phần, chức năng của não bộ, hoạt động của hệ thần kinh cấp cao và quy luật hoạt động, hệ thống tín hiệu thứ nhất và thứ hai và ảnh hưởng của nó đến tâm lý con người. Liên hệ vào thực tiễn	04 (04LT, 0TH)	**Thuyết trình; Phương pháp động não; Tổ chức học theo nhóm, nêu vấn đề và trực quan hình ảnh, clip.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa.	CLO1 CLO4

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	bản thân. **Nội dung cụ thể:** 2.1. Cấu trúc của bộ não 2.1.1. Cấu tạo của não 2.1.2. Cấu tạo của vỏ não 2.1.3. Vấn đề định khu các chức năng tâm lý trong não 2.2. Hoạt động thần kinh cấp cao 2.2.1. Một số khái niệm cơ bản 2.2.2. Hoạt động phản xạ 2.2.3. Các quy luật hoạt động thần kinh cấp cao 2.3. Hệ thống tín hiệu thứ nhất và hệ thống tín hiệu thứ hai 2.3.1. Hệ thống tín hiệu thứ nhất 2.3.2. Hệ thống tín hiệu thứ hai		+ Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa vấn đề tranh luận. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá sinh viên giải quyết vấn đề và tự học. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: tr.15-21. [2]: tr.28-41. [3]: tr.19-20; tr.65. [4]: tr. 29-39. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên tài liệu [1]: phần 2.1 (2.1.3); phần 2.2 (2.2.3).	
3	**CHƯƠNG 3. HOẠT ĐỘNG, GIAO TIẾP VÀ SỰ HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN TÂM LÝ, Ý THỨC** **Mục tiêu chương:** Trình bày và liên hệ vào thực tiễn để làm rõ các nội dung của hoạt động, giao tiếp và vai trò của hoạt động giao tiếp đối với quá trình nhận thức của con người, phân tích các loại chú ý và tích cực rèn luyện để hoàn thiện bản thân. **Nội dung cụ thể:** 3.1. Hoạt động và giao tiếp 3.1.1. Khái niệm hoạt động và giao tiếp 3.1.2. Tâm lý là sản phẩm của hoạt động và giao tiếp 3.2. Sự nảy sinh và phát triển tâm lý 3.2.1. Tiêu chuẩn xác định sự nảy sinh	05 (05LT, 0TH)	**Thuyết trình; Tổ chức học theo nhóm, kết hợp với nêu vấn đề và trực quan hình ảnh, clip.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Giao chủ đề thuyết trình, hướng dẫn sinh viên thuyết trình.	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	tâm lý 3.2.2. Các thời kỳ phát triển tâm lý 3.3. Sự hình thành và phát triển ý thức 3.3.1. Khái niệm chung về ý thức 3.3.2. Các cấp độ ý thức 3.3.3. Sự hình thành và phát triển ý thức cá nhân 3.4. Chú ý - điều kiện của hoạt động có ý thức 3.4.1. Chú ý là gì? 3.4.2. Các loại chú ý 3.4.3. Các thuộc tính cơ bản của chú ý		+ Nhận xét, đánh giá nội dung sinh viên thảo luận, thuyết trình, giải quyết vấn đề và tự học. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: tr.22-32. [2]: tr.42-66; [3]: tr.21-28; tr.69-73. [4]: tr.49-66. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Thuyết trình theo chủ đề giảng viên giao. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên tài liệu [1]: phần 3.2 (3.2.1); phần 3.4 (3.4.3).	
4	**CHƯƠNG 4. HOẠT ĐỘNG NHẬN THỨC** **Mục tiêu chương:** - Trình bày được khái niệm, đặc điểm và quy luật của cảm giác, tri giác và tư duy, tưởng tượng, vận dụng vào thực tiễn. - Trình bày được khái niệm, chức năng, các loại và vai trò của ngôn ngữ đối với hoạt động nhận thức. **Nội dung cụ thể:** 4.1. Nhận thức cảm tính 4.1.1. Cảm giác 4.1.2. Tri giác 4.2. Nhận thức lý tính 4.2.1. Tư duy 4.2.2. Tưởng tượng 4.3. Ngôn ngữ và nhận thức 4.3.1. Ngôn ngữ và các chức năng của ngôn ngữ	06 (05LT, 0TH, 01KT)	**Thuyết trình; nêu vấn đề; thảo luận nhóm; trực quan; đàm thoại;** **- Giảng viên** + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Hướng dẫn sinh viên thảo luận nhóm. + Trao đổi thắc mắc sinh viên. + Giao bài tập về nhà theo cá nhân, nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học. **- Sinh viên**	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	4.3.2. Các loại ngôn ngữ 4.3.3. Vai trò của ngôn ngữ đối với hoạt động nhận thức *** Kiểm tra giữa học phần**		+ Đọc trước tài liệu: [1]: tr.34-46. [2]: tr.67-115; [3]: tr.29-32; tr.35-38; tr.74-82. [4]: tr.69-104; tr.121-135. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo nhóm. + Đưa ra những câu hỏi thắc mắc. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên tài liệu [1]: phần 4.3 (4.3.3). + Làm bài kiểm tra giữa học phần.	
5	**CHƯƠNG 5. MẶT TÌNH CẢM VÀ Ý CHÍ CỦA NHÂN CÁCH** **Mục tiêu chương:** Trình bày và phân tích được khái niệm của tình cảm, phân biệt được các mức độ và quy luật của tình cảm từ đó liên hệ vào cuộc sống. Nhận thức được tầm quan trọng của ý chí và kỹ xảo, thói quen đối với nghề nghiệp của bản thân. **Nội dung cụ thể:** 5.1. Xúc cảm - tình cảm 5.1.1. Khái niệm chung 5.1.2. Các mức độ và các loại tình cảm 5.1.3. Các quy luật của tình cảm 5.2. Ý chí 5.2.1. Khái niệm ý chí 5.2.2. Hành động ý chí 5.2.3. Hành động tự động hóa, kỹ xảo và thói quen	04 (04LT, 0TH)	**Thuyết trình; Phương pháp động não; Tổ chức học theo nhóm, nêu vấn đề và trực quan hình ảnh, clip.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Hướng dẫn sinh viên thảo luận nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá nội dung sinh viên thảo luận nhóm, và tự học. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: tr.48-52. [2]: tr.116-132. [3]: tr.40-51; tr.86-91. + Lắng nghe, ghi chép	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên tài liệu [1]: phần 5.1(5.1.3).	
6	**CHƯƠNG 6. TRÍ NHỚ** **Mục tiêu chương:** Trình bày và phân tích được trí nhớ, các loại trí nhớ và phương pháp để có trí nhớ tốt. Liên hệ với quá trình rèn luyện trí nhớ của bản thân. **Nội dung cụ thể:** 6.1. Khái niệm trí nhớ 6.1.1. Định nghĩa trí nhớ 6.1.2. Vai trò của trí nhớ 6.2. Các loại trí nhớ 6.2.1. Trí nhớ vận động, trí nhớ xúc cảm, trí nhớ hình ảnh và trí nhớ từ ngữ - Logic 6.2.2. Trí nhớ không chủ định và trí nhớ chủ định 6.2.3. Trí nhớ ngắn hạn và trí nhớ dài hạn 6.3. Các quá trình cơ bản của trí nhớ 6.3.1. Quá trình ghi nhớ 6.3.2. Quá trình giữ gìn 6.3.3. Quá trình tái hiện 6.3.4. Sự quên 6.4. Làm thế nào để có trí nhớ tốt? 6.4.1. Làm thế nào để ghi nhớ tốt? 6.4.2. Làm thế nào để giữ gìn (ôn tập) tốt? 6.4.3. Làm thế nào hồi tưởng cái đã quên	04 (04LT, 0TH)	**Thuyết trình; Phương pháp động não; Tổ chức học theo nhóm, nêu vấn đề và trực quan hình ảnh.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa vấn đề tranh luận. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá sinh viên giải quyết vấn đề và tự học. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]. Tr54-60. [2]: tr133-147. [3]: tr.33-35; tr.83-84. [4]: tr.105-120. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên tài liệu [1]: phần 6.4.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
7	**CHƯƠNG 7. NHÂN CÁCH VÀ SỰ HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH** **Mục tiêu chương:** Phân biệt được khái niệm cá nhân, cá tính, con người và nhân cách. Phân tích được các thuộc tính tâm lý của	04 (04LT, 0TH)	**Thuyết trình; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học theo nhóm kết hợp với trực quan.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	nhân cách và quá trình hình thành và phát triển nhân cách. Làm rõ vấn đề phát hiện và bồi dưỡng trẻ em có năng khiếu và những sai lệch trong sự phát triển nhân cách. Liên hệ quá trình hình thành nhân cách của bản thân. **Nội dung cụ thể:** 7.1. Nhân cách 7.1.1. Định nghĩa nhân cách 7.1.2. Đặc điểm cơ bản của nhân cách 7.2. Các thuộc tính tâm lý của nhân cách 7.2.1. Xu hướng nhân cách và động cơ của nhân cách 7.2.2. Tính cách 7.2.3. Khí chất 7.2.4. Năng lực 7.3. Sự hình thành và phát triển nhân cách 7.3.1. Các yếu tố chi phối sự hình thành, phát triển nhân cách 7.3.2. Sự hoàn thiện nhân cách 7.3.3. Những sai lệch trong sự phát triển nhân cách		niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Nhận xét, đánh giá nội dung sinh viên thảo luận, giải quyết vấn đề và tự học. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: tr61-72. [2]: tr148-171. [3]: tr. 57-59; 98-102. [4]: tr.153-186. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên tài liệu [1]: phần 7.3 (7.3.3).	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
Sư phạm tiếng Trung Quốc
Ngôn ngữ Anh
Ngôn ngữ Trung Quốc
Luật

1. Tên học phần: Cơ sở văn hóa Việt Nam/ Vietnamese cultural foundation

2. Mã học phần: VNH 001

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ nhất: Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, ngành Sư phạm tiếng Trung Quốc. Năm thứ hai ngành Luật. Năm thứ 3 ngành Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc

5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành
- Giờ học tập định mức của người học (bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá): 100 giờ

6. Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Đăng Tiến	0985.914.968	ndtien@saodo.edu.vn
2	ThS. Nguyễn Thị Hương Huyền	0989.836.345	nthhuyen@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam: khái niệm văn hóa và những khái niệm liên quan đến văn hóa, tiến trình lịch sử phát triển của văn hóa Việt Nam, văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân và tập thể, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Qua đó, sinh viên có những kiến thức cơ bản làm nền tảng cho việc tiếp thu những kiến thức chuyên ngành, vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống.

9. Ngôn ngữ giảng dạy

Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu học phần

a) Mục tiêu chung của học phần:

Cung cấp cho sinh viên nền tảng kiến thức có hệ thống về văn hóa Việt Nam, từ những khái niệm, cấu trúc, tiến trình hình thành và phát triển đến các đặc trưng văn hóa trong tổ chức đời sống, ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội và giao lưu, tiếp biến văn hóa; qua đó góp phần hình thành năng lực nhận thức, phân tích và vận dụng các giá trị, đặc trưng văn hóa Việt Nam trong học tập, giao tiếp và hoạt động nghề nghiệp, đồng thời phát triển tư duy, khả năng trao đổi, phản biện, làm việc nhóm và ý

thức gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa Việt Nam trong bối cảnh giao lưu và hội nhập

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

CO1: Trang bị cho sinh viên nền tảng kiến thức có hệ thống về văn hóa Việt Nam, bao gồm các khái niệm, cấu trúc, loại hình, không gian và tiến trình hình thành, phát triển của văn hóa Việt Nam.

CO2: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về những đặc trưng cơ bản của văn hóa Việt Nam trong tổ chức đời sống tập thể, đời sống cá nhân, ứng xử với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội; qua đó giúp sinh viên hình thành nhận thức về sự đa dạng và giá trị của văn hóa Việt Nam.

CO3: Giúp sinh viên hình thành và phát triển tư duy nhận diện, phân tích và liên hệ các hiện tượng văn hóa Việt Nam trong mối quan hệ với lịch sử, môi trường, đời sống xã hội và quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa.

CO4: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng trao đổi, thảo luận, phản biện và làm việc nhóm thông qua việc giải quyết các vấn đề, tình huống và nội dung thực tiễn liên quan đến văn hóa Việt Nam; đồng thời tạo cơ hội để sinh viên hình thành ý thức trân trọng, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc trong giao lưu và hội nhập

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome –CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

CLOs	**Mô tả CLO**	**PIs**	**Mức độ của PIs theo thang đo Bloom**
	Kiến thức		
CLO1	Giải thích được những khái niệm, cấu trúc, loại hình, không gian và tiến trình hình thành, phát triển của văn hóa Việt Nam	PI 2.2	2
CLO2	Vận dụng được kiến thức về các đặc trưng văn hóa Việt Nam trong tổ chức đời sống tập thể, đời sống cá nhân và ứng xử với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội vào việc nhận diện các hiện tượng văn hóa trong đời sống.	PI 2.2	3
CLO3	Phân tích được các yếu tố văn hóa Việt Nam trong mối quan hệ với lịch sử, địa lý, môi trường và quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa.	PI 2.2	4
	Kỹ năng		

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
CLO4	Vận dụng được kỹ năng thu thập, lựa chọn và khai thác thông tin để tìm hiểu, trình bày và trao đổi về các vấn đề văn hóa Việt Nam.	PI 1.1	3
CLO5	Phân tích và trao đổi, phản biện được các vấn đề văn hóa Việt Nam thông qua thảo luận, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề.	PI 1.1	4
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Thể hiện ý thức tôn trọng, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa Việt Nam; chủ động và có trách nhiệm trong học tập, thảo luận và làm việc nhóm	PI 10.2	5

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3	CO4
CLO1	x			
CLO2		x		
CLO3		x	x	
CLO4			x	x
CLO5			x	x
CLO6		x	x	x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *		
	PLO 1	**PLO 2**	**PLO 10**
	PI1.1/1	**PI2.2/2**	**PI10.2/2**
CLO1	I	R	

CLO2	I	R	
CLO3	I	R	
CLO4		R	
CLO5		R	
CLO6			R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
Điểm chuyên cần, kiểm tra thường xuyên, đánh giá nhận thức và thái độ học tập	20%	- Theo dõi mức độ tham gia học tập trên lớp. - Câu hỏi kiểm tra ngắn, bài tập cá nhân/nhóm. - Thảo luận, tranh luận và phản biện. - Rubric đánh giá mức độ tham gia, hợp tác và thái độ học tập.	CLO1 CLO5 CLO6	CLO1: 30% CLO5: 30% CLO6: 40%	CLO1: Điểm kiểm tra thường xuyên; kết quả trả lời câu hỏi và bài tập. CLO5: Điểm rubric thảo luận, tranh luận, trình bày và phản biện. CLO6: Điểm rubric thái độ học tập, tự học và hợp tác.	CLO1 → PLO2/PI2.2 CLO5 → PLO5/PI phù hợp về giao tiếp, hợp tác CLO6 → PLO10/PI phù hợp về trách nhiệm
Điểm kiểm tra giữa kỳ	30%	- Bài kiểm tra tự luận kết hợp câu hỏi ngắn. - Nội dung tập trung vào Chương 1–4. - Đánh giá khả năng hiểu, vận dụng và phân tích các vấn đề văn hóa Việt Nam. - Rubric chấm bài tự luận.	CLO2 CLO3	CLO2: 50% CLO3: 50%	Điểm bài kiểm tra giữa kỳ theo rubric.	CLO2 → PLO2/PI2.2 CLO3 → PLO2/PI2.2
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi tự luận. - Bài thi bao quát toàn bộ học phần, chú trọng Chương 3–6. - Có câu hỏi yêu cầu giải thích, vận dụng và phân tích các hiện tượng văn hóa. - Rubric chấm bài thi cuối kỳ.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	CLO1: 20% CLO2: 20% CLO3: 30% CLO4: 30%	Điểm bài thi cuối kỳ theo rubric.	CLO1 → PLO2/PI2.2 CLO2 → PLO2/PI2.2 CLO3 → PLO2/PI2.2 CLO4 → PLO2/PI2.2

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đo lường mức đạt CLO	Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI	Dữ liệu được lấy từ
CLO1	Trình bày và giải thích được những khái niệm cơ bản về văn hóa, cấu trúc văn hóa và tiến trình hình thành, phát triển của văn hóa Việt Nam.	x	PI2.2	Bài kiểm tra thường xuyên; bài kiểm tra giữa kỳ; bài thi cuối kỳ
CLO2	Vận dụng được kiến thức về văn hóa nhận thức, đặc biệt là triết lý âm dương, tam tài – ngũ hành và hệ Can Chi, để giải thích một số hiện tượng trong đời sống văn hóa Việt Nam.	x	PI2.2	Bài kiểm tra giữa kỳ; bài thi cuối kỳ
CLO3	Phân tích được những đặc trưng của văn hóa Việt Nam trong tổ chức đời sống tập thể và đời sống cá nhân, văn hóa giao tiếp, tín ngưỡng, phong tục và nghệ thuật.	x	PI2.2	Bài kiểm tra giữa kỳ; bài thi cuối kỳ
CLO4	Phân tích được đặc trưng văn hóa Việt Nam trong ứng xử với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội; nhận diện được ảnh hưởng của giao lưu, tiếp biến văn hóa đối với văn hóa Việt Nam.	x	PI2.2	Bài thi cuối kỳ
CLO5	Vận dụng được kiến thức về văn hóa Việt Nam để trình bày, thảo luận, trao đổi và phản biện các vấn đề văn hóa trong học tập và thực tiễn.	x	PLO về kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm	Rubric thảo luận; thuyết trình; tranh luận và phản biện
CLO6	Thể hiện được tinh thần tự học, trách nhiệm cá nhân, ý thức tôn trọng sự đa	x	PLO10/PI về tự chủ và trách nhiệm	Rubric thái độ học tập; tự học; tham gia hoạt

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đo lường mức đạt CLO	Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI	Dữ liệu được lấy từ
	dạng văn hóa và chủ động hợp tác trong quá trình học tập.			động nhóm; đánh giá quá trình

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thảo luận nhóm (CLO6 – PL10 / PI 10.1, PI10.2)

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10 - 8.5)	Khá (8.4 - 7.0)	Trung bình (6.9 - 5.0) (Mức đạt CĐR)	Yếu (4.9 - 0.0)
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	50%	Tham dự đầy đủ >90% số giờ học, đi học đúng giờ, chấp hành tốt kỷ luật phòng học và chuẩn bị bài chu đáo trước khi lên lớp.	Tham dự từ 80% đến 89% số giờ học, đi học đúng giờ, không vi phạm nghiêm trọng kỷ luật và nội quy học vụ.	Tham dự từ 70% đến 79% số giờ học, thỉnh thoảng còn đi muộn hoặc thiếu tập trung trong giờ học.	Tham dự dưới 70% số giờ học hoặc vi phạm nghiêm trọng kỷ luật học đường.
Ý thức tự học & thảo luận nhóm	CLO6	50%	Chủ động, tích cực nghiên cứu trước tài liệu; hợp tác nhóm xuất sắc, đóng góp ý kiến chất lượng cao, thuyết trình lưu loát.	Hoàn thành tốt nhiệm vụ tự học và làm bài tập nhóm được giao, hợp tác nhóm tương đối hiệu quả.	Tham gia tự học và thảo luận nhóm còn thụ động, chỉ thực hiện khi được giảng viên yêu cầu.	Không chuẩn bị bài tự học, thờ ơ, không hợp tác nhóm hoặc không hoàn thành bài tập tự học.

2. Rubric thi tự luận (Thang điểm 10)

Mô tả mức chất lượng					**Điểm**
Mức chất lượng	**Giỏi**	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	
Thang điểm	**10 – 8.5**	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Bài kiểm tra giữa kỳ	Đáp ứng 80% - 100% yêu cầu	Đáp ứng 70 – 80% yêu cầu của mức Giỏi	Đáp ứng 50 – 60% yêu cầu của mức Giỏi	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu của mức Giỏi	
ĐIỂM TỔNG					

3. Bài thi kết thúc học phần: Thi trắc nghiệm trên máy

12. Yêu cầu học phần

Quy định chuyên cần: Sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá 20% số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

Nhiệm vụ học tập và tự học: Sinh viên phải chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo về cơ sở văn hóa Việt Nam theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp; chuẩn bị nội dung các chương học, hoàn thành đầy đủ bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các nhiệm vụ tự học theo kế hoạch của học phần. Sinh viên tích cực tham gia thảo luận, tranh luận, phản biện; chuẩn bị nội dung, tài liệu, slide và thực hiện báo cáo, thuyết trình khi được phân công.

Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật: Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động lắng nghe, trao đổi, thảo luận và phản biện các vấn đề về văn hóa Việt Nam; tôn trọng sự đa dạng về văn hóa, tín ngưỡng, phong tục và các giá trị văn hóa. Thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

Yêu cầu về vận dụng kiến thức: Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng kiến thức về văn hóa Việt Nam để nhận diện, giải thích và phân tích các hiện tượng văn hóa trong đời sống; biết liên hệ giữa các giá trị văn hóa với giao tiếp, ứng xử, phong tục, tín ngưỡng, nghệ thuật, môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Đối với sinh viên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, khuyến khích vận dụng kiến thức văn hóa vào giao tiếp, ứng xử nghề nghiệp, tìm hiểu và giới thiệu các giá trị văn hóa, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Việt Nam trong hoạt động du lịch.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Đại học Sao Đỏ (2024), *Cơ sở văn hóa Việt Nam* (tài liệu lưu hành nội bộ).

[2] - Trần Ngọc Thêm (2000), *Cơ sở văn hóa Việt Nam,* Nhà xuất bản Giáo dục.

- Tài liệu tham khảo:

[3] - Trần Quốc Vượng (2006), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
1	**Chương 1. Văn hóa học và văn hóa Việt Nam** **Mục tiêu chương:** Trang bị nền tảng nhận thức về văn hóa, cấu trúc, không gian và tiến trình văn hóa Việt Nam; hình thành ý thức tìm hiểu và trân trọng giá trị văn hóa dân tộc.	4 (4LT, 0TH)	**Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề.	CLO1, CLO5, CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	Nội dung cụ thể: **1.1. Văn hóa và các khái niệm liên quan** 1.1.1. Định nghĩa văn hóa 1.1.2. Văn hóa với văn minh, văn hiến, văn vật 1.1.3. Cấu trúc của hệ thống văn hóa **1.2. Định vị văn hóa Việt Nam** 1.2.1. Loại hình văn hóa gốc nông nghiệp 1.2.2. Chủ thể và thời gian văn hóa Việt Nam 1.2.3. Hoàn cảnh địa lý, không gian văn hóa và các vùng văn hóa Việt Nam **1.3. Tiến trình văn hóa Việt Nam** 1.3.1. Lớp văn hóa bản địa 1.3.2. Lớp văn hóa giao lưu với Trung Hoa và khu vực 1.3.3. Lớp văn hóa giao lưu với văn hóa phương Tây		+ Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + GV nhận xét, đánh giá và kết luận. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Bài 1, chương 1. [2]: Chương 1 và 2. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Trả lời câu hỏi cá nhân, theo nhóm trong [1]: Chương 1, mục 1.1 - 1.3. + Thảo luận nội dung: Nêu những đặc trưng cơ bản trong các lĩnh vực của loại hình văn hóa nông nghiệp và mối liên hệ giữa chúng.	
2	**Chương 2. Văn hóa nhận thức** **Mục tiêu chương:** Trang bị kiến thức về hệ thống tư duy truyền thống; vận dụng để giải thích một số biểu hiện văn hóa trong đời sống. **Nội dung cụ thể:** **2.1. Triết lý âm dương** 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Quy luật của triết lý âm dương 2.1.3. Triết lý âm dương và tính cách người Việt **2.2. Học thuyết tam tài ngũ hành** 2.2.1. Tam tài	4 (4LT, 0TH)	**Thuyết trình; Phương pháp động não; Tổ chức học theo nhóm.** **- Giảng viên:** + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Đưa nội dung thảo luận. + Giao bài tập cho các nhóm. + Giảng viên đánh giá, nhận xét và đưa ra kết luận. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 2; [2]: Chương 3. + Lắng nghe, quan sát,	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	2.2.2. Ngũ hành **2.3. Lịch âm dương và hệ Can chi** 2.3.1. Lịch và lịch âm dương 2.3.2. Hệ đếm can chi		ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Chương 2, mục 2.2 - 2.3. + Thảo luận nội dung: Cách đổi năm dương lịch sang năm can chi và ngược lại.	
3	**Chương 3. Văn hóa tổ chức đời sống tập thể** **Mục tiêu chương:** Trang bị kiến thức về tổ chức nông thôn, quốc gia, đô thị; phát triển khả năng vận dụng và thảo luận các vấn đề văn hóa cộng đồng. **Nội dung cụ thể:** **3.1. Tổ chức nông thôn** 3.1.1. Theo huyết thống 3.1.2. Theo địa bàn cư trú 3.1.3. Theo nghề nghiệp và sở thích 3.1.4. Theo truyền thống nam giới 3.1.5. Theo đơn vị hành chính **3.2. Tổ chức quốc gia** **3.3. Tổ chức đô thị** 3.2.1. Trong quan hệ với quốc gia 3.2.2. Trong quan hệ với nông thôn	4 (4LT, 0TH)	**Thuyết trình; Tổ chức cho sinh viên tranh luận; Tổ chức học theo nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Giao nội dung thảo luận cho các nhóm. + Giảng viên đánh giá, nhận xét và đưa ra kết luận. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 3; [2]: Chương 4. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép, thảo luận và phản biện. + Làm bài tập theo nhóm trong tài liệu [1]: Chương 3, mục 3.1-3.2. + Thảo luận nội dung: Trình bày ưu và nhược điểm trong tính cách người Việt bắt nguồn từ tính cộng đồng và tính tự trị.	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
4	**Chương 4. Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân** **Mục tiêu chương:**	8 (6LT, 2KT)	**Thuyết trình; Tổ chức cho sinh viên tranh luận; Tổ chức học theo**	CLO2, CLO3, CLO4,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	Trang bị kiến thức về tín ngưỡng, phong tục, giao tiếp và nghệ thuật; phát triển khả năng vận dụng, phân tích và trình bày các biểu hiện văn hóa. **Nội dung cụ thể:** **4.1. Tín ngưỡng** 4.1.1. Tín ngưỡng phồn thực 4.1.2. Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên 4.1.3. Tín ngưỡng sùng bái con người **4.2. Phong tục** 4.2.1. Phong tục hôn nhân 4.2.2. Phong tục tang ma 4.2.3. Phong tục lễ tết và lễ hội **4.3. Văn hóa giao tiếp và nghệ thuật ngôn từ** 4.3.1. Đặc trưng giao tiếp cơ bản của người Việt Nam 4.3.2. Đặc trưng cơ bản của nghệ thuật ngôn từ Việt Nam **4.4. Nghệ thuật thanh sắc và hình khối** 4.4.1. Tính biểu trưng của nghệ thuật thanh sắc và hình khối 4.4.2. Tính biểu cảm của nghệ thuật thanh sắc và hình khối 4.4.3. Tính tổng hợp của nghệ thuật thanh sắc và hình khối 4.4.4. Tính linh hoạt ở nghệ thuật thanh sắc **** Kiểm tra giữa học phần***		**nhóm.** **- Giảng viên:** + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Đưa nội dung thảo luận. + Giao bài tập cho các nhóm. + Giảng viên đánh giá, nhận xét và đưa ra kết luận. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1] và [2]: Chương 4. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép, tranh luận và phản biện. + Làm bài tập theo nhóm trong tài liệu [1]: Chương 4, Bài 4.1- 4.2. + Làm bài kiểm tra. + Thảo luận nội dung: nêu những đặc trưng của văn hóa Việt Nam thể hiện qua đàn bầu.	CLO5, CLO6
5	**Chương 5. Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên** **Mục tiêu chương:**	4 (4LT, 0TH)	**Thuyết trình; Tổ chức cho sinh viên tranh luận; Tổ chức học theo**	CLO2, CLO3, CLO4,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	Trang bị kiến thức về ăn, mặc, ở, đi lại; phát triển khả năng vận dụng và phân tích cách ứng xử của người Việt với môi trường tự nhiên. **Nội dung cụ thể:** **5.1. Tận dụng môi trường tự nhiên: ăn** 5.1.1. Quan niệm và cơ cấu bữa ăn của người Việt 5.1.2. Đặc trưng trong văn hóa ăn uống người Việt **5.2. Ứng phó môi trường tự nhiên: mặc** 5.2.1. Quan niệm và chất liệu may mặc 5.2.2. Trang phục qua các thời đại và tính linh hoạt trong cách mặc **5.3. Ứng phó môi trường tự nhiên: ở và đi lại** 5.3.1. Giao thông 5.3.2. Nhà cửa, kiến trúc		**nhóm.** **- Giảng viên:** + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Đưa nội dung thảo luận. + Giao bài tập cho các nhóm. + Giảng viên đánh giá, nhận xét và đưa ra kết luận. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 5; + Lắng nghe, quan sát, ghi chép, tranh luận và phản biện. + Làm bài tập theo nhóm trong tài liệu [1]: Chương 5, Bài 5.1- 5.3. + Thảo luận nội dung: Hãy nêu những đặc điểm của kiến trúc Việt Nam cổ truyền.	CLO5, CLO6
6	**Chương 6. Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội** **Mục tiêu chương:** Trang bị kiến thức về giao lưu, tiếp biến văn hóa; phát triển khả năng phân tích ảnh hưởng của các nền văn hóa đối với Việt Nam và ý thức bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa. **Nội dung cụ thể:** **6.1. Giao lưu với Ấn Độ: văn hóa Chăm** 6.1.1. Nguồn gốc của văn hóa Chăm 6.1.2. Đặc điểm của kiến trúc và điêu khắc Chăm **6.2. Phật giáo và văn hóa**	6 (6LT, 0TH)	**Thuyết trình; Tổ chức cho sinh viên tranh luận; Tổ chức học theo nhóm.** **- Giảng viên:** + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Đưa nội dung thảo luận. + Giao bài tập cho các nhóm. + Giảng viên đánh giá, nhận xét và đưa ra kết luận. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 6; + Lắng nghe, quan sát, ghi chép, tranh luận và phản biện.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	Việt Nam 6.2.1. Sự hình thành và nội dung cơ bản của Phật giáo 6.2.2. Phật giáo ở Việt Nam **6.3. Nho giáo và văn hóa Việt Nam** 6.3.1. Sự hình thành và nội dung cơ bản của Nho giáo 6.3.2. Nho giáo ở Việt Nam **6.4. Đạo giáo và văn hóa Việt Nam** 6.4.1. Sự hình thành và nội dung cơ bản của Đạo giáo 6.4.2. Đạo giáo ở Việt Nam **6.5. Phương Tây với văn hóa Việt Nam** 6.5.1. Ki-tô giáo với văn hóa Việt Nam 6.5.2. Văn hóa phương Tây và văn hóa Việt Nam		+ Làm bài tập theo nhóm trong tài liệu [1]: Chương 6, Bài 6.1- 6.5. + Thảo luận nội dung: Nêu những ảnh hưởng của văn hóa phương Tây đối với văn hóa Việt Nam trên các phương diện.	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Luật

1. Tên học phần: Logic học đại cương/ General logic
2. Mã học phần: LUAT 041
3. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ hai
5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành
- Giờ học tập định mức của người học: 100 giờ (bao gồm 30 giờ dự giờ giảng trên lớp, 60 giờ tự học có hướng dẫn, nghiên cứu, 10 giờ chuẩn bị và tham gia dự kiểm tra, đánh giá định kỳ - quy chuẩn 50 giờ học tập/1 tín chỉ).

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong học phần Triết học Mác - Lênin
7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Phùng Thị Lý	0989407962	Phunglysd@gmail.com
2.	Th.s. Đỗ Thị Thùy	0936503703	thuydhsd@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần
Học phần trang bị những tri thức của logic hình thức. Cung cấp những quy tắc và các yêu cầu của các quy luật cơ bản của tư duy như: Quy luật đồng nhất; Quy luật phi mâu thuẫn; Quy luật gạt bỏ cái thứ ba; Quy luật lý do đầy đủ. Và những hình thức cơ bản của tư duy như: Khái niệm; Phán đoán; Suy luận; Giả thuyết; Chứng minh; Bác bỏ và Ngụy biện.
9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần
10.1. Mục tiêu
a) Mục tiêu chung của học phần
Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về logic học, đặc biệt là các quy luật và hình thức cơ bản của tư duy logic; giúp sinh viên hiểu được bản chất, vai trò và ý nghĩa của logic học trong nhận thức, học tập, nghiên cứu và hoạt động thực tiễn. Qua đó, hình thành và phát triển năng lực tư duy logic, tư duy độc lập và tư duy phản biện; rèn luyện khả năng phân tích, lập luận, đánh giá và vận dụng các quy luật, phương pháp logic để giải quyết các vấn đề trong học tập, nghề nghiệp và đời sống; đồng thời phát triển năng lực tự học, làm việc độc lập, làm việc nhóm, giao tiếp, thuyết trình và tinh thần trách nhiệm trong công việc.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- **CO1 (Kiến thức):** Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về logic học, bao gồm các quy luật và hình thức cơ bản của tư duy logic; giúp sinh viên hiểu được bản chất, đặc điểm, vai trò và ý nghĩa của logic học trong nhận thức, học tập, nghiên cứu và hoạt động thực tiễn.
- **CO2 (Kỹ năng):** Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá và vận dụng các quy luật, hình thức và phương pháp logic trong quá trình tư duy; phát triển năng lực lập luận, suy luận, chứng minh, bác bỏ, nhận diện ngụy biện và tư duy phản biện; vận dụng kiến thức logic để phân tích và giải quyết các vấn đề trong học tập, nghề nghiệp và đời sống.

- **CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm):** Tạo cơ hội và môi trường cho sinh viên phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, tư duy độc lập và sáng tạo; hình thành tác phong làm việc khoa học, có trách nhiệm trong học tập và công việc; nâng cao ý thức hợp tác, khả năng làm việc nhóm, giao tiếp, thuyết trình và phản biện một cách có căn cứ, tôn trọng sự thật và các nguyên tắc của tư duy logic.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Trình bày và giải thích được những kiến thức cơ bản của logic học; các quy luật, hình thức và phương pháp cơ bản của tư duy logic, bao gồm khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh, bác bỏ và các hình thức lập luận.	PI1.2	2
CLO2	Phân tích và vận dụng được các quy luật, hình thức và phương pháp logic để xây dựng, kiểm tra và đánh giá tính đúng đắn của các lập luận, suy luận trong học tập, nghiên cứu và hoạt động thực tiễn.	PI1.2	2
CLO3	Nhận diện, phân tích và chỉ ra được những lỗi logic, ngụy biện thường gặp trong quá trình tư duy và giao tiếp; vận dụng tư duy logic và tư duy phản biện để giải quyết các vấn đề một cách có căn cứ, chặt chẽ và hợp lý.	PI1.2	2
	Kỹ năng		
CLO4	Thực hiện được việc tự học, tự nghiên cứu và giải quyết các bài tập, tình huống logic một cách độc lập; có khả năng trao đổi, thảo luận, làm việc nhóm và trình bày quan điểm một cách rõ ràng, có lập luận.	PI10.1	2
CLO5	Vận dụng logic học để đề xuất giải pháp hoặc thực hiện các hoạt động học tập, làm việc nhóm và tham gia các hoạt động xã hội phù hợp với chuẩn mực đạo đức, ý thức công dân và yêu cầu nghề nghiệp.	PI10.2	2
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Thể hiện được tính chủ động, trung thực, khách quan và trách nhiệm trong học tập; có ý thức tôn trọng sự thật, tuân thủ các nguyên tắc của tư duy logic và vận	PI10.1 PI10.2	2

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	dụng tư duy khoa học trong học tập, nghề nghiệp và đời sống.		

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4		x	
CLO5		x	
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *	
	PLO 1	**PLO10**
	PI1.2	**PI10.1, PI10.2**
CLO1	I	
CLO2	I	
CLO3	I	R
CLO4	M	
CLO5	M	
CLO6		R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Ví dụ						

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Điểm danh, theo dõi mức độ tham gia học tập. - Bài kiểm tra ngắn (trắc nghiệm/tự luận). - Thảo luận nhóm, thuyết trình. - Rubric đánh giá.	CLO1	20	Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO1 → PLO10/PI10.2
			CLO5	40	Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO5 → PLO10/PI10.2
			CLO6	40	Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên	CLO6 → PLO10/PI10.1
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra tự luận. - Rubric chấm bài.	CLO1	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	Điểm CLO1 → PLO1/PI1.2
			CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	Điểm CLO2 → PLO1/PI1.2
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi tự luận - Rubric chấm bài .	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	Điểm CLO1 → PLO1/PI1.2
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → PLO1/PI1.2
			CLO3	20	Điểm bài thi cuối kỳ	Điểm CLO3 → PLO1/PI1.2
			CLO4	40	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO10/PI10.2

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. *Rubric đánh giá chuyên cần*

		Mức chất lượng	

Tiêu chí	Tỷ lệ	Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	Điểm
		10 – 8.5	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Mức độ tham dự theo thời khóa biểu	50	*Tham dự >85% buổi học*	*Tham dự 70-84% buổi học*	*Tham dự 50-69% buổi học*	*Tham dự <50% buổi học*	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50%	Chủ động chuẩn bị bài, tích cực phát biểu, thảo luận, giải quyết tình huống và làm việc nhóm	Tham gia đầy đủ các hoạt động học tập, có trao đổi ý kiến	Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn thụ động	Không tham gia hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao	

2. Rubric kiểm tra tự luận và thi tự luận.

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Kiến thức cơ bản về logic	CLO1, CLO2	**20%**	Trình bày và giải thích được những kiến thức cơ bản của logic học; các quy luật, hình thức và phương pháp cơ bản của tư duy logic, bao gồm khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh, bác bỏ và các hình thức lập luận.	Trình bày cơ bản đầy đủ, chính xác, còn một số hạn chế nhỏ.	Trình bày được một số kiến thức cơ bản nhưng còn thiếu nội dung, còn nhầm lẫn.	Không nắm được hoặc trình bày sai các kiến thức cơ bản
Nhận diện, phân tích và chỉ ra được những lỗi	CLO2, CLO3	**20%**	Nhận diện, phân tích và chỉ ra được	Vận dụng cơ bản đúng các nguyên tắc, chuẩn	Vận dụng được một số nguyên tắc đạo đức nhưng còn	Không xác định hoặc không vận dụng được các nguyên

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
logic, ngụy biện thường gặp trong quá trình tư duy và giao tiếp; vận dụng tư duy logic và tư duy phản biện để giải quyết các vấn đề một cách có căn cứ, chặt chẽ và hợp lý.			những lỗi logic, ngụy biện thường gặp trong quá trình tư duy và giao tiếp; vận dụng tư duy logic và tư duy phản biện để giải quyết các vấn đề một cách có căn cứ, chặt chẽ và hợp lý.	mực đạo đức; còn một số hạn chế nhỏ.	lúng túng, thiếu căn cứ trong một số tình huống.	tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp vào tình huống thực tế.
Phân tích và đánh giá các tình huống của logic học	CLO4	**20%**	Phân tích đầy đủ, sâu sắc và logic tình huống.	Phân tích, đánh giá cơ bản đúng, có sai sót nhỏ.	Nhận diện được vấn đề đạo đức nhưng phân tích còn hạn chế, bỏ sót một số yếu tố hoặc đưa ra nhận định chưa đầy đủ.	Không xác định được vấn đề hoặc đưa ra nhận định, đánh giá không phù hợp với tình huống.
Thực hiện được việc tự học, tự nghiên cứu và giải quyết các bài tập, tình huống logic một cách độc lập; có khả năng trao đổi, thảo luận, làm việc nhóm và	CLO4, CLO5	**30%**	Thể hiện rõ ràng, chuyên nghiệp, có trách nhiệm trong giao tiếp và ứng xử; giải quyết tình huống phù hợp.	Thực hiện cơ bản phù hợp với yêu cầu đạo đức nghề nghiệp trong giao tiếp và ứng xử, còn một số hạn chế.	Có khả năng xử lý tình huống ở mức cơ bản nhưng còn lúng túng, giao tiếp hoặc ứng xử chưa thật phù hợp trong một số trường hợp.	Không thực hiện được yêu cầu về ứng xử, giao tiếp hoặc giải quyết vấn đề theo chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
trình bày quan điểm một cách rõ ràng, có lập luận.						
Thể hiện được tính chủ động, trung thực, khách quan và trách nhiệm trong học tập; có ý thức tôn trọng sự thật, tuân thủ các nguyên tắc của tư duy logic và vận dụng tư duy khoa học trong học tập, nghề nghiệp và đời sống.	CLO6	**10%**	Thể hiện được tính chủ động, trung thực, khách quan và trách nhiệm trong học tập; có ý thức tôn trọng sự thật, tuân thủ các nguyên tắc của tư duy logic và vận dụng tư duy khoa học trong học tập, nghề nghiệp và đời sống.	Thể hiện cơ bản đúng yêu cầu về trách nhiệm, liêm chính và tuân thủ chuẩn mực đạo đức; còn một số hạn chế nhỏ.	Nhận thức được yêu cầu về trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp nhưng chưa thể hiện đầy đủ hoặc chưa nhất quán trong ứng xử.	Không thể hiện được yêu cầu về trách nhiệm, liêm chính, tuân thủ chuẩn mực và đạo đức nghề nghiệp.
Tổng điểm		**100%**				

12. Yêu cầu học phần

- **Quy định chuyên cần:** Sinh viên phải tham dự tối thiểu **80%** tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá **20%** số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- **Nhiệm vụ học tập và tự học:** Sinh viên phải chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp; hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ tự học, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các chuyên đề tự học theo kế hoạch của học phần; tích cực phối hợp làm việc nhóm, chuẩn bị slide và thực hiện báo cáo, thuyết trình chuyên đề khi được phân công.

- **Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật:** Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động trao đổi, thảo luận và phản biện trong các hoạt động trên lớp; thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức:** Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng những nội dung cốt lõi của học phần. Từ đó có ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, phản biện và các hoạt động chính trị - xã hội phù hợp.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2025), Giáo trình Logic học đại cương, NXB Công an nhân dân.

- Tài liệu tham khảo:

[2] - Logic học đại cương (PGS.TS. Nguyễn Tấn Hùng) - Đại học Đà Nẵng - NXB Đà Nẵng, 2020.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
1	**CHƯƠNG 1: KHOA HỌC LOGIC** **Mục tiêu chương** Giúp sinh viên hiểu được: Logic, đối tượng nghiên cứu của Logic, Logic hình thức và Logic biện chứng, Lịch sử phát triển của Logic học, ý nghĩa của việc nghiên cứu Logic học. **Nội dung cụ thể** 1.1. Đối tượng của logic học. 1.2. Công dụng của Logic học 1.3. Sự hình thành và phát triển của Logic học. 1.4. Ý nghĩa của việc nghiên cứu Logic học.	02 (05LT,	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, nêu vấn đề kết hợp với làm việc nhóm, tranh biện, tình huống, đóng vai, trải nghiệm thực tế.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng	CLO1 CLO4,5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên phần 1.1, 1.2 chương 1, tài liệu [1]. + Đọc tài liệu [2] + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	
2	**CHƯƠNG 2 . CÁC QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA TƯ DUY** **Mục tiêu chương:** Giúp sinh viên hiểu được: quy luật đồng nhất, quy luật phi mâu thuẫn, quy luật gạt bỏ cái thứ ba, quy luật lý do đầy đủ. **Nội dung cụ thể:** 2.1. Quy luật đồng nhất. 2.2. Quy luật phi mâu thuẫn. 2.3. Quy luật gạt bỏ cái thứ ba. Quy luật lý do đầy đủ.	03 (03LT)	**Thuyết giảng, nêu vấn đề, trực quan, sử dụng tình huống, trải nghiệm thực tế, đóng vai** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Trực quan tình huống về xử phạt vi phạm hành chính hiện hành. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1],[2] + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn.	CLO1,3 CLO4

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			+ Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	
3	**CHƯƠNG 3: KHÁI NIỆM** **Mục tiêu chương:** Giúp sinh viên hiểu được: Khái niệm, hình thức ngôn ngữ biểu thị khái niệm, kết cấu logic của khái niệm, quan hệ giữa nội hàm và ngoại diên của khái niệm, các loại khái niệm, quan hệ giữa các khái niệm **Nội dung cụ thể:** 3.1. Khái niệm là gì? 3.2. Hình thức ngôn ngữ biểu thị khái niệm. 3.3. Kết cấu logic của khái niệm. 3.4. Quan hệ giữa nội hàm và ngoại diên của khái niệm. 3.5. Các loại khái niệm. 3.6. Quan hệ giữa các khái niệm. Các phép logic xử lý khái niệm.	02 (02LT, 0TH)	**Thuyết giảng, trực quan, sử dụng tình huống, dạy học dựa trên vấn đề, tranh biện, tình huống.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Trực quan tình huống trong quan hệ pháp luật. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và chương 3, tài liệu, [1] [2]. + Đọc tài liệu [2] + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn cuộc sống.	CLO1 CLO4,5,6
4	**CHƯƠNG 4. PHÁN ĐOÁN** **Mục tiêu chương:** **Giúp sinh viên hiểu được các khái niệm:** Phán đoán, câu, phân loại phán đoán **Nội dung cụ thể:** 4.1. Phán đoán là gì? 4.2. Phán đoán và câu. 4.3. Phân loại phán đoán	03 (03LT, 0TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, phương pháp động não, dạy học dựa trên vấn đề, trải nghiệm thực tế, làm việc nhóm** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng	CLO1 CLO4,5,6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung bài học tài liệu [1], [2] + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	
5	**CHƯƠNG 5: SUY LUẬN** **Mục tiêu chương:** Giúp sinh viên hiểu được: suy luận, kết cấu logic của suy luận, phân loại suy luận. **Nội dung cụ thể** 5.1. Suy luận là gì ? 5.2. Kết cấu logic của suy luận. 5.3. Phân loại suy luận.	03LT	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, dạy học dựa trên vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, phương pháp đóng vai.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biên. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước nội dung bài học phần 5.1, 452 Chương 5, tài liệu [1],[2].	CLO1 CLO4,5,6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			+ Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận.	
6	**CHƯƠNG 6. SUY LUẬN TRỰC TIẾP VỚI TIỀN ĐỀ LÀ PHÁN ĐOÁN ĐƠN** **Mục tiêu chương:** Giúp sinh viên hiểu được: định nghĩa, các loại suy luận trực tiếp **Nội dung cụ thể** 6.1. Định nghĩa và ví dụ 6.2. Các loại suy luận trực tiếp	04(03LT, 01KT)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, dạy học dựa trên vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, phương pháp đóng vai.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biên. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước nội dung bài học phần 6.1 tr 157. Chương 6, tài liệu [1],[2]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. + Sinh viên làm bài kiểm tra giữa học phần..	CLO1 CLO4,5,6
7	**CHƯƠNG 7. TAM ĐOẠN LUẬN NHẤT QUYẾT ĐƠN** **Mục tiêu chương:** Giúp sinh viên hiểu được: định nghĩa, các loại tam đoạn luận, các tiền đề và quy tắc của tam đoạn luận **Nội dung cụ thể** 7.1. Định nghĩa và cấu trúc 7.2. Hình và kiểu của tam đoạn luận 7.3. Các tiền đề và quy tắc chung của tam đoạn	03LT	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, dạy học dựa trên vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, phương pháp đóng vai.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nếu vấn đề cần giải quyết.	CLO1 CLO4,5,6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	luận 7.4. Tam đoạn luận đơn giản lược và suy luận nhiều tiền đề		+ Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biên. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước nội dung bài học phần 7.1, 7.2, 7.3, 7.4. Chương 7, tài liệu [1],[2]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận.	
8	**CHƯƠNG 8. SUY LUẬN VỚI TIỀN ĐỀ LÀ PHÁN ĐOÁN PHỨC** **Mục tiêu chương:** Giúp sinh viên hiểu được: định nghĩa, các loại suy luận phức, sử dụng giả định **Nội dung cụ thể** 8.1. Định nghĩa và tích hợp logic 8.2. Một số dạng thức suy luận phức 8.3. Sử dụng giả định	03LT	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, dạy học dựa trên vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, phương pháp đóng vai.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biên. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước nội dung bài học phần 8.1, 8.2, 8.3. Chương 8, tài liệu [1],[2].	CLO1 CLO4,5,6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			+ Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận.	
9	**CHƯƠNG 9. SUY LUẬN QUY NẠP** **Mục tiêu chương:** Giúp sinh viên hiểu được: định nghĩa, đặc điểm và vai trò của suy luận quy nạp, một số phương pháp nâng cao độ tin cậy của suy luận quy nạp **Nội dung cụ thể** 9.1. Định nghĩa và cấu trúc 9.2. Đặc điểm và vai trò của suy luận quy nạp 9.3. Một số phương pháp nâng cao độ tin cậy của suy luận quy nạp 9.4. Một số phương pháp xác định liên hệ nhân quả	02LT	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, dạy học dựa trên vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, phương pháp đóng vai.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biên. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước nội dung bài học phần 9.1, 9.2, 9.3, 9.4. Chương 9, tài liệu [1],[2]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận.	CLO1 CLO4,5,6
10	**CHƯƠNG 10. SUY LUẬN TƯƠNG TỰ** **Mục tiêu chương:** Giúp sinh viên hiểu được: định nghĩa, các loại suy luận tương tự, vai trò **Nội dung cụ thể** 10.1. Định nghĩa và cấu trúc của suy luận tương tự 10.2. Đặc điểm của suy luận tương tự 10.3. Một số biện pháp nâng cao độ tin cậy của suy luận tương tự	02LT	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, dạy học dựa trên vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, phương pháp đóng vai.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biên.	CLO1 CLO4,5,6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			+ Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước nội dung bài học phần 10.1, 10.2, 10.3, Chương 10 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận.	
11	**CHƯƠNG 11. GIẢ THUYẾT, CHỨNG MINH VÀ BÁC BỎ** **Mục tiêu chương:** Giúp sinh viên hiểu được: giả thuyết, chứng minh, bác bỏ **Nội dung cụ thể** 11.1. Giả thuyết. 11.2. Chứng minh 11.3. Bác bỏ	03LT	**Thuyết giảng, nêu vấn đề, trực quan, sử dụng tình huống, làm việc nhóm, tranh biện, đóng vai** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Trực quan tình huống về xử phạt vi phạm hành chính hiện hành. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2] + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	CLO1 CLO4,5,6

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

1. Tên học phần: Tiếng Anh 1

2. Mã học phần: TANH 051

3. Số tín chỉ: 02 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ nhất.

5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành
- Giờ học tập định mức của người học: 100 giờ

6. Điều kiện tiên quyết/ học trước: Không.

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trịnh Thị Chuyên	0913.601.619	chuyennna@gmail.com
2	ThS. Tăng Thị Hồng Minh	0913.592.866	Tang.huyminh@gmail.com
3	ThS. Vũ Thị Lương	0989.670.521	Luongnn78@gmail.com
4	ThS. Đặng Thị Thanh	0833308338	dangthanhhd79@gmail.com
5	ThS. Ngô Thị Mỹ Bình	0986596586	yendhsd@gmail.com
6	ThS. Trần Thị Mai Hương	0389182331	huongtrakhanhhung@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên những từ vựng cơ bản về các chủ điểm: Công việc, nghề nghiệp, đồ ăn, đồ uống, các hoạt động hằng ngày, gia đình, các đồ đạc trong phòng. Bên cạnh đó, sinh viên được củng cố các kiến thức ngữ pháp như: Động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định,... Phân biệt được các thời động từ: Hiện tại đơn, quá khứ và phân biệt danh từ đếm được và không đếm được, các cấu trúc sử dụng với các dạng từ loại: Can, have got, there is/are, like,… và một số loại cấu trúc câu hỏi.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Học phần Tiếng Anh 1 trang bị cho sinh viên năng lực giao tiếp tiếng Anh ở trình độ A2 theo Khung tham chiếu châu Âu (CEFR) thông qua việc phát triển đồng đều bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cùng với hệ thống từ vựng, ngữ pháp và phát âm

cơ bản. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng sử dụng tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp quen thuộc liên quan đến học tập, cuộc sống và môi trường đại học; đồng thời hình thành ý thức tự học, tinh thần hợp tác, tác phong học tập tích cực và khả năng sử dụng công nghệ hỗ trợ học ngoại ngữ.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng:

Về kiến thức

CO1: Cung cấp cho sinh viên hệ thống từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và các chức năng ngôn ngữ cơ bản ở trình độ A2 để giao tiếp trong những chủ đề quen thuộc như bản thân, gia đình, học tập, công việc, du lịch, mua sắm, sức khỏe và cuộc sống hằng ngày.

CO2: Trang bị cho sinh viên cách nhận biết các quy tắc phát âm, trọng âm, ngữ điệu và đặc điểm diễn ngôn cơ bản trong giao tiếp tiếng Anh.

Về kỹ năng

CO3: Rèn luyện kĩ năng nghe hiểu các đoạn hội thoại và thông tin ngắn ở tốc độ vừa phải về các chủ đề quen thuộc.

CO4: Hướng dẫn sinh viên thực hiện được các cuộc hội thoại đơn giản, trình bày ý kiến và trao đổi thông tin trong các tình huống giao tiếp hằng ngày với mức độ lưu loát phù hợp trình độ A2.

CO5: Rèn luyện cho sinh viên kĩ năng đọc hiểu và viết được các văn bản ngắn (email, tin nhắn, ghi chú, đoạn văn khoảng 80–120 từ) sử dụng đúng ngữ pháp, từ vựng và bố cục cơ bản.

Về tự chủ và trách nhiệm

CO6: Hình thành thái độ học tập tích cực, chủ động tự học, hợp tác hiệu quả trong học tập, có ý thức sử dụng tiếng Anh trong học tập và giao tiếp, đồng thời tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong môi trường quốc tế.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	**Mô tả CLOs**	**PIs**	**Mức độ của PIs theo thang đo Bloom**
	Kiến thức		
CLO1	Trình bày hệ thống từ vựng về các chủ đề: Công việc, nghề nghiệp, đồ ăn, đồ uống, các hoạt động hằng ngày, gia đình, các đồ đạc trong phòng và vận dụng ngữ	PI6.2	2

CLOs	Mô tả CLOs	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	pháp: Hiện tại đơn, quá khứ đơn, cấu trúc there is/there are, cấu trúc động từ khuyết thiếu trong giao tiếp hằng ngày.		
CLO2	Phân biệt và vận dụng được các quy tắc phát âm, trọng âm, ngữ điệu và các mẫu diễn ngôn cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả giao tiếp bằng tiếng Anh.	PI6.2	3
	Kỹ năng		
CLO3	Nghe và đọc hiểu được các hội thoại, thông báo, bài đọc ngắn và các văn bản đơn giản về các chủ đề quen thuộc; khai thác được thông tin chính và thông tin chi tiết phục vụ học tập và giao tiếp.	PI6.2	3
CLO4	Thực hiện được các cuộc hội thoại ngắn, trình bày và trao đổi thông tin, ý kiến về các chủ đề quen thuộc với khả năng phát âm, ngữ điệu và mức độ lưu loát phù hợp trình độ A2.	PI6.2	3
CLO5	Viết được email, tin nhắn, ghi chú và đoạn văn ngắn khoảng 80–120 từ đúng bố cục, sử dụng phù hợp từ vựng, ngữ pháp và liên kết câu theo yêu cầu của trình độ A2.	PI6.2	3
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Thể hiện tinh thần tự học, chủ động chuẩn bị bài, hợp tác hiệu quả trong hoạt động cặp/nhóm, sử dụng công nghệ để hỗ trợ học tập và có ý thức tôn trọng sự khác biệt văn hóa trong giao tiếp bằng tiếng Anh.	PI9.1	3

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs):

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3	CO4	CO5	CO6
CLO1	x					
CLO2		x				
CLO3			x		x	
CLO4				x		
CLO5					x	

CLO6						x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình (PLOs):

CLOs	**Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI ***			
	PLO2		**PLO9**	
	PI2.1	**PI6.2**	**PI9.1**	**PI9.2**
CLO1		I		
CLO2		R		
CLO3		R		
CLO4		R		
CLO5			R	
CLO6			M	

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	**(6)**	**(7)**
Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm chuyên cần	20%	- Thời gian tham gia lớp học. - Bài kiểm tra tự luận/ trắc nghiệm - Rubric Tự luận/ trắc nghiệm	CLO2	20%	Điểm bài kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO1 → PLO6/ PI6.1
			CLO3	20%		
			CLO4	20%		
			CLO5	20%		
			CLO6	20%	Điểm Rubric chuyên cần	Điểm CLO1 → PLO9/

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	**(6)**	**(7)**
						PI9.1
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	1 điểm	CLO1	10%	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	Điểm CLO1 → PLO6/ PI6.1
			CLO2	20%		
			CLO3	30%		
			CLO4	30%		
			CLO5	10%		
Điểm thi kết thúc học phần	50%	1 điểm	CLO1	10%	Điểm bài kiểm tra kết thúc học phần	Điểm CLO1 → PLO6/ PI6.1
			CLO2	20%		
			CLO3	10%		
			CLO4	30%		
			CLO5	30%		
			CLO6	10%		

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá quá trình

Nội dung tiêu chí	CLO	Thang đánh giá Điểm /7	0 điểm	50% số điểm	100% số điểm
1/ Ý thức chấp hành quy định	CLO5	1	Thái độ không đúng mực, không có ý thức hợp tác với các thành viên.	Thái độ, ý thức phù hợp hướng dẫn của giảng viên.	Thái độ, ý thức phù hợp hướng dẫn của giảng viên. .
2/ Tham gia các hoạt động	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	6	Không tham gia hoặc tham gia không đầy đủ các hoạt động được tổ chức.	Tham gia đầy đủ các hoạt động.	Tham gia đầy đủ các hoạt động được tổ chức. Chủ động trao đổi, thảo luận với giáo viên

Tổng điểm		7			Kết quả

2. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	**Tỷ lệ**	**Mức chất lượng**				
		Rất tốt	**Tốt**	**Đạt yêu cầu**	**Không đạt**	**Điểm**
		10 – 8.5	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Mức độ tham dự theo thời khóa biểu	50	*Tham dự >85% buổi học*	*Tham dự 70-84% buổi học*	*Tham dự 50-69% buổi học*	*Tham dự <50% buổi học*	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

6. Rubric thi tự luận (Thang điểm 10)

Mô tả mức chất lượng					**Điểm**
Mức chất lượng	**Giỏi**	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	
Thang điểm	**10 – 8.5**	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Bài kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ	Đáp ứng 80% - 100% yêu cầu	Đáp ứng 70 – 80% yêu cầu của mức Giỏi	Đáp ứng 50 – 60% yêu cầu của mức Giỏi	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu của mức Giỏi	
ĐIỂM TỔNG					

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Vở ghi, bút.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- ***Tài liệu chính:***

[1]. Frances Eales, Steve Oakes, (2022), *Speak out - A2*, Pearson.

- Tài liệu tham khảo:

[2]. Raymond Murphy, (2019), *English Grammar in Use*, Cambridge University Press.

[3]. Raymond Murphy, *Essential Grammar in Use*, Cambridge University Press.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
1	**Unit 1. Me and you** **Mục tiêu bài:** - Trình bày các từ vựng chỉ công việc và một số các cụm động từ. - Hiểu và sử dụng thành thạo thì hiện tại đơn, cấu trúc câu đề nghị, sử dụng tính từ chỉ cảm xúc và các cụm từ chỉ thời gian và sở hữu cách. - Hội thoại giới thiệu bản thân và người khác.	6 (6LT, 0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Phương pháp đóng vai.** **Giảng viên:** - Giải thích nghĩa của từ vựng. - Luyện phát âm cho sinh viên. - Phát vấn sinh viên cách sử dụng thì hiện tại đơn và lấy ví dụ. - Hướng dẫn sinh viên hội thoại theo cặp. - Giao bài tập cho sinh viên.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	- Đọc hiểu bài đọc về nói về gia đình. - Viết giới thiệu bản thân. **Nội dung cụ thể:** 1A. Hi! 1B. Same but different 1C. Let's meet. 1D. Family and friends Review for Unit 1		- Hướng dẫn sinh viên làm bài tập trên trang web. - Đánh giá, nhận xét. **Sinh viên:** - Ghi chép từ vựng và luyện phát âm. - Đọc trước tài liệu [1] Unit 1 và [3]. Trình bày cách chia động từ ở thì hiện tại đơn và cách sử dụng sở hữu cách. - Hội thoại theo cặp. - Hoàn thành các bài tập Unit 1 trên trang web.	
2	**Unit 2. Lifestyle** **Mục tiêu bài:** - Trình bày các từ vựng chỉ đồ ăn, đồ uống. - Phân biệt danh từ đếm được và không đếm được và kết hợp với some và cách dùng động từ like/hate + Ving. - Đọc về các hoạt động hằng ngày. - Hội thoại gọi đồ ăn trong nhà hàng. **Nội dung cụ thể:** 2A. Can't live without it 2B. Your lifestyle and you 2C. Eating out 2D. The Indian relay Review for Unit 2	6 (6LT, 0TH)	**Công não; Đàm thoại; Phương pháp đóng vai.** **Giảng viên:** - Nêu vấn đề và hướng dẫn sinh viên liệt kê từ vựng chỉ đồ ăn, đồ uống. - Luyện phát âm cho sinh viên. - Đàm thoại về cấu trúc like/hate, phân biệt danh từ đếm được và không đếm được và kết hợp với some. - Hướng dẫn sinh viên đóng vai gọi đồ ăn, đồ uống trong nhà hàng. - Giao bài tập cho sinh viên. - Đánh giá, nhận xét. **Sinh viên:** - Trình bày từ vựng chỉ đồ ăn, đồ uống và luyện phát âm các từ vựng. - Đọc trước tài liệu [1] Unit 2 và trang 72 tài liệu [3]. Phân biệt danh từ đếm được và không đếm được	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
			và cấu trúc câu với like/hate. - Hội thoại theo cặp đóng vai gọi đồ ăn, đồ uống trong nhà hàng. - Hoàn thành bài trong phần Review for Unit 2 tài liệu [1].	
3	**Unit 3. Home** **Mục tiêu bài:** - Trình bày các từ vựng chỉ đồ đạc trong phòng. - Phân biệt các từ this, that, these, those, here, there và sử dụng cấu trúc There is/are và động từ Have got. - Đọc hiểu đoạn văn miêu tả đồ vật trong nhà. - Sử dụng cấu trúc câu mời, câu đề nghị. - Viết email miêu tả địa điểm nào đó. **Nội dung cụ thể:** 3A. Come in. 3B. Too much stuff 3C. What can I bring? 3D. Your neighbourhood Review for Unit 3 Kiểm tra giữa học phần	6 (4LT, 0TH, 2KT)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Tổ chức thảo luận nhóm.** **Giảng viên:** - Giải thích nghĩa của từ vựng và luyện phát âm. - Đàm thoại cách sử dụng cấu trúc have got/has got, There is/are và đại từ bất định. - Tổ chức hoạt động nhóm cho sinh viên. - Giao bài tập cho sinh viên. - Đánh giá, nhận xét. **Sinh viên:** - Lắng nghe, ghi chép, luyện phát âm. - Liệt kê các từ vựng chỉ đồ vật trong nhà. - Đọc trước tài liệu [1] Unit 3 và [2] trang 9, 36 và 61. Trình bày cách sử dụng Have/has got, cấu trúc There is/are. - Thảo luận nhóm. - Hoàn thành bài tập trong phần Review for Unit 3 tài liệu [1]. - Thực hiện bài kiểm tra giữa học phần.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.
4	**Unit 4. This world** **Mục tiêu bài:** - Trình bày các từ vựng liên quan đến hoạt động	6 (6LT, 0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Tổ chức thảo luận nhóm.** **Giảng viên:**	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	mua sắm. - Hiểu và cấu tạo động từ ở thì quá khứ đơn và các cụm từ diễn đạt thời gian. - Đọc hiểu các bài đọc liên quan đến con số. - Hội thoại với chủ đề mua sắm và thời tiết. - Viết một email sắp xếp thời gian gặp mặt. **Nội dung cụ thể:** 4A. What a decade! 4B. Life in numbers 4C. Where can I get…? 4D. Sakura time Review for Unit 4		- Giảng giải các từ vựng về liên quan đến hoạt động mua sắm. - Đàm thoại về cấu trúc thì quá khứ đơn. - Hướng dẫn thảo luận nhóm về các hoạt động mua sắm. - Giao bài tập cho sinh viên. - Đánh giá, nhận xét. **Sinh viên:** - Ghi chép từ vựng và luyện phát âm. - Đọc trước tài liệu [1] Unit 4 và [3] trang 5-7 và 58. Trình bày cấu trúc thì quá khứ đơn. - Thảo luận nhóm về các hoạt động mua sắm. - Hoàn thành bài tập trong phần Review for Unit 4 tài liệu [1].	CLO5, CLO6.
5	**Unit 5. The past** **Mục tiêu bài:** - Trình bày các từ vựng chỉ sự kiện. - Ôn tập cấu trúc với thì quá khứ đơn. - Nghe hiểu và đọc bài đọc về các sự kiện. - Trình bày cấu trúc câu xin lỗi và diễn đạt thời gian. - Kể về các hoạt động gần đây kết hợp với tính từ và bổ ngữ. **Nội dung cụ thể:** 5A. Then and now 5B. What went wrong? 5C. Sorry I'm late. 5D. My weekend was … Review for Unit 5	6 (6LT, 0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Đặt vấn đề.** **Giảng viên:** - Giảng giải các nhóm từ vựng chỉ sự kiện. - Đàm thoại về cấu trúc, cách dùng thì quá khứ đơn. - Nêu vấn đề và hướng dẫn sinh viên nói về sự kiện. - Giao bài tập cho sinh viên. - Đánh giá, nhận xét. **Sinh viên:** - Luyện tập với các nhóm từ vựng. - Đọc trước tài liệu [1], [2] Unit 5 và trình bày cấu trúc	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
			thì quá khứ đơn. - Nói về các sự kiện. - Hoàn thành các bài tập trong Review for Unit 5 tài liệu [1].	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

1. Tên học phần: Tiếng Anh 2

2. Mã học phần: TANH 052

3. Số tín chỉ: 3 (3,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ hai

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 45 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành
- Tự học: 90 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần Tiếng Anh 1

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trịnh Thị Chuyên	0913601619	chuyennna@gmail.com
2	ThS. Tăng Thị Hồng Minh	0913592866	Tang.huyminh@gmail.com
3	ThS. Vũ Thị Lương	0989670521	Luongnn78@gmail.com
4	ThS. Phạm Thị Huyền Trang	0977612288	Trang.phamhuyen88@gmail.com
5	ThS. Trần Hoàng Yến	0986596586	yendhsd@gmail.com
6	ThS. Ngô Thị Mỹ Bình	0984188873	tienganhmybinhsd@gmail.com
7	ThS. Trần Thị Mai Hương	0389182331	huongtrakhanhhung@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên những từ vựng cơ bản như Các nhóm động từ, danh từ và các từ loại khác theo những chủ điểm khác nhau: Công việc, du lịch, phim ảnh, môi trường, quan điểm sống … Bên cạnh đó, sinh viên được củng cố các kiến thức ngữ pháp như: Cách sử dụng các thì cơ bản của tiếng Anh như hiện tại đơn, quá khứ đơn, tương lai, các cấu trúc ngữ pháp với giới từ, tính từ, trạng từ,… Ngoài ra, sinh viên được thực hành các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc hằng ngày, giao tiếp, ứng xử.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Học phần **Tiếng Anh 2** nhằm giúp sinh viên củng cố và phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh ở trình độ **A2–B1**, tập trung vào việc mở rộng kiến thức về từ vựng, ngữ âm và các cấu trúc ngữ pháp thiết yếu; đồng thời phát triển các kỹ năng **nghe, nói, đọc và viết** thông qua các chủ đề giao tiếp trong đời sống, học tập và nghề nghiệp. Học phần chú trọng khả năng vận dụng tiếng Anh trong

các tình huống giao tiếp thực tế, tăng cường sự tự tin, tính chủ động và khả năng tự học của sinh viên trong quá trình sử dụng và phát triển năng lực tiếng Anh.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng:

Về kiến thức

CO1. Vận dụng được kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp và ngữ âm tiếng Anh ở trình độ A2–B1 để hiểu và tạo lập các phát ngôn trong những tình huống giao tiếp quen thuộc thuộc các chủ đề của học phần.

CO2. Giải thích và vận dụng được các cấu trúc ngôn ngữ và cách diễn đạt phù hợp để thực hiện các chức năng giao tiếp như mô tả sự việc, kể về trải nghiệm, đưa ra ý kiến, thảo luận, đề xuất, yêu cầu, đồng ý và không đồng ý trong các tình huống học tập, đời sống và nghề nghiệp.

Về kỹ năng

CO3. Phát triển khả năng nghe để nhận biết ý chính, thông tin cụ thể và một số chi tiết quan trọng trong các đoạn hội thoại, bài nói và tình huống giao tiếp có nội dung phù hợp với trình độ A2–B1.

CO4. Sử dụng tiếng Anh tương đối lưu loát và chính xác để giao tiếp bằng lời nói, tham gia hội thoại, trình bày ý kiến, trao đổi thông tin và xử lý các tình huống giao tiếp quen thuộc trong học tập, đời sống và môi trường nghề nghiệp.

CO5. Đọc hiểu và tạo lập được các văn bản tiếng Anh ngắn ở trình độ A2–B1; có khả năng xác định ý chính, tìm kiếm thông tin, suy luận ý nghĩa trong ngữ cảnh và viết các đoạn/văn bản ngắn có nội dung rõ ràng, phù hợp với mục đích giao tiếp.

Về mức tự chủ và thái độ

CO6. Có ý thức chủ động, tích cực và trách nhiệm trong học tập tiếng Anh; biết sử dụng các nguồn học liệu và công cụ công nghệ phù hợp để tự học, tự đánh giá và từng bước nâng cao năng lực giao tiếp tiếng Anh.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLOs	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	**Vận dụng được** kiến thức về từ vựng, ngữ pháp và ngữ âm ở trình độ A2–B1 để hiểu và tạo lập các câu, phát ngôn và văn bản ngắn trong các tình huống giao tiếp thuộc phạm vi học phần.	PI6.2	3
CLO2	**Giải thích và vận dụng được** các cấu trúc	PI6.2	3

CLOs	Mô tả CLOs	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	ngôn ngữ và chức năng giao tiếp phù hợp để mô tả, kể lại sự việc/trải nghiệm, trình bày ý kiến, đưa ra đề xuất, yêu cầu, đồng ý, không đồng ý và trao đổi thông tin trong các tình huống giao tiếp quen thuộc.		
	Kỹ năng		
CLO3	**Nghe và xác định được** ý chính, thông tin cụ thể và các chi tiết quan trọng trong các đoạn hội thoại, bài nói và tình huống giao tiếp phù hợp với trình độ A2–B1.	PI6.2	3
CLO4	**Giao tiếp bằng tiếng Anh tương đối lưu loát và chính xác**, có khả năng tham gia hội thoại, trao đổi thông tin, trình bày ý kiến và xử lý các tình huống giao tiếp quen thuộc trong học tập, đời sống và nghề nghiệp.	PI6.2	3
CLO5	**Đọc hiểu và viết được** các văn bản ngắn ở trình độ A2–B1; xác định được ý chính, thông tin cụ thể, suy luận được nghĩa trong ngữ cảnh và tạo lập được văn bản rõ ràng, mạch lạc, phù hợp với mục đích giao tiếp.	PI6.2	4
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	**Chủ động và có trách nhiệm** trong học tập và sử dụng tiếng Anh; tích cực tham gia các hoạt động giao tiếp, biết khai thác học liệu và công cụ công nghệ phù hợp để tự học, tự đánh giá và cải thiện năng lực tiếng Anh.	PI9.1	4

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs):

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3	CO4	CO5	CO6
CLO1	x					
CLO2		x				
CLO3			x		x	
CLO4				x		
CLO5					x	
CLO6						x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình (PLOs):

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *			
	PLO2		PLO9	
	PI2.1	PI6.2	PI9.1	PI9.2
CLO1		R		
CLO2		R		
CLO3		R		
CLO4		R		
CLO5			R	
CLO6			M	

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm chuyên cần	20%	- Thời gian tham gia lớp học. - Bài kiểm tra tự luận/ trắc nghiệm - Rubric Tự luận/ trắc nghiệm	CLO2	20%	Điểm bài kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO1 → PLO6/ PI6.1
			CLO3	20%		
			CLO4	20%		
			CLO5	20%		
			CLO6	20%	Điểm Rubric chuyên cần	Điểm CLO1 → PLO9/ PI9.1
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	1 điểm	CLO1	10%	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	Điểm CLO1 → PLO6/ PI6.1
			CLO2	20%		
			CLO3	30%		
			CLO4	30%		
			CLO5	10%		
Điểm thi kết thúc học phần	50%	1 điểm	CLO1	10%	Điểm bài kiểm tra kết thúc học phần	Điểm CLO1 → PLO6/ PI6.1
			CLO2	20%		
			CLO3	10%		
			CLO4	30%		
			CLO5	30%		
			CLO6	10%		

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá quá trình

Nội dung tiêu chí	CLO	Thang đánh giá Điểm /7	0 điểm	50% số điểm	100% số điểm
1/ Ý thức chấp hành quy định	CLO5	1	Thái độ không đúng mực, không có ý thức hợp tác với các thành viên.	Thái độ, ý thức phù hợp hướng dẫn của giảng viên.	Thái độ, ý thức phù hợp hướng dẫn của giảng viên. .

2/ Tham gia các hoạt động	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	6	Không tham gia hoặc tham gia không đầy đủ các hoạt động được tổ chức.	Tham gia đầy đủ các hoạt động.	Tham gia đầy đủ các hoạt động được tổ chức. Chủ động trao đổi, thảo luận với giáo viên
Tổng điểm		7			Kết quả

2. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	**Tỷ lệ**	**Mức chất lượng**				
		Rất tốt	**Tốt**	**Đạt yêu cầu**	**Không đạt**	**Điểm**
		10 – 8.5	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Mức độ tham dự theo thời khóa biểu	50	*Tham dự >85% buổi học*	*Tham dự 70-84% buổi học*	*Tham dự 50-69% buổi học*	*Tham dự <50% buổi học*	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

3. Rubric thi tự luận (Thang điểm 10)

Mô tả mức chất lượng					**Điểm**
Mức chất lượng	**Giỏi**	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	
Thang điểm	**10 – 8.5**	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Bài kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ	Đáp ứng 80% - 100% yêu cầu	Đáp ứng 70 – 80% yêu cầu của mức Giỏi	Đáp ứng 50 – 60% yêu cầu của mức Giỏi	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu của mức Giỏi	
ĐIỂM TỔNG					

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Vở ghi, bút.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] Eales, F., & Oakes, S. (2023). *Speakout 3rd edition A2 student's book and eBook with online practice.* Pearson Education.

[2] Clare, A., & Wilson, J. J. (2023). *Speakout 3rd edition B1 student's book and eBook with online practice.* Pearson Education.

- Tài liệu tham khảo:

[3]- Marty Hobbs Julia Starr Keddle (2010). *Real life – Elementary – Students' book.* Pearson Longman.

[4]- Raymond Murphy (2019). *English Grammar in Use*. Cambridge Press.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

TT	**Nội dung giảng dạy**	**Số giờ**	**Phương pháp dạy-học**	**CĐR học phần**
1	**Unit 6 (A2). Out and about** **Mục tiêu bài:** - Trình bày các từ vựng liên quan đến trang phục, phương tiện giao thông, các tính từ chỉ ngoại hình. - Hiểu và sử dụng thành thạo	6 (6LT,0TH)	**Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Phát vấn; Thảo luận nhóm** **- Giảng viên:** + Giải thích cấu trúc và cách sử dụng của tình hiện tại tiếp diễn và cấu trúc câu so sánh. + Nêu các từ vựng về chủ đề	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	thì hiện tại tiếp diễn, cấu trúc so sánh hơn. - Hội thoại về những việc đang diễn ra. - Nhắc lại các từ vựng về các bộ phận trên cơ thể. **Nội dung cụ thể:** 6A. Meet me in town 6B. My way 6C. Greeting around 6D. Cities: Nature's new wind		trang phục, phương tiện giao thông, tính từ chỉ ngoại hình. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, chữa bài cho sinh viên trong lớp. **- Sinh viên:** + Tìm hiểu cách sử dụng của thì hiện tại tiếp diễn và cấu trúc câu so sánh. + Hoàn thành các bài tập. + Liệt kê các từ vựng có liên quan đến trang phục, phương tiện giao thông. + Tìm hiểu cách sử dụng các các tính từ chỉ ngoại hình trong tài số [3]. + Hoàn thành bài tập trong tài liệu số [1]. + Miêu tả về một người bạn yêu quý. + Viết về thói quen ăn mặc của bản thân.	

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
2	**Unit 7 (A2). Work** **Mục tiêu bài:** - Trình bày các từ vựng liên quan đến công việc. - Hiểu và phân biệt được thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, cách dùng quán từ. - Hội thoại mô tả về công việc hàng ngày của bản thân và người khác. - Nhắc lại các cụm động từ, động từ nguyên thể có "to" và không "to". **Nội dung cụ thể:** 7A. Odd jobs 7B. An extra day 7C. I'm calling to check 7D. Would you like to…?	6 (6LT,0TH)	**Thuyết trình; Đặt vấn đề; Phát vấn, trực quan; Thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa, và từ vựng về chủ đề công việc. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Chữa bài cho sinh viên. **- Sinh viên:** + Liệt kê các từ vựng liên quan đến công việc và tính chất của công việc nào đó. + Tìm hiểu cách thành lập câu hỏi với thì hiện tại tiếp diễn. + Lập hội thoại hỏi đáp về công việc. + Tra từ mới phần Reading trong tài liệu số [1]. + Nói và viết về một công việc của bản thân. + Đọc nội dung ngữ pháp về thì hiện tại tiếp diễn trong tài liệu số [4].	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.
3	**Unit 8 (A2). Travellers** **Mục tiêu bài:** - Nhắc lại các từ vựng miêu tả về nơi chốn. - Trình bày được cấu trúc câu so sánh hơn nhất, liên từ và thì tương lai gần. - Hội thoại về chủ đề du lịch. **Nội dung cụ thể:** 8A. Trip advice	6 (5LT,1KT)	**Thuyết trình; Đặt vấn đề; Phát vấn, trực quan, giảng giải nội dung bài ôn tập** **- Giảng viên:** + Phát âm mẫu các từ vựng. + Nhắc lại cấu trúc ngữ pháp, hướng dẫn sinh viên làm bài ôn tập. **- Sinh viên:** + Hệ thống lại từ vựng, ngữ pháp của Unit 678 trong tài	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	8B. Surprise travel 8C. At a hotel 8D. Arctic academy Kiểm tra giữa kỳ		liệu số [1]. + Hoàn thành bài tập trong sách Workbook. + Ôn tập chuẩn bị cho kiểm tra giữa kỳ.	
4	**Unit 1 (B1). People** **Mục tiêu bài:** - Trình bày các tính từ chỉ tính cách của con người. - Hiểu và sử dụng thành thạo động từ thường chia ở thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, các trạng từ chỉ tần suất. - Hội thoại về công việc. - Nhắc lại các từ vựng chỉ tính chất công việc. - Đọc hiểu và nói lại thành thạo về phong cách sống của mình hoặc của người khác. - Nghe hiểu về công việc hàng ngày của ai đó. **Nội dung cụ thể:** 1A. Who are you? 1B. Good people 1C. Let's talk! 1D. Lifestyle	9 (9LT,0TH)	**Thuyết trình; Đặt vấn đề; Phát vấn, trực quan; Thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích cách sử dụng, đọc mẫu các từ vựng chỉ tính cách của con người. + Giảng giải, phân biệt cấu trúc, cách sử dụng của thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Chữa bài cho sinh viên. **- Sinh viên:** + Liệt kê các từ vựng chỉ tính cách của con người. + Tìm hiểu cách thành lập câu thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn. + Hệ thống lại từ vựng, ngữ pháp của bài học. + Tra từ mới phần Reading trong tài liệu [2]. + Nói về tính cách của ai đó. + Hoàn thành bài viết miêu tả về bạn thân của mình. + Đọc hiểu cách sử dụng và phân biệt thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn trong tài liệu số [4].	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.
5	**Unit 2 (B1). Tale travellers**	9	**Thuyết trình; Dạy học dựa**	CLO1,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	Mục tiêu bài: - Trình bày các từ vựng liên quan đến phim ảnh, chương trình truyền hình. - Hiểu và sử dụng thành thạo động từ thường chia ở thì quá quá khứ đơn và hiện tại hoàn thành, phân biệt tính từ kết thúc bằng "ed" và "ing". - Hội thoại về chương trình truyền hình, phim ảnh. - Nhắc lại các giới từ chỉ thời gian, nơi chốn. - Nghe hiểu và nhắc lại các động từ thường chia ở thì quá khứ đơn. - Hội thoại về những bộ phim và các chương trình trên TV. **Nội dung cụ thể:** 2A. What happened? 2B. Story telling 2C. A likely story 2D. The story of a place	(9LT,0TH)	**trên vấn đề; Giảng giải; Thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa, và từ vựng về chủ đề phim ảnh và chương trình truyền hình. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Chữa bài cho sinh viên. **- Sinh viên:** + Liệt kê các từ vựng liên quan đến điện ảnh và chương trình truyền hình. + Tìm hiểu cách thành lập câu hỏi với thì quá khứ đơn và hiện tại hoàn thành trong tài liệu số [2] và số [4]. + Lập hội thoại hỏi đáp về các hoạt động cuối tuần. + Hoàn thành bài tập phần bài tập tài liệu số [2]. + Tra từ mới phần Reading tài liệu số [2]. + Nói về một bộ phim. + Hoàn thành bài viết về một chương trình truyền hình.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.
6	**Unit 3 (B1). Questions** **Mục tiêu bài:** - Nhắc lại các từ vựng liên quan việc miêu tả địa điểm. - Nói về kế hoạch tương lai, phỏng đoán tương lai bằng thì hiện tại tiếp diễn, tobe going to, might và will… - Trình bày quan điểm của bản thân về những điều quan trọng	9 (9LT,0TH)	**Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Giảng giải; Thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích cách nói kế hoạch tương lai, phỏng đoán tương lai bằng thì hiện tại tiếp diễn, tobe going to, might và will… + Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	trong cuộc sống. **Nội dung cụ thể:** 3A. Fact and figures 3B. Dicisions 3C. Can I ask you…? 3D. What matters most?		+ Giải thích yêu cầu bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập ôn tập. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Chữa bài cho sinh viên. + Cho sinh viên bốc thăm chủ đề nói. **- Sinh viên:** + Hệ thống lại từ vựng, ngữ pháp của Unit 3 tài liệu số [2]. + Hoàn thành bài tập trong tài liệu số [2]. + Tra từ mới phần Reading của tài liệu số [2]. + Đọc ngữ pháp về tobe going to trong tài liệu số [4].	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Khối ngành không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Anh 3
2. Mã học phần: TANH 053
3. Số tín chỉ: 03 (3,0)
4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ 2
5. Phân bổ thời gian:
- Giờ tín chỉ: 45 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành
- Giờ học tập định mức của người học (bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá): 150 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần Tiếng Anh 2.
7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trịnh Thị Chuyên	0913.601.619	chuyennna@gmail.com
2	ThS. Tăng Thị Hồng Minh	0913.592.866	Tang.huyminh@gmail.com
3	ThS. Vũ Thị Lương	0989.670.521	Luongnn78@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần cung cấp kiến thức ngữ pháp tiếng Anh ở trình độ trung cấp, bao gồm các thì, cấu trúc động từ, câu so sánh, mệnh đề quan hệ, câu tường thuật, câu bị động, câu điều kiện và từ chỉ định lượng. Sinh viên được mở rộng vốn từ vựng phục vụ giao tiếp và các chủ đề quen thuộc như con người, nghề nghiệp, công nghệ, xã hội, giải trí, du lịch và môi trường. Học phần tích hợp rèn luyện bốn kỹ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết thông qua các ngữ liệu và tình huống giao tiếp thực tế. Đồng thời, sinh viên được phát triển các kỹ năng thế kỷ XXI như tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, giao tiếp, làm việc nhóm và quản lý bản thân. Học phần cũng chú trọng khả năng truyền đạt thông tin hiệu quả trong các bối cảnh học tập và nghề nghiệp, qua đó nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh toàn diện và khả năng vận dụng ngôn ngữ vào thực tiễn.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh và tiếng Việt
10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần
10.1. Mục tiêu học phần

a) Mục tiêu chung của học phần:

Trang bị cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng) và kỹ năng giao tiếp tiếng Anh ở mức độ trung cấp (B1), tập trung vào các chủ đề về thành công, tin tức, sáng tạo, du lịch và kỹ năng giải quyết vấn đề, công nghệ và thế giới tự nhiên.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Cung cấp kiến thức về các cấu trúc ngữ pháp phức hợp (câu gián tiếp, câu điều kiện, bị động) và từ vựng chuyên sâu theo chủ đề.
- CO2 (Kỹ năng): Rèn luyện kỹ năng nghe hiểu ý chính/chi tiết, đọc phân tích văn bản, viết email/báo cáo và nói thuyết trình/thảo luận nhóm về các vấn đề xã hội.

- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Giúp sinh viên hình thành thái độ học tập chủ động, khả năng tự nghiên cứu và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong giao tiếp đa văn hóa. Tuân thủ đạo đức số trong kỷ nguyên AI.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome –CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Vận dụng chính xác các cấu trúc ngữ pháp (các thì quá khứ, câu điều kiện, bị động, động từ khuyết thiếu) và vốn từ vựng để diễn đạt các khái niệm về thành công, sáng tạo và giải pháp.	PI 6.1	3
CLO2	Phân tích và tóm tắt được ý chính cũng như thông tin chi tiết từ các đoạn hội thoại, bài nghe vlogs và các văn bản đọc hiểu trình độ B1	PI 6.1	2
CLO3	Sử dụng các mẫu câu chức năng để đưa ra lời khuyên, đề xuất giải pháp, mô tả vấn đề và thực hiện giao tiếp trong bối cảnh du lịch, dịch vụ	PI 6.2	3
	Kỹ năng		
CLO4	Thực hiện các bài nói thuyết trình ngắn hoặc thảo luận nhóm trôi chảy về các mẩu tin thời sự, ý tưởng sáng tạo và kế hoạch tương lai	PI 6.2	3
CLO5	Tạo lập được các văn bản viết (email, mẩu tin, báo cáo ngắn, kể chuyện) mạch lạc, đúng cấu trúc và phong cách văn phong trình độ trung cấp	PI 6.2	3
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Thể hiện sự chuyên cần, chủ động trong việc tự học và hoàn thành các dự án nhóm đúng thời hạn, đồng thời tuân thủ đạo đức khi ứng dụng AI trong học tập.	PI 9.1	4

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		

CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4		x	
CLO5		x	
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	**Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)** **PLO và chỉ số PI ***																			
	PLO 1		**PLO 2**		**PLO 3**		**PLO 4**		**PLO 5**		**PLO 6**		**PLO 7**		**PLO 8**		**PLO 9**		**PLO 10**	
	PI 1.1	**PI 1.2**	**PI 2.1**	**PI 2.2**	**PI 3.1**	**PI 3.2**	**PI 4.1**	**PI 4.2**	**PI 5.1**	**PI 5.2**	**PI 6.1**	**PI 6.2**	**PI 7.1**	**PI 7.2**	**PI 8.1**	**PI 8.2**	**PI 9.1**	**PI 9.2**	**PI 10.1**	**PI 10.2**
CLO1											R									
CLO2											R									
CLO3												R								
CLO4												R								
CLO5												R								
CLO6																	R			

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức	20%	- Chuyên cần: Thời gian tham gia lớp học và mức độ tương tác trực tiếp. - Bài tập về nhà/LMS: Hoàn	CLO6	100%	Điểm Rubric chuyên cần	PI 9.1

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
và thái độ		thành các nhiệm vụ tự học trên hệ thống và sử dụng AI có trách nhiệm				
Điểm kiểm tra giữa kỳ	30%	- Kiểm tra Nói (Speaking test): Thực hiện thảo luận nhóm hoặc thuyết trình ngắn về chủ đề công nghệ/giải pháp thực tiễn	CLO3	40%	Điểm bài thi nói (Áp dụng Rubric đánh giá năng lực thực hiện).	PI 6.2
			CLO4	60%		
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi tích hợp (Integrated test): Bao gồm các phần Trắc nghiệm (Ngữ pháp, từ vựng, Nghe) và Tự luận (Đọc hiểu,Viết)	CLO1	40%	Kết quả chi tiết các câu hỏi trong bài thi cuối kỳ (phân bổ theo ma trận đề thi).	PI 6.1
			CLO2	40%		
			CLO5	20%		PI 6.2

b, Rubric những bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá quá trình

Nội dung tiêu chí	CLO	Thang đánh giá	0 điểm	50% số điểm	100% số điểm

Nội dung tiêu chí	CLO	Thang đánh giá Điểm /7	0 điểm	50% số điểm	100% số điểm
1/ Ý thức chấp hành quy định	CLO6	1	Thái độ không đúng mực, không có ý thức hợp tác với các thành viên.	Thái độ, ý thức phù hợp hướng dẫn của giảng viên. Tuân thủ các nội quy.	Thái độ, ý thức phù hợp hướng dẫn của giảng viên. Tuân thủ các nội quy. Có tham gia nhóm, tự quản và thúc đẩy các hoạt động nhóm.
2/ Tham gia các hoạt động	CLO6	6	Không tham gia hoặc tham gia không đầy đủ các hoạt động.	Tham gia đầy đủ các hoạt động được.	Tham gia đầy đủ các hoạt động. Chủ động trao đổi, thảo luận với giáo viên, hoàn thành các bài tập ngắn trên lớp.
Tổng điểm		7			Kết quả: 6,3 – 7,0: Hoàn thành xuất sắc 5,6 – dưới 6,3: Hoàn thành tốt 4,9 – dưới 5,6: Hoàn thành Dưới 4,9: Chưa hoàn thành

2. ***Rubric đánh giá chuyên cần***

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				
		Rất tốt	**Tốt**	**Đạt yêu cầu**	**Không đạt**	**Điểm**
		10 – 8.5	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Mức độ tham dự theo thời khóa biểu	50	Tham dự >85% buổi học	Tham dự 70-84% buổi học	Tham dự 50-69% buổi học	Tham dự <50% buổi học	

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	Điểm
		10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

3. Rubric đánh giá giữa kỳ - Kỹ năng nói đo lường CLO3, CLO4)

Nội dung tiêu chí	CLO	Trọng số	Giỏi (8.5- 10)	Khá (7-8.4)	Trung bình (5-6.9)	Yếu (0- 4.9)
1. Nội dung & Ngôn ngữ	CLO3	50%	Vận dụng chính xác 100% ngôn ngữ chức năng và từ vựng.	Vận dụng tốt ngôn ngữ bài học, chỉ mắc 1-2 lỗi nhỏ không đáng kể.	Cấu trúc còn đơn giản; sử dụng từ vựng bài học ở mức cơ bản.	Nội dung sơ sài, không đáp ứng yêu cầu của chủ đề thảo luận
2/ **Độ trôi chảy và phát âm**	CLO4	50%	Nóit trôi chảy, tự nhiên; phát âm chuẩn, có ngữ điệu thuyết phục	Nói rõ ràng, ít ngắc ngứ; phát âm dễ hiểu dù đôi chỗ chưa tự nhiên	Nói còn chậm, ngắc ngứ nhiều; phát âm đôi chỗ làm người nghe khó hiểu	Nói ngắt quãng liên tục; phát âm sai nhiều lỗi cơ bản.
3, Tương tác và phản biện	CLO4	10	Phản xạ nhanh; trả lời thuyết phục 100% các câu hỏi phụ từ GV/bạn học	Trả lời đúng trọng tâm >2/3 số câu hỏi phụ.	Trả lời được khoảng 1/2 số câu hỏi nhưng chưa rõ ý	Không tương tác với nhóm; không trả lời được các câu hỏi phụ

4. Thang đo mức độ đạt CLO cho bài thi Trắc nghiệm cuối kỳ

Mức độ đạt CLO	Tỷ lệ câu đúng	Mô tả năng lực đạt được (Liên quan đến CLO1, CLO2, CLO3, CLO5)
Giỏi	80% - 100%	Vận dụng linh hoạt kiến thức (CLO1); Nghe/Đọc hiểu chi tiết nội dung Units 4-8 (CLO2); Xử lý xuất sắc các tình huống giao tiếp chức năng (CLO3). Biết cách vận dụng viết các câu đúng ngữ pháp (CLO5).
Khá	65% - 79%	Vận dụng tốt kiến thức trọng tâm (CLO1); Nắm bắt

		được đa số thông tin chi tiết trong bài nghe/đọc (CLO2); Thực hiện khá tốt các mẫu câu chức năng (CLO3).
Trung bình	50% - 64%	(Mức đạt CĐR): Nhận diện được ngữ pháp cơ bản (CLO1); Hiểu được ý chính của văn bản/hội thoại thông dụng (CLO2); Sử dụng được ngôn ngữ chức năng cơ bản (CLO3).
Yếu	< 50%	Chưa nắm vững từ vựng/ngữ pháp (CLO1); Không hiểu được nội dung cơ bản của bài nghe/đọc (CLO2); Chưa sử dụng được ngôn ngữ chức năng bài học (CLO3).

12. Yêu cầu học phần

- Để đạt được các chuẩn đầu ra của học phần, sinh viên có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các yêu cầu học tập theo kế hoạch giảng dạy và quy định của Nhà trường. Cụ thể:
- Sinh viên phải hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ học tập, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài kiểm tra và các yêu cầu khác theo kế hoạch giảng dạy của học phần.
- Tham gia tối thiểu 80% tổng số giờ học trên lớp theo quy định của Nhà trường; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, trao đổi, làm việc nhóm và các hoạt động học tập trên lớp.
- Chủ động nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của giảng viên; thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ tự học và học tập trực tuyến (nếu có).
- Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra giữa học phần, thuyết trình, báo cáo nhóm và kỳ thi kết thúc học phần theo quy định.
- Chủ động tìm kiếm, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn học liệu, cơ sở dữ liệu và công cụ số phục vụ học tập, nghiên cứu
- Thực hiện nghiêm túc quy định về đạo đức học thuật; bảo đảm tính trung thực trong học tập, kiểm tra, đánh giá; không sao chép, đạo văn hoặc sử dụng trái phép sản phẩm của người khác.
- Có tinh thần hợp tác, trách nhiệm trong làm việc nhóm; hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ được phân công; tôn trọng ý kiến của giảng viên và các thành viên trong nhóm.
- Sinh viên có trách nhiệm theo dõi thông báo của giảng viên, tuân thủ các quy định về thời hạn nộp bài, quy chế kiểm tra, đánh giá và các quy định khác của Nhà trường trong suốt quá trình học tập.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1].Antonia Clare and JJ Wilson (2024), Speakout 3rd Edition, Pearson.

- Tài liệu tham khảo:

[2]. Sarah Cunning Ham, Peter Moor (2010), *Realife – Pre-intermediate students' book,* Person Longman.

[3]. Raymond Murphy, (2012), *English Grammar in Use,* Cambridge Press.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
1	**Unit 1. Winners** **Mục tiêu:** - Trình bày từ vựng về sự thành công, các thuật ngữ công nghệ và thể thao. - Biết cách dùng động từ khuyết thiếu chỉ quy tắc/lời khuyên, mạo từ và hiện tại hoàn thành kết hợp so sánh hơn nhất. **Nội dung cụ thể:** 1.1.Vocabulary and Grammar: Modals for rules and advice 1.2. Reading and vocabulary: Famous Tech Firsts (Word building) 1.3. Grammar focus: Articles 1.4. Vocabulary and speaking: Sports and games 1.5. Functional language: How to explain rules and procedures 1.6. Grammar: Present perfect + superlative 1.7. BBC Entertainment: Top Gear (Nepal)	9 (9LT, 0TH)	**Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm.** **Giảng viên:** - Chia nhóm - Giải thích nghĩa của từ vựng. - Luyện phát âm cho sinh viên. - Hướng dẫn sinh viên sử dụng các mạo từ, động từ khuyết thiếu, các - Giao bài tập cho sinh viên. - Nhận xét, đánh giá bài làm của sinh viên. **Sinh viên:** - Đọc trước tài liệu [1] trang 44-54, tài liệu [2] trang 15. - Làm việc theo nhóm, liệt kê được các từ vựng chỉ các môn thể thao. - Tìm hiểu và phân biệt các hậu tố TL [3]. - Hoàn thành BT phần luyện tập trong workbook.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6.
2	**Unit 2. News** **Mục tiêu:** - Trình bày từ vựng về tin tức, mạng xã hội và các vấn đề môi trường. - Biết cách sử dụng mệnh đề quan hệ, câu tường thuật và các cấu trúc dự đoán tương lai (*will, might, be going to*) **Nội dung cụ thể:** 2.1. Reading and vocabulary: Real or fake news? 2.2. Grammar focus: Relative clauses	9 (9LT, 0TH)	**Thuyết trình, đặt vấn đề.** **Giảng viên:** Giải thích mệnh đề quan hệ xác định; hướng dẫn chuyển đổi câu trực tiếp sang gián tiếp; luyện ngữ điệu biểu cảm khi đưa tin tốt/xấu **Sinh viên:** - Luyện kỹ năng đọc phản biện (Critical thinking); thực hành đóng vai chia sẻ tin tức cá nhân; hoàn thành bài tập viết bình luận trực tuyến. - Liệt kê các từ vựng về tin	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	2.3. Vocabulary and Grammar: Reported speech (Social issues) 2.4. Vocabulary and listening: Events and occasions 2.5. Functional language: How to give and respond to personal news 2.6. Grammar: will, might, be going to for predictions 2.7. BBC Street Interviews: The future of news.		tức, sự kiện. - Lập hội thoại hỏi đáp về các địa điểm - Hoàn thành bài tập trang 55-65 tài liệu [1]. - Đọc trước tài liệu [3] trang 20-23 về lời nói trực tiếp và lời nói gián tiếp, thời tương lai gần và tương lai đơn, các cách đưa ra lời dự đoán. - Làm bài tập trong sách workbook.	
3	**Unit 3. Creators** **Mục tiêu:** - Trình bày từ vựng về nghệ thuật, sự sáng tạo và các tính từ mức độ mạnh (extreme adjectives). - Biết cách dùng "used to", so sánh hơn/nhất và hiện tại hoàn thành với "for, since, **Nội dung cụ thể:** 3.1. Reading and vocabulary: The two Pablos (The arts) 3.2. Grammar focus: used to 3.3. Reading and vocabulary: What is creativity? 3.4. Grammar focus: Comparatives and superlatives 3.5. Vocabulary and function: Extreme adjectives; How to ask for and give opinions 3.6. Grammar: Present perfect + for, since, yet 3.7. BBC Documentary: An artist at work - Kiểm tra giữa học phần.	9 (8LT, 0TH, 1KT)	**Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, đàm thoại.** **Giảng viên:** - Hướng dẫn phát âm các từ vựng trong bài. - Chia nhóm thảo luận, đưa ra các chủ đề thảo luận. - Đàm thoại hướng dẫn trình bày bài nói, giải thích sự khác biệt giữa tính từ thường và tính từ mạnh; luyện trọng âm từ trong cùng nhóm từ; hướng dẫn cách đưa ra lý lẽ và quan điểm. - Giải thích cấu trúc so sánh hơn và so sánh hơn nhất. - Nhận xét, đánh giá bài làm của sinh viên. **Sinh viên:** - Đọc trước tài liệu [2] trang 18, tài liệu [3] trang 35-45 về cấu trúc so sánh hơn và so sánh hơn nhất. - Ghi chép, luyện phát âm, trả lời câu hỏi đàm thoại. - Hoàn thành các bài tập trang 65-75 phần bài tập tài liệu [1].	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			- Làm việc theo cặp thiết lập đoạn hội thoại hỏi và trả lời về sở thích. - Làm bài kiểm tra giữa học phần.	
4	**Unit 4. Travel** **Mục tiêu:** - Trình bày từ vựng về du lịch, trải nghiệm mới và các tính từ mô tả địa danh. - Biết cách sử dụng câu điều kiện loại 1 & 2, từ chỉ định lượng và đại từ phản thân. **Nội dung cụ thể:** 4.1. Reading and vocabulary: Be a better tourist 4.2. Grammar focus: First and second conditionals 4.3. Vocabulary and listening: New experiences & Natural world 4.4. Grammar focus: Quantifiers 4.5. Reading and vocabulary: Top things to do in Shanghai 4.6. Functional language: How to make and respond to recommendations 4.7. Grammar: Reflexive pronouns 4.8. BBC Street Interviews: Go solo?	9 (9LT, 0TH)	**Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, phương pháp sắm vai** **Giảng viên:** Giảng giải sự khác biệt giữa hai loại câu điều kiện; luyện ngữ điệu hào hứng khi đưa ra lời khuyên; giải thích cách dùng từ chỉ định lượng. - Chia nhóm và hướng dẫn sinh viên thành lập đoạn hội thoại phản hồi lời khuyên. - Nhận xét đánh giá bài làm của sinh viên. **Sinh viên:** - Đọc trước tài liệu [2] Unit 66, 67 trang 140, tài liệu [3] trang 42-45. - Suy nghĩ đưa ra câu trả lời. - Hoàn thành bài tập trang 42 - 43 phần workbook tài liệu [1]. - Nghe, quan sát, ghi chép bài đầy đủ, thảo luận nhóm. - Thảo luận về du lịch có trách nhiệm; luyện nối âm trong câu điều kiện; thực hành giới thiệu một địa danh du lịch nổi tiếng.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6.
5	**Unit 5. Know - how** **Mục tiêu:** - Trình bày từ vựng về khả năng thực hành, công nghệ và các vấn đề kỹ thuật thường gặp. - Biết cách sử dụng động từ khuyết thiếu chỉ khả năng,	9 (9LT, 0TH)	**Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, giảng dạy thông qua thảo luận** **Giảng viên:** - Hướng dẫn sinh viên cách phát âm từ vựng. - Giải thích cách sử dụng của động từ khuyết thiếu.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	câu bị động và danh động từ **Nội dung cụ thể:** 5.1 Reading and vocabulary: Living the dream (Practical abilities) 5.2. Grammar focus: can, could, be able to 5.3. Reading and vocabulary: Art of uses of video (Technology 1) 5.4. Grammar focus: Active and passive 5.5. Reading and vocabulary: Computer Stress Syndrome (Technical problems) 5.6. Functional language: How to describe a problem and make recommendations 5.7. Grammar focus: -ing form 5.8. BBC Documentary: Inside the Human Body,		- Hướng dẫn sinh viên kỹ năng đọc hiểu. - Chia nhóm thảo luận về sự khác nhau trong câu trúc đưa ra lời khuyên ở hiện tại và quá khứ. - Nhận xét đánh giá bài làm của sinh viên. **Sinh viên:** Đọc trước tài liệu: [1] Unit 6 trang -55. [2] Unit 26, 27, trang 52-58. - Ghi chép, luyện phát âm, hoàn thành các nhiệm vụ được giao. - Làm việc theo nhóm, thiết lập đoạn hội thoại đưa ra lời khuyên. - Hoàn thành bài tập tr. 44-47 phần workbook tài liệu [1].	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

1. Tên học phần: Tiếng Trung Quốc 1

2. Mã học phần: TTRUNG 022

3. Số tín chỉ: 02 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ nhất.

5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành
- Giờ học tập định mức của người học: 100 giờ

6. Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Lan	0914.772.563	nguyenlan8078@gmail.com
2	ThS. Bùi Thị Trang	0978.693.593	trangbui175@gmail.com
3	ThS. Nguyễn Thị Hảo	0988.964.751	ruanshichuan89@gmail.com
4	ThS. Phạm Thu Hà	0931131168	fanqiuhe68@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Thị Hảo	0866761491	nthao81549@gmail.com
6	ThS. Mai Thị Hương Mỹ	0396.157.428	Maithihuongmy2401@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Tiếng Trung Quốc 1 dành cho sinh viên mới bắt đầu học tiếng Trung. Học phần gồm 10 bài, nội dung các bài cung cấp kiến thức nền tảng về ngữ âm tiếng Hán hiện đại, chữ Hán, từ vựng, mẫu câu và các hiện tượng ngữ pháp cơ bản liên quan đến các tình huống giao tiếp trong đời sống hằng ngày như: Chào hỏi, cảm ơn, giới thiệu bản thân, họ tên, tuổi, gia đình, nghề nghiệp, sở thích, khả năng của bản thân, địa điểm, thời gian, ngày tháng, đồ ăn, đồ uống, giá tiền và các hoạt động thường ngày. Bên cạnh đó, kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp tương ứng với nội dung từng bài trong học phần: Câu chữ 是, câu hỏi với 吗/呢 và đại từ nghi vấn, trợ từ 的/了, số đếm và lượng từ, động từ năng nguyện 会/想, câu vị ngữ tính từ/danh từ, câu liên động và cách dùng 在.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Trung

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần::

Học phần Tiếng Trung Quốc 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức và năng lực giao tiếp tiếng Trung Quốc ở trình độ nhập môn, tương ứng với nội dung bài 1 đến

bài 10 của học phần. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có nền tảng về ngữ âm, chữ Hán, từ vựng và ngữ pháp cơ bản; có khả năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày ở mức đơn giản; đồng thời hình thành thái độ học tập tích cực, năng lực tự học, tinh thần hợp tác và ý thức tôn trọng sự khác biệt ngôn ngữ - văn hóa, tạo cơ sở để tiếp tục học các học phần tiếng Trung Quốc ở trình độ cao hơn.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng:

Về kiến thức

CO1: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngữ âm tiếng Trung Quốc, bao gồm thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu, biến điệu và quy tắc phiên âm Hán ngữ (Pinyin); đồng thời giúp sinh viên nhận biết các nét cơ bản, kết cấu và quy tắc viết chữ Hán.

CO2. Cung cấp cho sinh viên hệ thống từ vựng, cụm từ, mẫu câu, cấu trúc ngữ pháp và các chức năng ngôn ngữ cơ bản để giao tiếp trong những chủ đề quen thuộc như: Chào hỏi, cảm ơn, giới thiệu bản thân, họ tên, tuổi, gia đình, nghề nghiệp, sở thích, khả năng của bản thân, địa điểm, thời gian, ngày tháng, đồ ăn, đồ uống, giá tiền và các hoạt động thường ngày.

Về kỹ năng

CO3: Rèn luyện kỹ năng nghe hiểu các từ, câu, đoạn hội thoại và thông tin ngắn với tốc độ phù hợp về các chủ đề giao tiếp quen thuộc trong phạm vi học phần.

CO4: Hướng dẫn sinh viên thực hiện được các cuộc hội thoại đơn giản, hỏi - đáp, giới thiệu và trao đổi thông tin trong các tình huống giao tiếp hằng ngày với khả năng phát âm, sử dụng từ vựng và cấu trúc câu phù hợp với trình độ của học phần.

CO5: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đọc hiểu các đoạn hội thoại, đoạn văn ngắn và viết đúng chữ Hán, câu, đoạn văn ngắn về bản thân, gia đình, học tập, sở thích và các chủ đề quen thuộc, sử dụng phù hợp từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học.

Về tự chủ và trách nhiệm

CO6: Hình thành thái độ học tập tích cực, chủ động tự học, hợp tác hiệu quả trong học tập theo cặp/nhóm; có ý thức sử dụng tiếng Trung trong học tập và giao tiếp, biết khai thác tài liệu và công nghệ hỗ trợ học ngoại ngữ, đồng thời bước đầu hình thành ý thức tôn trọng sự khác biệt về ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam - Trung Quốc.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	**Mô tả CLOs**	**PIs**	**Mức độ của PIs theo thang đo Bloom**

CLOs	Mô tả CLOs	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Trình bày và phân biệt được các quy tắc ngữ âm, phiên âm, thanh điệu; các nguyên tắc cơ bản về cấu tạo và viết chữ Hán.	PI6.2	2
CLO2	Trình bày hệ thống từ vựng về các chủ đề: Chào hỏi, cảm ơn, giới thiệu bản thân, họ tên, tuổi, gia đình, nghề nghiệp, sở thích, khả năng của bản thân, địa điểm, thời gian, ngày tháng, đồ ăn, đồ uống, giá tiền và các hoạt động thường ngày và vận dụng ngữ pháp: Câu chữ 是, câu hỏi với 吗/呢 và đại từ nghi vấn, trợ từ 的/了, số đếm và lượng từ, động từ năng nguyện 会/想, câu vị ngữ tính từ/danh từ, câu liên động và cách dùng 在.	PI6.2	3
	Kỹ năng		
CLO3	Rèn luyện kỹ năng nghe hiểu các từ, câu, đoạn hội thoại và thông tin ngắn với tốc độ phù hợp về các chủ đề giao tiếp quen thuộc trong phạm vi học phần.	PI6.2	2
CLO4	Hướng dẫn sinh viên thực hiện được các cuộc hội thoại đơn giản, hỏi - đáp, giới thiệu và trao đổi thông tin trong các tình huống giao tiếp hằng ngày với khả năng phát âm, sử dụng từ vựng và cấu trúc câu phù hợp với trình độ của học phần.	PI6.2	3
CLO5	Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đọc hiểu các đoạn hội thoại, đoạn văn ngắn và viết đúng chữ Hán, câu, đoạn văn ngắn về bản thân, gia đình, học tập, sở thích và các chủ đề quen thuộc, sử dụng phù hợp từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học.	PI6.2	3
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Thể hiện tinh thần tự học, chủ động chuẩn bị bài, hợp tác hiệu quả trong hoạt động cặp/nhóm,sử dụng công nghệ để hỗ trợ học tập và có ý thức tôn trọng sự khác biệt về ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam -	PI9.1	3

CLOs	Mô tả CLOs	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Trung Quốc trong giao tiếp.		

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs):

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3	CO4	CO5	CO6
CLO1	x					
CLO2		x				
CLO3			x		x	
CLO4				x		
CLO5					x	
CLO6						x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình (PLOs):

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) **PLO và chỉ số PI ***			
	PLO2		**PLO9**	
	PI2.1	**PI6.2**	**PI9.1**	**PI9.2**
CLO1		I		
CLO2		R		
CLO3		R		
CLO4		R		
CLO5			R	
CLO6			M	

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm chuyên cần	20%	- Thời gian tham gia lớp học. - Bài kiểm tra tự luận/ trắc nghiệm - Rubric Tự luận/ trắc nghiệm	CLO2	20%	Điểm bài kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO1 → PLO6/ PI6.1
			CLO3	20%		
			CLO4	20%		
			CLO5	20%		
			CLO6	20%	Điểm Rubric chuyên cần	Điểm CLO1 → PLO9/ PI9.1
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	1 điểm	CLO1	10%	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	Điểm CLO1 → PLO6/ PI6.1
			CLO2	20%		
			CLO3	30%		
			CLO4	30%		
			CLO5	10%		
Điểm thi kết thúc học phần	50%	1 điểm	CLO1	10%	Điểm bài kiểm tra kết thúc học phần	Điểm CLO1 → PLO6/ PI6.1
			CLO2	20%		
			CLO3	10%		
			CLO4	30%		
			CLO5	30%		
			CLO6	10%		

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá quá trình

Nội dung tiêu chí	CLO	Thang đánh giá Điểm /7	0 điểm	50% số điểm	100% số điểm
1/ Ý thức chấp hành quy định	CLO5	1	Thái độ không đúng mực, không có ý thức hợp tác với các thành viên.	Thái độ, ý thức phù hợp hướng dẫn của giảng viên.	Thái độ, ý thức phù hợp hướng dẫn của giảng viên. .

2/ Tham gia các hoạt động	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	6	Không tham gia hoặc tham gia không đầy đủ các hoạt động được tổ chức.	Tham gia đầy đủ các hoạt động.	Tham gia đầy đủ các hoạt động được tổ chức. Chủ động trao đổi, thảo luận với giáo viên
Tổng điểm		7			Kết quả

2. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	**Tỷ lệ**	**Mức chất lượng**				
		Rất tốt	**Tốt**	**Đạt yêu cầu**	**Không đạt**	**Điểm**
		10 – 8.5	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Mức độ tham dự theo thời khóa biểu	50	*Tham dự >85% buổi học*	*Tham dự 70-84% buổi học*	*Tham dự 50-69% buổi học*	*Tham dự <50% buổi học*	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

6. Rubric thi tự luận (Thang điểm 10)

Mô tả mức chất lượng					**Điểm**
Mức chất lượng	**Giỏi**	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	
Thang điểm	**10 – 8.5**	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Bài kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ	Đáp ứng 80% - 100% yêu cầu	Đáp ứng 70 – 80% yêu cầu của mức Giỏi	Đáp ứng 50 – 60% yêu cầu của mức Giỏi	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu của mức Giỏi	
ĐIỂM TỔNG					

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.

- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Vở ghi, bút.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Trường Đại học Sao Đỏ (2021), *Tài liệu học tập Tiếng Trung Quốc 1.*

[2] - Khương Lệ Bình (2018), *Giáo trình chuẩn HSK 1,* NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] - Khương Lệ Bình (2018), *Giáo trình chuẩn HSK 1 - Sách bài tập,* NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tài liệu tham khảo:

[4] - Dương Ký Châu (2019), *Giáo trình Hán ngữ (tập 1, thượng),* NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh.

[5] - Dương Ký Châu (2019), *Giáo trình Hán ngữ (tập 1, hạ),* NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
1	第一课　汉语普通话语音 **Mục tiêu bài:** - Phát âm đúng các thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu. - Trình bày được cách đánh thanh điệu, quy tắc viết phiên âm, quy tắc viết chữ Hán và biến điệu trong tiếng Hán. - Viết đúng các nét cơ bản và biến thể. **Nội dung cụ thể:** 一、汉语的音节 二、发音要领 三、汉语的声调 四、汉语拼音写规则 五、汉字	8 (8LT,0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại.** - **Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách phát âm thanh mẫu, vận mẫu, cách viết các nét cơ bản và biến thể của chữ Hán. + Phát âm mẫu, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm thanh mẫu, vận mẫu và thanh điệu. + Hướng dẫn sinh viên viết đúng các nét cơ bản và các nét biến thể. + Nhận xét, sửa lỗi nếu có. - **Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 1 - 21. [2]: Trang 15 - 19, 21 - 25, 29 - 33, 37 - 41, 46 - 49. [4]: Trang 2 - 9, 14 - 15, 21 - 24, 31 - 33, 39 - 40.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu và cách biến điệu. + Luyện viết các nét cơ bản và biến thể. + Luyện nghe các phần thực hành theo yêu cầu. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.	
2	**第二课 你好！** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Hội thoại chào hỏi, xin lỗi. - Sử dụng từ vựng hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、练习	2 (2LT,0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 22 - 24. [2]: Trang 14 - 15. [3]: Trang 7 - 9. [4]: Trang 1 - 2. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 22 - 24.	
3	**第三课　谢谢你！** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Hội thoại cảm ơn, chào tạm biệt. - Sử dụng từ vựng, hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、练习	2 (2LT,0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 25 - 27. [2]: Trang 20 . [3]: Trang 11 - 13. [4]: Trang 37 - 38. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 25 - 27.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.
4	第四课　你叫什么名字？	4	**Thuyết trình; Đàm thoại;**	CLO1,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	Mục tiêu bài: - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Hội thoại hỏi đáp về họ tên, quốc tịch. - Sử dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）疑问代词“什么” （二）“是”字句 （三）用“吗”的疑问句 三、练习	(4LT,0TH)	**Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 28 - 35. [2]: Trang 26 - 29. [3]: Trang 15 - 20. [4]: Trang 46 - 50. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 28 - 35.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.
5	第五课 她是我的汉语老师 **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng	4 (2LT,2KT)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Hội thoại hỏi đáp giới thiệu nhau, nguười khác. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）疑问代词“谁、哪” （二）结构助词“的” （三）疑问助词“呢” 三、练习 **Kiểm tra giữa học phần**		luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 36 - 42. [2]: Trang 34 - 37. [3]: Trang 23 - 28. [4]: Trang 37 - 38. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 36 - 42. + Làm bài kiểm tra.	
6	第六课 她女儿今年二十岁 **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Hội thoại hỏi đáp về tuổi, số người trong gia đình. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ	2 (2LT,0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）疑问代词“几” （二）百以内的数字 （三）“了”表变化 （四）“多+大”表示疑问 三、练习		sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 43 - 50. [2]: Trang 42 - 45. [3]: Trang 31 - 36. [4]: Trang 46 - 47. [5]: Trang 149 - 151. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 43 - 50.	
7	**第七课 我会说汉语** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Hội thoại hỏi đáp về khả năng của bản thân. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）能愿动词“会”(1)	2 (2LT,0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:**	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	（二）形容词谓语句 （三）疑问代词“怎么”(1) 三、练习		+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 51 - 57. [2]: Trang 52 - 55. [3]: Trang 39 - 44. [5]: Trang 114 - 119. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 51 - 57.	
8	**第八课　今天几号？** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Hội thoại hỏi đáp về ngày tháng, thứ. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）日期的表达（1） （二）名词谓语句 （三）连动句（1） 三、练习	2 (2LT,0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 58 - 64. [2]: Trang 60 - 64. [3]: Trang 47 - 52. [5] : Trang 54 - 60. + Lắng nghe hướng dẫn của	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 58 - 64.	
9	**第九课 我想喝茶** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Hội thoại hỏi đáp về sở thích, mua đồ. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）能愿动词“想” （二）疑问代词“多少” （三）量词“个”、“口” （四）钱数的表达 三、练习	2 (2LT,0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 65 - 72. [2]: Trang 68 - 72. [3]: Trang 55 - 60. [5]: Trang 115 - 119. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 65 - 72.	
10	第十课 你儿子在哪儿工作 **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Hội thoại hỏi đáp về nơi xảy ra động tác. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）动词“在” （二）疑问代词“哪儿” （三）介词“在” （四）疑问助词“呢”（2） 三、练习	2 (2LT,0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Đóng vai.** - **Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - **Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 73 - 79. [2]: Trang 76 - 79. [3]: Trang 63 - 68. [4]: Trang 96 - 102. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 73 - 79.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

1. Tên học phần: Tiếng Trung Quốc 2

2. Mã học phần: TTRUNG 023

3. Số tín chỉ: 03 (3,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ hai.

5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 45 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành
- Giờ học tập định mức của người học: 150 giờ

6. Điều kiện tiên quyết/học trước: Học sau học phần Tiếng Trung Quốc 1.

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Lan	0914.772.563	nguyenlan8078@gmail.com
2	ThS. Bùi Thị Trang	0978.693.593	trangbui175@gmail.com
3	ThS. Nguyễn Thị Hảo	0988.964.751	ruanshichuan89@gmail.com
4	ThS. Phạm Thu Hà	0931131168	fanqiuhe68@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Thị Hảo	0866761491	nthao81549@gmail.com
6	ThS. Mai Thị Hương Mỹ	0396.157.428	maithihuongmy2401@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Tiếng Trung Quốc 2 tiếp tục phát triển năng lực tiếng Trung Quốc ở trình độ sơ cấp, gồm 12 bài, cung cấp kiến thức về từ vựng, các cụm từ, cấu trúc ngữ pháp liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hằng ngày trong học phần: Thời gian, thời tiết, hoạt động hằng ngày, học tập, công việc, mua sắm, quần áo, màu sắc, vị trí, sở thích, sức khỏe và các tình huống thường gặp trong cuộc sống. Bên cạnh đó, kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp tương ứng với nội dung từng bài trong học phần: Câu 有 biểu thị sự tồn tại, 请/能/会/要, câu vị ngữ chủ-vị, 是...的, 在...呢, trợ từ 了, phó từ 太/都/最/真/已经/就/还/有点儿, câu hỏi 是不是/怎么样/怎么/多, cụm từ 的, lượng từ lặp lại và 因为...所以....

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Trung

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần::

Học phần Tiếng Trung Quốc 2 nhằm củng cố và phát triển nền tảng tiếng Trung Quốc đã hình thành ở học phần Tiếng Trung Quốc 1, giúp sinh viên mở rộng hệ thống từ vựng, chữ Hán và cấu trúc ngữ pháp sơ cấp; phát triển năng lực

nghe, nói, đọc và viết thông qua các chủ đề trong học phần; từng bước sử dụng tiếng Trung tương đối chính xác trong các tình huống giao tiếp hằng ngày. Học phần đồng thời tăng cường năng lực tự học ngoại ngữ thứ hai, tinh thần hợp tác, trách nhiệm học tập và ý thức giao tiếp phù hợp trong môi trường đa ngôn ngữ, đa văn hóa, tạo cơ sở để tiếp tục học các học phần tiếng Trung Quốc ở trình độ cao hơn.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng:

Về kiến thức

CO1: Cung cấp và mở rộng cho sinh viên hệ thống từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và các chức năng ngôn ngữ để giao tiếp trong những chủ đề giao tiếp ttong học phần như: Thời gian, thời tiết, hoạt động hằng ngày, học tập, công việc, mua sắm, quần áo, màu sắc, vị trí, sở thích, sức khỏe và các tình huống thường gặp trong cuộc sống.

CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về cách sử dụng các từ, cụm từ, mẫu câu và cấu trúc ngữ pháp trong phạm vi học phần để thực hiện các chức năng giao tiếp như mô tả người và sự vật, biểu đạt thời gian, vị trí, khả năng, mong muốn, sở thích, lựa chọn, mức độ và nguyên nhân - kết quả.

Về kỹ năng

CO3: Phát triển kỹ năng nghe để nhận biết ý chính, thông tin cụ thể và một số chi tiết quan trọng trong các đoạn hội thoại, bài nói ngắn và tình huống giao tiếp có nội dung phù hợp với phạm vi từ vựng, ngữ pháp của học phần.

CO4: Rèn luyện cho sinh viên khả năng sử dụng tiếng Trung tương đối chính xác để tham gia hội thoại, hỏi - đáp, trình bày và trao đổi thông tin trong các tình huống giao tiếp thuộc phạm vi học tập và đời sống hằng ngày.

CO5: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đọc hiểu các đoạn hội thoại, đoạn văn và văn bản ngắn; viết được câu và đoạn văn ngắn có nội dung rõ ràng, sử dụng tương đối chính xác chữ Hán, từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học trong học phần.

Về tự chủ và trách nhiệm

CO6: Hình thành thái độ học tập tích cực, chủ động và có trách nhiệm; phát triển khả năng tự học, tự hoàn thành các nhiệm vụ học tập và hợp tác hiệu quả trong hoạt động cặp/nhóm; biết sử dụng học liệu và công nghệ phù hợp để hỗ trợ học tiếng Trung, đồng thời có ý thức tôn trọng sự khác biệt văn hóa trong giao tiếp.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLOs	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Trình bày hệ thống từ vựng về các chủ đề giao tiếp ttong học phần như: Thời gian, thời tiết, hoạt động hằng ngày, học tập, công việc, mua sắm, quần áo, màu sắc, vị trí, sở thích, sức khỏe và các tình huống thường gặp trong cuộc sống.	PI6.2	3
CLO2	Phân biệt và vận dụng được các quy tắc phát âm, cách sử dụng các từ, cụm từ, mẫu câu và cấu trúc ngữ pháp trong phạm vi học phần để thực hiện các chức năng giao tiếp như mô tả người và sự vật, biểu đạt thời gian, vị trí, khả năng, mong muốn, sở thích, lựa chọn, mức độ và nguyên nhân - kết quả.	PI6.2	3
	Kỹ năng		
CLO3	Phát triển kỹ năng nghe để nhận biết ý chính, thông tin cụ thể và một số chi tiết quan trọng trong các đoạn hội thoại, bài nói ngắn và tình huống giao tiếp có nội dung phù hợp với phạm vi từ vựng, ngữ pháp của học phần.	PI6.2	3
CLO4	Rèn luyện cho sinh viên khả năng sử dụng tiếng Trung tương đối chính xác để tham gia hội thoại, hỏi - đáp, trình bày và trao đổi thông tin trong các tình huống giao tiếp quen thuộc thuộc phạm vi học tập và đời sống hằng ngày.	PI6.2	3
CLO5	Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đọc hiểu các đoạn hội thoại, đoạn văn và văn bản ngắn; viết được câu và đoạn văn ngắn có nội dung rõ ràng, sử dụng tương đối chính xác chữ Hán, từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học.	PI6.2	3
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Hình thành thái độ học tập tích cực, chủ động và có trách nhiệm; phát triển khả năng tự học, tự hoàn thành các nhiệm vụ học tập và hợp tác hiệu quả trong hoạt động cặp/nhóm; biết sử dụng học liệu và công nghệ phù hợp để hỗ trợ học tiếng Trung, đồng thời có ý thức tôn trọng sự khác biệt văn hóa trong giao tiếp.	PI9.1	4

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs):

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3	CO4	CO5	CO6
CLO1	x					
CLO2		x				
CLO3			x		x	
CLO4				x		
CLO5					x	
CLO6						x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình (PLOs):

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) **PLO và chỉ số PI ***			
	PLO2		**PLO9**	
	PI2.1	**PI6.2**	**PI9.1**	**PI9.2**
CLO1		I		
CLO2		R		
CLO3		R		
CLO4		R		
CLO5			R	
CLO6			M	

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm chuyên cần	20%	- Thời gian tham gia lớp học. - Bài kiểm tra tự luận/ trắc	CLO2	20%	Điểm bài kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO1 → PLO6/ PI6.1
			CLO3	20%		
			CLO4	20%		

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		nghiệm	CLO5	20%		
		- Rubric Tự luận/ trắc nghiệm	CLO6	20%	Điểm Rubric chuyên cần	Điểm CLO1 → PLO9/ PI9.1
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	1 điểm	CLO1	10%	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	Điểm CLO1 → PLO6/ PI6.1
			CLO2	20%		
			CLO3	30%		
			CLO4	30%		
			CLO5	10%		
Điểm thi kết thúc học phần	50%	1 điểm	CLO1	10%	Điểm bài kiểm tra kết thúc học phần	Điểm CLO1 → PLO6/ PI6.1
			CLO2	20%		
			CLO3	10%		
			CLO4	30%		
			CLO5	30%		
			CLO6	10%		

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá quá trình

Nội dung tiêu chí	CLO	Thang đánh giá Điểm /7	0 điểm	50% số điểm	100% số điểm
1/ Ý thức chấp hành quy định	CLO5	1	Thái độ không đúng mực, không có ý thức hợp tác với các thành viên.	Thái độ, ý thức phù hợp hướng dẫn của giảng viên.	Thái độ, ý thức phù hợp hướng dẫn của giảng viên. .
2/ Tham gia các hoạt động	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	6	Không tham gia hoặc tham gia không đầy đủ các hoạt động	Tham gia đầy đủ các hoạt động.	Tham gia đầy đủ các hoạt động được tổ chức. Chủ động trao đổi, thảo luận

			được tổ chức.		với giáo viên
Tổng điểm		7			Kết quả

2. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	**Tỷ lệ**	**Mức chất lượng**				
		Rất tốt	**Tốt**	**Đạt yêu cầu**	**Không đạt**	**Điểm**
		10 – 8.5	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Mức độ tham dự theo thời khóa biểu	50	*Tham dự >85% buổi học*	*Tham dự 70-84% buổi học*	*Tham dự 50-69% buổi học*	*Tham dự <50% buổi học*	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

6. Rubric thi tự luận (Thang điểm 10)

Mô tả mức chất lượng					**Điểm**
Mức chất lượng	**Giỏi**	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	
Thang điểm	**10 – 8.5**	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Bài kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ	Đáp ứng 80% - 100% yêu cầu	Đáp ứng 70 – 80% yêu cầu của mức Giỏi	Đáp ứng 50 – 60% yêu cầu của mức Giỏi	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu của mức Giỏi	
ĐIỂM TỔNG					

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Vở ghi, bút.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Trường Đại học Sao Đỏ (2021), *Tài liệu học tập Tiếng Trung Quốc 2.*

[2] - Khương Lệ Bình (2018), *Giáo trình chuẩn HSK 1,* NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] - Khương Lệ Bình (2018), *Giáo trình chuẩn HSK 1 - Sách bài tập,* NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] - Khương Lệ Bình (2018), *Giáo trình chuẩn HSK 2,* NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] - Khương Lệ Bình (2018), *Giáo trình chuẩn HSK 2 - Sách bài tập,* NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tài liệu tham khảo:

[6] - Dương Ký Châu (2019), *Giáo trình Hán ngữ (tập 1, thượng),* NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh.

[7] - Dương Ký Châu (2019), *Giáo trình Hán ngữ (tập 1, hạ),* NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh.

[8] - Dương Ký Châu (2019), *Giáo trình Hán ngữ (tập 2, thượng),* NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
1	第一课 我能坐这儿吗 **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Câu chữ 有, câu cầu khiến với 请, 能, 和. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Hội thoại hỏi đáp về sự tồn tại của người và vật. - Viết đoạn văn ngắn miêu tả	3 (3LT,0TH)	**Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.** - **Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - **Sinh viên:**	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	về vị trí của người hoặc vật. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）“有”字句 （二）连词“和” （三）能愿动词“能” （四）用“请”的祈使句 三、练习		+ Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 1 - 4. [2] : Trang 84 - 87. [3] : Trang 71 - 76. [6] : Trang 154 - 155. [7] : Trang 124 - 125. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 4 - 8.	
2	**第二课 现在几点** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Cách biểu đạt thời gian về giờ, danh từ 后. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Hội thoại hỏi đáp về giờ gắn với các hoạt động hằng ngày. - Viết đoạn văn ngắn miêu tả hoạt động hàng ngày (gắn thời gian là giờ, phút). - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ	6 (6LT,0TH)	**Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.** - **Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - **Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 9 - 12. [2] : Trang 94 - 98. [3] : Trang 79 - 84.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）钟点的读法 （二）时间词做状语 （三）名词“前” 三、练习		[7] : Trang 76 - 77. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 12 - 16.	
3	**第三课 明天天气怎么样** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Câu vị ngữ chủ vị, 怎么样, 太, 会. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Hội thoại hỏi đáp tình hình thời tiết. - Viết đoạn văn ngắn miêu tả thời tiết 4 mùa ở miền Bắc. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）疑问代词“怎么样” （二）主谓谓语句	3 (3LT,0TH)	**Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 17 - 19. [2] : Trang 102 - 105. [3] : Trang 87 - 92. [7] : Trang 122 - 123. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	（三）程度副词“太” （四）能愿动词“会”(2) 三、练习		+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 20 - 23.	
4	**第四课 他在学做中国菜呢 Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: 在…呢, 喂,吧 và cách biểu đạt số điện thoại. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Hội thoại hỏi đáp về các hoạt động đang diễn ra. - Viết đoạn văn ngắn miêu tả các hoạt động đang diễn ra. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）叹词“喂” （二）“在…呢”表示动作正在进行 （三）电话号码的表达 （四）语气助词“吧” 三、练习	3 (3LT,0TH)	**Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 24 - 27. [2] : Trang 110 - 113. [3] : Trang 96 - 101. [6] : Trang 89 - 90. [7] : Trang 18 - 19. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm, đặt câu, suy nghĩ, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập trong	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			[1]: Trang 27 - 31.	
5	第五课 他买了少不少衣服 **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Trợ từ 了, danh từ 后, 啊, 都. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Hội thoại hỏi đáp mua đồ. - Viết đoạn văn ngắn kể lại món đồ mình đã mua. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）“了”表示发生或完成 “了” （二）名词“后” （三）语气助词“啊” （四）副词“都” 三、练习	3 (3LT,0TH)	**Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 32 - 35. [2] : Trang 116 - 120. [3] : Trang 105 - 110. [8] : Trang 5 - 7. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 35 - 39.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.
6	第六课 我是坐飞机来的 **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.	6 (4LT,2KT)	**Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	- Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Câu 是 … 的 ,cách biểu đạt thời gian. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Hội thoại hỏi đáp thời gian, địa điểm, phương thức của động tác. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）“是…的”句：强调时间、地点、方式 （二）日期的表达： (2)年、月、日/号、星期 三、练习 **Kiểm tra giữa học phần**		làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - **Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 40 - 42. [2] : Trang 124 - 127. [3] : Trang 113 - 118. [7] : Trang 62 - 63. [8] : Trang 184 - 186. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 43 - 47. + Làm bài kiểm tra giữa học phần.	CLO5, CLO6.
7	**第七课 九月去北京旅游最好** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt	3 (3LT,0TH)	**Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.** - **Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: 要, 最 và cách biểu đạt số ước lượng. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Hội thoại hỏi đáp về sở thích. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）助动词“要” （二）程度副词“最” （三）概数的表达“几、多 ” 三、练习		minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 48 - 51. [4] : Trang 15 - 20. [5] : Trang 7 - 15. [6] : Trang 155 - 156. [7] : Trang 123. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 51 - 57.	
8	**第八课 我每天六点起床** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Câu hỏi 是不是, đại từ nghi vấn 多, đại từ 每.	3 (3LT,0TH)	**Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	- Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Hội thoại hỏi đáp tình hình sức khỏe. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）用“是不是”的问句 （二）代词“每” （三）疑问代词“多” 三、练习		+ Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 58 - 61. [4] : Trang 23 - 27. [5] : Trang 17 - 23. [7] : Trang 103. [8] : Trang 5. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 61 - 66.	
9	第九课 左边那个红色的是我的 **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Cụm từ chữ 的, 一下 và phó từ 真. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn	3 (3LT,0TH)	**Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	tương ứng với nội dung bài học. - Viết đoạn văn ngắn miêu tả đồ vật. - Hội thoại hỏi đáp đồ vật. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）“的”字短语 （二）一 下 （三）语气副词“真” 三、练习		+ Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - **Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 67 - 70. [4] : Trang 31 - 35. [5] : Trang 27 - 33. [7] : Trang 126 - 127. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 70 - 75.	
10	**第十课** **这个工作是你帮我介绍的** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Câu 是…的, phó từ 已经. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Viết đoạn văn ngắn về một ngày học tập của mình. - Hội thoại hỏi đáp về hoạt	3 (3LT,0TH)	**Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.** - **Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - **Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu:	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	động hằng ngày. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）“是…的” 句 （二）表示时间：…的时候 （三）时间副词“已经” 三、练习		[1] : Trang 76 - 79. [4] : Trang 39 - 43. [5] : Trang 37 - 43. [8] : Trang 184 - 185. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 79 - 84.	
11	**第十一课 就买这件吧** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Phó từ 就, 还, 有点儿. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Hội thoại hỏi đáp về chủ đề mua đồ. - Viết đoạn văn ngắn về món đồ mà mình mua. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法	3 (3LT,0TH)	**Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.** - **Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - **Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 85 - 85. [4] : Trang 47 - 51. [5] : Trang 47 - 53. [7] : Trang 47 - 48. + Lắng nghe hướng dẫn của	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	（一）副词“就” （二）语气副词“还” （三）程度副词“有点儿”三、练习		giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 86 - 93.	
12	**第十二课 你怎么不吃了** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: đại từ nghi vấn 怎么,lượng từ lặp lại, cấu trúc 因为...，所以... - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Hội thoại hỏi đáp tình hình học tập, sức khỏe. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）疑问代词“怎么” （二 ）量词的重叠 （三）关联词 “因为…，所以…” 三、练习	6 (6LT,0TH)	**Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.** - **Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - **Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 94 - 97. [4] : Trang 55 - 59. [5] : Trang 57 - 63. [7] : Trang 20, 45, 46. [8] : Trang 25 - 26. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 98 - 102.	

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	TRƯỞNG KHOA	TRƯỞNG BỘ MÔN
TS. Đỗ Văn Đỉnh	Nguyễn Đăng Tiến	Nguyễn Thị Lan

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
1	第一课　汉语普通话语音 **Mục tiêu bài:** - Phát âm đúng các thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu. - Trình bày được cách đánh thanh điệu, quy tắc viết phiên âm, quy tắc viết chữ Hán và biến điệu trong tiếng Hán. - Viết đúng các nét cơ bản và biến thể. **Nội dung cụ thể:** 一、汉语的音节 二、发音要领 三、汉语的声调 四、汉语拼音写规则 五、汉字	8 (8LT,0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại.** - **Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách phát âm thanh mẫu, vận mẫu, cách viết các nét cơ bản và biến thể của chữ Hán. + Phát âm mẫu, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm thanh mẫu, vận mẫu và thanh điệu. + Hướng dẫn sinh viên viết đúng các nét cơ bản và các nét biến thể. + Nhận xét, sửa lỗi nếu có. - **Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 1 - 21. [2]: Trang 15 - 19, 21 - 25, 29 - 33, 37 - 41, 46 - 49. [4]: Trang 2 - 9, 14 - 15, 21 - 24, 31 - 33, 39 - 40. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu và cách biến điệu. + Luyện viết các nét cơ bản và biến thể. + Luyện nghe các phần thực hành theo yêu cầu. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.
2	第二课　你好！ **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các	2 (2LT,0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Đóng vai.** - **Giảng viên:**	CLO1, CLO2, CLO3,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Hội thoại chào hỏi, xin lỗi. - Sử dụng từ vựng hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、练习		+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - **Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 22 - 24. [2]: Trang 14 - 15. [3]: Trang 7 - 9. [4]: Trang 1 - 2. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 22 - 24.	CLO4, CLO5, CLO6.
3	**第三课　谢谢你！** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc.	2 (2LT,0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Đóng vai.** - **Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	- Hội thoại cảm ơn, chào tạm biệt. - Sử dụng từ vựng, hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、练习		luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - **Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 25 - 27. [2]: Trang 20 . [3]: Trang 11 - 13. [4]: Trang 37 - 38. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 25 - 27.	
4	**第四课 你叫什么名字?** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Hội thoại hỏi đáp về họ tên, quốc tịch. - Sử dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:**	4 (4LT,0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Đóng vai.** - **Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	一、课文 二、语法 （一）疑问代词“什么” （二）“是”字句 （三）用“吗”的疑问句 三、练习		dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 28 - 35. [2]: Trang 26 - 29. [3]: Trang 15 - 20. [4]: Trang 46 - 50. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 28 - 35.	
5	**第五课** **她是我的汉语老师** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Hội thoại hỏi đáp giới thiệu nhau, nguười khác. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）疑问代词“谁、	4 (2LT,2KT)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:**	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	哪” （二）结构助词“的” （三）疑问助词“呢” 三、练习 **Kiểm tra giữa học phần**		+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 36 - 42. [2]: Trang 34 - 37. [3]: Trang 23 - 28. [4]: Trang 37 - 38. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 36 - 42. + Làm bài kiểm tra.	
6	第六课 她女儿今年二十岁 **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Hội thoại hỏi đáp về tuổi, số người trong gia đình. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）疑问代词“几” （二）百以内的数字 （三）“了”表变化 （四）“多+大”表示疑问 三、练习	2 (2LT,0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 43 - 50. [2]: Trang 42 - 45. [3]: Trang 31 - 36.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			[4]: Trang 46 - 47. [5]: Trang 149 - 151. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 43 - 50.	
7	第七课 我会说汉语 **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Hội thoại hỏi đáp về khả năng của bản thân. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）能愿动词“会”(1) （二）形容词谓语句 （三）疑问代词“怎么”(1) 三、练习	2 (2LT,0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 51 - 57. [2]: Trang 52 - 55. [3]: Trang 39 - 44. [5]: Trang 114 - 119. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			+ Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 51 - 57.	
8	第八课　今天几号？ **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Hội thoại hỏi đáp về ngày tháng, thứ. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）日期的表达（1） （二）名词谓语句 （三）连动句（1） 三、练习	2 (2LT,0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 58 - 64. [2]: Trang 60 - 64. [3]: Trang 47 - 52. [5] : Trang 54 - 60. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			[1]: Trang 58 - 64.	
9	**第九课 我想喝茶** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Hội thoại hỏi đáp về sở thích, mua đồ. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）能愿动词“想” （二）疑问代词“多少” （三）量词“个”、“口” （四）钱数的表达 三、练习	2 (2LT,0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 65 - 72. [2]: Trang 68 - 72. [3]: Trang 55 - 60. [5]: Trang 115 - 119. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 65 - 72.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.
10	**第十课** **你儿子在哪儿工作** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các	2 (2LT,0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Hội thoại hỏi đáp về nơi xảy ra động tác. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）动词“在” （二）疑问代词“哪儿” （三）介词“在” （四）疑问助词“呢” （2） 三、练习		làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 73 - 79. [2]: Trang 76 - 79. [3]: Trang 63 - 68. [4]: Trang 96 - 102. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 73 - 79.	CLO5, CLO6.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

1. Tên học phần: Tiếng Trung Quốc 3

2. Mã học phần: TTRUNG 024

3. Số tín chỉ: 03 (3,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ hai.

5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 45 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành
- Giờ học tập định mức của người học: 150 giờ

6. Điều kiện tiên quyết/học trước: Học sau học phần Tiếng Trung Quốc 2.

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Lan	0914.772.563	nguyenlan8078@gmail.com
2	ThS. Bùi Thị Trang	0978.693.593	trangbui175@gmail.com
3	ThS. Nguyễn Thị Hảo	0988.964.751	ruanshichuan89@gmail.com
4	ThS. Phạm Thu Hà	0931131168	fanqiuhe68@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Thị Hảo	0866761491	nthao81549@gmail.com
6	ThS. Mai Thị Hương Mỹ	0396.157.428	maithihuongmy2401@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Tiếng Trung Quốc 3 gồm 12 bài nhằm củng cố và phát triển nền tảng tiếng Trung Quốc đã hình thành ở học phần Tiếng Trung Quốc 2, giúp sinh viên tiếp tục mở rộng hệ thống từ vựng, chữ Hán và cấu trúc ngữ pháp phục vụ giao tiếp về khoảng cách, đề nghị và yêu cầu, kết quả hành động, so sánh, trải nghiệm, kế hoạch tương lai, hoạt động hằng ngày, vị trí và sự tồn tại của người/vật. Các nội dung trọng tâm gồm 还, 就, 离, 再, 从, 对, 可能, 往, 会; câu kiêm ngữ, câu cầu khiến, câu chữ 比; trợ từ động thái 着, 过; bổ ngữ kết quả, trạng thái, động lượng, xu hướng; cấu trúc 虽然……但是……, 要……了, 都……了, 一……也/都不…… và các cách biểu đạt liên quan. Học phần tích hợp rèn luyện nghe, nói, đọc, viết thông qua hội thoại, đoạn văn và nhiệm vụ giao tiếp ở trình độ sơ cấp.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Trung

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần::

Học phần Tiếng Trung Quốc 3 nhằm củng cố và phát triển năng lực tiếng Trung Quốc sơ cấp cho sinh viên trên cơ sở kiến thức đã tích lũy ở Tiếng Trung

Quốc 1 và 2; giúp sinh viên mở rộng vốn từ, chữ Hán và hệ thống cấu trúc ngữ pháp, nâng cao khả năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày. Học phần đồng thời hình thành năng lực tự học ngoại ngữ thứ hai, tinh thần hợp tác, trách nhiệm và ý thức giao tiếp phù hợp trong môi trường đa ngôn ngữ, đa văn hóa, tạo cơ sở để tiếp tục học các học phần tiếng Trung Quốc ở trình độ cao hơn.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng:

Về kiến thức

CO1: Cung cấp, mở rộng và nâng cao cho sinh viên hệ thống từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và các chức năng ngôn ngữ để giao tiếp trong những chủ đề giao tiếp ttong học phần như: Khoảng cách, phương tiện và phương hướng, hoạt động hằng ngày, học tập, công việc, mua sắm, so sánh, trải nghiệm, kế hoạch, thể thao và các tình huống giao tiếp xã hội quen thuộc.

CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức và cách vận dụng các cấu trúc ngữ pháp trọng tâm của học phần như: 还、就、离、再、从、对、可能、往、着、过, câu so sánh với 比, bổ ngữ kết quả, bổ ngữ trạng thái, bổ ngữ xu hướng và các cấu trúc 虽然……但是……、要……了、一……也/都不…… để thực hiện các chức năng giao tiếp phù hợp với nội dung học phần.

Về kỹ năng

CO3: Phát triển kỹ năng nghe để xác định ý chính, thông tin cụ thể và các chi tiết quan trọng trong các đoạn hội thoại, bài nói và tình huống giao tiếp có nội dung phù hợp với phạm vi kiến thức của học phần.

CO4: Rèn luyện cho sinh viên khả năng sử dụng tiếng Trung tương đối lưu loát và chính xác để tham gia hội thoại, trao đổi thông tin, trình bày ý kiến và thực hiện các bài nói ngắn về những chủ đề thuộc phạm vi học tập và đời sống.

CO5: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đọc hiểu các đoạn hội thoại, bài đọc và văn bản ngắn; xác định được ý chính và thông tin cần thiết, đồng thời viết được các đoạn văn ngắn có nội dung tương đối mạch lạc, sử dụng phù hợp chữ Hán, từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học.

Về tự chủ và trách nhiệm

CO6: Hình thành thái độ học tập tích cực, chủ động và có trách nhiệm; phát triển khả năng tự học, tự hoàn thành các nhiệm vụ học tập và hợp tác hiệu quả trong hoạt động cặp/nhóm; biết sử dụng học liệu và công nghệ phù hợp để hỗ trợ học tiếng Trung, đồng thời có ý thức tôn trọng sự khác biệt văn hóa trong giao tiếp.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLOs	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Trình bày hệ thống từ vựng về các chủ đề giao tiếp ttong học phần như: Khoảng cách, phương tiện và phương hướng, hoạt động hằng ngày, học tập, công việc, mua sắm, so sánh, trải nghiệm, kế hoạch, thể thao và các tình huống giao tiếp xã hội quen thuộc.	PI6.2	3
CLO2	Phân biệt và vận dụng được các quy tắc phát âm, cách sử dụng các từ, cụm từ, mẫu câu và cấu trúc ngữ pháp trong phạm vi học phần để thực hiện các chức năng giao tiếp phù hợp với nội dung học phần.	PI6.2	3
	Kỹ năng		
CLO3	Phát triển kỹ năng nghe để nhận biết ý chính, thông tin cụ thể và một số chi tiết quan trọng trong các đoạn hội thoại, bài nói ngắn và tình huống giao tiếp có nội dung phù hợp với phạm vi từ vựng, ngữ pháp của học phần.	PI6.2	3
CLO4	Rèn luyện cho sinh viên khả năng sử dụng tiếng Trung tương đối chính xác để tham gia hội thoại, hỏi - đáp, trình bày và trao đổi thông tin trong các tình huống giao tiếp quen thuộc thuộc phạm vi học tập và đời sống hằng ngày.	PI6.2	3
CLO5	Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đọc hiểu các đoạn hội thoại, đoạn văn và văn bản ngắn; viết được câu và đoạn văn ngắn có nội dung rõ ràng, sử dụng tương đối chính xác chữ Hán, từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học.	PI6.2	3
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Hình thành thái độ học tập tích cực, chủ động và có trách nhiệm; phát triển khả năng tự học, tự hoàn thành các nhiệm vụ học tập và hợp tác hiệu quả trong hoạt động cặp/nhóm; biết sử dụng học liệu và công nghệ phù hợp để hỗ trợ học tiếng Trung, đồng thời có ý thức tôn trọng sự khác biệt văn hóa trong giao tiếp.	PI9.1	4

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs):

CLOs \ COs	**CO1**	**CO2**	**CO3**	**CO4**	**CO5**	**CO6**
CLO1	x					
CLO2		x				
CLO3			x		x	
CLO4				x		
CLO5					x	
CLO6						x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình (PLOs):

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) **PLO và chỉ số PI ***			
	PLO2		**PLO9**	
	PI2.1	**PI6.2**	**PI9.1**	**PI9.2**
CLO1		I		
CLO2		R		
CLO3		R		
CLO4		R		
CLO5			R	
CLO6			M	

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm chuyên cần	20%	- Thời gian tham gia lớp học. - Bài kiểm tra tự luận/ trắc	CLO2	20%	Điểm bài kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO1 → PLO6/ PI6.1
			CLO3	20%		
			CLO4	20%		

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		nghiệm	CLO5	20%		
		- Rubric Tự luận/ trắc nghiệm	CLO6	20%	Điểm Rubric chuyên cần	Điểm CLO1 → PLO9/ PI9.1
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	1 điểm	CLO1	10%	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	Điểm CLO1 → PLO6/ PI6.1
			CLO2	20%		
			CLO3	30%		
			CLO4	30%		
			CLO5	10%		
Điểm thi kết thúc học phần	50%	1 điểm	CLO1	10%	Điểm bài kiểm tra kết thúc học phần	Điểm CLO1 → PLO6/ PI6.1
			CLO2	20%		
			CLO3	10%		
			CLO4	30%		
			CLO5	30%		
			CLO6	10%		

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá quá trình

Nội dung tiêu chí	CLO	Thang đánh giá Điểm /7	0 điểm	50% số điểm	100% số điểm
1/ Ý thức chấp hành quy định	CLO5	1	Thái độ không đúng mực, không có ý thức hợp tác với các thành viên.	Thái độ, ý thức phù hợp hướng dẫn của giảng viên.	Thái độ, ý thức phù hợp hướng dẫn của giảng viên. .
2/ Tham gia các hoạt động	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	6	Không tham gia hoặc tham gia không đầy đủ các hoạt động	Tham gia đầy đủ các hoạt động.	Tham gia đầy đủ các hoạt động được tổ chức. Chủ động trao đổi, thảo luận

			được tổ chức.		với giáo viên
Tổng điểm		7			Kết quả

2. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	**Tỷ lệ**	**Mức chất lượng**				
		Rất tốt	**Tốt**	**Đạt yêu cầu**	**Không đạt**	**Điểm**
		10 – 8.5	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Mức độ tham dự theo thời khóa biểu	50	*Tham dự >85% buổi học*	*Tham dự 70-84% buổi học*	*Tham dự 50-69% buổi học*	*Tham dự <50% buổi học*	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

6. Rubric thi tự luận (Thang điểm 10)

Mô tả mức chất lượng					**Điểm**
Mức chất lượng	**Giỏi**	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	
Thang điểm	**10 – 8.5**	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Bài kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ	Đáp ứng 80% - 100% yêu cầu	Đáp ứng 70 – 80% yêu cầu của mức Giỏi	Đáp ứng 50 – 60% yêu cầu của mức Giỏi	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu của mức Giỏi	
ĐIỂM TỔNG					

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Vở ghi, bút.

- Tài liệu chính:

[1] - Trường Đại học Sao Đỏ (2022), *Tài liệu học tập Tiếng Trung Quốc 3.*

[2] - Khương Lệ Bình (2019), *Giáo trình chuẩn HSK 2,* NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] - Khương Lệ Bình (2019), *Giáo trình chuẩn HSK 2 - Sách bài tập,* NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] - Khương Lệ Bình (2019), *Giáo trình chuẩn HSK 3,* NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] - Khương Lệ Bình (2019), *Giáo trình chuẩn HSK 3 - Sách bài tập,* NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tài liệu tham khảo:

[6] - Dương Ký Châu (2020), *Giáo trình Hán ngữ (tập 1, hạ),* NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh.

[7] - Dương Ký Châu (2020), *Giáo trình Hán ngữ (tập 2, thượng),* NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
1	第一课 你家离公司远吗 **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Phó từ ngữ khí 还, phó từ thời gian 就, phó từ 离. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Hội thoại hỏi đáp về khoảng cách giữa hai vị trí. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập.	3 (3LT,0TH)	**Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập cá nhân, hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi sinh viên trả lời. + Phân cặp đôi đóng vai nhân vật thực hành bài đọc. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	Nội dung cụ thể: 一、课文 二、语法 （一）语气副词 “还” （二）时间副词 “就” （三）离 （四）语气助词 “呢” 三、练习		**- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 1 - 9. [2]: Trang 63 - 67. [3]: Trang 67 - 73. [6]: Trang 104. + Luyện nghe từ mới, bài đọc trang tài liệu [2]. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 5 - 9.	
2	**第二课 让我想想再告诉你** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Câu hỏi dùng 好吗, phó từ 再, câu kiêm ngữ, động từ lặp lại. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Hội thoại hỏi đáp về đề	6 (6LT,0TH)	**Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập cá nhân, hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi sinh viên trả lời. + Phân cặp đôi đóng vai nhân vật thực hành bài đọc. + Nhận xét, đánh giá kết	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	nghị ai đó làm gì, mua quần áo. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）疑问句“.....，好吗？” （二）副词“再” （三）兼语句 （四）动词的重叠 三、练习		quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 10 - 18. [2]: Trang 71 - 76. [3]: Trang 76 - 82. [6]: Trang 1-4, 40-45, 82 + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 14 - 18.	
3	**第三课 题太多，我没做完** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Bổ ngữ kết quả, giới từ 从, 第 biểu thị thứ tự. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Hội thoại hỏi đáp tình hình thực hiệc các hoạt động. - Viết đoạn văn ngắn miêu tả	3 (3LT,0TH)	**Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập cá nhân, hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi sinh viên trả lời. + Phân cặp đôi đóng vai nhân vật thực hành bài đọc. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	kết quả của một thi môn tổng hợp các kỹ năng. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）结果补语 （二）介词“从” （三）“第”表示顺序 三、练习		**- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 19 - 27. [2]: Trang 79 - 84. [3]: Trang 85 - 91. [6]: Trang 104, 192 - 200. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 23 - 27.	
4	**第四课** **别找了，手机在桌子上呢** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Câu cầu khiến dùng 不要...了； 别...了; giới từ 对. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Hội thoại hỏi đáp về các tình huống hàng ngày có dùng các lời khuyên, hoặc	3 (3LT,0TH)	**Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập cá nhân, hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi sinh viên trả lời. + Phân cặp đôi đóng vai nhân vật thực hành bài đọc. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:**	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	lời yêu cầu làm gì đó. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）祈使句：不要...了；别...了 （二）介词“对” 三、练习		+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 28 - 35. [2]: Trang 87 - 91. [3]: Trang 94 - 100. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 31 - 35.	
5	**第五课 他比我大三岁** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Câu chữ 比 (1), kết cấu động từ làm định ngữ, trợ động từ 可能. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Hội thoại hỏi đáp mua đồ, tình hình học tập. - Viết 10 câu có dùng 比 biểu thị sự so sánh. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập.	3 (3LT,0TH)	**Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập cá nhân, hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi sinh viên trả lời. + Phân cặp đôi đóng vai nhân vật thực hành bài đọc. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 36 - 44.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	Nội dung cụ thể: 一、课文 二、语法 （一）动词结构作定语 （二）“比”字句（1） （三）助动词“可能” 三、练习		[2]: Trang 95 - 100. [3]: Trang 103 - 109. [7]: Trang 1 - 8. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 40 - 44.	
6	**第六课 你穿得太少了** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Bổ ngữ trạng thái, câu chữ 比 (2). - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Hội thoại hỏi đáp về so sánh sự chênh lệch nhau giữa hai đối tượng. - Viết đoạn văn ngắn miêu tả các hoạt động trong một ngày của bản thân có dùng bổ ngữ trạng thái.	6 (4LT,2KT)	**Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập cá nhân, hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi sinh viên trả lời. + Phân cặp đôi đóng vai nhân vật thực hành bài đọc. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 45 - 53.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	- Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）状态补语 （二）“比”字句（2） **Kiểm tra giữa học phần**		[2]: Trang 103 - 108. [3]: Trang 112 - 118. [6]: Trang 129 - 135. [7]: Trang 1 - 8. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 49 - 53. + Làm bài kiểm tra.	
7	**第七课 门开着呢** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Câu phản vấn dùng 不是....吗, trợ từ động thái 着, giới từ 往. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Hội thoại hỏi đáp về hoạt động hàng ngày ở văn phòng, phòng tập thể dục. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập.	3 (3LT,0TH)	**Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập cá nhân, hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi sinh viên trả lời. + Phân cặp đôi đóng vai nhân vật thực hành bài đọc. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu:	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	Nội dung cụ thể: 一、课文 二、语法 （一）动态助词“着” （二）反问句“不是....吗” （三）介词“往” 三、练习		[1]: Trang 54 - 61. [2]: Trang 111 - 116. [3]: Trang 121 - 127. [6]: Trang 104. [7]: Trang 149 - 154. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 58 - 61.	
8	**第八课 你看过那个电影吗** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Trợ từ động thái 过, cấu trúc 虽然....，但是....; bổ ngữ động lượng 次. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Hội thoại hỏi đáp về trải nghiệm của đối phương. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法	3 (3LT,0TH)	**Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập cá nhân, hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi sinh viên trả lời. + Phân cặp đôi đóng vai nhân vật thực hành bài đọc. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu:	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	（一）动态助词“过” （二）关联词“虽然....，但是....” （三）动量补语“次” 三、练习		[1]: Trang 61 - 71. [2]: Trang 119 - 125. [3]: Trang 130 - 136. [6]: Trang 179 - 184. [7]: Trang 70 - 80. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 67 - 71.	
9	**第九课 新年就要到了** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Cấu trúc 要...了 biểu thị động tác, hành động xảy ra trong tương lai. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Viết đoạn văn ngắn miêu tả dự định trong tương lai. - Hội thoại hỏi đáp về các hoạt động hàng ngày hoặc trong tương lai.	3 (3LT,0TH)	**Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập cá nhân, hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi sinh viên trả lời. + Phân cặp đôi đóng vai nhân vật thực hành bài đọc. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu:	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	- Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）动作的状态：要...了 （二）“都...了” （三）语气副词“真” 三、练习		[1]: Trang 72 - 80. [2]: Trang 127 - 131. [3]: Trang 139 - 145. [7]: Trang 38 - 45. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 76 - 80.	
10	**第十课 周末你有什么打算** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Bổ ngữ kết quả **好,** cấu trúc 一...也/都 + 不/没...nhấn mạnh sự phủ định. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Viết đoạn văn ngắn về một dự định của mình. - Hội thoại hỏi đáp về hoạt động hằng ngày. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ	3 (3LT,0TH)	**Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập cá nhân, hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi sinh viên trả lời. + Phân cặp đôi đóng vai nhân vật thực hành bài đọc. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 81 -90.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）结果补语“好” （二）“一...也/都 + 不/没...” 表示否定 三、练习		[4]: Trang 17 - 23. [5]: Trang 5 - 10. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 86 - 90.	
11	**第十一课 他什么时候回来** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Bổ ngữ xu hướng đơn, cách biểu đạt 2 động tác xảy ra liên tiếp, câu phản vấn 能 ....吗. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Hội thoại hỏi đáp về các hoạt động trong cuộc sống. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文	3 (3LT,0TH)	**Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập cá nhân, hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi sinh viên trả lời. + Phân cặp đôi đóng vai nhân vật thực hành bài đọc. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 91 - 100. [4]: Trang 27 - 33.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	二、语法 （一）简单趋向补语 （二）两个动作连续发生 （三）反问的表达：“能 ....吗？” 三、练习		[5]: Trang 12 - 17. [7]: Trang 54 - 61. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 96 - 100.	
12	**第十二课** **桌子上放着很多饮料** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Trợ từ 会, cấu trúc biểu đạt sự tồn tại của người và vật, phân biệt cách dùng 还是 và 或者. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Hội thoại hỏi đáp về chủ đề mua đồ. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文	6 (6LT,0TH)	**Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 101 - 110. [4]: Trang 36 - 42. [5]: Trang 19 - 24. [6]: Trang 1- 7, 96 - 103. + Luyện nghe từ mới, bài	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	二、语法 （一）“还是”或“或者”（二）存在的表达 （三）“会”表达可能 三、练习		đọc trang tài liệu [2]. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 106 - 110.	

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	TRƯỞNG KHOA	TRƯỞNG BỘ MÔN
TS. Đỗ Văn Đỉnh	Nguyễn Đăng Tiến	Nguyễn Thị Lan

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
1	第一课　汉语普通话语音 **Mục tiêu bài:** - Phát âm đúng các thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu. - Trình bày được cách đánh thanh điệu, quy tắc viết phiên âm, quy tắc viết chữ Hán và biến điệu trong tiếng Hán. - Viết đúng các nét cơ bản và biến thể. **Nội dung cụ thể:** 一、汉语的音节 二、发音要领 三、汉语的声调 四、汉语拼音写规则 五、汉字	8 (8LT,0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại.** - **Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách phát âm thanh mẫu, vận mẫu, cách viết các nét cơ bản và biến thể của chữ Hán. + Phát âm mẫu, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm thanh mẫu, vận mẫu và thanh điệu. + Hướng dẫn sinh viên viết đúng các nét cơ bản và các nét biến thể. + Nhận xét, sửa lỗi nếu có. - **Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 1 - 21. [2]: Trang 15 - 19, 21 - 25, 29 - 33, 37 - 41, 46 - 49. [4]: Trang 2 - 9, 14 - 15, 21 - 24, 31 - 33, 39 - 40. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu và cách biến điệu. + Luyện viết các nét cơ bản và biến thể. + Luyện nghe các phần thực hành theo yêu cầu. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.
2	第二课　你好！ **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các	2 (2LT,0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Đóng vai.** - **Giảng viên:**	CLO1, CLO2, CLO3,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Hội thoại chào hỏi, xin lỗi. - Sử dụng từ vựng hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、练习		+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - **Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 22 - 24. [2]: Trang 14 - 15. [3]: Trang 7 - 9. [4]: Trang 1 - 2. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 22 - 24.	CLO4, CLO5, CLO6.
3	**第三课　谢谢你！** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc.	2 (2LT,0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Đóng vai.** - **Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	- Hội thoại cảm ơn, chào tạm biệt. - Sử dụng từ vựng, hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、练习		luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - **Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 25 - 27. [2]: Trang 20 . [3]: Trang 11 - 13. [4]: Trang 37 - 38. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 25 - 27.	
4	**第四课 你叫什么名字?** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Hội thoại hỏi đáp về họ tên, quốc tịch. - Sử dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:**	4 (4LT,0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Đóng vai.** - **Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	一、课文 二、语法 （一）疑问代词“什么” （二）“是”字句 （三）用“吗”的疑问句 三、练习		dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 28 - 35. [2]: Trang 26 - 29. [3]: Trang 15 - 20. [4]: Trang 46 - 50. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 28 - 35.	
5	**第五课** **她是我的汉语老师** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Hội thoại hỏi đáp giới thiệu nhau, nguười khác. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）疑问代词“谁、	4 (2LT,2KT)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:**	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	哪” （二）结构助词“的” （三）疑问助词“呢” 三、练习 **Kiểm tra giữa học phần**		+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 36 - 42. [2]: Trang 34 - 37. [3]: Trang 23 - 28. [4]: Trang 37 - 38. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 36 - 42. + Làm bài kiểm tra.	
6	第六课 她女儿今年二十岁 **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Hội thoại hỏi đáp về tuổi, số người trong gia đình. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）疑问代词“几” （二）百以内的数字 （三）“了”表变化 （四）“多+大”表示疑问 三、练习	2 (2LT,0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 43 - 50. [2]: Trang 42 - 45. [3]: Trang 31 - 36.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			[4]: Trang 46 - 47. [5]: Trang 149 - 151. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 43 - 50.	
7	第七课 我会说汉语 **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Hội thoại hỏi đáp về khả năng của bản thân. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）能愿动词“会”(1) （二）形容词谓语句 （三）疑问代词“怎么”(1) 三、练习	2 (2LT,0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 51 - 57. [2]: Trang 52 - 55. [3]: Trang 39 - 44. [5]: Trang 114 - 119. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			+ Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 51 - 57.	
8	第八课　今天几号？ **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Hội thoại hỏi đáp về ngày tháng, thứ. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）日期的表达（1） （二）名词谓语句 （三）连动句（1） 三、练习	2 (2LT,0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 58 - 64. [2]: Trang 60 - 64. [3]: Trang 47 - 52. [5] : Trang 54 - 60. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			[1]: Trang 58 - 64.	
9	**第九课 我想喝茶** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Hội thoại hỏi đáp về sở thích, mua đồ. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）能愿动词“想” （二）疑问代词“多少” （三）量词“个”、“口” （四）钱数的表达 三、练习	2 (2LT,0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 65 - 72. [2]: Trang 68 - 72. [3]: Trang 55 - 60. [5]: Trang 115 - 119. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 65 - 72.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.
10	**第十课** **你儿子在哪儿工作** **Mục tiêu bài:** - Phát âm và viết đúng các	2 (2LT,0TH)	**Thuyết trình; Đàm thoại; Đóng vai.** **- Giảng viên:** + Trình chiếu, giảng giải	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Hội thoại hỏi đáp về nơi xảy ra động tác. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、语法 （一）动词“在” （二）疑问代词“哪儿” （三）介词“在” （四）疑问助词“呢” （2） 三、练习		làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 73 - 79. [2]: Trang 76 - 79. [3]: Trang 63 - 68. [4]: Trang 96 - 102. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 73 - 79.	CLO5, CLO6.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

1. Tên học phần: Tin học cơ bản/ Basic Informatics

2. Mã học phần: TINCB 007

3. Số tín chỉ: 3 (2,1)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ nhất, năm thứ hai.

5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết, 30 giờ thực hành.
- Giờ học tập định mức của người học (bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá): 150 giờ.

6. Điều kiện tiên quyết: Không.

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	ThS. Phạm Văn Kiên	0986362233	kienpvdesign@gmail.com
2.	ThS.Vũ Bảo Tạo	0384305659	taovb2006@gmail.com
3.	ThS. Phạm Thị Hường	0972306806	phamthihuongdtth@gmail.com
4.	ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết	0972384332	anhtuyet13381@gmail.com
5.	ThS. Nguyễn Thị Thu	0977162855	thunt832212@gmail.com
6.	ThS. Hoàng Thị Ngát	0976940598	htngat1985@gmail.com
7.	ThS. Hoàng Thị An	0984420897	anhoangthi87@gmail.com
8.	ThS. Phạm Thị Tâm	0393979297	tamtruc102@gmail.com
9.	ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	0985547630	Nguyenbichngoc1990@gmail.com
10.	ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình	0986439454	thanhbinhsaodo@gmail.com
11.	ThS. Hoàng Thị Thu Hiền	0913776826	hiendhsaodo@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần trang bị kiến thức nền tảng và kỹ năng tin học ứng dụng, hướng tới đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản (theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT). Nội dung học phần được thiết kế với 3 trọng tâm: Nắm vững nguyên lý hệ thống máy tính, hệ điều hành và bảo mật cơ bản; Sử dụng hiệu quả tài nguyên mạng và các dịch vụ lưu trữ trực tuyến; Ứng dụng thành thạo bộ công cụ MS Word, Excel và PowerPoint để xử lý công việc và học tập hiệu quả.

9. Ngôn ngữ giảng dạy

Tiếng việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a. Mục tiêu chung của học phần

Học phần trang bị nền tảng tin học vững chắc nhằm giúp sinh viên ứng dụng công nghệ thông tin chuyên nghiệp, hướng tới các mục tiêu cốt lõi sau: Thành thạo tổ chức

dữ liệu, phân tích thông tin và thiết kế ấn phẩm số, đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông thi cơ bản của Bộ Thông tin và Truyền thông; Tuân thủ nghiêm ngặt bản quyền phần mềm và xây dựng văn hóa ứng xử an toàn trên không gian mạng; Tạo hành trang vững chắc để sinh viên học tập hiệu quả và thích ứng nhanh nhạy với môi trường làm việc hiện đại.

b. Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO)

CO1: Vận hành máy tính, hệ điều hành và các dịch vụ Internet để phục vụ hiệu quả cho công việc và học tập trong môi trường số.

CO2: Soạn thảo tài liệu văn bản chuyên nghiệp, đáp ứng các tiêu chuẩn hành chính và yêu cầu công việc thực tế.

CO3: Xử lý dữ liệu bằng bảng tính điện tử để hỗ trợ tính toán, thống kê và ra quyết định trong công việc.

CO4: Thiết kế các ấn phẩm trình chiếu khoa học, thẩm mỹ để truyền đạt và thuyết trình ý tưởng hiệu quả trước tập thể.

CO5: Tuân thủ các quy định về an toàn thông tin, bản quyền số và có trách nhiệm, văn hóa ứng xử khi làm việc trên không gian mạng.

***10.2. Chuẩn* đầu *ra học phần (*Course Learning Outcomes - CLOs)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng

CLOs	**Mô tả CLO**	**PIs**	**Mức độ PIs theo thang đo Bloom**
	Kiến thức		
CLO1	Giải thích được kiến trúc cơ bản của hệ thống máy tính, phân loại phần mềm và chức năng của hệ điều hành.	PI1.1	2
CLO2	Giải thích được nguyên lý hoạt động của mạng máy tính và các dịch vụ Internet phổ biến.	PI1.1	2
	Kỹ năng		
CLO3	Soạn thảo được văn bản hành chính hoàn chỉnh bằng Microsoft Word, gồm định dạng, bảng biểu, đồ họa và mục lục tự động.	PI5.1	3
CLO4	Xây dựng được bảng tính Excel có công thức, hàm tính toán và biểu đồ để phân tích dữ liệu.	PI5.1	4
CLO5	Thiết kế được bài trình chiếu PowerPoint có bố cục khoa học, tích hợp đa phương tiện và hiệu ứng trình diễn.	PI5.1	4
	Mức tự chủ và trách nhiệm		

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ PIs theo thang đo Bloom
CLO6	Tuân thủ được các quy định về an toàn thông tin, bản quyền số và văn hóa ứng xử khi làm việc trên không gian mạng.	PI9.1	3

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs\COs	CO1	CO2	CO3	CO4	CO5
CLO1	x				
CLO2	x				
CLO3		x			
CLO4			x		
CLO5				x	
CLO6					x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình (PLOs):

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI*					
	PLO1		PLO5		PLO9	
	PI1.1	PI1.2	PI5.1	PI5.2	PI9.1	PI9.2
CLO1		I				
CLO2		I				
CLO3				I		
CLO4				I		
CLO5				I		
CLO6					I	

Trong đó:

(I/R/M): Là mức độ đóng góp của mỗi CLO vào việc đạt được một PLO tương ứng.

- **I - Introduced (Giới thiệu):** Sinh viên được làm quen lần đầu với kiến thức/kỹ năng này. Học phần "gieo mầm" cho năng lực đó. Kiến thức chủ yếu ở mức độ lý thuyết, cơ bản. Sinh viên được yêu cầu ở mức độ nhận biết, ghi nhớ, hiểu (Cấp độ 1-2 của thang Bloom).
- **R - Reinforced (Củng cố, Tăng cường):** Sinh viên đã được học ở một môn trước đó, và học phần giúp họ củng cố, đào sâu, và mở rộng kiến thức/kỹ năng đó. Sinh viên được

yêu cầu vận dụng kiến thức vào các tình huống phức tạp hơn, có sự phân tích, so sánh. (Cấp độ 3-4 của thang Bloom).

- **M - Mastery (Làm chủ/Đánh giá):** Học phần này sinh viên được kỳ vọng sẽ làm chủ, thành thạo kiến thức/kỹ năng này. Đây là một trong những học phần cuối cùng hoặc cốt lõi nhất để hình thành năng lực đó trước khi sinh viên ra trường. Sinh viên phải có khả năng tổng hợp, đánh giá, sáng tạo, tự giải quyết vấn đề một cách độc lập. (Cấp độ 5-6 của thang Bloom).
- **M/A - Mastery/Assessed:** Nhấn mạnh rằng ở mức độ này, năng lực phải được đánh giá.

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) *Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập của người học*

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra – đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Điểm thường xuyên (Chuyên cần, ý thức tự học và nhận thức, thái độ)	20%	- Thời gian tham gia lớp học. - Rubric đánh giá chuyên cần và ý thức tự học.	CLO1	50	Điểm đánh giá thường xuyên	Điểm CLO1→ PLO1/ PI1.2
			CLO6	50		Điểm CLO6→ PLO9/ PI9.1
Điểm kiểm tra giữa kỳ	30%	- Bài kiểm tra thực hành trên máy. - Rubric kiểm tra giữa kỳ.	CLO1	50	Điểm kiểm tra giữa kỳ	Điểm CLO1→ PLO1/ PI1.2
			CLO2	50		Điểm CLO2→ PLO1/ PI1.2
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi thực hành. - Rubric thi kết thúc học phần	CLO3	25	Điểm thi kết thúc học phần	Điểm CLO3→ PLO5/ PI5.2
			CLO4	40		Điểm CLO4→ PLO5/ PI5.2
			CLO5	35		Điểm CLO5→ PLO5/ PI5.2

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đo lường mức đạt CLO	Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI	Dữ liệu được lấy từ
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
CLO1	Giải thích được kiến trúc cơ bản của hệ thống máy tính, phân loại phần mềm và chức năng của hệ điều hành.	x	PLO1/PI1.2	Điểm đánh giá thường xuyên; Điểm kiểm tra giữa kỳ.
CLO2	Giải thích được nguyên lý hoạt động của mạng máy tính và các dịch vụ Internet phổ biến.	x	PLO1/PI1.2	Điểm kiểm tra giữa kỳ.
CLO3	Soạn thảo được văn bản hành chính hoàn chỉnh bằng Microsoft Word, gồm định dạng, bảng biểu, đồ họa và mục lục tự động.	x	PLO5/PI5.2	Điểm thi kết thúc học phần
CLO4	Xây dựng được bảng tính Excel có công thức, hàm tính toán và biểu đồ để phân tích dữ liệu.	x	PLO5/PI5.2	Điểm thi kết thúc học phần
CLO5	Thiết kế được bài trình chiếu PowerPoint có bố cục khoa học, tích hợp đa phương tiện và hiệu ứng trình diễn.	x	PLO5/PI5.2	Điểm thi kết thúc học phần
CLO6	Tuân thủ được các quy định về an toàn thông tin, bản quyền số và văn hóa ứng xử khi làm việc trên không gian mạng.	x	PLO9/PI9.1	Điểm đánh giá thường xuyên

b) Rubric các bài bài kiểm tra, đánh giá

Rubric đánh giá chuyên cần và ý thức tự học

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
1. Mức độ tham dự theo thời khóa biểu.	CLO1	50%	Tham gia đầy đủ từ 95% đến 100% số buổi lý thuyết và thực hành; luôn có mặt đúng giờ, không vắng mặt không phép.	Tham gia từ 85% đến dưới 95% số buổi học; đi học đúng giờ, tuân thủ nghiêm túc quy chế lớp học.	Tham gia từ 80% đến dưới 85% số buổi học; có đi muộn hoặc vắng mặt có phép một vài lần theo quy định.	Vắng mặt quá 20% tổng số buổi học hoặc thường xuyên đi muộn, bỏ giờ không có lý do chính đáng.	
2. Ý thức tự học, làm việc độc lập và trách nhiệm cá nhân	CLO6	50%	Chủ động nghiên cứu tài liệu trước giờ học; hoàn toàn độc lập thao tác máy tính, tự giác tuân thủ quy định an toàn thông tin, bản quyền phần mềm và chịu trách nhiệm về sản phẩm bài tập cá nhân được giao.	Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ tự học được giao; có ý thức làm việc độc lập, tự tìm giải pháp khi gặp lỗi thao tác cơ bản trên máy tính.	Hoàn thành mức tối thiểu nhiệm vụ tự học; đôi lúc còn phụ thuộc vào hỗ trợ của giảng viên hoặc bạn bè, tính chủ động chưa cao.	Thụ động trong học tập; không chủ động nghiên cứu tài liệu; không hoàn thành nhiệm vụ tự học hoặc sao chép bài tập của người khác.	
Điểm tổng		100%					

Rubric kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
1. Quản lý hệ thống máy tính và	CLO1	30%	Thao tác thành thạo quản lý tệp tin, thư mục; thiết lập hệ điều hành chính xác; nhận diện và xử lý đúng các tình	Thao tác đúng các chức năng quản lý tệp tin, thư mục cơ bản; thiết lập hệ điều hành	Thao tác quản lý tệp tin, thư mục còn lúng túng, sai sót nhỏ; thiết lập hệ điều hành	Không thực hiện được các thao tác quản lý tệp tin, thư mục cơ bản; không thiết lập được	

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
hệ điều hành			huống về mã độc, bảo vệ dữ liệu.	đạt yêu cầu; nhận biết được rủi ro mã độc thông thường.	chưa đầy đủ.	hệ điều hành theo yêu cầu	
2. Khai thác dịch vụ Internet (web, email, lưu trữ đám mây)	CLO2	40%	Sử dụng thành thạo trình duyệt, kỹ năng tìm kiếm thông tin hiệu quả; thao tác quản lý email và lưu trữ, chia sẻ dữ liệu đám mây chính xác, nhanh chóng.	Khai thác tốt các dịch vụ web, email, đám mây theo đúng yêu cầu bài thi; thao tác đạt tốc độ khá.	Sử dụng được các dịch vụ Internet ở mức cơ bản; còn thao tác chậm hoặc sai sót ở một số bước.	Không thao tác được hoặc thao tác sai hoàn toàn các dịch vụ web, email, lưu trữ đám mây theo yêu cầu.	
3. Bảo mật tài khoản và ứng xử an toàn trên mạng	CLO2	30%	Thiết lập bảo mật tài khoản cá nhân đầy đủ, chặt chẽ; nhận diện chính xác các dấu hiệu lừa đảo trực tuyến và xử lý tình huống phù hợp.	Thiết lập được các biện pháp bảo mật tài khoản cơ bản; nhận diện được một số dấu hiệu lừa đảo phổ biến.	Thiết lập bảo mật tài khoản còn thiếu sót; nhận diện lừa đảo trực tuyến còn hạn chế.	Không thiết lập được biện pháp bảo mật tài khoản; không nhận diện được các dấu hiệu lừa đảo cơ bản.	
Điểm tổng		100%					

Rubric thi kết thúc học phần

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
1. Soạn thảo và trình bày	CLO3	35%	Soạn thảo, định dạng văn bản chính xác tuyệt đối theo	Soạn thảo, định dạng đúng yêu cầu đề bài; xử	Soạn thảo được văn bản theo yêu cầu cơ	Không soạn thảo được văn bản theo yêu	

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
văn bản (word)			yêu cầu; xử lý thành thạo bảng biểu, đồ họa, mục lục tự động, header/footer; văn bản đạt chuẩn hành chính, trình bày chuyên nghiệp.	lý tốt bảng biểu, đồ họa và các thành phần văn bản chuyên dụng; văn bản rõ ràng, đúng bố cục.	bản; định dạng, bảng biểu còn thiếu sót nhỏ, chưa hoàn toàn đúng chuẩn.	cầu; định dạng sai nghiêm trọng hoặc thiếu nhiều thành phần bắt buộc.	
2. Xử lý dữ liệu, tính toán và trực quan hóa (Excel)	CLO4	40%	Tổ chức, định dạng bảng tính chính xác; xây dựng công thức, hàm phức tạp đúng và tối ưu; phân tích, sắp xếp, trích lọc dữ liệu và trực quan hóa bằng đồ thị phù hợp, sinh động.	Tổ chức bảng tính hợp lý; vận dụng đúng các hàm, công thức theo yêu cầu; xây dựng được đồ thị thể hiện đúng dữ liệu.	Tổ chức bảng tính, sử dụng công thức/hàm ở mức cơ bản; đồ thị dựng được nhưng chưa phù hợp hoặc thiếu chính xác.	Không tổ chức được bảng tính theo yêu cầu; sử dụng sai hoặc không sử dụng được công thức, hàm; không dựng được đồ thị.	
3. Thiết kế bài trình chiếu (PowerPoint)	CLO5	25%	Thiết kế bố cục slide khoa học, thẩm mỹ; tích hợp linh hoạt hình ảnh, âm thanh, video; sử dụng hiệu ứng chuyển trang, hoạt cảnh hợp lý, chuyên nghiệp, hỗ trợ thuyết trình hiệu quả.	Thiết kế bố cục slide rõ ràng, hợp lý; tích hợp được đối tượng đa phương tiện theo yêu cầu; sử dụng hiệu ứng phù hợp nội dung.	Thiết kế slide đạt yêu cầu cơ bản; tích hợp đa phương tiện hoặc hiệu ứng còn đơn giản, chưa thực sự phù hợp.	Không thiết kế được slide theo yêu cầu; không tích hợp được đối tượng đa phương tiện hoặc hiệu ứng cần thiết.	
Điểm tổng		100%					

12. Yêu cầu học phần

Để đạt được các chuẩn đầu ra của học phần, sinh viên có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các yêu cầu học tập theo kế hoạch giảng dạy và quy định của Nhà trường. Cụ thể:

Chuyên cần: Tham gia tối thiểu 80% giờ học; hoàn thành đầy đủ bài thực hành và bài kiểm tra giữa học phần.

Tự học: Chủ động nghiên cứu tài liệu, giáo trình trước khi đến lớp; thực hành thao tác trên máy tính để củng cố kiến thức đã học.

Kiến thức chuyên môn: Vận dụng kiến trúc máy tính, hệ điều hành, nguyên lý mạng và dịch vụ Internet để giải quyết các bài toán tin học văn phòng cơ bản.

Công cụ: Khai thác thành thạo hệ điều hành Windows, trình duyệt web, dịch vụ email, lưu trữ đám mây và bộ phần mềm Microsoft Office (Word, Excel, PowerPoint).

Sản phẩm ứng dụng: Soạn thảo được văn bản hành chính, xây dựng bảng tính có công thức/đồ thị và thiết kế bài trình chiếu đạt yêu cầu chuyên nghiệp, thẩm mỹ.

Đạo đức và an toàn: Trung thực, không sao chép bài tập; tuân thủ quy định về bản quyền số, bảo mật tài khoản và văn hóa ứng xử trên không gian mạng.

Tuân thủ quy định: Chủ động cập nhật kỹ năng tin học cần thiết; tuân thủ thời hạn nộp bài tập và quy chế kiểm tra, đánh giá của Nhà trường.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Trường Đại học Sao Đỏ (2026)*, Tài liệu học tập Tin học cơ bản*.

- Tài liệu tham khảo:

[2] - TS. Nguyễn Thị Bạch Tuyết, TS. Trần Quang Yên, ThS. Phạm Văn Minh, ThS. Phùng Tiến Hải, ThS. Trần Thanh Hải và ThS. Trần Dũng Khánh (2024), *Giáo trình Tin học đại cương*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
1	**Chương 1. Hệ thống máy tính và hệ điều hành** **Mục tiêu chương:** - Giải thích được kiến trúc cơ bản của hệ thống máy tính, phân loại phần mềm; - Sử dụng thành thạo các chức năng cơ bản của hệ điều hành Windows để quản lý dữ liệu và áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, tuân thủ bản quyền số. **Nội dung cụ thể:**	4 (2LT, 2TH)	**Thuyết giảng; Giảng dạy với thí nghiệm minh họa.** **- Giảng viên:** + Thuyết giảng lý thuyết về kiến trúc máy tính, phân loại phần mềm. + Thực hiện thí nghiệm minh họa: thao tác mẫu cấu hình Windows và quản lý tệp tin, thư mục. + Giao bài tập, đánh giá và nhận xét. **- Sinh viên:**	CLO1; CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	1.1. Tổng quan về hệ thống máy tính 1.1.1. Phần cứng máy tính 1.1.2. Phần mềm máy tính 1.2. Môi trường hệ điều hành Windows 1.2.1. Khái niệm và chức năng 1.2.2. Giao diện và thiết lập cơ bản 1.3. Quản lý tệp tin và thư mục 1.3.1. Tổ chức cây thư mục 1.3.2. Thao tác quản lý dữ liệu 1.4. An toàn máy tính và bản quyền số 1.4.1. Mã độc và bảo vệ dữ liệu 1.4.2. Bản quyền và an toàn sức khỏe Bài thực hành chương 1.		+ Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 1; [2]: Chương 1 – 6. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập thực hành chương 01.	
2	**Chương 2. Khai thác Internet và an toàn trực tuyến** **Mục tiêu chương:** - Hiểu nguyên lý hoạt động của mạng máy tính; - Khai thác hiệu quả các dịch vụ Internet (Web, Email, Đám mây) phục vụ công việc và tuân thủ các nguyên tắc an toàn, văn hóa ứng xử trên không gian mạng. **Nội dung cụ thể:** 2.1. Khái quát về mạng máy tính và Internet 2.1.1. Khái niệm cơ bản 2.1.2. Các phương thức kết nối 2.2. Khai thác web và tìm kiếm thông tin 2.2.1. Sử dụng trình duyệt web 2.2.2. Kỹ năng tìm kiếm thông tin	4 (2LT, 2TH)	**Thuyết giảng; Giảng dạy với thí nghiệm minh họa.** **- Giảng viên:** + Thuyết giảng về nguyên lý mạng máy tính, kỹ thuật tìm kiếm thông tin. + Thực hiện thí nghiệm minh họa: thao tác mẫu sử dụng dịch vụ đám mây và gửi email đính kèm. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 2; [2]: Chương 7. + Quan sát, lắng nghe, ghi chép. + Thực hành gửi email chuyên nghiệp, tải/lưu trữ dữ liệu đám mây an toàn. + Tuân thủ quy định an toàn mạng và phòng máy.	CLO2; CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	2.3. Dịch vụ thư điện tử (email) và lưu trữ đám mây 2.3.1. Quản lý và sử dụng email 2.3.2. Lưu trữ và chia sẻ đám mây 2.4. An toàn thông tin và văn hóa ứng xử trên mạng 2.4.1. Bảo mật tài khoản cá nhân 2.4.2. Nhận diện lừa đảo và văn hóa ứng xử Bài thực hành chương 02		+ Làm bài tập thực hành chương 02.	
3	**Chương 3. Microsoft Word** **Mục tiêu chương:** Vận dụng thành thạo phần mềm Microsoft Word để soạn thảo, định dạng, xử lý bảng biểu/đồ họa và hoàn thiện các tài liệu văn bản chuyên nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn hành chính. **Nội dung cụ thể:** 3.1. Soạn thảo và định dạng văn bản cơ bản 3.1.1. Kỹ năng soạn thảo văn bản 3.1.2. Kỹ thuật định dạng văn bản 3.2. Thao tác với bảng biểu và đồ họa 3.2.1. Xử lý bảng biểu (Table) 3.2.2. Xử lý đối tượng đồ họa 3.3. Xử lý văn bản chuyên dụng 3.3.1. Header, Footer và Page number 3.3.2. Mục lục tự động và trộn thư 3.4. Bố cục trang tài liệu và in ấn 3.4.1. Thiết lập trang in 3.4.2. Xem trước và xuất bản Bài thực hành chương 03 **Kiểm tra giữa học phần**	20 (10LT, 10TH 2KT)	**Thuyết giảng; Nghiên cứu tình huống/trường hợp; Giảng dạy với thí nghiệm minh họa.** **- Giảng viên:** + Thuyết giảng kỹ thuật soạn thảo, định dạng văn bản chuẩn hành chính. + Thực hiện thí nghiệm minh họa: thao tác mẫu xử lý bảng biểu, đồ họa, mục lục tự động. + Xây dựng tình huống thực tế (soạn hợp đồng, báo cáo), giao sinh viên giải quyết theo nhóm. + Tổ chức Kiểm tra giữa học phần. + Giám sát, hướng dẫn nhóm giải quyết vướng mắc kỹ thuật. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 3; [2]: Chương 8. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết tình huống được giao.	CLO3; CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
			+ Thực hành xây dựng văn bản chuyên nghiệp. + Làm bài kiểm tra giữa học phần.	
4	**Chương 4. Microsoft Excel** **Mục tiêu chương:** Áp dụng linh hoạt Microsoft Excel để tổ chức dữ liệu, xây dựng công thức tính toán, phân tích thống kê cơ bản và trực quan hóa dữ liệu bằng đồ thị. **Nội dung cụ thể:** 4.1. Tổ chức và định dạng bảng tính 4.1.1. Tổ chức dữ liệu 4.1.2. Kỹ thuật định dạng 4.2. Tính toán với công thức và hàm 4.2.1. Công thức và địa chỉ ô 4.2.2. Các nhóm hàm thông dụng 4.3. Quản lý, phân tích dữ liệu và đồ thị 4.3.1. Sắp xếp và trích lọc dữ liệu 4.3.2. Trực quan hóa bằng đồ thị 4.4. Trình bày trang và in bảng tính 4.4.1. Thiết lập vùng in 4.4.2. Cố định tiêu đề và in ấn Bài thực hành chương 04	20 (10LT 10TH	**Thuyết giảng; Dạy học dựa trên vấn đề; Giảng dạy với thí nghiệm minh họa.** **- Giảng viên:** + Thuyết giảng, phân tích logic của các hàm, công thức tính toán. + Thực hiện thí nghiệm minh họa: xử lý số liệu thực tế trên bảng tính. + Xây dựng vấn đề (bài toán thống kê, quản lý dữ liệu thực tế), giao sinh viên giải quyết. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 4; [2]: Chương 8. + Thực hành giải quyết các bài toán thống kê, quản lý bằng Excel.	CLO4; CLO6.
5	**Chương 5. Microsoft PowerPoint** **Mục tiêu chương:** Phân tích nội dung và thiết kế các ấn phẩm trình chiếu khoa học, thẩm mỹ, kết hợp hiệu ứng đa phương tiện và kỹ thuật điều hướng để hỗ trợ thuyết trình hiệu quả.	12 (6LT, 6TH)	**Thuyết giảng; Dạy học thông qua dự án/đồ án.** **- Giảng viên:** + Thuyết giảng, hướng dẫn tư duy thiết kế bố cục slide khoa học. + Chuẩn bị nội dung dự án thiết kế ấn phẩm trình	CLO5; CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	Nội dung cụ thể: 5.1. Thiết kế bố cục và nội dung 5.1.1. Quản lý Slide và Layout 5.1.2. Slide Master và định dạng văn bản 5.2. Tích hợp đối tượng đa phương tiện 5.2.1. Hình ảnh và đồ họa trực quan 5.2.2. Âm thanh (Audio) và video 5.3. Thiết lập hiệu ứng và hoạt cảnh 5.3.1. Hiệu ứng chuyển trang (Transitions) 5.3.2. Hiệu ứng đối tượng (Animations) 5.4. Thiết lập trình chiếu và xuất bản 5.4.1. Điều hướng trình chiếu 5.4.2. Trình diễn và xuất bản tài liệu Bài thực hành chương 05		chiếu, giao sinh viên thực hiện. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 5; [2]: Chương 9. + Thực hiện dự án tự thiết kế bộ slide thuyết trình chuyên nghiệp theo chủ đề. + Ôn tập chuẩn bị thi kết thúc học phần.	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

1. Tên học phần: Ứng dụng công nghệ số và AI/ Applications of Digital Technology and Artificial Intelligence

2. Mã học phần: CNTT 011

3. Số tín chỉ: 2 (1,1)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ nhất, năm thứ hai.

5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 15 giờ lý thuyết, 30 giờ thực hành.

- Giờ học tập định mức của người học (bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá): 100 giờ.

6. Điều kiện tiên quyết: Không.

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	ThS. Phạm Văn Kiên	0986362233	kienpvdesign@gmail.com
2.	ThS.Vũ Bảo Tạo	0384305659	taovb2006@gmail.com
3.	ThS. Phạm Thị Hường	0972306806	phamthihuongdtth@gmail.com
4.	ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết	0972384332	anhtuyet13381@gmail.com
5.	ThS. Nguyễn Thị Thu	0977162855	thunt832212@gmail.com
6.	ThS. Hoàng Thị Ngát	0976940598	htngat1985@gmail.com
7.	ThS. Hoàng Thị An	0984420897	anhoangthi87@gmail.com
8.	ThS. Phạm Thị Tâm	0393979297	tamtruc102@gmail.com
9.	ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	0985547630	Nguyenbichngoc1990@gmail.com
10.	ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình	0986439454	thanhbinhsaodo@gmail.com
11.	ThS. Hoàng Thị Thu Hiền	0913776826	hiendhsaodo@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần cung cấp kiến thức nền tảng và kỹ năng ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI) vào học tập và công việc, gồm 4 nội dung trọng tâm: (1) Quản trị và bảo mật thông tin trên điện toán đám mây; (2) Kỹ thuật thiết kế câu lệnh (Prompt Engineering); (3) Tích hợp công cụ AI để tự động hóa, phân tích dữ liệu và sáng tạo nội dung số; (4) Đạo đức AI và pháp lý số.

9. Ngôn ngữ giảng dạy

Tiếng việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a. Mục tiêu chung của học phần

Học phần trang bị cho sinh viên tư duy số hiện đại và năng lực làm chủ công nghệ AI tạo sinh (GenAI) để chủ động ứng dụng công nghệ kiến tạo giá trị, đạt bậc 4 theo Khung năng lực số (Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT); đồng thời bồi dưỡng nền tảng đạo đức công nghệ, ý thức tuân thủ pháp luật, bản quyền số và thói quen tự học suốt đời, giúp sinh viên thích ứng với môi trường việc làm trong kỷ nguyên chuyển đổi số.

b. Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO)

- CO1: Trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về tư duy số, hệ sinh thái điện toán đám mây, nguyên lý hoạt động của AI tạo sinh (GenAI), đồng thời phát triển năng lực phân tích để đánh giá độ tin cậy của thông tin và nhận diện các rủi ro bảo mật, đạo đức số.

- CO2: Rèn luyện kỹ năng khai thác dữ liệu trực tuyến và thiết kế câu lệnh (Prompt) đa bước để tích hợp linh hoạt nhiều công cụ AI, giải quyết độc lập các bài toán chuyên môn thực tế theo tiêu chuẩn bậc 4 Khung năng lực số.

- CO3: Tuân thủ nghiêm ngặt bản quyền số, liêm chính học thuật; chủ động tự định hướng, cập nhật công nghệ mới và rèn luyện thói quen học tập suốt đời.

***10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (*Course Learning Outcomes (CLOs)**

với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo - **Program Learning Outcomes (PLO)**:

CLOs	**Mô tả CLO**	**PIs**	**Mức độ của PIs theo thang đo Bloom**
	Kiến thức		
CLO1	Giải thích được các khái niệm nền tảng về tư duy số và hệ sinh thái điện toán đám mây.	PI5.1	2
CLO2	Phân tích được nguyên lý vận hành của trí tuệ nhân tạo tạo sinh (GenAI) và cấu trúc kỹ thuật của câu lệnh (Prompt).	PI5.1	4
	Kỹ năng		
CLO3	Vận dụng các công cụ điện toán đám mây để lưu trữ, quản trị và cộng tác xử lý dữ liệu trực tuyến.	PI5.1	3
CLO4	Kết hợp các biến số ngữ cảnh vào chuỗi câu lệnh (Prompt) đa bước nhằm điều hướng AI giải quyết các bài toán thực tiễn.	PI5.1	4
CLO5	Tích hợp nhiều công cụ AI để tự động hóa quy trình bóc tách dữ liệu và thiết kế các ấn phẩm số/nội dung đa phương tiện.	PI5.1	4

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Tích hợp các nguyên tắc an toàn thông tin, đạo đức nghề nghiệp, bản quyền sở hữu trí tuệ và sự minh bạch (trích dẫn nguồn AI) vào quá trình thực hiện các sản phẩm số cá nhân/nhóm.	PI10.2	4

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs\COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3		x	
CLO4		x	
CLO5		x	
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình (PLOs):

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI*									
	PLO2		PLO7			PLO8			PLO9	
	PI2.1	PI2.2	PI7.1	PI7.2	PI7.3	PI8.1	PI8.2	PI8.3	PI9.1	PI9.2
CLO1		R								
CLO2	R									
CLO3			R							
CLO4				R						
CLO5							I			
CLO6										R

Trong đó:

(I/R/M): Là mức độ đóng góp của mỗi CLO vào việc đạt được một PLO tương ứng.

- ***I - Introduced (Giới thiệu):*** *Sinh viên được làm quen lần đầu với kiến thức/kỹ năng này. Học phần "gieo mầm" cho năng lực đó. Kiến thức chủ yếu ở mức độ lý thuyết, cơ bản. Sinh viên được yêu cầu ở mức độ nhận biết, ghi nhớ, hiểu (Cấp độ 1-2 của thang Bloom).*

- ***R - Reinforced (Củng cố, Tăng cường):*** *Sinh viên đã được học ở một môn trước đó, và học phần giúp họ củng cố, đào sâu, và mở rộng kiến thức/kỹ năng đó. Sinh viên được yêu cầu vận dụng kiến thức vào các tình huống phức tạp hơn, có sự phân tích, so sánh. (Cấp độ 3-4 của thang Bloom).*
- ***M - Mastery (Làm chủ/Đánh giá):*** *Học phần này sinh viên được kỳ vọng sẽ làm chủ, thành thạo kiến thức/kỹ năng này. Đây là một trong những học phần cuối cùng hoặc cốt lõi nhất để hình thành năng lực đó trước khi sinh viên ra trường. Sinh viên phải có khả năng tổng hợp, đánh giá, sáng tạo, tự giải quyết vấn đề một cách độc lập. (Cấp độ 5-6 của thang Bloom).*
- ***M/A - Mastery/Assessed:*** *Nhấn mạnh rằng ở mức độ này, năng lực phải được đánh giá.*

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) *Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập của người học*

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra – đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Điểm thường xuyên (Chuyên cần, ý thức tự học và nhận thức, thái độ)	20%	- Thời gian tham gia lớp học. - Rubric đánh giá chuyên cần và ý thức tự học.	CLO1	50	Điểm đánh giá thường xuyên	Điểm CLO1→PLO5/PI5.1
			CLO6	50		Điểm CLO6→ PLO5/PI5.1
Điểm kiểm tra giữa kỳ	30%	- Bài kiểm tra thực hành trên máy. - Rubric kiểm tra giữa kỳ.	CLO2	50	Điểm kiểm tra giữa kỳ	Điểm CLO2→ PLO5/PI5.1
			CLO3	50		Điểm CLO3→ PLO5/PI5.1
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi bài tập lớn. - Rubric thi kết thúc học phần	CLO4	25	Điểm thi kết thúc học phần	Điểm CLO4→ PLO5/PI5.1
			CLO5	40		Điểm CLO5→ PLO5/PI5.1
			CLO6	35		Điểm CLO6→ PLO10/ PI10.2

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đo lường mức đạt CLO	Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI	Dữ liệu được lấy từ
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
CLO1	Giải thích được các khái niệm nền tảng về tư duy số và hệ sinh thái điện toán đám mây.	x	PLO5/PI5.1	Điểm đánh giá thường xuyên.
CLO2	Phân tích được nguyên lý vận hành của trí tuệ nhân tạo tạo sinh (GenAI) và cấu trúc kỹ thuật của câu lệnh (Prompt).	x	PLO5/PI5.1	Điểm kiểm tra giữa kỳ.
CLO3	Vận dụng các công cụ điện toán đám mây để lưu trữ, quản trị và cộng tác xử lý dữ liệu trực tuyến.	x	PLO5/PI5.1	Điểm kiểm tra giữa kỳ.
CLO4	Kết hợp các biến số ngữ cảnh vào chuỗi câu lệnh (Prompt) đa bước nhằm điều hướng AI giải quyết các bài toán thực tiễn.	x	PLO5/PI5.1	Điểm thi kết thúc học phần.
CLO5	Tích hợp nhiều công cụ AI để tự động hóa quy trình bóc tách dữ liệu và thiết kế các ấn phẩm số/nội dung đa phương tiện.	x	PLO5/PI5.1	Điểm thi kết thúc học phần.
CLO6	Tích hợp các nguyên tắc an toàn thông tin, đạo đức nghề nghiệp, bản quyền sở hữu trí tuệ và sự minh bạch (trích dẫn nguồn AI) vào quá trình thực hiện các sản phẩm số cá nhân/nhóm.	x	PLO10/PI10.2	Điểm đánh giá thường xuyên; Điểm thi kết thúc học phần.

b) Rubric các bài bài kiểm tra, đánh giá

Rubric đánh giá chuyên cần và ý thức tự học

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
1. Mức độ tham dự	CLO1	50%	Tham gia đầy đủ 95-100% số buổi lý thuyết và thực hành; luôn có mặt đúng giờ,	Tham gia 85% đến dưới 95% số buổi học; đi học đúng giờ, tuân thủ nghiêm túc quy chế	Tham gia 80% đến dưới 85% số buổi học; có đi muộn	Vắng mặt quá 20% tổng số buổi học hoặc thường xuyên đi muộn,	

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
theo thời khóa biểu.			không vắng mặt không phép; tích cực thảo luận về các chiến lược tìm kiếm, xu hướng AI trong giờ học.	lớp học.	hoặc vắng mặt có phép một vài lần theo quy định.	bỏ giờ không có lý do chính đáng.	
2. Ý thức tự học, làm việc độc lập và trách nhiệm cá nhân	CLO6	50%	Chủ động nghiên cứu tài liệu, cập nhật xu hướng AI mới trước giờ học; hoàn toàn độc lập trong việc xây dựng, huấn luyện mô hình được giao; tự giác tuân thủ nguyên tắc đạo đức AI và bảo mật dữ liệu khi thực hành.	Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ tự học được giao; có ý thức làm việc độc lập, tự chủ tìm giải pháp khi mô hình gặp lỗi cơ bản (overfitting, lỗi cú pháp framework...).	Hoàn thành mức tối thiểu nhiệm vụ tự học; đôi lúc còn phụ thuộc vào hỗ trợ của giảng viên hoặc bạn bè, tính chủ động chưa cao.	Thụ động trong học tập; không chủ động nghiên cứu tài liệu; không hoàn thành nhiệm vụ tự học hoặc sao chép mã nguồn/mô hình của người khác.	
Điểm tổng		100%					

Rubric kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
1. So sánh, lựa chọn mô hình học máy	CLO2	30%	Phân tích chính xác đặc điểm dữ liệu và bài toán; so sánh sắc sảo ưu, nhược điểm giữa các mô hình học có giám sát/không giám sát (hồi quy, phân loại, phân cụm) để lựa	Phân tích đúng yêu cầu đề bài; so sánh hợp lý giữa các mô hình học	Phân tích ở mức cơ bản; việc so sánh, lựa chọn mô hình còn gượng ép, chưa	Không phân tích được yêu cầu; không phân biệt được đặc điểm các	

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
phù hợp bài toán			chọn tối ưu.	máy để lựa chọn giải pháp phù hợp.	có căn cứ rõ ràng.	mô hình học máy cơ bản.	
2. Xây dựng, huấn luyện mô hình học máy	CLO3	40%	Thực hiện thuần thục quy trình tiền xử lý dữ liệu, trích chọn đặc trưng, huấn luyện mô hình bằng thư viện chuyên dụng; xử lý tốt hiện tượng overfitting/underfitting; mã nguồn sạch, chuẩn convention.	Vận dụng tốt quy trình xử lý dữ liệu và huấn luyện mô hình theo yêu cầu; mã nguồn rõ ràng, cấu trúc mạch lạc.	Vận dụng được quy trình huấn luyện mô hình ở mức tối thiểu; mã nguồn còn rườm rà, chưa xử lý được các vấn đề phát sinh.	Lỗi cú pháp nghiêm trọng; hoàn toàn không biết cách huấn luyện mô hình học máy bằng thư viện được yêu cầu.	
3. Đánh giá hiệu năng mô hình (kết quả thực thi)	CLO3	30%	Đánh giá mô hình chính xác bằng các chỉ số phù hợp (accuracy, precision, recall...); áp dụng đúng kỹ thuật cross-validation, tối ưu siêu tham số; kết quả đạt hiệu năng cao trên tập kiểm thử.	Đánh giá được mô hình bằng các chỉ số cơ bản; kết quả đạt hiệu năng khá trên tập kiểm thử.	Đánh giá mô hình còn sơ sài, sử dụng chỉ số chưa phù hợp; hiệu năng mô hình đạt mức trung bình.	Không đánh giá được hiệu năng mô hình hoặc mô hình không chạy ra kết quả hợp lệ.	
Điểm tổng		100%					

Rubric thi kết thúc học phần (bài tập lớn)

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.5 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
1. Hình thức báo cáo (Tài liệu/Slide)	CLO6	10%	Cấu trúc tài liệu/slide trình bày đẹp mắt, logic, khoa học, trình bày rõ ràng, hoàn toàn không có lỗi chính tả và định dạng chuẩn.	Cấu trúc hợp lý, đầy đủ các mục, trình bày sạch sẽ, chỉ có một vài lỗi chính tả hoặc lỗi định dạng nhỏ.	Cấu trúc cơ bản hợp lý nhưng thiết kế còn đơn điệu, chữ nhỏ khó nhìn, có nhiều lỗi chính tả hoặc lỗi căn lề.	Cấu trúc lộn xộn, sơ sài, chữ quá nhỏ, trình bày cẩu thả và mắc rất nhiều lỗi chính tả.	
2. Kỹ năng trình bày và thuyết trình	CLO6	10%	Trình bày rành mạch, tự tin, thuyết phục, làm chủ thời gian quy định, tương tác tốt với hội đồng.	Nói rõ ràng, tự tin, hoàn thành nội dung trong thời gian quy định, có giao lưu với người nghe.	Nói khá rõ ràng nhưng đôi chỗ lúng túng, thời gian thuyết trình chưa đúng quy định.	Nói nhỏ, thiếu tự tin, đọc tài liệu hoàn toàn, không tương tác với hội đồng.	
3. Cài đặt mô hình mạng nơ-ron (CNN/RNN)	CLO4	30%	Cài đặt chính xác, tối ưu kiến trúc CNN/RNN bằng framework AI chuyên dụng; mô hình huấn luyện hội tụ tốt, hiệu năng cao trên tập dữ liệu bài toán.	Cài đặt đúng kiến trúc CNN/RNN theo yêu cầu; mô hình huấn luyện hoạt động ổn định, đạt hiệu năng khá.	Cài đặt được mô hình cơ bản nhưng còn lỗi nhỏ; hiệu năng mô hình đạt mức trung bình.	Không cài đặt được mô hình mạng nơ-ron theo yêu cầu hoặc mô hình không huấn luyện được.	
4. Triển khai, đánh giá vận hành hệ thống AI	CLO5	30%	Đóng gói, triển khai mô hình thành công vào ứng dụng/hệ thống hoàn chỉnh; đánh giá chính xác hiệu năng, độ ổn định khi vận hành thực tế; xử lý tốt	Triển khai được mô hình vào hệ thống hoạt động ổn định; đánh giá được hiệu năng vận hành ở mức khá.	Triển khai được mô hình nhưng hệ thống còn gián đoạn; đánh giá hiệu năng vận hành còn sơ sài.	Không triển khai được mô hình vào hệ thống hoặc hệ thống không vận hành được.	

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.5 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
			các tình huống phát sinh.				
5. Mức độ tham gia và đóng góp của thành viên	CLO6	20%	100% thành viên tham gia tích cực vào việc xây dựng mô hình, triển khai hệ thống, viết báo cáo và cùng trình bày, phản biện trước hội đồng.	Khoảng 80% thành viên tham gia thực hiện cốt lõi sản phẩm và trực tiếp tham gia trình bày, bảo vệ đồ án.	Khoảng 60% thành viên tham gia; có thành viên thụ động, ít đóng góp hoặc vắng mặt khi bảo vệ.	Dưới 40% thành viên tham gia; sản phẩm chủ yếu do một cá nhân thực hiện, nhóm không có sự hợp tác.	
Điểm tổng		100%					

11. Yêu cầu học phần

Để đạt được các chuẩn đầu ra của học phần, sinh viên có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các yêu cầu học tập theo kế hoạch giảng dạy và quy định của Nhà trường. Cụ thể:

Nhiệm vụ học tập và chuyên cần: Hoàn thành đầy đủ bài tập cá nhân, bài thực hành phòng máy, bài kiểm tra và tham gia tối thiểu 80% tổng số giờ học trên lớp.

Tự học và chuẩn bị: Chủ động nghiên cứu tài liệu, giáo trình, cập nhật xu hướng công nghệ AI mới; thử nghiệm cài đặt thuật toán, huấn luyện mô hình trước khi đến lớp và hoàn thành các nhiệm vụ trực tuyến.

Vận dụng kiến thức chuyên môn: Thành thạo các chiến lược tìm kiếm, thuật toán học máy có/không giám sát, kiến trúc mạng nơ-ron (CNN, RNN) và quy trình phát triển hệ thống trí tuệ nhân tạo để giải quyết bài toán thực tế.

Sử dụng công cụ phần mềm: Khai thác hiệu quả môi trường lập trình, framework AI chuyên dụng, tài liệu kỹ thuật (documentation) và công cụ gỡ lỗi, đánh giá hiệu suất mô hình.

Ứng dụng thực tiễn và triển khai hệ thống: Xây dựng, huấn luyện mô hình học máy/học sâu hoàn chỉnh và thực hiện quy trình triển khai, tích hợp mô hình vào hệ thống, ứng dụng thực tế.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Trường Đại học Sao Đỏ (2026)*, Tài liệu học tập Ứng dụng công nghệ số và AI*.

- Tài liệu tham khảo:

[2] – Bộ Giáo dục và đào tạo (2025), *Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT quy định khung năng lực số cho người học*.

[3] – Luciano Floridi (Lê Thị Thùy Linh, Bùi Thanh Vân dịch, 2024), *Đạo đức trí tuệ nhân tạo - Nguyên tắc, thách thức và cơ hội*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

[4] – Bộ Thông tin và Truyền thông (2021), *Cẩm nang Chuyển đổi số*, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
1	**Chương 1. Năng lực số và điện toán đám mây** **Mục tiêu chương:** - Trang bị cho sinh viên kiến thức về khung năng lực số cá nhân; - Hình thành kỹ năng khai thác, đánh giá thông tin và sử dụng thành thạo hệ sinh thái điện toán đám mây; - Thiết lập các biện pháp bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu cá nhân và tổ chức. **Nội dung cụ thể:** 1.1. Tư duy số và khung năng lực số cá nhân 1.2. Khai thác và đánh giá thông tin 1.2.1. Kỹ thuật tìm kiếm nâng cao 1.2.2. Đánh giá độ tin cậy và kiểm chứng thông tin 1.3. Hệ sinh thái điện toán đám mây 1.3.1. Nguyên lý và nền tảng lưu	9 (3LT, 6TH)	**Thuyết giảng; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm; Giảng dạy với thí nghiệm minh họa.** **- Giảng viên:** + Thuyết giảng khái niệm tư duy số và nguyên lý bảo mật. + Minh họa cách thiết lập, phân quyền và cộng tác trên đám mây. + Nêu tình huống (vấn đề) rủi ro an toàn thông tin để sinh viên xử lý. + Giao bài tập, đánh giá và nhận xét. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 1; [2]: Mục 1.1; [4]: Mục 4.3. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và thực hành.	CLO1; CLO3

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	trữ đám mây 1.3.2. Quản lý, phân quyền và cộng tác dữ liệu thời gian thực 1.4. An toàn và bảo mật thông tin số 1.4.1. Nhận diện rủi ro mạng 1.4.2. Kỹ thuật bảo mật tài khoản Bài thực hành chương 01			
2	**Chương 2. AI tạo sinh và kỹ thuật thiết kế câu lệnh** **Mục tiêu chương:** - Giúp sinh viên hiểu rõ nguyên lý hoạt động của các mô hình ngôn ngữ lớn (LLMs); - Vận dụng thành thạo các kỹ thuật thiết kế câu lệnh (Prompt Engineering) để tương tác, giao tiếp và kiểm soát AI nhằm giải quyết các bài toán chuyên môn. **Nội dung cụ thể:** 2.1. Tổng quan về AI tạo sinh (GenAI) 2.1.1. Khái niệm và nguyên lý hoạt động của LLMs 2.1.2. Phân loại và ứng dụng của GenAI 2.2. Kỹ thuật thiết kế câu lệnh (Prompt Engineering) 2.2.1. Khung thiết kế câu lệnh tiêu chuẩn 2.2.2. Kỹ thuật thiết kế câu lệnh nâng cao 2.3. Tối ưu hóa ngữ cảnh và kiểm soát AI 2.3.1. Kỹ thuật cung cấp và giới hạn ngữ cảnh	12 (4LT, 7TH, 1KT)	**Thuyết giảng; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học tập theo nhóm; Giảng dạy với thí nghiệm minh họa.** **- Giảng viên:** + Thuyết giảng nguyên lý AI tạo sinh (GenAI) và cấu trúc Prompt. + Thao tác mẫu (minh họa) viết chuỗi câu lệnh đa bước trên AI. + Nêu tình huống AI bị "ảo giác" (sai lệch), hướng dẫn khắc phục. + Tổ chức và chấm điểm kiểm tra giữa học phần. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 2; [3]: Mục 2.3.2. + Quan sát, lắng nghe, ghi chép bài. + Thực hành theo nhóm, giải quyết vấn đề AI bị ”ảo giác”. + Làm bài kiểm tra giữa học phần.	CLO2; CLO4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	2.3.2. Nhận diện và xử lý "ảo giác AI" (Hallucination) Bài thực hành chương 02 Kiểm tra giữa học phần			
3	**Chương 3. Ứng dụng AI** **Mục tiêu chương:** Hình thành năng lực khai thác và tích hợp hiệu quả các công cụ AI vào các quy trình thực tiễn như phân tích văn bản, làm sạch và xử lý dữ liệu, thiết kế và sáng tạo nội dung số đa phương tiện. **Nội dung cụ thể:** 3.1. Phân tích và tổng hợp văn bản 3.1.1. Ứng dụng AI trong nghiên cứu và tóm tắt tài liệu 3.1.2. Sáng tạo và biên tập văn bản chuyên môn 3.2. Xử lý và trực quan hóa dữ liệu 3.2.1. Ứng dụng AI trong làm sạch và phân tích dữ liệu 3.2.2 Tự động hóa báo cáo và dự báo cơ bản 3.3. Thiết kế và sáng tạo nội dung số 3.3.1. Thiết kế ấn phẩm truyền thông với AI 3.3.2. Tự động hóa thiết kế bài trình chiếu Bài thực hành chương 03	18 (6LT, 12TH)	**Thuyết giảng; Dạy học thông qua dự án/đồ án; Tổ chức học tập theo nhóm; Giảng dạy với thí nghiệm minh họa.** **- Giảng viên:** + Thuyết giảng ứng dụng AI để phân tích dữ liệu. + Giao chủ đề dự án/bài tập lớn cho các nhóm. + Hướng dẫn dự án và giải quyết vướng mắc kỹ thuật. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 3. + Lắng nghe, ghi chép. + Phân công nhiệm vụ nhóm, thực hành tích hợp AI tạo sản phẩm cho dự án.	CLO5.
4	**Chương 4. Đạo đức và pháp lý số** **Mục tiêu chương:** - Đảm bảo sinh viên nhận thức được các rủi ro từ công nghệ;	6 (2LT, 4TH)	**Thuyết giảng; Nghiên cứu tình huống/trường hợp; Tổ chức học tập theo nhóm.** **- Giảng viên:**	CLO2; CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về đạo đức học thuật, tôn trọng bản quyền sở hữu trí tuệ và thể hiện trách nhiệm của công dân số. **Nội dung cụ thể:** 4.1. Đạo đức và rủi ro AI 4.1.1. Thiên lệch dữ liệu (AI Bias) và quyền riêng tư 4.1.2. Tin giả (Fake news) và nội dung giả mạo (Deepfake) 4.2. Bản quyền số và sở hữu trí tuệ 4.2.1. Pháp lý đối với sản phẩm AI 4.2.2. Liên minh học thuật và trích dẫn AI 4.3. Trách nhiệm công dân số 4.3.1. Văn hóa không gian mạng 4.3.2. Công nghệ bền vững và an sinh số Bài thực hành chương 04		+ Thuyết giảng luật bản quyền số và cách trích dẫn AI. + Phân tích các tình huống vi phạm đạo đức AI thực tế. + Tổ chức vấn đáp, bảo vệ dự án (thi cuối kỳ). **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 4; [3]: Mục 4.1 - 4.2; [4]: Mục 4.3. + Tranh biện, xử lý các tình huống đạo đức AI. + Thuyết trình, vấn đáp bảo vệ dự án.	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

1. Tên học phần: Kỹ năng mềm.

2. Mã học phần: KNM 010

3. Số tín chỉ: 2 (2,0).

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ nhất.

5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành

- Giờ học tập định mức của người học: 100 giờ (bao gồm 30 giờ dự giờ giảng trên lớp, 60 giờ tự học có hướng dẫn, nghiên cứu, 10 giờ chuẩn bị và tham gia dự kiểm tra, đánh giá định kỳ - quy chuẩn 50 giờ học tập/1 tín chỉ).

6. Điều kiện tiên quyết/Điều kiện học trước: Không.

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Phạm Xuân Đức	0904.409.139	phamxuanducsdu@gmail.com
2	ThS. Trần Thị Hồng Nhung	0974.588.423	Nhungkienlinhchi@gmail.com
3	ThS. Nguyễn Thị Hiền	0972.579.236	nguyenhienhp25@gmail.com
4	TS. Phạm Thị Hồng Hoa	0384.080136	Honghoa_dhsd@yahoo.com
5	ThS. Nguyễn Thị Hải Hà	0984.851.368	nguyenhadhsd@gmail.com
6	TS. Vũ Văn Đông	0985.412.618	Duydongvu82@gmail.com
7	ThS. Nguyễn Mạnh Tưởng	0904.476.146	Nguyenmanhtương10@gmail.com
8	ThS. Đỗ Thị Thùy	0936.503.703	thuydhsd@gmail.com
9	ThS. Phạm Thị Mai	0978.370.438	nng44862@gmail.com
10	TS. Phùng Thị Lý	0989.407.962	Phunglysd@gmail.com
11	TS. Phạm Văn Dự	0976.181.949	Phamvandu84@gmail.com
12	TS. Nguyễn Thị Nhan	0984.647.781	Nguyenthinhan010187@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Kỹ năng mềm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả học tập, làm việc và phát triển nghề nghiệp. Học phần gồm các nội dung chính: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thích ứng và kỹ năng tư duy sáng tạo. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng giao tiếp hiệu quả, hợp tác và phối hợp trong nhóm, thích ứng với sự thay đổi của môi trường học tập và làm việc, đồng thời vận dụng tư duy sáng tạo để giải quyết vấn đề và ra quyết định. Học phần được triển khai thông qua các hoạt động thảo luận, thực hành, xử lý tình huống và thuyết trình, góp phần hình thành tác phong chuyên nghiệp, tinh thần trách nhiệm và năng lực làm việc trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Học phần Kỹ năng mềm nhằm cung cấp và trang bị cho sinh viên những kiến thức

nền tảng, phương pháp và kỹ năng cần thiết để giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm, thích ứng với những thay đổi trong môi trường học tập, sinh hoạt và làm việc, đồng thời phát triển kỹ năng phản biện và tư duy sáng tạo. Thông qua các hoạt động học tập, thảo luận, thực hành, xử lý tình huống và làm việc nhóm, học phần giúp sinh viên hình thành và phát triển năng lực vận dụng các kỹ năng mềm vào học tập, rèn luyện, giải quyết các vấn đề trong thực tiễn và cuộc sống; góp phần nâng cao năng lực tự chủ, trách nhiệm, khả năng hợp tác và thích ứng với môi trường xã hội và nghề nghiệp.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- **CO1 (Kiến thức):** Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về kỹ năng mềm; vai trò, ý nghĩa của kỹ năng mềm trong học tập, giao tiếp, công việc và cuộc sống; các nội dung cơ bản về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thích ứng, kỹ năng phản biện và tư duy sáng tạo.

- **CO2 (Kỹ năng):** Rèn luyện cho sinh viên khả năng phân tích, thực hành và vận dụng các kỹ năng giao tiếp, lắng nghe, thuyết trình, làm việc nhóm, thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo; phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, xử lý tình huống, đàm phán, giải quyết mâu thuẫn và hợp tác trong học tập, rèn luyện, công việc và cuộc sống.

- **CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm):** Tạo cơ hội và môi trường cho sinh viên phát triển năng lực tự học, tự quản lý, làm việc độc lập và làm việc nhóm; hình thành ý thức chủ động, tinh thần trách nhiệm, khả năng tổ chức, hướng dẫn và phối hợp với các thành viên trong nhóm; chủ động rèn luyện, hoàn thiện kỹ năng mềm và thích ứng với môi trường học tập, nghề nghiệp và xã hội.

10.2. ***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome –CLO)***

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	**Mô tả CLO**	**PIs**	**Mức độ của PIs theo thang đo Bloom**
	Kiến thức		
CLO1	Diễn giải được khái niệm, vai trò, chức năng, các hình thức và phương tiện giao tiếp; các nguyên tắc giao tiếp và hình thức giao tiếp, ứng xử trong nhà trường; từ đó lấy được ví dụ minh họa phù hợp.	PI5.1	2
CLO2	Diễn giải được khái niệm, tầm quan trọng, lợi ích của làm việc nhóm; các giai đoạn hình thành và phát triển nhóm, cách thức và quy chế tổ chức nhóm, nguyên tắc làm việc nhóm; khái niệm, vai trò và nội dung cơ bản của kỹ năng thích ứng, kỹ năng phản biện và tư duy sáng tạo.	PI5.1	2
CLO3	Làm rõ được các nội dung cơ bản của kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thích ứng, kỹ năng phản biện và tư duy sáng tạo; biết liên hệ với các tình huống trong học tập, rèn luyện và cuộc sống.	PI5.1	4
	Kỹ năng		

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
CLO4	Vận dụng được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo để giải quyết các vấn đề, xử lý tình huống trong học tập, rèn luyện, công việc và cuộc sống.	PI5.1	3
CLO5	Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, thảo luận, hợp tác, giải quyết vấn đề và xử lý tình huống trong hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm; biết điều chỉnh cách thức giao tiếp, phối hợp và thích ứng phù hợp với từng hoàn cảnh thực tiễn.	PI5.2	3
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Thể hiện năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm cá nhân trong quá trình học tập; chủ động tổ chức, hướng dẫn và phối hợp với các thành viên trong nhóm để thực hiện nhiệm vụ; có ý thức tự rèn luyện và hoàn thiện kỹ năng mềm nhằm đáp ứng yêu cầu học tập, nghề nghiệp và cuộc sống.	PI9.1 PI9.2	3

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x	x	
CLO4		x	x
CLO5		x	x
CLO6		x	x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *		
	PLO 1	PLO 10	
	PI1.1	PI10.1	PI10.2
CLO1	I		
CLO2	I		
CLO3	I		

CLO4	M		
CLO5	M		
CLO6		R	R

11. Đánh giá học phần

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sa

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Ví dụ						
Điểm chuyên cần, điểm kiển tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Điểm danh, theo dõi mức độ tham gia học tập. - Thảo luận nhóm, thuyết trình. - Rubric đánh giá.	CLO1	20	Điểm chuyên cần; Rubric kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO1 → PLO1/PI1.1
			CLO5	40	Rubric thảo luận, thuyết trình	Điểm CLO5 → PLO5/PI1.1
			CLO6	40	Rubric thái độ học tập, tự học, làm việc nhóm	CLO6 → PLO10/PI10.1 ; PI10.2
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra tự luận. - Rubric chấm bài.	CLO1	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO1 → PLO1/PI1.1
			CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO2 → PLO1/PI1.1
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi thực hành	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO1 → PLO1/PI1.1
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → PLO1/PI1.1
			CLO3	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO3 → PLO1/PI1.1

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
			CLO4	40	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO1/PI1.1

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đo lường mức đạt CLO	Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI	Dữ liệu được lấy từ
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
CLO1	Diễn giải được khái niệm, vai trò, chức năng, các hình thức và phương tiện giao tiếp; các nguyên tắc giao tiếp và hình thức giao tiếp, ứng xử trong nhà trường; từ đó lấy được ví dụ minh họa phù hợp.	x	PI1.1	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO2	Diễn giải được khái niệm, tầm quan trọng, lợi ích của làm việc nhóm; các giai đoạn hình thành và phát triển nhóm, cách thức và quy chế tổ chức nhóm, nguyên tắc làm việc nhóm; khái niệm, vai trò và nội dung cơ bản của kỹ năng thích ứng, kỹ năng phản biện và tư duy sáng tạo.	x	PI1.1	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO3	Phân tích được các nội dung cơ bản của kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thích ứng, kỹ năng phản biện và tư duy sáng tạo; biết liên hệ với các tình huống trong học tập, rèn luyện và cuộc sống.	x	PI1.1	Bài thi cuối kỳ
CLO4	Vận dụng được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo để giải quyết các vấn đề, xử lý tình huống trong học tập, rèn luyện, công việc và cuộc sống.	x	PI1.1	Bài thi cuối kỳ
CLO5	Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, thảo luận, hợp tác, giải quyết	x	PI1.1	Thuyết trình, thảo luận

	vấn đề và xử lý tình huống trong hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm; biết điều chỉnh cách thức giao tiếp, phối hợp và thích ứng phù hợp với từng hoàn cảnh thực tiễn.			nhóm; Bài tập vận dụng
CLO6	Thể hiện năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm cá nhân trong quá trình học tập; chủ động tổ chức, hướng dẫn và phối hợp với các thành viên trong nhóm để thực hiện nhiệm vụ; có ý thức tự rèn luyện và hoàn thiện kỹ năng mềm nhằm đáp ứng yêu cầu học tập, nghề nghiệp và cuộc sống.	x	PI10.1; PI10.2	Rubric đánh giá quá trình; Quan sát trên lớp; Đánh giá thảo luận nhóm, thuyết trình

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thảo luận nhóm

Tiêu chí đánh giá	**CLO**	**Trọng số**	**Giỏi (10 - 8.5)**	**Khá (8.4 - 7.0)**	**Trung bình (6.9 - 5.0) (Mức đạt CĐR)**	**Yếu (4.9 - 0.0)**
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	50%	Tham dự đầy đủ >90% số giờ học, đi học đúng giờ, chấp hành tốt kỷ luật phòng học và chuẩn bị bài chu đáo trước khi lên lớp.	Tham dự từ 80% đến 89% số giờ học, đi học đúng giờ, không vi phạm nghiêm trọng kỷ luật và nội quy học vụ.	Tham dự từ 70% đến 79% số giờ học, thỉnh thoảng còn đi muộn hoặc thiếu tập trung trong giờ học.	Tham dự dưới 70% số giờ học hoặc vi phạm nghiêm trọng kỷ luật học đường.
Ý thức tự học & thảo luận nhóm	CLO6	50%	Chủ động, tích cực nghiên cứu trước tài liệu; hợp tác nhóm xuất sắc, đóng góp ý kiến chất lượng cao, thuyết trình lưu loát.	Hoàn thành tốt nhiệm vụ tự học và làm bài tập nhóm được giao, hợp tác nhóm tương đối hiệu quả.	Tham gia tự học và thảo luận nhóm còn thụ động, chỉ thực hiện khi được giảng viên yêu cầu.	Không chuẩn bị bài tự học, thờ ơ, không hợp tác nhóm hoặc không hoàn thành bài tập tự học.

2. Rubric kiểm tra tự luận (Thang điểm 10)

Mô tả mức chất lượng	

Mức chất lượng	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Điểm
Thang điểm	**10 – 8.5**	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Bài kiểm tra giữa kỳ	Đáp ứng 80% - 100% yêu cầu	Đáp ứng 70 – 80% yêu cầu của mức Giỏi	Đáp ứng 50 – 60% yêu cầu của mức Giỏi	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu của mức Giỏi	
ĐIỂM TỔNG					

3. Rubric đánh giá thi kết thúc học phần

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10 - 8.5)	Khá (8.4 - 7.0)	Trung bình (6.9 - 5.0) (Mức đạt CĐR)	Yếu (4.9 - 0.0)
Nhận diện và vận dụng kiến thức, kỹ năng	CLO1 CLO2 CLO3	15%	Xác định chính xác vấn đề; vận dụng đúng và linh hoạt kiến thức, kỹ năng phù hợp với tình huống.	Xác định đúng vấn đề; vận dụng cơ bản chính xác kiến thức, kỹ năng.	Xác định được vấn đề nhưng vận dụng còn hạn chế, cần gợi ý.	Không xác định được vấn đề hoặc vận dụng sai kiến thức, kỹ năng.
Kỹ năng giao tiếp và trình bày	CLO4	20%	Giao tiếp tự tin, rõ ràng; ngôn ngữ phù hợp; lắng nghe tốt; trình bày logic, thuyết phục và xử lý tốt phản hồi.	Giao tiếp rõ ràng, tương đối tự tin; trình bày có logic; biết lắng nghe và phản hồi.	Giao tiếp còn thiếu tự tin; trình bày chưa mạch lạc; phản hồi còn hạn chế.	Giao tiếp thiếu phù hợp; trình bày khó hiểu; không biết lắng nghe hoặc phản hồi.
Kỹ năng làm việc nhóm	CLO4	15%	Phối hợp chủ động, hiệu quả; biết phân công, hỗ trợ và kết nối các thành viên; đóng góp tích cực vào kết quả chung.	Phối hợp tốt; thực hiện đúng nhiệm vụ được giao; có hỗ trợ các thành viên.	Có tham gia nhưng phối hợp chưa hiệu quả; còn phụ thuộc vào thành viên khác.	Không tích cực tham gia; thiếu phối hợp hoặc làm ảnh hưởng đến kết quả nhóm.
Kỹ năng xử lý tình huống và thích ứng	CLO4	20%	Phân tích nhanh, xác định nguyên nhân; đưa ra giải pháp phù hợp, sáng tạo; linh hoạt điều chỉnh trước tình huống phát sinh.	Phân tích được tình huống; đưa ra giải pháp phù hợp; có khả năng điều chỉnh khi cần.	Nhận diện được tình huống nhưng giải pháp còn đơn giản; thích ứng còn chậm.	Lúng túng, không xác định được vấn đề hoặc đưa ra giải pháp không phù hợp.
Tư duy sáng tạo và giải quyết vấn	CLO5	15%	Đề xuất được giải pháp mới, hợp lý, khả thi; thể hiện tư duy độc lập và khả	Có ý tưởng tương đối mới và phù hợp; giải	Có ý tưởng nhưng còn phụ thuộc vào hướng dẫn	Không có ý tưởng phù hợp; phụ thuộc hoàn

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10 - 8.5)	Khá (8.4 - 7.0)	Trung bình (6.9 - 5.0) (Mức đạt CĐR)	Yếu (4.9 - 0.0)
đề			năng nhìn nhận vấn đề từ nhiều góc độ.	quyết được yêu cầu của tình huống.	hoặc cách làm có sẵn.	toàn vào người khác.
Thái độ, tính chủ động và trách nhiệm (CLO3)	CLO6	15%	Chủ động, nghiêm túc, có trách nhiệm cao; tác phong chuyên nghiệp; tôn trọng và hỗ trợ người khác.	Có trách nhiệm, nghiêm túc; tác phong phù hợp; thực hiện đầy đủ nhiệm vụ.	Có ý thức thực hiện nhiệm vụ nhưng chưa chủ động; đôi lúc còn thiếu tập trung.	Thiếu trách nhiệm, thụ động; vi phạm yêu cầu về thái độ hoặc tác phong.
Tổng cộng						

12. Yêu cầu học phần

- **Quy định chuyên cần:** Sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá 20% số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- **Nhiệm vụ học tập và tự học:** Sinh viên phải chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp; hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ tự học, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các chuyên đề tự học theo kế hoạch của học phần; tích cực phối hợp làm việc nhóm, chuẩn bị slide và thực hiện báo cáo, thuyết trình chuyên đề khi được phân công.

- **Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật:** Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động trao đổi, thảo luận và phản biện trong các hoạt động trên lớp; thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức:** Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng những nội dung cốt lõi của học phần kỹ năng mềm có trách nhiệm nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, phản biện và các hoạt động chính trị - xã hội phù hợp.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Đại học Sao Đỏ (2024), *Tài liệu học tập Kỹ năng mềm*, in lưu hành nội bộ.

- Tài liệu tham khảo:

[2] - Trần Văn Trung (2010), *Rèn luyện kỹ năng nói, giao tiếp và thuyết trình cho cán bộ đoàn thanh niên,* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[3] - Trần Hoàng Trung (2009), *Kỹ năng quản trò & 325 trò chơi tập thể thanh thiếu niên*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

[4] - Trần Thượng Tuấn, Nguyễn Minh Huy (2017), *8 kỹ năng mềm thiết yếu chìa khóa đến thành công*, NXB Lao động, Hà Nội.

[5] - Vũ Thị Thu Nhi, Nguyễn Thành Nhân dịch (2020), *7 thói quen của bạn trẻ thành đạt*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.

[6] - Hải Yến dịch (2019), *Đàm phán với chính mình, 6 bước để trở thành người bạn tốt nhất của chính mình*, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.

[7] - Ron Clark (2019), *55 nguyên tắc ứng xử thiết yếu để thành công*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
1	**Chương 1. KỸ NĂNG GIAO TIẾP** **Mục tiêu chương:** Giúp sinh viên hiểu được những nội dung cơ bản về khái niệm, vai trò, chức năng giao tiếp; các hình thức, phương tiện giao tiếp; một số vấn đề cần thiết để rèn luyện kỹ năng giao tiếp. Từ đó, sinh viên tích cực rèn luyện kỹ năng giao tiếp và vận dụng trong quá trình học tập, rèn luyện và trong cuộc sống. **Nội dung cụ thể:** 1.1. Khái quát chung về giao tiếp 1.1.1. Khái niệm giao tiếp và vai trò của giao tiếp 1.1.2. Chức năng của giao tiếp 1.1.3. Các hình thức giao tiếp 1.1.4. Các phương tiện giao tiếp cơ bản 1.2. Một số vấn đề cần thiết để rèn luyện kỹ năng giao tiếp 1.2.1. Nguyên tắc giao tiếp 1.2.2. Các nguyên tắc giao tiếp cơ bản 1.3. Hình thức giao tiếp ứng xử trong Nhà trường 1.3.1. Giao tiếp, ứng xử với thầy cô, cán bộ, viên chức 1.3.2. Giao tiếp với các sinh viên khác trong Nhà trường 1.3.3. Ứng xử với cảnh quan trong Nhà trường 1.3.4. Ứng xử với trang phục BÀI TẬP THỰC HÀNH	12 (04LT 08TH)	**Phương pháp thuyết trình, vấn đáp, trực quan, tổ chức cho sinh viên tranh luận, động não, thảo luận nhóm, tổ chức trò chơi, thực hành.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các khái niệm, vai trò và các phương tiện giao tiếp cơ bản, các vấn đề cần thiết để rèn luyện kỹ năng giao tiếp. + Trình chiếu phim tư liệu, hình ảnh. + Đưa ra câu hỏi hướng dẫn sinh viên thảo luận nhóm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Tổ chức trò chơi. + Yêu cầu sinh viên đóng vai. + Nhận xét, kết luận. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: tr. 3-15. [2]: tr. 14 - 55; tr. 68 - 77; tr. 93 - 111; tr. 138 - 145. [3]: tr. 56 - 60; tr. 149 - 150; tr. 163 - 164 . [4]: tr. 193 - 332 . [5]: tr. 213 - 239. [6]: tr. 19 - 20; tr. 21 - 24; tr. 37 - 41; tr. 111 - 113; tr. 134 - 135; tr. 142 - 143; tr. 149 - 151. + Lắng nghe, quan sát và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nội dung giảng viên giao.	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
			+ Chuẩn bị bút, giấy và các đồ dùng thực hành. + Chuẩn bị các tình huống đóng vai, diễn kịch. + Thực hành theo nội dung tiết học.	
2	**Chương 2. KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM** **Mục tiêu bài:** Giúp sinh viên hiểu được những nội dung cơ bản về khái niệm, tầm quan trọng và các kỹ năng làm việc nhóm như: Cách thức và quy chế tổ chức nhóm, các nguyên tắc làm việc theo nhóm, quá trình làm việc theo nhóm, giải quyết vấn đề trong nhóm, đánh giá kết quả của nhóm; những khó khăn khi làm việc theo nhóm. Từ đó biết vận dụng xây dựng kỹ năng làm việc nhóm trong quá trình học tập và rèn luyện của bản thân. **Nội dung cụ thể:** 2.1. Khái niệm nhóm và kỹ năng làm việc nhóm 2.1.1. Khái niệm nhóm 2.1.2. Kỹ năng làm việc nhóm 2.1.3. Các tiêu chí đánh giá nhóm làm việc hiệu quả 2.2. Tầm quan trọng, lợi ích và những hạn chế của làm việc nhóm 2.2.1. Tầm quan trọng của làm việc nhóm 2.2.2. Những lợi ích của làm việc nhóm 2.2.3. Hạn chế của làm việc nhóm 2.3. Các giai đoạn hình thành và phát triển nhóm 2.3.1. Giai đoạn hình thành (Forming) 2.3.2. Giai đoạn sóng gió (Storming) 2.3.3. Giai đoạn ổn định (Norming) 2.3.4. Giai đoạn hoạt động hiệu quả (Performing) 2.3.5. Giai đoạn thoái trào (Adjourming) 2.4. Cách thức và quy chế hoạt động nhóm 2.4.1. Các hình thức tổ chức nhóm trong học tập	12 (4LT, 07TH, 01KT)	**Phương pháp thuyết trình, vấn đáp, trực quan, thảo luận nhóm, tổ chức cho sinh viên tranh luận, động não, sử dụng trò chơi, đóng vai.** **- Giảng viên:** + Giảng giải khái niệm nhóm, tầm quan trọng của làm việc theo nhóm, các giai đoạn, hình thức, nguyên tắc và khó khăn khi làm việc nhóm. + Chiếu các hình ảnh, phim tư liệu. + Đưa ra chủ đề và hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Đưa vấn đề tranh luận. + Tổ chức trò chơi. + Yêu cầu sinh viên đóng vai. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: tr. 16 - 25. [3]: tr. 91 - 93; tr. 102; tr. 120. [4]: tr. 348 - 365 . [5]: tr. 195 - 209; tr. 241-270. [6]: tr. 51 - 65. + Lắng nghe, quan sát và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nội dung giảng viên giao. + Chuẩn bị bút, giấy và các đồ dùng thực hành. + Thực hành theo yêu cầu của của giảng viên. + Chuẩn bị các tình huống đóng vai, diễn kịch.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	2.4.2. Quy chế hoạt động nhóm 2.5. Các nguyên tắc làm việc nhóm và các yếu tố cản trở hiệu quả làm việc nhóm 2.5.1. Các nguyên tắc làm việc nhóm 2.5.2. Các yếu tố cản trở hiệu quả làm việc nhóm 2.6. Những kỹ năng cần có để làm việc nhóm hiệu quả 2.6.1. Kỹ năng đối với trưởng nhóm 2.6.2. Kỹ năng đối với các thành viên trong nhóm 2.6.3. Các kỹ năng chung trong tổ chức nhóm BÀI TẬP THỰC HÀNH *Kiểm tra giữa kỳ*			
	Chương 3. KỸ NĂNG THÍCH ỨNG **Mục tiêu bài:** Giúp cho sinh viên hiểu được khái niệm, vai trò và các các kỹ năng thích ứng trong môi trường sống, trong học tập, môi trường làm việc, đối diện với thử thách, chấp nhận thay đổi để thích ứng, giao lưu hòa mình với mọi người. Qua đó, sinh viên hình thành kỹ năng thích ứng, vận dụng vào trong quá trình học tập, rèn luyện trong cuộc sống của bản thân. **Nội dung cụ thể:** 3.1. Khái niệm, vai trò và các loại kỹ năng thích ứng 3.1.1. Một số khái niệm 3.1.2. Vai trò của kỹ năng thích ứng 3.1.3. Các loại kỹ năng thích ứng 3.2. Kỹ năng thích ứng với môi trường sống 3.2.1. Khái niệm 3.2.2. Sự cần thiết phải thích ứng với môi trường sống 3.2.3. Nội dung cần thích ứng với môi trường sống 3.3. Kỹ năng thích ứng trong học tập của sinh viên 3.3.1. Khái niệm môi trường học tập và kỹ năng thích ứng trong học tập 3.3.2. Sự cần thiết sinh viên phải thích ứng trong học tập	10 (3LT 07TH)	**Phương pháp thuyết trình, vấn đáp, trực quan, tổ chức cho sinh viên tranh luận, động não, thảo luận nhóm, tổ chức trò chơi, thực hành.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các khái niệm, vai trò và các loại thích ứng, kỹ năng thích ứng với môi trường sống, kỹ năng thích ứng trong học tập, kỹ năng thích ứng với môi trường làm việc của sinh viên + Trình chiếu phim tư liệu, hình ảnh. + Đưa ra câu hỏi hướng dẫn sinh viên thảo luận nhóm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Tổ chức trò chơi. + Yêu cầu sinh viên đóng vai. + Nhận xét, kết luận. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: tr. 125-155. [2]: tr.100-175. [3]: tr.45-137. [7]: tr.58-82; tr.410-495.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	3.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng thích ứng trong học tập 3.3.4. Nội dung cần thích ứng trong học tập 3.4. Kỹ năng thích ứng với môi trường làm việc 3.4.1. Khái niệm 3.4.2. Sự cần thiết phải thích ứng với môi trường làm việc 3.4.3. Nội dung cần thích ứng với môi trường làm việc 3.4.4. Cách thích ứng với môi trường làm việc 3.5. Phương pháp rèn luyện kỹ năng thích ứng 3.5.1. Một số phương pháp cơ bản 3.5.2. Một số những kỹ năng cần thiết để thích ứng của sinh viên trong thời đại 4.0. Bài tập thực hành		[5]: tr.78-107; tr.170-207. + Lắng nghe, quan sát và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nội dung giảng viên giao. + Chuẩn bị bút, giấy và các đồ dùng thực hành. + Chuẩn bị các tình huống đóng vai, diễn kịch. + Thực hành theo nội dung tiết học.	
	Chương 4. KỸ NĂNG TƯ DUY SÁNG TẠO **Mục tiêu bài:** Giúp sinh viên hiểu được những nội dung cơ bản về khái niệm, đặc điểm, vai trò của kỹ năng tư duy sáng tạo, quy trình, phương pháp tư duy sáng tao, cách rèn luyện kỹ năng tư duy sáng tạo. Từ đó biết vận dụng tư duy sáng tạo trong quá trình học tập và rèn luyện của bản thân. **Nội dung cụ thể:** 4.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của tư duy sáng tạo 4.2. Cơ sở sinh lý thần kinh của tư duy sáng tạo 4.3. Các rào cản của tư duy sáng tạo 4.4. Các tư tưởng thúc đẩy tư duy sáng tạo 4.5. Các loại tư duy sáng tạo 4.6. Phẩm chất của tư duy sáng tạo 4.7. Quy trình và phương pháp tư duy sáng tạo 4.8. Cách rèn luyện kỹ năng tư duy sáng tạo Bài tập thực hành	11 (04LT, 07TH)	**Phương pháp thuyết trình, vấn đáp, trực quan, thảo luận nhóm, tổ chức cho sinh viên tranh luận, động não, sử dụng trò chơi, đóng vai.** **- Giảng viên:** + Giảng giải khái niệm, đặc điểm và lợi ích của tư duy sáng tạo, các loại tư duy sáng tạo; phẩm chất của tư duy sáng tạo, quy trình và phương pháp tư duy sáng tạo. + Chiếu các hình ảnh, phim tư liệu. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Đưa vấn đề tranh luận. + Tổ chức trò chơi. + Yêu cầu sinh viên đóng vai. + Nhận xét, kết luận. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: tr.157-178. [2]: tr.176-223. [3]: tr.165-325. [7]: tr.223-239; tr.241-292.	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
			[8]: tr.29-33; tr.69-73. + Lắng nghe, quan sát và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nội dung giảng viên giao. + Chuẩn bị bút, giấy và các đồ dùng thực hành. + Thực hành theo yêu cầu của của giảng viên. + Chuẩn bị các tình huống đóng vai, diễn kịch.	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Luật

1. Tên học phần: Lịch sử tư tưởng chính trị - pháp lý

2. Mã học phần: LUAT 001

3. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ hai

5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành

- Giờ học tập định mức của người học: 100 giờ (bao gồm 30 giờ dự giờ giảng trên lớp, 60 giờ tự học có hướng dẫn, nghiên cứu, 10 giờ chuẩn bị và tham gia dự kiểm tra, đánh giá định kỳ - quy chuẩn 50 giờ học tập/1 tín chỉ).

6. Điều kiện tiên quyết/Điều kiện học trước: Không

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Trần Thị Hiền	0903.472.992	hien_tt@saodo.edu.vn
2.	TS. Nguyễn Chí Dũng	0983.376.688	dung _nc@saodo.edu.vn
3.	TS. Phạm Xuân Đức	0904.409.139	phamxuanducsdu@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Lịch sử tư tưởng chính trị - pháp luật cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của các tư tưởng chính trị - pháp lý điển hình trên thế giới và ở Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Nội dung bao gồm tổng quan tư tưởng nhân loại từ cổ đại, trung cổ đến cận đại; các trường phái pháp luật cơ bản và học thuyết Mác – Lênin về nhà nước, pháp luật. Đồng thời, học phần làm rõ sự phát triển tư tưởng chính trị - pháp lý Việt Nam qua các triều đại lịch sử, các nhà tư tưởng tiêu biểu và tập trung phân tích sâu sắc Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước, pháp luật, đạo đức, dân chủ cùng quyền con người. Qua đó, học phần giúp sinh viên hình thành phương pháp luận lịch sử - logic, phát triển tư duy lý luận và nhãn quan chính trị - pháp lý sắc bén. Từ đó, người học có khả năng đánh giá các giá trị tư tưởng nhân loại và dân tộc để vận dụng vào việc nhận thức, phân tích các vấn đề thực tiễn trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về lịch sử phát triển tư tưởng chính trị - pháp lý của nhân loại và Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử; giúp sinh viên nhận thức sâu sắc các học thuyết, tư tưởng điển hình từ cổ đại đến cận-hiện đại, các trường phái pháp luật cơ bản, học thuyết Mác – Lênin và đặc biệt là Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước, pháp luật, dân chủ và quyền con người. Qua đó, hình thành tư duy

phương pháp luận lịch sử - logic và tư duy chính trị - pháp lý sắc bén; phát triển năng lực so sánh, phân tích, đánh giá các giá trị tư tưởng pháp lý nhân loại và dân tộc, vận dụng kiến thức lý luận vào học tập, nghiên cứu, hoạt động nghề nghiệp; đồng thời nâng cao bản lĩnh chính trị, ý thức tôn trọng, chấp hành, bảo vệ pháp luật và tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng và có tính hệ thống về lịch sử tư tưởng chính trị - pháp lý nhân loại qua các thời kỳ (cổ đại, trung cổ, cận đại); hiểu rõ các trường phái pháp luật cơ bản, học thuyết Mác – Lênin về nhà nước và pháp luật; giải thích được dòng chảy tư tưởng chính trị - pháp lý Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử và phân tích sâu sắc các giá trị cốt lõi trong Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước, pháp luật, đạo đức, dân chủ và quyền con người.

- CO2 (Kỹ năng): Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng phương pháp luận lịch sử - logic để phân tích, so sánh, đánh giá các học thuyết, tư tưởng chính trị - pháp lý; phát triển tư duy chính trị - pháp lý độc lập, kỹ năng thu thập, xử lý tài liệu lịch sử, thảo luận, làm việc nhóm, thuyết trình và vận dụng các giá trị tư tưởng tiến bộ vào phân tích các vấn đề pháp lý, thể chế hiện đại trong học tập, nghiên cứu và thực tiễn.

- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Tạo cơ hội và môi trường cho sinh viên phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và chủ động tiếp cận các công trình tư tưởng chính trị - pháp lý; hình thành bản lĩnh chính trị vững vàng, ý thức tôn trọng, tuân thủ và bảo vệ pháp luật; nâng cao trách nhiệm đối với cộng đồng, tác phong nghiên cứu khoa học khách quan, trung thực và có ý thức tự chịu trách nhiệm trong học tập, công tác và hoạt động nghề nghiệp.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Làm rõ được bối cảnh lịch sử, điều kiện kinh tế - xã hội và quá trình hình thành, phát triển của các tư tưởng chính trị - pháp lý tiêu biểu qua các thời kỳ lịch sử (cổ đại, trung đại, cận - hiện đại) ở Phương Đông, Phương Tây và Việt Nam.	PI1.1	2
CLO2	Diễn giải được nội dung cơ bản, bản chất, đặc điểm và vai trò của các học thuyết, tư tưởng chính trị - pháp lý của các tác giả, trường phái tiêu biểu trong lịch sử.	PI1.1	2
CLO3	So sánh, đối chiếu sự giống và khác nhau giữa các dòng tư tưởng chính trị - pháp lý qua từng thời kỳ;	PI1.1	2

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	phân tích được giá trị lịch sử và giá trị đương đại của các tư tưởng đó.		
	Kỹ năng		
CLO4	Áp dụng kiến thức về lịch sử tư tưởng chính trị - pháp lý để phân tích, đánh giá nguyên nhân, nguồn gốc của các thể chế, quy định pháp luật và hiện tượng chính trị - pháp lý trong thực tiễn hiện nay.	PI2.1	3
CLO5	Thu thập, tổng hợp, xử lý thông tin từ các văn bản, tác phẩm kinh điển; chủ động thảo luận, làm việc nhóm và trình bày lập luận logic về các vấn đề lý luận và thực tiễn chính trị - pháp lý.	PI2.1	3
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, ý thức tôn trọng các giá trị tư tưởng dân chủ, tiến bộ; chủ động, khách quan, trung thực trong nghiên cứu khoa học và vận dụng tri thức vào thực tiễn chuyên môn.	PI2.1	3

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x	x	
CLO4		x	
CLO5		x	x
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *	
	PLO1	**PLO 2**
	PI1.2	**PI2.1**
CLO1	R	

CLO2	R	
CLO3	R	
CLO4		R
CLO5		R
CLO6		R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Ví dụ						
Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Điểm danh, theo dõi mức độ tham gia học tập. - Bài kiểm tra ngắn (trắc nghiệm/tự luận). - Thảo luận nhóm, thuyết trình. - Rubric đánh giá.	CLO1	20	Điểm Rubric quá trình	Điểm CLO1 → PLO1/PI1.2
			CLO5	40	Điểm kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO5 → PLO5/PI1.2
			CLO6	40	Điểm Rubric quá trình	Điểm CLO4 → PLO2/PI2.1
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra tự luận. - Rubric chấm bài.	CLO1	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	Điểm CLO1 → PLO1/PI1.2
			CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	Điểm CLO2 → PLO1/PI1.2
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Thi trắc nghiệm. - Máy chấm.	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	Điểm CLO1 → PLO1/PI1.2
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	Điểm CLO2 → PLO1/PI1.2
			CLO3	20	Điểm bài thi cuối kỳ	Điểm CLO3 → PLO1/PI1.2
			CLO4	40	Điểm bài thi cuối kỳ	Điểm CLO4 → PLO2/PI2.1

	Nội dung CLO	**Cần đo**	**Có sử dụng**	**Dữ liệu**

		lường mức đạt CLO	để đánh giá mức đạt PLO/PI	được lấy từ
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
CLO1	Làm rõ được bối cảnh lịch sử, điều kiện kinh tế - xã hội và quá trình hình thành, phát triển của các tư tưởng chính trị - pháp lý tiêu biểu qua các thời kỳ lịch sử (cổ đại, trung đại, cận - hiện đại) ở Phương Đông, Phương Tây và Việt Nam.	x	PLO1/PI1.2	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO2	Diễn giải được nội dung cơ bản, bản chất, đặc điểm và vai trò của các học thuyết, tư tưởng chính trị - pháp lý của các tác giả, trường phái tiêu biểu trong lịch sử.	x	PLO1/PI1.2	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO3	So sánh, đối chiếu sự giống và khác nhau giữa các dòng tư tưởng chính trị - pháp lý qua từng thời kỳ; phân tích được giá trị lịch sử và giá trị đương đại của các tư tưởng đó.	x	PLO1/PI1.2	Bài thi cuối kỳ
CLO4	Áp dụng kiến thức về lịch sử tư tưởng chính trị - pháp lý để phân tích, đánh giá nguyên nhân, nguồn gốc của các thể chế, quy định pháp luật và hiện tượng chính trị - pháp lý trong thực tiễn hiện nay.	x	PLO2/PI2.1	Bài thi cuối kỳ
CLO5	Thu thập, tổng hợp, xử lý thông tin từ các văn bản, tác phẩm kinh điển; chủ động thảo luận, làm việc nhóm và trình bày lập luận logic về các vấn đề lý luận và thực tiễn chính trị - pháp lý.	x	PLO2/PI2.1	Bài thi cuối kỳ
CLO6	Thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, ý thức tôn trọng các giá trị tư tưởng dân chủ, tiến bộ; chủ động, khách quan, trung thực trong nghiên cứu khoa học và vận dụng tri thức vào thực tiễn chuyên môn.	x	PLO2/PI2.1	Rubric đánh giá quá trình; Quan sát trên lớp; Đánh giá thảo luận nhóm, thuyết trình

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thảo luận nhóm

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10 - 8.5)	Khá (8.4 - 7.0)	Trung bình (6.9 - 5.0) (Mức đạt CĐR)	Yếu (4.9 - 0.0)
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	30%	Tham dự đầy đủ >90% số giờ học, đi học đúng	Tham dự từ 80% đến 89% số giờ học, đi học đúng giờ,	Tham dự từ 70% đến 79% số giờ học, thỉnh thoảng	Tham dự dưới 70% số giờ học hoặc vi phạm

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10 - 8.5)	Khá (8.4 - 7.0)	Trung bình (6.9 - 5.0) (Mức đạt CĐR)	Yếu (4.9 - 0.0)
			giờ, chấp hành tốt kỷ luật phòng học và chuẩn bị bài chu đáo trước khi lên lớp.	không vi phạm nghiêm trọng kỷ luật và nội quy học vụ.	còn đi muộn hoặc thiếu tập trung trong giờ học.	nghiêm trọng kỷ luật học đường.
Ý thức tự học & thảo luận nhóm	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5.	70%	Chủ động, tích cực nghiên cứu trước tài liệu; hợp tác nhóm xuất sắc, đóng góp ý kiến chất lượng cao, thuyết trình lưu loát.	Hoàn thành tốt nhiệm vụ tự học và làm bài tập nhóm được giao, hợp tác nhóm tương đối hiệu quả.	Tham gia tự học và thảo luận nhóm còn thụ động, chỉ thực hiện khi được giảng viên yêu cầu.	Không chuẩn bị bài tự học, thờ ơ, không hợp tác nhóm hoặc không hoàn thành bài tập tự học.

2. Rubric thi tự luận (Thang điểm 10)

Mô tả mức chất lượng					**Điểm**
Mức chất lượng	**Giỏi**	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	
Thang điểm	**10 – 8.5**	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Bài kiểm tra giữa kỳ	Đáp ứng 80% - 100% yêu cầu	Đáp ứng 70 – 80% yêu cầu của mức Giỏi	Đáp ứng 50 – 60% yêu cầu của mức Giỏi	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu của mức Giỏi	
ĐIỂM TỔNG					

3. Rubric/Thang đánh giá kết quả bài thi trắc nghiệm trên máy

Tiêu chí đánh giá	CLO	Điểm	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Kết quả trả lời câu hỏi trắc nghiệm trên máy	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	10	Trả lời đúng 34–40/40 câu; nắm vững kiến thức và có khả năng nhận biết,	Trả lời đúng 28–33/40 câu; nắm cơ bản về kiến thức và có khả năng nhận biết,	Trả lời đúng 20–27/40 ; nắm kiến thức và có khả năng nhận biết, thông hiểu,	Trả lời đúng 0–19/40 dưới mức yêu cầu; chưa nắm được kiến thức, khả

Tiêu chí đánh giá	CLO	Điểm	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
			thông hiểu, vận dụng phù hợp với yêu cầu học phần.	thông hiểu, vận dụng phù hợp với yêu cầu học phần ở mức khá.	vận dụng ở mức trung bình.	năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng còn hạn chế.
Tổng điểm		**10**				

12. Yêu cầu học phần

- **Quy định chuyên cần:** Sinh viên phải tham dự tối thiểu **80%** tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá **20%** số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- **Nhiệm vụ học tập và tự học:** Sinh viên phải chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp; hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ tự học, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các chuyên đề tự học theo kế hoạch của học phần; tích cực phối hợp làm việc nhóm, chuẩn bị slide và thực hiện báo cáo, thuyết trình chuyên đề khi được phân công.

- **Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật:** Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động trao đổi, thảo luận và phản biện trong các hoạt động trên lớp; thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức:** Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng những nội dung cốt lõi của học phần vào việc rèn luyện đạo đức, lối sống, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, phản biện và các hoạt động chính trị - xã hội phù hợp.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1]- Trường Đại học Sao Đỏ (2026), *Tài liệu học tập Lịch sử tư tưởng chính trị - pháp lý,* in lưu hành nội bộ.

- Tài liệu tham khảo:

[2]- Cao Minh Công, Nguyễn Thị Hồi (2015), *Giáo trình lịch sử tư tưởng chính trị - pháp lý,* Nxb. Chính trị quốc Gia.

[3]- Trần Hồng Nhung (2026), *Giáo trình lịch sử nhà nước và pháp luật,* Nxb. Tư pháp.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
1	CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT CHÍNH TRỊ	3 (3LT,	**Thuyết trình; giảng giải; dạy học dựa trên vấn đề;**	CLO1 CLO4

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	Mục tiêu chương: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp và quy luật phát triển của các học thuyết chính trị – pháp lý. Qua đó củng cố niềm tin vào tính quy luật khách quan của sự phát triển tư tưởng gắn với lịch sử. Sinh viên vận dụng phương pháp luận khoa học vào trong quá trình học tập học phần. **Nội dung cụ thể:** 1.1. Khái niệm, đối tượng của môn học Lịch sử các học thuyết chính trị 1.2. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của môn học Lịch sử các học thuyết chính trị	0TH)	**tổ chức học theo nhóm kết hợp với giảng dạy theo tình huống.** **- Giảng viên:** + Giải thích khái niệm, nội dung. + Nêu vấn đề, tình huống, hướng dẫn sinh viên giải quyết. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1] mục 1.1 và 1.2. + Đọc tham khảo tài liệu [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tình huống. + Thảo luận theo nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	CLO5
2	CHƯƠNG 2. CÁC HỌC THUYẾT CHÍNH TRỊ PHÁP LUẬT THỜI KỲ CỔ ĐẠI **Mục tiêu chương:** Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các học thuyết chính trị – pháp lý tiêu biểu ở phương Đông và phương Tây cổ đại. Qua đó củng cố nhận thức về bối cảnh lịch sử và tôn trọng các giá trị văn minh pháp lý đầu tiên. Sinh viên vận dụng tri thức về các tư tưởng cổ đại vào trong quá trình học tập học phần. **Nội dung cụ thể:** 2.1. Tư tương chính trị - pháp lý ở các nước phương Đông cổ đại 2.2. Các học thuyết chính trị - pháp lý ở phương Tây cổ đại	5 (5LT, 0TH)	**Thuyết trình; giảng giải; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học theo nhóm kết hợp với trực quan, giảng dạy theo tình huống và tranh biện.** **Giảng viên:** + Thuyết giảng nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự	CLO1 CLO2 CLO4

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			học. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1] mục 2.1 và 2.2. + Đọc tham khảo tài liệu [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	
3	CHƯƠNG 3. CÁC HỌC THUYẾT THỜI KỲ PHONG KIẾN **Mục tiêu chương:** Cung cấp cho sinh viên kiến thức hệ thống về tư tưởng chính trị – pháp lý phong kiến Tây Âu từ học thuyết thần quyền đến tư tưởng Phục hưng và Pháp lý tự nhiên. Qua đó củng cố bản lĩnh đánh giá cuộc đấu tranh chống thần quyền, bảo vệ quyền tự do con người. Sinh viên vận dụng kiến thức vào trong quá trình học tập học phần. **Nội dung cụ thể:** 3.1. Các học thuyết Tây Âu thời kỳ xuất hiện và phát triển của chủ nghĩa phong kiến 3.2. Các học thuyết thời kỳ khủng hoảng, tan rã của chế độ phong kiến ở Tây Âu	5 (5LT, 0TH)	**Thuyết trình; giảng giải; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học theo nhóm kết hợp với trực quan và giảng dạy theo tình huống.** **- Giảng viên:** + Thuyết giảng nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1] mục 3.1 và 3.2. + Đọc tham khảo tài liệu [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6
	CHƯƠNG 4 CÁC HỌC THUYẾT THỜI KỲ CÁCH MẠNG TƯ SẢN Ở TÂY ÂU **Mục tiêu chương:**	5 (5LT, 0TH	**Thuyết trình; giảng giải; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học theo nhóm**	CLO1 CLO2 CLO3

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	Cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về tư tưởng chính trị – pháp lý tư sản kinh điển về quyền tự nhiên, khế ước xã hội và phân chia quyền lực. Qua đó củng cố nhận thức phê phán hạn chế của thể chế tư sản và trân trọng các giá trị tiến bộ về quyền con người. Sinh viên vận dụng các học thuyết tư sản vào trong quá trình học tập học phần. **Nội dung cụ thể:** 4.1. Các học thuyết chính trị pháp lý ở Anh 4.2. Các học thuyết chính trị pháp lý ở Pháp 4.3. Các học thuyết chính trị pháp lý ở Đức 4.4. Các học thuyết chính trị pháp lý ở Mỹ thời kỳ giành độc lập	1KT)	**kết hợp với trực quan và giảng dạy theo tình huống.** **- Giảng viên:** + Thuyết giảng nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1] mục 4.1 và 4.2. + Đọc tham khảo tài liệu [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	CLO4 CLO6
	CHƯƠNG 5. CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN VÀ TƯ TƯỞNG PHÁP LÝ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA **Mục tiêu chương:** Cung cấp cho sinh viên kiến thức toàn diện về quan điểm Mác – Lênin về nhà nước, pháp luật và Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Qua đó củng cố niềm tin vào mục tiêu chủ nghĩa xã hội, sự lãnh đạo của Đảng và con đường xây dựng Nhà nước pháp quyền. Sinh viên vận dụng phương pháp luận Mác-xít vào trong quá trình học tập học phần. **Nội dung cụ thể:** 5.1. Quan điểm của Mác – Lênin về nhà nước, pháp luật và giai cấp. 5.2. Lý luận về chuyên chính vô sản và quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 5.3. Ảnh hưởng Chủ nghĩa Mác – Lênin đến hệ thống pháp luật ở các nước xã hội chủ	6 (6LT, 0TH)	**Thuyết trình; giảng giải; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học theo nhóm kết hợp với trực quan và giảng dạy theo tình huống.** **- Giảng viên:** + Thuyết giảng nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	nghĩa và Việt Nam. 5.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam		mục 5.1 và 5.2. + Đọc tham khảo tài liệu [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	
	CHƯƠNG 6. TƯ TƯỞNG PHÁP LÝ HIỆN ĐẠI VÀ ỨNG DỤNG TRONG CẢI CÁCH THỂ CHẾ **Mục tiêu chương:** Cung cấp cho sinh viên kiến thức về các trường phái pháp lý hiện đại và vai trò của chúng trong cải cách thể chế. Qua đó củng cố ý thức thượng tôn pháp luật và tinh thần hội nhập quốc tế gắn liền với định hướng xã hội chủ nghĩa. Sinh viên vận dụng tri thức pháp lý hiện đại vào trong quá trình học tập học phần. **Nội dung cụ thể:** 6.1. Các trường phái hiện đại: pháp luật thực chứng, pháp luật tự nhiên, chủ nghĩa hiện thực pháp lý, thuyết phê phán, hậu hiện đại. 6.2. Vai trò của học thuyết trong cải cách lập pháp, hành pháp, tư pháp. 6.3. Vận dụng tư tưởng pháp lý vào xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.	5 (5LT, 0TH)	**Thuyết trình; giảng giải; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học theo nhóm kết hợp với trực quan và giảng dạy theo tình huống.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1] mục 6.1 và 6.2. + Đọc tham khảo tài liệu [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Luật

1. Tên học phần: Lý luận chung về nhà nước và pháp luật
2. Mã học phần: LUAT 002
3. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ nhất
5. Phân bổ thời gian
- Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành
- Giờ học tập định mức của người học: 100 giờ (bao gồm 30 giờ dự giờ giảng trên lớp, 60 giờ tự học có hướng dẫn, nghiên cứu, 10 giờ chuẩn bị và tham gia dự kiểm tra, đánh giá định kỳ - quy chuẩn 50 giờ học tập/1 tín chỉ).

6. Điều kiện tiên quyết/Điều kiện học trước: Không

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Nguyễn Chí Dũng	0983.376.688	dung _nc@saodo.edu.vn
2.	Ths. Phạm Thị Mai	0978.370.438	phammaidhsd@gmail.com
3.	TS. Phạm Xuân Đức	0904.409.139	phamxuanducsdu@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Lý luận chung về nhà nước và pháp luật cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống về nhà nước và pháp luật, bao gồm: nguồn gốc, bản chất, kiểu, chức năng, bộ máy và hình thức nhà nước; nhà nước trong hệ thống chính trị và nhà nước pháp quyền. Học phần trang bị kiến thức về nguồn gốc, bản chất, vai trò, kiểu, hình thức và nguồn của pháp luật; hệ thống pháp luật và quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; ý thức pháp luật và giáo dục pháp luật. Qua đó, giúp sinh viên hình thành tư duy pháp lý, nâng cao ý thức pháp luật và vận dụng kiến thức lý luận để nhận thức, phân tích các vấn đề nhà nước và pháp luật trong học tập, nghiên cứu và thực tiễn.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về những vấn đề lý luận chung của nhà nước và pháp luật; giúp sinh viên nhận thức được nguồn gốc, bản chất, kiểu, chức năng, bộ máy và hình thức của nhà nước; vị trí, vai trò của nhà nước trong hệ thống chính trị và những vấn đề cơ bản về nhà nước pháp quyền. Đồng thời, cung cấp kiến thức về nguồn gốc, bản chất, vai trò, kiểu, hình thức và nguồn của pháp luật; hệ thống pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; ý thức pháp luật và giáo dục pháp luật. Qua đó, hình thành tư duy lý luận và tư duy pháp lý, phương pháp tiếp cận khoa học trong nhận thức các vấn đề về nhà nước và pháp luật; phát triển năng lực phân tích, đánh giá các hiện tượng nhà nước và pháp luật, vận dụng kiến thức lý luận vào học tập, nghiên cứu, hoạt động nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề pháp lý trong thực tiễn; đồng thời nâng cao ý

thức tôn trọng, chấp hành và bảo vệ pháp luật.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng và có tính hệ thống về lý luận chung của nhà nước và pháp luật; giúp sinh viên giải thích được nguồn gốc, bản chất, kiểu, chức năng, bộ máy và hình thức nhà nước; nhận biết được vị trí, vai trò của nhà nước trong hệ thống chính trị và những vấn đề cơ bản về nhà nước pháp quyền. Đồng thời, trang bị kiến thức về nguồn gốc, bản chất, vai trò, kiểu, hình thức và nguồn của pháp luật; hệ thống pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, ý thức pháp luật và giáo dục pháp luật.

- CO2 (Kỹ năng): Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng kiến thức lý luận về nhà nước và pháp luật để phân tích, nhận xét, so sánh và đánh giá các hiện tượng, vấn đề về nhà nước và pháp luật; phát triển tư duy lý luận và tư duy pháp lý, kỹ năng thu thập, xử lý và khai thác thông tin, thảo luận, làm việc nhóm, trình bày và vận dụng kiến thức vào phân tích các vấn đề pháp lý trong học tập, nghiên cứu và thực tiễn.

- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Tạo cơ hội và môi trường cho sinh viên phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và chủ động cập nhật kiến thức lý luận về nhà nước và pháp luật; hình thành ý thức tôn trọng, tuân thủ và bảo vệ pháp luật, nâng cao trách nhiệm nghề nghiệp và trách nhiệm đối với cộng đồng; xây dựng tác phong học tập, nghiên cứu khoa học khách quan, trung thực, có ý thức tự chịu trách nhiệm và chủ động trong học tập, công tác và hoạt động nghề nghiệp pháp lý.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	**Làm rõ được** những vấn đề lý luận chung về nhà nước và pháp luật; khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu của lý luận chung về nhà nước và pháp luật; khái niệm, nguồn gốc, bản chất, kiểu, chức năng, bộ máy, hình thức nhà nước; vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, nhà nước pháp quyền; khái niệm, nguồn gốc, bản chất, vai trò, kiểu, hình thức và nguồn của pháp luật.	PI1.2	2
CLO2	**Diễn giải được** những vấn đề cơ bản về hệ thống pháp luật và quy phạm pháp luật; khái niệm, đặc điểm, cấu trúc của quy phạm pháp luật; khái niệm, đặc điểm, thành phần của quan hệ pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật.	PI1.2	2
CLO3	**Diễn giải được** khái niệm, dấu hiệu, cấu thành của vi phạm pháp luật; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; khái niệm, đặc điểm, cấu trúc và các hình thức của ý thức pháp luật; nội dung, vai trò và các hình thức giáo dục pháp luật.	PI1.2	2
	Kỹ năng		
CLO4	**Áp dụng** kiến thức lý luận về nhà nước và pháp luật để	PI2.1	3

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	phân tích, nhận xét và giải quyết các tình huống liên quan đến nhà nước, pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý trong thực tiễn.		
CLO5	**Vận dụng** kiến thức về nhà nước và pháp luật để phân tích, so sánh, đánh giá các vấn đề pháp lý; thu thập, xử lý thông tin, thảo luận, làm việc nhóm và trình bày quan điểm về các vấn đề lý luận và thực tiễn nhà nước, pháp luật.	PI2.1	3
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	**Thể hiện** ý thức tự giác, chủ động trong học tập, nghiên cứu và cập nhật kiến thức về nhà nước và pháp luật; có ý thức tôn trọng, tuân thủ và bảo vệ pháp luật, trách nhiệm nghề nghiệp và trách nhiệm đối với cộng đồng; thực hiện học tập, nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp một cách khách quan, trung thực và có trách nhiệm.	PI2.1	3

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4	x	x	
CLO5	x	x	x
CLO6		x	x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *	
	PLO 1	PLO 2
	PI1.1	PI2.1
CLO1	I	
CLO2	I	
CLO3	I	
CLO4		R
CLO5		R
CLO6		R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Ví dụ						
Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Điểm danh, theo dõi mức độ tham gia học tập. - Bài kiểm tra ngắn (trắc nghiệm/tự luận). - Thảo luận nhóm, thuyết trình. - Rubric đánh giá.	CLO1	20	Điểm Rubric quá trình	Điểm CLO1 → PLO1/PI1.2
			CLO5	40	Điểm kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO5 → PLO5/PI1.2
			CLO6	40	Điểm Rubric quá trình	Điểm CLO4 → PLO2/PI2.1
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra tự luận. - Rubric chấm bài.	CLO1	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	Điểm CLO1 → PLO1/PI1.2
			CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	Điểm CLO2 → PLO1/PI1.2
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi trắc nghiệm khách quan. - Máy tính chấm.	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	Điểm CLO1 → PLO1/PI1.1
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	Điểm CLO2 → PLO1/PI1.2
			CLO3	20	Điểm bài thi cuối kỳ	Điểm CLO3 → PLO1/PI1.2
			CLO4	40	Điểm bài thi cuối kỳ	Điểm CLO4 → PLO2/PI2.1

Ký hiệu CLO	**Nội dung CLO**	**Cần đo lường**	**Có sử dụng để đánh giá mức**	**Dữ liệu được lấy từ**

		mức đạt CLO	đạt PLO/PI	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
CLO1	Làm rõ được những vấn đề lý luận chung về nhà nước và pháp luật; khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu; nguồn gốc, bản chất, kiểu, chức năng, bộ máy, hình thức nhà nước và pháp luật.	x	PLO1/PI1.2	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO2	Diễn giải được những vấn đề cơ bản về hệ thống pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật và thực hiện pháp luật.	x	PLO1/PI1.2	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO3	Diễn giải được những vấn đề cơ bản về vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, ý thức pháp luật và giáo dục pháp luật.	x	PLO1/PI1.2	Bài thi cuối kỳ
CLO4	Áp dụng kiến thức lý luận về nhà nước và pháp luật để phân tích, nhận xét và giải quyết các tình huống liên quan đến nhà nước, pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý trong thực tiễn.	x	PLO2/PI2.1	Bài thi cuối kỳ
CLO5	Vận dụng kiến thức về nhà nước và pháp luật để phân tích, so sánh, đánh giá các vấn đề pháp lý; thu thập, xử lý thông tin, thảo luận, làm việc nhóm và trình bày quan điểm về các vấn đề lý luận và thực tiễn nhà nước, pháp luật.	x	PLO2/PI2.1	Bài thi cuối kỳ
CLO6	Thể hiện ý thức tự giác, chủ động trong học tập, nghiên cứu và cập nhật kiến thức về nhà nước và pháp luật; có ý thức tôn trọng, tuân thủ và bảo vệ pháp luật, trách nhiệm nghề nghiệp và trách nhiệm đối với cộng đồng.	x	PLO2/PI2.1	Điểm quá trình, bài thi cuối kỳ

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thảo luận nhóm

Tiêu chí đánh giá	**CLO**	**Trọng số**	**Giỏi (10 - 8.5)**	**Khá (8.4 - 7.0)**	**Trung bình (6.9 - 5.0)**	**Yếu (4.9 - 0.0)**	**Điểm**
Mức độ tham dự	CLO6	30%	Tham dự đầy đủ >90% số	Tham dự từ 80%	Tham dự từ 70% đến	Tham dự dưới 70%	

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10 - 8.5)	Khá (8.4 - 7.0)	Trung bình (6.9 - 5.0)	Yếu (4.9 - 0.0)	Điểm
lên lớp			giờ học, đi học đúng giờ, chấp hành tốt kỷ luật phòng học và chuẩn bị bài chu đáo trước khi lên lớp.	đến 89% số giờ học, đi học đúng giờ, không vi phạm nghiêm trọng kỷ luật và nội quy học vụ.	79% số giờ học, thỉnh thoảng còn đi muộn hoặc thiếu tập trung trong giờ học.	số giờ học hoặc vi phạm nghiêm trọng kỷ luật học đường.	
Ý thức tự học & thảo luận nhóm	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5.	70%	Chủ động, tích cực nghiên cứu trước tài liệu; hợp tác nhóm xuất sắc, đóng góp ý kiến chất lượng cao, thuyết trình lưu loát.	Hoàn thành tốt nhiệm vụ tự học và làm bài tập nhóm được giao, hợp tác nhóm tương đối hiệu quả.	Tham gia tự học và thảo luận nhóm còn thụ động, chỉ thực hiện khi được giảng viên yêu cầu.	Không chuẩn bị bài tự học, thờ ơ, không hợp tác nhóm hoặc không hoàn thành bài tập tự học.	
ĐIỂM TỔNG							

2. Rubric thi tự luận (Thang điểm 10)

Mô tả mức chất lượng					**Điểm**
Mức chất lượng	**Giỏi**	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	
Thang điểm	**10 – 8.5**	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Bài kiểm tra giữa kỳ	Đáp ứng 80% - 100% yêu cầu	Đáp ứng 70 – 80% yêu cầu của mức Giỏi	Đáp ứng 50 – 60% yêu cầu của mức Giỏi	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu của mức Giỏi	
ĐIỂM TỔNG					

3. Rubric/Thang đánh giá kết quả bài thi trắc nghiệm

Tiêu chí đánh giá	CLO	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)	Điểm
Kết quả trả lời câu hỏi trắc nghiệm	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Trả lời đúng 34–40/40 câu; nắm vững kiến	Trả lời đúng 28–33/40 câu; nắm cơ	Trả lời đúng 20–27/40 ; nắm kiến	Trả lời đúng 0–19/40 dưới mức yêu	

Tiêu chí đánh giá	CLO	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)	Điểm
trên máy	CLO5 CLO6	thức và có khả năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng phù hợp với yêu cầu học phần.	bản về kiến thức và có khả năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng phù hợp với yêu cầu học phần ở mức khá.	thức và có khả năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng ở mức trung bình.	cầu; chưa nắm được kiến thức, khả năng nhận biết, thông hiểu, vận dụng còn hạn chế.	
ĐIỂM TỔNG						

12. Yêu cầu học phần

- **Quy định chuyên cần:** Sinh viên phải tham dự tối thiểu **80%** tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá **20%** số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- **Nhiệm vụ học tập và tự học:** Sinh viên phải chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo và các văn kiện của Đảng, tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp; hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ tự học, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các chuyên đề tự học theo kế hoạch của học phần; tích cực phối hợp làm việc nhóm, chuẩn bị slide và thực hiện báo cáo, thuyết trình chuyên đề khi được phân công.

- **Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật:** Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động trao đổi, thảo luận và phản biện trong các hoạt động trên lớp; thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức:** Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng những nội dung cốt lõi của Tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc rèn luyện đạo đức, lối sống, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, phản biện và các hoạt động chính trị - xã hội phù hợp.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Hoàng Thị Kim Quế (2025), *Giáo trình Lý luận Nhà nước và pháp luật*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

[2]- Nguyễn Vinh Đoan, Nguyễn Văn Năm (2025), *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, NXB Tư pháp.

[3] - Nguyễn Thị Tuyết Mai (2022), *Những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
1	**Chương 1: Khái quát lý luận chung về nhà nước và pháp luật** **Mục tiêu chương:** Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về về nhà nước và pháp luật trong hệ thống khoa học pháp lý và khoa học xã hội. **Nội dung cụ thể:** 1.1. Lý luận chung về nhà nước và pháp luật trong hệ thống khoa học pháp lý và khoa học xã hội 1.1.1. Lý luận nhà nước và pháp luật - một ngành khoa học pháp lý cơ sở 1.1.2. Đối tượng nghiên cứu 1.1.3. Phương pháp nghiên cứu 1.1.4. Mối liên hệ giữa lý luận chung về nhà nước và pháp luật với một số ngành khoa học xã hội 1.2. Lý luận chung nhà nước và pháp luật - một môn khoa học pháp lý 1.2.1. Nội dung môn học Lý luận chung về nhà nước và pháp luật 1.2.2. Mục đích và yêu cầu của môn học Lý luận chung về nhà nước và pháp luật 1.2.3. Hệ thống kiến thức môn học Lý luận nhà nước và pháp luật	04 (04LT, 0TH)	**Thuyết giảng, thảo luận; trực quan; đàm thoại; giảng dạy thông qua tình huống và làm việc nhóm.** **- Giảng viên:** + Trình bày, giải thích khái niệm và đặc điểm của quy phạm pháp luật, cơ cấu của quy phạm pháp luật, sự thể hiện của qui phạm pháp luật trong các điều luật, phân loại qui phạm pháp luật + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề, làm việc theo nhóm. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu [1], tr. 11-33; đọc tài liệu tham khảo [2]. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, làm việc theo nhóm.	CLO1 CLO4
2	**Chương 2: Khái quát chung về nhà nước** **Mục tiêu chương:** - Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, bản chất, các kiểu nhà nước, Bộ máy nhà nước, chức năng nhà nước, hình thức nhà nước, nhà nước trong hệ thống chính trị và nhà nước pháp quyền. - Từ kiến thức về xây dựng pháp luật sinh viên vận dụng liên hệ thực tế. **Nội dung cụ thể:** 2.1. Khái niệm, nguồn gốc, bản chất, các kiểu nhà nước 2.1.1. Khái niệm nhà nước 2.1.2. Nguồn gốc nhà nước	04 (04LT, 0TH)	**Thuyết giảng, thảo luận; trực quan; đàm thoại; giảng dạy thông qua tình huống và làm việc nhóm.** **- Giảng viên:** + Trình bày khái niệm xây dựng pháp luật, các nguyên tắc xây dựng pháp luật, quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hệ thống hóa pháp luật. + Trực quan, phát vấn sinh viên.	CLO1 CLO4

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	2.1.3. Bản chất nhà nước 2.1.4. Các kiểu nhà nước 2.2. Bộ máy nhà nước 2.2.1. Khái niệm bộ máy nhà nước 2.2.2. Một số nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước 2.2.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2.3. Chức năng nhà nước 2.3.1. Khái niệm chức năng nhà nước 2.3.2. Phân loại chức năng nhà nước 2.3.3. Chức năng của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2.4. Hình thức nhà nước 2.4.1. Khái niệm hình thức nhà nước 2.4.2. Các yếu tố cấu thành hình thức nhà nước 2.4.3. Hình thức Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2.5. Nhà nước trong hệ thống chính trị và nhà nước pháp quyền 2.5.1. Nhà nước trong hệ thống chính trị 2.5.2. Nhà nước pháp quyền		+ Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Liên hệ với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1], tr. 33-64; đọc tài liệu tham khảo [2], [3]. + Lắng nghe, ghi chép, tranh luận và phản biện. + Thảo luận theo nhóm dưới sự hướng dẫn GV. + Liên hệ thực tế với bản thân, ngành học.	
3	**Chương 3: Khái quát chung về pháp luật** **Mục tiêu chương:** - Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về khái niệm, khái niệm, nguồn gốc, bản chất, vai trò và các kiểu pháp luật. - Từ kiến thức về pháp luật. Sinh viên vận dụng vào thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 3.1. Khái niệm, nguồn gốc, bản chất, vai trò và các kiểu pháp luật 3.1.1. Khái niệm pháp luật 3.1.2. Nguồn gốc của pháp luật 3.1.3. Bản chất của pháp luật 3.1.4. Vai trò của pháp luật 3.1.5. Các kiểu pháp luật 3.2. Hình thức của pháp luật 3.2.1. Khái niệm hình thức của pháp luật 3.2.2. Phân loại hình thức của pháp luật	06 (05LT, 01KT)	**Thuyết trình, thảo luận nhóm; trực quan; đàm thoại; giảng dạy thông qua tình huống pháp luật.** **- Giảng viên** + Nêu vấn đề, hướng dẫn SV giải quyết vấn đề. + Phân tích .khái niệm, đặc điểm phân loại quan hệ pháp luật, cấu thành của quan hệ pháp luật là chủ thể, nội dung và khách thể của quan hệ pháp luật, sự kiện pháp lý. + Hướng dẫn SV thảo luận nhóm. + Đàm thoại những câu	CLO1 CLO4

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	3.3. Nguồn của pháp luật 3.3.1. Khái niệm nguồn của pháp luật 3.3.2. Các loại nguồn của pháp luật 3.3.3. Nguồn của pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Kiểm tra giữa học phần		hỏi thắc mắc của SV. + Hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên** + Đọc trước tài liệu. + Đọc trước tài liệu: [1], tr. 84-123; đọc tài liệu tham khảo [2], [3]. + Đưa ra những câu hỏi thắc mắc. + Liên hệ, vận dụng kiến thức vào ngành nghề đang học. + Làm bài kiểm giữa học phần.	
4	**Chương 4: Hệ thống pháp luật và quy phạm pháp luật** **Mục tiêu chương:** - Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật thế giới và hệ thống pháp luật Việt Nam, khái niệm quy phạm pháp luật cấu thành của quy phạm pháp luật, cách trình bày của quy phạm pháp luật, phân loại quy phạm pháp luật. - Qua kiến thức cơ bản về những về hệ thống pháp luật thế giới và Việt Nam, quy phạm pháp luật đó sinh viên vận dụng vào thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 4.1. Hệ thống pháp luật 4.1.1. Khái niệm hệ thống pháp luật 4.1.2. Một số hệ thống pháp luật trên thế giới 4.1.3. Hệ thống pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 4.2. Quy phạm pháp luật 4.2.1. Khái niệm quy phạm pháp luật 4.2.2. Cấu thành của quy phạm pháp luật 4.2.3. Cách trình bày của quy phạm pháp luật 4.2.4. Phân loại quy phạm pháp luật	04 (04LT, 0 TH)	**Thuyết giảng, thảo luận; trực quan; đàm thoại; giảng dạy thông qua tình huống và làm việc nhóm.- Giảng viên** + Nêu vấn đề, hướng dẫn SV giải quyết vấn đề. + Phân tích những hành vị pháp luật, hành vi thực hiện pháp luật, hành vi vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý. + Hướng dẫn SV thảo luận nhóm, giải quyết tình huống. + Trao đổi những thắc mắc của SV. + Đưa nội dung và hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên** + Đọc trước tài liệu [1], tr.124-168; đọc tài liệu tham khảo [2].	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			+ Chuẩn bị nội dung thảo luận theo nhóm, mục III. + Đưa ra những câu hỏi thắc mắc. + Thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề, trả lời câu hỏi, ghi chép.	
5	**Chương 5: Quan hệ pháp luật và thực hiện pháp luật** **Mục tiêu chương:** - Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về khái niệm quan hệ pháp luật, cấu thành của quan hệ pháp luật, sự kiện pháp lý, thực hiện pháp luật, các hình thức thực hiện pháp luật, áp dụng pháp luật - Từ kiến thức về quan hệ pháp luật và thực hiện pháp luậtt sinh viên vận dụng vào trong quá trình học tập và đời sống hàng ngày. **Nội dung cụ thể:** 5.1. Quan hệ pháp luật 5.1.1. Khái niệm quan hệ pháp luật 5.1.2. Cấu thành của quan hệ pháp luật 5.1.3. Sự kiện pháp lý 5.2. Thực hiện pháp luật 5.2.1. Khái niệm thực hiện pháp luật 5.2.2. Các hình thức thực hiện pháp luật 5.2.3. Áp dụng pháp luật 5.2.4. Áp dụng pháp luật tương tự	04 (04LT, 0TH)	**Thuyết giảng, thảo luận; trực quan; đàm thoại; giảng dạy thông qua tình huống, làm việc nhóm và tranh biện.** **- Giảng viên** + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Diễn giải nội dung cơ bản về khái niệm ý thức pháp luật, các mối liên hệ của ý thức pháp luật, vấn đề nâng cao ý thức pháp luật. + Hướng dẫn SV thảo luận nhóm. Tranh biện vấn đề pháp lý + Trao đổi những thắc mắc của SV. + Đưa nội dung và hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên** + Đọc trước tài liệu [1], tr.169-223; đọc tài liệu tham khảo [2]. + Đưa ra những câu hỏi thắc mắc. + Liên hệ lấy ví dụ. + Thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề, trả lời	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			câu hỏi, tranh biện và ghi chép.	
6	**Chương 6: Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý** **Mục tiêu chương:** - Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về khái niệm vi phạm pháp luật, phân loại vi phạm pháp luật, các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật, rách nhiệm pháp, các loại trách nhiệm pháp lý, truy cứu trách nhiệm pháp lý. - Từ kiến thức về vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý sinh viên vận dụng vào trong quá trình học tập và đời sống hàng ngày. **Nội dung cụ thể:** 6.1. Vi phạm pháp luật 6.1.1. Khái niệm vi phạm pháp luật 6.1.2. Phân loại vi phạm pháp luật 6.1.3. Các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật 6.2. Trách nhiệm pháp lý 6.2.1. Khái niệm trách nhiệm pháp lý 6.2.2. Các loại trách nhiệm pháp lý 6.2.3.Truy cứu trách nhiệm pháp lý	04 (04LT, 0TH)	**Thuyết trình, thảo luận nhóm; trực quan; đàm thoại; giảng dạy thông qua tình huống.** **- Giảng viên** + Nêu vấn đề, hướng dẫn SV giải quyết vấn đề. + Diễn giải nội dung về khái niệm điều chỉnh pháp luật, đối tượng và phương pháp điều chỉnh pháp luật, các giai đoạn của quá trình điều chỉnh pháp luật, cơ chế điều chỉnh của pháp luật. + Hướng dẫn SV thảo luận nhóm. + Trao đổi thắc mắc sinh viên. + Đưa ra nội dung và hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên** + Đọc trước tài liệu [1], tr.224 -286; đọc tài liệu tham khảo [2]. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo nhóm, mục II.2. + Đưa ra những câu hỏi thắc mắc. + Liên hệ lấy ví dụ thực tiễn ngành nghề đang học.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
7	**Chương 7. Ý thức pháp luật và giáo dục pháp luật** **Mục tiêu chương:**	04 (04LT, 0TH)	**Thuyết giảng, thảo luận; trực quan; đàm thoại; giảng dạy**	CLO3 CLO4 CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	- Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về khái niệm ý thức pháp luật, cấu trúc của ý thức pháp luật, phân loại ý thức pháp luật vai trò của ý thức pháp luật, giáo dục pháp luật, các hình thức giáo dục pháp luật, nội dung của giáo pháp luật. - Từ kiến thức về ý thức pháp luật và giáo dục pháp luật sinh viên vận dụng vào trong quá trình học tập và đời sống hàng ngày. **Nội dung cụ thể:** 7.1. Ý thức pháp 7.1.1. Khái niệm ý thức pháp luật 7.1.2. Cấu trúc của ý thức pháp luật 7.1.3. Phân loại ý thức pháp luật 7.1.4. Vai trò của ý thức pháp luật 7.2. Giáo dục pháp luật 7.2.1. Khái niệm giáo dục pháp luật 7.2.2. Các hình thức giáo dục pháp luật 7.2.3. Nội dung của giáo pháp luật		**thông qua tình huống, làm việc nhóm và tranh biện.** **- Giảng viên** + Nêu vấn đề, hướng dẫn SV giải quyết vấn đề. + Diễn giải nội dung về khái niệm điều chỉnh pháp luật, đối tượng và phương pháp điều chỉnh pháp luật, các giai đoạn của quá trình điều chỉnh pháp luật, cơ chế điều chỉnh của pháp luật. + Hướng dẫn SV thảo luận nhóm. + Trao đổi thắc mắc sinh viên. + Đưa ra nội dung và hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên** + Đọc trước tài liệu [1], tr. 452-457; đọc tài liệu tham khảo [2]. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo nhóm, mục 7.1.4. + Đưa ra những câu hỏi thắc mắc. + Liên hệ lấy ví dụ thực tiễn ngành nghề đang học. + Thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề, trả lời câu hỏi, tranh biện và ghi chép.	CLO6

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

1. Tên học phần: Lịch sử nhà nước và pháp luật / History of State and Law

2. Mã học phần: LUAT 003

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ nhất

5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành

- Giờ học tập định mức của người học: 100 giờ (bao gồm 30 giờ dự giờ giảng trên lớp, 60 giờ tự học có hướng dẫn, nghiên cứu, 10 giờ chuẩn bị và tham gia dự kiểm tra, đánh giá định kỳ - quy chuẩn 50 giờ học tập/1 tín chỉ).

6. Điều kiện tiên quyết/Điều kiện học trước: Không

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Nguyễn Vinh Diện	0912.341.915	dien_nv@saodo.edu.vn
2.	ThS. Phạm Thị Mai	0978370438	nguyenhadhsd@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức về nhà nước và pháp luật chiếm hữu nô lệ, nhà nước và pháp luật phong kiến, nhà nước và pháp luật tư sản và nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa; đồng thời nghiên cứu sự hình thành và phát triển của nhà nước, pháp luật Việt Nam qua các thời kỳ, từ Văn Lang – Âu Lạc, thời kỳ Bắc thuộc, các triều đại phong kiến Việt Nam, thời kỳ Pháp thuộc đến Nhà nước Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay. Trên cơ sở đó, người học nhận diện được những đặc điểm, giá trị, hạn chế và sự kế thừa, phát triển của các thiết chế nhà nước và quy phạm pháp luật trong từng thời kỳ.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Học phần Lịch sử nhà nước và pháp luật nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về quá trình hình thành, phát triển và biến đổi của nhà nước và pháp luật trong lịch sử thế giới và Việt Nam; làm rõ những điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội tác động đến sự ra đời, tổ chức và hoạt động của nhà nước, cũng như sự hình thành và phát triển của pháp luật qua các thời kỳ lịch sử.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống

về quá trình hình thành, phát triển và biến đổi của nhà nước và pháp luật trong lịch sử nhân loại và Việt Nam; cung cấp kiến thức về nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, chức năng, hình thức của nhà nước và pháp luật qua các kiểu nhà nước và các giai đoạn lịch sử; cung cấp kiến thức về quá trình hình thành, phát triển của nhà nước và pháp luật Việt Nam từ thời kỳ Văn Lang – Âu Lạc, thời kỳ Bắc thuộc, các triều đại phong kiến, thời kỳ Pháp thuộc đến Nhà nước Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay; cung cấp kiến thức về tổ chức bộ máy nhà nước, các thiết chế chính trị – pháp lý và những nội dung cơ bản của pháp luật trong từng thời kỳ; cung cấp cơ sở để người học nhận thức, phân tích, so sánh và đánh giá sự kế thừa, phát triển của nhà nước và pháp luật, qua đó hình thành tư duy lịch sử – pháp lý và tạo nền tảng cho việc nghiên cứu, học tập các học phần pháp luật chuyên ngành.

- CO2 (Kỹ năng): Rèn luyện cho người học khả năng tư duy lịch sử – pháp lý trong việc nhận diện, phân tích, so sánh và đánh giá quá trình hình thành, phát triển và biến đổi của nhà nước và pháp luật qua các thời kỳ; rèn luyện kỹ năng khai thác, hệ thống hóa và xử lý các tài liệu, tư liệu lịch sử – pháp lý phục vụ học tập và nghiên cứu; rèn luyện khả năng phân tích mối quan hệ giữa các điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội với sự hình thành và phát triển của nhà nước và pháp luật; rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức lịch sử nhà nước và pháp luật để giải thích, đánh giá các vấn đề pháp lý, nhận diện những giá trị kế thừa và phát triển của các thiết chế nhà nước, quy phạm pháp luật trong lịch sử; đồng thời rèn luyện kỹ năng trình bày, lập luận và bảo vệ quan điểm một cách có căn cứ trong học tập, nghiên cứu và thực tiễn nghề nghiệp pháp lý.

- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Hình thành cho người học khả năng chủ động, tự giác trong học tập và nghiên cứu các vấn đề về lịch sử nhà nước và pháp luật; có ý thức tự tìm kiếm, khai thác và đánh giá các nguồn tài liệu lịch sử – pháp lý; chủ động vận dụng kiến thức đã học để phân tích, nhận xét và đánh giá các vấn đề liên quan đến quá trình hình thành, phát triển của nhà nước và pháp luật; có tinh thần trách nhiệm trong học tập, thảo luận, nghiên cứu và thực hiện các nhiệm vụ được giao; có khả năng tự chịu trách nhiệm về ý kiến, nhận định và kết quả học tập của bản thân; đồng thời hình thành ý thức tôn trọng lịch sử, pháp luật, các giá trị pháp lý tiến bộ và trách nhiệm của công dân đối với Nhà nước, xã hội.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Làm rõ quá trình hình thành, tồn tại, phát triển và biến đổi của nhà nước và pháp luật trong lịch sử; làm rõ các điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội tác động đến sự ra đời và	PI1.1	2

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	phát triển của nhà nước và pháp luật; làm rõ đặc điểm, bản chất, chức năng, hình thức và tổ chức bộ máy nhà nước qua các kiểu nhà nước và các giai đoạn lịch sử; làm rõ sự hình thành và phát triển của pháp luật, các nguồn pháp luật và những nội dung cơ bản của pháp luật trong từng thời kỳ; làm rõ quá trình hình thành, phát triển của nhà nước và pháp luật Việt Nam từ Văn Lang – Âu Lạc, thời kỳ Bắc thuộc, các triều đại phong kiến, thời kỳ Pháp thuộc đến Nhà nước Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay; đồng thời làm rõ những giá trị, hạn chế, tính kế thừa và phát triển của các thiết chế nhà nước và pháp luật trong lịch sử, từ đó nhận thức được ý nghĩa của việc nghiên cứu lịch sử nhà nước và pháp luật đối với quá trình học tập, nghiên cứu pháp luật và thực tiễn xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền và hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay.		
CLO2	Sinh viên cần diễn đạt được một cách rõ ràng, có hệ thống về quá trình hình thành, phát triển và biến đổi của nhà nước và pháp luật trong lịch sử thế giới và Việt Nam; diễn đạt được những điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội tác động đến sự ra đời và phát triển của nhà nước và pháp luật; diễn đạt được đặc điểm, bản chất, chức năng, hình thức và tổ chức bộ máy nhà nước qua các kiểu nhà nước và các giai đoạn lịch sử; diễn đạt được quá trình hình thành, phát triển của pháp luật và những nội dung cơ bản của các hệ thống pháp luật trong từng thời kỳ.	PI1.1	2
CLO3	Sinh viên diễn đạt được quá trình hình thành và phát triển của nhà nước và pháp luật Việt Nam từ Văn Lang – Âu Lạc, thời kỳ Bắc thuộc, các triều đại phong kiến, thời kỳ Pháp thuộc đến Nhà nước Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay; đồng thời diễn đạt được những giá trị, hạn chế, tính kế thừa và phát triển của nhà nước và pháp luật qua các thời kỳ, qua đó vận dụng kiến thức lịch sử nhà nước và pháp luật để nhận thức, phân tích và đánh giá những vấn đề pháp lý trong học tập, nghiên cứu và thực tiễn.	PI1.1	2

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kỹ năng		
CLO4	Sau khi học xong học phần Lịch sử nhà nước và pháp luật, sinh viên có kỹ năng thu thập, khai thác, lựa chọn và xử lý các tài liệu, tư liệu lịch sử – pháp lý phục vụ học tập và nghiên cứu; kỹ năng hệ thống hóa, khái quát và trình bày các vấn đề về quá trình hình thành, phát triển và biến đổi của nhà nước và pháp luật qua các thời kỳ; kỹ năng phân tích, so sánh và đánh giá đặc điểm tổ chức bộ máy nhà nước, các thiết chế pháp lý và những nội dung cơ bản của pháp luật trong từng giai đoạn lịch sử; kỹ năng xác định và phân tích mối quan hệ giữa các điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội với sự hình thành và phát triển của nhà nước và pháp luật; kỹ năng vận dụng kiến thức lịch sử nhà nước và pháp luật để giải thích, nhận xét và đánh giá các vấn đề pháp lý trong học tập và thực tiễn; đồng thời có kỹ năng trình bày, lập luận, thảo luận và bảo vệ quan điểm một cách logic, có căn cứ, góp phần hình thành tư duy lịch sử – pháp lý và năng lực nghiên cứu khoa học pháp lý.	PI2.1	3
CLO5	Sinh viên có kỹ năng thu thập, khai thác, lựa chọn và xử lý các tài liệu, tư liệu lịch sử – pháp lý phục vụ học tập và nghiên cứu; kỹ năng hệ thống hóa, khái quát và trình bày các vấn đề về quá trình hình thành, phát triển và biến đổi của nhà nước và pháp luật qua các thời kỳ; kỹ năng phân tích, so sánh và đánh giá đặc điểm tổ chức bộ máy nhà nước, các thiết chế pháp lý và những nội dung cơ bản của pháp luật trong từng giai đoạn lịch sử; kỹ năng vận dụng kiến thức lịch sử nhà nước và pháp luật để giải thích, nhận xét và đánh giá các vấn đề pháp lý trong học tập và thực tiễn.	PI1.1	3
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Sinh viên có khả năng chủ động, tự giác trong học tập, nghiên cứu và cập nhật kiến thức về lịch sử nhà nước và pháp luật; có khả năng tự tìm kiếm, khai thác, lựa chọn và đánh giá các nguồn tài liệu lịch sử – pháp lý phục vụ học tập và nghiên cứu; chủ động vận dụng kiến thức đã học để phân tích, so sánh và đánh giá các vấn đề về nhà nước và pháp luật trong những bối cảnh lịch sử khác nhau; có ý thức chịu trách	PI2.1 PI2.1	1

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	nhiệm về kết quả học tập, nghiên cứu, quan điểm và nhận định của bản thân; có khả năng làm việc độc lập và phối hợp với các thành viên trong nhóm trong quá trình học tập; đồng thời hình thành ý thức tôn trọng lịch sử, pháp luật và các giá trị pháp lý tiến bộ, có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng và xã hội trong việc nhận thức, chấp hành và góp phần xây dựng, hoàn thiện Nhà nước và pháp luật.		

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4	x	x	
CLO5		x	x
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *		
	PLO 1	PLO 10	
	PI1.1	PI10.1	PI2.1
CLO1	I		
CLO2	I		
CLO3	I		
CLO4			M
CLO5			M
CLO6			R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Ví dụ						
Điểm chuyên cần, điểm kiển tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Điểm danh, theo dõi mức độ tham gia học tập. - Bài kiểm tra ngắn (trắc nghiệm/tự luận). - Thảo luận nhóm, thuyết trình. - Rubric đánh giá.	CLO1	20	Điểm chuyên cần, điểm kiển tra thường xuyên	Điểm CLO1 → PLO9/PI2.2
			CLO5	40	Điểm chuyên cần, điểm kiển tra thường xuyên	Điểm CLO5 → PLO7/PI9.2
			CLO6	40	Điểm chuyên cần, điểm kiển tra thường xuyên	CLO6 → PLO9/PI9.2
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra tự luận. - Rubric chấm bài.	CLO1	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	Điểm CLO1 → PLO9/PI9.1
			CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	Điểm CLO2 → PLO9/PI4.1
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi tự luận - Rubric chấm bài.	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	Điểm CLO1 → PLO9/PI9.2
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → PLO1/PI4.1
			CLO3	20	Điểm bài thi cuối kỳ	Điểm CLO3 → PLO9/PI9.2
			CLO4	40	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO7/PI4.1

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. *Rubric đánh giá chuyên cần*

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				
		Rất tốt	**Tốt**	**Đạt yêu cầu**	**Không đạt**	**Điểm**
		10 – 8.5	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Mức độ tham dự theo thời khóa biểu	50	*Tham dự >85% buổi học*	*Tham dự 70-84% buổi học*	*Tham dự 50-69% buổi học*	*Tham dự <50% buổi học*	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50%	Chủ động chuẩn bị bài, tích cực phát biểu, thảo luận, giải quyết tình huống và làm việc nhóm	Tham gia đầy đủ các hoạt động học tập, có trao đổi ý kiến	Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn thụ động	Không tham gia hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao	

2. Rubric kiểm tra tự luận và thi tự luận.

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Trình bày được những vấn đề cơ bản của nhà nước và pháp luật chiếm hữu nộ lệ, nhà nước và pháp luật phong kiến, nhà nước và pháp luật tư sản nhà nước và pháp luật Xã hội chủ nghĩa.	CLO1, CLO2	**20%**	Trình bày đầy đủ, chính xác, có hệ thống.	Trình bày cơ bản đầy đủ, chính xác, còn một số hạn chế nhỏ.	Trình bày được một số kiến thức cơ bản nhưng còn thiếu nội dung, còn nhầm lẫn.	Không nắm được hoặc trình bày sai các kiến thức cơ bản
Vận dụng kiến thức về nhà nức và pháp luật để đề xuất giải pháp hoặc thực hiện các hoạt động học tập, làm việc nhóm	CLO2, CLO3	**20%**	Vận dụng chính xác, linh hoạt các quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật trong nước về	Vận dụng cơ bản đúng các quy định của pháp luật chiếm hữu nộ lệ, nhà nước và pháp luật phong	Vận dụng được một số quy định về nhà nước phong kiến và XHCN vào thực tế nhưng	Không xác định hoặc không vận dụng được pháp luật phong kiến, nhà nước và pháp luật tư sản nhà nước và pháp luật

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
với chuẩn mực đạo đức, ý thức công dân và yêu cầu nghề nghiệp.			quyền con người.	kiến, nhà nước và pháp luật tư sản nhà nước và pháp luật Xã hội chủ nghĩa.	còn lúng túng, thiếu căn cứ trong một số tình huống.	Xã hội chủ nghĩa.
Phân tích được nội dung của nhà nước và pháp luật chiếm hữu nộ lệ, nhà nước và pháp luật phong kiến, nhà nước và pháp luật tư sản nhà nước và pháp luật Xã hội chủ nghĩa.	CLO4	**20%**	Phân tích đầy đủ, sâu sắc và logic tình huống.	Phân tích, đánh giá cơ bản đúng, có sai sót nhỏ.	Nhận diện được các kiểu nhà nước nhưng phân tích còn hạn chế, bỏ sót một số yếu tố hoặc đưa ra nhận định chưa đầy đủ.	Không xác định được các kiểu nhà nước hoặc đưa ra nhận định, đánh giá không phù hợp với tình huống.
Vận dụng kiến thức về nhà nước nước và pháp luật để thực hiện các hoạt động học tập, làm việc nhóm và tham gia tuyên truyền pháp luật, ý thức công dân và yêu cầu nghề nghiệp.	CLO4, CLO5	**30%**	Thể hiện rõ ràng, chuyên nghiệp, có trách nhiệm trong giao tiếp và ứng xử; giải quyết tình huống phù hợp.	Thực hiện cơ bản phù hợp với thành thạo kỹ năng tư duy phản biện, thuyết trình thuyết phục các vấn đề liên quan nhà nước và pháp luật.	Có khả năng xử lý tình huống bài tập về nhà nước và ở mức cơ bản nhưng còn lúng túng, chưa thật phù hợp trong một số trường hợp.	Không thực hiện được yêu cầu về thành thạo kỹ năng tư duy phản biện, thuyết trình thuyết phục các vấn đề liên quan đến nhà nước và pháp luật.
Chủ động thể hiện ý thức tự	CLO6	**10%**	Thể hiện rõ và nhất	Thể hiện cơ bản	Nhận thức được yêu	Không thể hiện được sự

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
giác trong việc học tập, rèn luyện và tuân thủ pháp luật, có tinh thần trách nhiệm và ý thức công dân trong học tập, công việc và các hoạt động xã hội và thượng tôn pháp luật.			tinh thần trách nhiệm và ý thức công dân trong học tập, công việc và các hoạt động xã hội và thượng tôn pháp luật.	đúng yêu tinh thần trách nhiệm và ý thức công dân việc thể hiện trách nhiệm với nhà nước và pháp luật, còn một số hạn chế nhỏ.	cầu về nhà nước và pháp luật nhưng chưa thể hiện đầy đủ hoặc chưa nhất quán trong các tình huống đưa ra.	chủ động trong học tập và làm việc nhóm và phân biệt kiểu nhafnuowcs và pháp luật.
Tổng điểm		**100%**				

12. Yêu cầu học phần

- **Quy định chuyên cần:** Sinh viên phải tham dự tối thiểu **80%** tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá **20%** số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- **Nhiệm vụ học tập và tự học:** Sinh viên cần chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu học tập và các nguồn tài liệu tham khảo để nắm vững quá trình hình thành, phát triển và biến đổi của nhà nước và pháp luật qua các thời kỳ lịch sử. Trong quá trình học tập, sinh viên có nhiệm vụ đọc trước nội dung bài học, xác định những vấn đề trọng tâm, tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp, thảo luận và phân tích các sự kiện, mô hình nhà nước, hệ thống pháp luật tiêu biểu. Sinh viên cần thực hiện các bài tập cá nhân và nhóm, vận dụng kiến thức lịch sử nhà nước và pháp luật để so sánh, nhận xét sự khác nhau giữa các kiểu nhà nước, hình thức pháp luật và các chế định pháp luật qua từng thời kỳ; đồng thời liên hệ với quá trình hình thành và phát triển của Nhà nước và pháp luật Việt Nam.

- **Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật:** Sinh viên có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực và chủ động trong quá trình học tập học phần Lịch sử nhà nước và pháp luật; có ý thức tự học, tự nghiên cứu, tham gia đầy đủ các hoạt động học tập, thảo luận và trao đổi học thuật, tôn trọng ý kiến của giảng viên và các thành viên trong lớp, đồng thời có tinh thần khách quan, khoa học khi nghiên cứu các sự kiện, hiện tượng lịch sử và sự hình thành, phát triển của nhà nước và pháp luật qua các thời kỳ. thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức:** Sinh viên vận dụng được những kiến thức về quá trình hình thành, phát triển và biến đổi của nhà nước và pháp luật qua các thời kỳ lịch sử để phân tích, đánh giá các hiện tượng nhà nước và pháp luật trong thực tiễn; biết liên hệ những đặc điểm, nguyên tắc và giá trị của các kiểu nhà nước, hệ thống pháp luật trong lịch sử với quá trình xây dựng, hoàn thiện Nhà nước và pháp luật Việt Nam hiện nay; vận dụng kiến thức lịch sử để giải thích nguồn gốc, bản chất, sự phát triển của các quy phạm và thiết chế pháp luật, đồng thời phân tích những điểm kế thừa, thay đổi và tiến bộ của pháp luật qua các thời kỳ. Sinh viên có khả năng sử dụng kiến thức của học phần để nhận diện, phân tích và giải quyết các vấn đề pháp lý cơ bản trong học tập, nghiên cứu và đời sống xã hội; biết rút ra những bài học lịch sử, hình thành tư duy pháp lý và có ý thức tôn trọng, tuân thủ pháp luật, góp phần nâng cao trách nhiệm của công dân trong xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1]. PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn (2023), *Giáo trình Lịch sử Nhà nước và pháp luật thế giới, Việt Nam,* NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

[2]. TS. Trần Hồng Nhung (2020), *Giáo trình Lịch sử Nhà nước và pháp luật,* NXB Công an nhân dân.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
1	**PHẦN I: LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT THẾ GIỚI** **CHƯƠNG 1. NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT CHIẾM HỮU NÔ LỆ** **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật chiếm hữu nô lệ phương Đông và Nhà nước và pháp luật phương Tây. Liên hệ với Nhà nước và pháp luật Việt Nam. **Nội dung cụ thể:** 1.1. Nhà nước và pháp luật chiếm hữu nô lệ phương Đông 1.1.1. Sự hình thành nhà nước chiếm hữu nô lệ phương Đông 1.1.2. Pháp luật chiếm hữu nô lệ phương Đông 1.1.3. Nhận xét đánh giá về nhà nước và pháp luật chiếm hữu nô lệ phương Đông 1.2. Nhà nước và pháp luật chiếm hữu nô lệ phương Tây 1.2.1. Sự hình thành nhà nước chiếm hữu nô lệ phương Tây 1.2.2. Pháp luật chiếm hữu nô lệ phương Tây 1.2.3. Nhận xét đánh giá về nhà nước và pháp luật chiếm hữu nô lệ phương	04 (04LT 0TH)	**Thuyết trình, tranh biện, tình huống, làm việc nhóm kết hợp trực quan.** **- Giảng viên:** + Giải thích làm rõ các khái niệm. + Đưa ra chủ đề tình huống hướng dẫn sinh viên thảo luận, tranh luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề tình huống và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên Đọc tài liệu chính [1], [2]. + Đọc tài liệu tham khảo [3], [4], + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. - Bài tập thực hành.	CLO1 CLO4
2	**CHƯƠNG 2. NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT PHONG KIẾN** **Mục tiêu chương:** Trình bày được những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật phong kiến phương Đông, nhà nước và pháp luật phong kiến phương Tây. Liên hệ với Nhà nước và pháp luật phong kiến Việt Nam. **Nội dung cụ thể:** 2.1. Nhà nước và pháp luật phong kiến	04 (04LT, 0TH)	**Thuyết trình, tranh biện, tình huống, làm việc nhóm kết hợp trực quan** **- Giảng viên:** + Thuyết trình các nội dung. về nhà nước pháp luật phong kiến + Nêu vấn đề, hướng	CLO1 CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	phương Đông 2.1.1. Sự hình thành và tổ chức bộ máy nhà nước phong kiến phương Đông 2.1.2. Pháp luật phong kiến phương Đông 2.2. Nhà nước và pháp luật phong kiến phương Tây 2.2.1. Sự hình thành và tổ chức bộ máy nhà nước phong kiến phương Tây 2.2.2. Pháp luật phong kiến phương Tây		dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên thảo luận nhóm. + Trực quan tình huống trong quan hệ pháp luật. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và chương 2, tài liệu [1]. [2]. + tài liệu tham khảo [3]. [4]. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn cuộc sống.	
3	**CHƯƠNG 3. NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT TƯ SẢN** **Mục tiêu chương:** Trình bày được những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật tư sản thời kỳ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, thời kỳ chủ nghĩa tư bản lũng đoạn và chủ nghĩa tư bản hiện đại. **Nội dung cụ thể:** 3.1. Nhà nước và pháp luật tư sản thời kỳ chủ nghĩa tư bản cạnh tranh tự do 3.1.1. Quá trình hình thành nhà nước 3.1.2. Một số nhà nước tiêu biểu 3.1.3. Pháp luật tư sản thời kỳ chủ nghĩa tư bản cạnh tranh tự do 3.2. Nhà nước và pháp luật tư sản thời kỳ chủ nghĩa tư bản lũng đoạn và chủ nghĩa tư bản hiện đại 3.2.1. Quá trình hình thành nhà nước 3.2.2. Một số nhà nước tiêu biểu 3.2.3. Pháp luật tư sản thời kỳ chủ nghĩa tư	04 (04LT, 0TH)	**Thuyết trình, tranh biện, tình huống, làm việc nhóm kết hợp trực quan** **- Giảng viên:** + Giảng giải làm rõ các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên thảo luận tình huống. + Giao bài tập tình huống cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá nhiệm vụ thực hiện sinh viên.	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	bản lũng đoạn và chủ nghĩa tư bản hiện đại		**- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung bài học tài liệu chính [1], [2]; tài liệu tham khảo [3], [4]. + Thực hiện các nhiệm vụ gảng viên đưa ra. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn cuộc sống. - Bài tập thực hành.	
4	**CHƯƠNG 4. NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA** **Mục tiêu chương:** Trình bày được Nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa. Vận dụng liên hệ với Nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa Việt Nam. **Nội dung cụ thể:** 4.1. Nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.1.1. Khái quát chung về nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.1.2. Các mô hình nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.2. Pháp luật xã hội chủ nghĩa 4.2.1. Nguồn luật 4.2.2. Các nội dung chính của pháp luật xã hội chủ nghĩa Kiểm tra giữa học phần	04 (03LT, 01KT, 0TH)	**Thuyết trình, tranh biện, tình huống, làm việc nhóm kết hợp trực quan.** **- Giảng viên:** + Thuyết trình các nội dung về Nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa + Nếu vấn đề cần tranh luận. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biên. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước nội dung	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			bài học tài liệu chính [1], [2], tài liệu tham khảo tài liệu chính [3], [4]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. + Làm bài kiểm tra giữa học phần.	
5	**PHẦN II. LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM** **CHƯƠNG 5. NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VĂN LANG - ÂU LẠC** **Mục tiêu chương**: Sinh viên trình bày được những hiểu biết về điều kiện kinh tế, xã hội nhà nước Văn Lang - Âu Lạc; tổ chức bộ máy Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc. **Nội dung cụ thể::** 5.1. Khái quát chung về điều kiện kinh tế xã hội 5.2. Tổ chức của bộ máy nhà nước Văn Lang - Âu Lạc 5.3. Pháp luật nhà nước Văn lang - Âu Lạc .	04 (04LT, 0TH)	**Thuyết trình, tranh biện, tình huống, làm việc nhóm kết hợp trực quan** **- Giảng viên:** + Thuyết trình các nội dung về nhà nước Văn Lang - Âu Lạc + Nêu vấn đề tình huống cần giải quyết. + Hướng dẫn sinh viên thảo luận nhóm. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu chính [1], [2]; tài liệu tham khảo [3, [4]. + Thảo luận lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Sinh viên làm bài kiểm tra giữa học phần.	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6
6	**CHƯƠNG 6. NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT PHONG KIẾN VIỆT NAM**	05	**Thuyết trình, tranh biện, tình huống,**	CLO3 CLO4

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	Mục tiêu chung: Sinh viên trình bày được khái quát chung về Nhà nước phong kiến Việt Nam thời kỳ Bắc thuộc; tổ chức chính quyền đô hộ thời kỳ bắc thuộc; pháp luật Việt Nam thời kỳ Bắc thuộc. **Nội dung cụ thể:**: 6.1. Khái quát chung về nhà nước phong kiến Việt Nam thời kỳ Bắc thuộc 6.2. Tổ chức chính quyền đô hộ thời kỳ Bắc thuộc 6.3. Pháp luật Việt Nam thời kỳ Bắc thuộc	(05LT, 0TH)	**làm việc nhóm kết hợp trực quan** **- Giảng viên:** + Thuyết trình các nội dung. nhà nước và pháp luật thời kỳ Bắc thuộc. + Trực quan tình huống. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Phân tích, lấy ví dụ về làm rõ các nội dung. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu chính [1], [2]; tài liệu tham khảo [3], [4]. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. - Bài tập thực hành.	CLO5 CLO6
7	**CHƯƠNG 7. NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT TỪ CÁCH MẠNG THÁNG 8 - 1912 ĐẾN NAY** **Mục tiêu chương**: Trình bày được những kiến thức cơ bản về nhà nước và Việt Nam từ cách mạng tháng Tám đến nay; tổ chưc bộ máy nhà nước Việt Nam; pháp luật Việt Nam từ cách mạng tháng Tám đến nay. Liên hệ với pháp luật hiện nay ở nước ta. **Nội dung cụ thể:** 7.1. Khái quát chung về nhà nước Việt Nam	05 (05LT, 0TH)	**Thuyết trình, tranh biện, tình huống, làm việc nhóm kết hợp trực quan** **- Giảng viên:** + Thuyết trình các nội dung nhà nước và pháp luật thời kỳ độc lập tự chủ + Lấy ví dụ về nhà nước phong kiến thời	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	từ Cách mạng tháng Tám đến nay 7.2. Tổ chức bộ máy nhà nước Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám đến nay 7.3. Pháp luật Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám đến nay.		kỳ độc lập tự chủ. + Đưa ra chủ đề tình huống hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu chính tài liệu chính [1], [2]; tài liệu tham khảo [3]. [4] + Lắng nghe, quan sát, ghi chép. + Thảo luận nhóm lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay. - Bài tập thực hành.	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

1. Tên học phần: Đạo đức nghề Luật / Ethics of the Legal

2. Mã học phần: LUAT 004

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Sinh viên năm thứ nhất (Học kỳ 2)

5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành

- Giờ học tập định mức của người học: 100 giờ (bao gồm 30 giờ dự giờ giảng trên lớp, 60 giờ tự học có hướng dẫn, nghiên cứu, 10 giờ chuẩn bị và tham gia dự kiểm tra, đánh giá định kỳ - quy chuẩn 50 giờ học tập/1 tín chỉ).

6. Điều kiện tiên quyết/Điều kiện học trước: Không

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	TS.Nguyễn Thái Mai	0912.376.293	mailuatquocte@yahoo.com.vn
2.	TS. Nguyễn Chí Dũng	0983.676.688	dungvks2010@gmail.com
3.	ThS. Phạm Thị Mai	0978.370.438	Phammaidhsd1018@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Đạo đức nghề luật trang bị cho sinh viên ngành Luật hệ thống kiến thức lý luận cơ bản và chuyên sâu về đạo đức nghề luật, văn hoá nghề luật, và các quy tắc đạo đức ứng xử đặc thù của từng chức danh tư pháp tại Việt Nam. Nội dung trọng tâm của học phần tập trung phân tích sâu sắc các quy tắc đạo đức nghề nghiệp cốt lõi của Luật sư, Thẩm phán, Kiểm sát viên, Chấp hành viên và Công chứng viên. Bên cạnh đó, học phần còn giới thiệu một số mô hình quy tắc ứng xử hành nghề luật tại các quốc gia tiên tiến trên thế giới. Thông qua các buổi thảo luận chuyên đề và đóng vai giải quyết các tình huống thực tiễn, người học được rèn luyện tư duy phản biện, kỹ năng ứng xử và giải quyết các xung đột đạo đức nghề nghiệp, nhằm hình thành thái độ trung thực khoa học, tinh thần thượng tôn pháp luật và trách nhiệm xã hội sâu sắc của một luật gia tương lai.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Học phần được thiết kế nhằm giúp sinh viên hiểu rõ bản chất, vai trò của đạo đức và văn hóa trong lĩnh vực pháp lý; nắm vững và vận dụng chuẩn xác hệ thống các quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp của các chức danh tư pháp chính; đồng thời xây dựng cho người học ý thức tuân thủ pháp luật, phẩm chất trung thực, giữ bí mật thông tin, thượng tôn công lý và trách nhiệm đạo đức cao cả trong hoạt động thực tiễn hành nghề luật.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Trang bị cho người học kiến thức lý luận cơ bản về nghề luật, văn hoá nghề luật; nội dung quy tắc đạo đức nghề nghiệp của Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư, Chấp hành viên và Công chứng viên theo quy chuẩn pháp luật Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế học hỏi.

- CO2 (Kỹ năng): Rèn luyện khả năng phân tích, nhận diện và đánh giá các hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp; năng lực xử lý xung đột đạo đức trong hoạt động tư vấn, tranh tụng và các nhiệm vụ tư pháp thực tế chuyên môn.

- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Xây dựng bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng, trung thực, tinh thần thượng tôn pháp luật và đạo đức nghề nghiệp nghiêm túc; phát triển năng lực nghiên cứu tự học độc lập, làm việc nhóm hiệu quả.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Làm rõ được các khái niệm nền tảng về nghề luật, đặc trưng nghề luật; đạo đức, đạo đức nghề luật và văn hoá nghề luật tại Việt Nam.	PI9.1	2
CLO2	Vận dụng và giải thích được nội dung các quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp của các chức danh Thẩm phán, Kiểm sát viên và Luật sư tại Việt Nam.	PI9.1	3
CLO3	Diễn giải được nội dung quy tắc đạo đức nghề nghiệp của Chấp hành viên, Công chứng viên và quy tắc đạo đức hành nghề luật của một số quốc gia trên thế giới.	PI9.1	2
	Kỹ năng		
CLO4	Phân tích, nhận diện và phản biện được các hành vi vi phạm đạo đức và văn hóa nghề luật phát sinh trong các hoạt động pháp lý thực tiễn.	PI7.2	4
CLO5	Phân tích các quy tắc đạo đức của từng chức danh tư pháp để đề xuất giải pháp pháp lý hợp lý để xử lý các tình huống xung đột lợi ích thực tiễn.	PI7.2	4
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Chủ động tự lập kế hoạch học tập, nghiên cứu và bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp; làm việc nhóm hiệu quả; thể hiện tinh thần trung thực khoa học, cam kết bảo mật thông tin và trách nhiệm bảo vệ công lý.	PI9.1 PI9.1.3	3

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4		x	
CLO5		x	
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *		
	PLO 1	PLO 10	
	PI7.2	PI10.1	PI9.1
CLO1			I
CLO2			I
CLO3	R		
CLO4	R		
CLO5	R		
CLO6			I

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Ví dụ						
Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Điểm danh, theo dõi mức độ tham gia học tập. - Bài kiểm tra ngắn (trắc nghiệm/tự luận). - Thảo luận nhóm, thuyết trình. - Rubric đánh giá.	CLO1	20	Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO1 → PLO9/PI9.1
			CLO5	40	Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO5 → PLO7/PI7.2
			CLO6	40	Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên	CLO6 → PLO9/PI9.1
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra tự luận. - Rubric chấm bài.	CLO1	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	Điểm CLO1 → PLO9/PI9.1
			CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	Điểm CLO2 → PLO9/PI9.1
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi tự luận - Rubric chấm bài .	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	Điểm CLO1 → PLO9/PI9.1
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → PLO1/PI1.1
			CLO3	20	Điểm bài thi cuối kỳ	Điểm CLO3 → PLO9/PI9.1
			CLO4	40	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO7/PI7.2

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. *Rubric đánh giá chuyên cần*

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Rất tốt	**Tốt**	**Đạt yêu cầu**	**Không đạt**	
		10 – 8.5	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Mức độ tham dự theo thời khóa biểu	50	*Tham dự >85% buổi học*	*Tham dự 70-84% buổi học*	*Tham dự 50-69% buổi học*	*Tham dự <50% buổi học*	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50%	Chủ động chuẩn bị bài, tích cực phát biểu, thảo luận, giải quyết tình huống và làm việc nhóm	Tham gia đầy đủ các hoạt động học tập, có trao đổi ý kiến	Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn thụ động	Không tham gia hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao	

2. Rubric kiểm tra tự luận và thi tự luận.

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Kiến thức cơ bản về đạo đức nghề nghiệp và các giá trị đạo đức trong hoạt động pháp luật	CLO1, CLO2	**20%**	Trình bày đầy đủ, chính xác, có hệ thống.	Trình bày cơ bản đầy đủ, chính xác, còn một số hạn chế nhỏ.	Trình bày được một số kiến thức cơ bản nhưng còn thiếu nội dung, còn nhầm lẫn.	Không nắm được hoặc trình bày sai các kiến thức cơ bản
Vận dụng các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động pháp lý	CLO2, CLO3	**20%**	Vận dụng chính xác, linh hoạt các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động pháp lý.	Vận dụng cơ bản đúng các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức; còn một số hạn chế nhỏ.	Vận dụng được một số nguyên tắc đạo đức nhưng còn lúng túng, thiếu căn cứ trong một số tình huống.	Không xác định hoặc không vận dụng được các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp vào tình huống thực tế.
Phân tích và đánh giá các tình huống đạo đức trong hoạt động nghề nghiệp pháp	CLO4	**20%**	Phân tích đầy đủ, sâu sắc và logic tình huống.	Phân tích, đánh giá cơ bản đúng, có sai sót nhỏ.	Nhận diện được vấn đề đạo đức nhưng phân tích còn hạn	Không xác định được vấn đề đạo đức hoặc đưa ra nhận định, đánh giá

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
luật					chế, bỏ sót một số yếu tố hoặc đưa ra nhận định chưa đầy đủ.	không phù hợp với tình huống.
Thực hiện kỹ năng ứng xử, giao tiếp và giải quyết vấn đề phù hợp với chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp	CLO4, CLO5	**30%**	Thể hiện rõ ràng, chuyên nghiệp, có trách nhiệm trong giao tiếp và ứng xử; giải quyết tình huống phù hợp.	Thực hiện cơ bản phù hợp với yêu cầu đạo đức nghề nghiệp trong giao tiếp và ứng xử, còn một số hạn chế.	Có khả năng xử lý tình huống ở mức cơ bản nhưng còn lúng túng, giao tiếp hoặc ứng xử chưa thật phù hợp trong một số trường hợp.	Không thực hiện được yêu cầu về ứng xử, giao tiếp hoặc giải quyết vấn đề theo chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.
Ý thức trách nhiệm, liêm chính, tuân thủ chuẩn mực đạo đức và bảo vệ uy tín nghề nghiệp	CLO6	**10%**	Thể hiện rõ và nhất quán tinh thần trách nhiệm, liêm chính, khách quan, tôn trọng sự thật, bảo vệ uy tín nghề	Thể hiện cơ bản đúng yêu cầu về trách nhiệm, liêm chính và tuân thủ chuẩn mực đạo đức; còn một số hạn chế nhỏ.	Nhận thức được yêu cầu về trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp nhưng chưa thể hiện đầy đủ hoặc chưa nhất quán trong ứng xử.	Không thể hiện được yêu cầu về trách nhiệm, liêm chính, tuân thủ chuẩn mực và đạo đức nghề nghiệp.
Tổng điểm		**100%**				

12. Yêu cầu học phần

- **Quy định chuyên cần:** Sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá 20% số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- **Nhiệm vụ học tập và tự học:** Sinh viên cần chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu học tập và các nguồn tài liệu tham khảo , tích cực, chủ động tham gia đóng góp ý kiến phát biểu xây dựng bài, thảo luận nhóm và tham gia đầy đủ các hoạt động đóng vai giải quyết tình huống đạo đức giả định.

- **Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật:** Sinh viên có thái độ học tập nghiêm túc, chủ động, tích cực và có trách nhiệm trong quá trình học tập học phần Đạo đức nghề luật; có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng giảng viên, bạn học và các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Sinh viên cần hình thành ý thức trung thực, khách quan, công bằng và thận trọng trong tiếp nhận, phân tích và đánh giá các vấn đề đạo đức nghề luật; có tinh thần trách nhiệm trong việc bảo vệ công lý, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và lợi ích của Nhà nước, xã hội.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức:** Sinh viên vận dụng được những kiến thức về đạo đức nghề luật, các chuẩn mực đạo đức và quy tắc ứng xử nghề nghiệp để phân tích, đánh giá và giải quyết các tình huống đạo đức phát sinh trong hoạt động nghề luật; biết nhận diện những hành vi phù hợp hoặc vi phạm chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư, chấp hành viên, công chứng viên và các chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp khác.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1]. TS. Phan Chí Hiếu; PGS.TS. Nguyễn Văn Huyên (chủ biên), *Giáo trình Đạo đức nghề luật,* Nxb Tư pháp 2021.

- Tài liệu tham khảo:

[2]. Ngô Thị Ngọc Vân, Tống Thị Thanh Thanh (2021), *Giáo trình Luật sư và đạo đức nghề luật sư,* Nxb Tư pháp.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
1	**CHƯƠNG 1. NGHỀ LUẬT** **Mục tiêu chung**: trình bày được những nội dung cơ bản về nghề luật, đặc trưng nghề luật; những vinh quang và thách thức; các chức danh tư pháp trong mối quan hệ với nghề luật và đạo đức nghề luật. **Nội dung cụ thể:** 1.1. Nghề luật và những đặc trưng của nghề luật 1.2. Nghề luật - vinh quang và thách thức	03 (03LT 0TH	**Thuyết giảng, tranh biện, tình huống, làm việc nhóm kết hợp trực quan.** **- Giảng viên:** + Thuyết giảng nghề luật, những đặc trưng, chức danh tư pháp của nghề luật.	CLO1. CLO2. CLO3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	1.3. Các chức danh tư pháp trong mối quan hệ với nghề luật và đạo đức nghề luật		+ Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra tình huống hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên + Đọc nội dung chương 1 tài liệu [1], tài liệu tham khảo [2]. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết tình huống và thảo luận theo nhóm.	
2	**CHƯƠNG 2. ĐẠO ĐỨC, ĐẠO ĐỨC NGHỀ LUẬT VÀ VĂN HOÁ NGHỀ LUẬT** **Mục tiêu chung**: Trình bày được những nội dung cơ bản về khái niệm đạo đức luật; văn hoá và văn hoá nghề luật. Vận dụng vào thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 2.1. Khái niệm đạo đức nghề luật 2.2. Văn hóa và văn hóa nghề luật	03 (03LT, 0TH)	**Thuyết giảng, tranh biện, tình huống, làm việc nhóm kết hợp trực quan.** **- Giảng viên:** + Thuyết giảng các nội dung về đạo đức, đạo đức nghề luật và văn hoá nghề luật. + Nêu tình huống, hướng dẫn sinh viên giải quyết tình huống	CLO1. CLO2. CLO3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên thảo luận nhóm. + Trực quan hình ảnh, nội dung. + Nhận xét, đánh giá nhiệm vụ học tập của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc nội dung chương 2 tài liệu [1], tham khảo tài liệu [2]. + Thực hiện các nhiệm vụ giảng viên giao.	
3	**CHƯƠNG 3. QUY TẮC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP THẨM PHÁN** **Mục tiêu chung:** Trình bày được kiến thức cơ bản về đặc điểm nghề thẩm phán, quy tắc đạo đức nghề thẩm phán. Vận dụng vào thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 3.1. Đặc điểm nghề thẩm phán 3.2. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp thẩm phán 3.3. Nội dung quy tắc đạo đức nghề nghiệp thẩm phán 3. 4. Cơ chế đảm bảo quy tắc đạo đức nghề nghiệp thẩm phán	4 (03LT, 0TH)	**Thuyết giảng, tranh biện, tình huống, làm việc nhóm kết hợp trực quan.** **- Giảng viên:** + Thuyết giảng các nội dung. về quy tắc đạo đức nghề nghiệp thẩm phán. + Nêu tình huống, hướng dẫn sinh viên thảo luận. + Hướng dẫn sinh viên tranh biện nội dung thảo luận. + Giao bài tập thực hành cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu	CLO1. CLO2. CLO2. CLO3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			trước toàn bộ nội dung chương 3 tài liệu [1], tài liệu tham khảo [2]. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các nhiệm vụ giảng viên đưa ra.	
4	CHƯƠNG 4. ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA KIỂM SOÁT VIÊN **Mục tiêu chung**: trình bày được những nội dung cơ bản về đặc điểm, nghề nghiệp của kiểm soát viên và các quy tắc đạo đức của kiểm soát viên. Vận dụng vào thực tiễn. Liên hệ với thực tế trong nghề nghiệp **Nội dung cụ thể:** 4.1. Đặc điểm, nghề nghiệp của kiểm sát viên 4.2. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp của kiểm sát viên	03 (03LT, 0TH)	**Thuyết giảng, tranh biện, tình huống, làm việc nhóm kết hợp trực quan.** **- Giảng viên:** + Thuyết giảng các nội dung đạo đức nghề nghiệp kiểm soát viên + Nếu vấn đề thảo luận cần giải quyết. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Tài liệu tham khảo [2]. + Tranh luận, phản biên các vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. + Ôn tập chuẩn bị	CLO1. CLO2. CLO2. CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			kiểm tra giữa học phần.	
5	CHƯƠNG 5. ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA LUẬT SƯ **Mục tiêu chung**: Trình bày được quy tắc đạo đức nghề nghiệp luật sư; tuyên truyền, phổ biến quy tắc đạo đức nghề luật sư; áp dụng các chế tài tương xứng quy tắc nghề luật sư. Liên hệ thực tế trong giải quyết công việc. **Nội dung cụ thể:** 5.1. Tăng cường hiệu quả giảng dạy các quy tắc đạo đức nghề nghiệp luật sư tại cơ sở đào tạo nghiệp vụ luật sư 5.2. Tuyên truyền, phổ biến, giải thích nội dung quy tắc đạo đức nghề nghiệp 5.3. Kiểm tra, theo dõi việc thực hiện nội dung của quy tắc đạo đức nghề nghiệp luật sư 5.4. Áp dụng các chế tài tương xứng với những trường hợp vi phạm quy tắc đạo đức nghề nghiệp luật sư 5.5. Luật sư cần thường xuyên trao dồi đạo đức nghề nghiệp * Kiểm tra giữa học phần	05 (04LT, 01KT))	**Thuyết giảng, tranh biện, tình huống, làm việc nhóm kết hợp trực quan.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung về đạo đức nghề nghiệp luật sư. + Nêu vấn đề tình huống cần giải quyết. - Hướng dẫn sinh viên thảo luận theo chủ đề. **- Sinh viên:** Đọc nội dung chương 5 tài liệu [1]. + Đọc tài liệu tham khảo [2]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các tình huống, thảo luận theo chủ đề. + Sinh viên làm bài kiểm tra giữa học phần.	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6
6	CHƯƠNG 6. ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA CHẤP HÀNH VIÊN **Mục tiêu chung**: Trình bày được kiến thức cơ bản về đặc điểm nghề nghiệp của chấp hành viên; nội dung đạo đức nghề nnghieepj của chấp hành viên; điều kiện đảo bảo đạo đức nghề chấp hành viên. Liên hệ bản thân về rèn luyện đạo đức chấp hành viên. **Nội dung cụ thể:** 6.1. Đặc điểm nghề nghiệp của chấp hành viên 6.2. Nội dung đạo đức nghề nghiệp của chấp hành viên	05 (05LT, 0 TH)	**Thuyết giảng, tranh biện, tình huống, làm việc nhóm kết hợp trực quan.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung về đạo đức nghề nghiệp của chấp hành viên. + Nêu tình huống cần giải quyết; đưa vấn đề tranh luận.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	6.3 Những bài học từ thực tiễn về đạo đức nghề nghiệp của chấp hành viên 6.4. Rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của chấp hành viên 6.5. Điều kiện bảo đảm đạo đức nghề nghiệp chấp hành viên.		+ Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** Đọc nội dung chương 6 tài liệu [1]. + Đọc tài liệu tham khảo [2]. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện tình huống.	
7	CHƯƠNG 7. ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN **Mục tiêu chung**: trình bày được kiến thức cơ bản về đặc điểm nghề nghiệp của công chứng viên; quan niệm về đạo đức nghề công chứng viên; điều kiện đảm bảo đạo đức nghề công chứng viên. Liên hệ bản thân về rèn luyện đạo đức nghề công chứng viên. **Nội dung cụ thể:** 7.1. Đặc điểm nghề nghiệp của công chứng viên 7.2. Những quan niệm về đạo đức nghề nghiệp của công chứng viên 7.3. Rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của công chứng viên 7.4. Điều kiện bảo đảm đạo đức nghề nghiệp công chứng viên	04 (04LT, 0TH)	**Thuyết giảng, tranh biện, giảng dạy thông qua tình huống, làm việc nhóm kết hợp trực quan.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung về đạo đức nghề nghiệp công chứng viên. + Nêu tình huống cần giải quyết. + Đưa ra các tình huống, hướng dẫn giải quyết tình huống, tranh luận, phản biện. + Nhận xét, đánh giá **- Sinh viên:** + Đọc nội dung chương 7 tài liệu [1]. + Đọc tài liệu tham khảo [2]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết tình huống, tranh luận, phản biện vấn đề.	
8	CHƯƠNG 8. QUY TẮC ĐẠO ĐỨC VÀ	03	**Thuyết giảng, tranh**	CLO3

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	ỨNG XỬ HÀNH NGHỀ LUẬT TẠI MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI **Mục tiêu chung:** trình bày được quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp thẩm phán; công tố viên, luật sư tại các quốc gia tham khả. Liên hệ với bản thân xây dựng rèn luyện đạo đức nghề luật. **Nội dung cụ thể:** 8.1. Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp của thẩm phán tại các quốc gia được tham khảo 8.2. Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp của công tố viên tại các quốc gia được tham khảo 8.3. Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp của luật sư tại các quốc gia được tham khảo	(03LT, 0TH)	**biện, tình huống, làm việc nhóm kết hợp trực quan.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung quy tắc đạo đức hành nghề luật ở một số quốc gia trên thế giới. + Đưa ra các tình huống, hướng dẫn giải quyết tình huống, tranh luận, phản biện. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc nội dung chương 8 tài liệu [1]. + Đọc tài liệu tham khảo [2]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	CLO4 CLO5 CLO6

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

1. Tên học phần: Kỹ năng lập luận và tranh luận / Argumentation and Debating

2. Mã học phần: LUAT 005

3. Số tín chỉ: 3 (2,1)

4. Trình độ cho sinh viên: Sinh viên năm thứ hai

5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành

- Giờ học tập định mức của người học: 100 giờ (bao gồm 30 giờ dự giờ giảng trên lớp, 60 giờ tự học có hướng dẫn, nghiên cứu, 10 giờ chuẩn bị và tham gia dự kiểm tra, đánh giá định kỳ - quy chuẩn 50 giờ học tập/1 tín chỉ).

6. Điều kiện tiên quyết/Điều kiện học trước: Sau khi học xong luật Hiến pháp

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Trần Thị Hiền	0903472992	Hiendhl@gmail.com
2.	Ths. Chu Hải Đăng	0902.091.279	haidangspc@yahoo.com.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Kỹ năng lập luận và tranh luận trang bị cho sinh viên ngành Luật hệ thống kiến thức lý luận cơ bản và chuyên sâu về cấu trúc, thành phần và các hình thức lập luận trong đời sống xã hội và khoa học pháp lý. Học phần phân tích sâu sắc các đặc điểm, yêu cầu của lập luận pháp lý, đồng thời hướng dẫn chi tiết quy trình xây dựng lập luận pháp lý mẫu theo phương pháp IRAC (Issue, Rule, Application, Conclusion). Bên cạnh đó, môn học rèn luyện cho người học các kỹ năng tranh luận thực tiễn nghề nghiệp bao gồm: kỹ năng làm chủ nội dung tranh luận; kỹ năng chứng minh và phản bác các luận điểm lỗi, ngụy biện; kỹ năng lắng nghe và kiểm soát cảm xúc; kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, khẩu khí thuyết phục và các thủ thuật phản biện sắc bén. Từ đó, người học hình thành tư duy phản biện, tư duy logic, nâng cao bản lĩnh nghề nghiệp, cam kết trung thực học thuật và đạo đức nghề luật nghiêm túc.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Học phần được thiết kế nhằm giúp sinh viên hiểu rõ bản chất, đặc điểm, vai trò và cấu trúc của hoạt động lập luận và tranh luận trong đời sống xã hội và khoa học pháp lý; trang bị hệ thống phương pháp luận lập luận pháp lý chuyên sâu (như phương pháp IRAC/CRAC) và kỹ năng tranh luận chuyên nghiệp; qua đó rèn luyện tư duy logic, phản biện độc lập, đạo đức nghề luật nghiêm túc và khả năng thích ứng linh hoạt trong môi trường hành nghề thực tế.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức toàn diện và chuyên

sâu về cấu trúc, thành phần, các hình thức lập luận; bản chất và các yêu cầu cốt lõi của lập luận pháp lý (phương pháp IRAC/CRAC) và hoạt động tranh luận chuyên nghiệp trong khoa học pháp lý.

- CO2 (Kỹ năng): Rèn luyện cho người học kỹ năng phân tích cấu trúc lập luận, rà soát và phát hiện lỗi lập luận trong các văn bản lý luận; kỹ năng lập luận bảo vệ luận điểm, đàm phán thuyết phục; kỹ năng lắng nghe, kiểm soát cảm xúc, giao tiếp ngôn ngữ/phi ngôn ngữ và sử dụng các thủ thuật phản biện hiệu quả trong tranh luận.

- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Phát triển cho người học năng lực tự học, chủ động tự nghiên cứu, làm việc độc lập hoặc phối hợp làm việc nhóm hiệu quả; hình thành tinh thần thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, trích dẫn học thuật trung thực khoa học, tôn trọng sự thật khách quan và tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp pháp luật.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Phân tích và trình bày được những kiến thức lý luận cơ bản về lập luận (khái niệm, nguồn, cấu trúc, thành phần và các hình thức lập luận) và phân biệt giữa lập luận logic hình thức với lập luận đời thường.	PI 4.1	4
CLO2	Trình bày được đặc điểm, yêu cầu của lập luận pháp lý và giải thích được phương thức xây dựng lập luận pháp lý theo mô hình IRAC (hoặc CRAC).	PI 4.1	4
CLO3	Giải thích được khái niệm, mô hình cấu trúc, đặc điểm và các yêu cầu cốt lõi của hoạt động tranh luận trong đời sống xã hội và lĩnh vực pháp lý.	PI 4.1	3
	Kỹ năng		
CLO4	Thực hiện thành thạo kỹ năng phân tích cấu trúc, rà soát và phát hiện lỗi lập luận trong các văn bản lý luận, áp dụng thành thạo phương pháp lập luận để bảo vệ luận điểm pháp lý.	PI7.1	4
CLO5	Sử dụng linh hoạt các kỹ năng làm chủ nội dung, kỹ năng chứng minh, bác bỏ, kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ/phi ngôn ngữ, kiểm soát cảm xúc và áp dụng các thủ thuật phản biện hiệu quả trong tranh luận.	PI8.1	4
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Chủ động tự nghiên cứu học tập tích lũy chuyên môn, lập kế hoạch làm việc độc lập hoặc phối hợp nhóm hiệu	PI 8.1	4

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	quả; thể hiện thái độ khách quan, cam kết trích dẫn học thuật trung thực, tôn trọng sự thật và tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp pháp luật.		

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1.1	x		
CLO1.2	x		
CLO1.3	x		
CLO2.1		x	
CLO2.2		x	
CLO3.1			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *		
	PLO 1	PLO 10	
	PI4.1	PI7.1	PI8.1
CLO1.1	I		
CLO1.2		R	
CLO1.3	R		
CLO2.1	R		
CLO2.2		M	
CLO3.1			M

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Ví dụ						
Điểm chuyên cần, điểm kiển tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Thời gian tham gia lớp học. - Thảo luận, tranh biện và làm việc nhóm. - Đóng vai, xử lý tình huống. - Trải nghiệm thực tiễn và báo cáo kết quả. - Rubric đánh giá quá trình.	CLO5	40	Điểm Rubric quá trình, bài tập, Điểm bài tập, tình huống	CLO5 → PLO3/PI4.1
			CLO6	60	Điểm Rubric quá trình	CLO6 → PLO7/PI7.1
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra viết kết hợp lý thuyết và bài tập vận dụng. - Giải quyết tình huống. - Rubric chấm bài kiểm tra.	CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO2 → PLO2/PI7.1
			CLO4	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO4 → PLO2/PI7.1
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi kết hợp lý thuyết và bài tập kỹ năng lập luận, tranh luận .- Rubric chấm bài thi	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO1 → PLO2/PI4.
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → PLO2/PI7.1
			CLO3	30	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO3 → PLO2/PI8.1; PLO7/PI7.1
			CLO4	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO2/PI7.1
			CLO5	10	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO5 → PLO3/PI8.1

Nội dung CLO	Ký hiệu CLO	Cần đo lường mức đạt CLO	Có sử dụng để đánh giá mức	Dữ liệu được lấy từ

			đạt PLO/PI	
(2)	(1)	(3)	(4)	(5)
Trình bày được đặc điểm, yêu cầu của lập luận pháp lý và giải thích được phương thức xây dựng lập luận pháp lý theo mô hình IRAC (hoặc CRAC).	CLO1	x	PLO2/PI4.1	Bài kiểm tra giữa học phần; bài thi kết thúc học phần
Phân tích và trình bày được những kiến thức lý luận cơ bản về lập luận (khái niệm, nguồn, cấu trúc, thành phần và các hình thức lập luận) và phân biệt giữa lập luận logic hình thức với lập luận đời thường.	CLO2	x	PLO2/PI4.1	Bài kiểm tra giữa học phần; bài thi kết thúc học phần
Giải thích được khái niệm, mô hình cấu trúc, đặc điểm và các yêu cầu cốt lõi của hoạt động tranh luận trong đời sống xã hội và lĩnh vực pháp lý.	CLO3	x	PLO2/PI4.1	Bài kiểm tra giữa học phần; bài thi kết thúc học phần
Thực hiện thành thạo kỹ năng phân tích cấu trúc, rà soát và phát hiện lỗi lập luận trong các văn bản lý luận, áp dụng thành thạo phương pháp lập luận để bảo vệ luận điểm pháp lý.	CLO4	x	PLO2/PI7.1	Bài kiểm tra giữa học phần; bài thi kết thúc học phần
Sử dụng linh hoạt các kỹ năng làm chủ nội dung, kỹ năng chứng minh, bác bỏ, kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ/phi ngôn ngữ, kiểm soát cảm xúc và áp dụng các thủ thuật phản biện hiệu quả trong tranh luận.	CLO5	x	PLO3/PI8.1	Kiểm tra thường xuyên; thảo luận, tranh biện, làm việc nhóm; bài thi kết thúc học phần
Chủ động tự nghiên cứu học tập tích lũy chuyên môn, lập kế hoạch làm việc độc lập hoặc phối hợp nhóm hiệu quả; thể hiện thái độ khách quan, cam kết trích dẫn học thuật trung thực, tôn trọng sự thật và tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp pháp luật.	CLO6	x	PLO6/PI8.1	Đánh giá chuyên cần, nhận thức và thái độ; bài thi kết thúc học phần

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thảo luận nhóm

Tiêu chí đánh giá	**CLO**	**Trọng số**	**Giỏi (10 - 8.5)**	**Khá (8.4 - 7.0)**	**Trung bình (6.9 - 5.0)**	**Yếu (4.9 - 0.0)**
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	50%	*Tham dự >85% buổi học*	*Tham dự 70-84% buổi học*	*Tham dự 50-69% buổi học*	*Tham dự <50% buổi học*
Ý thức tự học & thảo luận nhóm	CLO6	50%	Chủ động chuẩn bị bài, tích cực thảo luận, giải quyết tình huống và làm việc nhóm	Tham gia đầy đủ các hoạt động học tập, có trao đổi ý kiến	Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn thụ động	Không tham gia hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao

Rubric bài kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Nội dung chính 1: và phân biệt giữa lập luận logic hình thức với lập luận đời thường.	CLO1	20%	Trình bày đầy đủ, chính xác, có hệ thống các khái niệm, nguyên tắc và quy định cơ bản của pháp luật hôn nhân và gia đình.	Trình bày cơ bản đầy đủ, chính xác các nội dung; còn một số thiếu sót hoặc sai sót nhỏ.	Nắm được những nội dung cơ bản nhưng thiếu hoặc còn nhầm lẫn một số khái niệm, nguyên tắc, quy định.	Không nắm được hoặc trình bày sai các nội dung cơ bản của pháp luật hôn nhân và gia đình.
Nội dung chính 2: Phân tích và áp dụng kỹ năng lập luận và tranh luận.	CLO2 CLO3	30%	Xác định chính xác vấn đề pháp lý; phân tích và áp dụng đúng, đầy đủ các quy định pháp luật; lập luận chặt chẽ, logic.	Phân tích và áp dụng cơ bản đúng quy định pháp luật; lập luận tương đối rõ, còn một số hạn chế nhỏ.	Xác định được vấn đề pháp lý nhưng áp dụng pháp luật còn hạn chế, phân tích chưa đầy đủ hoặc còn sai sót.	Không xác định được vấn đề pháp lý hoặc không áp dụng được quy định pháp luật để giải quyết vấn đề.

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Nội dung chính 3: Thực hiện thành thạo kỹ năng phân tích cấu trúc, rà soát và phát hiện lỗi lập luận trong các văn bản.	CLO4	20%	Phân tích đầy đủ, chính xác quyền, nghĩa vụ của các bên; xác định đúng căn cứ và hậu quả pháp lý.	Phân tích và xác định cơ bản đúng quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý; còn một số sai sót nhỏ.	Xác định được quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý nhưng phân tích còn hạn chế, chưa đầy đủ.	Không xác định hoặc xác định sai quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý.
Nội dung chính 4: Sử dụng linh hoạt các kỹ năng làm chủ nội dung, kỹ năng chứng minh, bác bỏ, kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ/phi ngôn ngữ.	CLO5	30%	Phân tích toàn diện, chính xác tình huống; xác định đúng vấn đề, căn cứ pháp luật và đề xuất phương án giải quyết phù hợp, có lập luận thuyết phục.	Phân tích và giải quyết cơ bản phù hợp; xác định được căn cứ pháp luật và phương án giải quyết, còn hạn chế nhỏ.	Có khả năng giải quyết tình huống nhưng phân tích chưa đầy đủ, căn cứ hoặc phương án giải quyết còn sai sót.	Không phân tích được tình huống hoặc đưa ra phương án giải quyết không phù hợp với quy định pháp luật.
Tổng điểm		100%				

12. Yêu cầu học phần

- **Quy định chuyên cần:** Sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá 20% số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- **Nhiệm vụ học tập và tự học:** Sinh viên cần chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu học tập và các nguồn tài liệu tham khảo , tích cực, chủ động tham gia đóng góp ý kiến phát biểu xây dựng bài, thảo luận nhóm và tham gia đầy đủ các hoạt động đóng vai giải quyết tình huống giả định.

- **Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật:** Sinh viên cần có thái độ học tập nghiêm túc, chủ động, tích cực và có trách nhiệm trong quá trình học tập học phần Kỹ năng lập luận và tranh luận; tích cực tham gia thảo luận, thực hành lập luận, tranh luận và tôn trọng ý kiến khác biệt của giảng viên, bạn học. Sinh viên phải rèn luyện tư duy khách quan, logic, phản biện và thuyết phục; biết lắng nghe, tiếp thu ý kiến góp ý, kiểm soát

cảm xúc và giữ thái độ văn minh, lịch sự trong quá trình tranh luận.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức:** Sinh viên vận dụng được các kiến thức và nguyên tắc cơ bản về lập luận, tư duy phản biện và tranh luận để phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề học tập, nghiên cứu và những tình huống thực tiễn; biết xác định vấn đề, xây dựng luận điểm, lựa chọn và sắp xếp các luận cứ, luận chứng phù hợp, đồng thời sử dụng các phương pháp lập luận một cách logic, chặt chẽ và thuyết phục. Sinh viên có khả năng vận dụng kỹ năng phân tích, phản biện để nhận diện những điểm mạnh, điểm yếu, mâu thuẫn và sai sót trong các lập luận; biết kiểm chứng thông tin, đánh giá độ tin cậy của chứng cứ và đưa ra quan điểm có căn cứ.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Lê Thanh Sơn (Chủ biên), *Kỹ năng lập luận và tranh luận* NXB Đại học Huế (2020).

- Tài liệu tham khảo:

[2]- Lê Thị Hồng Vân (Chủ biên), *Giáo trình kỹ năng nghiên cứu và lập luận*, NXB Hồng Đức (2013).

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
1	CHƯƠNG 1. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ LẬP LUẬN **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày được những vấn đề chung về lập luận, vai trò của lập luận, các thành phần trong một lập luận, cấu trúc của một lập luận, các hình thức lập luận, lý lẽ trong lập luận đời thường. **Nội dung cụ thể:** 1.1 . Những vấn đề chung về lập luận 1.2. Vai trò của lập luận 1.3. Lập luận theo logic hình thức và lập luận đời thường 1.4. Các thành phần trong một lập luận 1.5. Cấu trúc của một lập luận 1.6. Các hình thức lập luận 1.7. Giả định và hàm ý trong lập luận 1.8. Lý lẽ trong lập luận đời thường	09 (06LT, 03TH)	**Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, nêu vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, đóng vai, tình huống.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn	CLO1. CLO2. CLO3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			của giảng viên phần 1.1, 1.2 chương 1, tài liệu [1]. + Đọc tài liệu [2] + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện - Bài tập thực hành	
2	CHƯƠNG 2. LẬP LUẬN PHÁP LÝ **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày được đặc điểm cơ bản của lập luận pháp lý, lập luận pháp lý theo phương pháp IRAC (hoặc CRAC) **Nội dung cụ thể:** 2.1. Đặc điểm cơ bản của lập luận pháp lý 2.2.Trình bày một lập luận pháp lý theo phương pháp IRAC (hoặc CRAC)	07 (04LT, 03TH	**Thuyết trình, trực quan, sử dụng tình huống, dạy học dựa trên vấn đề, đóng vai, tình huống.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Trực quan tình huống trong quan hệ pháp luật. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và chương 2, tài liệu [2]. + Đọc tài liệu [2] + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	CLO1. CLO2. CLO3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			+ Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn cuộc sống - Bài tập thực hành	
3	CHƯƠNG 3. RÈN LUYỆN KỸ NĂNG LẬP LUẬN **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày được Tính logic, sức sống của một lập luận, Rèn luyện kỹ năng nhạy bén xác định cấu trúc lập luận, rèn luyện kỹ năng phát hiện lỗi của lập luận, Nắm vững và vận dụng thành thạo các thủ thuật tăng cường hiệu quả lập luận **Nội dung cụ thể:** 3.1. Tính logic, sức sống của một lập luận 3.2. Rèn luyện kỹ năng nhạy bén xác định cấu trúc lập luận 3.3. Rèn luyện kỹ năng phát hiện lỗi của lập luận 3.4. Nắm vững và vận dụng thành thạo các thủ thuật tăng cường hiệu quả lập luận	09 (06LT, 02TH, 01KT	**Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, phương pháp động não, dạy học dựa trên vấn đề, đóng vai, trải nghiệm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung bài học tài liệu [1] + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Ôn tập kiểm tra giữa học phần - Bài tập thực hành	CLO1. CLO2. CLO2. CLO3.
4	CHƯƠNG 4. CÁC QUYỀN DÂN SỰ VÀ CHÍNH TRỊ TRONG LUẬT QUỐC TẾ **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày khái quát được nội dung các quyền dân sự và	03 (03LT, 0TH)	**Thuyết trình, trực quan, dạy học dựa trên vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm,**	CLO1. CLO2. CLO2. CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	chính trị của con người trong luật quốc tế. **Nội dung cụ thể:** 4.1. Khái quát 4.2. Nội dung các quyền dân sự và chính trị chủ yếu		**đóng vai, tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biên. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước nội dung bài học phần 4.1, 4.2 Chương 4 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. - Bài tập thực hành	
5	CHƯƠNG 5. RÈN LUYỆN KỸ NĂNG TRANH LUẬN **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu và trình bày được kỹ năng làm chủ nội dung tranh luận, Rèn luyện kỹ năng chứng minh và bác bỏ trong tranh luận, năng sử dụng ngôn ngữ khi tranh luận, kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ khi tranh luận, Rèn luyện kỹ năng sử dụng hiệu quả các thủ thuật phản biện. **Nội dung cụ thể:** 5.1. Rèn luyện kỹ năng làm chủ nội dung tranh luận 5.2. Rèn luyện kỹ năng chứng minh và bác bỏ trong tranh luận 5.3. Rèn luyện kỹ năng lắng nghe và kiểm soát cảm xúc khi tranh luận	09 (07LT, 02TH)	**Thuyết trình, nêu vấn đề, trực quan, sử dụng tình huống, đóng vai, tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Trực quan tình huống về chế độ pháp lý sử dụng đất.	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	5.4. Rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ khi tranh luận. 5.5. Rèn luyện kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ khi tranh luận 5.6. Rèn luyện kỹ năng sử dụng hiệu quả các thủ thuật phản biện		+ Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1] + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề - Bài tập thực hành	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: ngành Luật

1. Tên học phần: (tiếng Việt/tiếng Anh): Luật Hiến pháp Việt Nam/ Vietnamese constitutional Law
2. Mã học phần: LUAT 007
3. Số tín chỉ: 3 (3, 0)
4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ nhất
5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 0 giờ lý thuyết 90 giờ thực hành
- Giờ học tập định mức của người học (bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá): 150 giờ (50 giờ/1 tín chỉ)

6. Điều kiện tiên quyết: không
7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	TS Nguyễn Trí Dũng	0983676688	dungvks2010@gmail.com
2.	TS Trần Thị Hiền	0934651829	hiendhl@gmail.com
3	Th.s Phạm Thị Mai	0978370438	phammaidhsd1018@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Luật Hiến pháp Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và chế độ bầu cử; vị trí, tính chất, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương, bao gồm: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

Học phần giúp sinh viên hiểu và phân tích được các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước; các quy định cơ bản về chế độ bầu cử; mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước trong tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước. Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng kiến thức pháp luật hiến pháp để phân tích, đánh giá các tình huống và vấn đề thực tiễn liên quan đến tổ chức bộ máy nhà nước, hoạt động của các cơ quan nhà nước và chế độ bầu cử ở Việt Nam.

Thông qua các hoạt động học tập, thảo luận, phân tích tình huống và giải quyết vấn đề, học phần góp phần hình thành cho sinh viên kỹ năng tư duy pháp lý, phân tích và lập luận pháp luật, kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; đồng thời hình thành ý thức tôn trọng, chấp hành Hiến pháp và pháp luật, trách nhiệm công dân, đạo đức nghề nghiệp và thái độ tích cực trong việc tham gia xây dựng, bảo vệ Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần
10.1. Mục tiêu
a) Mục tiêu chung của học phần:

Học phần Luật Hiến pháp Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về Luật Hiến pháp Việt Nam, chế độ bầu cử và tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; giúp sinh viên hiểu và phân tích được vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương. Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng kiến thức Luật Hiến pháp Việt Nam để phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề, tình huống pháp lý trong thực tiễn; hình thành kỹ năng tư duy, lập luận, thuyết trình, tranh luận, làm việc độc lập và làm việc nhóm. Đồng thời, học phần góp phần hình thành ý thức tôn trọng, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, trách nhiệm công dân, đạo đức nghề nghiệp và khả năng tự chủ, chịu trách nhiệm trong học tập và hoạt động nghề nghiệp

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

CO1 – Kiến thức: Trình bày và giải thích được những vấn đề lý luận cơ bản của Luật Hiến pháp Việt Nam; chế độ bầu cử; vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

CO2 – Kỹ năng: Phân tích và vận dụng được các quy định của Hiến pháp và pháp luật để giải quyết các tình huống, vấn đề thực tiễn liên quan đến chế độ bầu cử, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước; hình thành kỹ năng tư duy, lập luận, thuyết trình, tranh luận và bảo vệ quan điểm pháp lý.

CO3 – Mức tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng học tập và làm việc độc lập, làm việc nhóm, chủ động thực hiện nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về kết quả công việc; có ý thức tôn trọng, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, trách nhiệm công dân, đạo đức nghề nghiệp và thái độ nghiêm túc trong học tập, rèn luyện.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Trình bày được những vấn đề lý luận cơ bản của Luật Hiến pháp Việt Nam, chế độ bầu cử và tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	PI3.1/2	3
CLO2	Giải thích được vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.	PI2.1/2	4
CLO3	Phân tích được các quy định của Hiến pháp và pháp luật về chế độ bầu cử, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	PI3.1/2	3
CLO4	Vận dụng được kiến thức Luật Hiến pháp Việt Nam để	PI2.1/2	

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	phân tích và giải quyết các tình huống, vấn đề thực tiễn liên quan đến tổ chức, hoạt động của các cơ quan nhà nước và thực hiện quyền lực nhà nước.		
CLO5	Thực hiện được kỹ năng tư duy, lập luận, thuyết trình, tranh luận và bảo vệ quan điểm trong giải quyết các vấn đề pháp lý thuộc lĩnh vực Luật Hiến pháp Việt Nam.	PI3.1/2	4
CLO6	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập, chịu trách nhiệm về kết quả công việc của cá nhân và nhóm, Có ý thức tôn trọng và tuân thủ Hiến pháp, pháp luật; có trách nhiệm công dân, đạo đức nghề nghiệp và thái độ nghiêm túc trong học tập, rèn luyện và hoạt động nghề nghiệp..	PI2.1/2	4

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x	x	
CLO3	x	x	
CLO4	x	x	
CLO5		x	
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *		
	PLO 1	PLO 10	
	PI1.1	PI10.1	PI10.2
CLO1	I		
CLO2	I		
CLO3	I		
CLO4	M		

CLO5	M		
CLO6		R	R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Điểm chuyên cần, điểm kiển tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Thời gian tham gia lớp học. - Bài kiểm tra thực hành. - Rubric thực hành	CLO1	30	Điểm chuyên cần; Rubric kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO1 → PI3.1/2
			CLO3	40	Rubric thực hiện bài tập thực hành	Điểm CLO3 → PI3.1/2
			CLO6	30	Rubric thái độ học tập, tự học, làm việc nhóm	Điểm CLO6 → PI2.1/2.
Điểm kiểm tra định kỳ (01 bài kiểm tra/tín chỉ): 03 bài	*80%*	- Bài kiểm tra thực hành. - Rubric bài thực hành	CLO1	30	Điểm bài thi thực hành	Điểm CLO1 → PI3.1/2
			CLO3	40	Điểm bài thi thực hành	Điểm CLO3 → PI3.1/2
			CLO4	30	Điểm bài thi thực hành	Điểm CLO4 → PI2.1/2

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đo lường mức đạt CLO	Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI	Dữ liệu được lấy từ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
CLO1	Vận dụng được quy định pháp luật để xác định chủ thể, đối tượng, phạm vi và thẩm quyền trong hoạt động thanh tra.	x	PI3.1/2	Bài kiểm tra thực hành
CLO2	Thực hiện được các bước cơ bản của một cuộc thanh tra; phân tích hồ sơ và xử lý kết quả thanh tra.	x	PI2.1/2	Bài kiểm tra thực hành
CLO3	Tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn khiếu nại; xác định được thẩm quyền và trình tự giải quyết khiếu nại.	x	PI3.1/2	Bài kiểm tra thực hành
CLO4	Phân tích được quy định pháp luật để tiếp nhận, phân loại, xử lý tố cáo; xác định thẩm quyền, trình tự, thủ tục xác minh, giải quyết tố cáo và các yêu cầu về bảo vệ người tố cáo.	x	PI2.1/2	Bài kiểm tra thực hành
CLO5	Phân tích được pháp luật để nghiên cứu hồ sơ, xử lý tình huống, xây dựng lập luận và đề xuất phương án giải quyết vụ việc.	x	PI3.1/2	Bài kiểm tra thực hành
CLO6	Thể hiện ý thức tự giác, chủ động trong học tập và thực hành; làm việc khách quan, trung thực, cẩn trọng; tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể; có trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp; phối hợp với các cá nhân, cơ quan, tổ chức và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và yêu cầu nghề nghiệp.	x	PI2.1/2	Rubric đánh giá quá trình.

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thực hành (CLO6 – PL10 / PI 10.1, PI10.2)

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10 - 8.5)	Khá (8.4 - 7.0)	Trung bình (6.9 - 5.0) (Mức đạt CĐR)	Yếu (4.9 - 0.0)
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	50%	Tham dự đầy đủ >90% số giờ học, đi học đúng giờ, chấp hành tốt kỷ luật phòng học và chuẩn bị bài chu đáo trước khi lên lớp.	Tham dự từ 80% đến 89% số giờ học, đi học đúng giờ, không vi phạm nghiêm trọng kỷ luật và nội quy học vụ.	Tham dự từ 70% đến 79% số giờ học, thỉnh thoảng còn đi muộn hoặc thiếu tập trung trong giờ học.	Tham dự dưới 70% số giờ học hoặc vi phạm nghiêm trọng kỷ luật học đường.
Ý thức tự học & thực hành	CLO6	50%	Chủ động, tích cực nghiên cứu trước tài liệu; tham gia và thực hiện đúng các bài tập thực hành.	Hoàn thành đúng các bài tập thực hành theo đúng yêu cầu	Hoàn thành được các bài tập thực hành theo đúng yêu cầu.	Không hoàn thành bài tập thực hành theo cá nhân hoặc theo nhóm.

2. Rubric đánh giá bài kiểm tra định kỳ thực hành

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Xác định vấn đề pháp lý và căn cứ pháp luật (xác định đúng nội dung thanh tra, khiếu nại, tố cáo; xác	CLO1; CLO2	30%	Xác định đầy đủ, chính xác vấn đề pháp lý; lựa chọn đúng và đầy đủ căn cứ pháp luật; viện dẫn chính	Xác định đúng vấn đề pháp lý chủ yếu; lựa chọn được căn cứ pháp luật phù hợp; còn một vài	Xác định được vấn đề pháp lý cơ bản nhưng còn thiếu căn cứ hoặc viện dẫn chưa đầy đủ; có	Không xác định được hoặc xác định sai vấn đề pháp lý; viện dẫn sai hoặc không có căn cứ	

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
định đúng quy định pháp luật áp dụng)			xác các quy định có liên quan.	thiếu sót nhỏ trong viện dẫn.	một số sai sót.	pháp luật phù hợp.	
Kỹ năng xử lý tình huống/hồ sơ thực hành (phân tích tình huống, xác định thẩm quyền, trình tự, thủ tục và phương án giải quyết)	CLO2; CLO4	30%	Phân tích tình huống/hồ sơ đầy đủ, logic; xác định chính xác thẩm quyền, đối tượng, trình tự, thủ tục; đề xuất phương án giải quyết phù hợp và có căn cứ pháp luật.	Phân tích đúng phần lớn nội dung; xác định cơ bản đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; phương án giải quyết phù hợp nhưng còn thiếu một số nội dung.	Xử lý được các yêu cầu cơ bản của tình huống/hồ sơ; còn nhầm lẫn về thẩm quyền, trình tự hoặc thủ tục; phương án giải quyết chưa đầy đủ.	Không xử lý được tình huống/hồ sơ; xác định sai thẩm quyền, trình tự, thủ tục hoặc đưa ra phương án không phù hợp.	
Kỹ năng xử lý văn bản /hồ sơ thực hành (Thể thức	CLO4; CLO5	20%	Văn bản đầy đủ nội dung, đúng thể thức; diễn	Văn bản cơ bản đầy đủ, đúng thể thức; nội	Văn bản thực hiện được các yêu cầu cơ bản	Không hoàn thành văn bản hoặc văn	

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Rất tốt	**Tốt**	**Đạt yêu cầu**	**Không đạt**	
			10 – 8.5	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
văn bản, nội dung, hình thức văn bản)			đạt rõ ràng, chính xác; căn cứ pháp lý phù hợp; nội dung và hình thức đáp ứng đầy đủ yêu cầu của bài thực hành.	dung phù hợp; còn một số lỗi nhỏ về trình bày hoặc viện dẫn căn cứ pháp luật.	nhưng còn thiếu nội dung, sai sót về thể thức hoặc căn cứ pháp lý.	bản có nhiều sai sót nghiêm trọng, không đáp ứng yêu cầu của bài thực hành.	
Trình bày, giải thích và bảo vệ phương án xử lý (trình bày kết quả, giải thích căn cứ và trả lời câu hỏi)	CLO2; CLO4	10%	Trình bày to, rõ ràng; giải thích được tất cả các căn cứ và phương án xử lý; trả lời đúng các câu hỏi..	Trình bày khá rõ ràng; giải thích được phần lớn căn cứ và phương án xử lý; trả lời đúng phần lớn câu hỏi.	Trình bày được nội dung cơ bản; giải thích còn hạn chế; trả lời được một số câu hỏi.	Trình bày thiếu rõ ràng; không giải thích được căn cứ hoặc phương án xử lý; không trả lời được phần lớn câu hỏi.	
Tác phong thực hành và tuân thủ quy	CLO6	10%	Thực hiện nghiêm túc, độc lập, trung thực; tuân	Thực hiện nghiêm túc, đúng	Thực hiện được yêu cầu cơ bản	Vi phạm nội quy nghiêm trọng hoặc làm	

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
định (trung thực, nghiêm túc, đúng thời gian, tuân thủ yêu cầu của bài kiểm tra)			thủ đầy đủ yêu cầu; hoàn thành đúng hoặc trước thời gian quy định; hồ sơ, bài làm được sắp xếp khoa học.	quy định; hoàn thành đúng thời gian; có một vài thiếu sót nhỏ.	nhưng còn cần nhắc nhở về thời gian, trình tự hoặc cách thức thực hiện	hỏng dữ liệu/thiết bị phòng máy	
ĐIỂM TỔNG		**100%**					

12. Yêu cầu học phần

- Quy định chuyên cần:

+ Sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá 20% số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo

+ Sinh viên cần chuẩn bị bài trước khi đến lớp, tích cực tham gia các hoạt động học tập như trao đổi, thảo luận, trả lời câu hỏi, phân tích tình huống pháp lý, giải quyết vấn đề và các hoạt động học tập khác theo yêu cầu của giảng viên.

- Nhiệm vụ học tập và tự học:

+ Chủ động nghiên cứu giáo trình, Hiến pháp, các văn bản quy phạm pháp luật và tài liệu tham khảo về Luật Hiến pháp Việt Nam theo hướng dẫn của giảng viên., đọc trước nội dung bài học, chuẩn bị câu hỏi, tình huống pháp lý và các vấn đề thực tiễn liên quan đến nội dung được học trước khi lên lớp.

+ Hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ học tập được giao như: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, nội dung tự học, tự nghiên cứu, báo cáo chuyên đề, thuyết trình, thảo luận, phân tích tình huống và các hoạt động học tập khác, chủ động tìm hiểu, vận dụng các quy định của Hiến pháp và pháp luật về chế độ bầu cử, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các cơ quan nhà nước để phân tích, giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn.

+ Thực hiện việc tự học, tự nghiên cứu theo kế hoạch nhằm hình thành năng lực tư duy pháp lý, kỹ năng phân tích, lập luận, tranh luận và khả năng vận dụng kiến thức Luật Hiến pháp Việt Nam vào thực tiễn.

- Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức nghề nghiệp:

+ Có thái độ học tập nghiêm túc, chủ động, tích cực và có trách nhiệm trong quá trình học tập học phần Luật Hiến pháp Việt Nam, tôn trọng ý kiến trao đổi, thảo luận và tranh luận học thuật; có tinh thần hợp tác, trách nhiệm trong hoạt động học tập cá nhân và làm việc nhóm.

+ Có ý thức tôn trọng và tuân thủ Hiến pháp, pháp luật; hình thành phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp của người học luật; có tinh thần trách nhiệm đối với Nhà nước, xã hội và cộng đồng.

- Yêu cầu về vận dụng kiến thức:

- Vận dụng kiến thức Luật Hiến pháp Việt Nam để phân tích, giải thích và đánh giá các vấn đề liên quan đến chế độ bầu cử, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hình thành tư duy pháp lý, tư duy logic và tư duy phản biện; có khả năng phân tích, lập luận, tranh luận và bảo vệ quan điểm cá nhân trên cơ sở quy định của Hiến pháp và pháp luật.

- Liên hệ kiến thức Luật Hiến pháp Việt Nam với quá trình học tập chuyên môn, rèn luyện phẩm chất, ý thức công dân và trách nhiệm nghề nghiệp của sinh viên ngành Luật, có ý thức vận dụng kiến thức pháp luật một cách chính xác, khách quan, có trách nhiệm; phát huy tính chủ động, sáng tạo trong học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề pháp lý trong thực tiễn.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] Nguyễn Đăng Dung, Đặng Minh Tuấn, Vũ Công Giao, năm 2025, *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2]. Thái Vĩnh Thắng, Tô Văn Hoà, 2025, Giáo trình luật Hiến pháp Việt Nam, , Nxb Tư pháp.

- Tài liệu tham khảo

[3] Quốc hội (2024), *Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự Thật.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
1	**CHƯƠNG I: NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN CỦA LUẬT HIẾN PHÁP** **Mục tiêu chung:** trình bày được những kiến thức cơ bản về ngành luật hiến pháp, khoa học luật hiến pháp và môn học luật hiến pháp **Nội dung cụ thể:** 1. Ngành luật hiến pháp 2. Khoa học luật hiến pháp 3. Môn học luật hiến pháp	02 (1LT, 1TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, phương pháp động não, dạy học dựa trên vấn đề.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Giao bài tập cho các	CLO2 CLO4 CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung bài học tài liệu [1], [2], [3]. + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	
2	**CHƯƠNG II: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ HIẾN PHÁP** **Mục tiêu chung:** trình bày được khái niệm, các đặc trưng và các giai đoạn phát triển của hiến pháp, hiểu được chức năng, cấu trúc, phân loại, quá trình làm hiến pháp và các mô hình cơ quan báo hiến **Nội dung cụ thể:** 1. Khái niệm, các đặc trưng của hiến pháp 2. Các giai đoạn phát triển của hiến pháp, 3. Các chức năng của hiến pháp, 4. Cấu trúc của hiến pháp, 5. Phân loại hiến pháp 6. Quy trình làm hiến pháp và sửa đổi hiến pháp 7. Các mô hình cơ quan báo hiến	02 (2LT)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, phương pháp động não, dạy học dựa trên vấn đề.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung bài học tài liệu [1], [2], [3]. + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	CLO2 CLO4 CLO5
3	**CHƯƠNG III; SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA NỀ LẬP HIẾN VIỆT NAM** **Mục tiêu chung**: trình bày được tư tưởng lập hiến trước cách mạng tháng tám năm 1945, và các hiến pháp: 1946, 1959, 1980, 1992, 2013	03 (02LT, 01TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, phương pháp động não, dạy học dựa trên vấn đề.** **- Giảng viên:**	CLO2 CLO4 CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	Nội dung cụ thể: 1. Tư tưởng lập hiến trước cách mạng tháng tám năm 1945 2. Hiến pháp 1946 3. Hiến pháp 1959 4. Hiến pháp 1980 5. Hiến pháp 1992 6. Hiến pháp 2013		+ Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung bài học tài liệu [1], [2], [3]. + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	
4	**CHƯƠNG VI: CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ** **Mục tiêu chương:** Trình bày được khái niệm về chế độ chính trị, chỉnh thể, bản chất và hệ thống chính trị của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hiểu được chính sách đại đoàn kết và chính sách đối ngoại của Việt Nam **Nội dung cụ thể:** 1. Khái niệm về chế độ chính trị 2. Chỉnh thể của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 3. Bản chất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 4. Hệ thống chính trị của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 5. Chính sách đại đoàn kết và đường lối dân tộc của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 6. Chính sách đối ngoại của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	02 (2LT)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, nêu vấn đề kết hợp với tranh luận.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên tranh luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên + Đọc tài liệu [1], [2] + Chuẩn bị nội dung tranh luận theo yêu cầu của giảng viên.	CLO2 CLO4 CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			+ Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	
5	**CHƯƠNG V: QUỐC TỊCH VIỆT NAM** **Mục tiêu chương:** Trình bày được khái niệm quốc tich, một số vấn đề cơ bản trong nội dung pháp luật về quốc tịch trên thế giới và ở Việt Nam **Nội dung cụ thể:** 1. Khái niệm quốc tịch 2. Một số vấn đề cơ bản trong nội dung pháp luật về quốc tịch trên thế giới 3. Những vấn đề cơ bản trong pháp luật quốc tịch Việt Nam	03 (02LT, 01TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, nêu vấn đề kết hợp với tranh luận.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên tranh luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên + Đọc tài liệu [1], [2] + Chuẩn bị nội dung tranh luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	CLO2 CLO4 CLO5
6	**CHƯƠNG VI: QUYỀN CON NGƯỜI. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN** **Mục tiêu chương:** Trình bày được khái niệm, phân loại, các đặc trưng, nguyên tắc về quyền và nghĩa vụ con người. Hiểu được quyền và nghĩa vụ con người theo Hiến pháp 2013, sự phát triển chế định quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân qua các năm: 1946, 1959, 1980, 1992, 2013. **Nội dung cụ thể:** 1. Khái niệm, đặc trưng, phân loại của quyền con	03 (02LT, 01TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, phương pháp động não, dạy học dựa trên vấn đề.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu.	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	người 2. Khái niệm, đặc trưng, phân loại của quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân 3. Những nguyên tắc hiến pháp của chế định quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân 4. Quyền con người theo Hiến pháp 2013 5. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp 2013 6. Sự phát triển chế định quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân qua các hiến pháp năm 1946, 1959, 1980, 1992, 2013.		+ Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung bài học tài liệu [1], [2], [3]. + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	
7	**CHƯƠNG VII: CHÍNH SÁCH KINH TẾ XÃ HỘI, VĂN HOÁ, GIÁO DỤC, KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG** **Mục tiêu chương:** Trình bày được các chính sách về kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục, khoa học công nghệ và môi trường từ đó liên hệ thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 1. Chính sách kinh tế 2. Chính sách xã hội 3. Chính sách văn hoá 4. Chính sách giáo dục 5. Chính sách khoa học và công nghệ 6. Chính sách môi trường	03 (02LT, 01TH)	**Thuyết giảng, trực quan, sử dụng tình huống, tranh luận dạy học dựa trên vấn đề.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Tình huống về chính sách kinh tế + Trực quan tình huống chính sách môi trường + Nhận xét, đánh giá tình huống và cách giải quyết vấn đề của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2], [3]. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận tình huống, giải quyết tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực	CLO2 CLO4 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			tiễn cuộc sống.	
8	**CHƯƠNG VIII: CHÍNH SÁCH QUỐC PHÒNG AN QUỐC GIA** **Mục tiêu chương:** Trình bày được chính sách quốc phòng và chính sách an ninh quốc gia theo Hiến pháp 2013 và trách nhiệm của công dân, cơ quan, tổ chức trong công cuộc bảo vệ tổ quốc **Nôi dung cụ thể:** 1. Chính sách quốc phòng theo Hiến pháp 2013 **2.** Chính sách an ninh quốc gia theo Hiến pháp 2013 3. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, công dân trong bảo vệ Tổ quốc	03 (02LT, 01TH)	**Thuyết giảng, trực quan, sử dụng tình huống, tranh luận dạy học dựa trên vấn đề.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Trực quan tình huống phản động. + Nhận xét, đánh giá tình huống và cách giải quyết vấn đề của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2] + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận tình huống, giải quyết tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn cuộc sống.	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6
9	**CHƯƠNG IX: CHẾ ĐỘ BẦU CỬ** **Mục tiêu chương:** Trình bày khái niệm chế độ bầu cử, các nguyên tắc bầu cử và tiến trình của một cuộc bầu cử. Liên hệ thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 1. Khái niệm và tầm quan trọng của bầu cử. .2. Khái niệm, nội dung và vai trò của chế độ bầu cử. 3. Khái quát đặc điểm quá trình hình thành và phát triển của chế định bầu cử ở Vệt Nam 4. Phương thức bầu cử ở Việt Nam và trên thế giới 5. Các nguyên tắc bầu cử ở Việt Nam 6. Các công đoạn chính của công đoạn bầu cử đại biểu Quốc hội ở Việt Nam 7. Bầu cử thêm, bầu cử lại, bầu cử bổ sung	04 (02LT, 02TH)	**Thuyết giảng, trực quan, sử dụng tình huống, tranh luận dạy học dựa trên vấn đề.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Tình huống bầu cử + Trực quan tình huống bầu cử. + Nhận xét, đánh giá tình huống và cách giải quyết	CLO2 CLO4 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			vấn đề của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận tình huống, giải quyết tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn cuộc sống.	
10	**CHƯƠNG X: BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Mục tiêu chương:** Trình bày bộ máy Nhà nước của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cũng như quá trình hình thành và phát triển bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam **Nội dung cụ thể:** 1. Khái niệm và cấu trúc tổ chức của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2. Bộ máy nhà nước qua các giai đoạn hiến pháp 3. Các nguyên tắc hiến định về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	03 (02LT, 01TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, nêu vấn đề kết hợp với tranh luận.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên tranh luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên + Đọc tài liệu [1], [2], [3]. + Chuẩn bị nội dung tranh luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6
11	**CHƯƠNG XI: QUỐC HỘI** **Mục tiêu chương:** Trình bày vị trí, tính chất, chức năng, cơ cấu của Quốc hội. Nắm được kỳ họp, đại biểu quốc hội. Liên hệ thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 1. Khái quát sợ ra đời và phát triển của Quốc hội nước ta	03 (02LT, 01TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, phương pháp động não, dạy học dựa trên vấn đề.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	2. Vị trí, tính chất và chức năng của Quốc hội 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội 4. Cơ cấu tổ chức của Quốc hội 5. Các cơ quan giúp việc của Quốc hội 6. Kỳ họp Quốc hội 7. Đại biểu Quốc hội		dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung bài học tài liệu [1], [2], [3]. + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	
12	**CHƯƠNG XII: CHỦ TỊCH NƯỚC** **Mục tiêu chương:** Trình bày vị trí, tính chất, chức năng, cơ cấu của Quốc hội. Nắm được kỳ họp, đai biểu quốc hội. Liên hệ thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 1. Khái quát sự ra dời và phát triển của chế định nguyên thủ quốc gia 2. Vị trí, vai trò của chế định Chủ tịch nước trong các bản hiến pháp của Việt Nam 3. Mối quan hệ giữa Chủ tịch nước với các cơ quan nhà nước theo Hiến pháp năm 2013 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước 5. Cách thức hình thành vị trí Chủ tịch nước 6. Hội phòng quốc phòng và an ninh	03 (02LT, 01TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, tranh biện, thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biên. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước nội dung bài học + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận.	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6
13	**CHƯƠNG XIII: CHÍNH PHỦ** **Mục tiêu chương:** Trình bày vị trí, tính chất của Chính phủ. Hiểu được nhiệm vụ, quyền	03 (02LT, 01TH)	**Thuyết trình, nêu vấn đề, trực quan, sử dụng tình huống.** **- Giảng viên:**	CLO3 CLO4 CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	hạn cũng như cơ cấu tổ chức và cách thức thành lập của Chính phủ. Phân tích các hình thức hoạt động của Chính phủ **Nội dung cụ thể:** **1.** Khái quát sự ra dời và phát triển của Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2. Vị trí, tính chất, chức năng của Chính phủ 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của chính phủ 4. Cơ cấu tổ chức của chính phủ 5. Các hình thức hoạt động của Chínhs phủ		+ Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2], [3]. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	CLO6
14	**CHƯƠNG XIV: TOÀ ÁN NHÂN DÂN** **Mục tiêu chương:** Hiểu đượ vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Toà án nhân dân. Phân tích các nguyên tắc tổ chức và hoạt động cũng như hệ thống và cơ cấu, tổ chức của Tòa án nhân dân. Liên hệ thực tiễn, lấy ví dụ minh hoạ. **Nội dung cụ thể:** 1. Khái quát về Toà án nhân dân 2. Vai trò của Toà án nhân dân đối với xã hội 3. Các nguyên tắc hiến định về hoạt động của Toà án nhân dân 4. Cơ cấu tổ chức của hệ thống Tòa án nhân dân. 5. Thẩm phán, hội thẩm và các chức danh hành chính – chuyên môn trong toà án	03 (02LT, 01TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, phản biện, thảo luận tình huống.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Trực quan tình huống trong phân loại tội phạm. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Phân tích, lấy ví dụ về làm rõ các nội dung. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2], [3]. + Thảo luận tình huống, phản biện tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay. + Lấy ví dụ về toà án nhân dân hiện nay ở nước ta. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
15	**CHƯƠNG XV: VIỆN KIỂM SÁT NHÂN**	03	**Thuyết giảng, phương**	CLO3

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	DÂN **Mục tiêu chương:** Hiểu được chức năng, nhiệm vụ hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân. Phân tích các nguyên tắc tổ chức và hoạt động cũng như hệ thống và cơ cấu, tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân. Liên hệ thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 7.1. Chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân. 7.2. Những hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân. 7.3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân. 7.4. Hệ thống và cơ cấu, tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân.	(02LT, 01TH)	**pháp động não, trực quan kết hợp thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung + Phân tích, lấy ví dụ về số vụ án dân sự hiện nay. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay.	CLO4 CLO5 CLO6
16	**CHƯƠNG XVI: CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG** **Mục tiêu chương:** trình bày được một số vấn đề cơ bản về chính quyền địa phương, xác định được phạm vi thẩm quyền, tổ chức và hoạt động cũng như mối quan hệ giữa chính quyền địa phương với các cấp **Nội dung cụ thể:** 1. Một số vấn đề cơ bản về chính quyền địa phương 2. Xác định phạm vi thẩm quyền của chính quyền địa phương- Phân quyền, phân cấp, uỷ quyền 3. Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương 4. Mối quan hệ giữa chính quyền địa phương với các cấp	03 (02LT, 01TH)	**Thuyết giảng, phương pháp động não, trực quan kết hợp thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung + Phân tích, lấy ví dụ về chính quyền địa phương hiện nay. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			thực tiễn hiện nay.	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Luật

1. Tên học phần: (tiếng Việt/tiếng Anh): Luật Hành chính Việt Nam

2. Mã học phần: LUẬT 012

3. Số tín chỉ: 3 (2,1)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ hai

5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết 30 giờ thực hành

- Giờ học tập định mức của người học (bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá): 150 giờ (50 giờ/1 tín chỉ)

6. Điều kiện tiên quyết/Điều kiện học trước: Sau khi học xong học phần Lý luận chung về nhà nước và pháp luật.

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Trần Thị Hiền	0903472992	hiendhl@gmail.com
2.	Ths. Phạm Văn Huân	0904.395.479	huan_pv@yahoo.com.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Luật Hành chính Việt Nam cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: về pháp luật trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước như: Qui phạm pháp luật hành chính, quan hệ pháp luật hành chính; những nguyên tắc, hình thức và phương pháp cơ bản trong quản lý hành chính nhà nước, quyết định hành chính, thủ tục hành chính. Các chủ thể của Luật Hành chính, bảo đảm pháp chế và kỷ luật nhà nước trong quản lý hành chính nhà nước, vi phạm hành chính, trách nhiệm hành chính.

9. Ngôn ngữ giảng dạy

Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu học phần

a) Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản và có tính hệ thống về những vấn đề lý luận và thực tiễn của pháp luật hành chính Việt Nam, bao gồm: khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật hành chính; cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức; thủ tục hành chính, quyết định hành chính, vi phạm hành chính và trách nhiệm pháp lý trong quản lý hành chính nhà nước. Qua đó, giúp sinh viên hình thành tư duy pháp lý, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; phát triển năng lực vận dụng kiến thức pháp luật hành chính vào học tập, công tác và giải quyết các tình huống thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng và có tính hệ thống về những nội dung cơ bản của Pháp luật hành chính Việt Nam, bao gồm: khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật hành chính; quy phạm và quan hệ pháp luật hành chính; cơ quan hành chính nhà nước; cán bộ, công chức, viên chức; thủ tục hành chính, quyết định hành chính, vi phạm hành chính và trách nhiệm pháp lý trong quản lý hành chính nhà nước; từ đó giúp sinh viên hiểu rõ vai trò của pháp luật hành chính trong tổ chức, hoạt động quản lý nhà nước và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

- CO2 (Kỹ năng): Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng kiến thức pháp luật hành chính để nhận diện, giải thích, phân tích và giải quyết các tình huống phát sinh trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước; phát triển kỹ năng tư duy pháp lý, tư duy phản biện, tra cứu và áp dụng văn bản pháp luật, thu thập và xử lý thông tin, thảo luận, làm việc nhóm, thuyết trình và liên hệ kiến thức với thực tiễn.

- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Tạo cơ hội và môi trường cho sinh viên phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, chủ động cập nhật kiến thức pháp luật hành chính; hình thành ý thức tôn trọng và chấp hành Hiến pháp, pháp luật, tinh thần trách nhiệm công dân và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp; rèn luyện tác phong làm việc khoa học, khách quan, cẩn trọng, có ý thức bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức và cá nhân, góp phần xây dựng nền hành chính nhà nước dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome –CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	**Mô tả CLO**	**PIs**	**Mức độ của PIs theo thang đo Bloom**
	Kiến thức		
CLO1	Làm rõ được khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, nguồn của Luật hành chính Việt Nam và vai trò của Luật hành chính trong hệ thống pháp luật Việt Nam.	PI2.1/2	2
CLO2	Diễn giải được những nội dung cơ bản về chủ thể của Luật hành chính, cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức; các hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước.	PI2.1/2	2
CLO3	Phân tích được các quy định cơ bản của pháp luật về thủ tục hành chính, quyết định hành chính, hành vi hành chính, vi phạm hành chính và trách nhiệm pháp lý trong quản lý hành chính nhà nước.	PI2.1/2	2
	Kỹ năng		

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
CLO4	Áp dụng kiến thức pháp luật hành chính để nhận diện, phân tích và giải quyết các tình huống phát sinh trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước và trong thực tiễn đời sống.	PI3.1/2	3
CLO5	Vận dụng tư duy pháp lý và kiến thức chuyên môn để tra cứu, phân tích, áp dụng các quy định của pháp luật hành chính; thực hiện hiệu quả các hoạt động học tập, thảo luận, làm việc nhóm và giải quyết tình huống pháp lý.	PI3.1/2	3
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Thể hiện ý thức tự giác trong học tập, nghiên cứu và chủ động cập nhật kiến thức pháp luật hành chính; có ý thức tôn trọng, tuân thủ pháp luật, tinh thần trách nhiệm công dân, tác phong làm việc khoa học, khách quan và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình học tập và công tác.	PI7.1/2	4

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4	x	x	
CLO5		x	x
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *

	PLO 1	PLO 10	
	PI1.1	PI10.1	PI10.2
CLO1	I		
CLO2	I		
CLO3	I		
CLO4		M	
CLO5		M	
CLO6		R	R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Ví dụ						
Điểm chuyên cần, điểm kiển tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Điểm danh, theo dõi mức độ tham gia học tập. - Bài kiểm tra ngắn (trắc nghiệm/tự luận). - Thảo luận nhóm, thuyết trình. - Rubric đánh giá.	CLO1	20	Điểm chuyên cần; Rubric kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO1 → PLO1/PI2.1/2
			CLO5	40	Rubric thảo luận, thuyết trình	Điểm CLO5 → PLO5/PI3.1/2
			CLO6	40	Rubric thái độ học tập, tự học, làm việc nhóm	CLO6 → PLO10/PI10.1 ; PI17.1/.2

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra tự luận. - Rubric chấm bài.	CLO1	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	Điểm CLO1 → PLO1/PI2.1/2
			CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	Điểm CLO1 → PLO1/PI2.1/2
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi trắc nghiệm khách quan. - Máy tính chấm.	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	Điểm CLO1 → PLO1/PI2.1/2
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	Điểm CLO1 → PLO1/PI2.1/2
			CLO3	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO3 → PLO1/PI1.1
			CLO4	40	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO1/PI7.1/2

Ký hiệu CLO	**Nội dung CLO**	**Cần đo lường mức đạt CLO**	**Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI**	**Dữ liệu được lấy từ**
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**
CLO1	Làm rõ được khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, nguồn của Luật hành chính Việt Nam và vị trí, vai trò của Luật hành chính trong hệ thống pháp luật Việt Nam.	x	PI1.1	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ

CLO2	Diễn giải được các nội dung cơ bản về quy phạm và quan hệ pháp luật hành chính; chủ thể của Luật hành chính, cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức và các hình thức, phương pháp quản lý hành chính nhà nước.	x	PI1.1	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO3	Phân tích được các quy định cơ bản của pháp luật về thủ tục hành chính, quyết định hành chính, hành vi hành chính, vi phạm hành chính và trách nhiệm pháp lý trong quản lý hành chính nhà nước.	x	PI2.1	Bài thi cuối kỳ
CLO4	Áp dụng kiến thức và các quy định của pháp luật hành chính để nhận diện, phân tích và giải quyết các tình huống phát sinh trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước và thực tiễn đời sống.	x	PI1.1	Bài thi cuối kỳ
CLO5	Vận dụng tư duy pháp lý và kiến thức chuyên môn để tra cứu, phân tích và áp dụng các quy định của pháp luật hành chính; thực hiện hiệu quả các hoạt động học tập, thảo luận, làm việc nhóm và đề xuất hướng giải quyết phù hợp đối với các vấn đề pháp lý phát sinh	x	PI1.1	Thuyết trình, thảo luận nhóm; Bài tập vận dụng
CLO6	Thể hiện ý thức tự giác trong học tập, nghiên cứu và chủ động cập nhật kiến thức pháp luật hành chính; có ý thức tôn trọng và chấp hành Hiến pháp, pháp luật, tinh thần trách nhiệm công dân, tác phong làm việc khoa	x	PI10.1; PI10.2	Rubric đánh giá quá trình; Quan sát trên lớp; Đánh giá thảo luận nhóm, thuyết trình

	học, khách quan và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình học tập và công tác.			

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thảo luận nhóm

Tiêu chí đánh giá	**CLO**	**Trọng số**	**Giỏi (10 - 8.5)**	**Khá (8.4 - 7.0)**	**Trung bình (6.9 - 5.0) (Mức đạt CĐR)**	**Yếu (4.9 - 0.0)**
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	50%	Tham dự đầy đủ >90% số giờ học, đi học đúng giờ, chấp hành tốt kỷ luật phòng học và chuẩn bị bài chu đáo trước khi lên lớp.	Tham dự từ 80% đến 89% số giờ học, đi học đúng giờ, không vi phạm nghiêm trọng kỷ luật và nội quy học vụ.	Tham dự từ 70% đến 79% số giờ học, thỉnh thoảng còn đi muộn hoặc thiếu tập trung trong giờ học.	Tham dự dưới 70% số giờ học hoặc vi phạm nghiêm trọng kỷ luật học đường.
Ý thức tự học & thảo luận nhóm	CLO6	50%	Chủ động, tích cực nghiên cứu trước tài liệu; hợp tác nhóm xuất sắc, đóng góp ý kiến chất lượng cao, thuyết trình lưu loát.	Hoàn thành tốt nhiệm vụ tự học và làm bài tập nhóm được giao, hợp tác nhóm tương đối hiệu quả.	Tham gia tự học và thảo luận nhóm còn thụ động, chỉ thực hiện khi được giảng viên yêu cầu.	Không chuẩn bị bài tự học, thờ ơ, không hợp tác nhóm hoặc không hoàn thành bài tập tự học.

2. *Rubric bài kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần*)

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Nội dung chính 1: Kiến thức cơ bản về pháp luật hành chính Việt Nam	CLO1	20%	Trình bày đầy đủ, chính xác, có hệ thống các khái niệm, nguyên tắc, chủ thể, nguồn của pháp luật hành chính và các quy định cơ bản về quản lý hành chính nhà nước.	rình bày cơ bản đầy đủ, chính xác các nội dung của pháp luật hành chính; còn một số thiếu sót hoặc sai sót nhỏ..	Nắm được những nội dung cơ bản nhưng còn thiếu hoặc nhầm lẫn một số khái niệm, nguyên tắc, chủ thể và quy định pháp luật hành chính.	hông nắm được hoặc trình bày sai các khái niệm, nguyên tắc và quy định cơ bản của pháp luật hành chính.
Nội dung chính 2: Phân tích và áp dụng pháp luật hành chính	CLO2CLO 3	30%	Xác định chính xác vấn đề pháp lý hành chính; phân tích và áp dụng đúng, đầy đủ các quy định pháp luật; lập luận chặt chẽ, logic và có căn cứ pháp lý.	Phân tích và áp dụng cơ bản đúng các quy định pháp luật hành chính; lập luận tương đối rõ ràng, còn một số hạn chế nhỏ..	Xác định được vấn đề pháp lý hành chính nhưng việc áp dụng pháp luật còn hạn chế; phân tích chưa đầy đủ hoặc còn một số sai sót.	Không xác định được vấn đề pháp lý hoặc không áp dụng được quy định pháp luật hành chính để giải quyết vấn đề.
Nội dung chính 3: Phân tích thẩm quyền, quyền và nghĩa vụ trong quan hệ pháp luật	CLO4	20%	Phân tích đầy đủ, chính xác thẩm quyền của cơ quan, người có thẩm quyền; quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức; xác định đúng căn	Phân tích và xác định cơ bản đúng thẩm quyền, quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý;	Xác định được thẩm quyền, quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý nhưng phân tích còn hạn chế, chưa đầy đủ.	Không xác định hoặc xác định sai thẩm quyền, quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý trong quan hệ pháp luật

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
hành chính			cứ và hậu quả pháp lý.	còn một số sai sót nhỏ.		hành chính.
Nội dung chính 4: Phân tích và giải quyết tình huống pháp luật hành chính	CLO5	30%	Phân tích toàn diện, chính xác tình huống; xác định đúng vấn đề pháp lý, thẩm quyền, căn cứ pháp luật và đề xuất phương án giải quyết phù hợp, có lập luận thuyết phục.	hân tích và giải quyết tình huống cơ bản phù hợp; xác định được thẩm quyền, căn cứ pháp luật và phương án giải quyết, còn một số hạn chế nhỏ	Có khả năng giải quyết tình huống nhưng phân tích chưa đầy đủ; xác định thẩm quyền, căn cứ pháp luật hoặc phương án giải quyết còn sai sót.	Không phân tích được tình huống hoặc đưa ra phương án giải quyết không phù hợp với quy định của pháp luật hành chính.
Tổng điểm		100%				

12. Yêu cầu học phần

- Quy định chuyên cần: Sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá 20% số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- Nhiệm vụ học tập và tự học: Sinh viên phải chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo Luật Hành chính Việt Nam theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp; hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ tự học, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các chuyên đề tự học theo kế hoạch của học phần; tích cực phối hợp làm việc nhóm, chuẩn bị slide và thực hiện báo cáo, thuyết trình chuyên đề khi được phân công.

- Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật: Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động trao đổi, thảo luận và phản biện trong các hoạt động trên lớp; thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- Yêu cầu về vận dụng kiến thức: Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng những nội dung cốt lõi của Luật Hành chính Việt Nam vào việc rèn luyện đạo đức, lối sống, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, phản biện và các hoạt động kinh tế- chính trị - xã hội phù hợp.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính

[1] - Phạm Hồng Thái, Nguyễn Thị Minh Hà (2024), *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

[1] - Quốc hội (2024), *Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia sự thật.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
1	**Chương 1: Ngành Luật hành chính, khoa học Luật hành chính** **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và nhệm vụ học tập học phần Luật Hành chính. Sinh viên vận dụng vào trong quá trình học tập học phần. **Nội dung cụ thể:** 1.1. Ngành luật hành chính 1.1.1. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hành chính 1.1.2. Phân biệt luật hành chính với một số ngành luật khác 1.1.3. Hệ thống luật hành chính Việt Nam 1.2. Khoa học luật hành chính 1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của khoa học luật hành chính	02 (02LT, 0TH)	**Thuyết giảng, thảo luận, nêu vấn đề.** **- Giảng viên:** + Trình bày, giải thích khái niệm, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và nhệm vụ học tập học phần Luật Hành chính. + Tthảo luận, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước chương 1. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận, làm bài tập,	CLO1; CLO2; CLO3;

	1.2.1. Phương pháp nghiên cứu của khoa học luật hành chính 1.2.2. Nhiệm vụ của khoa học luật hành chính		câu hỏi, tham gia tích cực quá trình học tập, phát biểu xây dựng bài.	
2	**Chương 2: Quy chế điều chỉnh của luật hành chính** **Mục tiêu chương:** - Sinh viên trình bày được kiến thức cơ bản về quy phạm pháp luật hành chính và về quan hệ pháp luật hành chính - Sinh viên liên hệ kiến thức về quy phạm pháp luật hành chính và về quan hệ pháp luật hành chính với thực tế cuộc sống, với bản thân. **Nội dung cụ thể:** 2.1. Quy phạm pháp luật hành chính 2.1.1. Khái niệm, đặc điểm, cơ cấu của quy phạm pháp luậ hành chính 2.1.2. Vấn đề thực hiện quy phạm pháp luật hành chính 2.2. Quan hệ pháp luật hành chính 2.2.1. Khái niệm, đặc trưng và cấu thành của quan hệ pháp luật hành chính 2.2.2. Cơ sở làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật hành chính 2.2.3. Nguồn của luật hành chính	03 (02LT, 01TH)	**Thuyết giảng; thảo luận; trực quan; tình huống, phát vấn.** **- Giảng viên:** + Trình bày quy phạm pháp luật hành chính và về quan hệ pháp luật hành chính + Trực quan, phát vấn sinh viên. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học + Liên hệ với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu chương 2: + Lắng nghe, ghi chép, tranh luận và phản biện. + Thảo luận theo nhóm dưới sự hướng dẫn GV. + Liên hệ thực tế với bản thân, ngành học.	CLO1; CLO2; CLO3;
3	**Chương 3: Các nguyên tắc, hình thức và phương pháp cơ bản trong quản lý hành chính nhà nước** **Mục tiêu chương:** - Sinh viên trình bày được kiến thức cơ bản về các nguyên tắc cơ bản trong quản lý hành chính nhà nước, các hình thức cơ bản trong quản lý hành chính nhà nước, các	05 (03LT, 02TH)	**Thuyết giảng, thảo luận nhóm; trực quan; đàm thoại; tình huống.** **- Giảng viên** + Nêu vấn đề, hướng dẫn SV giải quyết vấn đề. + Phân tích nguyên tắc, hình thức cơ bản trong	CLO2; CLO3; CLO4; CLO5;

	phương pháp cơ bản trong quản lý hành chính nhà nước. - Sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào việc giải quyết các vấn đề liên quan quản lý hành chính. **Nội dung cụ thể:** 3.1. Các nguyên tắc cơ bản trong quản lý hành chính nhà nước 3.2. Các hình thức cơ bản trong quản lý hành chính nhà nước 3.3. Các phương pháp cơ bản trong quản lý hành chính nhà nước		quản lý hành chính nhà nước trong quản lý hành chính nhà nước. + Hướng dẫn SV thảo luận nhóm. + Đàm thoại những câu hỏi thắc mắc của SV. + Hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên** + Đọc trước tài liệu chương 3. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo nhóm. + Đưa ra những câu hỏi thắc mắc. + Liên hệ, vận dụng kiến thức vào ngành nghề đang học. + Làm bài kiểm giữa học phần	
4	**Chương 4. Quy chế pháp lý của cơ quan hành chính nhà nước** **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm và phân loại cơ quan hành chính nhà nước, hệ thống cơ quan hành chính nhà nước Qua đó sinh viên vận dụng vào trong vấn đề liên quan luật hành chính. **Nội dung cụ thể:** 4.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại cơ quan hành chính nhà nước 4.2. Hệ thống cơ quan hành chính nhà nước Kiểm tra (thi) giữa kỳ	04 (02LT, 01TH, 1 KT)	**Thuyết giảng, thảo luận nhóm; trực quan; đàm thoại; tình huống.** **- Giảng viên** + Nêu vấn đề, hướng dẫn SV giải quyết vấn đề. + Diễn giải nội dung về khái niệm, đặc điểm và phân loại cơ quan hành chính nhà nước, hệ thống cơ quan hành chính nhà nước + Cho SV KT giưa kỳ + Hướng dẫn SV thảo luận nhóm. + Trao đổi thắc mắc sinh	CLO2; CLO3; CLO4; CLO5

			viên. + Đưa ra nội dung và hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên** + Đọc trước tài liệu [1], tr.224 -286. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo nhóm, mục II.2. + Đưa ra những câu hỏi thắc mắc. + Liên hệ lấy ví dụ thực tiễn ngành nghề đang học. Lầm KT giữa kỳ	
5	**Chương 5. Địa vị pháp lý hành chính của cán bộ, công chức** **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, phân loại cán bộ, công chức, tuyển dụng và sử dụng công chức, quyền và nghĩa vụ của cán bộ, công chức, trách nhiệm pháp lý của cán bộ, công chức Qua đó sinh viên vận dụng giải quyết trong lĩnh vực liên quan đến cán bộ công chức. **Nội dung cụ thể:** 5.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại cán bộ, công chức 5.2. Tuyển dụng và sử dụng công chức 5.3. Quyền và nghĩa vụ của cán bộ, công chức 5.4. Trách nhiệm pháp lý của cán bộ, công chức	05 (03LT, 02TH)	**Thuyết giảng, thảo luận nhóm; trực quan; đàm thoại; tình huống.** **- Giảng viên** + Nêu vấn đề, hướng dẫn SV giải quyết vấn đề. + Diễn giải nội dung về khái niệm, đặc điểm, phân loại cán bộ, công chức, tuyển dụng và sử dụng công chức, quyền và nghĩa vụ của cán bộ, công chức, trách nhiệm pháp lý của cán bộ, công chức + Hướng dẫn SV thảo luận nhóm. + Trao đổi thắc mắc sinh viên. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên**	CLO2; CLO3; CLO4; CLO5

			+ Đọc trước tài liệu chương 7. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo nhóm, mục II.2. + Đưa ra những câu hỏi thắc mắc. + Liên hệ lấy ví dụ thực tiễn ngành nghề đang học.	
6	**Chương 6. Quy chế pháp lý hành chính của các tổ chức xã hội** **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm và phân loại các tổ chức xã hội, quy chế pháp lý hành chính của các tổ chức xã hội Qua đó sinh viên vận dụng vào thực tế các tổ chức xã hội. **Nội dung cụ thể:** 6.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại các tổ chức xã hội 6.2. Quy chế pháp lý hành chính của các tổ chức xã hội	04 (03LT, 01TH)	**Thuyết giảng, thảo luận nhóm; trực quan; đàm thoại; tình huống, đóng vai.** **- Giảng viên** + Nêu vấn đề, hướng dẫn SV giải quyết vấn đề. + Diễn giải nội dung về khái niệm, đặc điểm và phân loại các tổ chức xã hội, quy chế pháp lý hành chính của các tổ chức xã hội + Hướng dẫn SV thảo luận nhóm. + Trao đổi thắc mắc sinh viên. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên** + Đọc trước tài liệu chương 8. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo nhóm, mục II.2. + Liên hệ lấy ví dụ thực tiễn ngành nghề đang học.	CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6
7	**Chương 7: Quy chế pháp lý hành chính của cá nhân** **Mục tiêu chương:**	04 (02LT, 02TH)	**Thuyết giảng, thảo luận nhóm; trực quan; đàm thoại; tình huống.**	

	Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về quy chế pháp lý hành chính của công dân Việt Nam, quy chế pháp lý hành chính của người nước ngoài, người không tịch. Sinh viên vận dụng vào việc giải quyết các vấn đề trong quy chế pháp lý hành chính. **Nội dung cụ thể:** 7.1. Quy chế pháp lý hành chính của công dân Việt Nam 7.1.1. Khái niệm, đặc điểm của quy chế pháp lý hành chính của công dân Việt Nam 7.1.2. Quyền và nghĩa vụ của công dân Việt Nam 7.2. Quy chế pháp lý hành chính của người nước ngoài, người không tịch 7.2.1. Cơ sở pháp lý và đặc điểm của quy chế pháp lý hành chính của người nước ngoài, người không quốc tịch 7.2.2. Quyền và nghĩa vụ của người nước ngoài, người không quốc tịch cư trú, làm ăn, sinh sống tại Việt Nam		**- Giảng viên** + Nêu vấn đề, hướng dẫn SV giải quyết vấn đề. + Diễn giải nội dung về quy chế pháp lý hành chính của công dân Việt Nam, quy chế pháp lý hành chính của người nước ngoài, người không tịch. + Hướng dẫn SV thảo luận nhóm. + Trao đổi thắc mắc sinh viên. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên** + Đọc trước tài liệu chương 9. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo nhóm, mục II.2. + Đưa ra những câu hỏi thắc mắc. + Liên hệ lấy ví dụ thực tiễn ngành nghề đang học.	
8	**Chương 8: Quyết định hành chính** **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày được kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm và phân loại quyết định hành chính, xây dựng và ban hành quyết định hành chính, tính hợp pháp và hợp lý của quyết định hành chính. Liện hệ, vận dùng giải quyết các vấn đề trong thực tế cuộc sống **Nội dung cụ thể:** 8.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại quyết định hành chính 8.2. Xây dựng và ban hành quyết định hành	05 (03LT, 02TH)	**Thuyết giảng, thảo luận nhóm; trực quan; nêu vấn đề; tình huống** **- Giảng viên** + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Diễn giải nội dung Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm và phân loại quyết định hành chính, xây dựng và ban	CLO2; CLO3; CLO4; CLO5

	chính 8.3. Tính hợp pháp và hợp lý của quyết định hành chính		hành quyết định hành chính, tính hợp pháp và hợp lý của quyết định hành chính.. + Hướng dẫn SV thảo luận nhóm. + Trao đổi những thắc mắc của SV. + Đưa nội dung và hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên** + Đọc trước tài liệu chương 5 [1], tr.169 - 223. + Đưa ra những câu hỏi thắc mắc. + Liên hệ lấy ví dụ thực tiễn ngành nghề SV đang học.	
9	**Chương 9: Thủ tục hành chính** **Mục tiêu chương:** - Sinh viên trình bày được kiến thức cơ bản về những vấn đề chung về thủ tục hành chính, chủ thể của thủ tục hành chính, các loại thủ tục hành chính và giai đoạn của thủ tục hành chính, xây dựng, thực hiện, kiểm tra thủ tục hành chính, khái quát về cải cách hành chính. - Từ nội dung kiến thức về thủ tục hành chính, sinh viên vận dụng, liên hệ vào giải quyết vấn đề về thủ tục hành chính. **Nội dung cụ thể:** 9.1. Những vấn đề chung về thủ tục hành chính 9.2. Chủ thể của thủ tục hành chính 9.3. Các loại thủ tục hành chính và giai	04 (03LT, 01TH)	**Thuyết giảng, thảo luận nhóm; trực quan; tranh biện; tình huống** **- Giảng viên** **+** Nêu vấn đề, hướng dẫn SV giải quyết vấn đề. + Phân tích những vấn đề chung về thủ tục hành chính, chủ thể của thủ tục hành chính, các loại thủ tục hành chính và giai đoạn của thủ tục hành chính, xây dựng, thực hiện, kiểm tra thủ tục hành chính, . . + Hướng dẫn SV thảo luận nhóm.	CLO2; CLO3; CLO4; CLO5

	đoạn của thủ tục hành chính 9.4. Xây dựng, thực hiện, kiểm tra thủ tục hành chính 9.5. Khái quát về cải cách hành chính		+ Trao đổi những thắc mắc của SV. + Đưa nội dung và hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên** + Đọc trước tài liệu chương 4. + Chuẩn bị nội dung thảo luận + Đưa ra những câu hỏi thắc mắc. + Liên hệ lấy ví dụ thực tiễn ngành nghề SV.	
10	**Chương 10: Vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính** **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về vi phạm hành chính, trách nhiệm hành chính, vấn đề xử phạt vi phạm hành chính, các hình thức xử phạt và nguyên tắc áp dụng, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả và nguyên tắc áp dụng, các biện pháp xử lý hành chính, thẩm quyền quy định hành vi vi phạm hành chính. Qua đó sinh viên vận dụng vào việc giải quyết các vấn đề trong vi phạm và xử lý vi phạm hành chính. **Nội dung cụ thể:** 10.1. Vi phạm hành chính 10.2. Trách nhiệm hành chính 10.3 Vấn đề xử phạt vi phạm hành chính 10.4. Các hình thức xử phạt và nguyên tắc áp dụng 10.5 Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính	04 (03LT, 01TH)	**Thuyết giảng, thảo luận nhóm; trực quan; tranh biện; tình huống.** **- Giảng viên** + Nêu vấn đề, hướng dẫn SV giải quyết vấn đề. + Diễn giải nội dung về khái niệm, đặc điểm và vi phạm hành chính, trách nhiệm hành chính, vấn đề xử phạt vi phạm hành chính, các hình thức xử phạt và nguyên tắc áp dụng, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả và nguyên tắc áp dụng, các biện pháp xử lý hành chính, thẩm quyền quy định hành vi vi phạm hành chính. + Trao đổi thắc mắc sinh	CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6

	10.6. Các biện pháp khắc phục hậu quả và nguyên tắc áp dụng 10.7. Các biện pháp xử lý hành chính 10.8. Thẩm quyền quy định hành vi vi phạm hành chính		viên. + Đưa ra nội dung và hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên** + Đọc trước tài liệu chương 10. + Đưa ra những câu hỏi thắc mắc. + Liên hệ lấy ví dụ thực tiễn ngành nghề đang học.	
11	**Chương 11: Đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa và kỷ luật trong quản lý hành chính nhà nước** **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, yêu cầu đối với các biện pháp đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa và kỷ luật trong quản lý hành chính nhà nước, các biện pháp đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa và kỷ luật trong quản lý hành chính nhà nước Qua đó sinh viên vận dụng vào lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước. **Nội dung cụ thể:** 11.1. Khái niệm, yêu cầu đối với các biện pháp đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa và kỷ luật trong quản lý hành chính nhà nước 11.2. Các biện pháp đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa và kỷ luật trong quản lý hành chính nhà nước	05 (03LT, 02TH)	**Thuyết giảng, thảo luận nhóm; trực quan; tranh biện; tình huống.** **- Giảng viên** + Nêu vấn đề, hướng dẫn SV giải quyết vấn đề. + Diễn giải nội dung về khái niệm, yêu cầu đối với các biện pháp đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa và kỷ luật trong quản lý hành chính nhà nước, các biện pháp đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa + Hướng dẫn SV thảo luận nhóm. + Trao đổi thắc mắc sinh viên. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên** + Đọc trước tài liệu chương 11. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo nhóm, mục II.2.	CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6

			+ Đưa ra những câu hỏi thắc mắc. + Liên hệ lấy ví dụ thực tiễn ngành Luật.	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

1. Tên học phần: Pháp luật về quyền con người / Human Rights Law

2. Mã học phần: LUAT 006

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Sinh viên năm thứ hai

5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành

- Giờ học tập định mức của người học: 100 giờ (bao gồm 30 giờ dự giờ giảng trên lớp, 60 giờ tự học có hướng dẫn, nghiên cứu, 10 giờ chuẩn bị và tham gia dự kiểm tra, đánh giá định kỳ - quy chuẩn 50 giờ học tập/1 tín chỉ).

6. Điều kiện tiên quyết/Điều kiện học trước: Sau khi học xong luật Hiến pháp

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Nguyễn Chí Dũng	0983.376.688	dung _nc@saodo.edu.vn
2.	TS. Trần Thị Hiền	0903.472.992	hien_tt@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Pháp luật về quyền con người trang bị cho sinh viên ngành Luật hệ thống kiến thức lý luận cơ bản và các quy định pháp lý chuyên sâu về quyền con người. Nội dung học phần phân tích bối cảnh phát triển, nguồn và các nguyên tắc nền tảng của luật quốc tế về quyền con người, cũng như nội dung cụ thể của các nhóm quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và quyền của các nhóm người dễ bị tổn thương như phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật, người lao động di trú. Bên cạnh đó, học phần tập trung làm rõ cơ chế bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở cấp độ Liên hợp quốc, khu vực, cũng như lịch sử tư tưởng, quan điểm, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về bảo đảm quyền con người. Sinh viên được rèn luyện tư duy lập luận phản biện, kỹ năng nghiên cứu văn bản pháp lý quốc gia, điều ước quốc tế, và kỹ năng giải quyết hiệu quả các tình huống thực tiễn phát sinh để bảo vệ tối ưu quyền lợi hợp pháp của đương sự, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Mục tiêu chung của học phần: Học phần giúp sinh viên hiểu rõ bản chất, đặc điểm, nguồn lực lý luận và pháp lý về bảo vệ quyền con người; trang bị hệ thống phương pháp luận, các quy định pháp luật trong nước và điều ước quốc tế cốt lõi để bảo vệ, thúc đẩy nhân quyền; qua đó nuôi dưỡng đạo đức nghề luật nghiêm túc, phong thái trung thực khoa học, tinh thần trách nhiệm xã hội cao cả và bản lĩnh bảo vệ công lý phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế của đất nước.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Trang bị cho sinh viên hệ thống lý luận cơ bản và chuyên sâu về nguồn lực, bối cảnh phát triển, các nguyên tắc, các nhóm quyền cụ thể trong luật quốc tế và pháp luật Việt Nam, cùng cơ chế quốc tế, quốc gia về bảo vệ và thúc đẩy quyền con người.

- CO2 (Kỹ năng): Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tra cứu, nhận diện, phân tích bối cảnh và áp dụng pháp luật trong nước, các điều ước quốc tế để giải quyết các vấn đề, tình huống thực tế phát sinh; rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện, lập luận pháp lý độc lập, viết báo cáo nghiên cứu và thuyết trình chuyên môn thuyết phục.

- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Phát triển cho sinh viên bản lĩnh chính trị, ý thức thượng tôn pháp luật và tinh thần nhân văn sâu sắc, bảo vệ quyền con người và công lý; nâng cao năng lực tự học trọn đời, tinh thần học tập trung thực khoa học, cam kết bảo mật thông tin và khả năng làm việc độc lập hoặc điều phối nhóm hiệu quả.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	**Mô tả CLO**	**PIs**	**Mức độ của PIs theo thang đo Bloom**
	Kiến thức		
CLO1	Trình bày và phân tích được lý luận cơ bản về quyền con người (khái niệm, nguồn gốc, bản chất và các nguyên tắc nền tảng) và bối cảnh phát triển của hệ thống luật quốc tế về quyền con người.	PI 2.2	4
CLO2	Phân tích được nội dung các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và quyền của các nhóm người dễ bị tổn thương (phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật, người lao động di trú) theo quy định của luật quốc tế và Hiến pháp, pháp luật Việt Nam.	PI 2.2	4
CLO3	Giải thích và hệ thống hóa được các cơ chế bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở cấp độ quốc tế, khu vực, thiết chế quốc gia và hệ thống chính sách, pháp luật bảo đảm thực thi quyền con người tại Việt Nam.	PI 4.1	3
	Kỹ năng		
CLO4	Vận dụng linh hoạt các quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật trong nước (đặc biệt là Hiến pháp 2013) nhằm đề xuất phương án giải quyết tối ưu, bảo vệ lợi ích hợp pháp của các bên trong các tình huống xâm phạm hoặc tranh chấp quyền con người thực tế.	PI9.2	4
CLO5	Thực hiện thành thạo kỹ năng tư duy phản biện, lập luận độc lập, phân tích hồ sơ tư liệu, viết báo cáo nghiên cứu chuyên đề chuyên nghiệp và thuyết trình	PI4.1	4

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	thuyết phục các vấn đề liên quan đến thúc đẩy quyền con người.		
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Chủ động xây dựng kế hoạch tự học trọn đời, tự nghiên cứu nâng cao trình độ độc lập và kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả; thể hiện tinh thần thượng tôn pháp luật, có đạo đức nghề nghiệp pháp lý vững vàng, cam kết trung thực học thuật, bảo mật thông tin và tinh thần bảo vệ quyền con người, phục vụ công lý.	PI 9.2	4

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1.1	x		
CLO1.2	x		
CLO1.3	x		
CLO2.1		x	
CLO2.2		x	
CLO3.1			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *		
	PLO 1	PLO 10	
	PI2.2	PI14.1	PI9.2
CLO1.1			I
CLO1.2			I
CLO1.3	R		
CLO2.1	R		
CLO2.2		M	
CLO3.1			M

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Ví dụ						
Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Điểm danh, theo dõi mức độ tham gia học tập. - Bài kiểm tra ngắn (trắc nghiệm/tự luận). - Thảo luận nhóm, thuyết trình. - Rubric đánh giá.	CLO1	20	Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO1 → PLO9/PI2.2
			CLO5	40	Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO5 → PLO7/PI9.2
			CLO6	40	Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên	CLO6 → PLO9/PI9.2
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra tự luận. - Rubric chấm bài.	CLO1	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	Điểm CLO1 → PLO9/PI9.1
			CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	Điểm CLO2 → PLO9/PI4.1
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi tự luận - Rubric chấm bài.	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	Điểm CLO1 → PLO9/PI9.2
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → PLO1/PI4.1
			CLO3	20	Điểm bài thi cuối kỳ	Điểm CLO3 → PLO9/PI9.2

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
			CLO4	40	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO7/PI4.1

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. *Rubric đánh giá chuyên cần*

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Rất tốt	**Tốt**	**Đạt yêu cầu**	**Không đạt**	
		10 – 8.5	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Mức độ tham dự theo thời khóa biểu	50	*Tham dự >85% buổi học*	*Tham dự 70-84% buổi học*	*Tham dự 50-69% buổi học*	*Tham dự <50% buổi học*	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50%	Chủ động chuẩn bị bài, tích cực phát biểu, thảo luận, giải quyết tình huống và làm việc nhóm	Tham gia đầy đủ các hoạt động học tập, có trao đổi ý kiến	Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn thụ động	Không tham gia hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao	

2. Rubric kiểm tra tự luận và thi tự luận.

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Kiến thức cơ bản về quyền con người và bối cảnh phát triển của hệ thống luật quốc tế về quyền con người.	CLO1, CLO2	**20%**	Trình bày đầy đủ, chính xác, có hệ thống.	Trình bày cơ bản đầy đủ, chính xác, còn một số hạn chế nhỏ.	Trình bày được một số kiến thức cơ bản nhưng còn thiếu nội dung, còn nhầm lẫn.	Không nắm được hoặc trình bày sai các kiến thức cơ bản
Vận dụng linh hoạt các quy định của pháp luật quốc tế và	CLO2, CLO3	**20%**	Vận dụng chính xác, linh hoạt các quy định của	Vận dụng cơ bản đúng các quy định của pháp	Vận dụng được một số quy định quyền con	Không xác định hoặc không vận dụng được các quy định

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
pháp luật trong nước bảo vệ lợi ích hợp pháp của các bên trong tranh chấp quyền con người thực tế.			pháp luật quốc tế và pháp luật trong nước về quyền con người.	luật quốc tế và pháp luật trong nước về quyền con người.	người vào thực tế nhưng còn lúng túng, thiếu căn cứ trong một số tình huống.	của pháp luật quốc tế và pháp luật trong nước về quyền con người.
Phân tích được nội dung các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và quyền của các nhóm người dễ bị tổn thương theo quy định của luật quốc tế và Hiến pháp, pháp luật Việt Nam.	CLO4	**20%**	Phân tích đầy đủ, sâu sắc và logic tình huống.	Phân tích, đánh giá cơ bản đúng, có sai sót nhỏ.	Nhận diện được các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa nhưng phân tích còn hạn chế, bỏ sót một số yếu tố hoặc đưa ra nhận định chưa đầy đủ.	Không xác định được các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa hoặc đưa ra nhận định, đánh giá không phù hợp với tình huống.
Thực hiện thành thạo kỹ năng tư duy phản biện, thuyết trình thuyết phục các vấn đề liên quan đến thúc đẩy quyền con người.	CLO4, CLO5	**30%**	Thể hiện rõ ràng, chuyên nghiệp, có trách nhiệm trong giao tiếp và ứng xử; giải quyết tình huống phù hợp.	Thực hiện cơ bản phù hợp với thành thạo kỹ năng tư duy phản biện, thuyết trình thuyết phục các vấn đề liên quan đến thúc đẩy quyền	Có khả năng xử lý tình huống ở mức cơ bản nhưng còn lúng túng, giao tiếp hoặc ứng xử chưa thật phù hợp trong một số trường hợp.	Không thực hiện được yêu cầu về thành thạo kỹ năng tư duy phản biện, thuyết trình thuyết phục các vấn đề liên quan đến thúc đẩy quyền con người.

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
				con người.		
Chủ động làm việc nhóm hiệu quả; thể hiện tinh thần thượng tôn pháp luật, cam kết trung thực học thuật, bảo mật thông tin và tinh thần bảo vệ quyền con người, phục vụ công lý.	CLO6	**10%**	Thể hiện rõ và nhất quán tinh thần trách nhiệm, liêm chính, khách quan, tôn trọng sự thật, bảo vệ uy tín nghề	Thể hiện cơ bản đúng yêu cầu về năng tư duy phản biện về quyền con người còn một số hạn chế nhỏ.	Nhận thức được yêu cầu về quyền con người nhưng chưa thể hiện đầy đủ hoặc chưa nhất quán trong các tình huống đưa ra.	Không thể hiện được sự chủ động trong học tập và làm việc nhóm và phân biệt các quyền cơ bản cuả con người.
Tổng điểm		**100%**				

12. Yêu cầu học phần

- **Quy định chuyên cần:** Sinh viên phải tham dự tối thiểu **80%** tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá **20%** số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- **Nhiệm vụ học tập và tự học:** Sinh viên cần chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu học tập và các nguồn tài liệu tham khảo , tích cực, chủ động tham gia đóng góp ý kiến phát biểu xây dựng bài, thảo luận nhóm và tham gia đầy đủ các hoạt động đóng vai giải quyết tình huống đạo đức giả định.

- **Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật:** Sinh viên có thái độ học tập nghiêm túc, chủ động, tích cực và có trách nhiệm trong việc nghiên cứu, tiếp thu kiến thức về quyền con người; có ý thức tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; tôn trọng sự khác biệt, bình đẳng và các giá trị nhân văn trong quá trình học tập, thảo luận và nghiên cứu. Sinh viên có ý thức tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo; có tinh thần trách nhiệm với bản thân, tập thể và cộng đồng trong việc thực hiện và bảo vệ quyền con người.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức:** Sinh viên vận dụng được những kiến thức đã học về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, các nguyên tắc bảo đảm, tôn trọng và bảo vệ quyền con người trong pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế để phân tích, đánh giá và giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn. Sinh viên có khả năng xác định các quyền con người, quyền công dân có liên quan trong từng vụ việc; đối chiếu với các quy định của pháp luật để nhận diện hành vi vi phạm hoặc nguy cơ xâm phạm quyền con người; vận dụng các quy định pháp luật phù hợp để đề xuất phương án

bảo vệ và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1]- Tường Duy Kiên (2025), *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

- Tài liệu tham khảo:

[2]- Tường Duy Kiên, Lê Xuân Tùng (2024), *Pháp luật cơ chế thúc đẩy, bảo vệ quyền con người của 1 số nước trên thế giới*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

[3]- Tường Duy Kiên (2024), *Lý luận về quyền con người và giáo dục quyền con người*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
1	CHƯƠNG 1. NHẬP MÔN LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày được những lý luận chung về ý nghĩa và tầm quan trọng của giáo dục và nghiên cứu quyền con người, mục tiêu của môn học, đối tượng và nội dung của môn học, tính chất đa ngành, liên ngành trong nghiên cứu và giảng dạy về quyền con người. **Nội dung cụ thể:** 1.1. Bối cảnh, ý nghĩa và tầm quan trọng của giáo dục và nghiên cứu quyền con người 1.2. Mục tiêu của môn học 1.3. Đối tượng và nội dung của môn học 1.4. Phương pháp luận 1.5. Nguồn tư liệu 1.6. Tính chất đa ngành, liên ngành trong nghiên cứu và giảng dạy về quyền con người	02 (02LT, 0TH)	**Thuyết trình kết hợp với trực quan; dạy học dựa trên vấn đề.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1], [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	CLO1. CLO2. CLO3.
2	CHƯƠNG 2. KHÁI QUÁT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày được khái niệm, nguồn gốc, tính chất, đặc điểm, lịch sử phát triển các tư tưởng về quyền con người; Phân loại các quyền con người; tìm hiểu nghĩa vụ quốc gia trong việc bảo đảm quyền con người. **Nội dung cụ thể:**	04 (04LT, 0TH)	**Giảng giải kết hợp với trực quan; đưa bài tập tình huống; tổ chức thảo luận nhóm. - Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu các tình huống thực tiễn, hướng dẫn sinh viên giải quyết	CLO1. CLO2. CLO3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	2.1. Khái niệm quyền con người 2.2. Nguồn gốc của quyền con người 2.3. Tính chất của quyền con người 2.4. Đặc điểm của quyền con người 2.5. Lịch sử phát triển của tư tưởng về quyền con người 2.6. Phân loại quyền con người 2.7. Vấn đề nghĩa vụ quốc gia trong việc bảo đảm quyền con người 2.8. Chủ thể và mối quan hệ giữa quyền và nghĩa vụ 2.9. Quyền con người và một số phạm trù có liên quan 2.10. Một số khía cạnh mới của quyền con người 2.11. Thực tế và triển vọng của quyền con người		tình huống. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1], [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	
3	CHƯƠNG 3. KHÁI QUÁT LUẬT QUỐC TẾ VỀ QUYỀN CON NGƯỜI **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày được khái niệm, vị trí, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và nguồn của luật quốc tế về quyền con người; phân tích được mối quan hệ giữa luật quốc tế về quyền con người và pháp luật quốc gia. **Nội dung cụ thể:** 3.1. Khái niệm, vị trí, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và nguồn của luật quốc tế về quyền con người 3.2. Mối quan hệ giữa luật quốc tế về quyền con người và pháp luật quốc gia 3.3. Mối quan hệ giữa luật quốc tế về quyền con người và luật nhân đạo quốc tế 3.4. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của luật quốc tế về quyền con người	03 (03LT, 0TH)	**Thuyết trình; giảng giải; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học theo nhóm kết hợp với trực quan.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1], [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm.	CLO1. CLO2. CLO2. CLO3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			+ Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	
4	CHƯƠNG 4. CÁC QUYỀN DÂN SỰ VÀ CHÍNH TRỊ TRONG LUẬT QUỐC TẾ **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày khái quát được nội dung các quyền dân sự và chính trị của con người trong luật quốc tế. **Nội dung cụ thể:** 4.1. Khái quát 4.2. Nội dung các quyền dân sự và chính trị chủ yếu	03 (03LT, 0TH)	**Thuyết trình kết hợp với trực quan, dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức thảo luận nhóm** **- Giảng viên:** + Giảng giải các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1], [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	CLO1. CLO2. CLO2. CLO6.
5	CHƯƠNG 5. CÁC QUYỀN KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ VĂN HÓA TRONG LUẬT QUỐC TẾ **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày khái quát được nội dung các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa của con người trong luật quốc tế. **Nội dung cụ thể:** 5.1. Khái quát 5.2. Nội dung các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa	04 (04LT, 0TH)	**Thuyết trình; giảng giải kết hợp với trực quan; dạy học qua tình huống thực tế. - Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa, nội dung lý thuyết. + Nêu tình huống thực tế liên quan bài giảng. + Hướng dẫn sinh viên tự học.	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			+ Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1], [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Sinh viên nghiên cứu, giải quyết tình huống thực tế của GV đưa ra.	
6	CHƯƠNG 6. LUẬT QUỐC TẾ VỀ QUYỀN CỦA MỘT SỐ NHÓM NGƯỜI DỄ BỊ TỔN THƯƠNG **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu và trình bày được quyền của phụ nữ theo luật quốc tế, quyền của trẻ em theo luật quốc tế, quyền của những người sống chung với HIV/AIDS theo luật quốc tế, quyền của người khuyết tật theo luật quốc tế, quyền của người lao động di trú theo luật quốc tế, quyền của người thiểu số theo luật quốc tế. **Nội dung cụ thể:** 6.1. Khái quát 6.2. Quyền của phụ nữ theo luật quốc tế 6.3. Quyền của trẻ em theo luật quốc tế 6.4. Quyền của những người sống chung với HIV/AIDS theo luật quốc tế 6.5. Quyền của người khuyết tật theo luật quốc tế 6.6. Quyền của người lao động di trú theo luật quốc tế 6.7. Quyền của người thiểu số theo luật quốc tế	03 (01LT, 02KT)	**Giảng giải kết hợp với trực quan; dạy học dựa trên nêu vấn đề; tổ chức học theo nhóm, tranh biện** **- Giảng viên:** + Phân tích các khái niệm, định nghĩa, nội dung cơ bản. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1], [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên. + SV làm bài kiểm tra giữa học phần	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
7	CHƯƠNG 7. CƠ CHẾ BẢO VỆ VÀ THÚC ĐẨY QUYỀN CON NGƯỜI **Mục tiêu chương:** Sinh viên nắm được các cơ chế bảo vệ và thúc đẩy quyền con người của Liên hợp quốc, các cơ chế khu vực về bảo vệ và thúc đẩy quyền con người, cơ chế quốc gia về bảo vệ và thúc đẩy quyền con người. **Nội dung cụ thể:** 7.1. Khái quát 7.2. Cơ chế bảo vệ và thúc đẩy quyền con người của Liên hợp quốc 7.3. Các cơ chế khu vực về bảo vệ và thúc đẩy quyền con người 7.4. Cơ chế quốc gia về bảo vệ và thúc đẩy quyền con người	04 (04LT, 0TH)	**Thuyết trình; giảng giải kết hợp với trực quan; đưa ra bài tập tình huống thực tiễn, thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa, nội dung cơ bản + Đưa ra các bài tập tình huống thực tiễn gắn với bài học. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1], [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	
8	CHƯƠNG 8. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ QUAN ĐIỂM, CHÍNH SÁCH CƠ BẢN CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ QUYỀN CON NGƯỜI **Mục tiêu chương:** sinh viên hiểu và nắm được quan điểm, chính sách cơ bản của Đảng, Nhà nước Việt Nam về quyền con người. **Nội dung cụ thể:** 8.1. Khái lược sự phát triển tư tưởng về quyền con người trong lịch sử Việt Nam 8.2. Quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quyền con người 8.3. Chính sách cơ bản của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quyền con người	04 (04LT, 0TH)	**Thuyết trình kết hợp với trực quan; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức thảo luận nhóm, tranh biện.** **- Giảng viên:** + Phân tích các khái niệm, định nghĩa, nội dung cơ bản. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			- Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1], [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	
9	CHƯƠNG 9. PHÁP LUẬT VÀ CƠ CHẾ THỰC HIỆN, THÚC ĐẨY QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày được quyền dân sự và chính trị, quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, quyền của một số nhóm dễ bị tổn thương trong pháp luật Việt Nam và khái quát về cơ chế thực hiện và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam. **Nội dung cụ thể:** 9.1. Quyền dân sự và chính trị trong pháp luật Việt Nam 9.2. Quyền kinh tế, xã hội và văn hóa trong pháp luật Việt Nam 9.3. Quyền của một số nhóm dễ bị tổn thương trong pháp luật Việt Nam 9.4. Khái quát về cơ chế thực hiện và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam	03 (03LT, 0TH)	**Giảng giải kết hợp với trực quan; dạy học dựa trên vấn đề thực tiễn; tổ chức thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các khái niệm, định nghĩa, nội dung cơ bản. + Nêu vấn đề thực tiễn, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1], [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

1. Tên học phần: Luật về phòng, chống tham nhũng/ Law on anti-corruption

2. Mã học phần: LUAT 019

3. Số tín chỉ: 2 (1,1)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ ba

5. Phân bổ thời gian

- Lý thuyết: 15 giờ lý thuyết, thực hành: 30 giờ.
- Tự học: 100 giờ.

6. Điều kiện tiên quyết: Luật Hành chính

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Nguyễn Chí Dũng	0983337688	Dungvks2010@gmail.com
2.	Ths. Chu Hải Đăng	0902091279	haidangspc@yahoo.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Luật về phòng, chống tham nhũng cấp cho người học các kiến thức về: Phòng, chống tham nhũng như khái niệm, đặc điểm của tham nhũng, các qui định của pháp luật Việt Nam về phòng, chống tham nhũng, các nguyên nhân, tác hại của tham nhũng, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân trong phòng, chống tham nhũng, kinh nghiệm của một số quốc gia tiêu biểu trên thế giới về phòng, chống tham nhũng; Cung cấp người học một số kỹ năng nhận diện hành vi tham nhũng, phát triển kĩ năng tự nghiên cứu, phát triển kĩ năng hợp tác, làm việc nhóm. Củng cố và phát triển kĩ năng phân tích luật viết, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. Sau khi kết thúc học phần người học tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng và các quy tắc nghề theo vị trí việc làm đảm nhận thể hiện sự khách quan, công bằng.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tham nhũng, pháp luật về phòng, chống tham nhũng và cơ chế phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng; qua đó hình thành khả năng vận dụng các quy định pháp luật để phân tích, đánh giá và giải quyết những vấn đề, tình huống liên quan đến phòng, chống tham nhũng trong thực tiễn. Đồng thời, học phần góp phần hình thành ý thức tuân thủ pháp luật, trách nhiệm công dân, đạo đức nghề nghiệp và thái độ chủ động trong phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Trình bày và phân tích được những vấn đề cơ bản về tham nhũng và pháp luật phòng, chống tham nhũng; nhận diện được các hành vi tham nhũng, các nguyên tắc và quy định pháp luật về phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng; trách

nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn và các chủ thể có liên quan trong phòng, chống tham nhũng.

- CO2 (Kỹ năng): Vận dụng được các quy định của pháp luật phòng, chống tham nhũng để nhận diện, phân tích và đánh giá các hành vi, tình huống có dấu hiệu tham nhũng; xác định quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý của các chủ thể; tra cứu, lựa chọn và sử dụng các quy định pháp luật phù hợp để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn phòng, chống tham nhũng.

- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Hình thành khả năng tự học, chủ động nghiên cứu pháp luật và vận dụng kiến thức vào thực tiễn; có ý thức tuân thủ pháp luật, liêm chính, trung thực, khách quan và trách nhiệm trong học tập, công việc và đời sống; có thái độ tích cực trong phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và lợi ích của Nhà nước, xã hội.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Trình bày và phân tích được những vấn đề cơ bản về tham nhũng và pháp luật phòng, chống tham nhũng; nhận diện được các hành vi tham nhũng và các nguyên tắc cơ bản trong phòng, chống tham nhũng.	PI2.2	3
CLO2	Phân tích được các quy định của pháp luật về phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng; xác định được quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn và các chủ thể có liên quan.	PI2.2	3
CLO3	Vận dụng được các quy định của pháp luật phòng, chống tham nhũng để nhận diện, phân tích và đánh giá các tình huống có dấu hiệu tham nhũng; xác định căn cứ pháp lý và đề xuất phương án xử lý phù hợp.	PI4.2	3
	Kỹ năng		
CLO4	Vận dụng được kiến thức pháp luật để giải quyết các vấn đề thực tiễn về phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng; biết tra cứu, lựa chọn và sử dụng các quy định pháp luật phù hợp để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể.	PI4.2	3
CLO5	Thể hiện khả năng tự học, chủ động nghiên cứu và cập nhật các quy định pháp luật về phòng, chống tham nhũng; có khả năng làm việc độc lập và phối hợp với các thành viên trong giải quyết vấn đề pháp lý.	PI9.2	3
	Mức tự chủ và trách nhiệm		

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
CLO6	Thể hiện ý thức tuân thủ pháp luật, trung thực, liêm chính và trách nhiệm trong học tập, công việc và đời sống; có thái độ tích cực trong phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, góp phần bảo vệ lợi ích của Nhà nước và xã hội.	PI9.2	3

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3		x	
CLO4		x	
CLO5		x	x
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *		
	PLO2	**PLO4**	**PLO9**
	PI2.2	**PI4.2**	**PI9.2**
CLO1	I		
CLO2	R		
CLO3		I	
CLO4		R	
CLO5			I
CLO6			R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Ví dụ						
Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Thời gian tham gia lớp học. - Thảo luận, tranh biện và làm việc nhóm. - Đóng vai, xử lý tình huống. - Trải nghiệm thực tiễn và báo cáo kết quả. - Rubric đánh giá quá trình.	CLO5	40	Điểm Rubric quá trình, bài tập, Điểm bài tập, tình huống	CLO5 → PLO9/PI9.2
			CLO6	60	Điểm Rubric quá trình	CLO6 → PLO9/PI9.2
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra viết kết hợp lý thuyết và bài tập vận dụng. - Giải quyết tình huống trong phòng, chống tham nhũng. - Rubric chấm bài kiểm tra.	CLO1	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO1 → PLO2/PI2.2
			CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO2 → PLO2/PI2.2
Điểm thi cuối kỳ	50%	Bài thi kết hợp lý thuyết và bài tập vận dụng về các tình huống xảy ra trong tham nhũng .- Rubric chấm bài thi	CLO3	30	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO3 → PLO4/PI4.2
			CLO4	40	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO4/PI4.2
			CLO5	10	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO3 → CLO5 → PLO9/PI9.2
			CLO6	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO6 → PLO9/PI9.2

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đo lường mức đạt CLO	Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI	Dữ liệu được lấy từ
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*

CLO1	Trình bày và phân tích được những vấn đề cơ bản về tham nhũng và pháp luật phòng, chống tham nhũng; nhận diện được các hành vi tham nhũng và các nguyên tắc cơ bản trong phòng, chống tham nhũng.	x	PLO2/PI2.2	Bài kiểm tra giữa học phần; bài thi kết thúc học phần
CLO2	Phân tích được các quy định của pháp luật về phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng; xác định được quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn và các chủ thể có liên quan.	x	PLO2/PI2.2	Bài kiểm tra giữa học phần; bài thi kết thúc học phần
CLO3	Vận dụng được các quy định của pháp luật phòng, chống tham nhũng để nhận diện, phân tích và đánh giá các tình huống có dấu hiệu tham nhũng; xác định căn cứ pháp lý và đề xuất phương án xử lý phù hợp.	x	PLO4/PI4.2	Bài kiểm tra giữa học phần; bài thi kết thúc học phần
CLO4	Vận dụng được kiến thức pháp luật để giải quyết các vấn đề thực tiễn về phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng; biết tra cứu, lựa chọn và sử dụng các quy định pháp luật phù hợp để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể.	x	PLO4/PI4.2	Bài kiểm tra giữa học phần; bài thi kết thúc học phần
CLO5	Thể hiện khả năng tự học, chủ động nghiên cứu và cập nhật các quy định pháp luật về phòng, chống tham nhũng; có khả năng làm việc độc lập và phối hợp với các thành viên trong giải quyết vấn đề pháp lý.	x	PLO9/PI9.2	Kiểm tra thường xuyên; thảo luận, tranh biện, làm việc nhóm; bài thi kết thúc học phần
CLO6	Thể hiện ý thức tuân thủ pháp luật, trung thực, liêm	x		Đánh giá chuyên cần, nhận thức và

	chính và trách nhiệm trong học tập, công việc và đời sống; có thái độ tích cực trong phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, góp phần bảo vệ lợi ích của Nhà nước và xã hội.		PLO9/PI9.2	thái độ; bài thi kết thúc học phần

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thảo luận nhóm

Tiêu chí đánh giá	**CLO**	**Trọng số**	**Giỏi (10 - 8.5)**	**Khá (8.4 - 7.0)**	**Trung bình (6.9 - 5.0)**	**Yếu (4.9 - 0.0)**
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	50%	*Tham dự >85% buổi học*	*Tham dự 70-84% buổi học*	*Tham dự 50-69% buổi học*	*Tham dự <50% buổi học*
Ý thức tự học & thảo luận nhóm	CLO6	50%	Chủ động chuẩn bị bài, tích cực thảo luận, giải quyết tình huống và làm việc nhóm	Tham gia đầy đủ các hoạt động học tập, có trao đổi ý kiến	Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn thụ động	Không tham gia hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao

Rubric bài kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Nội dung chính 1: Kiến thức cơ bản về pháp luật phòng, chống tham nhũng	CLO1	20%	Trình bày đầy đủ, chính xác, có hệ thống các khái niệm, nguyên tắc, ý nghĩa, các hành vi tham nhũng và quy định cơ bản của pháp luật phòng, chống tham nhũng.	Trình bày cơ bản đầy đủ, chính xác các nội dung; còn một số thiếu sót hoặc sai sót nhỏ không đáng kể.	Nắm được những nội dung cơ bản nhưng thiếu hoặc còn nhầm lẫn một số khái niệm, nguyên tắc, quy định.	Không nắm được hoặc trình bày sai các nội dung cơ bản của pháp luật phòng, chống tham nhũng.
Nội dung chính 2: Phân tích và áp	CLO2 CLO3	30%	Xác định chính xác vấn đề pháp lý; phân tích và áp dụng	Phân tích và áp dụng cơ bản đúng quy	Xác định được vấn đề pháp lý nhưng áp dụng pháp luật còn	Không xác định được vấn đề pháp lý hoặc

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
dụng pháp luật phòng, chống tham nhũng			đúng, đầy đủ các quy định về phòng ngừa, phát hiện tham nhũng và kiểm soát tài sản, thu nhập; lập luận chặt chẽ, logic.	định pháp luật PCTN; lập luận tương đối rõ, còn một số hạn chế nhỏ.	hạn chế, phân tích chưa đầy đủ hoặc còn sai sót.	không áp dụng được quy định pháp luật PCTN để giải quyết vấn đề.
Nội dung chính 3: Phân tích quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm và xử lý hành vi vi phạm pháp luật PCTN	CLO4	20%	Phân tích đầy đủ, chính xác quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn; xác định đúng căn cứ, thẩm quyền và hình thức xử lý vi phạm pháp luật PCTN.	Phân tích và xác định cơ bản đúng trách nhiệm, hậu quả pháp lý và việc xử lý vi phạm; còn một số sai sót nhỏ.	Xác định được trách nhiệm và hậu quả pháp lý nhưng phân tích còn hạn chế, chưa đầy đủ.	Không xác định hoặc xác định sai trách nhiệm, thẩm quyền và hình thức xử lý vi phạm pháp luật PCTN.
Nội dung chính 4: Phân tích và giải quyết tình huống pháp luật về phòng, chống tham nhũng	CLO5	30%	Phân tích toàn diện, chính xác tình huống; nhận diện đúng hành vi tham nhũng/vi phạm, xác định căn cứ pháp luật và đề xuất phương án giải quyết, xử lý phù hợp, có lập luận thuyết phục.	Phân tích và giải quyết tình huống cơ bản phù hợp; xác định được căn cứ pháp luật và phương án giải quyết, còn hạn chế nhỏ.	Có khả năng giải quyết tình huống nhưng phân tích chưa đầy đủ, căn cứ hoặc phương án giải quyết còn sai sót.	Không phân tích được tình huống hoặc đưa ra phương án giải quyết không phù hợp với quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng.
Tổng điểm		**100%**				

12. Yêu cầu học phần

- **Quy định chuyên cần:** Người học phải tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định; đi học đúng giờ, chấp hành nội quy lớp học và tích cực tham gia các hoạt động học tập, thảo luận, trao đổi về các vấn đề phòng, chống tham nhũng.

- **Nhiệm vụ học tập và tự học:** Người học chủ động nghiên cứu giáo trình, văn bản pháp luật và các tài liệu liên quan đến phòng, chống tham nhũng; thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ tự học, bài tập, thảo luận nhóm và các yêu cầu nghiên cứu do giảng viên giao; chủ động cập nhật những quy định pháp luật có liên quan.

- **Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật:** Người học có thái độ nghiêm túc, trung thực, khách quan và có trách nhiệm trong học tập, kiểm tra và đánh giá; không sao chép, gian lận hoặc sử dụng tài liệu trái quy định; tôn trọng ý kiến của người khác; hình thành ý thức liêm chính, tuân thủ pháp luật và trách nhiệm trong phòng, chống tham nhũng.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức:** Người học biết vận dụng các quy định pháp luật về phòng, chống tham nhũng để nhận diện hành vi tham nhũng, phân tích tình huống, xác định trách nhiệm pháp lý của các chủ thể và đề xuất hướng xử lý phù hợp; biết tra cứu và sử dụng các văn bản pháp luật để giải quyết những vấn đề thực tiễn liên quan đến phòng, chống tham nhũng.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Nguyễn Đăng Dung - Phạm Hồng Thái - Chu Hồng Thanh - Vũ Công Giao (Đồng chủ biên) *Giáo trình lý luận và pháp luật về phòng, chống tham nhũng,* Nxb, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

[2]- Đinh Văn Minh (2019), *Một số vấn đề về tham nhũng và những nội và những vấn đề cơ bản của luật phòng, chống tham nhũng 2018,* Nxb. Lao động, Hà Nội.

[3]- Quốc Hội (2020), *Luật phòng, chống tham nhũng,* Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
1	**CHƯƠNG 1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ HÀNH VI THAM NHŨNG** **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu và trình bày được: Khái niệm tham nhũng; Đặc điểm của hành vi tham nhũng; Các hành vi tham nhũng **Nội dung cụ thể:** 1.1. Khái niệm tham nhũng 1.2. Đặc điểm của hành vi tham nhũng 1.3. Các hành vi tham nhũng BÀI TẬP THỰC HÀNH	7 (02LT, 05TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp tình huống; Đóng vai; Phương pháp làm việc nhóm; đóng vai, thảo luận.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và	CLO1 CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên, tài liệu [1]. + Đọc tài liệu [2], [3]. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	
2	**CHƯƠNG 2. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG** **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu và vận dụng được các vấn đề: Nội dung cơ bản của Luật phòng, chống tham nhũng; Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội phạm tham nhũng **Nội dung cụ thể:** 2.1. Nội dung cơ bản của Luật phòng, chống tham nhũng 2.2. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội phạm tham nhũng BÀI TẬP THỰC HÀNH	10 (03LT, 07TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp tình huống; Đóng vai; Phương pháp làm việc nhóm; đóng vai, thảo luận.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Trực quan tình huống trong quan hệ pháp luật. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1]. + Đọc tài liệu [2], [3]. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn cuộc sống.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5
3	**CHƯƠNG 3. NGUYÊN NHÂN, TÁC HẠI CỦA THAM NHŨNG VÀ CÁC**	9 (03LT,	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp**	CLO2 CLO3

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu và vận dụng được các vấn đề: Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng; Các biện pháp phòng, chống tham nhũng **Nội dung cụ thể:** 3.1. Nguyên nhân của tham nhũng 3.2. Tác hại của tham nhũng 3.3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng 3.4. Các biện pháp phòng, chống tham nhũng BÀI TẬP THỰC HÀNH	05TH, 01KT)	**tình huống; Đóng vai; Phương pháp làm việc nhóm; đóng vai, thảo luận.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung bài học tài liệu [1]. + Đọc tài liệu [2], [3]. + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	CLO5 CLO6
4	**CHƯƠNG 4. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG** **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu và vận dụng được các vấn đề: Vai trò của các cấp ủy Đảng trong phòng, chống tham nhũng; Trách nhiệm của các cấp chính quyền trong phòng chống tham nhũng; Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng; Trách nhiệm của gia đình và nhà trường trong phòng chống tham nhũng; Trách nhiệm của công dân trong phòng, chống tham nhũng **Nội dung cụ thể:**	09 (03LT, 06TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp tình huống; Đóng vai; Phương pháp làm việc nhóm; đóng vai, thảo luận.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. + Nhận xét, đánh giá	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	4.1. Vai trò của các cấp ủy Đảng trong phòng, chống tham nhũng 4.2. Trách nhiệm của các cấp chính quyền trong phòng chống tham nhũng 4.3. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng 4.4. Trách nhiệm của gia đình và nhà trường trong phòng chống tham nhũng 4.5. Trách nhiệm của công dân trong phòng, chống tham nhũng BÀI TẬP THỰC HÀNH		giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước nội dung bài học phần [1]. + Đọc tài liệu [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. + Ôn tập chuẩn bị kiểm tra giữa học phần.	
5	**CHƯƠNG 5. KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG** **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu và vận dụng được các vấn đề: Quan điểm của cộng đồng quốc tế về phòng, chống tham nhũng; Giới thiệu kinh nghiệm của một số quốc gia về phòng, chống tham nhũng **Nội dung cụ thể:** 5.1. Quan điểm của cộng đồng quốc tế về phòng, chống tham nhũng 5.2. Giới thiệu kinh nghiệm của một số quốc gia về phòng, chống tham nhũng BÀI TẬP THỰC HÀNH	10 (04LT, 06TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp tình huống; Đóng vai; Phương pháp làm việc nhóm; đóng vai, thảo luận.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Trực quan tình huống. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2], [3]. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Luật

1. Tên học phần (tiếng Việt/tiếng Anh): Xây dựng văn bản pháp luật/ Drafting legal documents

2. Mã học phần: LUAT 028

3. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ ba

5. Phân bổ thời gian:

- Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành
- Giờ học tập định mức của người học: 100 giờ (bao gồm 30 giờ dự giờ giảng trên lớp, 60 giờ tự học có hướng dẫn, nghiên cứu, 10 giờ chuẩn bị và tham gia dự kiểm tra, đánh giá định kỳ - quy chuẩn 50 giờ học tập/1 tín chỉ).

6. Điều kiện tiên quyết/Điều kiện học trước: Sau khi học xong Luật hành chính

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Đức Thị Hoà	0399.515.939	Hoakaka1973@gmail.com
2	Nguyễn Thái Mai	0912.376.293	mailuatquocte@yahoo.com.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Xây dựng văn bản pháp luật cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn bản pháp luật và xây dựng văn bản pháp luật theo từng nội dung về: quy trình xây dựng văn bản pháp luật; quy tắc sử dụng ngôn ngữ trong văn bản pháp luật; cách thức trình bày hình thức và nội dung của văn bản pháp luật; soạn thảo một số văn bản pháp luật điển hình; cách thức kiểm tra, rà soát và xử lí văn bản pháp luật. Trên cơ sở lí thuyết, học phần giúp sinh viên vận dụng giải quyết các bài tập tình huống cụ thể để soạn thảo văn bản pháp luật.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Học phần được thiết kế nhằm giúp sinh viên hiểu rõ về văn bản pháp quy trình xây dựng văn bản pháp luật; quy tắc sử dụng ngôn ngữ trong văn bản pháp luật; cách thức trình bày hình thức và nội dung của văn bản pháp luật; soạn thảo một số văn bản pháp luật điển hình; cách thức kiểm tra, rà soát và xử lí văn bản pháp luật. Trên cơ sở lí thuyết, học phần giúp sinh viên vận dụng giải quyết các bài tập tình huống cụ thể để soạn thảo văn bản pháp luật

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức bản pháp quy trình xây dựng văn bản pháp luật; quy tắc sử dụng ngôn ngữ trong văn bản pháp luật;

cách thức trình bày hình thức và nội dung của văn bản pháp luật; soạn thảo một số văn bản pháp luật điển hình; cách thức kiểm tra, rà soát và xử lí văn bản pháp luật. Trên cơ sở lí thuyết, học phần giúp sinh viên vận dụng giải quyết các bài tập tình huống cụ thể để soạn thảo văn bản pháp luật

- CO2 (Kỹ năng): Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích tổng hợp dữ liệu, thông tin, Quy định pháp luật, trình bày các vấn đề chuyên môn để xây dựng văn bản pháp luật vào thực tiễn nghề nghiệp
- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Hình thành cho người học ý thức thượng tôn pháp luật và tinh thần bảo vệ quyền con người; rèn luyện phong thái tự tin, trung thực khoa học, cam kết bảo mật thông tin và tuân thủ nghiêm ngặt đạo đức nghề nghiệp pháp lý; phát triển năng lực tự học, chủ động nghiên cứu độc lập và phối hợp làm việc nhóm hiệu quả, linh hoạt thích ứng trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Trình bày được kiến thức cơ bản về xây dựng văn bản pháp luật: quy trình xây dựng văn bản pháp luật; quy tắc sử dụng ngôn ngữ trong văn bản pháp luật; cách thức trình bày hình thức và nội dung của văn bản pháp luật; soạn thảo một số văn bản pháp luật điển hình; cách thức kiểm tra,rà soát và xử lí văn bản pháp luật	PI4.2/3	3
CLO2	Phân tích được tầm quan trọng của xây dựng văn bản pháp luật trong thực tiễn ngành luật	PI4.2/3	3
CLO3	Giải thích và hệ thống hóa được các hình thức văn bản pháp luật, cacha soạn thảo văn bản pháp luật và xử lí văn bản pháp luật	PI4.2/3	3
	Kỹ năng		
CLO4	Phân tích yêu cầu và tình huống pháp lý để soạn thảo hợp đồng, văn bản hành chính và các văn bản pháp lý phù hợp quy định của pháp luật	PI7. 1/3	3
CLO5	Thực hiện thành thạo bằng văn bản các tri thức chuyên môn, các lập luận trong soạn thảo các văn bản pháp luật.	PI8.2/3	3
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Chủ động xác định mục tiêu học tập cá nhân, nghiên cứu độc lập và tự bồi dưỡng chuyên môn; lập kế hoạch	PI10.1/3	3

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	và dẫn dắt làm việc nhóm hiệu quả; thể hiện tinh thần trách nhiệm xã hội, bảo vệ công lý và tuân thủ nghiêm ngặt chuẩn mực đạo đức nghề luật, trung thực khoa học, trích dẫn học thuật đúng quy chuẩn.		

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4		x	
CLO5		x	
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *		
	PLO2 PI2.2/2	**PLO3** PI3.2/2	**PLO7** PI7. 1/2
CLO1	M		
CLO2	M		
CLO3	M		
CLO4		M	
CLO5		M	
CLO6			M

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Ví dụ						
Điểm đánh giá thường xuyên	20%	- Điểm danh, theo dõi mức độ tham gia học tập. - Bài kiểm tra ngắn (trắc nghiệm/tự luận). - Thảo luận nhóm, thuyết trình. - Rubric đánh giá.	CLO4	20	Điểm chuyên cần; Rubric kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO4 → PLO4/PI4.2/3
			CLO5	40	Rubric thảo luận, thuyết trình	PLO8/ PI8.2/3
			CLO6	40	Rubric thái độ học tập, tự học, làm việc nhóm	PLO10 / PI 10. 1/3
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra tự luận. - Rubric chấm bài.	CLO1	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO1 → PLO4/PI4.2/3
			CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO2 → PLO4/PI4.2/3
	50%	- Bài thi tự luận - Rubric chấm bài	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO1 → PLO4/PI4.2/3
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → PLO4/PI4.2/3
			CLO3	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO3 → PLO4/PI4.2/3
			CLO4	30	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO7/PI7.1/3
			CLO5	10	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO5 → PLO8/PI8.2/3

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đo lường mức đạt CLO	Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI	Dữ liệu được lấy từ
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
CLO1	Trình bày được khái niệm, văn bản pháp luật Tiêu chí đánh giá chất lượng văn bản pháp luật .	x	PI 4.2	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO2	Giải thích được xung đột pháp luật, quy phạm xung đột pháp luật, áp dụng pháp luật nước ngoài, những vấn đề về hiệu lực của quy phạm xung đột	x	PI 4.2	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO3	Giải thích được Quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và Quy trình xây dựng văn bản áp dụng pháp luật	x	PI 4.2	Bài thi cuối kỳ
CLO4	Áp dụng được tên loại văn bản pháp luật Kĩ thuật trình bày hình thức văn bản pháp luật và công việc	x	PI 7.1	Bài thi cuối kỳ
CLO5	Vận dụng kiến thức để soạn thảo nội dung văn bản quy phạm pháp luật	x	PI 8.2	Thuyết trình, thảo luận nhóm; Bài tập vận dụng
CLO6	Thể hiện ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật quốc tế; chủ động tự học, tự nghiên cứu và cập nhật các vấn đề pháp lý quốc tế; có tinh thần trách nhiệm, thái độ khách quan, trung thực và chuyên nghiệp trong học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề pháp lý quốc tế.	x	PI 10.1	Rubric đánh giá quá trình; Quan sát trên lớp; Đánh giá thảo luận nhóm, thuyết trình

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. *Rubric đánh giá chuyên cần*

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				
		Rất tốt	**Tốt**	**Đạt yêu cầu**	**Không đạt**	**Điểm**
		10 – 8.5	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Mức độ tham dự theo thời khóa biểu	50	*Tham dự >85% buổi học*	*Tham dự 70-84% buổi học*	*Tham dự 50-69% buổi học*	*Tham dự <50% buổi học*	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50%	Chủ động chuẩn bị bài, tích cực phát biểu, thảo luận, giải quyết tình huống và làm việc nhóm	Tham gia đầy đủ các hoạt động học tập, có trao đổi ý kiến	Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn thụ động	Không tham gia hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao	

2. Rubric kiểm tra tự luận và thi tự luận.

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Kiến thức cơ bản về xây dựng văn bản pháp luật	CLO1, CLO2	**20%**	Trình bày đầy đủ, chính xác, có hệ thống.	Trình bày cơ bản đầy đủ, chính xác, còn một số hạn chế nhỏ.	Trình bày được một số kiến thức cơ bản nhưng còn thiếu nội dung, còn nhầm lẫn.	Không nắm được hoặc trình bày sai các kiến thức cơ bản
Phân tích được tầm quan trọng của xây dựng văn bản pháp luật, hệ thống hóa được các hình thức văn bản pháp luật,	CLO2, CLO3	**20%**	Phân tích chính xác, linh hoạt và hệ thống hóa được các hình thức văn bản pháp luật,	Phân tích chính xác, linh hoạt và hệ thống hóa được các hình thức văn bản pháp luật còn một số hạn chế nhỏ.	Phân tích chính xác, linh hoạt và hệ thống hóa được các hình thức văn bản pháp luật nhưng còn lúng túng, thiếu căn cứ trong một số tình huống.	KhôngPhân tích chính xác, linh hoạt và hệ thống hóa được các hình thức văn bản pháp luật.
Áp dụng được tên loại văn bản pháp luật. Kĩ thuật trình bày hình thức văn bản pháp luật và công việc	CLO4	**20%**	Áp dụng được tên loại văn bản pháp luật.và logic tình huống.	Áp dụng được tên loại văn bản pháp luật.đúng, có sai sót nhỏ.	Áp dụng được tên loại văn bản phápluật.nhưng phân tích còn hạn chế, bỏ sót một số yếu tố hoặc đưa ra nhận định chưa đầy đủ.	Không áp dụng được tên loại văn bản pháp luật. không phù hợp với thực tế.
Vận dụng	CLO4,	**30%**	Vận dụng	Vận dụng	Vận dụng	Không Vận

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
kiến thức để soạn thảo nội dung văn bản quy phạm pháp luật	CLO5		kiến thức để soạn thảo nội dung văn bản quy phạm pháp luật chuyên nghiệp.	kiến thức để soạn thảo nội dung văn bản quy phạm pháp luật chuyên nghiệp còn một số hạn chế.	kiến thức để soạn thảo nội dung văn bản quy phạm pháp luật chuyên nghiệp, nhưng còn lúng túng, hưa thật phù hợp trong một số trường hợp.	dụng kiến thức để soạn thảo nội dung văn bản quy phạm pháp luật chuyên nghiệp, hoặc vận dụng chưa đúng
Ý thức trách nhiệm, liêm chính, tuân thủ chuẩn mực đạo đức và bảo vệ uy tín nghề nghiệp	CLO6	**10%**	Thể hiện rõ và nhất quán tinh thần trách nhiệm,liêm chính,khách quan, tôn trọng sự thật, bảo vệ uy tín nghề	Thể hiện cơ bản đúng yêu cầu về trách nhiệm, liêm chính và tuân thủ chuẩn mực đạo đức; còn một số hạn chế nhỏ.	Nhận thức được yêu cầu về trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp nhưng chưa thể hiện đầy đủ hoặc chưa nhất quán trong ứng xử.	Không thể hiện được yêu cầu về trách nhiệm, liêm chính, tuân thủ chuẩn mực và đạo đức nghề nghiệp.

12. Yêu cầu học phần

- **Quy định chuyên cần:** Sinh viên phải tham dự tối thiểu **80%** tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá **20%** số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- **Nhiệm vụ học tập và tự học:** Sinh viên phải chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo về pháp luật Tư pháp quốc tế theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp; hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ tự học, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các chuyên đề tự học theo kế hoạch của học phần; tích cực phối hợp làm việc nhóm, chuẩn bị slide và thực hiện báo cáo, thuyết trình chuyên đề khi được phân công.

- **Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật:** Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động trao đổi, thảo luận và phản biện trong các hoạt động trên lớp; thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức:** Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng những nội dung cốt lõi của học phần Tư pháp quốc tế vào việc rèn luyện đạo đức, lối sống, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, phản biện và các hoạt động chính trị - xã hội phù hợp.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1 Đoàn Thị Tố Uyên (2018), *Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo: 2 cái

[2]. Đoàn Thị Tố Uyên. *Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng,* Nxb Tư pháp , Hà Nội, 2025.

[3]. Bùi Khắc Việt, *Kĩ thuật và ngôn ngữ soạn thảo văn bản quản lý Nhà nước*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
1.	**CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ VĂN BẢN PHÁP LUẬT** **Mục tiêu chung:** Trình bày được kiến thức cở bản về khái niệm văn bản pháp luật; tiêu chí đánh giá văn bản pháp luật **Nội dung cụ thể:** 11.1. Khái niệm văn bản pháp luật 1.1.1. Định nghĩa và Đặc điểm văn bản pháp luật 1.1.2. Phân loại văn bản pháp luật 1.2. Tiêu chí đánh giá chất lượng văn bản pháp luật 1.2.1. Tiêu chí về chính trị 1.2.2. Tiêu chí về tính hợp hiến, hợp pháp 1.2.3. Tiêu chí về tính hợp lí	04 (04LT 0TH)	**Phương pháp thuyết giảng; thảo luận, tranh biện; Phương pháp làm việc nhóm; phương pháp trực quan, nêu vấn đề** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, bài tập thảo luận cho các nhóm. **-Sinhviên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên + Đọc tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [2], [3], + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép, + Sinh viên tranh biện, thảo luận nhóm, giải quyết các tình huống	CLO1 CLO2 CLO3
2.	**CHƯƠNG 2. QUY TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT** **Mục tiêu chung**:	04 (04LT, 0TH)	**Thuyết giảng, tranh biện, tình huống, làm việc nhóm kết hợp trực quan.**	CLO1 CLO2 CLO3

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	Trình bày được kiến thứccơ bản về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; áp dụng pháp luật. Liên hệ vào xây dựng văn bản pháp luật trong từng ngành luật. **Nội dung cụ thể**: 2.1. Quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật 2.1.1. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo thủ tục thông thường 2.1.1.1. Đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật 2.1.1.2. Soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật 2.1.1.3. Thẩm định, thẩm tra dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. 2.1.1.4. Trình văn bản quy phạm pháp luật 2.1.1.5. Thông qua, ban hành văn bản quy phạm pháp luật[T2] 2.1.2. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo thủ tục rút gọn 2.2. Quy trình xây dựng văn bản áp dụng pháp luật 2.2.1. Xác định thẩm quyền giải quyết công việc cần áp dụng pháp luật và lựa chọn quy phạm pháp luật để áp dụng pháp luật. 2.2.2. Soạn thảo văn bản áp dụng pháp luật. 2.2.3. Trình, thông qua, kí và ban hành văn bản áp dụng pháp luật		**- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Trực quan tình huống trong quan hệ pháp luật. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [2], [3]. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn cuộc sống.	
3.	**CHƯƠNG 3. NGÔN NGỮ TRONG VĂN BẢN PHÁP LUẬT** **Mục tiêu chung:** Trình bày được kiến thức cơ bản về ngôn ngữ trong văn bản pháp luật; kỹ thuật sử dụng ngôn ngữ trong văn bản pháp luật **Nội dung cụ thể.** 3.1. Khái niệm ngôn ngữ trong văn bản	4 (04LT, 0TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp tình huống; Đóng vai; Phương pháp làm việc nhóm; đóng vai, thảo luận.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn	CLO2 CLO4 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	pháp luật 3.2. Yêu cầu đối với ngôn ngữ trong văn bản pháp luật 3.2.1. Đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan 3.2.2. Đảm bảo tính chính xác, rõ ràng.		sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [2], [3]. + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	
4.	**CHƯƠNG 4. HÌNH THỨC VĂN BẢN PHÁP LUẬT** **Mục tiêu chung:** Trình bày được cách xác định tên loại văn bản pháp luật; kĩ thuật trình bày hình thức văn bản pháp luật **Nội dung cụ thể**. 4.1. Xác định tên loại văn bản pháp luật 4.1.1.Sự cần thiết phải xác định tên loại văn bản pháp luật 4.1.2.Căn cứ xác định tên loại văn bản pháp luật 4.2. Kĩ thuật trình bày hình thức văn bản pháp luật 4.2.1. Yêu cầu về mẫu giấy và vùng trình bày văn bản pháp luật 4.2.2. Cách thức trình bày hình thức văn bản pháp luật	04 (04LT, 0TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp thảo luận; Phương pháp tình huống; Phương pháp làm việc nhóm; Phương pháp tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề,	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
			thảo luận. + Ôn tập chuẩn bị kiểm tra giữa học phần.	
5.	**CHƯƠNG 5. NỘI DUNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT** **Mục tiêu chung**: Trình bày được kiến thức cơ bản về soạn thảo nội dung văn bản quy phạm pháp và nội dung văn bản áp dụng pháp luật **Nội dung cụ thể.** 5.1. Soạn thảo nội dung văn bản quy phạm pháp luật 1.1. Soạn thảo cơ sở ban hành văn bản quy phạm pháp luật 5.1.2. Soạn thảo các quy định của văn bản quy phạm pháp luật 5.1.3. Soạn thảo quy định về hiệu lực pháp lý của văn bản quy phạm pháp luật 5.1.4. Kỹ thuật phân chia, sắp xếp các quy phạm pháp luật 5.2. Soạn thảo nội dung văn bản áp dụng pháp luật 5.2.1. Soạn thảo cơ sở ban hành văn bản áp dụng pháp luật 5.2.2. Soạn thảo mệnh lệnh của chủ thể áp dụng pháp luật 5.2.3.Soạn thảo quy định về hiệu lực pháp lý của văn bản áp dụng pháp luật	05 (0LT, 0TH 01KT) ,	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp thảo luận; Phương pháp tình huống; Phương pháp làm việc nhóm; Phương pháp tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Trực quan tình huống + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. + Tổ chức nhóm thực hiện đóng vai và tư vấn pháp luật về xác định quan hệ cha, mẹ, con. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [2], [3]. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Sinh viên tổ chức đóng vai và thực hiện hoạt động tư vấn pháp luật. + Sinh viên làm bài kiểm tra giữa học phần.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
6.	**CHƯƠNG 6. KIỂM TRA, RÀ SOÁT VÀ XỬ LÍ VĂN BẢN PHÁP LUẬT** **Mục tiêu chung:** Trình bày được kiến thức cơ bản về kiểm tra và văn bản pháp luật, đặc	04 (04LT, 0TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp thảo luận; Phương pháp tình huống; Phương pháp làm**	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	điểm kiểm tra văn bản pháp luật, rà soát văn bản pháp luật, xử lí văn bản pháp luật. **Nội dung cụ thể**. 6.1. Kiểm tra văn bản pháp luật 6.1.1. Khái niệm và đặc điểm kiểm tra văn bản pháp luật 6.1.2. Ý nghĩa của hoạt động kiểm tra văn bản pháp luật 6.1.3. Nguyên tắc và phương thức kiểm tra văn bản pháp luật 6.1.4. Nội dung kiểm tra văn bản pháp luật 6.1.5. Quy trình kiểm tra văn bản pháp luật 6.2. Rà soát văn bản pháp luật 6.2.1. Khái niệm rà soát văn bản pháp luật 6.2.2. Cơ sở tiến hành rà soát văn bản quy phạm pháp luật 6.2.3. Nội dung rà soát văn bản quy phạm pháp luật 6.3. Xử lí văn bản pháp luật 6.3.1. Những khiếm khuyết của văn bản pháp luật 6.3.2. Nguyên tắc xử lý văn bản pháp luật khiếm khuyết 7.3.3. Thẩm quyền xử lý văn bản pháp luật khiếm khuyết 6.3.4. Cách thức xử lý văn bản pháp luật khiếm khuyết 6.3.5. Cách thức soạn thảo văn bản pháp luật có nội dung xử lý văn bản pháp luật khác		**việc nhóm; Phương pháp tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung + Phân tích, lấy ví dụ + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay.	CLO5 CLO6
7.	**CHƯƠNG 7. SOẠN THẢO MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LUẬT ĐIỂN HÌNH** **Mục tiêu chung:** Trình bày được những kiến thức cơ bản về soạn thảo một số văn bản pháp luật điển hình: luật, pháp lênh, nghị quyết, nghị định, thẩm quyền ban hành và nội dung của nghị định, cách thúc soạn thảo nghị định, thông tư **Nội dung cụ thể:** 7.1. Soạn thảo luật, pháp lệnh 7.1.1. Thẩm quyền ban hành và nội dung của	05 (05LT, 0TH)	**Thuyết giảng, tranh biện, thảo luận, tình huống, làm việc nhóm - Giảng viên:** + Thuyết giảng giải các nội dung về soạn thảo một số văn bản pháp luật điển hình + Nêu tình huống cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	luật pháp lệnh 7.1.2. Cách thức soạn thảo 7.2. Soạn thảo Nghị quyết 7.2.1. Thẩm quyền ban hành nghị quyết 7.2.2. Nội dung của nghị quyết 7.2.3. Cách thức soạn thảo nghị quyết 7.3. Soạn thảo Nghị định 7.3.1. Thẩm quyền ban hành và nội dung của nghị định 7.3.2. Cách thức soạn thảo nghị định 7.4. Soạn thảo thông tư 7.4.1. Thẩm quyền ban hành và nội dung của thông tư 7.4.2. Cách thức soạn thảo thông tư 7.5. Soạn thảo quyết định 7.5.1. Thẩm quyền ban hành quyết định 7.5.2. Nội dung của quyết định 7.5.3. Cách thức soạn thảo quyết định 7.6. Soạn thảo chỉ thị 7.6.1. Thẩm quyền ban hành và nội dung của chỉ thị 7.6.2. Cách thức soạn thảo chỉ thị		giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. **- Sinh viên:** Đọc nội dung chương 5 tài liệu [1] + Đọc tài liệu tham khảo [2], [3], [4]. + Thực hành soạn thảo văn bản + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Luật

1. Tên học phần: Luật đất đai/ Land Law
2. Mã học phần: LUAT 025
3. Số tín chỉ: 3(2,1)
4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ ba
5. Phân bổ thời gian
- Lý thuyết: 30 giờ, 30 giờ thực hành
- Giờ học tập định mức của người học: 150 giờ (bao gồm 30 giờ dự giờ giảng trên lớp, 110 giờ tự học có hướng dẫn, nghiên cứu, 10 giờ chuẩn bị và tham gia dự kiểm tra, đánh giá định kỳ - quy chuẩn 50 giờ học tập/1 tín chỉ).

6. Điều kiện tiên quyết: Không
7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Đức Thị Hòa	0399515939	Hoakaka1973@gmail.com
2.	Th.s Phạm Thị Mai	0978370438	phammaidhsd@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Luật đất đai giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Những vấn đề lý luận chung về ngành luật đất đai, các vấn đề lý luận cơ bản của sở hữu toàn dân về đất đai, ciao đất, cho thuê đất, thu hồi đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, địa vị pháp lý của người sử dụng đất, chế độ pháp lý về sử dụng đất, những vấn đề pháp lý về giải quyết tranh chấp đất đai, xử lý vi phạm pháp luật về đất đai. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về luật đất đai Việt Nam, từ đó sinh viên có ý thức tôn trọng pháp luật, đặc biệt là tôn trọng các quyết định của chủ thể có thẩm quyền trong quản lí hành chính nhà nước về đất đai

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần
10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về Luật đất đai Việt Nam, bao gồm những vấn đề lý luận chung về ngành Luật đất đai; chế độ sở hữu toàn dân về đất đai; giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; chế độ pháp lý về sử dụng đất; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai. Qua đó, giúp sinh viên hình thành và phát triển năng lực tư duy pháp lý, khả năng phân tích, đánh giá và vận dụng các quy định của pháp luật đất đai để giải quyết các tình huống, vấn đề phát sinh trong thực tiễn; đồng thời nâng cao ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, trách nhiệm nghề nghiệp, năng lực tự học, tự nghiên cứu và vận dụng kiến thức pháp luật đất đai trong học tập, công tác và thực tiễn nghề nghiệp.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- **CO1 (Kiến thức):** Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản và có tính hệ thống về Luật đất đai Việt Nam; những vấn đề lý luận chung về pháp luật đất đai; chế độ sở hữu toàn dân về đất đai; vai trò, thẩm quyền quản lý nhà nước về đất đai; giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; chế độ pháp lý đối với các loại đất; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai.
- **CO2 (Kỹ năng):** Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá và vận dụng các quy định của pháp luật đất đai để nhận diện, phân tích và giải quyết các tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn; phát triển kỹ năng thu thập, xử lý và khai thác thông tin pháp luật; kỹ năng tư duy pháp lý, thảo luận, làm việc nhóm, trình bày, lập luận và phản biện các vấn đề liên quan đến quản lý và sử dụng đất đai.
- **CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm):** Tạo cơ hội và môi trường cho sinh viên phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và cập nhật các quy định của pháp luật đất đai; hình thành ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, đặc biệt là các quy định về quản lý và sử dụng đất đai; nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, ý thức bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân và cộng đồng trong quá trình học tập, công tác và thực hiện nghề nghiệp.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Trình bày, giải thích được các khái niệm, nguyên tắc cơ bản của pháp luật đất đai, chế độ sở hữu đất đai và hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về đất đai.	PI2.2	4
CLO2	Phân tích được các quy định pháp luật về địa giới hành chính, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và tài chính đất đai.	PI2.2	4
CLO3	Nắm vững hệ thống quy định về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trình tự giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai.	PI2.2; PI7.1	4
	Kỹ năng		
CLO4	Vận dụng được các quy định của pháp luật đất đai để phân tích, đánh giá và đề xuất phương án giải quyết các tình huống pháp lý cụ thể.	PI2.2	4
CLO5	Thực hiện được việc tra cứu, phân tích văn bản pháp luật; trình bày, lập luận, phản biện và phối hợp làm việc nhóm để giải quyết, tư vấn các vấn đề pháp lý trong lĩnh vực đất đai	PI3.1	4
	Mức tự chủ và trách nhiệm		

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
CLO6	Thể hiện ý thức chủ động tự học, tuân thủ pháp luật, trung thực trong học tập và nghiên cứu; có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng trong nhận thức và giải quyết các vấn đề về đất đai.	PI7.1	4

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4		x	
CLO5		x	
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *		
	PLO2	**PLO3**	**PLO7**
	PI2.2	**PI3.1**	**PI7.1**
CLO1	I		
CLO2	R		
CLO3	R		I
CLO4	M		
CLO5		M	
CLO6			R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI

(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Ví dụ						
Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Thời gian tham gia lớp học. - Thảo luận, tranh biện và làm việc nhóm. - Đóng vai, xử lý tình huống. - Trải nghiệm thực tiễn và báo cáo kết quả. - Rubric đánh giá quá trình.	CLO5	40	Điểm Rubric quá trình, bài tập, Điểm bài tập, tình huống	CLO5 → PLO3/PI3.1
			CLO6	60	Điểm Rubric quá trình	CLO6 → PLO7/PI7.1
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra viết kết hợp lý thuyết và bài tập vận dụng. - Giải quyết tình huống kết hôn, kết hôn trái pháp luật. - Rubric chấm bài kiểm tra.	CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO2 → PLO2/PI2.2
			CLO4	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO4 → PLO2/PI2.2
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi kết hợp lý thuyết và bài tập vận dụng về các tình huống xảy ra trong hôn nhân và gia đình .- Rubric chấm bài thi	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO1 → PLO2/PI2.2
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → PLO2/PI2.2
			CLO3	30	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO3 → PLO2/PI2.2; PLO7/PI7.1
			CLO4	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO2/PI2.2
			CLO5	10	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO5 → PLO3/PI3.1

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đo lường mức đạt CLO	Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI	Dữ liệu được lấy từ
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
CLO1	Trình bày, giải thích được các khái niệm, nguyên tắc cơ bản của pháp luật đất đai, chế độ sở hữu đất đai và hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về đất đai.	x	PLO2/PI2.2	Bài kiểm tra giữa học phần; bài thi kết thúc học phần
CLO2	Phân tích được các quy định pháp luật về địa giới hành chính, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và tài chính đất đai.	x	PLO2/PI2.2	Bài kiểm tra giữa học phần; bài thi kết thúc học phần
CLO3	Nắm vững hệ thống quy định về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trình tự giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai.	x	PLO2/PI2.2; PLO7/PI7.1	Bài kiểm tra giữa học phần; bài thi kết thúc học phần
CLO4	Tra cứu, giải thích và áp dụng chính xác các quy định pháp luật đất đai hiện hành để phân tích, đánh giá tính pháp lý của các giao dịch, hành vi liên quan đến đất đai.	x	PLO2/PI2.2	Bài kiểm tra giữa học phần; bài thi kết thúc học phần
CLO5	Soạn thảo được các hồ sơ, hợp đồng, văn bản tư vấn và văn bản pháp lý thông dụng liên quan đến chuyển nhượng, thế chấp, tặng cho, thừa kế, thuê quyền sử dụng đất	x	PLO3/PI3.1	Kiểm tra thường xuyên; thảo luận, tranh biện, làm việc nhóm; bài thi kết thúc học phần
CLO6	Đề xuất phương án, quy trình giải quyết các tình huống tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai trong thực tiễn tại cơ quan, tổ chức hoặc doanh nghiệp.	x	PLO7/PI7.1	Đánh giá chuyên cần, nhận thức và thái độ; bài thi kết thúc học phần

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thảo luận nhóm

Tiêu chí đánh giá	**CLO**	**Trọng số**	**Giỏi (10 - 8.5)**	**Khá (8.4 - 7.0)**	**Trung bình (6.9 - 5.0)**	**Yếu (4.9 - 0.0)**
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	50%	*Tham dự >85% buổi học*	*Tham dự 70-84% buổi học*	*Tham dự 50-69% buổi học*	*Tham dự <50% buổi học*
Ý thức tự học & thảo luận nhóm	CLO6	50%	Chủ động chuẩn bị bài, tích cực thảo luận, giải quyết tình huống và làm việc nhóm	Tham gia đầy đủ các hoạt động học tập, có trao đổi ý kiến	Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn thụ động	Không tham gia hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao

Rubric bài kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Nội dung chính 1: Kiến thức cơ bản về pháp luật đất đai	CLO1	20%	Trình bày đầy đủ, chính xác, có hệ thống các khái niệm, nguyên tắc và quy định cơ bản của pháp luật hôn nhân và gia đình.	Trình bày cơ bản đầy đủ, chính xác các nội dung; còn một số thiếu sót hoặc sai sót nhỏ.	Nắm được những nội dung cơ bản nhưng thiếu hoặc còn nhầm lẫn một số khái niệm, nguyên tắc, quy định.	Không nắm được hoặc trình bày sai các nội dung cơ bản của pháp luật hôn nhân và gia đình.
Nội dung chính 2: Phân tích và áp dụng pháp luật đất đai	CLO2 CLO3	30%	Xác định chính xác vấn đề pháp lý; phân tích và áp dụng đúng, đầy đủ các quy định pháp luật; lập luận chặt chẽ, logic.	Phân tích và áp dụng cơ bản đúng quy định pháp luật; lập luận tương đối rõ, còn một số hạn chế nhỏ.	Xác định được vấn đề pháp lý nhưng áp dụng pháp luật còn hạn chế, phân tích chưa đầy đủ hoặc còn sai sót.	Không xác định được vấn đề pháp lý hoặc không áp dụng được quy định pháp luật để giải quyết vấn đề.

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Nội dung chính 3: Phân tích quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý trong luật đất đai	CLO4	20%	Phân tích đầy đủ, chính xác quyền, nghĩa vụ của các bên; xác định đúng căn cứ và hậu quả pháp lý.	Phân tích và xác định cơ bản đúng quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý; còn một số sai sót nhỏ.	Xác định được quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý nhưng phân tích còn hạn chế, chưa đầy đủ.	Không xác định hoặc xác định sai quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý.
Nội dung chính 4: Phân tích và giải quyết tình huống pháp luật đất đai	CLO5	30%	Phân tích toàn diện, chính xác tình huống; xác định đúng vấn đề, căn cứ pháp luật và đề xuất phương án giải quyết phù hợp, có lập luận thuyết phục.	Phân tích và giải quyết cơ bản phù hợp; xác định được căn cứ pháp luật và phương án giải quyết, còn hạn chế nhỏ.	Có khả năng giải quyết tình huống nhưng phân tích chưa đầy đủ, căn cứ hoặc phương án giải quyết còn sai sót.	Không phân tích được tình huống hoặc đưa ra phương án giải quyết không phù hợp với quy định pháp luật.
Tổng điểm		100%				

12. Yêu cầu học phần

- **Quy định chuyên cần:** Sinh viên phải tham dự tối thiểu **80%** tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá **20%** số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- **Nhiệm vụ học tập và tự học:** Sinh viên phải chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp; hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ tự học, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các chuyên đề tự học theo kế hoạch của học phần; tích cực phối hợp làm việc nhóm, chuẩn bị slide và thực hiện báo cáo, thuyết trình chuyên đề khi được phân công.

- **Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật:** Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động trao đổi, thảo luận và phản biện trong các hoạt động trên lớp; thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức:** Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng những nội dung cốt của học phần. Từ đó có trách nhiệm nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, phản biện và các hoạt động chính trị - xã hội phù hợp.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Lưu Quốc Thái (2025), *Giáo trình Luật đất đai*, Nxb Công an nhân dân

- Tài liệu tham khảo:

[2] - Quốc hội (2024), *Luật đất đai*, Nxb Tư pháp.

[3] - Trần Quang Huy (2022), *Giáo trình Luật đất đai*, Nxb Công an nhân dân.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
1	**CHƯƠNG 1: CHẾ ĐỘ SỞ HỮU ĐẤT ĐAI** **Mục tiêu chương:** Giúp cho sinh viên hiểu được khái niệm chế độ sở hữu đất đai, đặc trưng, những yếu tố chi phối chế độ sở hữu đất đai **Nội dung cụ thể** 1. Khái niệm chế độ sở hữu đất đai 2. Những yếu tố cơ bản chi phối chế độ sở hữu đất đai 3. Lược sử quan hệ sở hữu đất đai ở Việt nam 4. Những đặc trưng của chế độ sở hữu toàn dân đối với đất đai ở Việt Nam **Bài tập**	02 (02LT, 5TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, nêu vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, đóng vai, tình huống, tranh biện, phương pháp trải nghiệm thực tế** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. + giảng viên đưa ra các tình huống cho sinh viên tranh biện giải quyết vấn đề **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên phần 1, 2, 3, 4 chương 1, tài liệu [1]. + Đọc tài liệu [2] + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	CLO1 CLO4,5
2	**CHƯƠNG 2. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LUẬT ĐẤT ĐAI** **Mục tiêu chương:** - Biết và hiểu được khái niệm luật đất đai, quan hệ pháp luật đất đai.	06 (02LT, 04TH)	**Thuyết giảng, trực quan, sử dụng tình huống, dạy học dựa trên vấn đề, đóng vai, tình huống, phương pháp trải nghiệm, phương pháp**	CLO1 CLO4,5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	- Hiểu được chủ thể, khách thể và nội dung của quyền sở hữu đất đai. **Nội dung cụ thể:** 1. Khái niệm Luật đất đai 1.1. Định nghĩa 1.2. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh 1.3. Các nguyên tắc của luật đất đai 1.4. Nguồn của Luật đất đai 2. Quan hệ pháp luật đất đai 2.1. Chủ thể của quan hệ pháp luật đất đai 2.2. Khách thể 2.3. Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật đất đai		**tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Trực quan tình huống trong quan hệ pháp luật. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và chương 2, tài liệu [1]. + Đọc tài liệu [1,2] + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn cuộc sống.	
3	**CHƯƠNG 3. QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU VÀ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI** **Mục tiêu chương**: - Biết và hiểu được các hoạt động về quản lý địa giới hành chính, bản đồ hành chính - Hiểu được các hoạt động điều tra và đánh giá đất đai - Hiểu được thống kê, kiểm kê đất đai, giá đất **Nội dung cụ thể:** 1. Hoạt động về quản lý địa giới hành chính, bản đồ hành chính 2. Hoạt động điều tra, đánh giá đất đai 3. Quản lý hồ sơ địa chính 4. Thống kê, kiểm kê đất đai 5. Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai và cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai 6. Quản lý tài chính về đất đai và giá đất	07 (03LT, 04TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, phương pháp động não, dạy học dựa trên vấn đề, đóng vai, trải nghiệm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung bài học	CLO1 CLO4,5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	Bài tập		tài liệu [1] tr 72-85. + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Ôn tập kiểm tra giữa học phần.	
4	**CHƯƠNG 4. ĐIỀU PHỐI ĐẤT ĐAI** **Mục tiêu chương:** - Biết và hiểu được khái niệm và nội dung điều phối đất đai - Hiểu được các hình thức sử dụng đất của người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, các nhân nước ngoài tại Việt Nam. Nội dung cụ thể: 1. Khái niệm điều phối đất đai 2. Nội dung điều phối đất đai 2.1. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất 2.2. Giao đất, cho thuê đất 2.3. Chuyển mục đích sử dụng đất 2.4. Thời hạn sử dụng đất 2.5. Thu hồi đất 2.6. Đăng ký đất đai, tài sản khác gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất **Bài tập**	08(01LT, 06TH 01KT)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, dạy học dựa trên vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, đóng vai, tình huống, tranh biện** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biên. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước nội dung bài học phần 1,2 Chương 4 tr. 109-179 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. + Sv kiểm tra giữa học phần.	CLO1 CLO4,5
5	**CHƯƠNG 5. QUYỀN CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT** **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu được: Khái niệm và phân loại người sử dụng đất. Các quyền chung và quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, thế chấp quyền sử dụng đất. Nghĩa vụ tài chính (tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế đất) và nghĩa	07 (02LT, 05TH)	**Thuyết trình, nêu vấn đề, trực quan, sử dụng tình huống, đóng vai, tranh biện,** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	CLO1 CLO4,5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	vụ bảo vệ, sử dụng đất đúng mục đích **Nội dung cụ thể:** 1. Quyền chung của người sử dụng đất 2. Quyền giao dịch quyền sử dụng đất 3. Quyền lựa chọn hình thức trả tiền thuê đất 4. Quyền đối với thửa đất liền kề **Bài tập**		+ Trực quan tình huống về chế độ pháp lý sử dụng đất. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1] chương 5 tr263 – 362. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	
	CHƯƠNG 6. NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu được: Nghĩa vụ chung của người sử dụng đất, nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất Nội dung cụ thể: 1. Nghĩa vụ chung của người sử dụng đất 2. Nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất 2.1. Nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất 2.2. Nghĩa vụ nộp tiền thuê đất 2.3. Nghĩa vụ nộp thuế sử dụng đất 2.4. Nghĩa vụ nộp thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất 2.5. Nghĩa vụ nộp lệ phí trước bạ 2.6. Nghĩa vụ nộp lệ phí địa chính	06 (02LT, 04TH)	**Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, thảo luận nhóm, đóng vai, tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Trực quan tình huống trong nghĩa vụ của người sử dụng đất + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Phân tích, lấy ví dụ về làm rõ các nội dung. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1] chương 6 tr 368-431. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	
6	**CHƯƠNG 7. CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT ĐẤT ĐAI**	04 (02LT, 02TH)	**Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, thảo luận nhóm, đóng vai, tranh**	CLO1 CLO4,5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	Mục tiêu chương: - Biết và hiểu khái niệm thanh ra, kiểm tra, ý nghĩa, mục đích của công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đất đai - Biết và hiểu được các dạng tranh chấp đất đai, nguyên nhân dẫn đến tranh chấp đất đai và hoạt động giải quyết tranh chấp đất đai - Hiểu được các nguyên tắc giải quyết khiếu nại tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai, thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai và trình tự giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai. - Hiểu được các hình thức trách nhiệm pháp lý trong việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật đất đai Nội dung cụ thể: 1. Giám sát, theo dõi, đánh giá việc quản lý và sử dụng đất đai 2. Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán đất đai 3. Xử lý vi phạm pháp luật đất đai 4. Giải quyết tranh chấp về đất đai 5. Giải quyết khiếu nại tố cáo về đất đai 6. Giải quyết tố cáo về đất đai **Bài tập**		**biện.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Trực quan tình huống trong phân xử lý đất đai. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Phân tích, lấy ví dụ về làm rõ các nội dung. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1] chương 7 + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay. + Lấy ví dụ về các vụ án xử lý vi phạm pháp luật đất đai hiện nay ở nước ta. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Luật

1. Tên học phần: Luật Tố tụng hành chính/ Law on Administrative Procedures

2. Mã học phần: LUAT 014

3. Số tín chỉ: 3 (2,1)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ ba

5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết, 15 giờ thực hành
- Giờ học tập định mức của người học: 150 giờ (bao gồm 30 giờ dự giờ giảng trên lớp, 60 giờ tự học có hướng dẫn, nghiên cứu, 10 giờ chuẩn bị và tham gia dự kiểm tra, đánh giá định kỳ - quy chuẩn 50 giờ học tập/1 tín chỉ).

6. Điều kiện tiên quyết/Điều kiện học trước: Sau khi học xong học phần Luật Hành chính

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Trần Thị Hiền	0903472992	hiendhl@gmail.com
2	Ths. Phạm Văn Huân	0904.395.479	huan_pv@yahoo.com.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về tài phán hành chính; các nguyên tắc cơ bản của Luật Tố tụng hành chính cũng như quan hệ pháp luật tố tụng hành chính; thẩm quyền xét vụ án hành chính của tòa án; chức năng quyền và nghĩa vụ của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng hành chính; các nội dung về các cấp xét xử vụ án hành chính từ sơ thẩm, phúc thẩm, thủ tục xét xử đặc biệt và những nội dung liên quan trong việc áp dụng pháp luật để giải quyết các vụ án hành chính.

Cung cấp và hình thành một số kỹ năng như: soạn thảo văn bản áp dụng pháp luật; xây dựng hồ sơ vụ án; kỹ năng phân tích vụ án hành chính; nhận diện và giải quyết các vấn đề pháp lý, lập luận, tranh luận, phản biện; kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình.

Học phần đóng góp vào hình thành tuân thủ quy trình xét xử vụ án hành chính theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về những vấn đề lý luận và pháp lý của Luật Tố tụng hành chính Việt Nam; giúp sinh viên hiểu rõ các nguyên tắc tố tụng hành chính, thẩm quyền giải quyết các khiếu kiện hành chính của Tòa

án nhân dân, địa vị pháp lý của cơ quan, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng, chứng cứ và chứng minh, các biện pháp khẩn cấp tạm thời, cũng như trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hành chính từ khởi kiện, thụ lý, chuẩn bị xét xử, xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm đến xem xét lại bản án, quyết định của Tòa án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và các thủ tục đặc biệt. Qua đó, hình thành và phát triển cho sinh viên tư duy pháp lý, năng lực phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong lĩnh vực tố tụng hành chính; rèn luyện kỹ năng nghiên cứu, lập luận, tranh luận, phản biện, soạn thảo văn bản tố tụng và vận dụng pháp luật vào giải quyết các tình huống thực tiễn. Đồng thời, góp phần hình thành ý thức tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, độc lập và khả năng làm việc nhóm của sinh viên, đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu và hành nghề pháp luật trong thực tiễn.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- **CO1 (Kiến thức):** Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng, có tính hệ thống về Luật Tố tụng hành chính Việt Nam, bao gồm những vấn đề lý luận chung về tài phán hành chính và tố tụng hành chính; các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hành chính; thẩm quyền giải quyết khiếu kiện hành chính của Tòa án nhân dân; cơ quan, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng; chứng cứ và chứng minh trong vụ án hành chính; các biện pháp khẩn cấp tạm thời; trình tự, thủ tục khởi kiện, thụ lý, chuẩn bị xét xử, xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm và xem xét lại bản án, quyết định của Tòa án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và các thủ tục đặc biệt.

- **CO2 (Kỹ năng):** Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng nghiên cứu, phân tích và vận dụng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính để nhận diện, đánh giá và giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn; phát triển kỹ năng phân tích hồ sơ vụ án hành chính, xác định thẩm quyền của Tòa án, xác định quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tố tụng, đánh giá chứng cứ, xây dựng lập luận pháp lý, tranh luận, phản biện và soạn thảo các văn bản tố tụng hành chính; đồng thời phát triển kỹ năng giao tiếp, thảo luận, làm việc nhóm, thuyết trình và giải quyết tình huống pháp lý.

- **CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm):** Tạo cơ hội và môi trường cho sinh viên phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và chủ động cập nhật các quy định pháp luật về tố tụng hành chính; hình thành ý thức tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng công lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; rèn luyện tính khách quan, trung thực, trách nhiệm, bản lĩnh nghề nghiệp và đạo đức của người học luật; có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tự chịu trách nhiệm về quan điểm và quyết định của mình, đồng thời có ý thức vận dụng pháp luật đúng đắn, góp phần bảo đảm pháp chế, công bằng và hiệu quả trong hoạt động tố tụng hành chính.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
CLO1	Trình bày được những vấn đề lý luận cơ bản về Luật Tố tụng hành chính Việt Nam, bao gồm khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh, nguồn của Luật Tố tụng hành chính; tài phán hành chính, tố tụng hành chính và hệ thống các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hành chính.	PI2.2/2	3
CLO2	Phân tích được các quy định của pháp luật tố tụng hành chính về thẩm quyền giải quyết khiếu kiện hành chính của Tòa án nhân dân; cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng; chứng cứ, chứng minh và các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong vụ án hành chính.	PI2.2/2	4
CLO3	Phân tích được trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hành chính, bao gồm khởi kiện, thụ lý, chuẩn bị xét xử, xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm và xem xét lại bản án, quyết định của Tòa án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và thủ tục đặc biệt.	PI7.2/3	5
	Kỹ năng		
CLO4	Áp dụng được các quy định của pháp luật tố tụng hành chính để xác định thẩm quyền, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tố tụng, đánh giá chứng cứ và giải quyết các tình huống pháp lý cụ thể phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án hành chính.	PI2.2/2	4
CLO5	Vận dụng được kiến thức và kỹ năng tố tụng hành chính để phân tích hồ sơ vụ án, xây dựng lập luận pháp lý, soạn thảo một số văn bản tố tụng; trình bày, tranh luận, phản biện và bảo vệ quan điểm pháp lý; thực hiện hiệu quả hoạt động thảo luận, làm việc nhóm và giải quyết tình huống thực tiễn.	PI7.2/3	5
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Thể hiện khả năng tự học, tự nghiên cứu và chủ động cập nhật các quy định pháp luật về tố tụng hành chính; có ý thức tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; có tinh thần trách nhiệm, tính khách quan, trung thực và đạo	PI8.1/3	5

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	đức nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và chịu trách nhiệm về quan điểm, hành vi của mình trong học tập và thực hành nghề luật.		

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4	x	x	
CLO5		x	x
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *		
	PLO 2	**PLO 7**	**PLO 8**
	PI2.2/2	PI7.2/3	PI8.1/3
CLO1	M		
CLO2	M		
CLO3		R	
CLO4	M		
CLO5		R	
CLO6			R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Ví dụ						
Điểm chuyên cần, điểm kiển tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Thời gian tham gia lớp học. - Thảo luận, tranh biện và làm việc nhóm. - Đóng vai, xử lý tình huống. - Trải nghiệm thực tiễn và báo cáo kết quả. - Rubric đánh giá quá trình.	CLO5	40	Điểm Rubric quá trình, bài tập, Điểm bài tập, tình huống	CLO5 → PLO7/ PI7.2/3
			CLO6	60	Điểm Rubric quá trình	CLO6 → PLO8/ PI8.1/3
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra viết kết hợp lý thuyết và bài tập vận dụng. - Giải quyết tình huống tố tụng hành chính - Rubric chấm bài kiểm tra.	CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO2 → PLO2/PI2.2
			CLO4	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO4 → PLO7/ PI7.2/3
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi kết hợp lý thuyết và bài tập vận dụng về các tình huống xảy ra trong hôn nhân và gia đình .- Rubric chấm bài thi	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO1 → PLO2/PI2.2
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → PLO2/PI2.2
			CLO3	30	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO3 → PLO2/PI2.2; PLO7/ PI7.2/3
			CLO4	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO2/PI2.2
			CLO5	10	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO5 → PLO7/ PI7.2/3

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đo lường mức đạt CLO	Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI	Dữ liệu được lấy từ
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
CLO1	Trình bày được những vấn đề lý luận cơ bản về Luật Tố tụng hành chính Việt Nam, bao gồm khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh, nguồn của Luật Tố tụng hành chính; tài phán hành chính, tố tụng hành chính và hệ thống các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hành chính.	x	PLO2/PI2.2/2	Bài kiểm tra giữa học phần; bài thi kết thúc học phần
CLO2	Phân tích được các quy định của pháp luật tố tụng hành chính về thẩm quyền giải quyết khiếu kiện hành chính của Tòa án nhân dân; cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng; chứng cứ, chứng minh và các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong vụ án hành chính.	x	PLO2/PI2.2/2	Bài kiểm tra giữa học phần; bài thi kết thúc học phần
CLO3	Phân tích được trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hành chính, bao gồm khởi kiện, thụ lý, chuẩn bị xét xử, xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm và xem xét lại bản án, quyết định của Tòa án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và thủ tục đặc biệt.	x	PLO7/PI7.2/3	Bài kiểm tra giữa học phần; bài thi kết thúc học phần
CLO4	Áp dụng được các quy định của pháp luật tố tụng hành chính để xác định thẩm quyền, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tố tụng, đánh giá chứng cứ và giải quyết các tình huống pháp lý cụ thể phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án hành chính.	x	PLO2/PI2.2/2	Bài kiểm tra giữa học phần; bài thi kết thúc học phần
CLO5	Vận dụng được kiến thức và kỹ năng tố tụng hành chính để phân	x	PLO7/PI7.2/3	Kiểm tra thường

	tích hồ sơ vụ án, xây dựng lập luận pháp lý, soạn thảo một số văn bản tố tụng; trình bày, tranh luận, phản biện và bảo vệ quan điểm pháp lý; thực hiện hiệu quả hoạt động thảo luận, làm việc nhóm và giải quyết tình huống thực tiễn.			xuyên; thảo luận, tranh biện, làm việc nhóm; bài thi kết thúc học phần
CLO6	Thể hiện khả năng tự học, tự nghiên cứu và chủ động cập nhật các quy định pháp luật về tố tụng hành chính; có ý thức tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; có tinh thần trách nhiệm, tính khách quan, trung thực và đạo đức nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và chịu trách nhiệm về quan điểm, hành vi của mình trong học tập và thực hành nghề luật.	x	PLO8/PI8.1/3	Đánh giá chuyên cần, nhận thức và thái độ; bài thi kết thúc học phần

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thảo luận nhóm

Tiêu chí đánh giá	**CLO**	**Trọng số**	**Giỏi (10 - 8.5)**	**Khá (8.4 - 7.0)**	**Trung bình (6.9 - 5.0)**	**Yếu (4.9 - 0.0)**
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	50%	*Tham dự >85% buổi học*	*Tham dự 70-84% buổi học*	*Tham dự 50-69% buổi học*	*Tham dự <50% buổi học*
Ý thức tự học & thảo luận nhóm	CLO6	50%	Chủ động chuẩn bị bài, tích cực thảo luận, giải quyết tình huống và làm việc nhóm	Tham gia đầy đủ các hoạt động học tập, có trao đổi ý kiến	Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn thụ động	Không tham gia hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao

Rubric bài kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Nội dung chính 1: Kiến thức	CLO1	20%	Trình bày đầy đủ, chính xác, có hệ thống các khái	Trình bày cơ bản đầy đủ, chính	Nắm được những nội dung cơ bản nhưng	Không nắm được hoặc trình bày sai

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
cơ bản về Luật tố tụng hành chính			niệm, nguyên tắc và quy định của Luật tố tụng hành chính	xác các nội dung; còn một số thiếu sót hoặc sai sót nhỏ.	thiếu hoặc còn nhầm lẫn một số khái niệm, nguyên tắc, quy định.	các nội dung cơ bản của Luật tố tụng hành chính
Nội dung chính 2: Phân tích và áp dụng Luật tố tụng hành chính	CLO2 CLO3	30%	Xác định chính xác vấn đề pháp lý; phân tích và áp dụng đúng, đầy đủ các quy định pháp luật; lập luận chặt chẽ, logic.	Phân tích và áp dụng cơ bản đúng quy định pháp luật; lập luận tương đối rõ, còn một số hạn chế nhỏ.	Xác định được vấn đề pháp lý nhưng áp dụng pháp luật còn hạn chế, phân tích chưa đầy đủ hoặc còn sai sót.	Không xác định được vấn đề pháp lý hoặc không áp dụng được quy định pháp luật để giải quyết vấn đề.
Nội dung chính 3: Phân tích quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý trong Luật tố tụng hành chính	CLO4	20%	Phân tích đầy đủ, chính xác quyền, nghĩa vụ của các bên; xác định đúng căn cứ và hậu quả pháp lý.	Phân tích và xác định cơ bản đúng quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý; còn một số sai sót nhỏ.	Xác định được quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý nhưng phân tích còn hạn chế, chưa đầy đủ.	Không xác định hoặc xác định sai quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý.
Nội dung chính 4: Phân tích và giải quyết tình huống Luật tố tụng hành chính	CLO5	30%	Phân tích toàn diện, chính xác tình huống; xác định đúng vấn đề, căn cứ pháp luật và đề xuất phương án giải quyết phù hợp, có lập luận thuyết phục.	Phân tích và giải quyết cơ bản phù hợp; xác định được căn cứ pháp luật và phương án giải quyết, còn hạn chế nhỏ.	Có khả năng giải quyết tình huống nhưng phân tích chưa đầy đủ, căn cứ hoặc phương án giải quyết còn sai sót.	Không phân tích được tình huống hoặc đưa ra phương án giải quyết không phù hợp với quy định pháp luật.
Tổng điểm		100%				

12. Yêu cầu học phần

- **Quy định chuyên cần:** Sinh viên phải tham dự tối thiểu **80%** tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá **20%** số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- **Nhiệm vụ học tập và tự học:** Sinh viên phải chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo liên quan đến Luật Tố tụng Hành chính theo hướng dẫn của giảng viên

trước khi đến lớp; hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ tự học, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các chuyên đề tự học theo kế hoạch của học phần; tích cực phối hợp làm việc nhóm, chuẩn bị slide và thực hiện báo cáo, thuyết trình chuyên đề khi được phân công.

- **Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật:** Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động trao đổi, thảo luận và phản biện trong các hoạt động trên lớp; thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức:** Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng những nội dung cốt lõi của Luật tố tụng hành chính vào việc rèn luyện đạo đức, lối sống, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, phản biện và các hoạt động chính trị - xã hội phù hợp.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1]- Nguyễn Cảnh Hợp (2024), *Giáo trình luật tố tụng hành chính Việt Nam,* Nxb Hồng Đức.

- Tài liệu tham khảo:

[2]- Lê Thu Hằng (2026), Giáo trình kỹ năng tham gia giải quyết các vụ việc hành chính, Nxb. Tư pháp.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
1	CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ LUẬT TỐ TỤNG HÀNH CHÍNH VIỆT NAM **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày được những vấn đề khái quát như tài phán hành chính, tố tụng hành chính, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, nguồn của luật hành chính. **Nội dung cụ thể:** 1.1. Tài phán hành chính và tố tụng hành chính 1.2. Đối tượng điều chỉnh của luật hành chính 1.3. Phương pháp điều chỉnh của luật hành chính 1.4. Nguồn của luật hành chính	04 (02LT, 02TH)	**Phương pháp thuyết giảng; thảo luận, tranh biện; Phương pháp làm việc nhóm; phương pháp trực quan, nêu vấn đề.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới	CLO1 CLO4

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			sự hướng dẫn của giảng viên phần chương 1, tài liệu [1]. + Đọc tài liệu [2]. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	
2	CHƯƠNG 2. CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA TỐ TỤNG HÀNH CHÍNH VIỆT NAM **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu và trình bày được khái niệm và hệ thống các nguyên tắc, nội dung cơ bản của Tố tụng hành chính Việt Nam. **Nội dung cụ thể:** 2.1 Khái niệm và hệ thống các nguyên tắc cơ bản của Tố tụng hành chính Việt Nam 2.2 Nội dung các nguyên tắc cơ bản của Tố tụng hành chính Việt Nam	05 (03LT, 02TH)	**Giảng giải kết hợp với trực quan; đưa bài tập tình huống; tổ chức thảo luận nhóm. - Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu các tình huống thực tiễn, hướng dẫn sinh viên giải quyết tình huống. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 2 [2]: Chương 2 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	CLO1 CLO4
3	CHƯƠNG 3. THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT KHIẾU KIỆN HÀNH CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày được khái niệm về thẩm quyền xét xử hành chính của Toà án nhân dân, đối tượng thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án, các loại vụ, việc thuộc thẩm quyền	05 (03LT, 02TH)	**Thuyết trình; giảng giải; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học theo nhóm kết hợp với trực quan.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	của tòa án, thẩm quyền xét xử sơ thẩm các vụ án hành chính của Tòa án, xác định thẩm quyền trong trường hợp vừa có đơn khiếu nại, vừa có đơn khởi kiện. **Nội dung cụ thể:** 3.1. Khái niệm về thẩm quyền xét xử hành chính của Toà án nhân dân 3.2. Đối tượng thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án 3.3. Các loại vụ, việc thuộc thẩm quyền của tòa án 3.4. Thẩm quyền xét xử sơ thẩm các vụ án hành chính của Tòa án 3.5. Xác định thẩm quyền trong trường hợp vừa có đơn khiếu nại, vừa có đơn khởi kiện		sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 3 [2]: Chương 3 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	
4	CHƯƠNG 4. CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỐ TỤNG, NGƯỜI TIẾN HÀNH TỐ TỤNG, NGƯỜI THAM GIA TỐ TỤNG **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu được cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong các vụ án lĩnh vực hành chính. **Nội dung cụ thể:** 4.1. Cơ quan tiến hành tố tụng. 4.2. Người tiến hành tố tụng 4.3. Người tham gia tố tụng	05 (03LT, 02TH)	**Thuyết trình kết hợp với trực quan, dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức thảo luận nhóm; phương pháp đóng vai.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn SV đóng vai tham gia phiên tòa TTHC. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 4	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			[2]: Chương 4 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + SV thực hành diễn án. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	
5	CHƯƠNG 5. CHỨNG CỨ VÀ CHỨNG MINH TRONG VỤ ÁN HÀNH CHÍNH **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu được các chứng cứ, chứng minh trong vụ án hành chính. **Nội dung cụ thể:** 5.1. Chứng cứ trong vụ án hành chính 5.2. Chứng minh trong vụ án hành chính * Bài tập thực hành	06 (03LT, 03TH)	**Thuyết trình; giảng giải kết hợp với trực quan; dạy học qua tình huống thực tế. - Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa, nội dung lý thuyết. + Nêu tình huống thực tế liên quan bài giảng. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 5 [2]: Chương 5 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Sinh viên nghiên cứu, giải quyết tình huống thực tế của GV đưa ra. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
6	CHƯƠNG 6. CÁC BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI VÀ VẤN ĐỀ CẤP, TỐNG ĐẠT VĂN BẢN TỐ TỤNG **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày được các biện pháp khẩn cấp, tạm thời, tống đạt và thông báo văn bản tố tụng. **Nội dung cụ thể:** 6.1. Biện pháp khẩn cấp, tạm thời 6.2. Cấp, tống đạt và thông báo văn bản tố tụng	06 (03LT, 01TH, 02 KT)	**Giảng giải kết hợp với trực quan; dạy học dựa trên nêu vấn đề; tổ chức học theo nhóm.** **- Giảng viên:** + Phân tích các khái niệm, định nghĩa, nội dung cơ bản. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 6 [2]: Chương 6 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên. + SV làm bài kiểm tra giữa học phần	
7	CHƯƠNG 7. KHỞI KIỆN VÀ THỤ LÝ VỤ ÁN HÀNH CHÍNH **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày được các quy trình khởi kiện vụ án hành chính, thụ lý vụ án hành chính, thủ tục thụ lý vụ án hành chính, trả lại đơn khởi kiện trong giai đoạn thụ lý. **Nội dung cụ thể:** 7.1. Khởi kiện vụ án hành chính 7.2.Thụ lý vụ án hành chính 7.3. Thủ tục thụ lý vụ án hành chính 7.4. Trả lại đơn khởi kiện trong giai đoạn thụ lý	06 (03LT, 03TH)	**Thuyết trình; giảng giải kết hợp với trực quan; đưa ra bài tập tình huống thực tiễn.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa, nội dung cơ bản + Đưa ra các bài tập tình huống thực tiễn gắn với bài học. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 7 [2]: Chương 7 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
8	CHƯƠNG 8. GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÀNH CHÍNH **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày được khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa, thời hạn, trình tự tiến hành, quyết định tạm	05 (02LT, 03TH)	**Thuyết trình kết hợp với trực quan; dạy học dựa trên vấn đề; phương pháp đóng vai.** **- Giảng viên:** + Phân tích các khái niệm, định nghĩa, nội dung cơ bản.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	đình chỉ, quyết định đình chỉ, quyết định đưa vụ án ra xét xử trong vụ án hành chính. **Nội dung cụ thể:** 8.1. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa, thời hạn 8.2. Trình tự tiến hành 8.3. Quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ, quyết định đưa vụ án ra xét xử		+ Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Hướng dẫn SV đóng vai tham gia phiên tòa TTHC. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 8 [3]: Chương 8 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + SV thực hành diễn án. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	
9	CHƯƠNG 9. XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÀNH CHÍNH **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày được những vấn đề chung về xét xử sơ thẩm vụ án hành chính**,** phiên tòa sơ thẩm**,** những thủ tục sau phiên tòa sơ thẩm trong các vụ án hành chính. **Nội dung cụ thể:** 9.1 Những vấn đề chung về xét xử sơ thẩm vụ án hành chính 9.2 Phiên tòa sơ thẩm 9.3. Những thủ tục sau phiên tòa sơ thẩm	06 (03LT, 03TH)	**Giảng giải kết hợp với trực quan; dạy học dựa trên vấn đề thực tiễn; tổ chức thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các khái niệm, định nghĩa, nội dung cơ bản. + Nêu vấn đề thực tiễn, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 9 [2]: Chương 9 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
10	CHƯƠNG 10. XÉT XỬ PHÚC THẨM VỤ ÁN HÀNH CHÍNH **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày được khái niệm, mục đích, nhiệm vụ của phúc thẩm vụ án hành chính; kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, xét xử phúc thẩm trong vụ án hành chính. **Nội dung cụ thể:** 10.1. Khái niệm, mục đích, nhiệm vụ của phúc thẩm vụ án hành chính 10.2. Kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm 10.3. Xét xử phúc thẩm	06 (03LT, 03TH)	**Thuyết trình; giảng giải kết hợp với trực quan; đưa ra bài tập tình huống thực tiễn; phương pháp đóng vai.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa, nội dung cơ bản + Đưa ra các bài tập tình huống thực tiễn gắn với bài học. + Hướng dẫn SV đóng vai tham gia phiên tòa TTHC. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 10 [2]: Chương 10 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + SV giải quyết tình huống thực tiễn + SV thực hành diễn án + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
11	CHƯƠNG 11. XEM XÉT LẠI BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN THEO THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM, TÁI THẨM. **Mục tiêu chương:** Sinh viên năm được các thủ tục giám đốc thẩm, thủ tục tái thẩm, thủ tục đặc biệt xem xét lại quyết định của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao trong vụ án hành chính. **Nội dung cụ thể:** 11.1.Thủ tục giám đốc thẩm 11.2. Thủ tục tái thẩm	04 (02LT, 02TH)	**Giảng giải kết hợp với trực quan; dạy học dựa trên nêu vấn đề; tổ chức học theo nhóm.** **- Giảng viên:** + Phân tích các khái niệm, định nghĩa, nội dung cơ bản. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	11.3. Thủ tục đặc biệt xem xét lại quyết định của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao		+ Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 11 [2]: Chương 11 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên. + SV làm bài kiểm tra giữa học phần	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: ngành Luật

1. Tên học phần: (tiếng Việt/tiếng Anh): Luật hình sự 1/Criminal Law 1
2. Mã học phần: LUAT 008
3. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ 2
5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 0 giờ lý thuyết 90 giờ thực hành
- Giờ học tập định mức của người học (bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá): 150 giờ (50 giờ/1 tín chỉ)

6. Điều kiện tiên quyết: Ký luận chung về nhà nước và pháp luật
7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	T.S Nguyễn Chí Dũng	0983.376.688	dung _nc@saodo.edu.vn
2.	Th.s Phạm Thị Mai	0978.370.438	phammaidhsd1018@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học **phần Luật hình sự 1** cung cấp kiến thức cơ bản, có hệ thống về Phần chung của Bộ luật Hình sự Việt Nam, gồm: nguyên tắc và hiệu lực của pháp luật hình sự; tội phạm và cấu thành tội phạm; các giai đoạn thực hiện tội phạm, đồng phạm; các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự; trách nhiệm hình sự, hình phạt và các chế định liên quan.

Học phần giúp người học hình thành khả năng nhận diện, phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề pháp lý hình sự; vận dụng quy định pháp luật để xử lý tình huống, xây dựng lập luận và đề xuất hướng giải quyết phù hợp. Đồng thời, rèn luyện tư duy pháp lý, tư duy phản biện, kỹ năng làm việc độc lập, nhóm, trình bày và tranh luận; hình thành ý thức tuân thủ pháp luật, trách nhiệm nghề nghiệp và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Học phần **Luật hình sự 1** cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về Luật hình sự Việt Nam, đặc biệt là các quy định thuộc Phần chung của Bộ luật Hình sự; giúp sinh viên hiểu, phân tích và vận dụng được các quy định pháp luật về tội phạm, cấu thành tội phạm, các giai đoạn thực hiện tội phạm, đồng phạm, những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hình sự, hình phạt, các biện pháp tư pháp và các chế định có liên quan. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng nhận diện, phân tích, đánh giá và giải quyết các tình huống, vụ việc pháp lý trong lĩnh vực hình sự; hình thành và phát triển kỹ năng tư duy pháp lý, tư duy phản biện, lập luận, phân tích tình huống, trình

bày và bảo vệ quan điểm pháp lý, làm việc độc lập và làm việc nhóm. Đồng thời, học phần góp phần hình thành ý thức tôn trọng, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, trách nhiệm công dân, đạo đức nghề nghiệp, tính khách quan, công bằng và tinh thần trách nhiệm trong học tập, nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp.

.b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

CO1 – Kiến thức: Trình bày và giải thích được những vấn đề lý luận cơ bản của Luật hình sự Việt Nam; khái niệm, đặc điểm và phân loại tội phạm; các yếu tố cấu thành tội phạm; các giai đoạn thực hiện tội phạm; đồng phạm; những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự; trách nhiệm hình sự, hình phạt, các biện pháp tư pháp và các chế định liên quan đến trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam.

CO2 – Kỹ năng: Phân tích và vận dụng được các quy định của pháp luật hình sự để nhận diện tội phạm, xác định các yếu tố cấu thành tội phạm, phân tích các tình tiết pháp lý của vụ việc, xác định trách nhiệm hình sự và áp dụng các quy định về hình phạt trong những trường hợp cụ thể; hình thành kỹ năng tư duy pháp lý, lập luận, tư duy phản biện, giải quyết tình huống, trình bày và bảo vệ quan điểm pháp lý.

CO3 – Mức tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng học tập, nghiên cứu và làm việc độc lập; phối hợp và làm việc hiệu quả trong nhóm; chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập và chịu trách nhiệm về kết quả công việc; có ý thức tôn trọng, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, đề cao trách nhiệm công dân, đạo đức nghề nghiệp, tính khách quan, công bằng và thái độ nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
CLO1	Trình bày và giải thích được những vấn đề lý luận cơ bản của Luật hình sự Việt Nam; khái niệm, đặc điểm và phân loại tội phạm; các yếu tố cấu thành tội phạm và các giai đoạn thực hiện tội phạm.	PI2.2/2	3
CLO2	Phân tích được các quy định của pháp luật hình sự về đồng phạm, những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hình sự, hình phạt và các biện pháp tư pháp; các chế định liên quan đến chấp hành hình phạt, trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại và người dưới 18 tuổi phạm tội.	PI3.2/2	3
CLO3	Phân tích, đánh giá được các tình huống, vụ việc có dấu hiệu tội phạm; xác định được các yếu tố cấu thành tội phạm, các giai đoạn thực hiện tội phạm, vai trò của những người đồng phạm và căn cứ phát sinh trách nhiệm hình sự.	PI2.2/2	4
CLO4	Vận dụng được các quy định của pháp luật hình sự để giải quyết các tình huống, vụ việc thực tiễn;	PI3.2/2	3

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	xác định trách nhiệm hình sự, hình phạt và các biện pháp pháp lý phù hợp đối với từng trường hợp cụ thể; xây dựng được căn cứ pháp lý để giải quyết vụ việc		
CLO5	Thực hiện được kỹ năng tư duy pháp lý, tư duy phản biện, lập luận, thuyết trình, tranh luận và bảo vệ quan điểm trong giải quyết các vấn đề, tình huống thuộc lĩnh vực Luật hình sự; có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.	PI7.1/2	4
CLO6	Có khả năng học tập và làm việc độc lập, làm việc theo nhóm; chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập, nghiên cứu và chịu trách nhiệm về kết quả công việc của cá nhân và nhóm; có ý thức tôn trọng, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, trách nhiệm công dân, đạo đức nghề nghiệp; có thái độ khách quan, công bằng và nghiêm túc trong học tập, rèn luyện và hoạt động nghề nghiệp	PI7.1/2	4

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4		x	
CLO5		x	x
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *		
	PLO 1	PLO 10	
	PI1.1	PI10.1	PI10.2
CLO1	I		
CLO2	I		

CLO3	I		
CLO4	M		
CLO5	M		
CLO6		R	R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Ví dụ						
Điểm chuyên cần, điểm kiển tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Thời gian tham gia lớp học. - Thảo luận, tranh biện và làm việc nhóm. - Đóng vai, xử lý tình huống. - Trải nghiệm thực tiễn và báo cáo kết quả. - Rubric đánh giá quá trình.	CLO5	40	Điểm Rubric quá trình, bài tập, Điểm bài tập, tình huống	CLO5 → PI7.1/2
			CLO6	60	Điểm Rubric quá trình	CLO6 → PI7.1/2
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra viết kết hợp lý thuyết và bài tập vận dụng. - Giải quyết tình huống kết hôn, kết hôn trái pháp luật. - Rubric chấm bài kiểm tra.	CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO2 → PI3.2/2
			CLO4	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO4 → PI3.2/2
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi kết hợp lý thuyết và bài tập vận dụng về các tình huống xảy ra trong hôn nhân và gia đình	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO1 → PI2.2/2
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → PI3.2/2
			CLO3	30	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO3 → PI2.2/2

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
		.- Rubric chấm bài thi	CLO4	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PI3.2/2
			CLO5	10	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO5 → PI7.1/2

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đo lường mức đạt CLO	Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI	Dữ liệu được lấy từ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
CLO1	Trình bày và phân tích được những vấn đề cơ bản về pháp luật hôn nhân và gia đình; nhận diện được các quy định pháp luật cơ bản trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình.	x	PI2.2/2	Bài kiểm tra giữa học phần; bài thi kết thúc học phần
CLO2	Vận dụng được các quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình để phân tích, giải quyết các tình huống pháp lý cụ thể.	x	PI3.2/2	Bài kiểm tra giữa học phần; bài thi kết thúc học phần
CLO3	Phân tích, đánh giá được các vấn đề pháp lý phát sinh trong quan hệ hôn nhân và gia đình trên cơ sở quy định của pháp luật.	x	PI2.2/2	Bài kiểm tra giữa học phần; bài thi kết thúc học phần
CLO4	Đưa ra được lập luận, quan điểm và phương án giải quyết đối với các vấn đề pháp lý về hôn nhân và gia đình; có khả năng phản biện các quan điểm khác nhau.	x	PI3.2/2	Bài kiểm tra giữa học phần; bài thi kết thúc học phần
CLO5	Thực hiện được việc tra	x	PI7.1/2	Kiểm tra thường

	cứu, vận dụng văn bản pháp luật; lập luận, phản biện và phối hợp làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề pháp lý về hôn nhân và gia đình.			xuyên; thảo luận, tranh biện, làm việc nhóm; bài thi kết thúc học phần
CLO6	Thể hiện ý thức tuân thủ pháp luật, trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể; có khả năng hướng dẫn, tuyên truyền thực hiện pháp luật về hôn nhân và gia đình.	x	PI7.1/2	Đánh giá chuyên cần, nhận thức và thái độ; bài thi kết thúc học phần

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thảo luận nhóm

Tiêu chí đánh giá	**CLO**	**Trọng số**	**Giỏi (10 - 8.5)**	**Khá (8.4 - 7.0)**	**Trung bình (6.9 - 5.0)**	**Yếu (4.9 - 0.0)**
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	50%	*Tham dự >85% buổi học*	*Tham dự 70-84% buổi học*	*Tham dự 50-69% buổi học*	*Tham dự <50% buổi học*
Ý thức tự học & thảo luận nhóm	CLO6	50%	Chủ động chuẩn bị bài, tích cực thảo luận, giải quyết tình huống và làm việc nhóm	Tham gia đầy đủ các hoạt động học tập, có trao đổi ý kiến	Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn thụ động	Không tham gia hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao

Rubric bài kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Nội dung chính 1: Kiến thức cơ bản về pháp luật hôn nhân và gia đình	CLO1	20%	Trình bày đầy đủ, chính xác, có hệ thống các khái niệm, nguyên tắc và quy định cơ bản của pháp luật hôn nhân và gia đình.	Trình bày cơ bản đầy đủ, chính xác các nội dung; còn một số thiếu sót hoặc sai sót nhỏ.	Nắm được những nội dung cơ bản nhưng thiếu hoặc còn nhầm lẫn một số khái niệm, nguyên tắc, quy định.	Không nắm được hoặc trình bày sai các nội dung cơ bản của pháp luật hôn nhân và gia đình.
Nội dung chính 2:	CLO2 CLO3	30%	Xác định chính xác vấn đề pháp	Phân tích và áp dụng cơ	Xác định được vấn đề pháp lý	Không xác định được

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Phân tích và áp dụng pháp luật hôn nhân và gia đình			lý; phân tích và áp dụng đúng, đầy đủ các quy định pháp luật; lập luận chặt chẽ, logic.	bản đúng quy định pháp luật; lập luận tương đối rõ, còn một số hạn chế nhỏ.	nhưng áp dụng pháp luật còn hạn chế, phân tích chưa đầy đủ hoặc còn sai sót.	vấn đề pháp lý hoặc không áp dụng được quy định pháp luật để giải quyết vấn đề.
Nội dung chính 3: Phân tích quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý trong quan hệ hôn nhân và gia đình	CLO4	20%	Phân tích đầy đủ, chính xác quyền, nghĩa vụ của các bên; xác định đúng căn cứ và hậu quả pháp lý.	Phân tích và xác định cơ bản đúng quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý; còn một số sai sót nhỏ.	Xác định được quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý nhưng phân tích còn hạn chế, chưa đầy đủ.	Không xác định hoặc xác định sai quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý.
Nội dung chính 4: Phân tích và giải quyết tình huống pháp luật về hôn nhân và gia đình	CLO5	30%	Phân tích toàn diện, chính xác tình huống; xác định đúng vấn đề, căn cứ pháp luật và đề xuất phương án giải quyết phù hợp, có lập luận thuyết phục.	Phân tích và giải quyết cơ bản phù hợp; xác định được căn cứ pháp luật và phương án giải quyết, còn hạn chế nhỏ.	Có khả năng giải quyết tình huống nhưng phân tích chưa đầy đủ, căn cứ hoặc phương án giải quyết còn sai sót.	Không phân tích được tình huống hoặc đưa ra phương án giải quyết không phù hợp với quy định pháp luật.
Tổng điểm		100%				

12. Yêu cầu học phần

- Quy định chuyên cần:

+ Sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá 20% số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

+ Sinh viên cần chuẩn bị bài trước khi đến lớp, tích cực tham gia các hoạt động học tập như trao đổi, thảo luận, trả lời câu hỏi, phân tích tình huống pháp lý, xác định dấu hiệu tội phạm, phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm, giải quyết vấn đề và các hoạt động học tập khác theo yêu cầu của giảng viên.

- **Nhiệm vụ học tập và tự học**

Chủ động nghiên cứu giáo trình, Bộ luật Hình sự và các văn bản pháp luật liên quan;

đọc trước bài, chuẩn bị câu hỏi, tình huống và vấn đề thực tiễn. Hoàn thành đầy đủ bài tập cá nhân, nhóm, thảo luận, thuyết trình, phân tích tình huống và tự nghiên cứu về tội phạm, cấu thành tội phạm, đồng phạm, trách nhiệm hình sự, hình phạt và các chế định của Phần chung Bộ luật Hình sự.

Vận dụng quy định pháp luật để nhận diện, phân tích và giải quyết các vấn đề về tội phạm, trách nhiệm hình sự, hình phạt, trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự và trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại, người dưới 18 tuổi. Qua đó phát triển tư duy pháp lý, kỹ năng phân tích, lập luận, phản biện và vận dụng kiến thức vào thực tiễn

.- Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức nghề nghiệp:

- Có thái độ học tập nghiêm túc, chủ động, tích cực và có trách nhiệm trong quá trình học tập học phần Luật hình sự 1; tôn trọng ý kiến trao đổi, thảo luận và tranh luận học thuật; có tinh thần hợp tác, trách nhiệm trong hoạt động học tập cá nhân và làm việc nhóm.

- Có ý thức tôn trọng và tuân thủ Hiến pháp, pháp luật; nhận thức đúng về tính nghiêm minh, công bằng của pháp luật hình sự; hình thành phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp của người học luật; có thái độ khách quan, thận trọng và có trách nhiệm khi phân tích, đánh giá hành vi có dấu hiệu tội phạm và các vấn đề về trách nhiệm hình sự. Có ý thức chịu trách nhiệm đối với hành vi của bản thân, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; có tinh thần trách nhiệm đối với Nhà nước, xã hội và cộng đồng trong phòng ngừa, đấu tranh phòng, chống tội phạm.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức:**

Vận dụng kiến thức Luật hình sự 1 để phân tích, đánh giá tội phạm, cấu thành tội phạm, các giai đoạn thực hiện tội phạm, đồng phạm, trách nhiệm hình sự và hình phạt; hình thành tư duy pháp lý, logic, phản biện và kỹ năng lập luận, tranh luận.

Vận dụng quy định pháp luật để giải quyết các tình huống về trách nhiệm hình sự, hình phạt, quyết định hình phạt và chấp hành hình phạt; bước đầu áp dụng kiến thức về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại và người dưới 18 tuổi phạm tội. Liên hệ kiến thức với học tập và nghề nghiệp; có ý thức vận dụng pháp luật chính xác, khách quan, công bằng, có trách nhiệm; chủ động, sáng tạo trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề pháp lý thực tiễn.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1]. Đại học Luật Hà Nội, (2024), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp.

- Tài liệu tham khảo

[2]. Quốc hội, (2024), *Bộ luật hình sự Việt Nam (bộ luật 2015 sửa đổi 2017)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự Thật.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
1	**CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM** **Mục tiêu chương:** Trình bày được những vấn đề chung về luật hình sự Việt Nam, cấu	02 (2LT, 0TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, nêu vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:**	CLO1, CLO5, CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	tạo và hiệu lực của Luật hình sự. Liên hệ thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 1. Những vấn đề chung về luật hình sự Việt Nam 2. Các nguyên tắc cơ bản của luật hình sự Việt Nam 3. Cấu tạo của bộ luật hình sự Việt Nam 4. Hiệu lực của bộ luật hình sự Việt Nam 5. Giải thích Bộ luật hình sự		+ Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên phần + Đọc tài liệu [1], [2]. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	
2	**CHƯƠNG 2: TỘI PHẠM** **Mục tiêu chương:** Trình bày được khái niệm và các đặc điểm của tội phạm từ đó phân loại tội phạm, phân biệt tội phạm với các vi phạm pháp luật khác. Liên hệ thực tế trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay ở nước ta. **Nội dung cụ thể:** 1. Khái niệm và các đặc điểm của tội phạm 2. Phân loại tội phạm 3. Phân biệt tội phạm với các vi phạm pháp luật khác	03 (03LT, 0TH)	**Thuyết giảng, trực quan, sử dụng tình huống, đóng vai kết hợp giải quyết vấn đề.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Trực quan tình huống tội phạm. + Nhận xét, đánh giá, giải quyết tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2], [3]. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận tình huống, đóng vai, giải quyết vấn đề.	CLO1, CLO3, CLO5, CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
3	**CHƯƠNG 3: CẤU THÀNH TỘI PHẠM** **Mục tiêu chương:** Trình bày được khái niệm và các yếu tố cấu thành tội phạm, phâm loại tội phạm Liên hệ thực tế trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay ở nước ta. **Nội dung cụ thể:** 1. Các yếu tố của tội phạm 2. Khái niệm cấu thành tội phạm 3. Phân loại cấu thành tội phạm 4. Ý nghĩa cấu thành tội phạm	03 (03LT, 0TH)	**Thuyết trình, trực quan, sử dụng tình huống, đóng vai, tranh luận giải quyết vấn đề.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, đưa tình huống, hướng dẫn sinh viên giải quyết tình huống. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Trực quan tình huống các yếu tố cấu thành tội phạm + Hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề . **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2], [3]. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5
4	**CHƯƠNG 4: CÁC YẾU TỐ CẤU THÀNH TỘI PHẠM** **Mục tiêu chương:** Trình bày được khách thể của tội phạm, mặt khách quan của tội phạm, chủ thể của tội phạm, mặt chủ quan của tội phạm. Lấy ví dụ thực tế minh hoạ. **Nội dung cụ thể:** 1. Khách thể của tội phạm 2. Mặt khách quan của tội phạm 3. Chủ thể của tội phạm 4. Mặt chủ quan của tội phạm	03 (03LT, 0TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, phương pháp động não, dạy học dựa trên vấn đề.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên đóng vai, giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung bài học tài liệu [1], [2], [3]. + Đóng vai, giải quyết vấn đề về mặt chủ quan của	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			pháp luật. + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	
5	**CHƯƠNG 5: CÁC GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN TỘI PHẠM** **Mục tiêu chương:** Trình bày được khái niệm các giai đoạn thực hiện tội phạm, giai đoạn chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, tội phạm hoàn thành, tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội. Lấy ví dụ thực tế minh hoạ. Liên hệ thực tế trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay ở nước ta. **Nội dung cụ thể:** 1. Khái niệm các giai đoạn thực hiện tội phạm 2. Giai đoạn chuẩn bị phạm tội 3. Phạm tội chưa đạt 4. Tội phạm hoàn thành 5. Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội	02 (02LT, 0TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, đóng vai, phản biện, giải quyết vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Hướng dẫn sinh viên đóng vai tình huống tội phạm hoàn thành. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. + Nhận xét tình huống, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1], [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép. + Đóng vai, giải quyết các vấn đề, thảo luận. + Ôn tập chuẩn bị kiểm tra giữa học phần.	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5
6	CHƯƠNG 6. LUẬT HÌNH SỰ VÀ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ **Mục tiêu chương:** Trình bày được khái niệm Luật hình sự và tội phạm, các yếu tố cấu thành tội phạm và trách nhiệm hình sự cũng như hình phạt và các biện pháp tư pháp. Các giai đoạn của Luật tố tụng hình sự .	02 (02LT, 0TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, đóng vai, phản biện, giải quyết vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. +Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải	CLO1, CLO3, CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	Liên hệ thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 1. Khái niệm Luật hình sự 2. Khái niệm tội phạm, cấu thành tội phạm và trách nhiệm hình sự 3 Hình phạt và các biện pháp tư pháp 4. Luật tố tụng hình sự		quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Hướng dẫn sinh viên đóng vai tình huống tố tụng hình sự + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. + Nhận xét tình huống, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước nội dung bài học chương 7, tài liệu[1], [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép. + Đóng vai, giải quyết các vấn đề, thảo luận.	
7	**CHƯƠNG 7: ĐỒNG PHẠM** **Mục tiêu chương:** Trình bày được Khái niệm đồng phạm, những dấu hiệu về mặt khách quan, chủ quan, các loại người đồng phạm và các hình thức đồng phạm. Vấn đề trách nhiệm hình sự trong đồng phạm. Liên hệ thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 1. Khái niệm 2. Những dấu hiệu về mặt khách quan 3. Những dấu hiệu chủ quan 4. Các loại người đồng phạm 5. Các hình thức đồng phạm 6. Vấn đề trách nhiệm hình sự trong đồng phạm *** Kiểm tra giữa học phần**	03 (02LT, 0TH, 01KT)	**Thuyết tgiảng, nêu vấn đề, trực quan, sử dụng tình huống.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Trực quan tình huống về đồng phạm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Sinh viên làm bài kiểm tra giữa học phần.	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
8	**CHƯƠNG 8: NHỮNG TRƯỜNG HỢP LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ** **Mục tiêu chương:** Trình bày được khái niệm và những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự. Liên hệ thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 1. Khái niệm những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự 2. Các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự	02 (02LT, 0TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Trực quan tình huống trong phân loại tội phạm. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Phân tích, lấy ví dụ về làm rõ các nội dung. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2]. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay. + Lấy ví dụ về các vụ án hình sự hiện nay + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5
9	**CHƯƠNG 9: TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ VÀ HÌNH PHẠT** **Mục tiêu chương:** Trình bày được khái niệm Trách nhiệm hình sự, hệ thống hình phạt và các biện pháp tư pháp, án treo. Liên hệ thực tế trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay ở nước ta. **Nội dung cụ thể:** 1. Trách nhiệm hình sự 2. Hình phạt và các biện pháp tư pháp 3. Án treo	02 (02LT, 0TH)	**Thuyết giảng, phương pháp động não, trực quan, thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung + Phân tích, lấy ví dụ hình phạt. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			+ Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay.	
10	**CHƯƠNG 10: QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT** **Mục tiêu chương:** Trình bày được quy định chung về quyết định hình phạt, quyết định hình phạt trong các trường hợp cụ thể. Lấy ví dụ thực tế minh hoạ. Liên hệ thực tế trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay ở nước ta. **Nội dung cụ thể:** 1. Quy định chung về quyết định hình phạt 2. Quyết định hình phạt trong các trường hợp cụ thể	02 (02LT, 0TH)	**Thuyết giảng, phương pháp động não, trực quan kết hợp thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung + Phân tích, lấy ví dụ về số vụ án dân sự hiện nay. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu + Lắng nghe, quan sát, ghi chép. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
11	**CHƯƠNG 11: CÁC CHẾ ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT** **Mục tiêu chương:** Trình bày được thời hiệu thi hành bản án, miễn chấp hành hình phạt, giảm mức hình phạt đã tuyên, hoàn chấp hành hình phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù. Hiểu được Xóa án tích.Lấy ví dụ thực tế minh hoạ. **Nội dung cụ thể:** 1. Thời hiệu thi hành bản án 2. Miễn chấp hành hình phạt, giảm mức hình phạt đã tuyên 3. Hoàn chấp hành hình phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù 4. Xóa án tích	02 (02LT, 0TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, thảo luận nhóm.** + Giảng giải các nội dung + Phân tích, lấy ví dụ thời hiệu thi hành án. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2], [3]. + Chuẩn bị câu hỏi theo hướng dẫn. + Làm các bài tập tình huống về xoá án tích.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			+ Thảo luận theo chủ đề giảng viên giao. + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lấy một số ví dụ thực tiễn	
13	**CHƯƠNG 12: TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI PHẠM TỘI** **Mục tiêu chương:** Trình bày được khái niệm, phạm vi và điều kiện chịu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại. Các loại hình phạt, biện pháp tư pháp và căn cứ quyết định hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội. **Nội dung cụ thể:** 1. Khái niệm, phạm vi và điều kiện chịu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại 2. Các loại hình phạt và biện pháp tư pháp áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội 3. Căn cứ quyết định hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội	02 (02LT, 0TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, nêu vấn đề kết hợp với phương pháp động não.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Giao bài tập cho các nhóm + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu: [1], [2], [3]. + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Sinh viên tự nghiên cứu theo hướng dẫn của giảng viên + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề giảng viên đã đưa ra.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5.
13	**CHƯƠNG 13: TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI** **Mục tiêu chương:** Trình bày được đường lối xử lý người dưới 18 tuổi, các biện pháp giám sát, giáo dục và biện pháp tư pháp áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Các hình phạt, Quyết định hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội **Nội dung cụ thể:** 1. Đường lối xử lý người dưới 18 tuổi	02 (02LT, 0TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, nêu vấn đề kết hợp với phương pháp động não.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề các hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi. + Giao bài tập cho các nhóm + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	2. Các biện pháp giám sát, giáo dục và biện pháp tư pháp áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội 3. Các hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội 4. Quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội		**- Sinh viên:** + Đọc tài liệu: [1], [2], [3]. + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Sinh viên tự nghiên cứu theo hướng dẫn của giảng viên	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: ngành Luật

1. Tên học phần: (tiếng Việt/tiếng Anh): Luật hình sự 2/Criminal Law 2
2. Mã học phần: LUAT 014
3. Số tín chỉ: 3 (3, 0)
4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ 3
5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 0 giờ lý thuyết 90 giờ thực hành
- Giờ học tập định mức của người học (bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá): 150 giờ (50 giờ/1 tín chỉ)

6. Điều kiện tiên quyết: Luật hình sự 1
7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	Nguyễn Chí Dũng	0983.376.688	dung _nc@saodo.edu.vn
2.	Phan Thị Thu Lê	0984057618	phanthule81@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Luật hình sự 2 cung cấp kiến thức cơ bản, có hệ thống về Phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự Việt Nam, kế thừa kiến thức từ Luật hình sự 1. Nội dung tập trung vào các nhóm tội phạm và dấu hiệu pháp lý đặc trưng, từ tội xâm phạm an ninh quốc gia, tính mạng, sức khỏe, sở hữu, trật tự quản lý kinh tế đến tội phạm về ma túy, môi trường, chức vụ, hoạt động tư pháp và các nhóm tội phạm khác.

Học phần giúp người học nhận diện, phân tích và phân biệt các tội phạm; xác định các yếu tố cấu thành, tình tiết định tội, định khung hình phạt và trách nhiệm hình sự. Đồng thời, rèn luyện kỹ năng định tội danh, xác định khung hình phạt, phân tích và giải quyết tình huống, vụ án hình sự; phát triển tư duy pháp lý, phản biện, kỹ năng lập luận, tranh luận và bảo vệ quan điểm. Qua đó hình thành ý thức tuân thủ pháp luật, tính khách quan, công bằng và trách nhiệm nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Học phần Luật hình sự 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về các quy định của Phần các tội phạm trong Bộ luật Hình sự Việt Nam, tập trung vào các nhóm tội phạm cụ thể và những dấu hiệu pháp lý đặc trưng của từng nhóm tội. Trên cơ sở kiến thức về lý luận chung của Luật hình sự và cấu thành tội phạm đã được trang bị ở học phần Luật hình sự 1, học phần giúp sinh viên nhận diện, phân tích và đánh giá các dấu hiệu pháp lý của các tội phạm cụ thể; xác định khách thể, chủ thể, mặt khách quan, mặt chủ quan và các tình tiết định tội, định khung hình phạt của từng tội danh.

Thông qua học phần, sinh viên có khả năng vận dụng các quy định của Bộ luật Hình sự để phân biệt các tội phạm có dấu hiệu tương đồng, xác định đúng tội danh, phân tích các tình tiết của vụ án, xác định trách nhiệm hình sự và đề xuất hướng giải quyết phù hợp đối với các tình huống, vụ việc hình sự cụ thể. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng tư duy pháp lý, phân tích và giải quyết tình huống, lập luận pháp lý, sử dụng căn cứ pháp luật, tư duy phản biện, trình bày và bảo vệ quan điểm pháp lý.

Bên cạnh kiến thức và kỹ năng chuyên môn, học phần góp phần hình thành cho sinh viên ý thức tôn trọng và tuân thủ Hiến pháp, pháp luật; thái độ khách quan, thận trọng và công bằng khi đánh giá hành vi có dấu hiệu tội phạm; tinh thần trách nhiệm công dân và đạo đức nghề nghiệp của người học luật. Học phần được tổ chức theo hướng kết hợp giữa lý thuyết và vận dụng thực tiễn thông qua thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm, phân tích bản án và tình huống pháp lý, giải quyết vấn đề, tranh luận, phản biện và tự học, tự nghiên cứu.

.b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

CO1 – Kiến thức: Trình bày và giải thích được những vấn đề lý luận và quy định pháp luật cơ bản về các tội phạm cụ thể thuộc Phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự Việt Nam; nhận diện được các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của từng nhóm tội và từng tội danh.

CO2 – Kỹ năng: Phân tích và vận dụng được các quy định của Bộ luật Hình sự để xác định tội danh, phân tích cấu thành tội phạm, phân biệt các tội phạm có dấu hiệu tương đồng, xác định tình tiết định tội, định khung hình phạt và trách nhiệm hình sự trong những trường hợp cụ thể; hình thành kỹ năng tư duy pháp lý, lập luận, tư duy phản biện và giải quyết tình huống hình sự.

CO3 – Mức tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng học tập, nghiên cứu và làm việc độc lập; phối hợp và làm việc hiệu quả trong nhóm; chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập và chịu trách nhiệm về kết quả công việc; có ý thức tôn trọng, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, đề cao trách nhiệm công dân, đạo đức nghề nghiệp, tính khách quan, công bằng và thận trọng trong nhận diện, đánh giá và xử lý các vấn đề pháp lý hình sự.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
CLO1	Trình bày và giải thích được những quy định cơ bản của Phần các tội phạm trong Bộ luật Hình sự Việt Nam; khái niệm, đặc điểm pháp lý và dấu hiệu của các nhóm tội phạm, các tội danh thuộc phạm vi nội dung của học phần.	PI7.1/2	5
CLO2	Phân tích được các dấu hiệu pháp lý của các tội phạm cụ thể; xác định được khách thể, mặt khách quan, chủ thể, mặt chủ quan của tội phạm; phân biệt được các tội phạm có dấu hiệu tương đồng và xác định được các tình tiết định tội, định khung hình phạt theo quy định của Bộ luật Hình sự.	PI7.1/2	4

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
CLO3	Phân tích, đánh giá được các tình huống, vụ việc có dấu hiệu tội phạm; xác định được vấn đề pháp lý, tội danh, các yếu tố cấu thành tội phạm và các tình tiết có ý nghĩa đối với việc xác định trách nhiệm hình sự.	PI7.1/2	3
CLO4	Vận dụng được các quy định của Bộ luật Hình sự để giải quyết các tình huống, vụ việc thực tiễn; xác định đúng tội danh, tình tiết định tội, tình tiết định khung, trách nhiệm hình sự và đề xuất được hướng giải quyết phù hợp trên cơ sở căn cứ pháp luật.	PI7.1/2	4
CLO5	Thực hiện được kỹ năng tư duy pháp lý, tư duy phản biện, lập luận, trình bày, tranh luận và bảo vệ quan điểm trong giải quyết các vấn đề, tình huống thuộc lĩnh vực Luật hình sự; sử dụng được căn cứ pháp lý để giải thích và bảo vệ quan điểm pháp lý.	PI7.1/2	3
CLO6	Có khả năng học tập và làm việc độc lập, làm việc theo nhóm; chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập, nghiên cứu và chịu trách nhiệm về kết quả công việc của cá nhân và nhóm; có ý thức tôn trọng, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, trách nhiệm công dân, đạo đức nghề nghiệp; có thái độ khách quan, công bằng, thận trọng và nghiêm túc trong nhận diện, đánh giá và giải quyết các vụ việc hình sự.	PI7.1/2	3

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4		x	
CLO5		x	x
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	**Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI ***		
	PLO 1	**PLO 10**	
	PI1.1	**PI10.1**	**PI10.2**
CLO1	I		
CLO2	I		
CLO3	I		
CLO4	M		
CLO5	M		
CLO6		R	R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Thời gian tham gia lớp học. - Bài kiểm tra thực hành. - Rubric thực hành	CLO1	30	Điểm chuyên cần; Rubric kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO1 → PI2.2/3
			CLO3	40	Rubric thực hiện bài tập thực hành	Điểm CLO3 → PI3.1/2
			CLO6	30	Rubric thái độ học tập, tự học, làm việc	Điểm CLO6 → PI7.1/2

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
					nhóm	
Điểm kiểm tra định kỳ (01 bài kiểm tra/tín chỉ): 03 bài	*80%*	- Bài kiểm tra thực hành. - Rubric bài thực hành	CLO1	30	Điểm bài thi thực hành	Điểm CLO1 → PI2.2/3
			CLO3	40	Điểm bài thi thực hành	Điểm CLO3 → PI3.1/2
			CLO4	30	Điểm bài thi thực hành	Điểm CLO4 → PI7.1/2

Ký hiệu CLO	**Nội dung CLO**	**Cần đo lường mức đạt CLO**	**Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI**	**Dữ liệu được lấy từ**
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**
CLO1	Vận dụng được quy định pháp luật để xác định chủ thể, đối tượng, phạm vi và thẩm quyền trong hoạt động thanh tra.	x	PI7.1/2	Bài kiểm tra thực hành
CLO2	Thực hiện được các bước cơ bản của một cuộc thanh tra; phân tích hồ sơ và xử lý kết quả thanh tra.	x	PI7.1/2	Bài kiểm tra thực hành
CLO3	Tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn khiếu nại; xác định được thẩm quyền và trình tự giải quyết khiếu nại.	x	PI7.1/2	Bài kiểm tra thực hành
CLO4	Phân tích được quy định pháp luật để tiếp nhận, phân loại, xử lý tố cáo; xác định thẩm quyền, trình tự, thủ tục xác minh, giải quyết tố cáo và các yêu cầu về bảo vệ người tố cáo.	x	PI7.1/2	Bài kiểm tra thực hành
CLO5	Phân tích được pháp luật để	x	PI7.1/2	Bài kiểm tra

	nghiên cứu hồ sơ, xử lý tình huống, xây dựng lập luận và đề xuất phương án giải quyết vụ việc.			thực hành
CLO6	Thể hiện ý thức tự giác, chủ động trong học tập và thực hành; làm việc khách quan, trung thực, cẩn trọng; tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể; có trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp; phối hợp với các cá nhân, cơ quan, tổ chức và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và yêu cầu nghề nghiệp.	x	PI7.1/2	Rubric đánh giá quá trình.

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thực hành

Tiêu chí đánh giá	**CLO**	**Trọng số**	**Giỏi (10 - 8.5)**	**Khá (8.4 - 7.0)**	**Trung bình (6.9 - 5.0) (Mức đạt CĐR)**	**Yếu (4.9 - 0.0)**
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	50%	Tham dự đầy đủ >90% số giờ học, đi học đúng giờ, chấp hành tốt kỷ luật phòng học và chuẩn bị bài chu đáo trước khi lên lớp.	Tham dự từ 80% đến 89% số giờ học, đi học đúng giờ, không vi phạm nghiêm trọng kỷ luật và nội quy học vụ.	Tham dự từ 70% đến 79% số giờ học, thỉnh thoảng còn đi muộn hoặc thiếu tập trung trong giờ học.	Tham dự dưới 70% số giờ học hoặc vi phạm nghiêm trọng kỷ luật học đường.
Ý thức tự học & thực hành	CLO6	50%	Chủ động, tích cực nghiên cứu trước tài liệu; tham gia và thực hiện đúng các bài tập thực hành.	Hoàn thành đúng các bài tập thực hành theo đúng yêu cầu	Hoàn thành được các bài tập thực hành theo đúng yêu cầu.	Không hoàn thành bài tập thực hành theo cá nhân hoặc theo nhóm.

2. Rubric đánh giá bài kiểm tra định kỳ thực hành

Tiêu chí	**CLO**	**Trọng**	**Mô tả mức chất lượng**	**Điểm**

đánh giá		số	Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Xác định vấn đề pháp lý và căn cứ pháp luật (xác định đúng nội dung thanh tra, khiếu nại, tố cáo; xác định đúng quy định pháp luật áp dụng)	CLO1; CLO2	30%	Xác định đầy đủ, chính xác vấn đề pháp lý; lựa chọn đúng và đầy đủ căn cứ pháp luật; viện dẫn chính xác các quy định có liên quan.	Xác định đúng vấn đề pháp lý chủ yếu; lựa chọn được căn cứ pháp luật phù hợp; còn một vài thiếu sót nhỏ trong viện dẫn.	Xác định được vấn đề pháp lý cơ bản nhưng còn thiếu căn cứ hoặc viện dẫn chưa đầy đủ; có một số sai sót.	Không xác định được hoặc xác định sai vấn đề pháp lý; viện dẫn sai hoặc không có căn cứ pháp luật phù hợp.	
Kỹ năng xử lý tình huống/hồ sơ thực hành (phân tích tình huống, xác định thẩm quyền, trình tự, thủ tục và phương án giải quyết)	CLO2; CLO4	30%	Phân tích tình huống/hồ sơ đầy đủ, logic; xác định chính xác thẩm quyền, đối tượng, trình tự, thủ tục; đề xuất phương án giải quyết phù hợp và có căn cứ pháp luật.	Phân tích đúng phần lớn nội dung; xác định cơ bản đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; phương án giải quyết phù hợp nhưng còn	Xử lý được các yêu cầu cơ bản của tình huống/hồ sơ; còn nhầm lẫn về thẩm quyền, trình tự hoặc thủ tục; phương án giải quyết chưa đầy đủ.	Không xử lý được tình huống/hồ sơ; xác định sai thẩm quyền, trình tự, thủ tục hoặc đưa ra phương án không phù hợp.	

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
				thiếu một số nội dung.			
Kỹ năng xử lý văn bản /hồ sơ thực hành (Thể thức văn bản, nội dung, hình thức văn bản)	CLO4; CLO5	20%	Văn bản đầy đủ nội dung, đúng thể thức; diễn đạt rõ ràng, chính xác; căn cứ pháp lý phù hợp; nội dung và hình thức đáp ứng đầy đủ yêu cầu của bài thực hành.	Văn bản cơ bản đầy đủ, đúng thể thức; nội dung phù hợp; còn một số lỗi nhỏ về trình bày hoặc viện dẫn căn cứ pháp luật.	Văn bản thực hiện được các yêu cầu cơ bản nhưng còn thiếu nội dung, sai sót về thể thức hoặc căn cứ pháp lý.	Không hoàn thành văn bản hoặc văn bản có nhiều sai sót nghiêm trọng, không đáp ứng yêu cầu của bài thực hành.	
Trình bày, giải thích và bảo vệ phương án xử lý (trình bày kết quả, giải thích căn cứ và trả lời câu	CLO2; CLO4	10%	Trình bày to, rõ ràng; giải thích được tất cả các căn cứ và phương án xử lý; trả lời đúng các câu hỏi..	Trình bày khá rõ ràng; giải thích được phần lớn căn cứ và phương án xử lý;	Trình bày được nội dung cơ bản; giải thích còn hạn chế; trả lời được một số câu hỏi.	Trình bày thiếu rõ ràng; không giải thích được căn cứ hoặc phương án xử lý; không trả lời được	

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
hỏi)				trả lời đúng phần lớn câu hỏi.		phần lớn câu hỏi.	
Tác phong thực hành và tuân thủ quy định (trung thực, nghiêm túc, đúng thời gian, tuân thủ yêu cầu của bài kiểm tra)	CLO6	10%	Thực hiện nghiêm túc, độc lập, trung thực; tuân thủ đầy đủ yêu cầu; hoàn thành đúng hoặc trước thời gian quy định; hồ sơ, bài làm được sắp xếp khoa học.	Thực hiện nghiêm túc, đúng quy định; hoàn thành đúng thời gian; có một vài thiếu sót nhỏ.	Thực hiện được yêu cầu cơ bản nhưng còn cần nhắc nhở về thời gian, trình tự hoặc cách thức thực hiện	Vi phạm nội quy nghiêm trọng hoặc làm hỏng dữ liệu/thiết bị phòng máy	
ĐIỂM TỔNG		**100%**					

12. Yêu cầu học phần

- Quy định về chuyên cần

Sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá 20% số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

Sinh viên phải chuẩn bị bài trước khi đến lớp, chủ động nghiên cứu nội dung học tập và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp như: trao đổi, thảo luận, trả lời câu hỏi, phân tích tình huống pháp lý, nhận diện hành vi phạm tội, xác định các dấu hiệu pháp lý của tội phạm, phân biệt các tội phạm có dấu hiệu tương đồng, xác định tội danh và các hoạt động học tập khác. Sinh viên có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định về thời gian học tập, kiểm tra, đánh giá và các yêu cầu khác của học phần.

- **Nhiệm vụ học tập và tự học**

Chủ động nghiên cứu giáo trình, Bộ luật Hình sự, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và tài liệu tham khảo về các tội phạm theo hướng dẫn của giảng viên; đọc trước nội dung bài học, chuẩn bị câu hỏi, tình huống pháp lý và các vấn đề thực tiễn liên quan đến từng nhóm tội trước khi lên lớp. Hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ học tập được giao như: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, nội dung tự học, tự nghiên cứu, báo cáo chuyên đề, thuyết trình, thảo luận, phân tích tình huống pháp lý và các nhiệm vụ học tập khác.

Chủ động nghiên cứu các quy định về các tội phạm cụ thể trong Bộ luật Hình sự; xác định khách thể, mặt khách quan, chủ thể, mặt chủ quan của tội phạm; phân tích các dấu hiệu cấu thành tội phạm; xác định tội danh, phân biệt các tội phạm với nhau và vận dụng các quy định về định khung hình phạt trong từng trường hợp cụ thể.

Chủ động tìm hiểu thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự, các bản án, quyết định của Tòa án và các quan điểm pháp lý có liên quan theo hướng dẫn của giảng viên; bước đầu nhận diện và phân tích những vấn đề còn có cách hiểu hoặc áp dụng khác nhau trong thực tiễn. Thực hiện việc tự học, tự nghiên cứu theo kế hoạch nhằm hình thành và phát triển năng ực tư duy pháp lý, kỹ năng phân tích, lập luận, tranh luận, phản biện và vận dụng kiến thức Luật hình sự 2 để giải quyết các tình huống, vụ việc pháp lý trong thực tiễn.

- Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức nghề nghiệp

Có thái độ học tập nghiêm túc, chủ động, tích cực và có trách nhiệm trong quá trình học tập học phần Luật hình sự 2; có ý thức tự học, tự nghiên cứu và chủ động cập nhật các quy định pháp luật có liên quan. Tôn trọng ý kiến trao đổi, thảo luận và tranh luận học thuật; có tinh thần hợp tác, trách nhiệm trong hoạt động học tập cá nhân và làm việc nhóm; có thái độ cầu thị và tôn trọng các quan điểm khác nhau trong quá trình nghiên cứu, phân tích các vấn đề pháp lý.

Có ý thức tôn trọng và tuân thủ Hiến pháp, pháp luật; nhận thức đúng về tính nghiêm minh, công bằng và nhân đạo của pháp luật hình sự; có ý thức bảo vệ công lý, quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức. Hình thành phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp của người học luật; có thái độ khách quan, thận trọng, trung thực và có trách nhiệm khi đánh giá hành vi có dấu hiệu tội phạm, xác định tội danh và phân tích trách nhiệm pháp lý.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức**

Vận dụng kiến thức và quy định của Bộ luật Hình sự để nhận diện, phân tích hành vi phạm tội, xác định các yếu tố cấu thành và tội danh phù hợp. Phân tích, phân biệt các nhóm tội phạm; xác định dấu hiệu pháp lý, tình tiết định tội, định khung hình phạt và các vấn đề pháp lý liên quan.

Khai thác Bộ luật Hình sự, văn bản hướng dẫn, bản án và tài liệu pháp lý để giải quyết tình huống; phát triển tư duy pháp lý, logic, phản biện, kỹ năng lập luận, tranh luận và bảo vệ quan điểm. Liên hệ kiến thức với thực tiễn phòng, chống tội phạm và hoạt động nghề nghiệp; có ý thức vận dụng pháp luật chính xác, khách quan, công bằng và có trách nhiệm.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1]. Đại học Luật Hà Nội (2024), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp.

- Tài liệu tham khảo

[2]. Quốc hội (2024), *Bộ luật hình sự Việt Nam (bộ luật 2015 sửa đổi 2017)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự Thật.

[3]. Võ Thị Kim Oanh, Lê Nguyên Thanh, (2026), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
1	**CHƯƠNG 1. CÁC TỘI PHẠM AN NINH QUỐC GIA** **Mục tiêu chương:** Trình bày được những vấn đề chung về các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội phạm cụ thể. Liên hệ thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 1. Những vấn đề chung về các tội xâm phạm an ninh quốc gia 2. Các tội phạm cụ thể	03 (1LT, 02TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, nêu vấn đề kết hợp với tình huống và thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra tình huống, chia nhóm hướng dẫn sinh viên thực hiện theo nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên + Chuẩn bị nội dung thảo luận tình huống theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	CLO1, CLO5, CLO6
2	**CHƯƠNG 2: CÁC TỘI XÂM PHẠM TÍNH MẠNG, SỨC KHOẺ, NHÂN PHẨM, DANH DỰ CỦA CON NGƯỜI** **Mục tiêu chương:** Trình bày được Những vấn đề chung về các tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm và danh dự của con người, các tội phạm cụ thể. Liên hệ thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 1. Những vấn đề chung về các tội	04 (01LT, 03TH)	**Thuyết giảng, trực quan, sử dụng tình huống, đóng vai, dạy học dựa trên vấn đề.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên đóng vai giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Trực quan tình huống trong quan hệ pháp luật.	CLO1, CLO5, CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm và danh dự của con người. 2. Các tội phạm cụ thể *** Bài tập thực hành**		+ Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận tình huống, đóng vai lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn cuộc sống.	
3	**CHƯƠNG 3: CÁC TỘI XÂM PHẠM QUYỀN TỰ DO CỦA CON NGƯỜI, QUYỀN TỰ DO, DÂN CHỦ CỦA CÔNG DÂN** **Mục tiêu chương:** Trình bày được những vấn đề chung về các tội xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do dân chủ của công dân, các tội phạm cụ thể. Liên hệ thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 1. Những vấn đề chung về các tội xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do dân chủ của công dân 2. Các tội phạm cụ thể	04 (02LT, 02TH)	**Thuyết giảng, trực quan, sử dụng tình huống, dạy học dựa trên vấn đề.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Trực quan tình huống trong quan hệ pháp luật. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề về quyền tự do con người. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu + Sinh viên giải quyết vấn đề. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	CLO1, CLO3, CLO5, CLO6.
4	**CHƯƠNG 4: CÁC TỘI PHẠM SỞ HỮU** **Mục tiêu chương:** Trình bày được những vấn đề chung về các tội xâm phạm sở hữu, các tội phạm cụ thể. Liên hệ thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 1. Những vấn đề chung về các tội xâm phạm sở hữu 2. Các tội phạm cụ thể	03 (02LT, 01TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, phương pháp động não, giải quyết tình huống, dạy học dựa trên vấn đề.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			học, tự nghiên cứu. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung bài học + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	
5	**CHƯƠNG 5: CÁC TỘI PHẠM CHẾ ĐỘ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH** **Mục tiêu chương:** Trình bày được những vấn đề chung về các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình, các tội phạm cụ thể. Liên hệ thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 1. Những vấn đề chung về các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình 2. Các tội phạm cụ thể	04 (02LT, 02TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, dạy học dựa trên vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, đóng vai. + Nhận xét, đánh giá tình huống, giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước nội dung bài học + Đóng vai, giải quyết vấn đề. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. + Ôn tập chuẩn bị kiểm tra giữa học phần.	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5
6	**CHƯƠNG 6: CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ, QUẢN LÝ**	04 (02LT,	**Thuyết trình, nêu vấn đề, trực quan, sử dụng tình huống.**	CLO1, CLO3,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	KINH TẾ **Mục tiêu chương:** Trình bày được những vấn đề chung về các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, các tội phạm cụ thể. Liên hệ thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 1. Những vấn đề chung về các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế 2. Các tội phạm cụ thể	02TH)	**- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Trực quan tình huống về xử phạt quản lý kinh tế. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép, giải quyết các vấn đề.	CLO4, CLO5
7	**CHƯƠNG 7: CÁC TỘI PHẠM VỀ MÔI TRƯỜNG** **Mục tiêu chương:** Trình bày được những vấn đề chung về các tội xâm phạm về môi trường, các tội phạm cụ thể. Liên hệ thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 1. Những vấn đề chung về các tội xâm phạm về môi trường 2. Các tội phạm cụ thể *** Kiểm tra giữa học phần**	04 (02LT, 01TH 01KT)	**Thuyết giảng, trực quan, sử dụng tình huống, đóng vai, dạy học dựa trên vấn đề, thảo luận.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Trực quan tình huống trong phân loại tội phạm. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Phân tích, lấy ví dụ về làm rõ các nội dung. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Sinh viên làm bài kiểm	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			tra giữa học phần.	
8	**CHƯƠNG 8: CÁC TỘI PHẠM VỀ MA TUÝ** **Mục tiêu chương:** Trình bày được những vấn đề chung đối với các tội phạm về ma túy, các tội phạm cụ thể. Liên hệ thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 1. Những vấn đề chung đối với các tội phạm về ma túy 2. Các tội phạm cụ thể *** Bài tập thực hành**	04 (02LT, 02TH)	**Thuyết giảng, phương pháp động não, trực quan kết hợp thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung + Phân tích, lấy ví dụ về số vụ án ma tuý hiện nay. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu + Lắng nghe, quan sát, ghi chép. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay.	CLO1, CLO3, CLO5
9	**CHƯƠNG 9: CÁC TỘI XÂM PHẠM AN TOÀN CÔNG CỘNG, TRẬT TỰ CÔNG CỘNG** **Mục tiêu chương:** Trình bày được những vấn đề chung các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, các tội phạm cụ thể. Liên hệ thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 1. Những vấn đề chung về các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng 2. Các tội phạm cụ thể	04 (02LT, 02TH)	**Thuyết giảng, trực quan, sử dụng tình huống, đóng vai, dạy học dựa trên vấn đề.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung + Phân tích, lấy ví dụ về số vụ án dân sự hiện nay. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Lắng nghe, quan sát + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay.	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
10	**CHƯƠNG 10. CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH** **Mục tiêu chương:** Trình bày được những vấn đề chung đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính, các tội phạm cụ thể. Liên hệ thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 1. Những vấn đề chung về các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính 2. Các tội phạm cụ thể	04 (02LT, 02TH)	**Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, thảo luận nhóm.** + Giảng giải các nội dung + Phân tích, lấy ví dụ về các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính hiện nay ở nước ta. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Chuẩn bị câu hỏi theo hướng dẫn. + Làm các bài tập tình huống + Thảo luận theo chủ đề giảng viên giao. + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lấy một số ví dụ	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5.
11	**CHƯƠNG 11: CÁC TỘI PHẠM VỀ CHỨC VỤ** **Mục tiêu chương:** Trình bày được những vấn đề chung đối với các tội phạm về chức vụ, các tội phạm cụ thể. Liên hệ thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 1. Những vấn đề chung tội phạm về chức vụ 2. Các tội phạm cụ thể	05 (02LT, 03TH)	**Thuyết giảng, trực quan, sử dụng tình huống, đóng vai, dạy học dựa trên vấn đề, thảo luận.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung + Trực quan tình huống thảo luận các tội phạm về chức vụ. + Phân tích, lấy ví dụ + Nhận xét, đánh giá phần thảo luận của sinh viên và thực hiện nhiệm vụ về nhà. **- Sinh viên:** + Lắng nghe, quan sát, ghi	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			chép và phản biên. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn.	
12	**CHƯƠNG 12: CÁC TỘI XÂM PHẠM HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP** **Mục tiêu chương:** Trình bày được những vấn đề chung đối với các tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp, các tội phạm cụ thể. Liên hệ thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 1. Những vấn đề chung về các tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp 2. Các tội phạm cụ thể *** Bài tập thực hành**	06 (03LT, 03TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, nêu vấn đề kết hợp với phương pháp động não.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Giao bài tập cho các nhóm + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Sinh viên tự nghiên cứu theo hướng dẫn + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề giảng viên đã đưa ra.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5.
13	**CHƯƠNG 13. CÁC TỘI XÂM PHẠM NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA QUÂN NHÂN TRONG CHIẾN ĐẤU VÀ PHỤC VỤ CHIẾN ĐẤU** **Mục tiêu chương:** Trình bày được những vấn đề chung đối với các tội phạm xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu , các tội phạm cụ thể. Liên hệ thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 1. Những vấn đề chung về các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu 2. Các tội phạm cụ thể	05 (02LT, 03TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung + Trực quan tình huống thảo luận các tội xâm phạm về nghĩa vụ và trách nhiệm của quân nhân. + Phân tích, lấy ví dụ + Nhận xét, đánh giá phần thảo luận của sinh viên và thực hiện nhiệm vụ về nhà. **- Sinh viên:** + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và phản biên. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn.	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
14	**CHƯƠNG 14. CÁC TỘI PHÁ HOẠI HOÀ BÌNH, CHỐNG LOÀI NGƯỜI VÀ TỘI PHẠM CHIẾN TRANH** **Mục tiêu chương:** Trình bày được những vấn đề chung đối với các tội phạm phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh, các tội phạm cụ thể. Liên hệ thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 1. Những vấn đề chung về các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh 2. Các tội phạm cụ thể	05 (03LT, 02TH)	**Thuyết giảng, phương pháp động não, trực quan kết hợp thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung + Phân tích, lấy ví dụ về số tội phạm chiến tranh. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Lắng nghe, quan sát + Thảo luận + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Luật

1. Tên học phần: Tội phạm học/ Criminology
2. Mã học phần: LUAT 022
3. Số tín chỉ: 3 (2, 1)
4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ ba
5. Phân bổ thời gian
- Lý thuyết: 30 giờ, 30 giờ thực hành
- Giờ học tập định mức của người học: 150 giờ (bao gồm 30 giờ dự giờ giảng trên lớp, 110 giờ tự học có hướng dẫn, nghiên cứu, 10 giờ chuẩn bị và tham gia dự kiểm tra, đánh giá định kỳ - quy chuẩn 50 giờ học tập/1 tín chỉ).

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành xong Luật hình sự 1, Luật hình sự 2
7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Phan Thị Thu Lê	0984057618	Le_nt@saodo.edu.vn
2	TS. Nguyễn Chí Dũng	0983376688	Dung_nc@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Tội phạm học nghiên cứu tình hình tội phạm có trên thực tế. Tội phạm học lấy tội phạm/tình hình tội phạm làm đối tượng nghiên cứu trung tâm và xem phòng ngừa tội phạm là mục tiêu nghiên cứu chính. Tội phạm học giúp học viên nhận diện bức tranh tội phạm trên thực tế và hiểu được vì sao xã hội có tội phạm cũng như tại sao một người có thể phạm tội. Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử là cơ sở phương pháp luận của Tội phạm học Việt Nam. Các phương pháp thống kê, nghiên cứu chọn lọc, nghiên cứu điển hình, quan sát, điều tra xã hội học, thực nghiệm xã hội, chuyên gia…được sử dụng để thu thập, xử lý lý thông tin về vấn đề mà tội phạm học nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu Tội phạm học phục vụ cho hoạt động dự báo tội phạm và phòng ngừa tội phạm.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần
10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về Tội phạm học, bao gồm khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, tình hình tội phạm, nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm, nguyên nhân và điều kiện của tội phạm cụ thể, nhân thân người phạm tội, phòng ngừa và dự báo tình hình tội phạm; giúp sinh viên nhận diện, phân tích và đánh giá các vấn đề của tội phạm trong thực tiễn. Qua đó, hình thành và phát triển năng lực vận dụng kiến thức Tội phạm học và pháp luật có liên quan để phân tích tình huống, giải quyết các vấn đề thực tiễn về phòng ngừa, dự báo và phòng, chống tội phạm; đồng thời nâng cao ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp, năng lực tự học, tự nghiên cứu và khả năng làm việc độc lập, làm việc

nhóm, góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa và đấu tranh phòng, chống tội phạm trong thực tiễn.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO)

- CO1 (Kiến thức): Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản và nền tảng về Tội phạm học, bao gồm khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, chức năng, nhiệm vụ và vị trí của Tội phạm học; kiến thức về tình hình tội phạm, nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm, nguyên nhân và điều kiện của tội phạm cụ thể, nhân thân người phạm tội, phòng ngừa và dự báo tình hình tội phạm.

- CO2 (Kỹ năng): Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng thu thập, phân tích và đánh giá thông tin về tội phạm; phân tích tình hình tội phạm, nguyên nhân và điều kiện của tội phạm, đặc điểm nhân thân người phạm tội; vận dụng kiến thức Tội phạm học và pháp luật có liên quan để phân tích, giải quyết các tình huống và vấn đề thực tiễn trong phòng ngừa, dự báo và phòng, chống tội phạm. Nội dung này phù hợp với mục tiêu hiện có về phân tích tình huống và vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề thực tế.

- CO3 (Mức tự chủ và trách nhiệm): Hình thành cho sinh viên ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật; tinh thần trách nhiệm trong học tập và hoạt động nghề nghiệp; khả năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập và phối hợp làm việc nhóm; có ý thức chủ động vận dụng kiến thức Tội phạm học vào thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa và phòng, chống tội phạm.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Trình bày được những kiến thức cơ bản và hệ thống về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, chức năng, nhiệm vụ và vị trí của Tội phạm học; các nội dung cơ bản về tình hình tội phạm, nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm, nguyên nhân và điều kiện của tội phạm cụ thể, nhân thân người phạm tội, phòng ngừa và dự báo tình hình tội phạm.	PI2.1	3
CLO2	Phân tích, đánh giá được các đặc điểm, tính chất và xu hướng của tình hình tội phạm; nguyên nhân và điều kiện của tội phạm; các đặc điểm nhân thân người phạm tội; các biện pháp phòng ngừa và dự báo tình hình tội phạm trong thực tiễn.	PI2.1	3
CLO3	Phân tích được nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm, cũng như cơ chế hành vi phạm tội cụ thể	PI2.1; PI7.1	3
	Kỹ năng		
CLO4	Vận dụng được kiến thức Tội phạm học và pháp luật có liên quan để nhận diện, phân tích, đánh giá và đề	PI2.1	3

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	xuất biện pháp giải quyết các tình huống, vấn đề thực tiễn về phòng ngừa, dự báo và phòng, chống tội phạm.		
CLO5	Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tư duy phản biện, trình bày và trao đổi ý kiến; có khả năng làm việc độc lập và phối hợp làm việc nhóm trong quá trình học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến tội phạm học.	PI3.2	3
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Chủ động, tích cực và có trách nhiệm trong học tập, tự học, tự nghiên cứu và vận dụng kiến thức Tội phạm học vào thực tiễn; có khả năng tự định hướng, tự chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ cá nhân và phối hợp hiệu quả trong hoạt động nhóm.	PI7.1	4

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ Cos	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4		x	
CLO5		x	
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *		
	PLO2	**PLO3**	**PLO7**
	PI2.1	**PI3.2**	**PI7.1**
CLO1	I		
CLO2	R		
CLO3	R		I
CLO4	M		
CLO5		M	
CLO6			R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Ví dụ						
Điểm chuyên cần, điểm kiển tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Thời gian tham gia lớp học. - Thảo luận, tranh biện và làm việc nhóm. - Đóng vai, xử lý tình huống. - Trải nghiệm thực tiễn và báo cáo kết quả. - Rubric đánh giá quá trình.	CLO5	40	Điểm Rubric quá trình, bài tập, Điểm bài tập, tình huống	CLO5 → PLO3/PI3.2
			CLO6	60	Điểm Rubric quá trình	CLO6 → PLO7/PI7.1
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra viết kết hợp lý thuyết và bài tập vận dụng. - Giải quyết tình huống kết hôn, kết hôn trái pháp luật. - Rubric chấm bài kiểm tra.	CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO2 → PLO2/PI2.1
			CLO4	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO4 → PLO/PI2.1
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi kết hợp lý thuyết và bài tập vận dụng về các tình huống xảy ra trong hôn nhân và gia đình .- Rubric chấm bài thi	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO1 → PLO2/PI2.1
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → PLO2/PI2.1
			CLO3	30	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO3 → PLO2/PI2.1; PLO7/PI7.1
			CLO4	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO2/PI2.1
			CLO5	10	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO5 → PLO3/PI3.2

Ký hiệu CLO	**Nội dung CLO**	**Cần đo lường mức**	**Có sử dụng để đánh giá**	**Dữ liệu được lấy từ**

		đạt CLO	mức đạt PLO/PI	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
CLO1	Trình bày được những kiến thức cơ bản và hệ thống về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, chức năng, nhiệm vụ và vị trí của Tội phạm học; các nội dung cơ bản về tình hình tội phạm, nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm, nguyên nhân và điều kiện của tội phạm cụ thể, nhân thân người phạm tội, phòng ngừa và dự báo tình hình tội phạm.	x	PLO2/PI2.1	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO2	Phân tích, đánh giá được các đặc điểm, tính chất và xu hướng của tình hình tội phạm; nguyên nhân và điều kiện của tội phạm; các đặc điểm nhân thân người phạm tội; các biện pháp phòng ngừa và dự báo tình hình tội phạm trong thực tiễn.	x	PLO2/PI2.1	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO3	Vận dụng được kiến thức Tội phạm học và pháp luật có liên quan để nhận diện, phân tích, đánh giá và đề xuất biện pháp giải quyết các tình huống, vấn đề thực tiễn về phòng ngừa, dự báo và phòng, chống tội phạm.	x	PLO2/PI2.1; PLO7/PI7.1	Bài thi cuối kỳ
CLO4	Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tư duy phản biện, trình bày và trao đổi ý kiến; có khả năng làm việc độc lập và phối hợp làm việc nhóm trong quá trình học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến tội phạm học.	x	PLO2/PI2.1	Bài thi cuối kỳ
CLO5	Có ý thức tôn trọng, tuân thủ và bảo vệ pháp luật; có trách nhiệm công dân và trách nhiệm nghề nghiệp trong việc phòng ngừa, đấu tranh phòng, chống tội phạm.	x	PLO3/PI3.2	Thuyết trình, thảo luận nhóm; Bài tập vận dụng
CLO6	Chủ động, tích cực và có trách	x	PLO7/PI7.1	Rubric đánh

	nhiệm trong học tập, tự học, tự nghiên cứu và vận dụng kiến thức Tội phạm học vào thực tiễn; có khả năng tự định hướng, tự chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ cá nhân và phối hợp hiệu quả trong hoạt động nhóm.			giá quá trình; Quan sát trên lớp; Đánh giá thảo luận nhóm, thuyết trình

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thảo luận nhóm

Tiêu chí đánh giá	**CLO**	**Trọng số**	**Giỏi (10 - 8.5)**	**Khá (8.4 - 7.0)**	**Trung bình (6.9 - 5.0)**	**Yếu (4.9 - 0.0)**
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	50%	*Tham dự >85% buổi học*	*Tham dự 70-84% buổi học*	*Tham dự 50-69% buổi học*	*Tham dự <50% buổi học*
Ý thức tự học & thảo luận nhóm	CLO6	50%	Chủ động chuẩn bị bài, tích cực thảo luận, giải quyết tình huống và làm việc nhóm	Tham gia đầy đủ các hoạt động học tập, có trao đổi ý kiến	Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn thụ động	Không tham gia hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao

Rubric bài kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Nội dung chính 1: Kiến thức cơ bản về Tội phạm học	CLO1	20%	Trình bày đầy đủ, chính xác, có hệ thống các khái niệm, nguyên tắc và quy định cơ bản của pháp luật tội phạm	Trình bày cơ bản đầy đủ, chính xác các nội dung; còn một số thiếu sót hoặc sai sót nhỏ.	Nắm được những nội dung cơ bản nhưng thiếu hoặc còn nhầm lẫn một số khái niệm, nguyên tắc, quy định.	Không nắm được hoặc trình bày sai các nội dung cơ bản của pháp luật hôn nhân và gia đình.
Nội dung chính 2: Phân tích và áp dụng pháp luật tội phạm	CLO2 CLO3	30%	Xác định chính xác vấn đề pháp lý; phân tích và áp dụng đúng, đầy đủ các quy định pháp luật; lập luận chặt chẽ, logic.	Phân tích và áp dụng cơ bản đúng quy định pháp luật; lập luận tương đối rõ, còn một số hạn chế nhỏ.	Xác định được vấn đề pháp lý nhưng áp dụng pháp luật còn hạn chế, phân tích chưa đầy đủ hoặc còn sai sót.	Không xác định được vấn đề pháp lý hoặc không áp dụng được quy định pháp luật để

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
						giải quyết vấn đề.
Nội dung chính 3: Phân tích quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý trong tội phạm học	CLO4	20%	Phân tích đầy đủ, chính xác quyền, nghĩa vụ của các bên; xác định đúng căn cứ và hậu quả pháp lý.	Phân tích và xác định cơ bản đúng quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý; còn một số sai sót nhỏ.	Xác định được quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý nhưng phân tích còn hạn chế, chưa đầy đủ.	Không xác định hoặc xác định sai quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý.
Nội dung chính 4: Phân tích và giải quyết tình huống tội phạm học	CLO5	30%	Phân tích toàn diện, chính xác tình huống; xác định đúng vấn đề, căn cứ pháp luật và đề xuất phương án giải quyết phù hợp, có lập luận thuyết phục.	Phân tích và giải quyết cơ bản phù hợp; xác định được căn cứ pháp luật và phương án giải quyết, còn hạn chế nhỏ.	Có khả năng giải quyết tình huống nhưng phân tích chưa đầy đủ, căn cứ hoặc phương án giải quyết còn sai sót.	Không phân tích được tình huống hoặc đưa ra phương án giải quyết không phù hợp với quy định pháp luật.
Tổng điểm		100%				

12. Yêu cầu học phần

- **Quy định chuyên cần:** Sinh viên phải tham dự tối thiểu **80%** tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá **20%** số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- **Nhiệm vụ học tập và tự học:** Sinh viên phải chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo và các văn kiện của Đảng, tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp; hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ tự học, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các chuyên đề tự học theo kế hoạch của học phần; tích cực phối hợp làm việc nhóm, chuẩn bị slide và thực hiện báo cáo, thuyết trình chuyên đề khi được phân công.

- **Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật:** Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động trao đổi, thảo luận và phản biện trong các hoạt động trên lớp; thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức:** Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng những nội dung cốt lõi của Tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc rèn luyện đạo đức, lối sống, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, phản biện và các hoạt động chính trị - xã hội phù hợp.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Võ Thị Kim Oanh, Lê Nguyên Thanh (2025), *Giáo trình Tội phạm học,* NXB Công an nhân dân.

- Tài liệu tham khảo:

[2] - Quốc hội (2024), *Bộ Luật hình sự Việt Nam 2015 sửa đổi năm 2017*, NXB CTQG Sự thật.

[3] - Lê Thị Sơn (2024), *Giáo trình tội phạm học*, NXB Tư pháp.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
1	**CHƯƠNG 1. KHÁI NIỆM TỘI PHẠM HỌC VÀ VỊ TRÍ CỦA TỘI PHẠM HỌC TRONG HỆ THỐNG CÁC KHOA HỌC** **Mục tiêu chương:** Giúp sinh viên hiểu được khái niệm Tội phạm học - Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của Tội phạm học -Chức năng, nhiệm vụ và hệ thống Tội phạm học; Vị trí Tội phạm học trong hệ thống Tội phạm học. **Nội dung cụ thể** 1.1. Khái niệm Tội phạm học và đối tượng nghiên cứu của tội phạm học 1.2. Phương pháp luận và phương pháp	10 (05LT, 05TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, tranh biện, nêu vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, tình huống, đóng vai.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, chia các nhóm.	CLO1 4,5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	nghiên cứu của Tội phạm học 1.3. Chức năng, nhiệm vụ và hệ thống môn Tội phạm học 1.4. Vị trí của tội phạm học trong hệ thống các khoa học		+ Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên phần 1.1, 1.2 chương 1, tài liệu [1] tr 10-50 + Đọc tài liệu [2] + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	
2	**CHƯƠNG 2. TÌNH HÌNH TỘI PHẠM** **Mục tiêu chương:** Giúp sinh viên hiểu được : - Các thuộc tính, đặc điểm của tình hình tội phạm -Lý thuyết về các thông số tình hình tội phạm - Đặc điểm tình hình tội phạm ở Việt Nam hiện nay **Nội dung cụ thể** 2.1 Khái niệm tình hình tội phạm 2.2. Các thông số của tình hình tội phạm 2.3. Tình hình tội phạm ở Việt Nam	10 (05LT, 05TH)	**Thuyết giảng, trực quan, sử dụng tình huống, dạy học dựa trên vấn đề, tình huống, đóng vai, tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Trực quan tình huống trong tình hình tội phạm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và chương 3 trang 110 - 149 + Đọc tài liệu [2] + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận tình huống,	CLO1 2,4,5,6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn cuộc sống.	
3	**CHƯƠNG 3. NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN TÌNH HÌNH TỘI PHẠM** **Mục tiêu chương:** Khái niệm về nguyên nhân và điều kiện tình hình tội phạm - Phân loại nguyên nhân và điều kiện tình hình tội phạm **Nội dung cụ thể:** 3.1. Khái niệm nguyên nhân và điều kiện tình hình tội phạm 3.2. Phân loại nguyên nhân và điều kiện tình hình tội phạm 3.3. Nguyên nhân và điều kiện tình hình tội phạm ở Việt Nam	08 (04LT, 04 TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, phương pháp động não, dạy học dựa trên vấn đề, thảo luận, đóng vai, tình huống** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung bài học tài liệu [2] + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Ôn tập chuẩn bị kiểm tra giữa học phần.	CLO1 3,4,5,6
4	**CHƯƠNG 4. NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN TỘI PHẠM CỤ THỂ** **Mục tiêu chương:** Giúp sinh viên hiểu: - Cơ chế tâm lý xã hội của hành vi phạm tội. - Các nguyên nhân và điều kiện của Tội phạm cụ thể - Phân tích nguyên nhân, điều kiện của tội phạm cụ thể trong các vụ án điển hình. **Nội dung cụ thể** 4.1 Khái niệm chung	08 (04LT, 04TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, dạy học dựa trên vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, thảo luận, đóng vai, tình huống, tranh biện** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	CLO1 4,5,6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	4.2. Các nguyên nhân và điều kiện của tội phạm cụ thể		+ Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước nội dung bài Chương 5, tài liệu [2]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. + Kiểm tra giữa học phần	
5	**CHƯƠNG 5. NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI** **Mục tiêu chương:** Giúp sinh viên hiểu được: Khái niệm nhân thân người phạm tội. Mối quan hệ giữa đặc điểm sinh học với đặc điểm xã hội trong nhân thân người phạm tội. Các đặc điểm nhân thân người phạm tội **Nội dung cụ thể:** 5.1. Khái niệm nhân thân người phạm tội 5.2. Mối quan hệ giữa các đặc điểm sinh học với các đặc điểm xã hội trong nhân thân người phạm tội 5.3. Các đặc điểm nhân thân đặc trưng của người phạm tội 5.4. Phân loại người phạm tội	08 (03LT, 01KT, 04TH)	**Thuyết giảng, nêu vấn đề, trực quan, sử dụng tình huống, đóng vai, tranh biện** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Trực quan tình huống về nhân thân người vi phạm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1] + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Sinh viên làm bài kiểm tra giữa học phần.	CLO1 3,4,5,6
	CHƯƠNG 6. PHÒNG NGỪA TỘI	08	**Thuyết giảng, nêu vấn**	CLO1

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	PHẠM **Mục tiêu chương:** -Khái niệm, nội dung, ý nghĩa phòng ngừa tội phạm. Phân loại các biện pháp phòng ngừa tội phạm -Vấn đề đánh giá hiệu quả phòng ngừa tội phạm Thực tiễn về các biện pháp phòng ngừa tội phạm trong thực tiễn **Nội dung cụ thể** 6.1. Khái niệm phòng ngừa tội phạm 6.2. Phân loại các biện pháp phòng ngừa tội phạm 6.3. Các nguyên tắc phòng ngừa tội phạm 6.4. Các chủ thể phòng ngừa tội phạm 6.5. Vấn đề đánh giá hiệu quả phòng ngừa tội phạm	(04LT, 04TH)	**đề, trực quan, sử dụng tình huống, đóng vai, tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Trực quan tình huống về phòng ngừa tội phạm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1] + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	4,5,6
	CHƯƠNG 7. DỰ BÁO TÌNH HÌNH TỘI PHẠM VÀ KẾ HOẠCH HÓA HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM **Mục tiêu chương:** - Khái niệm, đặc điểm dự báo tình hình tội phạm - Các thông tin tài liệu cần thiết được sử dụng để dự báo tình hình tội phạm - Phương pháp dự báo tình hình tội phạm. - Phân loại dự báo tình hình tội phạm. **Nội dung cụ thể** 7.1. Dự báo tình hình tội phạm 7.2. Kế hoạch hoá công tác phòng chống tội phạm	08 (04LT, 04TH)	**Thuyết giảng, nêu vấn đề, trực quan, sử dụng tình huống, tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Trực quan tình huống về xử phạt vi phạm hành chính hiện hành. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1] + Thảo luận tình huống,	CLO1 4,5,6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Luật

1. Tên học phần: Luật tố tụng hình sự/ Criminal Procedure Law
2. Mã học phần: LUAT 015
3. Số tín chỉ: 3 (2, 1)
4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ ba
5. Phân bổ thời gian Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết, 30 giờ thực hành
- Lý thuyết: 30 giờ, 30 giờ thực hành
- Giờ học tập định mức của người học: 150 giờ (bao gồm 30 giờ dự giờ giảng trên lớp, 110 giờ tự học có hướng dẫn, nghiên cứu, 10 giờ chuẩn bị và tham gia dự kiểm tra, đánh giá định kỳ - quy chuẩn 50 giờ học tập/1 tín chỉ).
6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần Luật hình sự 1, Luật hình sự 2
7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Phan Thị Thu Lê	0984.057.618	le_nt@saodo.edu.vn
2.	Ths. Chu Hải Đăng	0902091279	haidangspc@yahoo.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Luật Tố tụng hình sự là học phần thuộc khối kiến thức ngành, được thiết kế dành cho người học ở trình độ đào tạo đại học. Học phần giúp cho người học nắm vững những kiến thức lí luận, các quy định của pháp luật và những quan điểm khoa học, thực tiễn và kỹ năng xử lí các giai đoạn tố tụng của một vụ án hình sự, như: thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự; chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, của các cơ quan, tổ chức và công dân

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về lý luận và pháp luật tố tụng hình sự; giúp sinh viên hiểu và nắm vững các quy định về nguyên tắc tố tụng hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, chứng cứ và chứng minh; trình tự, thủ tục và thẩm quyền trong các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Qua đó, hình thành và phát triển năng lực phân tích, đánh giá, vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết các tình huống tố tụng hình sự trong thực tiễn; rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, giao tiếp, tranh luận và giải quyết vấn đề; đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm nghề nghiệp của người cán bộ pháp lý, ý thức tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong quá trình tố tụng hình sự.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về Luật tố tụng hình sự; làm rõ khái niệm, nhiệm vụ, các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự; vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng; kiến thức về chứng cứ, chứng minh và các quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền trong các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

- CO2 (Kỹ năng): Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá và vận dụng các quy định của pháp luật tố tụng hình sự để giải quyết các tình huống pháp lý cụ thể; phát triển kỹ năng nhận diện, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự; đồng thời hình thành kỹ năng giao tiếp, thảo luận, tranh luận, làm việc nhóm và vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Hình thành cho sinh viên ý thức tự giác trong học tập, tự học, tự nghiên cứu và cập nhật các quy định của pháp luật tố tụng hình sự; nâng cao ý thức trách nhiệm nghề nghiệp của người cán bộ pháp lý, tinh thần tôn trọng và bảo vệ pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức; có ý thức tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, chịu trách nhiệm về hành vi của bản thân, đồng thời chủ động phối hợp và thực hiện nhiệm vụ được giao trong học tập, công việc và hoạt động nghề nghiệp.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Trình bày và phân tích được những vấn đề cơ bản của pháp luật tố tụng hình sự; khái niệm, nhiệm vụ, nguyên tắc của tố tụng hình sự; hệ thống cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng; chứng cứ, chứng minh và các quy định chung của pháp luật tố tụng hình sự.	PI2.2	3
CLO2	Phân tích và vận dụng được các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về trình tự, thủ tục và thẩm quyền giải quyết vụ án hình sự trong các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật	PI 2.2	4
CLO3	Phân tích được kiến thức pháp luật tố tụng hình sự để nhận diện, phân tích và giải quyết các tình huống, vụ việc phát sinh trong thực tiễn; xác định được các vấn đề pháp lý, lựa chọn và áp dụng quy định pháp luật	PI2.2 PI7.2	4

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	phù hợp.		
	Kỹ năng		
CLO4	Thực hiện được kỹ năng tra cứu, khai thác và sử dụng văn bản pháp luật; kỹ năng lập luận, trình bày, tranh luận và bảo vệ quan điểm pháp lý trong giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự; có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.	PI 7.2	4
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO5	Thể hiện được ý thức tự giác, chủ động trong học tập, tự nghiên cứu và cập nhật các quy định của pháp luật tố tụng hình sự; có khả năng làm việc độc lập, phối hợp với các thành viên trong nhóm và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.	PI 8.1	3
CLO6	Tuân thủ các nguyên tắc của pháp luật tố tụng hình sự; có ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức; có trách nhiệm nghề nghiệp, thái độ khách quan, thận trọng và trung thực trong học tập và vận dụng pháp luật tố tụng hình sự.	PI 8.1	3

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4		x	
CLO5			x
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *		
	PLO2	**PLO7**	**PLO8**
	PI2.2	**PI7.2**	**PI8.1**

CLO1	I		
CLO2	R		
CLO3	R		I
CLO4	M		
CLO5		M	
CLO6			R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Ví dụ						
Điểm chuyên cần, điểm kiển tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Thời gian tham gia lớp học. - Thảo luận, tranh biện và làm việc nhóm. - Đóng vai, xử lý tình huống. - Trải nghiệm thực tiễn và báo cáo kết quả. - Rubric đánh giá quá trình.	CLO5	40	Điểm Rubric quá trình, bài tập, Điểm bài tập, tình huống	CLO5 → PLO8/PI8.1
			CLO6	60	Điểm Rubric quá trình	CLO6 → PLO8/PI8.1
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra viết kết hợp lý thuyết và bài tập vận dụng. - Giải quyết tình huống kết hôn, kết hôn trái pháp luật. - Rubric chấm bài kiểm tra.	CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO2 → PLO2/PI2.2
			CLO4	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO4 → PLO7/PI7.2
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi kết hợp lý thuyết và bài tập vận dụng về các tình huống xảy ra trong hôn	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO1 → PLO2/PI2.2
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối	CLO2 → PLO2/PI2.2

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
		nhân và gia đình .- Rubric chấm bài thi			kỳ	
			CLO3	30	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO3 → PLO2/PI2.2; PLO7/PI7.2
			CLO4	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO7/PI7.2
			CLO5	10	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO5 → PLO8/PI8.1

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đo lường mức đạt CLO	Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI	Dữ liệu được lấy từ
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
CLO1	Trình bày và phân tích được những vấn đề cơ bản của pháp luật tố tụng hình sự; khái niệm, nhiệm vụ, nguyên tắc của tố tụng hình sự; hệ thống cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng; chứng cứ, chứng minh và các quy định chung của pháp luật tố tụng hình sự.	x	PLO2/PI2.2	Bài kiểm tra giữa học phần; bài thi kết thúc học phần
CLO2	Phân tích và vận dụng được các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về trình tự, thủ tục và thẩm quyền giải quyết vụ án hình sự trong các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật	x	PLO2/PI 2.2	Bài kiểm tra giữa học phần; bài thi kết thúc học phần
CLO3	Vận dụng được kiến thức pháp luật tố tụng hình sự để nhận diện, phân tích và giải quyết các	x	PLO2/PI2.2 PLO7/PI7.2	Bài kiểm tra giữa học phần; bài thi

	tình huống, vụ việc phát sinh trong thực tiễn; xác định được các vấn đề pháp lý, lựa chọn và áp dụng quy định pháp luật phù hợp.			kết thúc học phần
CLO4	Thực hiện được kỹ năng tra cứu, khai thác và sử dụng văn bản pháp luật; kỹ năng lập luận, trình bày, tranh luận và bảo vệ quan điểm pháp lý trong giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự; có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.	x	PLO7/PI 7.2	Bài kiểm tra giữa học phần; bài thi kết thúc học phần
CLO5	Thể hiện được ý thức tự giác, chủ động trong học tập, tự nghiên cứu và cập nhật các quy định của pháp luật tố tụng hình sự; có khả năng làm việc độc lập, phối hợp với các thành viên trong nhóm và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.	x	PLO7/PI 7.2	Kiểm tra thường xuyên; thảo luận, tranh biện, làm việc nhóm; bài thi kết thúc học phần
CLO6	Tuân thủ các nguyên tắc của pháp luật tố tụng hình sự; có ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức; có trách nhiệm nghề nghiệp, thái độ khách quan, thận trọng và trung thực trong học tập và vận dụng pháp luật tố tụng hình sự.	x	PLO8/PI8.1	Đánh giá chuyên cần, nhận thức và thái độ; bài thi kết thúc học phần

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thảo luận nhóm

Tiêu chí đánh giá	**CLO**	**Trọng số**	**Giỏi (10 - 8.5)**	**Khá (8.4 - 7.0)**	**Trung bình (6.9 - 5.0)**	**Yếu (4.9 - 0.0)**
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	50%	*Tham dự >85% buổi học*	*Tham dự 70-84% buổi học*	*Tham dự 50-69% buổi học*	*Tham dự <50% buổi học*
Ý thức tự học & thảo luận nhóm	CLO6	50%	Chủ động chuẩn bị bài, tích cực thảo luận,	Tham gia đầy đủ các hoạt động học tập, có	Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn thụ động	Không tham gia hoặc không hoàn thành nhiệm

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10 - 8.5)	Khá (8.4 - 7.0)	Trung bình (6.9 - 5.0)	Yếu (4.9 - 0.0)
			giải quyết tình huống và làm việc nhóm	trao đổi ý kiến		vụ được giao

Rubric bài kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Nội dung chính 1: Kiến thức cơ bản về pháp luật tố tụng hình sự	CLO1	20%	Trình bày đầy đủ, chính xác, có hệ thống các khái niệm, nguyên tắc và quy định cơ bản của pháp luật tó tụng hình sự	Trình bày cơ bản đầy đủ, chính xác các nội dung; còn một số thiếu sót hoặc sai sót nhỏ.	Nắm được những nội dung cơ bản nhưng thiếu hoặc còn nhầm lẫn một số khái niệm, nguyên tắc, quy định.	Không nắm được hoặc trình bày sai các nội dung cơ bản của pháp luật hôn nhân và gia đình.
Nội dung chính 2: Phân tích và áp dụng pháp luật tố tụng hình sự	CLO2 CLO3	30%	Xác định chính xác vấn đề pháp lý; phân tích và áp dụng đúng, đầy đủ các quy định pháp luật; lập luận chặt chẽ, logic.	Phân tích và áp dụng cơ bản đúng quy định pháp luật; lập luận tương đối rõ, còn một số hạn chế nhỏ.	Xác định được vấn đề pháp lý nhưng áp dụng pháp luật còn hạn chế, phân tích chưa đầy đủ hoặc còn sai sót.	Không xác định được vấn đề pháp lý hoặc không áp dụng được quy định pháp luật để giải quyết vấn đề.
Nội dung chính 3: Phân tích quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý trong tố tụng hình sự	CLO4	20%	Phân tích đầy đủ, chính xác quyền, nghĩa vụ của các bên; xác định đúng căn cứ và hậu quả pháp lý.	Phân tích và xác định cơ bản đúng quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý; còn một số sai sót nhỏ.	Xác định được quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý nhưng phân tích còn hạn chế, chưa đầy đủ.	Không xác định hoặc xác định sai quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý.
Nội dung chính 4: Phân tích và giải quyết tình huống	CLO5	30%	Phân tích toàn diện, chính xác tình huống; xác định đúng vấn đề, căn cứ pháp luật và đề xuất phương án	Phân tích và giải quyết cơ bản phù hợp; xác định được căn cứ pháp luật và phương	Có khả năng giải quyết tình huống nhưng phân tích chưa đầy đủ, căn cứ hoặc phương	Không phân tích được tình huống hoặc đưa ra phương án giải quyết

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
pháp luật tố tụng hình sự			giải quyết phù hợp, có lập luận thuyết phục.	án giải quyết, còn hạn chế nhỏ.	án giải quyết còn sai sót.	không phù hợp với quy định pháp luật.
Tổng điểm		100%				

12. Yêu cầu học phần

- **Quy định chuyên cần:** Sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá 20% số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- **Nhiệm vụ học tập và tự học:** Sinh viên phải chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp; hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ tự học, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các chuyên đề tự học theo kế hoạch của học phần; tích cực phối hợp làm việc nhóm, chuẩn bị slide và thực hiện báo cáo, thuyết trình chuyên đề khi được phân công.

- **Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật:** Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động trao đổi, thảo luận và phản biện trong các hoạt động trên lớp; thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức:** Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng những nội dung cốt lõi của học phần vào việc rèn luyện đạo đức, lối sống, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, phản biện và các hoạt động chính trị - xã hội phù hợp.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Nguyễn Ngọc Chí, Lê Lan Chi (2023), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự*, NXB Công an nhân dân, Hà nội.

- Tài liệu tham khảo:

[2] - Quốc hội (2024), *Bộ luật hình sự Việt Nam (bộ luật 2015 sửa đổi 2017*, NXB CTQG Sự thật.

[3] - Lê Thị Sơn (2024), *Giáo trình tội phạm học*, NXB Tư pháp.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
1	**CHƯƠNG 1. NHẬP MÔN LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ** **Mục tiêu chương:** **-** Hiểu được khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật tố tụng hình sự Việt Nam	02 (01LT, 01TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, nêu vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, tình huống, đóng vai, tranh biện.** **- Giảng viên:**	CLO1 CLO2,3, 4,5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	- Hiểu được cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng hình sự - Hiểu được thẩm quyền của Tòa án, chứng minh và chứng cứ trong tố tụng hình sự **Nội dung cụ thể:** 1. Khái niệm tố tụng hình sự và luật tố tụng hình sự 2. Quan hệ pháp luật tố tụng hình sự 3. Vị trí mối quan hệ của luật tố tụng hình sự trong hệ thống pháp luật Việt Nam 4. Bản chất, nhiệm vụ của Luật tố tụng hình sự Việt Nam 5. Quá trình phát triển của Luật tố tụng hình sự **Bài tập**		+ Giải thích các khái niệm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên phần 1, 2,3,4,5 chương 1, tài liệu [1]. + Đọc tài liệu [2]. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	
	CHƯƠNG 2. QUYỀN CON NGƯỜI VÀ ĐẢM BẢO QUYỀN CON NGƯỜI TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ **Mục tiêu chương:** Trình bày được khái niệm quyền con người trong tố tụng hình sự, bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự Nội dung cụ thể: 1. Khái niệm quyền con người trong tố tụng hình sự 2 Bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự	02 (01LT, 01TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, nêu vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, tình huống, đóng vai, tranh biện, thực hành diễn án trong phiên tòa giả định** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. + Bình luận bản án	CLO1 CLO2,3, 4,5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			- Sinh viên: + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên phần 1,2 chương 2, tài liệu [1]. + Đọc tài liệu [2, 3,4]. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	
	CHƯƠNG 3. NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ **Mục tiêu chương:** Trình bày được khái niệm, phân loại nguyên tắc cơ bản của Luật Tố tụng hình sự. **Nội dung cụ thể:** **1. K**hái niệm, phân loại nguyên tắc cơ bản của Luật Tố tụng hình sự. **2. Các** nguyên tắc cơ bản của Luật Tố tụng hình sự năm 2025	02 (01LT, 01TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, nêu vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, tình huống, đóng vai, tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên phần 1, 2, chương 1, tài liệu [1] tr 68-109. + Đọc tài liệu [2, 3,4]. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	CLO1 CLO2,3, 4,5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	CHƯƠNG 4. CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN TIẾN HÀNH TỐ TỤNG **Mục tiêu chương:** Trình bày được khái niệm, cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra **Nội dung cụ thể:** 1. Khái niệm 2. Cơ quan tiến hành tố tụng 3. cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra	02 (01LT, 01TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, nêu vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, tình huống, đóng vai, tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên phần 1, 2,3 chương 4, tài liệu [1]. + Đọc tài liệu [2,3]. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	CLO1 CLO2,3, 4,5
	CHƯƠNG 5. NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN TIẾN HÀNH TỐ TỤNG **Mục tiêu chương:** Trình bày được khái niệm, phân loại người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong hoạt động điều tra, người tiến hành tố tụng trong viện kiểm sát, người tiến hành tố tụng trong tòa án. **Nội dung cụ thể:** 1. Khái niệm , phân loại người có thẩm quyền tiến hành tố tụng 2. Người tiến hành tố tụng trong cơ	02 (01LT, 01TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, nêu vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, tình huống, đóng vai, tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, chia các nhóm.	CLO1 CLO2,3, 4,5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	quan điều tra 3. Người tiến hành tố tụng trong viện kiểm sát 4. Người tiến hành tố tụng trong tòa án		+ Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên phần 1, 2,3,4, chương 5, tài liệu [1]. + Đọc tài liệu [2,3,4]. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	
	CHƯƠNG 6. NGƯỜI THAM GIA TỐ TỤNG **Mục tiêu chương:** Trình bày được khái niệm, phân loại người tham gia tố tụng, các loại người tham gia tố tụng **Nội dung cụ thể:** 1. Khái niệm, phân loại người tham gia tố tụng 2. Các loại người tham gia tố tụng	02 (01LT, 01TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, nêu vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, tình huống, đóng vai, tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên phần 1, 2 chương 6, tài liệu [1]. + Đọc tài liệu [2,3,4]. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát,	CLO1 CLO2,3, 4,5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	
	CHƯƠNG 7. BÀO CHỮA, BẢO VỆ TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ **Mục tiêu chương:** Trình bày được khái niệm, ý nghĩa trong bào chữa, nội dung quyền bào chữa, ý nghĩa của việc bào chữa **Nội dung cụ thể:** 1. khái niệm, ý nghĩa của bào chữa trong tố tụng hình sự 2. Nội dung quyền bào chữa trong tố tụng hình sự 3. Khái niệm, ý nghĩa của bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại	02 (01LT, 01TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, nêu vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, tình huống, đóng vai, tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên phần 1, 2,3 chương 7, tài liệu [1]. + Đọc tài liệu [2,3,4]. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	CLO1 CLO2,3, 4,5
	CHƯƠNG 8. CHỨNG CỨ VÀ CHỨNG MINH TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ **Mục tiêu chương:** Trình bày được chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự **Nội dung cụ thể:** 1. Chứng cứ trong tố tụng hình sự 2. Chứng minh trong tố tụng hình sự	02 (01LT, 01TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, nêu vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, tình huống, đóng vai, tranh biện, thực hành diễn sán trong phiên tòa giả định.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn	CLO1 CLO2,3, 4,5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. + Bình luận bản án **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên phần 1, 2chương 8, tài liệu [1]. + Đọc tài liệu [2,3,4]. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	
	CHƯƠNG 9. BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP CƯỠNG CHẾ KHÁC TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ **Mục tiêu chương:** Trình bày được khái niệm biện pháp ngăn chặn, một số biện pháp cưỡng chế khác **Nội dung cụ thể:** 1. Biện pháp ngăn chặn 2. Một số biện pháp cưỡng chế khác	04 (02LT, 02TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, nêu vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, tình huống, đóng vai, tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên phần 1,2. chương 9, tài	CLO1 CLO2,3, 4,5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			liệu [1]. + Đọc tài liệu [2,3,4]. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	
	CHƯƠNG 10. HỒ SƠ VỤ ÁN, THỜI HẠN, CHI PHÍ TỐ TỤNG **Mục tiêu chương:** Trình bày được hồ sơ vụ án, thời hạn tố tụng và chi phí tố tụng. **Nội dung cụ thể:** 1. Hồ sơ vụ án 2. Thời hạn tố tụng 3. Chi phí tố tụng	05 (02LT, 01 KT,02TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, nêu vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, tình huống, đóng vai, tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên phần 1, 2,3 chương 10, tài liệu [1]. + Đọc tài liệu [2,3,4]. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	CLO1 CLO2,3, 4,5
	CHƯƠNG 11. KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ **Mục tiêu chương:** **Trình bày:** Khái niệm , nhiệm vụ, ý	04 (02LT, 02TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, nêu vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, tình huống, đóng**	CLO1 CLO2,3, 4,5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	nghĩa của khởi tố vụ án hình sự. Quyết định khởi tố vụ án hình sự và một số quyết định tố tụng khác trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự. Thẩm quyền quyết định khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Thủ tục khởi tố vụ án hình sự. Thực hành quyền công tố, kiểm sát khởi tố vụ án hình sự Nội dung cụ thể: 1. Khái niệm , nhiệm vụ, ý nghĩa của khởi tố vụ án hình sự 2. Quyết định khởi tố vụ án hình sự và một số quyết định tố tụng khác trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự 3. Thẩm quyền quyết định khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự 4. Thủ tục khởi tố vụ án hình sự 5. Thực hành quyền công tố, kiểm sát khởi tố vụ án hình sự		**vai, tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên phần 1, 2,3,4,5 chương 11, tài liệu [1]. + Đọc tài liệu [2,3,4]. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	
2	**CHƯƠNG 12. ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ** **Mục tiêu chương:** Trình bày được: Khái niệm, nhiệm vụ của giai đoạn điều tra. Những quy định chung về điều tra. Các hoạt động điều tra. Các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Tạm đình chỉ điều tra. Kết thúc điều tra. Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra **Nội dung cụ thể:** 1. Khái niệm, nhiệm vụ của giai đoạn điều tra 2. Những quy định chung về điều tra 3. Các hoạt động điều tra 4. Các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt	04 (02LT, 02TH)	**Thuyết giảng, trực quan, sử dụng tình huống, dạy học dựa trên vấn đề, đóng vai , tình huống.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Trực quan tình huống trong quan hệ pháp luật. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:**	CLO1 CLO2,3, 4,5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	5. Tạm đình chỉ điều tra 6. Kết thúc điều tra 7. Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra Bài tập		+ Đọc tài liệu [1]. + Đọc tài liệu [2,3,4] + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn cuộc sống.	
	CHƯƠNG 13. TRUY TỐ **Mục tiêu chương:** Hiểu được khái niệm, nhiệm vụ và thẩm quyền truy tố, thủ tục và các quyết định trong giai đoạn truy tố. **Nội dung cụ thể:** 1. Khái niệm 2. Nhiệm vụ và thẩm quyền truy tố 3. Thủ tục và các quyết định trong giai đoạn truy tố	04 (02LT, 02TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, phương pháp động não, dạy học dựa trên vấn đề, tình huống, đóng vai.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung bài học tài liệu [1]. + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	CLO1 CLO2,3, 4,5
	CHƯƠNG 14. XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ **Mục tiêu chương:** Hiểu được quá trình xét xử sơ thẩm, phúc thẩm và xem xét lại bản án, quyết định của Tòa án trong vụ án hình sự. **Nội dung cụ thể:** 1. Khái niệm	04 (02LT, 02TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, phương pháp động não, dạy học dựa trên vấn đề, tình huống, đóng vai.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn	

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	2. Những quy định chung về xét xử		đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung bài học tài liệu 1]. + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	
	CHƯƠNG 15. THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ **Mục tiêu chương:** **Hiểu được:** Khái niệm, ý nghĩa của thi hành án hình sự. Những quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 về thi hành án hình sự **Nội dung cụ thể:** 1. Khái niệm, ý nghĩa của thi hành án hình sự 2. Những quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 về thi hành án hình sự	04 (02LT, 02TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, phương pháp động não, dạy học dựa trên vấn đề, tình huống, đóng vai, thảo luận giữa các nhóm** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung bài học tài liệu [1]. + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	CLO1 CLO2,3, 4,5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	CHƯƠNG 16. GIÁM ĐỐC THẨM, TÁI THẨM, XEM XÉT LẠI QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO **Mục tiêu chương:** **Hiểu được:** Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của giám đốc thẩm. Thủ tục giám đốc thẩm. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của tái thẩm. Thủ tục tái thẩm. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của việc xem xét lại quyết định của hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao. Thủ tục xem xét lại quyết định của hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao **Nội dung cụ thể:** 1. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của giám đốc thẩm 2. Thủ tục giám đốc thẩm 3. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của tái thẩm 4. Thủ tục tái thẩm 5. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của việc xem xét lại quyết định của hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao 6. Thủ tục xem xét lại quyết định của hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao	04 (02LT, 02TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, phương pháp động não, dạy học dựa trên vấn đề, tình huống, đóng vai.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung bài học tài liệu [1]., [2,3,4] + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	CLO1 CLO2,3, 4,5
	CHƯƠNG 17. KHIẾU NẠI, TỐ CÁO TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ **Mục tiêu chương:** **Hiểu được:** Khái niệm, ý nghĩa của khiếu nạo, tố cáo trong tố tụng hình sự. Thủ tục khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự. Trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự **Nội dung cụ thể:** 1. Khái niệm, ý nghĩa của khiếu nạo,	04 (02LT, 02TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, phương pháp động não, dạy học dựa trên vấn đề, tình huống, đóng vai, tranh biện, thực hành diễn án trong phiên tòa giả định** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra.	CLO1 CLO2,3, 4,5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	tố cáo trong tố tụng hình sự 2. Thủ tục khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự 3. Trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự		+ Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. + Bình luận bản án **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung bài học tài liệu [1]. + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	
	CHƯƠNG 18. HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ **Mục tiêu chương:** **Hiểu được**: Khái niệm hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự. Các nội dung của hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự. Khung pháp lý về hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự tại Việt Nam. Nội dung chính về hợp tác quốc tế của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 **Nội dung cụ thể:** 1. Khái niệm hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự 2. Các nội dung của hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự 3. Khung pháp lý về hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự tại Việt Nam 4. Nội dung chính về hợp tác quốc tế của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015	04 (02LT, 02TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, phương pháp động não, dạy học dựa trên vấn đề, tình huống, đóng vai, tranh biện** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung bài học tài liệu [1]. + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	CLO1 CLO2,3, 4,5

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Luật

1. Tên học phần: (tiếng Việt/tiếng Anh): Luật Dân sự 1

2. Mã học phần: LUẬT 010

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ hai

5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết 0 giờ thực hành

- Giờ học tập định mức của người học (bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá): 100 giờ (50 giờ/1 tín chỉ)

6. Điều kiện tiên quyết/Điều kiện học trước: Sau khi học xong học phần Lý luận chung về nhà nước và pháp luật.

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Nguyễn Phương Lan	0912.316.648	phuonglan62@yahoo.com.vn
2.	TS. Đức Thị Hoà	0934375210	Hoakaka1973@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Luật Dân sự 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: tảng về pháp luật dân sự và áp dụng để giải quyết các vấn đề pháp lý cụ thể, bao gồm: khái niệm Luật Dân sự, các nguyên tắc cơ bản của Luật Dân sự, chủ thể của quan hệ pháp luật Dân sự, tài sản và quyền sở hữu và pháp luật về thừa kế.

9. Ngôn ngữ giảng dạy

Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu học phần

a) Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về những vấn đề lý luận và thực tiễn của pháp luật dân sự Việt Nam, bao gồm: khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự; các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự; chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự; tài sản và quyền sở hữu; giao dịch dân sự; đại diện; thời hạn và thời hiệu trong quan hệ dân sự. Qua đó, giúp sinh viên hình thành tư duy pháp lý, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; phát triển năng lực vận dụng kiến thức pháp luật dân sự vào học tập, công tác và giải quyết các tình huống thực tiễn, góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và bảo đảm các quan hệ dân sự được xác lập, thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng và có tính hệ thống về những nội dung cơ bản của Luật dân sự 1, bao gồm: khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của pháp luật dân sự; các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự; quan hệ pháp luật dân sự; chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự; tài sản, quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản; giao dịch dân sự; đại diện; thời hạn và thời

hiệu; từ đó giúp sinh viên hiểu rõ vai trò của pháp luật dân sự trong việc điều chỉnh các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân và các chủ thể khác trong quan hệ dân sự.- CO2 (Kỹ năng): Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng kiến thức pháp luật dân sự để nhận diện, giải thích, phân tích và giải quyết các tình huống phát sinh trong các quan hệ dân sự; phát triển kỹ năng tư duy pháp lý, tư duy phản biện, tra cứu và áp dụng các quy định của pháp luật dân sự, xác định quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý của các chủ thể; đồng thời nâng cao kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, thảo luận, làm việc nhóm, thuyết trình và liên hệ kiến thức pháp luật dân sự với thực tiễn.

- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Tạo cơ hội và môi trường cho sinh viên phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, chủ động cập nhật kiến thức pháp luật dân sự; hình thành ý thức tôn trọng và chấp hành Hiến pháp, pháp luật, tinh thần trách nhiệm trong học tập, công việc và đời sống xã hội; rèn luyện tác phong làm việc khoa học, khách quan, cẩn trọng và có trách nhiệm trong việc xác lập, thực hiện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân và các chủ thể khác, góp phần bảo đảm sự bình đẳng, tự do, tự nguyện, thiện chí và an toàn pháp lý trong các quan hệ dân sự, hướng tới xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome –CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	**Mô tả CLO**	**PIs**	**Mức độ của PIs theo thang đo Bloom**
	Kiến thức		
CLO1	Làm rõ được khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, các nguyên tắc cơ bản và nguồn của pháp luật dân sự Việt Nam; phân tích được vai trò của Luật dân sự trong hệ thống pháp luật Việt Nam.	PI2.1	2
CLO2	Diễn giải được những nội dung cơ bản về chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự, bao gồm cá nhân, pháp nhân và các chủ thể khác; tài sản, quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản trong quan hệ dân sự.	PI2.1	2
CLO3	Phân tích được các quy định cơ bản của pháp luật về giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu và các vấn đề pháp lý có liên quan trong quá trình xác lập, thực hiện và bảo vệ quyền dân sự.	PI3.1	4
	Kỹ năng		
CLO4	Áp dụng kiến thức pháp luật dân sự để nhận diện, phân tích và giải quyết các tình huống phát sinh trong quan hệ dân sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể.	PI2.1	4
CLO5	Vận dụng tư duy pháp lý và kiến thức chuyên môn để	PI2.1	4

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	tra cứu, phân tích và áp dụng các quy định của pháp luật dân sự; thực hiện hiệu quả các hoạt động học tập, thảo luận, làm việc nhóm, thuyết trình và giải quyết tình huống pháp lý.		
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Thể hiện ý thức tự giác trong học tập, nghiên cứu và chủ động cập nhật kiến thức pháp luật dân sự; có ý thức tôn trọng, tuân thủ pháp luật, tôn trọng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; có tinh thần trách nhiệm, tác phong làm việc khoa học, khách quan, cẩn trọng và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình học tập và công tác.	PI7.1	3

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4	x	x	
CLO5		x	x
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *		
	PLO 2	PLO 3	PLO 7
	PI2.1	PI3.1	PI7.1
CLO1	I		
CLO2	I		
CLO3	I		
CLO4	M		
CLO5	M		

CLO6		R	R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Ví dụ						
Điểm chuyên cần, điểm kiển tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Điểm danh, theo dõi mức độ tham gia học tập. - Bài kiểm tra ngắn (trắc nghiệm/tự luận). - Thảo luận nhóm, thuyết trình. - Rubric đánh giá.	CLO1	20	Điểm chuyên cần; Rubric kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO1 → PLO2/PI2.1
			CLO5	40	Rubric thảo luận, thuyết trình	Điểm CLO5 → PLO2/PI2.1
			CLO6	40	Rubric thái độ học tập, tự học, làm việc nhóm	CLO6 → PLO10/PI7 0.1; PI7.1
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra tự luận. - Rubric chấm bài.	CLO1	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO1 → PLO2/PI2.1
			CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO2 → PLO2/PI2.1
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi trắc nghiệm khách quan. - Máy tính chấm.	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO1 → PLO2/PI2.1
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → PLO2/PI2.1

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			CLO3	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO3 → PLO3/PI3.1
			CLO4	40	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO2/PI2.1

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đo lường mức đạt CLO	Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI	Dữ liệu được lấy từ
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**
CLO1	Làm rõ được khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, các nguyên tắc cơ bản và nguồn của pháp luật dân sự Việt Nam; phân tích được vai trò của Luật dân sự trong hệ thống pháp luật Việt Nam.	x	PI2.1	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO2	Diễn giải được những nội dung cơ bản về chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự, bao gồm cá nhân, pháp nhân và các chủ thể khác; tài sản, quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản trong quan hệ dân sự.	x	PI2.1	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO3	Phân tích được các quy định cơ bản của pháp luật về giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu và các vấn đề pháp lý có liên quan trong quá trình xác lập, thực hiện và bảo vệ quyền dân sự.	x	PI3.1	Bài thi cuối kỳ
CLO4	Áp dụng kiến thức pháp luật dân sự để nhận diện, phân tích và giải quyết các tình huống phát sinh trong quan hệ dân sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp	x	PI2.1	Bài thi cuối kỳ

	pháp của các chủ thể.			
CLO5	Vận dụng tư duy pháp lý và kiến thức chuyên môn để tra cứu, phân tích và áp dụng các quy định của pháp luật dân sự; thực hiện hiệu quả các hoạt động học tập, thảo luận, làm việc nhóm, thuyết trình và giải quyết tình huống pháp lý.	x	PI2.1	Thuyết trình, thảo luận nhóm; Bài tập vận dụng
CLO6	Thể hiện ý thức tự giác trong học tập, nghiên cứu và chủ động cập nhật kiến thức pháp luật dân sự; có ý thức tôn trọng, tuân thủ pháp luật, tôn trọng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; có tinh thần trách nhiệm, tác phong làm việc khoa học, khách quan, cẩn trọng và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình học tập và công tác.	x	PI7.1	Rubric đánh giá quá trình; Quan sát trên lớp; Đánh giá thảo luận nhóm, thuyết trình

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thảo luận nhóm

Tiêu chí đánh giá	**CLO**	**Trọng số**	**Giỏi (10 - 8.5)**	**Khá (8.4 - 7.0)**	**Trung bình (6.9 - 5.0) (Mức đạt CĐR)**	**Yếu (4.9 - 0.0)**
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	50%	Tham dự đầy đủ >90% số giờ học, đi học đúng giờ, chấp hành tốt kỷ luật phòng học và chuẩn bị bài chu đáo trước khi lên lớp.	Tham dự từ 80% đến 89% số giờ học, đi học đúng giờ, không vi phạm nghiêm trọng kỷ luật và nội quy học vụ.	Tham dự từ 70% đến 79% số giờ học, thỉnh thoảng còn đi muộn hoặc thiếu tập trung trong giờ học.	Tham dự dưới 70% số giờ học hoặc vi phạm nghiêm trọng kỷ luật học đường.
Ý thức tự học & thảo luận nhóm	CLO6	50%	Chủ động, tích cực nghiên cứu trước tài liệu; hợp tác	Hoàn thành tốt nhiệm vụ tự học và làm bài tập	Tham gia tự học và thảo luận nhóm còn thụ động,	Không chuẩn bị bài tự học, thờ ơ,

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10 - 8.5)	Khá (8.4 - 7.0)	Trung bình (6.9 - 5.0) (Mức đạt CĐR)	Yếu (4.9 - 0.0)
			nhóm xuất sắc, đóng góp ý kiến chất lượng cao, thuyết trình lưu loát.	nhóm được giao, hợp tác nhóm tương đối hiệu quả.	chỉ thực hiện khi được giảng viên yêu cầu.	không hợp tác nhóm hoặc không hoàn thành bài tập tự học.

2. Rubric thi tự luận (Thang điểm 10)

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Kiến thức cơ bản về những vấn đề chung của pháp luật dân sự và quan hệ pháp luật dân sự	CLO1, CLO2	20%	Trình bày đầy đủ, chính xác, có hệ thống các khái niệm, nguyên tắc, chủ thể, khách thể và nội dung của quan hệ pháp luật dân sự.	rình bày cơ bản đầy đủ, chính xác các kiến thức về pháp luật dân sự; còn một số hạn chế nhỏ.	Trình bày được một số kiến thức cơ bản nhưng còn thiếu nội dung, chưa hệ thống hoặc còn nhầm lẫn	Không nắm được hoặc trình bày sai các kiến thức cơ bản về pháp luật dân sự.
Vận dụng các quy định của pháp luật dân sự để xác định quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể	CLO2, CLO3	20%	Vận dụng chính xác, linh hoạt các quy định của pháp luật dân sự để xác định quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý của các chủ thể.	Vận dụng cơ bản đúng các quy định pháp luật dân sự; xác định được quyền, nghĩa vụ của các bên, còn một số hạn chế nhỏ.	Vận dụng được một số quy định pháp luật nhưng còn lúng túng, thiếu căn cứ hoặc xác định chưa đầy đủ quyền, nghĩa vụ của các chủ thể.	Không xác định hoặc không vận dụng được các quy định pháp luật dân sự để giải quyết vấn đề.

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Phân tích và đánh giá các tình huống, vụ việc phát sinh trong quan hệ pháp luật dân sự	CLO4	20%	Phân tích đầy đủ, sâu sắc, logic các tình huống dân sự; xác định chính xác vấn đề pháp lý và đưa ra nhận định có căn cứ.	Phân tích, đánh giá cơ bản đúng tình huống dân sự; lập luận tương đối rõ ràng, còn một số sai sót nhỏ.	Nhận diện được vấn đề pháp lý nhưng phân tích còn hạn chế, bỏ sót một số yếu tố hoặc đưa ra nhận định chưa đầy đủ..	Không xác định được vấn đề pháp lý hoặc đưa ra nhận định, đánh giá không phù hợp với tình huống dân sự.
Thực hiện kỹ năng giải quyết tình huống và vận dụng pháp luật dân sự vào thực tiễn	CLO4, CLO5	30%	Giải quyết tình huống dân sự rõ ràng, chính xác, có căn cứ pháp luật; lập luận chặt chẽ, đề xuất phương án phù hợp và khả thi.	Giải quyết cơ bản đúng tình huống, có căn cứ pháp luật; lập luận tương đối phù hợp, còn một số hạn chế.	Có khả năng giải quyết tình huống ở mức cơ bản nhưng còn lúng túng, lập luận chưa chặt chẽ hoặc vận dụng pháp luật chưa đầy đủ.	Không giải quyết được tình huống hoặc vận dụng sai các quy định của pháp luật dân sự.
Ý thức trách nhiệm, tôn trọng pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong quan hệ dân sự	CLO6	10%	Thể hiện rõ và nhất quán ý thức trách nhiệm, tuân thủ pháp luật, khách quan, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong quan hệ	Thể hiện cơ bản đúng yêu cầu về trách nhiệm, tuân thủ pháp luật và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể; còn	Nhận thức được yêu cầu về trách nhiệm và tuân thủ pháp luật nhưng chưa thể hiện đầy đủ hoặc	Không thể hiện được yêu cầu về trách nhiệm, liêm chính, tuân thủ chuẩn mực và

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
			dân sự.	một số hạn chế nhỏ.	chưa nhất quán trong giải quyết tình huống.	đạo đức nghề nghiệp.
Tổng điểm		**100%**				

12. Yêu cầu học phần

- Quy định chuyên cần: Sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá 20% số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- Nhiệm vụ học tập và tự học: Sinh viên phải chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo Luật Dân sự 1 theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp; hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ tự học, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các chuyên đề tự học theo kế hoạch của học phần; tích cực phối hợp làm việc nhóm, chuẩn bị slide và thực hiện báo cáo, thuyết trình chuyên đề khi được phân công.

- Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật: Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động trao đổi, thảo luận và phản biện trong các hoạt động trên lớp; thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- Yêu cầu về vận dụng kiến thức: Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng những nội dung cốt lõi của Luật Dân sự 1 vào việc rèn luyện đạo đức, lối sống, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, phản biện và các hoạt động kinh tế- chính trị - xã hội phù hợp.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Phạm Văn Tuyết, Trần Thị Huệ (2022), *Giáo trình Luật dân sự Việt Nam tập 1*, NXB Tư pháp.

- Tài liệu tham khảo:

[2] - Chế Mỹ Phương Đài, Nguyễn Xuân Quang (2026), *Giáo trình Những quy định chung về luật dân sự*, NXB Công an nhân dân.

[3] - Quốc hội (2021), *Bộ luật dân sự*, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
1	**Chương 1: Khái quát về Luật Dân sự** **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phuong pháp điều chỉnh,	03 (03LT, 0TH)	**Thuyết giảng, thảo luận, nêu vấn đề** **- Giảng viên:** + Trình bày, giải thích khái niệm, đối tượng điều	CLO1 CLO4

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	nguồn Luật Dân sự và các nguyên tắc áp dụng. Từ các kiến thức khái quát về Luật Dân sự sinh viên vận dụng vào giải quyết các về đề trong thực tiễn luật dân sự.. **Nội dung cụ thể:** 1.1. Khái niệm 1.2. Đối tượng điều chỉnh 1.3. Phuong pháp điều chỉnh 1.4. Nguồn Luật Dân sự và các nguyên tắc áp dụng		chỉnh, phuong pháp điều chỉnh, nguồn Luật Dân sự và các nguyên tắc áp dụng.. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu chương 1. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận, làm bài tập, câu hỏi, tham gia tích cực quá trình học tập, phát biểu xây dựng bài.	
2	**Chương 2: Chủ thể quan hệ pháp luật dân sự** **Mục tiêu chương:** - Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về cá nhân, pháp nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác và các tổ chức khác. - Sinh viên liên hệ nội dung kiến thức vào giải quyết các vấn đề luật dân sự. **Nội dung cụ thể:** 2.1. Cá nhân 2.2. Pháp nhân 2.3. Hộ gia đình, tổ hợp tác và các tổ chức khác	09 (09LT, 0TH)	**Thuyết giảng, thảo luận, tình huống; tranh biện, phát vấn.** **- Giảng viên:** + Trình bày quy phạm pháp luật hành chính và về quan hệ pháp luật hành chính + Trực quan, phát vấn sinh viên. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học + Liên hệ với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu chương 2. + Lắng nghe, ghi chép, tranh luận và phản biện. + Thảo luận theo nhóm	CLO1 CLO4

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			dưới sự hướng dẫn GV. + Liên hệ thực tế với bản thân, ngành học.	
3	**Chương 3: Tài sản, quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản** **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về khái quát về tài sản, quyền sở hữu, các quyền khác đối với tài sản. .- Sinh viên vận dụng liên hệ kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề luật dân sự. **Nội dung cụ thể:** 3.1. Khái quát về tài sản 3.2. Quyền sở hữu 3.2. Các quyền khác đối với tài sản Kiểm tra giưa học phần	09 (08LT, 0 TH, 1 KT)	**Thuyết giảng, thảo luận, tình huống; tranh biện, phát vấn.** **- Giảng viên** + Nêu vấn đề, hướng dẫn SV giải quyết vấn đề. + Phân tích khái quát về tài sản, quyền sở hữu, các quyền khác đối với tài sản. Kiểm tra giữa HP (tiết 15) + Hướng dẫn SV thảo luận nhóm. + Đàm thoại những câu hỏi thắc mắc của SV. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên** + Đọc TL chương 3. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo nhóm. + Đưa ra những câu hỏi thắc mắc. + Liên hệ, vận dụng kiến thức vào ngành nghề đang học. + Làm bài kiểm giữa học phần	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6.
	Chương 4: Quyền thừa kế **Mục tiêu chương:** - Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về khái quát quyền thừa kế, nội dung quyền thừa kế. - Từ nội dung kiến thức về quyền thừa kế sinh viên vận dụng vào giải quyết các vấn đề luật dân sự.. **Nội dung cụ thể:**	09 (09LT, 0TH)	**Thuyết giảng, thảo luận, tình huống; tranh biện, phát vấn..** **- Giảng viên** + Nêu vấn đề, hướng dẫn SV giải quyết vấn đề. + Phân tích khái quát quyền thừa kế, nội dung quyền thừa kế.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	4.1. Khái quát về thừa kế 4.2. Nội dung quyền thừa kế		+ Hướng dẫn SV thảo luận nhóm. + Trao đổi những thắc mắc của SV. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên** + Đọc trước tài liệu chương 4 + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo nhóm, mục III. + Đưa ra những câu hỏi thắc mắc. + Liên hệ lấy ví dụ thực tiễn ngành nghề SV đang học.	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Luật

1. Tên học phần: (tiếng Việt/tiếng Anh): Luật Dân sự 2

2. Mã học phần: LUẬT 011

3. Số tín chỉ: 3 (2,1)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ hai

5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết 30 giờ thực hành

- Giờ học tập định mức của người học (bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá): 150 giờ (50 giờ/1 tín chỉ)

6. Điều kiện tiên quyết/Điều kiện học trước: Sau khi học xong Luật Dân sự 1.

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Nguyễn Phương Lan	0912.316.648	phuonglan62@yahoo.com.vn
2.	TS. Đức Thị Hoà	0934375210	Hoakaka1973@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Luật Dân sự 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: pháp luật dân sự và áp dụng để giải quyết các vấn đề pháp lý cụ thể, bao gồm: quy định về hợp đồng, một số hợp đồng thông dụng cụ thể, trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp cụ thể.

9. Ngôn ngữ giảng dạy

Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

a) Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về những vấn đề lý luận và thực tiễn của pháp luật dân sự Việt Nam, bao gồm các nội dung về tài sản, quyền sở hữu, giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn và thời hiệu trong quan hệ dân sự. Qua đó, giúp sinh viên hình thành tư duy pháp lý, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; phát triển năng lực vận dụng kiến thức pháp luật dân sự vào học tập, công tác và giải quyết các tình huống thực tiễn, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng và có tính hệ thống về những nội dung cơ bản của Luật dân sự 2, bao gồm: nghĩa vụ dân sự và bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; hợp đồng và các loại hợp đồng thông dụng; thực hiện, sửa đổi, chấm dứt nghĩa vụ và hợp đồng; trách nhiệm dân sự; trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; qua đó giúp sinh viên hiểu rõ vai trò của pháp luật dân sự trong việc điều chỉnh các quan hệ nghĩa vụ, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong quan hệ dân sự.

.- CO2 (Kỹ năng): Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng kiến thức pháp luật dân sự để nhận diện, giải thích, phân tích và giải quyết các tình huống phát sinh trong quan hệ nghĩa vụ, hợp đồng và bồi thường thiệt hại; phát triển kỹ năng tư duy pháp lý, tư duy phản biện, tra cứu và áp dụng các quy định của pháp luật dân sự, xác định quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý của các bên; đồng thời nâng cao kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, thảo luận, làm việc nhóm, thuyết trình và liên hệ kiến thức pháp luật dân sự với thực tiễn.

- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Tạo cơ hội và môi trường cho sinh viên phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, chủ động cập nhật kiến thức pháp luật dân sự; hình thành ý thức tôn trọng và chấp hành Hiến pháp, pháp luật, tinh thần trách nhiệm trong học tập, công việc và đời sống xã hội; rèn luyện tác phong làm việc khoa học, khách quan, cẩn trọng và có trách nhiệm trong việc xác lập, thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong quan hệ nghĩa vụ và hợp đồng, góp phần bảo đảm sự bình đẳng, tự do, tự nguyện, thiện chí và an toàn pháp lý trong các quan hệ dân sự, hướng tới xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam..

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome –CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Làm rõ được khái niệm, đặc điểm, căn cứ phát sinh, chủ thể, nội dung và các nguyên tắc thực hiện nghĩa vụ dân sự; phân tích được các quy định cơ bản về thực hiện, chuyển giao, chấm dứt nghĩa vụ và các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự.	PI2.2/2	2
CLO2	Phân tích được những nội dung cơ bản của pháp luật về hợp đồng, bao gồm giao kết, thực hiện, sửa đổi, chấm dứt hợp đồng và trách nhiệm do vi phạm hợp đồng; diễn giải được các quy định pháp luật về một số loại hợp đồng dân sự thông dụng.	PI2.2/2	2
CLO3	Phân tích và vận dụng được các quy định cơ bản của pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, bao gồm trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ và trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; xác định được căn cứ phát sinh, chủ thể, phạm vi và phương thức bồi thường thiệt hại trong các quan hệ dân sự.	PI2.2/2	2
	Kỹ năng		
CLO4	Áp dụng kiến thức pháp luật dân sự để nhận diện, phân tích và giải quyết các tình huống phát sinh trong quan hệ nghĩa vụ, hợp đồng, bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và bồi thường thiệt hại; góp phần bảo vệ quyền và	PI3.1/2	3

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	lợi ích hợp pháp của các chủ thể.		
CLO5	Vận dụng tư duy pháp lý và kiến thức chuyên môn để tra cứu, phân tích và áp dụng các quy định của pháp luật dân sự trong giải quyết các vấn đề về nghĩa vụ, hợp đồng và trách nhiệm dân sự; thực hiện hiệu quả các hoạt động học tập, thảo luận, làm việc nhóm, thuyết trình và giải quyết tình huống pháp lý.	PI3.1/2	3
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Thể hiện ý thức tự giác trong học tập, nghiên cứu và chủ động cập nhật kiến thức pháp luật dân sự; có ý thức tôn trọng, tuân thủ pháp luật, thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ và trách nhiệm dân sự, tôn trọng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể; có tinh thần trách nhiệm, tác phong làm việc khoa học, khách quan, cẩn trọng và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình học tập và công tác.	PI7.1/2	4

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4	x	x	
CLO5		x	x
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *		
	PLO 1	PLO 10	
	PI1.1	PI10.1	PI10.2
CLO1	I		

CLO2	I		
CLO3		I	
CLO4		M	
CLO5	M		
CLO6		R	R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Ví dụ						
Điểm chuyên cần, điểm kiển tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Điểm danh, theo dõi mức độ tham gia học tập. - Bài kiểm tra ngắn (trắc nghiệm/tự luận). - Thảo luận nhóm, thuyết trình. - Rubric đánh giá.	CLO1	20	Điểm chuyên cần; Rubric kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO1 → PLO1/PI1.1
			CLO5	40	Rubric thảo luận, thuyết trình	Điểm CLO5 → PLO5/PI1.1
			CLO6	40	Rubric thái độ học tập, tự học, làm việc nhóm	CLO6 → PLO10/PI10.1; PI10.2
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra tự luận. - Rubric chấm bài.	CLO1	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO1 → PLO1/PI1.1

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO2 → PLO1/PI1.1
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi trắc nghiệm khách quan. - Máy tính chấm.	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO1 → PLO1/PI1.1
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → PLO1/PI1.1
			CLO3	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO3 → PLO1/PI1.1
			CLO4	40	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO1/PI1.1

Ký hiệu CLO	**Nội dung CLO**	**Cần đo lường mức đạt CLO**	**Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI**	**Dữ liệu được lấy từ**
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**
CLO1	Làm rõ được khái niệm, đặc điểm, căn cứ phát sinh, chủ thể, nội dung và các nguyên tắc thực hiện nghĩa vụ dân sự; phân tích được các quy định cơ bản về thực hiện, chuyển giao, chấm dứt nghĩa vụ và các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự.	x	PI1.1	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO2	Phân tích được những nội dung cơ bản của pháp luật về hợp đồng, bao gồm giao kết, thực hiện, sửa đổi, chấm dứt hợp đồng và trách nhiệm do vi phạm hợp đồng; diễn giải được các quy định pháp luật về một số loại hợp đồng dân sự thông	x	PI1.1	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ

	dụng.			
CLO3	Phân tích và vận dụng được các quy định cơ bản của pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, bao gồm trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ và trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; xác định được căn cứ phát sinh, chủ thể, phạm vi và phương thức bồi thường thiệt hại trong các quan hệ dân sự.	x	PI1.1	Bài thi cuối kỳ
CLO4	Áp dụng kiến thức pháp luật dân sự để nhận diện, phân tích và giải quyết các tình huống phát sinh trong quan hệ nghĩa vụ, hợp đồng, bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và bồi thường thiệt hại; góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể.	x	PI1.1	Bài thi cuối kỳ
CLO5	Vận dụng tư duy pháp lý và kiến thức chuyên môn để tra cứu, phân tích và áp dụng các quy định của pháp luật dân sự trong giải quyết các vấn đề về nghĩa vụ, hợp đồng và trách nhiệm dân sự; thực hiện hiệu quả các hoạt động học tập, thảo luận, làm việc nhóm, thuyết trình và giải quyết tình huống pháp lý.	x	PI1.1	Thuyết trình, thảo luận nhóm; Bài tập vận dụng
CLO6	Thể hiện ý thức tự giác trong học tập, nghiên cứu và chủ động cập nhật kiến thức pháp luật dân sự; có ý thức tôn trọng, tuân thủ pháp luật, thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ và trách nhiệm dân sự, tôn trọng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể; có tinh thần trách nhiệm, tác phong làm việc khoa học, khách quan, cẩn trọng và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình học tập và công tác.	x	PI10.1; PI10.2	Rubric đánh giá quá trình; Quan sát trên lớp; Đánh giá thảo luận nhóm, thuyết trình

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thảo luận nhóm (CLO6 – PL10 / PI 10.1, PI10.2)

Tiêu chí đánh giá	**CLO**	**Trọng số**	**Giỏi (10 - 8.5)**	**Khá (8.4 - 7.0)**	**Trung bình (6.9 - 5.0)**	**Yếu (4.9 - 0.0)**
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	50%	Tham dự đầy đủ >90% số giờ học, đi học đúng giờ, chấp hành tốt kỷ luật phòng học và chuẩn bị bài chu đáo trước khi lên lớp.	Tham dự từ 80% đến 89% số giờ học, đi học đúng giờ, không vi phạm nghiêm trọng kỷ luật và nội quy học vụ.	Tham dự từ 70% đến 79% số giờ học, thỉnh thoảng còn đi muộn hoặc thiếu tập trung trong giờ học.	Tham dự dưới 70% số giờ học hoặc vi phạm nghiêm trọng kỷ luật học đường.
Ý thức tự học & thảo luận nhóm	CLO6	50%	Chủ động, tích cực nghiên cứu trước tài liệu; hợp tác nhóm xuất sắc, đóng góp ý kiến chất lượng cao, thuyết trình lưu loát.	Hoàn thành tốt nhiệm vụ tự học và làm bài tập nhóm được giao, hợp tác nhóm tương đối hiệu quả.	Tham gia tự học và thảo luận nhóm còn thụ động, chỉ thực hiện khi được giảng viên yêu cầu.	Không chuẩn bị bài tự học, thờ ơ, không hợp tác nhóm hoặc không hoàn thành bài tập tự học.

2. *Rubric bài kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần*

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Nội dung chính 1: Kiến thức cơ bản về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự	CLO1	20%	Trình bày đầy đủ, chính xác, có hệ thống các khái niệm, nguyên tắc, căn cứ phát sinh, thực hiện và chấm dứt nghĩa vụ dân	Trình bày cơ bản đầy đủ, chính xác các nội dung về nghĩa vụ và hợp đồng dân sự; còn một số	Nắm được những nội dung cơ bản nhưng còn thiếu hoặc nhầm lẫn một số khái niệm, nguyên tắc, quy định về nghĩa vụ và	Không nắm được hoặc trình bày sai các nội dung cơ bản về nghĩa vụ và hợp đồng dân sự.

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
			sự; các quy định cơ bản về hợp đồng dân sự.	thiếu sót hoặc sai sót nhỏ.	hợp đồng dân sự.	
Nội dung chính 2: Phân tích và áp dụng pháp luật về nghĩa vụ và hợp đồng dân sự	CLO2CLO3	30%	Xác định chính xác vấn đề pháp lý; phân tích và áp dụng đầy đủ, chính xác các quy định về thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm dân sự, hợp đồng và trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ, hợp đồng; lập luận chặt chẽ, logic.	Phân tích và áp dụng cơ bản đúng các quy định pháp luật; lập luận tương đối rõ ràng, còn một số hạn chế nhỏ.	Xác định được vấn đề pháp lý nhưng việc phân tích, áp dụng quy định pháp luật còn hạn chế, chưa đầy đủ hoặc còn một số sai sót.	Không xác định được vấn đề pháp lý hoặc không áp dụng được các quy định pháp luật để giải quyết vấn đề về nghĩa vụ, hợp đồng dân sự.
Nội dung chính 3: Phân tích quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm dân sự của các chủ thể	CLO4	20%	Phân tích đầy đủ, chính xác quyền và nghĩa vụ của các bên; xác định đúng căn cứ phát sinh, thực hiện, chấm dứt nghĩa vụ và trách nhiệm dân sự; xác định chính xác hậu quả pháp lý.	Phân tích và xác định cơ bản đúng quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm dân sự và hậu quả pháp lý; còn một số sai sót nhỏ.	Xác định được quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm dân sự nhưng phân tích còn hạn chế, chưa đầy đủ hoặc chưa làm rõ được hậu quả pháp lý.	Không xác định hoặc xác định sai quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm dân sự và hậu quả pháp lý của các bên.
Nội dung chính 4: Phân tích và giải	CLO5	30%	Phân tích toàn diện, chính xác tình huống; xác định đúng	Phân tích và giải quyết tình huống cơ bản phù	Có khả năng xác định và giải quyết tình huống nhưng phân	Không phân tích được tình huống; xác định sai vấn đề pháp

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
quyết tình huống pháp luật dân sự			quan hệ pháp luật, vấn đề pháp lý và căn cứ pháp luật; đề xuất phương án giải quyết phù hợp, có lập luận chặt chẽ và thuyết phục.	hợp; xác định được vấn đề và căn cứ pháp luật, đưa ra phương án giải quyết hợp lý nhưng còn một số hạn chế nhỏ.	tích chưa đầy đủ; căn cứ pháp luật hoặc phương án giải quyết còn sai sót.	lý hoặc đưa ra phương án giải quyết không phù hợp với quy định pháp luật.
Tổng điểm		100%				

12. Yêu cầu học phần

- Quy định chuyên cần: Sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá 20% số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- Nhiệm vụ học tập và tự học: Sinh viên phải chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo Luật Dân sự 2 theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp; hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ tự học, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các chuyên đề tự học theo kế hoạch của học phần; tích cực phối hợp làm việc nhóm, chuẩn bị slide và thực hiện báo cáo, thuyết trình chuyên đề khi được phân công.

- Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật: Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động trao đổi, thảo luận và phản biện trong các hoạt động trên lớp; thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- Yêu cầu về vận dụng kiến thức: Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng những nội dung cốt lõi của Luật Dân sự 2 vào việc rèn luyện đạo đức, lối sống, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, phản biện và các hoạt động kinh tế- chính trị - xã hội phù hợp.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Phạm Văn Tuyết, Trần Thị Huệ (2022), *Giáo trình Luật dân sự Việt Nam tập 2*, NXB Tư pháp.

- Tài liệu tham khảo:

[2] - Chế Mỹ Phương Đài, Nguyễn Xuân Quang (2026), *Giáo trình Những quy định chung về luật dân sự*, NXB Công an nhân dân.

[3] - Quốc hội (2021), *Bộ luật dân sự*, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
1	**Chương 5: Những quy định chung về hợp đồng** **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm và các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng, nội dung, hình thức và thời điểm có hiệu lực của hợp đồng, giao kết, thực hiện hợp đồng và các biện pháp bảo đảm giao kết, thực hiện hợp đồng. Từ các kiến thức khái quát về Luật Dân sự sinh viên vận dụng vào việc giải quyết các vấn đề về hợp đồng. **Nội dung cụ thể:** 5.1. Khái niệm và các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng 5.2. Nội dung, hình thức và thời điểm có hiệu lực của hợp đồng 5.3. Giao kết, thực hiện hợp đồng và các biện pháp bảo đảm giao kết, thực hiện hợp đồng	12 (09LT, 03TH)	**Thuyết giảng, nêu vấn đề, tranh biện, tình huống thực tế.** **- Giảng viên:** + Trình bày, giải thích khái niệm và các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng, nội dung, hình thức và thời điểm có hiệu lực của hợp đồng, giao kết, thực hiện hợp đồng và các biện pháp bảo đảm giao kết, thực hiện hợp đồng. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu chương 5 + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận, làm bài tập, câu hỏi, tham gia tích cực quá trình học tập, phát biểu xây dựng bài.	CLO1 CLO4
2	**Chương 6: Một số hợp đồng thông dụng cụ thể** **Mục tiêu chương:** - Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về hợp đồng có đối tượng là tài sản, hợp đồng có đối tượng là	14 (09LT, 04TH, 01KT)	**Thuyết giảng, thảo luận tranh biện, tình huống thực tế.** **- Giảng viên:** + Giảng giải về hợp đồng có đối tượng là tài sản,	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	công việc, hợp đồng về quyền sử dụng đất. - Từ nội dung kiến thức về hợp sinh viên vận dụng giải quyết các về đè liên quan đến hợp đồng thông dụng. **Nội dung cụ thể:** 6.1. Hợp đồng có đối tượng là tài sản 6.2. Hợp đồng có đối tượng là công việc 6.3. Hợp đồng về quyền sử dụng đất Kiểm tra giữa kỳ		hợp đồng có đối tượng là công việc, hợp đồng về quyền sử dụng đất + Trực quan, phát vấn sinh viên. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học + Liên hệ với thực tiễn. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu chương 6. + Lắng nghe, ghi chép, tranh luận và phản biện. + Thảo luận theo nhóm dưới sự hướng dẫn GV. + Liên hệ thực tế với bản thân, ngành học. + Làm bài giữa kỳ	
3	**Chương 7: Những quy định chung về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng** **Mục tiêu chương:** - Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm và các điều kiện của trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, nguyên tắc bồi thường, trách nhiệm bồi thường thiệt hại của cá nhân, xác định thiệt hại trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, trách nhiệm liên đới, trách nhiệm riêng rẽ. ..- Từ nội dung kiến thức sinh viên	09 (06LT, 03TH)	**Thuyết giảng, thảo luận tranh biện, tình huống thực tế.** **- Giảng viên:** + Nêu vấn đề, hướng dẫn SV giải quyết vấn đề. + Phân tích khái quát về khái niệm, nguyên tắc, trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hớp đồng. + Hướng dẫn SV thảo luận nhóm. + Đàm thoại những câu hỏi thắc mắc của SV.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	vận dụng giải quyết các vấn đề về trách nhiệm bồi thường hợp đồng. **Nội dung cụ thể:** 7.1. Khái niệm và các điều kiện của trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng 7.2. Nguyên tắc bồi thường 7.3. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của cá nhân 7.4. Xác định thiệt hại trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng 7.5. Trách nhiệm liên đới, trách nhiệm riêng rẽ		+ Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên** + Đọc trước tài liệu chương 7. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo nhóm. + Đưa ra những câu hỏi thắc mắc. + Liên hệ, vận dụng kiến thức vào ngành nghề đang học. + Làm bài kiểm giữa học phần	
4	**Chương 8: Bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp cụ thể** **Mục tiêu chương:** - Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra, bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra, những trường hợp bồi thường thiệt hại khác. - Từ kiến thức trang bị về bồi thường thiệt hại, sinh viên vận dụng vào giải quyết các vấn đề bồi thường ở một số trường hợp cụ thể. **Nội dung cụ thể:** 8.1. Bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra 8.2. Bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra 8.3. Những trường hợp bồi thường thiệt hại khác	10 (06LT, 04TH)	**Thuyết giảng, thảo luận tranh biện, tình huống thực tế.** **- Giảng viên** + Nêu vấn đề, hướng dẫn SV giải quyết vấn đề. + Phân tích bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra, bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra, những trường hợp bồi thường thiệt hại khác. + Hướng dẫn SV thảo luận nhóm. + Trao đổi những thắc mắc của SV. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên** + Đọc trước tài liệu chương 8	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			+ Đưa ra những câu hỏi thắc mắc. + Liên hệ lấy ví dụ thực tiễn ngành nghề SV đang học.	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

1. Tên học phần: Luật Hôn nhân và gia đình/ Law on marriage and family

2. Mã học phần: LUAT 020

3. Số tín chỉ: 2 (1,1)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ ba

5. Phân bổ thời gian

- Lý thuyết: 15 giờ; thực hành: 30 giờ, giời tự học: 100 giờ

6. Điều kiện tiên quyết/Điều kiện học trước: Sau khi học xong học phần: Luật Dân sự 1

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Nguyễn Thái Mai	0912.376293	Mai_luatquocte@yahoo.com
2.	ThS. Phạm Thị Mai	0978.370.438	phammaidhsd1018@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Khái niệm và những nguyên tắc cơ bản của luật hôn nhân và gia đình Việt Nam, quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình, sự phát triển của luật hôn nhân và gia đình Việt Nam từ cách mạng Tháng Tám đến nay, kết hôn và hủy kết hôn trái pháp luật, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con, quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình, chấm dứt hôn nhân, quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; giúp sinh viên hiểu và phân tích được các quy định pháp luật về kết hôn, quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, chấm dứt hôn nhân và quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài. Học phần đồng thời hình thành cho sinh viên kỹ năng tra cứu, phân tích và vận dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề, tình huống pháp lý trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình; phát triển ý thức tự học, tuân thủ pháp luật, trung thực và trách nhiệm trong học tập, nghiên cứu và thực tiễn.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về pháp luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; hiểu và phân tích được các quy định pháp luật về kết hôn, quan hệ giữa vợ và chồng, quan hệ giữa cha mẹ và con, cấp dưỡng, chấm dứt hôn nhân và quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

- CO2 (Kỹ năng): Hình thành và phát triển cho sinh viên kỹ năng tra cứu, phân tích và vận dụng các quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình để nhận diện, đánh giá

và giải quyết các vấn đề, tình huống pháp lý; đồng thời rèn luyện kỹ năng lập luận, trình bày, thảo luận và làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề pháp lý.

- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Hình thành cho sinh viên ý thức chủ động, tự giác trong học tập và nghiên cứu; có thái độ nghiêm túc, trung thực, tôn trọng pháp luật và chuẩn mực đạo đức; có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng trong nhận thức và giải quyết các vấn đề về hôn nhân và gia đình.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Trình bày và phân tích được những vấn đề cơ bản của pháp luật hôn nhân và gia đình Việt Nam, bao gồm khái niệm, nguyên tắc, quan hệ pháp luật và quá trình hình thành, phát triển của pháp luật hôn nhân và gia đình.	PI2.2	3
CLO2	Phân tích được các quy định pháp luật về kết hôn, hủy kết hôn trái pháp luật, quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, cha mẹ và con, quan hệ giữa các thành viên trong gia đình và cấp dưỡng.	PI2.2	3
CLO3	Phân tích được các quy định pháp luật về chấm dứt hôn nhân và quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài; nhận diện được những vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn.	PI2.2; PI7.1	4
	Kỹ năng		
CLO4	Vận dụng được các quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình để phân tích, đánh giá và đề xuất phương án giải quyết các tình huống pháp lý cụ thể.	PI2.2	3
CLO5	Thực hiện được việc tra cứu, phân tích văn bản pháp luật; trình bày, lập luận, phản biện và phối hợp làm việc nhóm để giải quyết, tư vấn các vấn đề pháp lý trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình.	PI3.1	3
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	hể hiện ý thức chủ động tự học, tuân thủ pháp luật, trung thực trong học tập và nghiên cứu; có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng trong nhận thức và giải quyết các vấn đề về hôn nhân và gia đình.	PI7.1	4

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4		x	
CLO5		x	
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *		
	PLO2	**PLO3**	**PLO7**
	PI2.2	**PI3.1**	**PI7.1**
CLO1	I		
CLO2	R		
CLO3	R		I
CLO4	M		
CLO5		M	
CLO6			R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Ví dụ						
Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và	20%	- Thời gian tham gia lớp học. - Thảo luận, tranh biện và làm việc nhóm. - Đóng vai, xử lý tình huống. - Trải nghiệm thực tiễn và báo cáo kết quả.	CLO5	40	Điểm Rubric quá trình, bài tập, Điểm bài tập, tình huống	CLO5 → PLO3/PI3.1
			CLO6	60	Điểm Rubric quá trình	CLO6 → PLO7/PI7.1

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
thái độ		- Rubric đánh giá quá trình.				
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra viết kết hợp lý thuyết và bài tập vận dụng. - Giải quyết tình huống kết hôn, kết hôn trái pháp luật. - Rubric chấm bài kiểm tra.	CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO2 → PLO2/PI2.2
			CLO4	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO4 → PLO2/PI2.2
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi kết hợp lý thuyết và bài tập vận dụng về các tình huống xảy ra trong hôn nhân và gia đình .- Rubric chấm bài thi	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO1 → PLO2/PI2.2
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → PLO2/PI2.2
			CLO3	30	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO3 → PLO2/PI2.2; PLO7/PI7.1
			CLO4	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO2/PI2.2
			CLO5	10	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO5 → PLO3/PI3.1

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đo lường mức đạt CLO	Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI	Dữ liệu được lấy từ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
CLO1	Trình bày và phân tích được những vấn đề cơ bản về pháp luật hôn nhân và gia đình; nhận diện được các quy định pháp luật cơ bản trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình.	x	PLO2/PI2.2	Bài kiểm tra giữa học phần; bài thi kết thúc học phần
CLO2	Vận dụng được các quy	x	PLO2/PI2.2	Bài kiểm tra

	định pháp luật về hôn nhân và gia đình để phân tích, giải quyết các tình huống pháp lý cụ thể.			giữa học phần; bài thi kết thúc học phần
CLO3	Phân tích, đánh giá được các vấn đề pháp lý phát sinh trong quan hệ hôn nhân và gia đình trên cơ sở quy định của pháp luật.	x	PLO2/PI2.2; PLO7/PI7.1	Bài kiểm tra giữa học phần; bài thi kết thúc học phần
CLO4	Đưa ra được lập luận, quan điểm và phương án giải quyết đối với các vấn đề pháp lý về hôn nhân và gia đình; có khả năng phản biện các quan điểm khác nhau.	x	PLO2/PI2.2	Bài kiểm tra giữa học phần; bài thi kết thúc học phần
CLO5	Thực hiện được việc tra cứu, vận dụng văn bản pháp luật; lập luận, phản biện và phối hợp làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề pháp lý về hôn nhân và gia đình.	x	PLO3/PI3.1	Kiểm tra thường xuyên; thảo luận, tranh biện, làm việc nhóm; bài thi kết thúc học phần
CLO6	Thể hiện ý thức tuân thủ pháp luật, trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể; có khả năng hướng dẫn, tuyên truyền thực hiện pháp luật về hôn nhân và gia đình.	x	PLO7/PI7.1	Đánh giá chuyên cần, nhận thức và thái độ; bài thi kết thúc học phần

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10 - 8.5)	Khá (8.4 - 7.0)	Trung bình (6.9 - 5.0)	Yếu (4.9 - 0.0)
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	50%	*Tham dự >85% buổi học*	*Tham dự 70-84% buổi học*	*Tham dự 50-69% buổi học*	*Tham dự <50% buổi học*
Ý thức tự học & thảo luận nhóm	CLO6	50%	Chủ động chuẩn bị bài, tích cực thảo luận, giải quyết	Tham gia đầy đủ các hoạt động học tập, có trao đổi ý	Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn thụ động	Không tham gia hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10 - 8.5)	Khá (8.4 - 7.0)	Trung bình (6.9 - 5.0)	Yếu (4.9 - 0.0)
			tình huống và làm việc nhóm	kiến		

2. ***Rubric bài kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần***

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Nội dung chính 1: Kiến thức cơ bản về pháp luật hôn nhân và gia đình	CLO1	20%	Trình bày đầy đủ, chính xác, có hệ thống các khái niệm, nguyên tắc và quy định cơ bản của pháp luật hôn nhân và gia đình.	Trình bày cơ bản đầy đủ, chính xác các nội dung; còn một số thiếu sót hoặc sai sót nhỏ.	Nắm được những nội dung cơ bản nhưng thiếu hoặc còn nhầm lẫn một số khái niệm, nguyên tắc, quy định.	Không nắm được hoặc trình bày sai các nội dung cơ bản của pháp luật hôn nhân và gia đình.
Nội dung chính 2: Phân tích và áp dụng pháp luật hôn nhân và gia đình	CLO2 CLO3	30%	Xác định chính xác vấn đề pháp lý; phân tích và áp dụng đúng, đầy đủ các quy định pháp luật; lập luận chặt chẽ, logic.	Phân tích và áp dụng cơ bản đúng quy định pháp luật; lập luận tương đối rõ, còn một số hạn chế nhỏ.	Xác định được vấn đề pháp lý nhưng áp dụng pháp luật còn hạn chế, phân tích chưa đầy đủ hoặc còn sai sót.	Không xác định được vấn đề pháp lý hoặc không áp dụng được quy định pháp luật để giải quyết vấn đề.
Nội dung chính 3: Phân tích quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý trong quan hệ hôn nhân và gia đình	CLO4	20%	Phân tích đầy đủ, chính xác quyền, nghĩa vụ của các bên; xác định đúng căn cứ và hậu quả pháp lý.	Phân tích và xác định cơ bản đúng quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý; còn một số sai sót nhỏ.	Xác định được quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý nhưng phân tích còn hạn chế, chưa đầy đủ.	Không xác định hoặc xác định sai quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý.
Nội dung chính 4: Phân tích và giải quyết tình huống pháp luật	CLO5	30%	Phân tích toàn diện, chính xác tình huống; xác định đúng vấn đề, căn cứ pháp luật và đề xuất phương án giải quyết phù hợp,	Phân tích và giải quyết cơ bản phù hợp; xác định được căn cứ pháp luật và phương án giải quyết,	Có khả năng giải quyết tình huống nhưng phân tích chưa đầy đủ, căn cứ hoặc phương án giải quyết	Không phân tích được tình huống hoặc đưa ra phương án giải quyết không phù

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
về hôn nhân và gia đình			có lập luận thuyết phục.	còn hạn chế nhỏ.	còn sai sót.	hợp với quy định pháp luật.
Tổng điểm		100%				

12. Yêu cầu học phần

- **Quy định chuyên cần:** Sinh viên tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định; đi học đúng giờ, chấp hành nội quy lớp học và tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp.

- **Nhiệm vụ học tập và tự học:** Sinh viên chủ động đọc giáo trình, tài liệu tham khảo và tài liệu pháp lý được giới thiệu; chuẩn bị bài trước khi lên lớp; hoàn thành đầy đủ bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các nhiệm vụ học tập được giao.

- **Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật:** Sinh viên có thái độ học tập nghiêm túc, chủ động, hợp tác và tôn trọng ý kiến của người khác; trung thực trong học tập, kiểm tra và nghiên cứu; không sao chép, gian lận hoặc sử dụng tài liệu không đúng quy định.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức:** Người học phải biết vận dụng các quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình để nhận diện, phân tích và đánh giá các vấn đề pháp lý; xác định căn cứ pháp luật phù hợp và đề xuất phương án giải quyết đối với các tình huống thực tiễn về kết hôn, quan hệ giữa vợ và chồng, quan hệ giữa cha mẹ và con, cấp dưỡng, chấm dứt hôn nhân và quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Nguyễn Văn Tiến (2025), *Giáo trình luật HN&GĐ Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân.

- Tài liệu tham khảo:

[2] [2] - Trương Ngọc Liêu (2022), *Cẩm nang pháp luật về kết hôn, ly hôn, chế độ tài sản của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân,* Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.

[3] - Quốc Hội (2021), *Luật hôn nhân và gia đình*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
1	**CHƯƠNG I: KHÁI QUÁT LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH VIỆT NAM** **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu được những vấn đề chung về luật hôn nhân và gia đình, như: Khái niệm, đặc điểm của hôn nhân. **Nội dung cụ thể:** **1. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về các hình thái hôn nhân trong lịch sử**	07 (04LT, 03TH)	**Phương pháp thuyết giảng; thảo luận, tranh biện; Phương pháp làm việc nhóm; phương pháp trực quan, nêu vấn đề.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải	CLO1 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	1.1. Hôn nhân huyết tộc (hôn nhân cùng dòng máu) 1.2. Hôn nhân Punalua 1.3. Hôn nhân đối ngũ (hôn nhân cặp đôi) 1.4. Hôn nhân một vợ một chồng (hôn nhân cá thể) **2. Khái niệm và các đặc điểm của hôn nhân** 2.1. Khái niệm hôn nhân 2.2. Các đặc điểm của hôn nhân **3. Khái niệm và các chức năng cơ bản của gia đình** 3.1. Khái niệm gia đình 3.2. Các chức năng cơ bản của gia đình **4. Khái niệm Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam** 4.1. Đối tượng điều chỉnh 4.2. Phương pháp điều chỉnh **5. Nhiệm vụ và những nguyên tắc cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình** 5.1. Nhiệm vụ của Luật Hôn nhân và gia đình 5.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình		quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên phần chương 1, tài liệu [1]. + Đọc tài liệu [2], [3]. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	
2	**CHƯƠNG II: QUAN HỆ PHÁP LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH** **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu và vận dụng được khái niệm chung về hôn nhân và gia đình, các yếu tố của quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình; thực tiễn và bảo vệ quyền hôn nhân và gia đình; Căn cứ phát sinh, thay đổi và chấm dứt, phục hồi quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình. **Nội dung cụ thể:** **1. Khái niệm và đặc điểm của quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình** 1.1. Khái niệm quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình 1.2. Đặc điểm của quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình **2. Các yếu tố cấu thành quan hệ pháp**	07 (04LT, 03TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp tình huống;; Đóng vai; Phương pháp làm việc nhóm; đóng vai, thảo luận.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Trực quan tình huống trong quan hệ pháp	CLO1 CLO4 CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	luật hôn nhân và gia đình 2.1. Chủ thể quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình 2.2. Khách thể quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình 2.3. Nội dung quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình **3. Thực hiện, bảo vệ quyền, nghĩa vụ về hôn nhân và gia đình** 3.1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ về hôn nhân và gia đình 3.2. Đảm bảo thực hiện quyền, nghĩa vụ về hôn nhân và gia đình **4. Căn cứ phát sinh, thay đổi, chấm dứt, phục hồi quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình** 4.1. Khái niệm căn cứ phát sinh, thay đổi, chấm dứt, phục hồi quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình 4.2. Phân loại sự kiện pháp lý làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt, phục hồi quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình		luật. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [2], [3]. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn cuộc sống.	
3	**CHƯƠNG III: CHẾ ĐỘ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY** **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu được chế độ hôn nhân và gia đình Việt Nam từ năm 1945 đến nay **Nội dung cụ thể:** 1. Chế độ hôn nhân và gia đình Việt Nam từ tháng 8.1945 đến trước ngày 03.01.1960 2. Chế độ hôn nhân và gia đình Việt Nam từ ngày 03.01.1960 đến trước ngày 03.01.1987 3. Chế độ hôn nhân và gia đình Việt Nam từ ngày 03.01.1987 đến trước ngày 01.01.2001 4. Chế độ hôn nhân và gia đình Việt Nam từ ngày 01.01.2001 đến trước ngày 01.01.2015 5. Chế độ hôn nhân và gia đình Việt Nam	07 (03LT, 04TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp tình huống; Đóng vai; Phương pháp làm việc nhóm; đóng vai, thảo luận.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự	CLO2 CLO4 CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	từ ngày 01.01.2015 đến nay		học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [2], [3]. + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	
4	**CHƯƠNG IV: KẾT HÔN, KẾT HÔN TRÁI PHÁP LUẬT** **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu và vận dụng được các vấn đề: Khái niệm kết hôn; Các điều kiện kết hôn, thủ tục kết hôn; Hủy việc kết hôn trái pháp luật theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam. **Nội dung cụ thể:** **1. Kết hôn** 1.1. Khái niệm kết hôn 1.2. Các điều kiện kết hôn 1.3. Đăng ký kết hôn 1.4. Những trường hợp nam, nữ chung sống với nhau không đăng ký kết hôn nhưng được Nhà nước thừa nhận là vợ chồng **2. Hủy việc kết hôn trái pháp luật** 2.1. Khái niệm kết hôn trái pháp luật 2.2. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật 2.3. Căn cứ hủy việc kết hôn trái pháp luật 2.4. Chủ thể có thẩm quyền yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật 2.5. Đường lối xử lý đối với một số trường hợp kết hôn trái pháp luật 2.6. Hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật **3. Không công nhận quan hệ vợ chồng** 3.1. Khái niệm không công nhận quan hệ vợ chồng 3.2. Hậu quả pháp lý của việc không công nhận quan hệ vợ chồng	07 (03LT, 04TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp thảo luận; Phương pháp tình huống; Phương pháp làm việc nhóm; Phương pháp tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. + Ôn tập chuẩn bị kiểm tra giữa học phần.	CLO2 CLO4 CLO5
5	**CHƯƠNG V: QUAN HỆ GIỮA VỢ VÀ**	08	**Phương pháp thuyết**	CLO2C

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	CHỒNG **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu và vận dụng được các vấn đề: Các quyền và nghĩa vụ về nhân thân giữa vợ và chồng; Quyền và nghĩa vụ về tài sản giữa vợ và chồng theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam **Nội dung cụ thể:** **1. Khái niệm** **2. Quyền và nghĩa vụ về nhân thân** 2.1. Quyền và nghĩa vụ mang tính chất tình cảm, riêng tư giữa vợ và chồng 2.2. Quyền và nghĩa vụ mang tính chất tự do, dân chủ **3. Chế độ tài sản của vợ chồng** 3.1. Nguyên tắc chung trong chế độ tài sản của vợ chồng 3.2. Chế độ tài sản theo thỏa thuận 3.3. Chế độ tài sản theo luật định 3.4. Quan hệ cấp dưỡng giữa vợ và chồng 3.5. Quyền thừa kế của vợ, chồng **4. Đại diện giữa vợ và chồng**	(04LT, 03TH, 01KT)	**giảng; Phương pháp thảo luận; Phương pháp tình huống; Phương pháp làm việc nhóm; Phương pháp tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Trực quan tình huống + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. + Tổ chức nhóm thực hiện đóng vai và tư vấn pháp luật về xác định quan hệ cha, mẹ, con. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [2], [3]. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Sinh viên tổ chức đóng vai và thực hiện hoạt động tư vấn pháp luật. + Sinh viên làm bài kiểm tra giữa học phần.	LO4CLO5
6	**CHƯƠNG VI: QUAN HỆ GIỮA CHA MẸ VÀ CON VÀ QUAN HỆ GIỮA**	08 (04LT,	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp**	CLO2 CLO4

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	CÁC THÀNH VIÊN KHÁC TRONG GIA ĐÌNH **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu và vận dụng được các vấn đề: Căn cứ phát sinh quan hệ pháp luật giữa cha và mẹ; Nội dung quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con cái theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; Quan hệ giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu; giữa anh, chị, em và giữa các thành viên trong gia đình. **Nội dung cụ thể:** **1. Căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con** 1.1. Quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con phát sinh dựa vào sự kiện sinh đẻ 1.2. Quan hệ pháp luật giữa cha mẹ, con phát sinh dựa vào sự kiện nuôi dưỡng 1.3. Quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con phát sinh dựa vào sự kiện sống chung **2. Nghĩa vụ và quyền giữa cha mẹ và con** 2.1. Quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con 2.2. Nội dung của quan hệ pháp luật giữa cha dượng, mẹ kế với con riêng của vợ hoặc của chồng; giữa con dâu, con rể với cha mẹ vợ, cha mẹ chồng 2.3. Hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên **3. Quan hệ pháp luật giữa các thành viên khác trong gia đình** 3.1. Quan hệ giữa các thành viên trong gia đình 3.2. Quan hệ ông bà nội, ông bà ngoại và cháu nội, cháu ngoại 3.3. Quan hệ anh, chị, em 3.4. Quan hệ giữa cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột	04TH)	**thảo luận; Phương pháp tình huống; Phương pháp làm việc nhóm; Phương pháp tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Trực quan tình huống trong phân loại tội phạm. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Phân tích, lấy ví dụ về làm rõ các nội dung. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [2], [3]. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay. + Lấy ví dụ về các vụ án hình sự hiện nay ở nước ta. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	CLO5
7	**CHƯƠNG VII: NGHĨA VỤ CẤP DƯỠNG GIỮA CÁC THÀNH VIÊN TRONG GIA ĐÌNH** **Mục tiêu chương:**	08 (04LT, 04TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp thảo luận; Phương pháp tình huống;**	CLO3 CLO4 CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	Sinh viên hiểu và vận dụng được các vấn đề: Quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình; Chấm dứt quan hệ cấp dưỡng. **Nội dung cụ thể:** **1. Khái niệm cấp dưỡng và phân loại nghĩa vụ cấp dưỡng** 1.1. Khái niệm, đặc điểm của nghĩa vụ cấp dưỡng 1.2. Phân loại nghĩa vụ cấp dưỡng **2. Mức cấp dưỡng, phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng** 2.1. Mức cấp dưỡng 2.2. Phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng 2.3. Người có quyền yêu cầu Tòa án thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng **3. Các trường hợp cấp dưỡng** 3.1. Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa cha mẹ và con 3.2. Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng 3.3. Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa anh, chị, em 3.4. Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu 3.5. Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột **4. Thay đổi, tạm ngưng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng** 4.1. Thay đổi, tạm ngưng nghĩa vụ cấp dưỡng 4.2. Từ chối, trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng 4.3. Chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng		**Phương pháp làm việc nhóm; Phương pháp tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung + Phân tích, lấy ví dụ về số vụ án dân sự hiện nay. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay.	
8	**CHƯƠNG VIII: CHẤM DỨT HÔN NHÂN** **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu và vận dụng được các vấn đề: Chấm dứt hôn nhân do vợ (chồng) chết hoặc có tuyên bố của Tòa án là vợ (chồng) chết; Ly hôn; Hậu quả pháp lí của ly hôn **Nội dung cụ thể:**	08 (04LT, 04TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp thảo luận; Phương pháp tình huống; Phương pháp làm việc nhóm; Phương pháp tranh biện, trải nghiệm thực tế.** + Giảng giải các nội	CLO3CLO4CLO5CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	1. Chấm dứt hôn nhân do một trong hai bên vợ chồng chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết 1.1. Hậu quả pháp lý của trường hợp chấm dứt hôn nhân khi một trong hai bên vợ chồng chết 1.2. Thời điểm chấm dứt hôn nhân khi một trong hai bên vợ, chồng chết **2. Chấm dứt hôn nhân do ly hôn** 2.1. Khái quát chung về ly hôn 2.2. Hậu quả pháp lý của ly hôn		dung + Phân tích, lấy ví dụ về thực trạng hôn nhân hiện nay ở nước ta. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [2], [3]. + Chuẩn bị câu hỏi theo hướng dẫn. + Làm các bài tập tình huống về Luật Hôn nhân và gia đình. + Thảo luận theo chủ đề giảng viên giao. + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lấy một số ví dụ thực tiễn	
	CHƯƠNG IX: QUAN HỆ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu và vận dụng được các vấn đề: Khái niệm quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài; Các nguyên tắc áp dụng pháp luật nước ngoài và thẩm quyền giải quyết các việc về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài; Các trường hợp cụ thể về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài theo Luật hôn nhân và gia đình hiện hành	07 (03LT, 04TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp thảo luận; Phương pháp tình huống; Phương pháp làm việc nhóm; Phương pháp tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	1. Những vấn đề chung về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài 1.1. Khái niệm, đặc điểm của quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài 1.2. Nguồn pháp luật điều chỉnh quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài 1.3. Nguyên tắc áp dụng pháp luật điều chỉnh quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam 1.4. Thẩm quyền giải quyết các vụ, việc hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài **2. Quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài** 2.1. Kết hôn có yếu tố nước ngoài 2.2. Ly hôn có yếu tố nước ngoài **3. Quan hệ gia đình có yếu tố nước ngoài** 3.1. Xác định cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài 3.2. Nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài		và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biên. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. + Ôn tập chuẩn bị kiểm tra giữa học phần.	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

1. Tên học phần: Luật Tố tụng dân sự/ Civil procedure Law

2. Mã học phần: LUAT 016

3. Số tín chỉ: 3 (2,1)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ ba

5. Phân bổ thời gian

- Lý thuyết: 30 giờ, thực hành: 30 giờ
- Tự học: 150 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Luật dân sự 1,2; Luật Lao động

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Nguyễn Phương Lan	0912.316648	Phươnglan62@yahoo.com
2.	TS. Đức Thị Hòa	0399515939	Hoakaka1973@gmail.com
3.	Ths. Phạm Thị Mai	0978370438	nng44862@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Luật Tố tụng dân sự là học phần cơ bản của chương trình đào tạo cử nhân Luật, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về trình tự, thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức tại Tòa án. Nội dung học phần tập trung vào các nguyên tắc cơ bản của tố tụng dân sự; thẩm quyền của Tòa án; cơ quan, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng; chứng cứ và chứng minh; biện pháp khẩn cấp tạm thời; cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự ở cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Học phần đồng thời giúp người học hình thành khả năng phân tích, vận dụng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự để nhận diện và giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Học phần Luật Tố tụng dân sự cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và hệ thống về pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam, bao gồm các nguyên tắc tố tụng dân sự; thẩm quyền của Tòa án; cơ quan, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng; chứng cứ và chứng minh; các biện pháp khẩn cấp tạm thời; cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự tại Tòa án ở cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

Học phần giúp người học hình thành khả năng tra cứu, phân tích và vận dụng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự để xác định vấn đề pháp lý, lựa chọn căn cứ pháp luật phù hợp và giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn. Đồng thời, học phần góp phần rèn luyện kỹ năng lập luận, trình bày, thảo luận, làm việc nhóm và ý thức tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động tố tụng dân sự.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Trình bày và phân tích được những vấn đề cơ bản của pháp luật tố tụng dân sự; các nguyên tắc tố tụng dân sự, thẩm quyền của Tòa án, cơ quan và người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, chứng cứ và chứng minh, các biện pháp khẩn cấp tạm thời và trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự.

- CO2 (Kỹ năng): Vận dụng được các quy định của pháp luật tố tụng dân sự để xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể; phân tích chứng cứ, giải quyết tình huống và thực hiện các thao tác tố tụng cơ bản trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự.

- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Hình thành ý thức chủ động tự học, cập nhật và tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự; có thái độ nghiêm túc, trung thực, khách quan và trách nhiệm trong học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề pháp lý; tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia tố tụng.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Trình bày và giải thích được những vấn đề cơ bản của Luật Tố tụng dân sự Việt Nam; các nguyên tắc tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tố tụng dân sự, thẩm quyền của Tòa án và các quy định chung về tố tụng dân sự.	PI2.1	2
CLO2	Phân tích được địa vị pháp lý, quyền và nghĩa vụ của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng; các quy định về chứng cứ, chứng minh, biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, lệ phí và chi phí tố tụng.	PI2.1	2
CLO3	Vận dụng được các quy định của pháp luật tố tụng dân sự để xác định căn cứ pháp lý, thẩm quyền và trình tự, thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự tại Tòa án.	PI2.2; PI7.2	3
	Kỹ năng		
CLO4	Phân tích, đánh giá và đề xuất được phương án giải quyết các tình huống pháp lý phát sinh trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự trên cơ sở các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.	PI2.2; PI7.2; PI8.1	4
CLO5	Thực hiện được việc tra cứu, lựa chọn và vận dụng văn bản pháp luật tố tụng dân sự; trình bày, lập luận, thảo luận và phối hợp làm việc nhóm để giải quyết các tình huống và vấn đề pháp lý trong tố tụng dân sự.	PI7.2; PI8.1	4
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Thể hiện ý thức tự giác, trách nhiệm, khách quan và	PI7.2;	3

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	trung thực trong học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề tố tụng dân sự; tuân thủ pháp luật và các quy tắc nghề nghiệp khi tham gia hoạt động tố tụng.	PI8.1	

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x	x	
CLO4		x	
CLO5		x	
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *	
	PLO2	**PLO3**
	PI2.2	**PI3.1**
CLO1	I	
CLO2	R	
CLO3	R	
CLO4	M	
CLO5		M
CLO6		M

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Ví dụ						
Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Điểm danh, chuyên cần. - Vấn đáp, câu hỏi trên lớp. - Thảo luận nhóm, bài tập tình huống. - Đánh giá quá trình tự học, tự nghiên cứu.	CLO5	40	Điểm chuyên cần; bài tập tình huống; rubric đánh giá quá trình.	CLO5 → PLO7/PI7.2; PLO8/PI8.1
			CLO6	60	Rubric đánh giá tinh thần tự học, trách nhiệm, chủ động cập nhật và giải quyết vấn đề.	CLO6 → PLO8/PI8.1
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra tự luận kết hợp câu hỏi lý thuyết và tình huống. - Đáp án, thang điểm/rubric.	CLO1	40	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO1 → PLO2/PI2.2
			CLO2	30	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO2 → PLO2/PI2.2
			CLO3	30	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO3 → PLO2/PI2.2; PLO7/PI7.2
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi tự luận. - Câu hỏi lý thuyết và bài tập tình huống pháp lý.	CLO1	15	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO1 → PLO2/PI2.2
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → PLO2/PI2.2

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
		- Đáp án và thang điểm/rubric.	CLO2	15	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → PLO2/PI2.2
			CLO3	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO3 → PLO2/PI2.2; PLO7/PI7.2
			CLO4	25	Điểm bài thi tình huống; rubric chấm bài.	CLO4 → PLO2/PI2.2; PLO7/PI7.2; PLO8/PI8.1
			CLO5	20	Điểm bài thi tình huống; bài tập tra cứu, lựa chọn và vận dụng quy định pháp luật.	CLO5 → PLO7/PI7.2; PLO8/PI8.1
			CLO6	10	Rubric đánh giá khả năng tự chủ, trách nhiệm và cập nhật quy định pháp luật trong giải quyết tình huống.	CLO6 → PLO8/PI8.1

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đo lường mức đạt CLO	Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI	Dữ liệu được lấy từ
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
CLO1	Trình bày và giải thích được những vấn đề cơ bản của Luật Tố tụng dân sự Việt Nam; các nguyên tắc tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tố tụng dân sự, thẩm quyền của Tòa án và các quy định chung về tố tụng dân sự.	x	PLO2/PI2.2	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO2	Phân tích được địa vị pháp lý, quyền và nghĩa vụ của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng; các quy định về chứng cứ, chứng minh, biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, lệ phí và chi phí tố tụng.	x	PLO2/PI2.2	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO3	Vận dụng được các quy định của pháp luật tố tụng dân sự để xác định căn cứ pháp lý, thẩm quyền và trình tự, thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự tại Tòa án.	x	PLO2/PI2.2 PLO7/PI7.2	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO4	Phân tích, đánh giá và đề xuất được phương án giải quyết các tình huống pháp lý phát sinh trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự trên cơ sở các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.	x	PLO2/PI2.2 PLO7/PI7.2 PLO8/PI8.1	Bài thi kết thúc học phần
CLO5	Thực hiện được việc tra cứu, lựa chọn và vận dụng văn bản pháp luật tố tụng dân sự; trình bày, lập luận, thảo luận và	x	PLO7/PI7.2 PLO8/PI8.1	Đánh giá quá trình; bài thi kết thúc học phần

	phối hợp làm việc nhóm để giải quyết các tình huống và vấn đề pháp lý trong tố tụng dân sự.			
CLO6	Thể hiện ý thức tự giác, trách nhiệm, khách quan và trung thực trong học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề tố tụng dân sự; tuân thủ pháp luật và các quy tắc nghề nghiệp khi tham gia hoạt động tố tụng.	x	PLO8/PI8.1	Đánh giá quá trình; bài thi kết thúc học phần

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	**CLO**	**Trọng số**	**Giỏi (10 - 8.5)**	**Khá (8.4 - 7.0)**	**Trung bình (6.9 - 5.0)**	**Yếu (4.9 - 0.0)**
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	50%	*Tham dự >85% buổi học*	*Tham dự 70-84% buổi học*	*Tham dự 50-69% buổi học*	*Tham dự <50% buổi học*
Ý thức tự học & thảo luận nhóm	CLO6	50%	Chủ động chuẩn bị bài, tích cực thảo luận, giải quyết tình huống và làm việc nhóm	Tham gia đầy đủ các hoạt động học tập, có trao đổi ý kiến	Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn thụ động	Không tham gia hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao

2. *Rubric bài kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần*

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Nội dung chính 1: Kiến thức cơ bản về Luật tố tụng dân sự	CLO1 CLO2	20%	Trình bày đầy đủ, chính xác, có hệ thống các khái niệm, nguyên tắc cơ bản, thẩm quyền, tư cách tố tụng và thủ tục giải quyết vụ việc dân sự.	Trình bày cơ bản đầy đủ, chính xác các kiến thức về Luật tố tụng dân sự, còn một số hạn chế nhỏ	Trình bày được một số kiến thức cơ bản về tố tụng dân sự nhưng còn thiếu nội dung, còn nhầm lẫn giữa các thủ tục	Không nắm được hoặc trình bày sai các kiến thức cơ bản của Luật tố tụng dân sự.

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Nội dung chính 2: Vận dụng các quy định tố tụng dân sự trong hoạt động pháp lý	CLO2 CLO3	20%	Vận dụng chính xác, linh hoạt các quy định về xác định thẩm quyền Tòa án, tư cách đương sự, nghĩa vụ chứng minh và các giai đoạn tố tụng vào thực	Vận dụng cơ bản đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự; còn một số hạn chế nhỏ.	Vận dụng được một số quy định tố tụng nhưng còn lúng túng, thiếu căn cứ trong việc áp dụng vào tình huống cụ thể.	Không xác định hoặc không vận dụng được các quy định tố tụng dân sự vào tình huống thực tế
Nội dung chính 3: Phân tích và đánh giá các tình huống, vướng mắc pháp lý trong tố tụng dân sự	CLO4	20%	Phân tích đầy đủ, sâu sắc và logic tình huống tố tụng; xác định chính xác các quan hệ pháp luật, chứng cứ, điều kiện thụ lý và tính hợp pháp của các hành vi/quyết định tố tụng.	Phân tích, đánh giá cơ bản đúng tình huống tố tụng dân sự, có sai sót nhỏ không đáng kể	Nhận diện được vấn đề tố tụng nhưng phân tích còn hạn chế, bỏ sót một số chi tiết pháp lý hoặc đưa ra nhận định chưa đầy đủ	Không xác định được vấn đề tố tụng hoặc đưa ra nhận định, đánh giá sai lệch so với quy định pháp luật.
Nội dung chính 4: Thực hiện kỹ năng tư vấn, soạn thảo văn bản tố tụng và giải quyết các bài tập/tình huống tố tụng dân sự	CLO4 CLO5	30%	Thể hiện rõ ràng, chuyên nghiệp, có logic trong lập luận tố tụng; đề xuất phương án giải quyết vụ việc tối ưu và soạn thảo đúng chuẩn các văn bản tố tụng dân sự.	Thực hiện cơ bản phù hợp với yêu cầu tư vấn, soạn thảo văn bản và giải quyết tình huống tố tụng, còn một số hạn chế nhỏ	Có khả năng giải quyết tình huống tố tụng ở mức cơ bản nhưng còn lúng túng, lập luận hoặc kịch bản/văn bản tố tụng còn sai sót.	Không thực hiện được yêu cầu về lập luận tố tụng, không soạn thảo được văn bản hoặc đưa ra phương án giải quyết không phù hợp.
Nội dung chính 5: Ý thức trách nhiệm,	CLO6	10%	Thể hiện rõ và nhất quán tinh thần trách nhiệm, tôn	Thể hiện cơ bản đúng yêu cầu về ý thức trách	Nhận thức được yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp và	Không thể hiện được ý thức trách nhiệm, thiếu

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
liêm chính, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và pháp luật tố tụng			trọng sự thật khách quan, tính liêm chính, tuân thủ nguyên tắc tố tụng và bảo vệ uy tín nghề nghiệp.	nhiệm, liêm chính và sự tôn trọng quy định tố tụng; còn một số hạn chế nhỏ	trách nhiệm tố tụng nhưng chưa thể hiện đầy đủ hoặc chưa nhất quán	tính liêm chính hoặc vi phạm các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp tố tụng.
Tổng điểm		**100%**				

12. Yêu cầu học phần

- **Quy định chuyên cần:** Người học phải tham dự đầy đủ các giờ học theo quy định của Nhà trường, đi học đúng giờ, chấp hành nội quy lớp học và tích cực tham gia các hoạt động học tập, thảo luận, thực hành tình huống được giảng viên tổ chức.

- **Nhiệm vụ học tập và tự học:** Người học chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu học tập và các văn bản pháp luật tố tụng dân sự; chuẩn bị nội dung trước mỗi buổi học; thực hiện đầy đủ bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận và các nhiệm vụ học tập được giao. Chủ động cập nhật các quy định pháp luật mới và vận dụng kiến thức để giải quyết các tình huống tố tụng dân sự.

- **Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật:** Người học phải có thái độ nghiêm túc, chủ động, trung thực và có trách nhiệm trong học tập; tôn trọng giảng viên và các thành viên trong lớp; thực hiện đúng quy định về đạo đức học thuật, không sao chép, gian lận hoặc sử dụng tài liệu trái quy định trong kiểm tra, đánh giá. Khi phân tích và giải quyết các tình huống tố tụng, phải bảo đảm tính khách quan, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức:** Người học phải biết vận dụng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự để xác định thẩm quyền, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể, căn cứ và trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc; phân tích chứng cứ, đánh giá tình huống và đề xuất phương án giải quyết phù hợp với quy định pháp luật.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Nguyễn Thị Hoài Phương (2025), *Giáo trình luật tố tụng dân sự Việt Nam,* Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

[2] - Nguyễn Công Bình (2015), Giáo trình Luật tố tụng dân sự Việt Nam, (năm 2022), Nxb. Công an nhân dân.

[3] - Quốc hội (2021), *Bộ luật dân sự*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
1	**PHẦN I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG**	04	**Phương pháp thuyết**	CLO1C

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	VỀ LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ **CHƯƠNG 1: KHÁI NIỆM VÀ CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ** 1.1. Một số khái niệm cơ bản của Luật tố tụng dân sự Việt Nam 1.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật tố tụng dân sự Việt Nam	(02LT, 02TH)	**giảng; thảo luận nhóm; Nêu vấn đề; Tranh biện.** - Giảng viên: + Giải thích các khái niệm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên tài liệu [1]. + Đọc tài liệu [2], [3]. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	LO6
2	**CHƯƠNG 2: CHỦ THỂ QUAN HỆ PHÁP LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ** 1.1. Chủ thể tiến hành tố tụng 1.2. Chủ thể tham gia tố tụng	06 (03LT, 03TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Phương pháp tình huống.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Trực quan tình huống trong quan hệ pháp luật.	CLO1CLO3CLO4

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			+ Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2], [3]. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn cuộc sống.	
3	**CHƯƠNG 3: THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN** 1.1. Thẩm quyền theo vụ việc 1.2. Thẩm quyền của Tòa án các cấp 1.3. Thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ 1.4. Thẩm quyền của Tòa án theo sự lựa chọn của nguyên đơn, người yêu cầu 1.5. Tranh chấp thẩm quyền, giải quyết tranh chấp về thẩm quyền 1.6. Nhập, tách vụ án	06 (03LT, 03TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp tranh biện; Nghiên cứu tình huống; Đóng vai; Thực hành diễn án; Thực hành hoà giải; Đám phán; Bình luận bản án.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung bài học tài liệu [1], [2], [3]. + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	CLO2C LO3CL O5
4	**CHƯƠNG 4: CHỨNG MINH VÀ**	04	**Phương pháp thuyết**	CLO2C

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	CHỨNG CỨ 1.1. Chứng minh trong tố tụng dân sự 1.2. Chứng cứ trong tố tụng dân sự	(02LT, 02TH)	**giảng; Phương pháp tranh biện; Nghiên cứu tình huống; Đóng vai; Thực hành diễn án; Thực hành hoà giải; Đám phán; Bình luận bản án.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. +Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biên. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước nội dung bài học [1], [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. + Ôn tập chuẩn bị kiểm tra giữa học phần.	LO3CLO4
5	**CHƯƠNG 5: ÁN PHÍ, LỆ PHÍ, CHI PHÍ TỐ TỤNG DÂN SỰ** 1.1. Án phí trong tố tụng dân sự 1.2. Lệ phí Tòa án 1.3. Các trường hợp miễn, giảm, không phải nộp tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án; không phải chịu án phí, lệ phí Tòa án 1.4. Xử lý tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án 1.5. Chi phí tố tụng	04 (02LT, 02TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp tranh biện; Nghiên cứu tình huống; Đóng vai; Thực hành diễn án; Thực hành hoà giải; Đám phán; Bình luận bản án.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. +Nêu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép	CLO2 CLO3CLO4CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Trực quan tình huống về xử phạt vi phạm hành chính hiện hành. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2] + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Sinh viên làm bài kiểm tra giữa học phần.	
6	**CHƯƠNG 6: BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI, TẠM ĐÌNH CHỈ, ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ** 1.1. Biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng dân sự 1.2. Thủ tục tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự 1.3. Thủ tục đình chỉ giải quyết vụ án dân sự	04 (02LT, 02TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp tranh biện; Nghiên cứu tình huống; Đóng vai; Thực hành diễn án; Thực hành hoà giải; Đám phán; Bình luận bản án.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Trực quan tình huống trong phân loại tội phạm. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Phân tích, lấy ví dụ về làm rõ các nội dung. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên.	CLO2CLO3

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			- Sinh viên: + Đọc tài liệu [1], [2], [3]. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay. + Lấy ví dụ về các vụ án hình sự hiện nay ở nước ta. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	
7	**PHẦN II: THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ VIỆC DÂN SỰ** **CHƯƠNG 7: GIẢI QUYẾT VỤ ÁN TẠI TÒA ÁN CẤP SƠ THẨM THEO THỦ TỤC THÔNG THƯỜNG** 1.1. Khởi kiện, nhận và xử lý đơn khởi kiện 1.2. Thụ lý vụ án dân sự 1.3. Chuẩn bị xét xử sơ thẩm 1.4. Hòa giải trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm 1.5. Phiên tòa sơ thẩm dân sự theo thủ tục thông thường 1.6. Thủ tục thực hiện sau khi tuyên án sơ thẩm	08 (04LT, 03TH, 01KT)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp tranh biện; Nghiên cứu tình huống; Đóng vai; Thực hành diễn án; Thực hành hoà giải; Đám phán; Bình luận bản án.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung + Phân tích, lấy ví dụ về số vụ án dân sự hiện nay. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay.	CLO3CLO4CLO5
8	**CHƯƠNG 8: GIẢI QUYẾT VỤ ÁN TẠI TÒA ÁN CẤP PHÚC THẨM THEO THỦ TỤC THÔNG THƯỜNG**	06 (03LT, 03TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp tranh biện; Nghiên**	CLO3CLO4CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	1.1. Tính chất của phúc thẩm 1.2. Kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm 1.3. Tạm đình chỉ và đình chỉ phúc thẩm vụ án 1.4. Chuẩn bị xét xử phúc thẩm 1.5. Phiên tòa phúc thẩm		**cứu tình huống; Đóng vai; Thực hành diễn án; Thực hành hoà giải; Đám phán; Bình luận bản án.** **- Giảng viên** + Giảng giải các nội dung + Phân tích, lấy ví dụ về các vấn đề dân sự hiện nay ở nước ta. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2], [3]. + Chuẩn bị câu hỏi theo hướng dẫn. + Làm các bài tập tình huống về Luật tố tụng dân sự. + Thảo luận theo chủ đề giảng viên giao. + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lấy một số ví dụ thực tiễn	
9	**CHƯƠNG 9: GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ THEO THỦ TỤC RÚT GỌN** 1.1. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của thủ tục rút gọn 1.2. Giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn tại Tòa án cấp sơ thẩm 1.3. Giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn tại Tòa án cấp phúc thẩm	03 (02LT, 01TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp tranh biện; Nghiên cứu tình huống; Đóng vai; Thực hành diễn án; Thực hành hoà giải; Đám phán; Bình luận bản án.**	CLO3CLO4CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	1.4. Chuyển vụ án từ thủ tục rút gọn sang giải quyết theo thủ tục thông thường		**- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung + Trực quan tình huống thảo luận về quyền và nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động. + Phân tích, lấy ví dụ về bảo hiểm xã hội. + Nhận xét, đánh giá phần thảo luận của sinh viên và thực hiện nhiệm vụ về nhà. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2], [3] + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và phản biên. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn.	
10	**CHƯƠNG 10: THỦ TỤC XÉT LẠI BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN ĐÃ CÓ HIỆU LỰC PHÁP LUẬT** 1.1. Thủ tục giám đốc thẩm 1.2. Thủ tục tái thẩm 1.3. Thủ tục đặc biệt xem xét lại quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao	06 (03LT, 03TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp tranh biện; Nghiên cứu tình huống; Đóng vai; Thực hành diễn án; Thực hành hoà giải; Đám phán; Bình luận bản án.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung + Phân tích, lấy ví dụ về số vụ án dân sự hiện nay. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2], [3].	CLO2 CLO3C LO4CL O5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			+ Lắng nghe, quan sát, ghi chép. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay.	
11	**CHƯƠNG 11: GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ** 1.1. Quy định chung về thủ tục giải quyết việc dân sự 1.2. Thủ tục giải quyết các việc dân sự cụ thể	04 (02LT, 02TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp tranh biện; Nghiên cứu tình huống; Đóng vai; Thực hành diễn án; Thực hành hoà giải; Đám phán; Bình luận bản án.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung + Phân tích, lấy ví dụ về số vụ án dân sự hiện nay. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay.	CLO2 CLO3C LO4CL O5
12	**CHƯƠNG 12: THỦ TỤC CÔNG NHẬN VÀ CHO THI HÀNH TẠI VIỆT NAM HOẶC KHÔNG CÔNG NHẬN BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH DÂN SỰ CỦA TÒA ÁN NƯỚC NGOÀI; CÔNG NHẬN VÀ CHO THI HÀNH PHÁN QUYẾT CỦA TRỌNG TÀI NƯỚC NGOÀI** 1.1. Thủ tục công nhận và cho thi hành tại	02 (01LT, 01TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp tranh biện; Nghiên cứu tình huống; Đóng vai; Thực hành diễn án; Thực hành hoà giải; Đám phán; Bình luận bản án.** **- Giảng viên:**	CLO2 CLO3C LO4CL O5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài 1.2. Thủ tục xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của trọng tài nước ngoài 1.3. Thủ tục xét đơn yêu cầu không công nhận bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài 1.4. Thủ tục yêu cầu không công nhận bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam		+ Giảng giải các nội dung + Phân tích, lấy ví dụ về số vụ án dân sự hiện nay. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay.	
13	**CHƯƠNG 13: QUY ĐỊNH CHUNG VỀ THỦ TỤC GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC DÂN SỰ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI** 1.1. Khái niệm, đặc điểm của vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài 1.2. Nguyên tắc áp dụng pháp luật để giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài 1.3. Thẩm quyền của Tòa án Việt Nam trong việc giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài 1.4. Thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài	02 (01LT, 01TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp tranh biện; Nghiên cứu tình huống; Đóng vai; Thực hành diễn án; Thực hành hoà giải; Đám phán; Bình luận bản án.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung + Phân tích, lấy ví dụ về số vụ án dân sự hiện nay. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép. + Thảo luận tình	CLO2 CLO3C LO4CL O5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay.	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

1. Tên học phần: Luật sở hữu trí tuệ/ Intellectual property Law

2. Mã học phần: LUAT 021

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ nhất

5. Phân bổ thời gian

- Lý thuyết: 30 giờ
- Tự học: 100 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Không

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Trần Thị Hiền	0903.472.992	hiendhl@gmail.com
2.	TS. Nguyễn Chí Dũng	0983.337.688	Dungvks2010@gmail.com
3	TS. Nguyễn Vinh Diện	0912.341.915	dien_nv@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Luật Sở hữu trí tuệ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật sở hữu trí tuệ và thực tiễn bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; các quy định về xác lập, chuyển giao, bảo vệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Học phần đồng thời rèn luyện kỹ năng tra cứu đối tượng và văn bản pháp luật về sở hữu trí tuệ, xác định căn cứ pháp lý, phân tích và giải quyết các tình huống, tranh chấp về sở hữu trí tuệ; qua đó hình thành ý thức tuân thủ pháp luật và trách nhiệm trong bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về pháp luật sở hữu trí tuệ, bao gồm các quy định về quyền tác giả và quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; cơ chế xác lập, bảo hộ, chuyển giao và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Trên cơ sở đó, hình thành cho người học khả năng nhận diện, phân tích và vận dụng các quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ để giải quyết các tình huống pháp lý trong thực tiễn; đồng thời nâng cao ý thức tự học, trách nhiệm, tính trung thực, tôn trọng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Trình bày và phân tích được những vấn đề cơ bản của pháp luật sở hữu trí tuệ; đối tượng, chủ thể, nội dung quyền sở hữu trí tuệ; căn cứ xác lập, giới

hạn, chuyển giao và bảo hộ quyền đối với quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.

- CO2 (Kỹ năng): Vận dụng được các quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ để nhận diện đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, xác định quyền và nghĩa vụ của các chủ thể; phân tích tình huống, lựa chọn phương thức bảo hộ và đề xuất phương án xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Hình thành ý thức chủ động tự học, cập nhật quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ; có thái độ nghiêm túc, trung thực, trách nhiệm và tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể quyền; tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp trong học tập, nghiên cứu và thực tiễn**.**

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Trình bày và phân tích được những vấn đề cơ bản về sở hữu trí tuệ và pháp luật sở hữu trí tuệ; các nguyên tắc cơ bản và đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ.	PI2.2	2
CLO2	Phân tích được các quy định pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng; xác định được chủ thể, nội dung và căn cứ xác lập quyền sở hữu trí tuệ.	PI2.2	2
CLO3	Vận dụng được các quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ để xác định căn cứ pháp lý, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong việc xác lập, chuyển giao và khai thác quyền sở hữu trí tuệ.	PI3.2	2
	Kỹ năng		
CLO4	Vận dụng được pháp luật sở hữu trí tuệ để phân tích, nhận diện hành vi xâm phạm và đề xuất phương án giải quyết các tình huống, tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ.	PI3.2	2
CLO5	Thực hiện được việc tra cứu, lựa chọn và sử dụng các văn bản pháp luật, tài liệu liên quan để xây dựng lập luận và giải quyết một vấn đề pháp lý cụ thể về sở hữu	PI4.2	2

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	trí tuệ.		
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Thể hiện khả năng làm việc độc lập, chủ động trong học tập và giải quyết vấn đề; có ý thức tuân thủ pháp luật, trung thực và trách nhiệm trong bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể sở hữu trí tuệ.	PI4.2	2

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3		x	
CLO4		x	
CLO5		x	x
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *		
	PLO2	**PLO3**	**PLO**
	PI2.2	**PI3.2**	**PI4.2**
CLO1	I		
CLO2	R		
CLO3		I	
CLO4		R	
CLO5			I
CLO6			R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Ví dụ						
Điểm chuyên cần, điểm kiển tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	-- Điểm danh, theo dõi mức độ tham gia học tập. - Bài kiểm tra ngắn (trắc nghiệm/tự luận). - Thảo luận nhóm, thuyết trình. - Rubric đánh giá.	CLO5	40	Điểm chuyên cần, điểm kiển tra thường xuyên	CLO5 → PLO4/PI4.2
			CLO6	60	Điểm chuyên cần, điểm kiển tra thường xuyên.	CLO6 → PLO4/PI4.2
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra tự luận. - Rubric chấm bài.	CLO1	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO1 → PLO2/PI2.2
			CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO2 → PLO2/PI2.2
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi tự luận. - Rubric chấm bài.	CLO3	25	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO3 → PLO3/PI3.2
			CLO4	35	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO3/PI3.2
			CLO5	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO5 → PLO4/PI4.2
			CLO6	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO6 → PLO4/PI4.2

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đo lường mức đạt CLO	Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI	Dữ liệu được lấy từ
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
CLO1	Trình bày và phân tích được những vấn đề cơ bản về sở hữu trí tuệ và pháp luật sở hữu trí tuệ; các nguyên tắc cơ bản và đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ.	x	PLO2/PI2.2	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO2	Phân tích được các quy định pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng; xác định được chủ thể, nội dung và căn cứ xác lập quyền sở hữu trí tuệ.	x	PLO2/PI2.2	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO3	Vận dụng được các quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ để xác định căn cứ pháp lý, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong việc xác lập, chuyển giao và khai thác quyền sở hữu trí tuệ.	x	PLO3/PI3.2	Bài thi cuối kỳ
CLO4	Vận dụng được pháp luật sở hữu trí tuệ để phân tích, nhận diện hành vi xâm phạm và đề xuất phương án giải quyết các tình huống, tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ.	x	PLO3/PI3.2	Bài thi cuối kỳ;
CLO5	Thực hiện được việc tra cứu, lựa chọn và sử dụng các văn bản pháp luật, tài liệu liên quan để xây dựng lập luận và giải quyết một vấn đề pháp lý cụ thể về sở hữu trí tuệ.	x	PLO4/PI4.2	Điểm chuyên cần; Rubric đánh giá quá trình; Quan sát trên lớp; Đánh giá tự học và thảo luận nhóm; Bài thi cuối kỳ
CLO6	Thể hiện khả năng làm việc độc lập, chủ động	x	PLO4/PI4.2	Điểm chuyên cần; Rubric

	trong học tập và giải quyết vấn đề; có ý thức tuân thủ pháp luật, trung thực và trách nhiệm trong bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể sở hữu trí tuệ.			đánh giá quá trình; Quan sát trên lớp; Đánh giá tự học và thảo luận nhóm; Bài thi cuối kỳ

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thảo luận nhóm

Tiêu chí	**Tỷ lệ**	**Mức chất lượng**				
		Rất tốt	**Tốt**	**Đạt yêu cầu**	**Không đạt**	**Điểm**
		10 – 8.5	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Mức độ tham dự theo thời khóa biểu	50	*Tham dự >85% buổi học*	*Tham dự 70-84% buổi học*	*Tham dự 50-69% buổi học*	*Tham dự <50% buổi học*	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50%	Chủ động chuẩn bị bài, tích cực phát biểu, thảo luận, giải quyết tình huống và làm việc nhóm	Tham gia đầy đủ các hoạt động học tập, có trao đổi ý kiến	Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn thụ động	Không tham gia hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao	

2. Rubric kiểm tra tự luận và thi tự luận.

Tiêu chí đánh giá	**CLO**	**Trọng số**	**Giỏi (10–8,5)**	**Khá (8,4–7,0)**	**Trung bình (6,9–5,0)**	**Yếu (4,9–0)**
Kiến thức cơ bản về luật sở hữu trí tuệ	CLO1, CLO2	20%	Trình bày đầy đủ, chính xác, có hệ thống các khái niệm, nguyên tắc, đối tượng bảo hộ và quy định pháp luật sở hữu trí tuệ.	Trình bày cơ bản đầy đủ, chính xác các quy định pháp luật sở hữu trí tuệ, còn một số hạn chế nhỏ.	Trình bày được một số kiến thức cơ bản về luật sở hữu trí tuệ nhưng còn thiếu nội dung, còn nhầm lẫn.	Không nắm được hoặc trình bày sai các kiến thức cơ bản về luật sở hữu trí tuệ.
Vận dụng các nguyên tắc và quy định pháp luật sở hữu trí tuệ trong hoạt động pháp lý	CLO2, CLO3	20%	Vận dụng chính xác, linh hoạt các nguyên tắc và quy định pháp luật sở hữu	Vận dụng cơ bản đúng các nguyên tắc và quy định pháp luật sở hữu	Vận dụng được một số quy định và nguyên tắc pháp lý về SHTT	Không xác định hoặc không vận dụng được các nguyên tắc, quy định pháp luật sở

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
			trí tuệ (Quyền tác giả, Quyền sở hữu công nghiệp, Giống cây trồng) vào thực tiễn pháp lý.	trí tuệ; còn một số hạn chế nhỏ.	nhưng còn lúng túng, thiếu căn cứ trong một số tình huống.	hữu trí tuệ vào tình huống thực tế.
Phân tích và đánh giá các tình huống phát sinh trong bảo hộ và thực thi quyền SHTT	CLO4	20%	Phân tích đầy đủ, sâu sắc và logic tình huống pháp lý; xác định chính xác đối tượng, điều kiện bảo hộ và hành vi xâm phạm quyền SHTT.	Phân tích, đánh giá cơ bản đúng tình huống pháp lý và hành vi xâm phạm quyền SHTT, có sai sót nhỏ.	Nhận diện được vấn đề tranh chấp SHTT nhưng phân tích còn hạn chế, bỏ sót một số yếu tố hoặc đưa ra nhận định chưa đầy đủ.	Không xác định được vấn đề pháp lý SHTT hoặc đưa ra nhận định, đánh giá không phù hợp với tình huống.
Thực hiện kỹ năng tư vấn, lập luận và giải quyết tranh chấp sở hữu trí tuệ	CLO4, CLO5	30%	Thể hiện rõ ràng, chuyên nghiệp, có trách nhiệm trong lập luận, giao tiếp tư vấn và đề xuất phương án giải quyết tranh chấp SHTT phù hợp.	Thực hiện cơ bản phù hợp với yêu cầu tư vấn và kỹ năng pháp lý trong giao tiếp, giải quyết tranh chấp SHTT, còn một số hạn chế.	Có khả năng xử lý tình huống SHTT ở mức cơ bản nhưng còn lúng túng, lập luận hoặc giải quyết chưa thật phù hợp trong một số trường hợp.	Không thực hiện được yêu cầu về lập luận, giao tiếp tư vấn hoặc đưa ra giải pháp xử lý tranh chấp SHTT theo quy định pháp luật.
Ý thức trách nhiệm, liêm chính, tuân thủ pháp luật và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	CLO6	10%	Thể hiện rõ và nhất quán tinh thần trách nhiệm, liêm chính, tôn trọng quyền	Thể hiện cơ bản đúng yêu cầu về trách nhiệm, tính liêm chính và ý thức	Nhận thức được yêu cầu về trách nhiệm và ý thức tôn trọng quyền	Không thể hiện được yêu cầu về trách nhiệm, tính liêm chính và ý thức tuân thủ pháp luật về sở hữu trí

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
			SHTT, tuân thủ pháp luật và bảo vệ uy tín nghề nghiệp.	tôn trọng quyền SHTT; còn một số hạn chế nhỏ.	SHTT nhưng chưa thể hiện đầy đủ hoặc chưa nhất quán.	tuệ.
Tổng điểm		**100%**				

12. Yêu cầu học phần

- **Quy định chuyên cần:** Người học tham dự đầy đủ các buổi học, thực hiện đúng quy định về chuyên cần, chấp hành nội quy lớp học; chủ động tham gia các hoạt động học tập, thảo luận và trao đổi các vấn đề pháp lý về sở hữu trí tuệ.

- **Nhiệm vụ học tập và tự học:** Người học chủ động nghiên cứu giáo trình, văn bản pháp luật và tài liệu liên quan đến sở hữu trí tuệ; thực hiện các nhiệm vụ tự học, bài tập, thảo luận và tra cứu các quy định pháp luật theo yêu cầu của giảng viên.

- **Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật:** Người học có thái độ nghiêm túc, trung thực, khách quan trong học tập và kiểm tra, đánh giá; tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, không sao chép hoặc sử dụng trái phép tài liệu, sản phẩm trí tuệ của người khác; có ý thức tuân thủ pháp luật và trách nhiệm trong học tập.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức:** Người học biết vận dụng các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ để nhận diện đối tượng quyền, xác định quyền và nghĩa vụ của các chủ thể, tra cứu căn cứ pháp lý, phân tích tình huống và bước đầu đề xuất phương án giải quyết các vấn đề, tranh chấp về sở hữu trí tuệ.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Nguyễn Hồ Bích Hằng, Nguyễn Xuân Quang (2025), *Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ,* Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

[2] - Lê Đình Nghị, Vũ Thị Hải Yến (2017), *Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ*. Nxb Giáo dục Việt Nam.

[3] - Vũ Thị Hải Yến (2024), *Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ*. Nxb Tư pháp.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
1	**CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ NGÀNH LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ** **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu và trình bày được: Khái quát	03	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp tình huống; Đóng vai; Phương pháp làm việc**	CLO1 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	về sở hữu trí tuệ và quyền sở hữu trí tuệ; Khái quát về pháp luật sở hữu trí tuệ **Nội dung cụ thể:** 1.1. Khái niệm quyền sở hữu trí tuệ và sự cần thiết phải bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ 1.2.Đặc điểm của quyền sở hữu trí tuệ 1.3. Phân loại đối tượng quyền sở hữu trí tuệ 1.4. Đối tượng điều chỉnh 1.5. Phương pháp điều chỉnh 1.6. Nguồn của pháp luật sở hữu trí tuệ		**nhóm** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên phần chương 1, tài liệu [1]. + Đọc tài liệu [2], [3]. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	
2	**CHƯƠNG 2. QUYỀN TÁC GIẢ VÀ QUYỀN LIÊN QUAN ĐẾN TÁC GIẢ** **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu và vận dụng được các vấn đề: Quyền tác giả; Quyền liên quan đến quyền tác giả; Xác lập, đăng ký, quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan; Xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan; Bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan theo các điều ước quốc tế **Nội dung cụ thể:** 2.1. Khái niệm, đặc điểm của quyền tác	03	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp tình huống; Đóng vai; Phương pháp làm việc nhóm; đóng vai, thảo luận.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	giả và quyền liên quan đến quyền tác giả 2.2. Chủ thể của quyền tác giả và quyền liên quan 2.3. Đối tượng được bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan 2.4. Nội dung bảo hộ 2.5. Đăng ký quyền tác giả và quyền liên quan 2.6. Thời hạn bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan 2.7. Các trường hợp ngoại lệ và giới hạn quyền tác giả, quyền liên quan		+ Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Trực quan tình huống trong quan hệ pháp luật. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc chương 2, tài liệu [1]. + Đọc tài liệu [2], [3] + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn cuộc sống.	
3	**CHƯƠNG 3. SÁNG CHẾ** **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu và vận dụng được các vấn đề: Khái niệm và đặc điểm của quyền sở hữu công nghiệp; Đối tượng sở hữu công nghiệp và điều kiện bảo hộ; Xác lập quyền sở hữu công nghiệp, văn bằng và thời hạn bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; Chủ thể, nội dung và giới hạn quyền sở hữu công nghiệp; Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp và cạnh tranh không lành mạnh; Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp và các điều ước quốc tế **Nội dung cụ thể:** 3.1. Khái niệm và điều kiện bảo hộ sáng chế 3.2. Xác lập quyền sở hữu đối với sáng chế 3.3. Nội dung quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế 3.4. Chuyển giao quyền sở hữu công	04	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp tình huống; Đóng vai; Phương pháp làm việc nhóm; đóng vai, thảo luận.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	nghiệp đối với sáng chế		bài học tài liệu [1], [2], [3]. + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Ôn tập chuẩn bị kiểm tra giữa học phần.	
4	**CHƯƠNG 4. KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP** **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu và vận dụng được các vấn đề: Điều kiện bảo hộ giống cây trồng; Xác lập quyền đối vối giống cây trồng; Các quyền được bảo hộ đối với giống cây trồng và thời gian bảo hộ; Xâm phạm quyền, hạn chế quyền của chủ bằng bảo hộ giống cây trồng; Công ước UPOV Về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng **Nội dung cụ thể:** 4.1. Khái niệm và sự cần thiết phải bảo hộ quyền đối với kiểu dáng công nghiệp 4.2. Mối quan hệ giữa kiểu dáng công nghiệp và các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ khác 4.3. Điều kiện bảo hộ kiểu dáng công nghiệp 4.4. Đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa kiểu dáng công nghiệp 4.5. Căn cứ và thủ tục xác lập quyền đối với kiểu dáng công nghiệp 4.6. Nội dung quyền đối với kiểu dáng công nghiệp 4.7. Thời hạn bảo hộ 4.8. Hành vi xâm phạm quyền đối với kiểu dáng công nghiệp và ngoại lệ 4.9. Thoả ước La - Hay về đăng ký quốc	04 (03LT, 01KT)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp tình huống; Đóng vai; Phương pháp làm việc nhóm; đóng vai, thảo luận.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biên. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước nội dung bài học phần Chương 4, tài liệu [1], [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. + Sinh viên làm bài kiểm tra giữa học phần.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	tế kiểu dáng công nghiệp			
5	**CHƯƠNG 5. NHÃN HIỆU** **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu và vận dụng được các vấn đề: Chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan; Chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp; Chuyển giao quyền đối với giống cây trồng **Nội dung cụ thể:** 5.1. Khái quát về nhãn hiệu 5.2. Xác lập quyền đối với nhãn hiệu 5.3. Đăng ký quốc tế nhãn hiệu 5.4. Chủ sở hữu, thời hạn bảo hộ, quyền và hạn chế quyền của chủ văn bằng 5.5. Chấm dứt và huỷ bỏ hiệu lựccuar văn bằng bảo hộ	04	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp tình huống; Đóng vai; Phương pháp làm việc nhóm; đóng vai, thảo luận.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Trực quan tình huống về xử phạt vi phạm hành chính hiện hành. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2], [3]. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5
6	**CHƯƠNG 6. CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC CỦA QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP** **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu và vận dụng được các vấn đề: Các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; Giám định về sử trí tuệ; Pháp luật quốc tế về thực thi quyền sở hữu trí tuệ **Nội dung cụ thể:**	04	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp tình huống; Đóng vai; Phương pháp làm việc nhóm; đóng vai, thảo luận.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Trực quan tình huống	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	6.1. Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn 6.2. Tên thương mại 6.3. Chỉ dẫn địa lý 6.4. Bí mật kinh doanh		trong phân loại tội phạm. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Phân tích, lấy ví dụ về làm rõ các nội dung. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2], [3]. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay. + Lấy ví dụ về các vụ án hình sự hiện nay ở nước ta. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	
7	**CHƯƠNG 7. QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG** **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu và vận dụng được các vấn đề: Chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan; Chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp; Chuyển giao quyền đối với giống cây trồng **Nội dung cụ thể:** 7.1. Khái niệm 7.2. Điều kiện bảo hộ giống cây trồng 7.3. Xác lập quyền đối với giống cây trồng 7.4. Nội dung quyền đối với giống cây trồng 7.5. Thời hạn bảo hộ 7.6. Hành vi xâm hại quyền đối với giống cây trồng và các ngoại lệ	04	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp tình huống; Đóng vai; Phương pháp làm việc nhóm; đóng vai, thảo luận.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Trực quan tình huống trong phân loại tội phạm. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Phân tích, lấy ví dụ về làm rõ các nội dung. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	7.7. Quy định đối với giống cây trồng tạo ra bảng ngân sách nhà nước 7.8. Chuyển giao quyền đối với giống cây trồng		huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2], [3]. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay. + Lấy ví dụ về các vụ án hình sự hiện nay ở nước ta. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	
8	**CHƯƠNG 8. BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ** **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu và vận dụng được các vấn đề: Các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; Giám định về sử trí tuệ; Pháp luật quốc tế về thực thi quyền sở hữu trí tuệ **Nội dung cụ thể:** 8.1. Khái niệm bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ 8.2. Thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ 8.3. Các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ 8.4. Các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	04	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp tình huống; Đóng vai; Phương pháp làm việc nhóm; đóng vai, thảo luận.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Trực quan tình huống trong phân loại tội phạm. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Phân tích, lấy ví dụ về làm rõ các nội dung. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2], [3]. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay. + Lấy ví dụ về các vụ	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			án hình sự hiện nay ở nước ta. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Luật

1. Tên học phần: Luật thương mại 1/ Commercial Law 1
2. Mã học phần: LUAT 017
3. Số tín chỉ: 2 (2,0)
4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ ba
5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành
- Giờ học tập định mức của người học: 100 giờ (bao gồm 30 giờ dự giờ giảng trên lớp, 60 giờ tự học có hướng dẫn, nghiên cứu, 10 giờ chuẩn bị và tham gia dự kiểm tra, đánh giá định kỳ - quy chuẩn 50 giờ học tập/1 tín chỉ).

6. Điều kiện tiên quyết/Điều kiện học trước:
7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Vinh Diện	0985633006	dienlsg@yahoo.com
2	Đức Thị Hoà	0399.515.939	Hoakaka1973@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Luật thương mại 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về luật thương mại, về địa vị pháp lí của các chủ thể kinh doanh và quy chế pháp lí về thành lập, tổ chức lại, giải thể, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Nội dung trọng tâm xoay quanh quy chế pháp lý của các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường tại Việt Nam bao gồm: Doanh nghiệp tư nhân, Công ty hợp danh, Công ty trách nhiệm hữu hạn và Công ty cổ phần. Bên cạnh đó, học phần trang bị các vấn đề pháp lý đặc thù về doanh nghiệp nhà nước, mô hình nhóm công ty (tập đoàn, công ty mẹ - con), cùng các quy định hiện hành về trình tự thành lập, quản trị nội bộ, tổ chức lại, giải thể và phá sản doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Phá sản 2014.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần
10.1. Mục tiêu
a) Mục tiêu chung của học phần:

Giúp sinh viên nắm được những kiến thức lý luận cơ bản và chuyên sâu về doanh nghiệp và khung pháp luật điều chỉnh thương nhân. Nội dung trọng tâm xoay quanh quy chế pháp lý của các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường tại Việt Nam bao gồm: Doanh nghiệp tư nhân, Công ty hợp danh, Công ty trách nhiệm hữu hạn và Công ty cổ phần. Qua đó hình thành và phát triển các kỹ năng phân tích, đánh giá tình huống, soạn thảo văn bản pháp lý. Hình thành năng lực làm việc độc lập và nhóm, có ý thức thượng tôn pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và tuyên truyền pháp luật cho doanh nghiệp.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Trang bị sinh viên kiến thức về luật thương mại, về địa vị pháp lí của các chủ thể kinh doanh và quy chế pháp lí về thành lập, tổ chức lại, giải thể, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã trong nền kinh tế.

- CO2 (Kỹ năng): Phát triển năng lực lý giải khoa học các quan hệ xã hội trong doanh nghiệp; rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá tình huống và soạn thảo văn bản pháp lý doanh nghiệp.

- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Hình thành năng lực làm việc độc lập và nhóm; xây dựng ý thức thượng tôn pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm tuyên truyền pháp luật doanh nghiệp.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Trình bày, giải thích và phân tích được những vấn đề chung về luật thương mại, quy chế pháp lí về thành lập doanh nghiệp, tổ chức lại, giải thể, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã	PI2. 2/2	2
CLO2	Vận dụng được các quy định pháp luật về vốn, quản trị nội bộ, quyền tự do kinh doanh và quy trình tổ chức lại để xử lý các vấn đề thực tiễn.	PI 2 2.2	2
CLO3	Phân tích và đề xuất phương án giải quyết tối ưu cho các tình huống pháp lý phát sinh trong hoạt động doanh nghiệp.	PI 2.2	4
	Kỹ năng		
CLO4	Thực hiện các hoạt động quản trị pháp lý và giải quyết tranh chấp nội bộ tại cơ quan, doanh nghiệp	PI 3.2	3
CLO5	Soạn thảo được các văn bản hành chính, hợp đồng và văn bản pháp lý doanh nghiệp đúng quy định pháp luật.	PI 7.1	4
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Chủ động xác định mục tiêu học tập cá nhân, nghiên cứu độc lập và tự bồi dưỡng chuyên môn; lập kế hoạch và dẫn dắt làm việc nhóm hiệu quả; thể hiện tinh thần trách nhiệm xã hội, bảo vệ công lý và tuân thủ nghiêm ngặt chuẩn mực đạo đức nghề luật, trung thực khoa học, trích dẫn học thuật đúng quy chuẩn.	PI 9.1, PI 10.1	3

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4		x	
CLO5		x	
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	PLO2 (PI 2.2)	PLO3 (PI 3.2)	PLO7 (PI 7.1)
CLO1	R		
CLO2	R		
CLO3	R		
CLO4		R	
CLO5		R	
CLO6			I

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Ví dụ						
Điểm đánh giá thường xuyên	20%	- Điểm danh, theo dõi mức độ tham gia học tập. - Bài kiểm tra ngắn (trắc nghiệm/tự luận). - Thảo luận nhóm, thuyết trình. - Rubric đánh giá.	CLO1	20	Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO1 → PLO2/PI2.2
			CLO5	40	Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên	PLO2 / PI 2.2
			CLO6	40	Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên	PLO2/ PI 2.2
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra tự luận. - Rubric chấm bài.	CLO1	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO1 → PLO2/PI2.2
			CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO2 → PLO2/PI22.2
	50%	- Bài thi tự luận - Rubric chấm bài	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO1 → PLO2/PI2.2
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → PLO2/PI2.2
			CLO3	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO3 → PLO2/PI2.2
			CLO4	40	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO3/PI2.2

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				
		Rất tốt	**Tốt**	**Đạt yêu cầu**	**Không đạt**	**Điểm**
		10 – 8.5	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Mức độ tham dự theo thời khóa biểu	50	*Tham dự >85% buổi học*	*Tham dự 70-84% buổi học*	*Tham dự 50-69% buổi học*	*Tham dự <50% buổi học*	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50%	Chủ động chuẩn bị bài, tích cực phát biểu, thảo luận, giải quyết tình huống và làm việc nhóm	Tham gia đầy đủ các hoạt động học tập, có trao đổi ý kiến	Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn thụ động	Không tham gia hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao	

2. Rubric tra tự luận và thi tự luận.

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Kiến thức cơ bản về luật thương mại, địa vị pháp lí của các chủ thể kinh doanh và quy chế pháp lí.	CLO1, CLO2	**20%**	Trình bày đầy đủ, chính xác, có hệ thống.	Trình bày cơ bản đầy đủ, chính xác, còn một số hạn chế nhỏ.	Trình bày được một số kiến thức cơ bản nhưng còn thiếu nội dung, còn nhầm lẫn.	Không nắm được hoặc trình bày sai các kiến thức cơ bản
Vận dụng được các quy định pháp luật về vốn, quản trị nội bộ, quyền tự do kinh doanh và quy trình tổ chức lại để xử lý các vấn đề thực tiễn.	CLO2, CLO3	**20%**	Vận dụng chính xác, linh hoạt các quy định pháp luật về vốn, quản trị nội bộ, quyền tự do kinh doanh và quy trình tổ chức lại để xử lý các vấn đề thực tiễn.	Vận dụng cơ bản đúng các nguyên tắc, quy định pháp luật về vốn, quản trị nội bộ, quyền tự do kinh doanh và quy trình tổ chức lại để xử lý các vấn đề thực tiễn còn một số hạn chế nhỏ.	Vận dụng được một số quy định pháp luật về vốn, quản trị nội bộ, quyền tự do kinh doanh và quy trình tổ chức lại để xử lý các vấn đề thực tiễn	Không quy định pháp luật về vốn, quản trị nội bộ, quyền tự do kinh doanh và quy trình tổ chức lại để xử lý các vấn đề thực tiễn
Thực hiện các hoạt động quản trị pháp lý và giải quyết tranh chấp nội bộ tại	CLO4	**20%**	Phân tích đầy đủ, sâu sắc và logic hoạt động quản trị pháp lý và giải quyết tranh	Phân tích, đánh giá cơ bản đúng, hoạt động quản trị pháp lý và	Nhận diện được vấn đề nhưng phân tích còn hạn chế, bỏ sót một số yếu	Không xác định được vấn đề hoặc đưa ra nhận định, đánh giá không

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
cơ quan, doanh nghiệp			chấp nội bộ tại cơ quan, doanh nghiệp.	giải quyết tranh chấp nội bộ tại cơ quan, doanh nghiệp có sai sót nhỏ.	tố hoặc đưa ra nhận định chưa đầy đủ.	phù hợp với tình huống.
Thành thạo kỹ năng soạn thảo được các văn bản hành chính, hợp đồng và văn bản pháp lý doanh nghiệp đúng quy định pháp luật.	CLO4, CLO5	**30%**	Thể hiện rõ ràng, chuyên nghiệp, kỹ năng soạn thảo được các văn bản hành chính, hợp đồng và văn bản pháp lý doanh nghiệp đúng quy định pháp luật.	Thể hiện rõ ràng, chuyên nghiệp, kỹ năng soạn thảo được các văn bản hành chính, hợp đồng và văn bản pháp lý doanh nghiệp đúng quy định pháp luật còn một số hạn chế.	Có khả năng Thể hiện rõ ràng, chuyên nghiệp, kỹ năng soạn thảo được các văn bản hành chính, hợp đồng và văn bản pháp lý doanh nghiệp đúng quy định pháp luật chưa thật phù hợp trong một số trường hợp.	Không Thể hiện rõ ràng, chuyên nghiệp, kỹ năng soạn thảo được các văn bản hành chính, hợp đồng và văn bản pháp lý doanh nghiệp đúng quy định pháp luật
Ý thức trách nhiệm, thể hiện tinh thần trách nhiệm xã hội, bảo vệ công lý và tuân thủ nghiêm ngặt chuẩn mực đạo đức nghề luật,	CLO6	**10%**	Thể hiện rõ và nhất quán tinh thần trách nhiệm, liêm chính, khách quan, tôn trọng sự thật, bảo vệ uy tín nghề	Thể hiện cơ bản đúng yêu cầu về trách nhiệm, liêm chính và tuân thủ chuẩn mực đạo đức; còn một số hạn chế nhỏ.	Nhận thức được yêu cầu về trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp nhưng chưa thể hiện đầy đủ hoặc chưa nhất quán trong ứng xử.	Không thể hiện được yêu cầu về trách nhiệm, liêm chính, tuân thủ chuẩn mực và đạo đức nghề nghiệp.
Tổng điểm		**100%**				

12. Yêu cầu học phần

- **Quy định chuyên cần:** Sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá 20% số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- **Nhiệm vụ học tập và tự học:** Sinh viên phải chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo về pháp luật an sinh xã hội theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp; hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ tự học, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các chuyên

đề tự học theo kế hoạch của học phần; tích cực phối hợp làm việc nhóm, chuẩn bị slide và thực hiện báo cáo, thuyết trình chuyên đề khi được phân công.

- **Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật:** Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động trao đổi, thảo luận và phản biện trong các hoạt động trên lớp; thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức:** Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng những nội dung cốt lõi của học phần Pháp luật an sinh xã hội vào việc rèn luyện đạo đức, lối sống, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, phản biện và các hoạt động chính trị - xã hội phù hợp.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1]. Đỗ Mạnh Phương (2025), *Giáo trình luật thương mại (tập 1)*, Nxb. Công an nhân dân.

- Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Viết Tý, Nguyễn Thị Dung (2022), *Giáo trình luật thương mại (tập 1)*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
1.	**Chương 1. Tổng quan về luật thương mại Việt Nam** **Mục tiêu chương** Trình bày được kiến thức cơ bản về luật thương mại: khái niệm; chủ thể; mối quan hệ giữa luật thương mại và luật dân sự; Nguồn cơ bản của luật thương mại Việt Nam **Nội dung cụ thể** I. Khái lược hình thành và phát triển của luật thương mại II. Khải niệm và nội dung của luật thương mại Việt Nam III. Chủ thể của luật thương mại IV. Mối quan hệ giữa luật thương mại và luật dân sự V. Nguồn cơ bản của luật thương mại Việt Nam	02LT	**Phương pháp thuyết giảng; thảo luận, tranh biện; Phương pháp làm việc nhóm; phương pháp trực quan, nêu vấn đề** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, bài tập thảo luận cho các nhóm. **-Sinhviên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên	CLO1 CLO2 CLO3

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	VI. Hệ thống môn học luật thương mại Việt Nam		+ Đọc tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [2], [3], + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép, + Sinh viên tranh biện, thảo luận nhóm, giải quyết các tình huống	
2.	**Chương 2. Thương nhân và hành vi thương mại** **Mục tiêu chương.** Trình bày được kiến thức cơ bản về thương nhân và hành vi thương mại: khái niệm và đặc điểm của hành vi thương mại và thương nhân; các loại thương nhân; quyền cơ bản của thương nhân. **Nội dung cụ thể** I. Khái niệm và đặc điểm của hành vi thương mại II. Khái niệm và đặc điểm pháp lí của thương nhân III. Các loại thương nhân IV. Chế độ trách nhiệm tài sản của thương nhân và chủ sở hữu thương nhân V. Quyền cơ bản của thương nhân	02LT	**Thuyết giảng, tranh biện, tình huống, làm việc nhóm kết hợp trực quan.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Trực quan tình huống liên quan đến doanh nghiệp tư nhân + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [2], [3]. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn cuộc sống.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5
3.	**Chương 3. Địa vị pháp lí của các chủ thể kinh doanh trong nền kinh tế** **Mục tiêu chương.** Giải thích được địa vị pháp lí của doanh	02LT	**Thuyết giảng, tranh biện, tình huống, làm việc nhóm kết hợp trực quan.**	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	nghiệp tư nhân; hộ kinh doanh **Nội dung cụ thể.** I. Địa vị pháp lí của doanh nghiệp tư nhân II. Địa vị pháp lí của hộ kinh doanh		**- Giảng viên:** + Thuyết giảng các nội dung. về quy chế pháp lý về công ty hợp danh + Nêu tình huống, hướng dẫn sinh viên thảo luận. + Hướng dẫn sinh viên tranh biện nội dung thảo luận. + Giao bài tập thực hành cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung chương 3 tài liệu [1], tài liệu tham khảo [2], [3]. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các nhiệm vụ giảng viên đưa ra.	CLO5
4.	**Chương 4. Khái quát chung về công ti** **Mục tiêu chương.** Phân tích được Sự ra đời và phát triển của công ti và luật công ti về Các loại hình công ti phổ biến trên thế giới **Nội dung cụ thể.** I. Sự ra đời và phát triển của công ti và luật công ti II. Các loại hình công ti phổ biến trên thế giới	03LT	**Thuyết giảng, tranh biện, tình huống, làm việc nhóm kết hợp trực quan.** **- Giảng viên:** + Thuyết giảng các nội dung quy chế pháp lý về công ty cổ phần + Nếu vấn đề thảo luận cần giải quyết. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
			+ Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Tài liệu tham khảo [2]; [3]. + Tranh luận, phản biên các vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. + Ôn tập chuẩn bị kiểm tra giữa học phần.	
5.	**Chương 5. Địa vị pháp lí của công ti hợp danh** **Mục tiêu chương.** Giải thích được khái niệm, đặc điểm, thành viên, quy chế pháp lí, tổ chức quản lí của công ti hợp danh **Nội dung cụ thể.** I. Khái niệm, đặc điểm pháp lý của công ti hợp danh II. Thành viên của công ti hợp danh III. Quy chế pháp lí về vốn của công ti hợp danh IV. Tổ chức, quản lí công ti hợp danh	02 (03LT, 02KT)	**Thuyết giảng, tranh biện, tình huống, làm việc nhóm kết hợp trực quan.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung về quy chế pháp lý về công ty trách nhiệm hữu hạn + Nêu vấn đề tình huống cần giải quyết. - Hướng dẫn sinh viên thảo luận theo chủ đề. **- Sinh viên:** Đọc nội dung chương 5 tài liệu [1]. + Đọc tài liệu tham khảo [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các tình huống, thảo luận theo chủ đề. + Sinh viên làm bài kiểm tra giữa học phần.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
6.	**Chương 6. Địa vị pháp lí của công ti cổ phần** **Mục tiêu chương** Phân tich được kiến thức cơ bản về địa vị pháp lí cuả công ti cổ phần: khái niệm, đặc điểm; vốn; cổ đông; tổ chức quản lí. **Nội dung cụ thể** I. Khái niệm, đặc điểm công ti cổ phần II. Vốn trong công ti cổ phần III. Cổ đông IV. Tổ chức quản lí công ti cổ phần	03LT	**Thuyết giảng, tranh biện, tình huống, làm việc nhóm kết hợp trực quan.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung về một số vấn đề pháp lý đặc thù về doanh nghiệp nhà nước. + Nêu tình huống cần giải quyết; đưa vấn đề tranh luận. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** Đọc nội dung chương 6 tài liệu [1]. + Đọc tài liệu tham khảo [2], [3]. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện tình huống.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
7.	**Chương 7. Địa vị pháp lí của công ti trách nhiệm hữu hạn** **Mục tiêu chương** Sau khi học xong sinh viên hiểu được địa vị pháp lí của công ti trách nhiệm hữu hạn: khái niệm và đặc điểm của công ti TNHH một thành viên và hai thành viên; quy chế vốn; thành viên của công ti; tổ chức quản lí của công ti.	02LT	**Thuyết giảng, tranh biện, giảng dạy thông qua tình huống, làm việc nhóm kết hợp trực quan.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung một số vấn đề pháp lý về nhóm công	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	Nội dung cụ thể I. Khái niệm, đặc điểm của công ti TNHH II. Quy chế vốn của công ti TNHH III. Thành viên công tuy TNHH IV. Tổ chức quản lí công ti TNHH		ty. + Nêu tình huống cần giải quyết. + Đưa ra các tình huống, hướng dẫn giải quyết tình huống, tranh luận, phản biện. + Nhận xét, đánh giá **- Sinh viên:** + Đọc nội dung chương 7 tài liệu [1]. + Đọc tài liệu tham khảo [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết tình huống, tranh luận, phản biện vấn đề.	
8.	**Chương 8. Địa vị pháp lí của doanh nghiệp Nhà nước** **Mục tiêu chương** Sau khi học xong, sinh viên đạt được các yêu cầu cơ bản về địa vị pháp lí của doanh nghiệp nhà nước: khái niệm, đặc điểm, các loại hình doaanh nghiệp nhà nước; những quy định đặc thù trong kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. **Nội dung cụ thể** I. Khái niệm, đặc điểm của doanh nghiệp Nhà nước II. Những quy định đặc thù trong kinh doanh áp dụng đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	02LT	**Thuyết giảng, tranh biện, tình huống, làm việc nhóm kết hợp trực quan.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung quy chế pháp lý về thành lập doanh nghiệp + Đưa ra các tình huống, hướng dẫn giải quyết tình huống, tranh luận, phản biện. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc nội dung chương 8 tài liệu [1]. + Đọc tài liệu tham khảo [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát,	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
			ghi chép và giải quyết các vấn đề.	
9.	**Chương 9. Một số vấn đề pháp lí về nhóm công ti** **Mục tiêu chương:** Sau khi học xong chủ đề này, sinh viên đạt được các yêu cầu cơ bản sau: nêu được khái niệm, đặc điểm và một số vấn đề pháp lí về mô hình công ti mẹ, công ti con; vấn đề pháp lí về tập đoàn kinh tế, tổng công ti pháp lý của tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp. **Nội dung cụ thể:** I. Khái niệm và đặc điểm nhóm công ti II. Một số vấn đề pháp lí về mô hình công ti mẹ, công ti con III. Một số vấn đề pháp lí về tập đoàn kinh tế, tổng công ti	02LT	**Thuyết giảng; Thảo luận; Tranh biện; Tình huống; Làm việc nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, đặc điểm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm hỏi, trả lời, tranh - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu [1] + Đọc tham khảo tài liệu [2], [3], [4]. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + SV thực hiện thuyết trình bài báo cáo, trả lời các câu hỏi của nhóm khác và của GV [1].	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
10.	**Chương 10. Địa vị pháp lí của hợp tác xã** **Mục tiêu chương** Sau khi học xong nội dung nầy, sinh viên đạt được kiến thức cơ bản về địa vị pháp lí của hợp tác xã: khái niệm, đặc điểm, nguyên tác tổ chức; chế đô pháp lí thành viên của hợp tác xã; tổ chức quản lí hợp tác xã.. **Nội dung cụ thể** I. Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc tổ chức hoạt động	02LT	**Thuyết giảng; Thảo luận; Tranh biện; Tình huống; Làm việc nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, đặc điểm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	II. Thành lập, giải thể HTX III. Chế độ pháp lí thành viên HTX IV. Chế độ pháp lí về tài sản HTX V. Tổ chức quản lí HTX VI. Liên hiệp HTX và liên minh HTX		+ Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm hỏi, trả lời, tranh - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu [1] + Đọc tham khảo tài liệu [2], [3], [4]. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + SV thực hiện thuyết trình bài báo cáo, trả lời các câu hỏi của nhóm khác và của GV [1].	
11.	**Chương 11. Pháp luật về thành lập doanh nghiệp** **Mục tiêu chương** Sau khi học xong sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về pháp lí thành lập doanh nghiệp: quy chế pháp lí thành lập doanh nghiệp; điều kiện đầu tư kinh doanh **Nội dung cụ thể** I. Thành lập doanh nghiệp và quyền tự do thành lập doanh nghiệp II. Quy chế pháp lí về thành lập doanh nghiệp III. Điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục bổ sung đối với doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện	02LT	**Thuyết giảng, tranh biện, giảng dạy thông qua tình huống, làm việc nhóm kết hợp trực quan.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung một số vấn đề Pháp luật về thành lập doanh nghiệp + Nêu tình huống cần giải quyết. + Đưa ra các tình huống, hướng dẫn giải quyết tình huống, tranh luận, phản biện. + Nhận xét, đánh giá **- Sinh viên:** + Đọc nội dung chương 11 tài liệu [1]. + Đọc tài liệu tham	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
			khảo [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết tình huống, tranh luận, phản biện vấn đề.	
12.	**Chương 12. Pháp luật về tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp** **Mục tiêu chương** Phân tích được kiến thức cơ bản về pháp luật về tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp **Nội dung cụ thể** I. Pháp luật về tổ chức lại doanh nghiệp II. Pháp luật về giải thể doanh nghiệp	02LT	**Thuyết giảng, tranh biện, giảng dạy thông qua tình huống, làm việc nhóm kết hợp trực quan.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung một số vấn đề Pháp luật về tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp + Nêu tình huống cần giải quyết. + Đưa ra các tình huống, hướng dẫn giải quyết tình huống, tranh luận, phản biện. + Nhận xét, đánh giá **- Sinh viên:** + Đọc nội dung chương 12 tài liệu [1]. + Đọc tài liệu tham khảo [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết tình huống, tranh luận, phản biện vấn đề.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
13.	**Chương 13. Pháp luật về phá sản** **Mục tiêu chương** Phân tích được kiến thúc cơ bản về pháp luật phá sản; thủ tục phá sản doanh nghiệp **Nội dung cụ thể** A. Khái quát về phá sản và luật phá sản	02LT	**Thuyết giảng, tranh biện, giảng dạy thông qua tình huống, làm việc nhóm kết hợp trực quan.** **- Giảng viên:**	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	I. Khái quát về luật phá sản II. Khái quát về luật phá sản B. Thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã I. Chủ thể tham gia quá trình giải quyết yêu cầu phá sản II. Trình tự giải quyết yêu cầu phá sản doaanh nghiệp, hợp tác xã III. trình tự giải quyết yêu cầu phá sản trong các trường hợp đặc biệt.		+ Giảng giải các nội dung một số vấn đề luật phá sản + Nêu tình huống cần giải quyết. + Đưa ra các tình huống, hướng dẫn giải quyết tình huống, tranh luận, phản biện. + Nhận xét, đánh giá **- Sinh viên:** + Đọc nội dung chương 12 tài liệu [1]. + Đọc tài liệu tham khảo [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết tình huống, tranh luận, phản biện vấn đề.	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Luật

1. Tên học phần: Luật thương mại 2/ Commercial Law 2
2. Mã học phần: LUAT 038
3. Số tín chỉ: 3 (2,1)
4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ ba
5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành
- Giờ học tập định mức của người học: 100 giờ (bao gồm 30 giờ dự giờ giảng trên lớp, 60 giờ tự học có hướng dẫn, nghiên cứu, 10 giờ chuẩn bị và tham gia dự kiểm tra, đánh giá định kỳ - quy chuẩn 50 giờ học tập/1 tín chỉ).

6. Điều kiện tiên quyết/Điều kiện học trước: Luật thương mại 1.
7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Vinh Diện	0985633006	dienlsg@yahoo.com
2	Đức Thị Hoà	0399.515.939	Hoakaka1973@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần tập trung rèn luyện kỹ năng thực hành pháp luật chuyên sâu trong lĩnh vực thương mại. Sinh viên được huấn luyện cách vận dụng các quy định pháp luật để thực hiện các giao dịch và giải quyết tranh chấp phát sinh trong các hoạt động: mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ trung gian thương mại (đại diện, môi giới, ủy thác, đại lý), xúc tiến thương mại, logistics và nhượng quyền thương mại. Trọng tâm của học phần là kỹ năng áp dụng các chế tài thương mại và quy trình giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải và tố tụng trọng tài thương mại nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Học phần giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng thực hành pháp luật trong lĩnh vực thương mại, thực hiện giao dịch và giải quyết tranh chấp thương mại trong hoạt động mua bán, cung ứng dịch vụ trung gian thương mai. Qua đó áp dụng các chế tài thương mại và quy trình giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải và tố tụng trọng tài thương mại nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng trong bối cảnh hội nhập quốc tế

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Trang bị hệ thống quy định pháp luật về các hoạt động thương mại cụ thể (mua bán, dịch vụ, logistics, nhượng quyền) và các chế tài, phương thức giải quyết tranh chấp thương mại.
- CO2 (Kỹ năng): Rèn luyện kỹ năng phân tích tình huống pháp lý, tư vấn đàm phán hợp đồng và soạn thảo các văn bản trong tố tụng trọng tài.
- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Hình thành ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và

trách nhiệm bảo vệ công lý trong hoạt động kinh doanh thương mại.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Giải thích được các quy định pháp luật về hoạt động thương mại và giải quyết tranh chấp	PI 2.3	3
CLO2	Phân tích được bản chất pháp lý của các loại chế tài và quy trình tố tụng trọng tài thương mại	PI 2.3	3
CLO3	Vận dụng quy định pháp luật để giải quyết các tình huống tranh chấp phát sinh trong thực tiễn kinh doanh	PI 3.2	3
	Kỹ năng		
CLO4	Soạn thảo được các loại hợp đồng thương mại và hồ sơ khởi kiện trọng tài đúng quy định	PI 7.1	3
CLO5	Thể hiện kỹ năng đàm phán, thuyết phục và làm việc nhóm trong giải quyết vấn đề pháp lý	PI 5.1	3
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Chủ động cập nhật văn bản pháp luật và thể hiện trách nhiệm chuyên môn đối với cộng đồng doanh nghiệp	PI 9.2	3

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4		x	
CLO5		x	
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	PLO2 (PI 2.2)	PLO3 (PI 3.2)	PLO7 (PI 7.1)	PLO9 (PI 9.2)
CLO1	I			

CLO2	I			
CLO3		R		
CLO4			I	
CLO5		R		
CLO6				I

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Ví dụ						
Điểm đánh giá thường xuyên	20%	- Điểm danh, theo dõi mức độ tham gia học tập. - Bài kiểm tra ngắn (trắc nghiệm/tự luận). - Thảo luận nhóm, thuyết trình. - Rubric đánh giá.	CLO1	30	Điểm chuyên cần; Rubric kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO1 → PLO2/PI2.2
			CLO2	40	Rubric thảo luận, thuyết trình	PLO2 / PI 2.2
			CLO3	30	Rubric thái độ học tập, tự học, làm việc nhóm	PLO9 / PI 9.1
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra tự luận. - Rubric chấm bài.	CLO1	40	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO1 → PLO1/PI1.1
			CLO2	30	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO2 → PLO1/PI1.1
			CLO3	30	Điểm bài kiểm tra giữa học	PLO3 / PI 2.3

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
					phần	
	50%	- Bài thi tự luận - Rubric chấm bài	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO1 → PLO2/PI2.2
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → PLO2/PI2.2
			CLO3	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO3 → PLO3/PI3.2
			CLO4	40	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO7/PI 7.1

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đo lường mức đạt CLO	Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI	Dữ liệu được lấy từ
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
CLO1	Trình bày kiến thức về các hoạt động thương mại và giải quyết tranh chấp để xử lý các vấn đề pháp lý phức tạp.	x	PI 2.2	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO2	Phân tích được bản chất pháp lý của các loại chế tài và quy trình tố tụng trọng tài thương mại	x	PI 2.2	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO3	Vận dụng quy định pháp luật để giải quyết các tình huống tranh chấp phát sinh trong thực tiễn kinh doanh	x	PI 3.2	Bài thi cuối kỳ
CLO4	Soạn thảo được các loại hợp đồng thương mại và hồ sơ khởi kiện trọng tài đúng quy định	x	PI 7.1	Bài thi cuối kỳ
CLO5	Thể hiện kỹ năng đàm phán, thuyết phục và làm việc nhóm trong giải quyết vấn đề pháp lý	x	PI 5.1	Thuyết trình, thảo luận nhóm; Bài tập vận dụng
CLO6	Chủ động cập nhật văn bản pháp luật và thể hiện trách nhiệm chuyên môn đối với cộng đồng doanh nghiệp	x	PI 9.2	Rubric đánh giá quá trình; Quan sát trên lớp; Đánh giá thảo luận nhóm, thuyết trình

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thảo luận nhóm (CLO6 – PL10 / PI 10.1, PI10.2)

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10 - 8.5)	Khá (8.4 - 7.0)	Trung bình (6.9 - 5.0) (Mức đạt CĐR)	Yếu (4.9 - 0.0)
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	50%	Tham dự đầy đủ >90% số giờ học, đi học đúng giờ, chấp hành tốt kỷ	Tham dự từ 80% đến 89% số giờ học, đi học đúng giờ, không vi phạm nghiêm	Tham dự từ 70% đến 79% số giờ học, thỉnh thoảng còn đi muộn hoặc thiếu tập	Tham dự dưới 70% số giờ học hoặc vi phạm nghiêm trọng kỷ luật học

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10 - 8.5)	Khá (8.4 - 7.0)	Trung bình (6.9 - 5.0) (Mức đạt CĐR)	Yếu (4.9 - 0.0)
			luật phòng học và chuẩn bị bài chu đáo trước khi lên lớp.	trọng kỷ luật và nội quy học vụ.	trung trong giờ học.	đường.
Ý thức tự học & thảo luận nhóm	CLO6	50%	Chủ động, tích cực nghiên cứu trước tài liệu; hợp tác nhóm xuất sắc, đóng góp ý kiến chất lượng cao, thuyết trình lưu loát.	Hoàn thành tốt nhiệm vụ tự học và làm bài tập nhóm được giao, hợp tác nhóm tương đối hiệu quả.	Tham gia tự học và thảo luận nhóm còn thụ động, chỉ thực hiện khi được giảng viên yêu cầu.	Không chuẩn bị bài tự học, thờ ơ, không hợp tác nhóm hoặc không hoàn thành bài tập tự học.

2. Rubric kiểm tra giữa học phân và thi kết thúc học phần.

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Kiến thức cơ bản về kiến thức về các hoạt động thương mại và giải quyết tranh chấp để xử lý các vấn đề pháp lý phức tạp.	CLO1, CLO2	**20%**	Trình bày đầy đủ, chính xác, có hệ thống.	Trình bày cơ bản đầy đủ, chính xác, còn một số hạn chế nhỏ.	Trình bày được một số kiến thức cơ bản nhưng còn thiếu nội dung, còn nhầm lẫn.	Không nắm được hoặc trình bày sai các kiến thức cơ bản
Vận dụng quy định pháp luật để giải quyết các tình huống tranh chấp phát sinh trong thực tiễn kinh doanh	CLO2, CLO3	**20%**	Vận dụng chính xác, linh hoạt các quy định pháp luật về vốn, quản trị nội bộ, quyền tự do kinh doanh và quy trình tổ chức lại để xử lý các vấn đề thực tiễn.	Vận dụng cơ bản đúng các nguyên tắc, quy định pháp luật về vốn, quản trị nội bộ, quyền tự do kinh doanh và quy trình tổ chức lại	Vận dụng được một số quy định pháp luật về vốn, quản trị nội bộ, quyền tự do kinh doanh và quy trình tổ chức lại để xử lý các	Không quy định pháp luật về vốn, quản trị nội bộ, quyền tự do kinh doanh và quy trình tổ chức lại để xử lý các vấn đề thực

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
				để xử lý các vấn đề thực tiễn còn một số hạn chế nhỏ.	vấn đề thực tiễn	tiễn
Soạn thảo được các loại hợp đồng thương mại và hồ sơ khởi kiện trọng tài đúng quy định	CLO4	**20%**	Soạn thảo được các loại hợp đồng thương mại và hồ sơ khởi kiện trọng tài đúng quy định	Soạn thảo được các loại hợp đồng thương mại và hồ sơ khởi kiện trọng tài đúng quy định có sai sót nhỏ.	Soạn thảo được các loại hợp đồng thương mại và hồ sơ khởi kiện trọng tài đúng quy định nhưng còn hạn chế,	Soạn thảo được các loại hợp đồng thương mại và hồ sơ khởi kiện trọng tài đúng quy định
Thành thạo kỹ năng đàm phán, thuyết phục và làm việc nhóm trong giải quyết vấn đề pháp lý	CLO4, CLO5	**30%**	Thể hiện rõ ràng, chuyên nghiệp, kỹ năng đàm phán, thuyết phục và làm việc nhóm trong giải quyết vấn đề pháp lý	Thể hiện rõ ràng, chuyên nghiệp, kỹ năng đàm phán, thuyết phục và làm việc nhóm trong giải quyết vấn đề pháp lý còn một số hạn chế.	Thể hiện rõ ràng, kỹ năng đàm phán, thuyết phục và làm việc nhóm trong giải quyết vấn đề pháp lý luật chưa thật phù hợp trong một số trường hợp.	Thể hiện rõ ràng, kỹ năng đàm phán, thuyết phục và làm việc nhóm trong giải quyết vấn đề pháp lý
Ý thức trách nhiệm, thể hiện tinh thần trách nhiệm xã hội, bảo vệ công lý và tuân thủ nghiêm ngặt chuẩn mực đạo đức nghề luật,	CLO6	**10%**	Thể hiện rõ và nhất quán tinh thần trách nhiệm, liêm chính, khách quan, tôn trọng sự thật, bảo vệ uy tín nghề	Thể hiện cơ bản đúng yêu cầu về trách nhiệm, liêm chính và tuân thủ chuẩn mực đạo đức; còn một số hạn chế nhỏ.	Nhận thức được yêu cầu về trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp nhưng chưa thể hiện đầy đủ hoặc chưa nhất quán trong ứng xử.	Không thể hiện được yêu cầu về trách nhiệm, liêm chính, tuân thủ chuẩn mực và đạo đức nghề nghiệp.

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Tổng điểm		**100%**				

12. Yêu cầu học phần

- **Quy định chuyên cần:** Sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá 20% số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- **Nhiệm vụ học tập và tự học:** Sinh viên phải chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo về Luật thương mại 2 theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp; hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ tự học, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các chuyên đề tự học theo kế hoạch của học phần; tích cực phối hợp làm việc nhóm, chuẩn bị slide và thực hiện báo cáo, thuyết trình chuyên đề khi được phân công.

- **Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật:** Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động trao đổi, thảo luận và phản biện trong các hoạt động trên lớp; thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức:** Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng những nội dung cốt lõi của học phần Pháp luật an sinh xã hội vào việc rèn luyện đạo đức, lối sống, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, phản biện và các hoạt động chính trị - xã hội phù hợp.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1]. Bùi Hữu Toàn, Đỗ Mạnh Phương (2025), *Giáo trình luật thương mại* (tập 1), Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Viết Tý, Nguyễn Thị Dung (2*),* Giáo trình Luật thương mại Việt Nam tập 2, Nxb. Tư pháp.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
1.	**Chương 1. Thương nhân và hoạt động thương mại** **Mục tiêu chương:** Sau khi học xong chương này, sinh viên đạt được các yêu cầu cơ bản sau: nêu được khái niệm thương nhân, hoạt động thương mại; các đặc điểm, hoạt động của thương nhân, hoạt động thương mại; quyền tự do knh doanh của doanh nhân trong các lĩnh vực hoạt động thương mại.	02LT (02LT, 0TH)	**Phương pháp thuyết giảng; thảo luận, tranh biện; Phương pháp làm việc nhóm; phương pháp trực quan, nêu vấn đề** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, đặc điểm. + Nêu vấn đề, hướng	CLO1 CLO2 CLO3

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	Nội dung cụ thể: 1.1. Thương nhân 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Đặc điểm của thương nhân 1.1.3. Phân loại thương nhân 1.1.4. Quyền tự do kinh doanh của thương nhân 1.2. Hoạt động thương mại 1.2.1. Khái niệm hoạt động thương mại 1.2.2. Đặc điểm của hoạt động thương mại 1.2.3. Các lĩnh vực hoạt động thương mại		dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, bài tập thảo luận cho các nhóm. **-Sinhviên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên + Đọc tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [2]. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép, + Sinh viên tranh biện, thảo luận nhóm, giải quyết các tình huống	
2.	**Chương 2. Pháp luật về mua bán hàng hoá** **Mục tiêu chương:** Sau khi học xong chương này, sinh viên đạt được các yêu cầu cơ bản sau: nêu được khái niệm, và các hoạt động hợp đồng mua bán hàng hoá. **Nội dung cụ thể:** 2.1. Khái quát về mua bán hàng hoá 2.1.1. Khái niệm mua bán hàng hoá 2.1.2. Nguồn luật điều chỉnh các quan hệ mua bán hàng hoá 2.2. Hợp đồng mua bán hàng hoá trong thương mại 2.2.1. Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hoá 2.2.2. Nội dung của hợp đồng mua bán hàng hoá 2.2.3. Giao kết hợp đồng mua bán hàng	02 (02LT, 0TH)	**Thuyết giảng; Thảo luận; Tranh biện; Tình huống; Làm việc nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, hợp đồng pháp luật về mua bán hàng hoá + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm hỏi, trả lời, tranh luận. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu [1]	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	hoá 2.2.4. Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng mua bán hàng hoá 2.2.5. Thực hiện hợp đồng mua bán hàng hoá 2.2.6. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hoá		chương 2 + Đọc tham khảo tài liệu [2] + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện	
3.	**Chương 3. Những vấn đề chung về cung ứng dịch vụ thương mại** **Mục tiêu chương:** Sau khi học xong chương này, sinh viên đạt được các yêu cầu cơ bản sau: Trình bày được khái niệm, đặc điểm, quyền và nghĩa vụ các bên liên quan trong hợp đồng cung ứng dịch vụ thương mại. **Nội dung cụ thể:** 3.1. Khái niệm, đặc điểm của dịch vụ 3.2. Khái niệm, đặc điểm của cung ứng dịch vụ thương mại 3.3. Các dịch vụ thương mại theo Luật thương mại năm 2005 3.4. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng cung ứng dịch vụ thương mại 3.4.1. Quyền và nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ thương mại 3.4.2. Quyền và nghĩa vụ của bên sử dụng dịch vụ thương mại	02 (02LT, 0TH	**Thuyết giảng, tranh biện, tình huống, làm việc nhóm kết hợp trực quan.** **- Giảng viên:** + Thuyết giảng các nội dung về Những vấn đề chung về cung ứng dịch vụ thương mại + Nêu tình huống, hướng dẫn sinh viên thảo luận. + Hướng dẫn sinh viên tranh biện nội dung thảo luận. + Giao bài tập thực hành cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung chương 3 tài liệu [1], tài liệu tham khảo [2]. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các nhiệm vụ giảng viên đưa ra.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
4.	**Chương 4. Pháp luật về đại diện cho thương nhân và môi giới thương mại** **Mục tiêu chương:** Sau khi học xong chương này, sinh viên đạt được các yêu cầu cơ bản sau: hiểu được khái niệm, đặc điểm, quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ môi giới thương mại. **Nội dung cụ thể:** 4.1. Đại diện cho thương nhân 4.1.1. Khái niệm, đặc điểm 4.1.2. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ đại diện cho thương nhân 4.1.3. Chấm dứt hợp đồng đại diện cho thương nhân 4.2. Môi giới thương mại 4.2.1. Khái niệm, đặc điểm 4.2.2. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ môi giới thương mại	03 (03LT, 0TH)	**Thuyết giảng, tranh biện, tình huống, làm việc nhóm kết hợp trực quan.** **- Giảng viên:** + Thuyết giảng các nội dung Pháp luật về đại diện cho thương nhân và môi giới thương mại + Nếu vấn đề thảo luận cần giải quyết. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Tài liệu tham khảo [2] + Tranh luận, phản biên các vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. + Ôn tập chuẩn bị kiểm tra giữa học phần..	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5
5.	**Chương 5. Pháp luật về uỷ thác mua bán hàng hoá và đại lí thương mại** **Mục tiêu chương:** Sau khi học xong chương này, sinh viên đạt được các yêu cầu cơ bản sau: Trình bày và vận dụng được các quy định của pháp luật về uỷ thác mua bán hàng hoá, đại lí thương mại. **Nội dung cụ thể:**	02 (02LT, 0 TH)	**Thuyết giảng, tranh biện, tình huống, làm việc nhóm kết hợp trực quan.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung về Pháp luật về uỷ thác mua bán hàng hoá và đại lí thương mại	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	5.1. Uỷ thác mua bán hàng hoá 5.1.1. Khái niệm, đặc điểm 5.1.2. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ uỷ thác mua bán hàng hoá 5.2. Đại lí thương mại 5.2.1. Khái niệm, đặc điểm 5.2.2. Các hình thức đại lí 5.2.3. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ đại lí 5.2.4. Chấm dứt hợp đồng đại lí		+ Nêu vấn đề tình huống cần giải quyết. - Hướng dẫn sinh viên thảo luận theo chủ đề. **- Sinh viên:** Đọc nội dung chương 5 tài liệu [1]. + Đọc tài liệu tham khảo [2] + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các tình huống, thảo luận theo chủ đề.	
6.	**Chương 6. Pháp luật về khuyến mại và quảng cáo thương mại** **Mục tiêu chương:** Sau khi học xong chương này, sinh viên đạt được các yêu cầu cơ bản sau: Trình bày được khái niệm, đặc điểm của khuyến mại và quảng cáo thương mại. **Nội dung cụ thể:** 6.1. Khuyến mại 6.1.1. Khái niệm, đặc điểm 6.1.2. Các hình thức khuyến mại và hạn mức khuyến mại 6.1.3. Thủ tục thực hiện khuyến mại 6.1.4. Các hoạt động khuyến mại bị cấm thực hiện 6.2. Quảng cáo thương mại 6.2.1. Khái niệm, đặc điểm 6.2.2. Nội dung và phương tiện quảng cáo thương mại 6.2.3. Các chủ thể tham gia vào quá trình quảng cáo 6.2.4. Thủ tục thực hiện quảng cáo thương mại 6.2.5. Các hoạt động quảng cáo thương mại bị cấm thực hiện	02 (01LT, 0TH,	**Thuyết giảng, tranh biện, tình huống, làm việc nhóm kết hợp trực quan.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung về Pháp luật về khuyến mại và quảng cáo thương mại + Nêu tình huống cần giải quyết; đưa vấn đề tranh luận. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** Đọc nội dung chương 6 tài liệu [1]. + Đọc tài liệu tham khảo [2] + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện tình huống..	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
7.	**Chương 7. Pháp luật về dịch vụ logistics** **Mục tiêu chương:**	02 (02LT,	**Thuyết giảng, tranh biện, giảng dạy thông**	CLO2 CLO3

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	Sau khi học xong chương này, sinh viên đạt được các yêu cầu cơ bản sau: Trình bày được khái niệm, đặc điểm, quyền và nghĩa vụ các bên liên quan trong hợp đồng dịch vụ logistics. **Nội dung cụ thể:** 7.1. Khái niệm và đặc điểm của dịch vụ logistics 7.2. Chuỗi dịch vụ logistics 7.3. Hợp đồng dịch vụ logistics 7.4. Điều kiện để kinh doanh dịch vụ logistics và giới hạn trách nhiệm đối với thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics	0TH,	**qua tình huống, làm việc nhóm kết hợp trực quan.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung Pháp luật về dịch vụ logistics + Nêu tình huống cần giải quyết. + Đưa ra các tình huống, hướng dẫn giải quyết tình huống, tranh luận, phản biện. + Nhận xét, đánh giá **- Sinh viên:** + Đọc nội dung chương 7 tài liệu [1]. + Đọc tài liệu tham khảo [2] + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết tình huống, tranh luận, phản biện vấn đề.	CLO4 CLO5 CLO6
8.	**Chương 8: Khái niệm và đặc điểm của đấu giá hàng hoá** **Mục tiêu chương:** Sau khi học xong chương này, sinh viên đạt được các yêu cầu cơ bản sau: Trình bày được khái niệm, các hình thức, chủ thể tham gia đấu giá hàng hoá, các nguyên tắc cơ bản trong đấu giá hàng hoá **Nội dung cụ thể:** 8.1. Đấu giá hàng hoá 8.1.1. Khái niệm đấu giá hàng hoá 8.1.2. Đặc điểm của đấu giá hàng hoá 8.2. Các hình thức đấu giá hàng hoá 8.2.1. Đấu giá theo phương thức trả giá lên và đấu giá theo phương thức đặt giá xuống 8.2.2. Đấu giá dùng lời nói và đấu giá không dùng lời nói	04 (02LT, 02KT)	**Thuyết giảng, tranh biện, tình huống, làm việc nhóm kết hợp trực quan.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung về Khái niệm và đặc điểm của đấu giá hàng hoá + Đưa ra các tình huống, hướng dẫn giải quyết tình huống, tranh luận, phản biện. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc nội dung chương 8 tài liệu [1].	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	8.3. Chủ thể tham gia vào quan hệ đấu giá hàng hoá 8.3.1. Người bán hàng hoá 8.3.2. Người tổ chức bán đấu giá hàng hoá và người điều hành bán đấu giá 8.3.3. Người mua hàng hoá 8.4. Nguyên tắc cơ bản trong đấu giá hàng hoá 8.4.1. Nguyên tắc công khai 8.4.2. Nguyên tắc trung thực 8.4.3. Nguyên tắc bảo vệ quyền và lợi ích của các bên tham gia 8.5. Thủ tục và trình tự đấu giá hàng hoá 8.5.1. Lập hợp đồng dịch vụ tổ chức bán đấu giá 8.5.2. Xác định giá khởi điểm 8.5.3. Chuẩn bị bán đấu giá hàng hoá 8.5.4. Tiến hành đấu giá hàng hoá 8.5.5. Hoàn thành văn bản bán đấu giá hàng hoá		+ Đọc tài liệu tham khảo [2] + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Sinh viên làm bài kiểm tra giữa học phần	
9.	**Chương 9. Pháp luật về đấu thầu hàng hoá, dịch vụ** **Mục tiêu chương:** Sau khi học xong chương này, sinh viên đạt được các yêu cầu cơ bản sau: phân tích được khái niệm, các hình thức, nguyên tắc đấu thầu hàng hoá. **Nội dung cụ thể:** **9.1. Khái niệm và đặc điểm của đấu thầu hàng hoá, dịch vụ** 9.1.1. Khái niệm đấu thầu hàng hoá, dịch vụ 9.1.2. Đặc điểm của đấu thầu hàng hoá, dịch vụ **9.2. Phân loại đấu thầu hàng hoá, dịch vụ** 9.2.1. Đấu thầu rộng rãi và đấu thầu hạn chế 9.2.2. Đấu thầu một túi hồ sơ và đấu thầu hai túi hồ sơ	02 (02LT 0TH)	**Thuyết giảng; Thảo luận; Tranh biện; Tình huống; Làm việc nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích Pháp luật về đấu thầu hàng hoá, dịch vụ + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm hỏi, trả lời, tranh - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu [1] + Đọc tham khảo tài	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	9.3. Nguyên tắc cơ bản trong đấu thầu hàng hoá, dịch vụ 9.3.1. Nguyên tắc coi trọng tính hiệu quả 9.3.2. Nguyên tắc cạnh tranh với điều kiện ngang nhau 9.3.3. Nguyên tắc thông tin đầy đủ, công khai 9.3.4. Nguyên tắc bảo mật thông tin đấu thầu 9.3.5. Nguyên tắc đánh giá khách quan, công bằng **9.4. Thủ tục và trình tự đấu thầu hàng hoá, dịch vụ** 9.4.1. Mời thầu 9.4.2. Dự thầu 9.4.3. Mở thầu 9.4.4. Đánh giá và so sánh hồ sơ dự thầu 9.4.5. Xếp hạng và lựa chọn nhà thầu 9.4.6. Thông báo kết quả thầu và kí kết hợp đồng		liệu [2] + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + SV thực hiện thuyết trình bài báo cáo, trả lời các câu hỏi của nhóm khác và của GV	
10.	**Chương 10. Pháp luật về một số hoạt động thương mại khác** **Mục tiêu chương:** Sau khi học xong chương này, sinh viên đạt được các yêu cầu cơ bản sau: Trình bày được khái niệm, các quy định của pháp luật về một số hoạt động thương mại khác: gia công thương mại, cho thuê hàng hoá, dịch vụ giám định. **Nội dung cụ thể:** 10.1. Gia công trong thương mại 10.1.1. Khái niệm và đặc điểm gia công trong thương mại 10.1.2. Hợp đồng gia công trong thương mại 10.2. Cho thuê hàng hoá 10.2.1. Khái niệm và đặc điểm cho thuê hàng hoá 10.2.2. Hợp đồng cho thuê hàng hoá 10.3. Dịch vụ giám định	03 (03LT 0TH)	**Thuyết giảng; Thảo luận; Tranh biện; Tình huống; Làm việc nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm về Pháp luật về một số hoạt động thương mại khác + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, bài tập thảo luận cho các nhóm. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu [1]. + Đọc tham khảo tài liệu [2] + Lắng nghe, ghi chép	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	10.3.1. Khái quát dịch vụ giám định 10.3.2. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ giám định		và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm.	
11.	**Chương 11. Chế tài thương mại** **Mục tiêu chương:** Sau khi học xong chương này, sinh viên đạt được các yêu cầu cơ bản sau: Trình bày được khái niệm, các quy định của pháp luật về chế tài thương mại. **Nội dung cụ thể:** 11.1. Khái niệm chế tài thương mại 11.2. Căn cứ áp dụng chế tài thương mại 11.3. Các hình thức chế tài thương mại 11.4. Miễn trách nhiệm	02(02LT, 0TH)	**Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, bài tập thảo luận cho các nhóm. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu [1]. + Đọc tham khảo tài liệu [2] + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
12.	**Chương 12. Những vấn đề chung về giải quyết tranh chấp thương mại** **Mục tiêu chương:** Sau khi học xong chương này, sinh viên đạt được các yêu cầu cơ bản sau: Trình bày được khái niệm, các quy định của pháp luật về tranh chấp thương mại**.** **Nội dung cụ thể:** 12.1. Khái quát về tranh chấp thương mại 12.2. Giải quyết tranh chấp thương mại tại toà án 12.2.1. Bản chất của việc giải quyết tranh chấp tại toà án 12.2.2. Thẩm quyền của toà án về giải	02 (02LT 0TH)	**Thuyết giảng; Thảo luận; Tranh biện; Tình huống; Làm việc nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, bài tập thảo luận cho các nhóm. **- Sinh viên:**	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	quyết tranh chấp thương mại 12.2.3. Sơ lược về các giai đoạn xét xử tại toà án 12.3. Các hình thức giải quyết tranh chấp ngoài toà án 12.3.1.Thương lượng 12.3.2. Hoà giải 12.3.3. Trọng tài thương mại 12.3.3.1. Bản chất của trọng tài thương mại 12.3.3.2. Các hình thức trọng tài 12.3.3.3. Thành lập trung tâm trọng tài		+ Đọc trước tài liệu [1]. + Đọc tham khảo tài liệu [2] + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	
13.	**Chương 13. Thủ tục giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài thương mại** **Mục tiêu chương:** Sau khi học xong chương này, sinh viên đạt được các yêu cầu cơ bản sau: Trình bày được khái niệm, các quy định của pháp luật về các nguyên tắc giải quyết tranh chấp thương mại. **Nội dung cụ thể:** 13.1. Các nguyên tắc giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài thương mại 13.1.1. Nguyên tắc thoả thuận trọng tài 13.1.2. Nguyên tắc trọng tài viên phải độc lập, khách quan, vô tư, phải căn cứ vào pháp luật và tôn trọng sự thoả thuận của các bên khi giải quyết tranh chấp 13.1.3. Nguyên tắc giải quyết một lần 13.1.4. Nguyên tắc giải quyết không công khai 13.2. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp thương mại của trọng tài thương mại 13.2.1. Trọng tài có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại 13.2.2. Trọng tài có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại khi các bên tranh	03 (03LT 0TH)	**Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, bài tập thảo luận cho các nhóm. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu [1], [2]. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	chấp là các chủ thể kinh doanh 13.2.3. Trọng tài có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại khi các bên tranh chấp có thoả thuận trọng tài và thoả thuận trọng tài có hiệu lực 13.3. Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài thương mại 13.3.1. Nộp và nhận đơn kiện 13.3.2. Thành lập hội đồng trọng tài 13.3.3. Công tác điều tra và chuẩn bị hồ sơ 13.3.4. Phiên họp giải quyết tranh chấp 13.3.5. Huỷ quyết định trọng tài, thi hành quyết định trọng tài			
14.	Báo cáo semina Mục tiêu báo cáo semina: Sau khi học xong báo cáo semina, sinh viên đạt được các yêu cầu cơ bản sau: - Tìm, tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn kinh doanh. - Tư vấn đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong thương mại. - Tư vấn giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng thương mại - Giải quyết tranh chấp thương mại Nội dung cụ thể: 1. Giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn kinh doanh. - Tuân theo trình tự thủ tụ để xin cấp giấy phép kinh doanh tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 2. Tư vấn đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong thương mại. - Vận dụng kiến thức đã học để tư vấn cho khách hàng lựa chọn thành lập loại hình tổ chức kinh doanh phù hợp với khách hàng, với ngành nghề kinh doanh và với xã hội. - Thực hiện tư vấn cho khách hàng việc	30TH	**Tổ chức học theo nhóm.** **- Giảng viên:** + Giao nhiệm vụ. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1], [2] nội dung được phân công. + Thảo luận và báo cáo trước lớp.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	phá sản doanh nghiệp theo trình tự, thủ tục luật định. 3. Tư vấn giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng thương mại - Tư vấn cho khách hàng lựa chọn thiết lập hợp đồng mua bán hàng hóa; tư vấn trong việc áp dụng các chế tài trách nhiệm khi có hành vi vi phạm hợp đồng. 4. Giải quyết tranh chấp thương mại - Các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại và trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp thương mại.			

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Luật

1. Tên học phần: Luật Tài chính

2. Mã học phần: LUAT 024

3. Số tín chỉ: 3 (2,1)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ ba

5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết, 30 giờ thực hành

- Giờ học tập định mức của người học (bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá): 150 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong học phần Luật hành chính

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Nguyễn Thái Mai	0912.376.293	mailuatquocte@yahoo.com.vn
2.	ThS. Lương Thị Hoa	0399.652.826	hoaluong.aof@gmail.com
3.	TS. Nguyễn Vinh Diện	0912.341.915	dien_nv@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về pháp luật ngân sách nhà nước, pháp luật về tài chính doanh nghiệp, pháp luật kinh doanh bảo hiểm và pháp luật về thị trường chứng khoán. Luật Tài chính theo nghĩa rộng nghiên cứu các lĩnh vực pháp luật riêng biệt gắn với hệ thống tài chính của nền kinh tế, gắn với pháp luật điều chỉnh quá trình tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn tài chính của các chủ thể.

9. Ngôn ngữ giảng dạy

Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Học phần Luật tài chính được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng và có hệ thống về tài chính và các quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động tài chính trong nền kinh tế, bao gồm pháp luật về ngân sách nhà nước, tài chính doanh nghiệp, kinh doanh bảo hiểm và thị trường chứng khoán. Thông qua học phần, sinh viên từng bước hình thành tư duy pháp lý trong lĩnh vực tài chính, hiểu được các nguyên tắc, quy phạm và quan hệ pháp luật tài chính cũng như vai trò của pháp luật trong việc điều chỉnh các hoạt động tài chính của Nhà nước, doanh nghiệp và các chủ thể tham gia thị trường. Học phần đồng thời góp phần phát triển khả năng tiếp cận, khai thác và vận dụng các quy định pháp luật để nhận diện, phân tích và giải quyết các vấn đề pháp lý cơ bản phát sinh trong hoạt động tài chính; tạo nền tảng cho việc học tập các học phần chuyên sâu và vận dụng kiến thức trong thực tiễn nghề nghiệp thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán và quản trị kinh doanh.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng và có hệ thống về tài chính và luật tài chính, bao gồm các nguyên tắc, quy phạm và quan hệ pháp luật tài

chính; pháp luật về ngân sách nhà nước, tài chính doanh nghiệp, kinh doanh bảo hiểm và thị trường chứng khoán.

- CO2 (Năng lực tư duy): Giúp sinh viên hình thành tư duy pháp lý trong lĩnh vực tài chính và nhận thức được vai trò của pháp luật trong việc điều chỉnh các hoạt động tài chính; hiểu được mối quan hệ giữa các quy định pháp luật với hoạt động thu, chi ngân sách nhà nước, hoạt động tài chính doanh nghiệp, kinh doanh bảo hiểm và hoạt động của thị trường chứng khoán.

- CO3 (Kỹ năng thực hànhRèn luyện cho sinh viên khả năng tiếp cận, đọc, khai thác và vận dụng các quy định pháp luật tài chính để nhận diện, giải thích và xử lý các vấn đề, tình huống pháp lý cơ bản phát sinh trong hoạt động ngân sách nhà nước, tài chính doanh nghiệp, kinh doanh bảo hiểm và thị trường chứng khoán.

- CO4 (Phương pháp, công cụ): Hướng dẫn sinh viên tiếp cận các phương pháp và nguyên tắc cơ bản trong việc tra cứu, đọc hiểu, phân tích và vận dụng văn bản quy phạm pháp luật tài chính; từng bước hình thành phương pháp xem xét và đánh giá các vấn đề tài chính dưới góc độ pháp lý, tạo nền tảng cho việc học tập các học phần chuyên ngành và vận dụng trong thực tiễn nghề nghiệp.

- CO5 (Thực hành kỹ năng mềm): Tạo môi trường để sinh viên phát triển tinh thần học tập chủ động, khả năng tự nghiên cứu và cập nhật các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động tài chính; rèn luyện kỹ năng trao đổi, thảo luận và lập luận đối với các tình huống pháp lý, tư duy phản biện, tinh thần trách nhiệm và ý thức tuân thủ pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính.

10.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần - Course Learning Outcomes (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo - Program Learning Outcomes (PLO):

CLOs	Mô tả CLO	Mức độ theo thang Bloom	PLOs
	Kiến thức		
CLO1	Giải thích được những vấn đề cơ bản về tài chính và luật tài chính, bao gồm khái niệm, nguyên tắc điều chỉnh, quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật tài chính.	3	PLO2
CLO2	Phân tích được các nội dung cơ bản của pháp luật về ngân sách nhà nước, tài chính doanh nghiệp, kinh doanh bảo hiểm và thị trường chứng khoán.	3	PLO2 PLO3 PLO8
	Kỹ năng		
CLO3	Vận dụng được các quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và tài chính doanh nghiệp để nhận diện, giải thích và xử lý các tình huống pháp lý cơ bản phát sinh trong hoạt động tài chính.	3	PLO2 PLO3 PLO8
CLO4	Vận dụng được các quy định pháp luật về kinh doanh bảo hiểm và thị trường chứng khoán để nhận diện, phân tích và giải quyết các vấn đề, tình huống pháp lý cơ bản.	3	PLO2 PLO3 PLO8
CLO5	Sử dụng được các phương pháp cơ bản để tra cứu, đọc hiểu, phân tích và vận dụng văn bản quy phạm pháp luật tài chính trong việc xem xét và giải quyết các vấn đề thực tiễn đơn giản.	3	PLO2 PLO3 PLO8
	Mức tự chủ và trách nhiệm		

CLOs	Mô tả CLO	Mức độ theo thang Bloom	PLOs
CLO6	Thể hiện tinh thần chủ động, trách nhiệm và ý thức tự học trong việc nghiên cứu, cập nhật các quy định pháp luật về tài chính; có ý thức tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong quá trình học tập, thảo luận và giải quyết các tình huống thuộc lĩnh vực tài chính.	3	PLO3 PLO8

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs):

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3	CO4	CO5
CLO1	x	x		x	
CLO2	x	x		x	
CLO3		x	x	x	
CLO4		x	x	x	
CLO5		x	x	x	
CLO6					x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình (PLOs):

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *		
	PLO 2	PLO3	PLO8
	PI2.2/3	PI3.2/3	PI8.1/3
CLO1	I		
CLO2	R	I	I
CLO3	R	R	R
CLO4	R	R	R
CLO5	R	R	R
CLO6		I	R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI

(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Điểm chuyên cần, điểm kiển tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Thời gian tham gia lớp học. - Bài kiểm tra tự luận - Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1	20	Điểm bài kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO1 → PLO2/PI2.2
			CLO2	20		Điểm CLO2 → PLO2/PI2.2 PLO3/PI3.2 PLO8/PI8.1
			CLO3	30		Điểm CLO3 → PLO2/PI2.2 PLO3/PI3.2 PLO8/PI8.1
			CLO6	30	Điểm rubric chuyên cần	
Điểm kiểm tra giữa kỳ	30%	- Bài kiểm tra tự luận - Rubric Tự luận	CLO1	30	Điểm bài kiểm tra giữa kỳ	Điểm CLO1 → PLO2/PI2.2
			CLO2	20		Điểm CLO2 → PLO2/PI2.2 PLO3/PI3.2 PLO8/PI8.1
			CLO3	30		Điểm CLO3 → PLO2/PI2.2 PLO3/PI3.2 PLO8/PI8.1
			CLO4	20		Điểm CLO4 → PLO2/PI2.2 PLO3/PI3.2 PLO8/PI8.1
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi tự luận - Rubric Tự luận	CLO2	30	Điểm bài kiểm tra cuối kỳ	Điểm CLO2 → PLO2/PI2.2 PLO3/PI3.2 PLO8/PI8.1
			CLO3	20		Điểm CLO3

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
						→ PLO2/PI2.2 PLO3/PI3.2 PLO8/PI8.1
			CLO4	30		Điểm CLO4 → PLO2/PI2.2 PLO3/PI3.2 PLO8/PI8.1
			CLO5	20		Điểm CLO5 → PLO2/PI2.2 PLO3/PI3.2 PLO8/PI8.1

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đo lường mức đạt CLO	Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI	Dữ liệu được lấy từ
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**
CLO1	Giải thích được các vấn đề cơ bản về kế toán ngân hàng thương mại, bao gồm chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản, tổ chức bộ máy kế toán, các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán áp dụng trong hoạt động của ngân hàng thương mại.	x	PLO2/PI2.2	Điểm bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa kỳ
CLO2	Phân tích được nội dung, đặc điểm và nguyên tắc kế toán đối với các nghiệp vụ huy động vốn, cấp tín dụng, thu nhập, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của ngân hàng thương mại.	x	PLO2/PI2.2 PLO3/PI3.2 PLO8/PI8.1	Điểm bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa kỳ, bài kiểm tra cuối kỳ
CLO3	Vận dụng được các nguyên tắc, chứng từ và hệ thống tài khoản kế toán để xác định và ghi nhận các nghiệp vụ huy động vốn phát sinh	x	PLO2/PI2.2 PLO3/PI3.2 PLO8/PI8.1	Điểm bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đo lường mức đạt CLO	Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI	Dữ liệu được lấy từ
	trong ngân hàng thương mại.			kỳ, bài kiểm tra cuối kỳ
CLO4	Vận dụng được các nguyên tắc, chứng từ và hệ thống tài khoản kế toán để xử lý và hạch toán các nghiệp vụ cấp tín dụng cơ bản của ngân hàng thương mại.	x	PLO2/PI2.2 PLO3/PI3.2 PLO8/PI8.1	Điểm bài kiểm tra giữa kỳ, bài kiểm tra cuối kỳ
CLO5	Vận dụng được kiến thức và phương pháp kế toán để ghi nhận, phản ánh các khoản thu nhập, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cơ bản của ngân hàng thương mại.	x	PLO2/PI2.2 PLO3/PI3.2 PLO8/PI8.1	Điểm bài kiểm tra cuối kỳ
CLO6	Thể hiện tinh thần chủ động, trách nhiệm và tính cẩn trọng trong học tập, nghiên cứu và xử lý các tình huống kế toán ngân hàng; có ý thức tự học, cập nhật các quy định, chính sách và chuẩn mực kế toán, đồng thời tuân thủ các nguyên tắc và đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực kế toán - ngân hàng.	x	PLO3/PI3.2 PLO8/PI8.1	

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				
		Rất tốt	**Tốt**	**Đạt yêu cầu**	**Không đạt**	**Điểm**
		10 - 8.0	**7.9 - 7.0**	**6.9 - 5.0**	**4.9 - 0.0**	
Mức độ tham dự theo thời khóa biểu	50	*Tham dự >80% buổi học*	*Tham dự >80% buổi học*	*Tham dự >80% buổi học*	*Tham dự <80% buổi học*	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

2. Rubric thi trắc nghiệm (Thang điểm 10)

Mô tả mức chất lượng							Điểm
Mức chất lượng	**Xuất sắc**	**Giỏi**	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	**Kém**	
Thang điểm	**10 - 9**	**8.9 - 8.5**	**8.4 - 7.0**	**6.9 - 5.5**	**5.4 - 4.0**	**3.9 - 0.0**	

Mô tả mức chất lượng							Điểm
Mức chất lượng	**Xuất sắc**	**Giỏi**	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	**Kém**	
Thang điểm	**10 - 9**	**8.9 - 8.5**	**8.4 - 7.0**	**6.9 - 5.5**	**5.4 - 4.0**	**3.9 - 0.0**	
Bài kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ	Đáp ứng 90% - 100% yêu cầu	Đáp ứng 85% - 89% yêu cầu	Đáp ứng 70% - 84% yêu cầu	Đáp ứng 55% - 69% yêu cầu	Đáp ứng 40% - 54% yêu cầu	Đáp ứng dưới 39% yêu cầu	
ĐIỂM TỔNG							

12. Yêu cầu học phần

- Ý thức, thái độ học tập: Sinh viên đi học đầy đủ, đúng giờ, không bỏ giờ, nghỉ học có phép, có thái độ tích cực trong giờ học, có đóng góp ý kiến xây dựng bài, có tinh thần tự học, hỗ trợ bạn cùng lớp trong học tập, tổ chức học nhóm. Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo quy chế.

- Về nghiên cứu tài liệu: Sinh viên đọc trước tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp.

- Kiểm tra đánh giá: Sinh viên phải hoàn thành các bài tập được giao, đạt chất lượng theo yêu cầu của giảng viên; tham gia đầy đủ, đạt chất lượng các bài kiểm tra trên lớp và thi kết thúc học phần.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Đại học Sao Đỏ (2025), *Luật Tài chính.*

[2] - Phạm Thị Giang Thu, Nguyễn Thị Lan Hương (2025), *Giáo trình Luật Tài chính Việt Nam,* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

[3] - Quốc hội (2015), Luật số 83/2015/QH13 - Luật Ngân sách nhà nước, ngày 25 tháng 6 năm 2015.

[4] - Quốc hội (2020), Luật số 59/2020/QH14 - Luật Doanh nghiệp, ngày 17 tháng 6 năm 2020.

[5] - Quốc hội (2022), Luật số 08/2022/QH15 - Luật Kinh doanh bảo hiểm, ngày 16 tháng 6 năm 2022.

[6] - Quốc hội (2019), Luật số 54/2019/QH14 - Luật Chứng khoán, ngày 26 tháng 11 năm 2019.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLO
1	**Chương 1. Lý luận cơ bản về tài chính và luật tài chính** **Mục tiêu chương**: Trình bày được khái niệm luật tài chính, nguyên tắc, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật tài chính	08 (04LT, 04TH)	**Thuyết giảng; Thảo luận; Làm việc nhóm, tranh biện, tình huống.** **- Giảng viên:** + Giải thích làm rõ các	CLO1, CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLO
	Nội dung cụ thể: 1.1. Khái niệm tài chính và hoạt động tài chính 1.2. Khái niệm luật tài chính và nguyên tắc điều chỉnh 1.3. Quy phạm pháp luật tài chính 1.4. Quan hệ pháp luật tài chính Bài thực hành số 01, 02.		khái niệm tài chính, hoạt động tài chính, luật tài chính. + Nêu vấn đề cho sinh viên thảo luận. + Tổ chức lớp học theo nhóm và giao nhóm chuẩn bị nhiệm vụ học tập. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 1; [2]: Chương 1; + Lắng nghe, ghi chép và thảo luận các vấn đề. + Thực hiện nhiệm vụ theo nhóm.	
2	**Chương 2. Pháp luật về ngân sách nhà nước** **Mục tiêu chương**: Trình bày được những nội dung cơ bản về ngân sách nhà nước và pháp luật điều chỉnh hoạt động thu, chi ngân sách nhà nước. **Nội dung cụ thể:** 2.1. Khái quát về ngân sách nhà nước 2.2. Pháp luật về ngân sách nhà nước 2.3. Khái niệm thu ngân sách nhà nước và pháp luật điều chỉnh 2.4. Pháp luật chi ngân sách nhà nước Bài thực hành số 03, 04, 05	12 (06LT, 06TH)	**Thuyết giảng; Thảo luận; Làm việc nhóm, tranh biện, tình huống.** **- Giảng viên:** + Giải thích làm rõ các khái niệm ngân sách nhà nước, thu, chi ngân sách nhà nước. + Nêu vấn đề cho sinh viên thảo luận, tranh biện. + Tổ chức lớp học theo nhóm và giao nhóm chuẩn bị nhiệm vụ học tập. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 2; [2]: Chương 2; 3;4; [3]: Toàn văn + Lắng nghe, ghi chép và thảo luận các vấn đề. + Thực hiện nhiệm vụ theo nhóm.	CLO2, CLO3, CLO6
3	**Chương 3. Pháp luật về tài chính doanh nghiệp** **Mục tiêu chương**: Trình bày được Khái niệm về tài chính doanh nghiệp, hoạt động tài chính doanh nghiệp và	16 (08LT, 06TH, 02KT)	**Thuyết giảng; Thảo luận; Làm việc nhóm, tranh biện, tình huống.** **- Giảng viên:** + Giải thích làm rõ các	CLO2, CLO3, CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLO
	pháp luật tài chính doanh nghiệp, pháp luật về tạo lập nguồn vốn và quản lý doanh thu, chi phí, lợi nhuận của doanh nghiệp. **Nội dung cụ thể:** 3.1. Khái niệm về tài chính doanh nghiệp, hoạt động tài chính doanh nghiệp và pháp luật tài chính doanh nghiệp 3.2. Pháp luật về tạo lập nguồn vốn của doanh nghiệp 3.3. Pháp luật về quản lý doanh thu, chi phí, lợi nhuận của doanh nghiệp 3.4. Pháp luật về quản trị tài chính doanh nghiệp Bài thực hành số 06, 07, 08 **Kiểm tra giữa học phần**		khái niệm về tài chính doanh nghiệp, hoạt động tài chính doanh nghiệp và pháp luật tài chính doanh nghiệp. + Nêu vấn đề, tình huống cho sinh viên thảo luận, tranh biện. + Tổ chức lớp học theo nhóm và giao nhóm chuẩn bị nhiệm vụ học tập. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 3; [2]: Chương 6; [4]: Toàn văn. + Lắng nghe, ghi chép và thảo luận các vấn đề. + Thực hiện nhiệm vụ theo nhóm, giải quyết tình huống, tranh biện. + Làm bài kiểm tra giữa học phần.	
4	**Chương 4. Pháp luật kinh doanh bảo hiểm** **Mục tiêu chương**: Trình bày được các quy định về tổ chức và hoạt động kinh doanh bảo hiểm . **Nội dung cụ thể:** 4.1. Khái niệm về kinh doanh bảo hiểm và pháp luật kinh doanh bảo hiểm 4.2. Quy định về tổ chức và hoạt động kinh doanh bảo hiểm 4.3. Hợp đồng bảo hiểm 4.4. Thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm Bài thực hành số 09, 10, 11	12 (06LT, 06TH)	**Thuyết giảng; Thảo luận; Làm việc nhóm, tranh biện, tình huống, đóng vai.** **- Giảng viên:** + Giải thích làm rõ các khái niệm. + Nêu vấn đề cho sinh viên thảo luận, tổ chức đóng vai. + Tổ chức lớp học theo nhóm và giao nhóm chuẩn bị nhiệm vụ học tập. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 4; [2]: Chương 7; [5]: Toàn văn. + Lắng nghe, ghi chép và thảo luận các vấn đề.	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLO
			+ Thực hiện nhiệm vụ theo nhóm, giải quyết tình huống, tranh biện, đóng vai.	
5	**Chương 5. Pháp luật về thị trường chứng khoán** **Mục tiêu chương**: Hiểu được nội dung những vấn đề lý luận về chứng khoán, thị trường chứng khoán và nội dung chủ yếu của pháp luật về thị trường chứng khoán. **Nội dung cụ thể:** 5.1. Những vấn đề lý luận về chứng khoán, thị trường chứng khoán và pháp luật về thị trường chứng khoán 5.2. Nội dung chủ yếu của pháp luật về thị trường chứng khoán Bài thực hành số 12, 13, 14.	12 (06LT, 06TH)	**Thuyết giảng; Thảo luận; Làm việc nhóm, tranh biện, tình huống.** **- Giảng viên:** + Giải thích làm rõ các khái niệm. + Nêu vấn đề cho sinh viên thảo luận. + Tổ chức lớp học theo nhóm và giao nhóm chuẩn bị nhiệm vụ học tập. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 5; [2]: Chương 8; [6]: Toàn văn. + Lắng nghe, ghi chép và thảo luận các vấn đề. + Thực hiện nhiệm vụ theo nhóm, giải quyết tình huống, tranh biện.	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Luật

1. Tên học phần: (tiếng Việt/tiếng Anh): Luật thương mại quốc tế

2. Mã học phần: LUẬT 026

3. Số tín chỉ: 3 (2,1)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ tư

5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết 30 giờ thực hành

- Giờ học tập định mức của người học (bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá): 150 giờ (50 giờ/1 tín chỉ)

6. Điều kiện tiên quyết/Điều kiện học trước: Sau khi học xong Luật thương mại.

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Nguyễn Vinh Diện	0912.341.915	dien_nv@saodo.edu.vn
2.	Ths. Phạm Văn Huân	0986.760.599	nvhuan.ls@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Luật thương mại quốc tế cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: pháp luật thương mại quốc tế. Học phần bao gồm 2 phần chính: Luật thương mại quốc tế giữa các quốc gia và luật thương mại quốc tế giữa các thương nhân. Đối với học phần này, sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức về: Khái niệm giao dịch thương mại quốc tế và luật thương mại quốc tế; các nguyên tắc cơ bản của WTO và ngoại lệ; thương mại hàng hoá và các hiệp định của WTO; thương mại dịch vụ và GATS; quyền sở hữu trí tuệ và Hiệp định TRIPs; cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO; pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế, về thanh toán quốc tế; giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân.

9. Ngôn ngữ giảng dạy

Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

a) Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về những vấn đề lý luận và thực tiễn của pháp luật thương mại quốc tế, bao gồm các nội dung về chủ thể, nguồn và nguyên tắc của pháp luật thương mại quốc tế; các quy định pháp luật về hoạt động thương mại quốc tế, hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, thanh toán quốc tế, vận tải quốc tế và giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế. Qua đó, giúp sinh viên hình thành tư duy pháp lý và kỹ năng vận dụng kiến thức pháp luật thương mại quốc tế vào học tập, nghiên cứu và giải quyết các tình huống thực tiễn; nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong hoạt động thương mại quốc tế.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng và có tính hệ thống về những nội dung cơ bản của Luật thương mại quốc tế, bao gồm: khái niệm,

đặc điểm, nguồn và các nguyên tắc cơ bản của pháp luật thương mại quốc tế; chủ thể và các hoạt động thương mại quốc tế; hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế; thanh toán quốc tế; vận tải quốc tế và giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế. Qua đó, giúp sinh viên hiểu rõ vai trò của pháp luật thương mại quốc tế trong việc điều chỉnh các quan hệ thương mại có yếu tố quốc tế, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia hoạt động thương mại quốc tế.

.- CO2 (Kỹ năng): Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng kiến thức pháp luật thương mại quốc tế để nhận diện, giải thích, phân tích và giải quyết các tình huống phát sinh trong hoạt động thương mại quốc tế; phát triển kỹ năng tư duy pháp lý, tư duy phản biện, tra cứu và áp dụng các điều ước quốc tế, tập quán thương mại quốc tế và quy định pháp luật có liên quan; xác định quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý của các bên trong quan hệ thương mại quốc tế; đồng thời nâng cao kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, thảo luận, làm việc nhóm, thuyết trình và liên hệ kiến thức với thực tiễn.

- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Tạo cơ hội và môi trường cho sinh viên phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và chủ động cập nhật kiến thức về pháp luật thương mại quốc tế; hình thành ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật, các điều ước quốc tế và thông lệ thương mại quốc tế; có tinh thần trách nhiệm trong học tập, công việc và hoạt động nghề nghiệp. Rèn luyện tác phong làm việc khoa học, khách quan, cẩn trọng và có trách nhiệm trong việc xác lập, thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong quan hệ thương mại quốc tế, góp phần bảo đảm tính bình đẳng, thiện chí, hợp tác và an toàn pháp lý trong hoạt động thương mại quốc tế.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome –CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Làm rõ được khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, nguồn của Luật thương mại quốc tế; phân tích được các nguyên tắc cơ bản điều chỉnh quan hệ thương mại quốc tế và vai trò của Luật thương mại quốc tế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.	PI2.2/3	2
CLO2	Phân tích được các quy định cơ bản của pháp luật và điều ước quốc tế về thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ và các hoạt động thương mại quốc tế khác; diễn giải được quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể trong quan hệ thương mại quốc tế.	PI2.2/3	2
CLO3	Phân tích và vận dụng được các quy định cơ bản về hợp đồng thương mại quốc tế, thanh toán quốc tế, vận tải quốc tế, giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế;	PI2.2/3	2

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	xác định được các căn cứ pháp lý và phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh trong hoạt động thương mại quốc tế.		
	Kỹ năng		
CLO4	Áp dụng kiến thức pháp luật thương mại quốc tế để nhận diện, phân tích và giải quyết các tình huống phát sinh trong hoạt động thương mại xuyên biên giới; phân tích được quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong quan hệ thương mại quốc tế.	PI3.2/3	3
CLO5	Vận dụng tư duy pháp lý và kiến thức chuyên môn để tra cứu, phân tích và áp dụng điều ước quốc tế, pháp luật quốc gia và các tập quán thương mại quốc tế trong giải quyết các vấn đề pháp lý; thực hiện hiệu quả các hoạt động học tập, thảo luận, làm việc nhóm, thuyết trình và giải quyết tình huống pháp lý trong lĩnh vực thương mại quốc tế.	PI4.2/3	3
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Thể hiện ý thức tự giác trong học tập, nghiên cứu và chủ động cập nhật kiến thức pháp luật, chính sách thương mại quốc tế; có ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật, điều ước quốc tế và các cam kết thương mại quốc tế; có tinh thần trách nhiệm, tác phong làm việc khoa học, khách quan, cẩn trọng, chủ động thích ứng với môi trường hội nhập quốc tế và bảo đảm đạo đức nghề nghiệp trong quá trình học tập và công tác.	PI7.2/3	4

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4	x	x	
CLO5		x	x
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	**Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI ***		
	PLO 1	**PLO 10**	
	PI1.1	**PI10.1**	**PI10.2**
CLO1	I		
CLO2	I		
CLO3	I		
CLO4		M	
CLO5		M	
CLO6		R	R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Ví dụ						
Điểm chuyên cần, điểm kiển tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Điểm danh, theo dõi mức độ tham gia học tập. - Bài kiểm tra ngắn (trắc nghiệm/tự luận). - Thảo luận nhóm, thuyết trình. - Rubric đánh giá.	CLO1	20	Điểm chuyên cần; Rubric kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO1 → PLO1/PI1.1
			CLO5	40	Rubric thảo luận, thuyết trình	Điểm CLO5 → PLO5/PI1.1
			CLO6	40	Rubric thái độ học tập, tự học, làm việc nhóm	CLO6 → PLO10/PI10.1; PI10.2

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra tự luận. - Rubric chấm bài.	CLO1	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO1 → PLO1/PI1.1
			CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO2 → PLO1/PI1.1
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi trắc nghiệm khách quan. - Máy tính chấm.	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO1 → PLO1/PI1.1
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → PLO1/PI1.1
			CLO3	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO3 → PLO1/PI1.1
			CLO4	40	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO1/PI1.1

Ký hiệu CLO	**Nội dung CLO**	**Cần đo lường mức đạt CLO**	**Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI**	**Dữ liệu được lấy từ**
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**
CLO1	Làm rõ được khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, nguồn của Luật thương mại quốc tế; phân tích được các nguyên tắc cơ bản điều chỉnh quan hệ thương mại quốc tế và vai trò của Luật thương mại quốc tế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.	x	PI1.1	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO2	Phân tích được các quy định cơ bản của pháp luật và điều ước quốc tế về thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, sở	x	PI1.1	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ

	hữu trí tuệ và các hoạt động thương mại quốc tế khác; diễn giải được quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể trong quan hệ thương mại quốc tế.			
CLO3	Phân tích và vận dụng được các quy định cơ bản về hợp đồng thương mại quốc tế, thanh toán quốc tế, vận tải quốc tế, giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế; xác định được các căn cứ pháp lý và phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh trong hoạt động thương mại quốc tế.	x	PI1.1	Bài thi cuối kỳ
CLO4	Áp dụng kiến thức pháp luật thương mại quốc tế để nhận diện, phân tích và giải quyết các tình huống phát sinh trong hoạt động thương mại xuyên biên giới; phân tích được quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong quan hệ thương mại quốc tế.	x	PI1.1	Bài thi cuối kỳ
CLO5	Vận dụng tư duy pháp lý và kiến thức chuyên môn để tra cứu, phân tích và áp dụng điều ước quốc tế, pháp luật quốc gia và các tập quán thương mại quốc tế trong giải quyết các vấn đề pháp lý; thực hiện hiệu quả các hoạt động học tập, thảo luận, làm việc nhóm, thuyết trình và giải quyết tình huống pháp lý trong lĩnh vực thương mại quốc tế.	x	PI1.1	Thuyết trình, thảo luận nhóm; Bài tập vận dụng
CLO6	Thể hiện ý thức tự giác trong học tập, nghiên cứu và chủ động cập nhật kiến thức pháp luật, chính sách thương mại quốc tế; có ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật, điều ước quốc tế và các cam kết thương mại quốc tế; có tinh thần trách nhiệm, tác phong làm	x	PI10.1; PI10.2	Rubric đánh giá quá trình; Quan sát trên lớp; Đánh giá thảo luận nhóm, thuyết trình

	việc khoa học, khách quan, cẩn trọng, chủ động thích ứng với môi trường hội nhập quốc tế và bảo đảm đạo đức nghề nghiệp trong quá trình học tập và công tác.			

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thảo luận nhóm (CLO6 – PL10 / PI 10.1, PI10.2)

Tiêu chí đánh giá	**CLO**	**Trọng số**	**Giỏi (10 - 8.5)**	**Khá (8.4 - 7.0)**	**Trung bình (6.9 - 5.0) (Mức đạt CĐR)**	**Yếu (4.9 - 0.0)**
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	50%	Tham dự đầy đủ >90% số giờ học, đi học đúng giờ, chấp hành tốt kỷ luật phòng học và chuẩn bị bài chu đáo trước khi lên lớp.	Tham dự từ 80% đến 89% số giờ học, đi học đúng giờ, không vi phạm nghiêm trọng kỷ luật và nội quy học vụ.	Tham dự từ 70% đến 79% số giờ học, thỉnh thoảng còn đi muộn hoặc thiếu tập trung trong giờ học.	Tham dự dưới 70% số giờ học hoặc vi phạm nghiêm trọng kỷ luật học đường.
Ý thức tự học & thảo luận nhóm	CLO6	50%	Chủ động, tích cực nghiên cứu trước tài liệu; hợp tác nhóm xuất sắc, đóng góp ý kiến chất lượng cao, thuyết trình lưu loát.	Hoàn thành tốt nhiệm vụ tự học và làm bài tập nhóm được giao, hợp tác nhóm tương đối hiệu quả.	Tham gia tự học và thảo luận nhóm còn thụ động, chỉ thực hiện khi được giảng viên yêu cầu.	Không chuẩn bị bài tự học, thờ ơ, không hợp tác nhóm hoặc không hoàn thành bài tập tự học.

2. ***Rubric bài kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần***

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Nội dung chính 1:	CLO1	20%	Trình bày đầy đủ, chính xác,	Trình bày cơ bản đầy đủ,	Nắm được những nội	Không nắm được hoặc

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Kiến thức cơ bản về pháp luật thương mại quốc tế và các thiết chế thương mại quốc tế			có hệ thống các khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc của thương mại quốc tế; nguồn của pháp luật thương mại quốc tế; các thiết chế và tổ chức thương mại quốc tế, đặc biệt là WTO; các nguyên tắc cơ bản điều chỉnh hoạt động thương mại quốc tế.	chính xác các khái niệm, nguyên tắc và quy định cơ bản của pháp luật thương mại quốc tế; còn một số thiếu sót hoặc sai sót nhỏ.	dung cơ bản nhưng còn thiếu hoặc nhầm lẫn một số khái niệm, nguyên tắc, thiết chế và quy định của pháp luật thương mại quốc tế.	trình bày sai các nội dung cơ bản về pháp luật thương mại quốc tế, các nguyên tắc và thiết chế thương mại quốc tế.
Nội dung chính 2: Phân tích và áp dụng pháp luật thương mại quốc tế	CLO2CLO3	30%	Xác định chính xác vấn đề pháp lý; phân tích và áp dụng đầy đủ, chính xác các quy định của pháp luật thương mại quốc tế về thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, sở hữu trí tuệ, các biện pháp phòng vệ thương mại và các	Phân tích và áp dụng cơ bản đúng các quy định của pháp luật thương mại quốc tế; xác định được vấn đề pháp lý và căn cứ pháp luật; lập luận tương đối rõ ràng, còn một số hạn chế nhỏ.	Xác định được vấn đề pháp lý nhưng việc phân tích, áp dụng các quy định của pháp luật thương mại quốc tế còn hạn chế, chưa đầy đủ hoặc còn một số sai sót.	Không xác định được vấn đề pháp lý hoặc không áp dụng được các quy định pháp luật thương mại quốc tế để giải quyết vấn đề đặt ra.

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
			nguyên tắc của WTO; lập luận chặt chẽ, logic.			
Nội dung chính 3: Phân tích quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý của các chủ thể trong thương mại quốc tế	CLO4	20%	Phân tích đầy đủ, chính xác quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong quan hệ thương mại quốc tế; xác định đúng căn cứ phát sinh, thực hiện và chấm dứt quyền, nghĩa vụ; xác định chính xác trách nhiệm pháp lý và hậu quả pháp lý khi có hành vi vi phạm.	Phân tích và xác định cơ bản đúng quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý và hậu quả pháp lý của các chủ thể; còn một số sai sót nhỏ.	Xác định được quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý nhưng phân tích còn hạn chế, chưa đầy đủ hoặc chưa làm rõ được hậu quả pháp lý.	Không xác định hoặc xác định sai quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý và hậu quả pháp lý của các chủ thể trong quan hệ thương mại quốc tế.
Nội dung chính 4: Phân tích và giải quyết tình huống pháp luật thương mại quốc tế	CLO5	30%	Phân tích toàn diện, chính xác tình huống; xác định đúng quan hệ thương mại quốc tế, vấn đề pháp lý và căn cứ pháp luật; vận dụng phù hợp các quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật	Phân tích và giải quyết tình huống cơ bản phù hợp; xác định được vấn đề và căn cứ pháp luật; vận dụng tương đối đúng các quy định liên quan và đưa ra phương án giải quyết hợp lý nhưng còn một số	Có khả năng xác định và giải quyết tình huống nhưng phân tích chưa đầy đủ; việc xác định căn cứ pháp luật, áp dụng quy định hoặc đề xuất	Không phân tích được tình huống; xác định sai quan hệ hoặc vấn đề pháp lý, không vận dụng được quy định pháp luật hoặc đưa ra phương án giải quyết không phù hợp.

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
			quốc gia có liên quan; đề xuất phương án giải quyết phù hợp, có lập luận chặt chẽ và thuyết phục.	hạn chế nhỏ.	phương án giải quyết còn sai sót.	
Tổng điểm		100%				

12. Yêu cầu học phần

- Quy định chuyên cần: Sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá 20% số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- Nhiệm vụ học tập và tự học: Sinh viên phải chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo Luật thương mại quốc tế theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp; hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ tự học, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các chuyên đề tự học theo kế hoạch của học phần; tích cực phối hợp làm việc nhóm, chuẩn bị slide và thực hiện báo cáo, thuyết trình chuyên đề khi được phân công.

- Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật: Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động trao đổi, thảo luận và phản biện trong các hoạt động trên lớp; thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- Yêu cầu về vận dụng kiến thức: Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng những nội dung cốt lõi của Luật thương mại quốc tế vào việc rèn luyện đạo đức, lối sống, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, phản biện và các hoạt động kinh tế- chính trị - xã hội phù hợp.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[[1]- Trần Việt Dũng (chủ biên), *Giáo trình Luật thương mại quốc tế - phần I*, NXB Công an nhân dân.

[2]- Trần Việt Dũng (chủ biên) (2024), *Giáo trình Luật thương mại quốc tế - phần II*, NXB Công an nhân dân..

- Tài liệu tham khảo:

[1] - Phan Đức Hiếu (chủ biên) (2007), Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
1	CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ 1.1. Khái niệm giao dịch thương mại quốc tế và luật thương mại quốc tế 1.2. Chủ thể trong các giao dịch thương mại quốc tế 1.3. Nguồn luật thương mại quốc tế	04 (04LT, 0TH)	**Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, nêu vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, đóng vai, tình huống.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên phần 1.1, 1.2 chương 1, tài liệu [1]. + Đọc tài liệu [2] + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện - Bài tập thực hành	CLO1 CLO4
2	CHƯƠNG 2. CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA WTO 2.1. Nguyên tắc đối xử tối huệ quốc (MFN) 2.2. Nguyên tắc đối xử quốc gia (NT) 2.3. Nguyên tắc mở cửa thị trường (MA) 2.4. Nguyên tắc thương mại công bằng (FT) 2.1. 2.5. Nguyên tắc minh bạch 2.6. Nguyên tắc ưu đãi hơn cho các	08 (05LT, 03TH)	**Thuyết trình, trực quan, sử dụng tình huống, dạy học dựa trên vấn đề, đóng vai, tình huống.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Trực quan tình huống	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	nước đang phát triển		trong quan hệ pháp luật. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và chương 2, tài liệu [2]. + Đọc tài liệu [2] + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn cuộc sống - Bài tập thực hành	
3	CHƯƠNG 3. CÁC HIỆP ĐỊNH CỦA WTO 3.1. Thương mại hàng hoá và các hiệp định của WTO 3.2. Thương mại dịch vụ và GATS 3.3. Quyền sở hữu trí tuệ và Hiệp định TRIPs	06 (04LT, 02TH)	**Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, phương pháp động não, dạy học dựa trên vấn đề, đóng vai, trải nghiệm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung bài học tài liệu [1] + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Ôn tập kiểm tra giữa học phần	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			- Bài tập thực hành	
4	CHƯƠNG 4. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG KHUÔN KHỔ WTO 4.1. Tổng quan về lịch sử hình thành hệ thống giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO 4.2. Bản thỏa thuận về các qui tắc và thủ tục giải quyết tranh chấp (DSU) 4.3. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia vào việc giải quyết tranh chấp tại WTO 4.4. Các bên tranh chấp và bên thứ ba 4.5. Các nguyên tắc giải quyết tranh chấp của WTO 4.6. Các phương thức giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO 4.7. Các căn cứ khiếu kiện 4.8. Thủ tục giải quyết tranh chấp tại WTO 4.9. Việt Nam và các thành viên đang phát triển với cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO	08 (05LT, 03TH)	**Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, dạy học dựa trên vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, đóng vai, tình huống** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước nội dung bài học phần 4.1, 4.2 Chương 4 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. - Bài tập thực hành	CĐR 2.1; CĐR 2.2; CĐR 3.1
5	CHƯƠNG 5. PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ 5.1. Khái quát về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế và pháp luật hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế 5.2. Công ước Viên năm 1980 của Liên hợp quốc về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế 5.3. Các điều kiện cơ sở giao hàng trong mua bán hàng hoá quốc tế - Incoterms® 2020 5.4. Bộ nguyên tắc về hợp đồng thương mại quốc tế của UNIDROIT	06 (04LT, 01TH, 01KT)	**Thuyết trình, nêu vấn đề, trực quan, sử dụng tình huống, đóng vai.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Trực quan tình huống về chế độ pháp lý sử dụng đất. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	- PICC 2016 5.5. Pháp luật Việt Nam về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế		**- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1] + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề - Bài tập thực hành	
6	CHƯƠNG 6. THANH TOÁN QUỐC TẾ 6.1. Chứng từ trong thanh toán quốc tế 6.2. Các phương thức thanh toán quốc tế cơ bản 6.3. Pháp luật về thanh toán quốc tế	06 (04LT, 02TH)	**Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, thảo luận nhóm, đóng vai, tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Trực quan tình huống trong phân xử lý đất đai. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Phân tích, lấy ví dụ về làm rõ các nội dung. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [2] + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay. + Lấy ví dụ về các vụ án xử lý vi phạm pháp luật đất đai hiện nay ở nước ta. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề - Bài tập thực hành	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6
7	CHƯƠNG 7. CÁC PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ GIỮA CÁC THƯƠNG NHÂN 7.1. Thương lượng	07 (04LT, 2TH, 01 KT)	**Thuyết trình, nêu vấn đề, trực quan, sử dụng tình huống, đóng vai.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	7.2. Hoà giải, trung gian 7.3. Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng toà án 7.4. Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng trọng tài		+ Nêu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Trực quan tình huống về chế độ pháp lý sử dụng đất. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1] + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề - Bài tập thực hành	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Luật

1. Tên học phần: Công pháp quốc tế/ Public international law
2. Mã học phần: LUAT 018
3. Số tín chỉ: 2 (2,0)
4. Trình độ cho sinh viên: Sinh viên năm thứ hai
5. Phân bổ thời gian
- Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành
- Giờ học tập định mức của người học: 100 giờ (bao gồm 30 giờ dự giờ giảng trên lớp, 60 giờ tự học có hướng dẫn, nghiên cứu, 10 giờ chuẩn bị và tham gia dự kiểm tra, đánh giá định kỳ - quy chuẩn 50 giờ học tập/1 tín chỉ).

6. Điều kiện tiên quyết/Điều kiện học trước: Lý luận chung về nhà nước và pháp luật, Luật Hiến pháp.

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Vinh Diện	0912.341.915	dien_nv@saodo.edu.vn
2	TS. Nguyễn Phương Lan	0912.316.648	phuonglan62@yahoo.com.vn
3	TS. Nguyễn Thái Mai	0912.376.293	mailuatquocte@yahoo.com.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần công pháp quốc tế cung cấp cho sinh viên các nội dung cơ bản về: lịch sử phát triển và nguồn của luật quốc tế; các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế; chủ thể của luật quốc tế; luật điều ước quốc tế; dân cư trong luật quốc tế; lãnh thổ trong luật quốc tế; luật ngoại giao và lãnh sự; giải quyết hoà bình các tranh chấp quốc tế; các cơ quan tài phán uốc tế; trách nhiệm pháp lý quốc tế.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về cơ sở lý luận, quá trình hình thành và phát triển, nguồn, nguyên tắc và các chế định cơ bản của Công pháp quốc tế; giúp sinh viên hiểu và phân tích được địa vị pháp lý của các chủ thể luật quốc tế, pháp luật về điều ước quốc tế, quốc tịch và dân cư, lãnh thổ và biên giới quốc gia, luật biển quốc tế, luật ngoại giao và lãnh sự, giải quyết hòa bình các tranh chấp quốc tế, các cơ quan tài phán quốc tế và trách nhiệm pháp lý quốc tế. Qua đó, hình thành và phát triển cho sinh viên năng lực tư duy pháp lý, kỹ năng phân tích, đánh giá và vận dụng các quy định, nguyên tắc của luật quốc tế để nhận diện, giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong quan hệ quốc tế; nâng cao khả năng lập luận, phản biện, trình bày và đề xuất

giải pháp pháp lý đối với các tình huống thực tiễn.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng, có tính hệ thống về Công pháp quốc tế, bao gồm khái niệm, đặc điểm, quá trình hình thành và phát triển, nguồn và các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế; chủ thể của luật quốc tế; pháp luật về điều ước quốc tế; dân cư, quốc tịch và chế độ pháp lý đối với người nước ngoài; lãnh thổ, biên giới quốc gia và luật biển quốc tế; luật ngoại giao và lãnh sự; giải quyết hòa bình các tranh chấp quốc tế; các cơ quan tài phán quốc tế và trách nhiệm pháp lý quốc tế. Qua đó, giúp sinh viên hiểu được vai trò, giá trị và ý nghĩa của Công pháp quốc tế trong điều chỉnh các quan hệ quốc tế và trong quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam.

- CO2 (Kỹ năng): Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng kiến thức và các quy định của Công pháp quốc tế để nhận diện, phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề, tình huống pháp lý phát sinh trong quan hệ quốc tế; phát triển kỹ năng tư duy pháp lý, tư duy phản biện, tra cứu và xử lý các nguồn pháp luật quốc tế, lập luận và đề xuất giải pháp pháp lý; đồng thời phát triển kỹ năng thảo luận, làm việc nhóm, trình bày và bảo vệ quan điểm bằng lời nói hoặc văn bản, gắn kiến thức Công pháp quốc tế với thực tiễn nghề nghiệp pháp luật.

- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Tạo cơ hội và môi trường cho sinh viên phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và cập nhật kiến thức pháp luật quốc tế; hình thành ý thức tôn trọng, tuân thủ và bảo vệ các nguyên tắc, quy phạm của pháp luật quốc tế; nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính trung thực, khách quan và chuyên nghiệp trong học tập, nghiên cứu và hành nghề luật; có khả năng làm việc độc lập, phối hợp làm việc nhóm, chủ động thích ứng với những thay đổi của pháp luật và quan hệ quốc tế, đồng thời có ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	**Mô tả CLO**	**PIs**	**Mức độ của PIs theo thang đo Bloom**
	Kiến thức		
CLO1	Trình bày được những vấn đề cơ bản của Công pháp quốc tế, bao gồm khái niệm, đặc điểm, quá trình hình thành và phát triển, nguồn của luật quốc tế; mối quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia.	PI2.2/2	3
CLO2	Áp dụng được các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế; địa vị pháp lý của quốc gia và các chủ thể khác của luật quốc tế; các vấn đề về công nhận quốc tế và kế thừa quốc gia.	PI3.2/2	4
CLO3	Phân tích được các quy định cơ bản của pháp luật quốc tế về điều ước quốc tế, dân cư và quốc tịch, lãnh thổ và biên giới quốc gia, luật biển quốc tế, luật ngoại giao và lãnh sự, giải quyết hòa bình tranh chấp quốc tế, cơ quan tài phán quốc tế và trách nhiệm pháp lý quốc tế.	PI3.2/2	4

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kỹ năng		
CLO4	Vận dụng được các nguyên tắc và quy định của Công pháp quốc tế để phân tích, đánh giá và giải quyết các tình huống pháp lý phát sinh trong quan hệ quốc tế; xác định được vấn đề pháp lý, căn cứ pháp lý và hướng giải quyết phù hợp.	PI4.2/2	3
CLO5	Vận dụng được các nguồn của Công pháp quốc tế để xây dựng lập luận, phản biện và đề xuất giải pháp pháp lý; trình bày được quan điểm bằng lời nói hoặc văn bản, đồng thời thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ cá nhân và làm việc nhóm trong học tập và nghiên cứu pháp luật quốc tế.	PI4.2/2	3
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Thể hiện ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật quốc tế; chủ động tự học, tự nghiên cứu và cập nhật các vấn đề pháp lý quốc tế; có tinh thần trách nhiệm, thái độ khách quan, trung thực và chuyên nghiệp trong học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề pháp lý quốc tế.	PI2.2/2	4

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4	x	x	
CLO5		x	x
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

	PLO và chỉ số PI *		
	PLO 2	**PLO 3**	**PLO 4**
	PI2.2/2	PI3.2/2	PI4.2/2
CLO1	R		
CLO2		R	
CLO3		R	
CLO4			R
CLO5			R
CLO6	R		

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Ví dụ						
Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Điểm danh, theo dõi mức độ tham gia học tập. - Bài kiểm tra ngắn (trắc nghiệm/tự luận). - Thảo luận nhóm, thuyết trình. - Rubric đánh giá.	CLO1	20	Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO1 → PLO2/ PI2.2/2
			CLO5	40	Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO5 → PLO4/ PI4.2/2
			CLO6	40	Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên	CLO6 → PLO2/ PI2.2/2
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra tự luận. - Rubric chấm bài.	CLO1	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	Điểm CLO1 → PLO2/ PI2.2/2
			CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	Điểm CLO2 → PLO3/PI3.2/ 2
Điểm thi	50%	- Bài thi tự luận	CLO1	20	Điểm bài	Điểm CLO1

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
cuối kỳ		- Rubric chấm bài .			thi cuối kỳ	→ PLO2/ PI2.2/2
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → PLO3/PI3.2/ 2
			CLO3	20	Điểm bài thi cuối kỳ	Điểm CLO3 → PLO3/PI3.2/ 2
			CLO4	40	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO4/ PI4.2/2

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				
		Rất tốt	**Tốt**	**Đạt yêu cầu**	**Không đạt**	**Điểm**
		10 – 8.5	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Mức độ tham dự theo thời khóa biểu	50	*Tham dự >85% buổi học*	*Tham dự 70-84% buổi học*	*Tham dự 50-69% buổi học*	*Tham dự <50% buổi học*	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50%	Chủ động chuẩn bị bài, tích cực phát biểu, thảo luận, giải quyết tình huống và làm việc nhóm	Tham gia đầy đủ các hoạt động học tập, có trao đổi ý kiến	Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn thụ động	Không tham gia hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao	

2. Rubric kiểm tra tự luận và thi tự luận.

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Kiến thức cơ bản về công pháp quốc tế	CLO1, CLO2	**20%**	Trình bày đầy đủ, chính xác, có hệ thống.	Trình bày cơ bản đầy đủ, chính xác, còn một số hạn chế nhỏ.	Trình bày được một số kiến thức cơ bản nhưng còn thiếu nội dung, còn nhầm lẫn.	Không nắm được hoặc trình bày sai các kiến thức cơ bản

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Vận dụng các nguyên tắc và chuẩn mực của công pháp quốc tế trong hoạt động pháp lý	CLO2, CLO3	**20%**	Vận dụng chính xác, linh hoạt các nguyên tắc và chuẩn mực của công pháp quốc tế trong hoạt động pháp lý.	Vận dụng cơ bản đúng các nguyên tắc của công pháp quốc tế; còn một số hạn chế nhỏ.	Vận dụng được một số nguyên tắc của công pháp quốc tế nhưng còn lúng túng, thiếu căn cứ trong một số tình huống.	Không xác định hoặc không vận dụng được các nguyên tắc của công pháp quốc tế vào tình huống thực tế.
Phân tích và đánh giá các tình huống giải quyết các tranh chấp quốc tế theo công pháp quốc tế	CLO4	**20%**	Phân tích đầy đủ, sâu sắc và logic tình huống.	Phân tích, đánh giá cơ bản đúng, có sai sót nhỏ.	Nhận diện được vấn đề tranh chấp quốc tế nhưng phân tích còn hạn chế, bỏ sót một số yếu tố hoặc đưa ra nhận định chưa đầy đủ.	Không xác định được các tranh chấp quốc tế hoặc đưa ra nhận định, đánh giá không phù hợp với tình huống.
Thực hiện kỹ năng ứng xử, giao tiếp và giải quyết vấn đề phù hợp với công pháp quốc tế	CLO4, CLO5	**30%**	Thể hiện rõ ràng, chuyên nghiệp, có trách nhiệm trong giao tiếp và ứng xử; giải quyết tình huống phù hợp.	Thực hiện cơ bản phù hợp với yêu cầu công pháp quốc tế trong giao tiếp và ứng xử, còn một số hạn chế.	Có khả năng xử lý tình huống ở mức cơ bản nhưng còn lúng túng, giao tiếp hoặc ứng xử chưa thật phù hợp trong một số trường hợp.	Không thực hiện được yêu cầu về ứng xử, giao tiếp hoặc giải quyết vấn đề theo công pháp quốc tế.
Ý thức trách nhiệm, liêm chính, tuân thủ nguyên tắc của công pháp quốc tế	CLO6	**10%**	Thể hiện rõ và nhất quán tinh thần trách nhiệm, liêm chính, khách quan, tôn	Thể hiện cơ bản đúng yêu cầu về trách nhiệm, liêm chính và tuân thủ	Nhận thức được yêu cầu về trách nhiệm trong công pháp quốc tế nhưng	Không thể hiện được yêu cầu về trách nhiệm, liêm chính, tuân thủ các nguyên tắc trong công

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
			trọng sự thật, bảo vệ uy tín nghề	nguyên tắc công pháp quốc tế còn một số hạn chế nhỏ.	chưa thể hiện đầy đủ hoặc chưa nhất quán trong ứng xử.	pháp quốc tế
Tổng điểm		**100%**				

12. Yêu cầu học phần

- **Quy định chuyên cần:** Sinh viên phải tham dự tối thiểu **80%** tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá **20%** số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- **Nhiệm vụ học tập và tự học:** Sinh viên phải chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo về pháp luật Công pháp quốc tế theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp; hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ tự học, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các chuyên đề tự học theo kế hoạch của học phần; tích cực phối hợp làm việc nhóm, chuẩn bị slide và thực hiện báo cáo, thuyết trình chuyên đề khi được phân công.

- **Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật:** Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động trao đổi, thảo luận và phản biện trong các hoạt động trên lớp; thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức:** Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng những nội dung cốt lõi của học phần Công pháp quốc tế vào việc rèn luyện đạo đức, lối sống, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, phản biện và các hoạt động chính trị - xã hội phù hợp.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Trần Thị Thùy Dương, Nguyễn Thị Yên (2026), *GT công pháp quốc tế Quyển 1*, NXB Công An Nhân dân

[2] - Trần Thị Thùy Dương, Trần Thăng Long (2026), *GT công pháp quốc tế Quyển 2*, NXB Công An Nhân dân

- Tài liệu tham khảo:

[3]. Nguyễn Bá Diến (2014), *Giáo trình Công pháp quốc tế*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
1.	**Chương 1: Lý luận chung về Luật quốc tế**	02 LT	**Thuyết trình; Dạy học**	CLO1

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên đạt được các yêu cầu cơ bản sau: nêu được khái niệm, lịch sử hình thành của luật quốc tế, nguồn gốc của Luật quốc tế và mối quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia. **Nội dung cụ thể:** **1.1. Khái niệm** 1.1.1. Định nghĩa 1.1.2. Các đặc trưng cơ bản 1.1.3. Quy phạm luật quốc tế **1.2. Lịch sử phát triển của luật quốc tế** 1.2.1. Luật quốc tế cổ đại 1.2.2. Luật quốc tế trung đại 1.2.3. Luật quốc tế cận đại 1.2.4. Luật quốc tế hiện đại **1.3. Mối quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia** 1.3.1. Cấu trúc hệ thống luật quốc tế 1.3.2. Mối quan hệ biện chứng giữa luật quốc tế và luật quốc gia **1.4. Nguồn của Luật quốc tế** 1.4.1. Khái niệm 1.4.2. Điều ước quốc tế 1.4.3. Tập quán quốc tế 1.4.4. Các nguyên tắc pháp luật chung 1.4.5. Phán quyết của Tòa án công lý quốc tế Liên Hợp Quốc 1.4.6. Nghị quyết của tổ chức quốc tế liên chính phủ 1.4.7. Hành vi pháp lý đơn phương của quốc gia 1.4.8. Các học thuyết về luật quốc tế 1.4.9. Vấn đề pháp điển hóa luật quốc tế		**dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, bài tập thảo luận cho các nhóm. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu [1]. + Đọc tham khảo tài liệu [2], [3]. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm.	CLO4
2.	**Chương 2. Chủ thể của luật quốc tê** **Mục tiêu chương:** Sau khi học xong chương này, sinh viên đạt được các yêu cầu cơ bản sau: hiểu được khái niệm, quốc gia - chủ thể cơ bản	02 LT	**Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái	CLO1 CLO4

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	của Luật quốc tế, các chủ thể khác của Luật quốc tế, sự công nhận quốc tế và kế thừa trong Luật quốc tế. **Nội dung cụ thể:** 2.1. Khái niệm chủ thể của luật quốc tế 2.2. Quốc gia – chủ thể cơ bản của luật quốc tế 2.3. Các dân tộc đang đấu tranh giành quyền dân tộc tự quyết 2.4. Tổ chức quốc tế liên chính phủ		niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, bài tập thảo luận cho các nhóm. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu [1]. + Đọc tham khảo tài liệu [2], [3]. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm.	
3.	**Chương 3. Lãnh thổ và biên giới quốc gia** **Mục tiêu chương:** Sau khi học xong chương này, sinh viên đạt được các yêu cầu cơ bản sau: Hiểu được khái niệm lãnh thổ, lãnh thổ quốc gia trong quốc tế, chủ quyền quốc gia đối với lãnh thổ, quy chế pháp lý biên giới quốc gia. **Nội dung cụ thể:** 3.1. Những vấn đề pháp lý cơ bản về lãnh thổ quốc gia 3.2. Những vấn đề pháp lý cơ bản về biên giới quốc gia	02 LT	**Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, bài tập thảo luận cho các nhóm. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu [1]. + Đọc tham khảo tài liệu [2], [3]. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm.	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6
4.	**Chương 4. Luật biển quốc tế**	03 LT	**Thuyết giảng; Thảo**	CLO2

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên đạt được các yêu cầu cơ bản sau: Trình bày được khái niệm luật biển quốc tế, các nguyên tắc của luật biển quốc tế, các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia, biển quốc tế và đáy đại dương. **Nội dung cụ thể:** 4.1. Khái quát về luật biển quốc tế 4.2. Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia 4.3. Các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia 4.4. Biển quốc tế và đáy đại dương.		**luận; Tranh biện; Tình huống; Làm việc nhóm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Trực quan tình huống trong quan hệ pháp luật. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2]. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn cuộc sống.	CLO4 CLO5 CLO6
5.	**Chương 5. Dân cư trong luật quốc tế** **Mục tiêu chương:** Sau khi học xong chương này, sinh viên đạt được các yêu cầu cơ bản sau: Trình bày và vận dụng được các quy định của pháp luật quốc tế về quốc tịch, chế độ pháp lý người nước ngoài, vấn đề bảo hộ công dân. **Nội dung cụ thể:** **5.1. Các vấn đề pháp lý quốc tế về quốc tịch** 5.1.1. Khái niệm dân cư 5.1.2. Quốc tịch của cá nhân 5.1.3. Những trường hợp ngoại lệ về quốc tịch cá nhân 5.1.4. Pháp luật Việt Nam về quốc tịch **5.2. Chế độ pháp lý người nước ngoài**	03 LT	**Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, bài tập thảo luận cho các nhóm. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu [1]. + Đọc tham khảo tài liệu	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	5.2.1. Cơ sở pháp lý 5.2.2. Các chế độ pháp lý chủ yếu dành cho người nước ngoài 5.2.3. Chế độ đãi ngộ đặc biệt dành cho người nước ngoài 5.2.4. Cư trú chính trị **5.3. Vấn đề bảo hộ công dân** 5.3.1. Khái niệm 5.3.2. Thẩm quyền bảo hộ công dân 5.3.3. Các biện pháp bảo hộ công dân		[2], [3]. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm.	
6.	**Chương 6. Luật quốc tế về quyền con người** **Mục tiêu chương:** Sau khi học xong chương này, sinh viên đạt được các yêu cầu cơ bản sau: Khái niệm quyền con người và luật quốc tế về quyền con người, mối quan hệ giữa luật quốc tế về quyền con người và luật nhân đạo quốc tế, các quyền con người cơ bản theo luật quốc tế, cơ chế bảo vệ và thúc đẩy quyền con người. **Nội dung cụ thể:** 6.1. Khái niệm quyền con người và luật quốc tế về quyền con người 6.2. Mối quan hệ giữa luật quốc tế về quyền con người và luật nhân đạo quốc tế 6.3. Các quyền con người cơ bản theo luật quốc tế 6.4. Cơ chế bảo vệ và thúc đẩy quyền con người.	05 (04LT 01KT)	**Thuyết giảng; Thảo luận; Tranh biện; Tình huống; Làm việc nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, bài tập thảo luận cho các nhóm. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu [1]. + Đọc tham khảo tài liệu [2], [3]. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
7.	**Chương 7. Luật môi trường quốc tế** **Mục tiêu chương:** Sau khi học xong chương này, sinh viên đạt được các yêu cầu cơ bản sau: Khái niệm về môi trường quốc tế, bảo vệ môi trường biển, bảo vệ khí quyển, bảo vệ đa dạng	04 LT	**Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	sinh học. **Nội dung cụ thể:** **7.1. Khái quát về luật môi trường quốc tế** 7.1.1. Khái niệm luật môi trường quốc tế 7.1.2. Chủ thể của luật môi trường quốc tế 7.1.3. Nguồn của luật môi trường quốc tế 7.1.4. Một số nguyên tắc cơ bản của luật môi trường quốc tế **7.2. Một số lĩnh vực điều chỉnh cơ bản của luật môi trường quốc tế** 7.2.1. Bảo vệ môi trường biển 7.2.2. Bảo vệ khí quyển 7.2.3. Bảo vệ đa dạng sinh học		+ Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, bài tập thảo luận cho các nhóm. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu [1]. + Đọc tham khảo tài liệu [2], [3]. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm.	
8.	**Chương 8. Luật ngoại giao và lãnh sự** **Mục tiêu chương:** Sau khi học xong chương này, sinh viên đạt được các yêu cầu cơ bản sau: hiểu được các quy định của pháp luật quốc tế về cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, quyền ưu đãi và miễn trừ ngoại giao, lãnh sự, quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho tổ chức quốc tế và phái đoàn đại diện của quốc gia tại tổ chức quốc tế. **Nội dung cụ thể:** **8.1. Khái niệm** 8.1.1. Định nghĩa 8.1.2. Nguồn của luật ngoại giao và lãnh sự 8.1.3. Các nguyên tắc của luật ngoại giao và lãnh sự 8.1.4. Các cơ quan quan hệ đối ngoại của nhà nước **8.2. Cơ quan đại diện ngoại giao** 8.2.1. Khái niệm 8.2.2. Chức năng 8.2.3. Cấp, hàm, chức vụ ngoại giao 8.2.4. Khởi đầu và chấm dứt chức năng đại diện	03 LT	**Phương pháp thuyết giảng; trực quan; tình huống; nêu vấn đề; tranh biện; làm việc nhóm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung bài học tài liệu [2]; [3]. + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	ngoại giao 8.2.5. Cơ cấu tổ chức và thành viên 8.2.6. Đoàn ngoại giao **8.3. Cơ quan lãnh sự** 8.3.1. Thiết lập quan hệ lãnh sự và cơ quan lãnh sự 8.3.2. Cơ cấu tổ chức 8.3.3. Chức năng của cơ quan lãnh sự 8.3.4. Lãnh sự danh dự **8.4. Quyền ưu đãi và miễn trừ ngoại giao, lãnh sự** 8.4.1. Quyền ưu đãi và miễn trừ ngoại giao 8.4.2. Quyền ưu đãi và miễn trừ lãnh sự **8.5. Quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho tổ chức quốc tế và phái đoàn đại diện của quốc gia tại tổ chức quốc tế.** 8.5.1. Quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho tổ chức quốc tế liên chính phủ và thành viên của tổ chức 8.5.2. Phái đoàn đại diện thường trực của quốc gia tại tổ chức quốc tế 8.5.3. Quy chế pháp lý của phái đoàn quốc gia tại các cơ quan hoặc hội nghị của tổ chức quốc tế		+ Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	
9.	**Chương 9. Giải quyết hoà bình các tranh chấp quốc tế** **Mục tiêu chương:** Sau khi học xong chương này, sinh viên đạt được các yêu cầu cơ bản sau: phân tích được khái niệm tranh chấp quốc tế và các phương thức hòa bình để giải quyết tranh chấp quốc tế. **Nội dung cụ thể:** **9.1. Khái niệm tranh chấp quốc tế** 9.1.1. Định nghĩa 9.1.2. Phân loại 9.1.3. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp quốc tế 9.1.4. Ý nghĩa của việc giải quyết tranh chấp **9.2. Các phương thức hòa bình để giải quyết**	02 LT	**Thuyết giảng; Thảo luận; Tranh biện; Tình huống; Làm việc nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, bài tập thảo luận cho các nhóm. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu [1].	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	tranh chấp quốc tế 9.2.1. Phương thức giải quyết trực tiếp 9.2.2. Phức thức thông qua bên thứ ba 9.2.3. Phương thức giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ các tổ chức quốc tế 9.2.4. Các đảm bảo cho việc giải quyết tranh chấp trong luật quốc tế		+ Đọc tham khảo tài liệu [2], [3]. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm.	
10.	**Chương 10. Các cơ quan tài phán quốc tế** **Mục tiêu chương:** Sau khi học xong chương này, sinh viên đạt được các yêu cầu cơ bản sau: Trình bày được các quy định của pháp luật quốc tế về các thiết chế Toà án quốc tế, các thiết chế Trọng tài quốc tế và cơ quan tài phán khác. **Nội dung cụ thể:** **10.1. Khái niệm** 10.1.1. Định nghĩa 10.1.2. Phân loại **10.2. Các thiết chế Toà án quốc tế** 10.2.1. Tòa án công lý quốc tế của Liên hợp quốc 10.2.2. Tòa án Liên minh châu Âu 10.2.3. Tòa án Luật biển **10.3. Các thiết chế Trọng tài quốc tế** 10.3.1. Khái niệm 10.3.2. Phân loại 10.3.3. Giá trị pháp lý của phán quyết trọng tài 10.3.4. Tòa trọng tài thường trực Lahaye 10.3.5. Tòa trọng tài quốc tế về Luật biển **10.4. Cơ quan tài phán quốc tế khác** 10.4.1. Thiết chế tài phán của Tổ chức thương mại thế giới 10.4.2. Thiết chế tài phán của ASEAN	02 LT	**Phương pháp thuyết giảng; trực quan; tình huống; nêu vấn đề; tranh biện; làm việc nhóm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung bài học tài liệu [1]; [2]; [3] + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
11.	**Chương 11. Trách nhiệm pháp lý quốc tế** **Mục tiêu chương:** Sau khi học xong chương này, sinh viên đạt được các yêu cầu cơ bản sau: hiểu rõ về vi phạm pháp luật quốc tế, trách	02 LT	**Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	nhiệm pháp lý quốc tế do vi phạm pháp luật quốc tế, trách nhiệm vật chất đối với thiệt hại gây ra bởi hành vi Luật quốc tế không cấm và trách nhiệm pháp lý. **Nội dung cụ thể:** **11.1. Khái niệm** 11.1.1. Định nghĩa 11.1.2. Chủ thể quan hệ trách nhiệm pháp lý quốc tế 11.1.3. Cơ sở của trách nhiệm pháp lý quốc tế **11.2. Vi phạm pháp luật quốc tế** 11.2.1. Định nghĩa 11.2.2. Phân loại vi phạm pháp luật quốc tế **11.3. Trách nhiệm pháp lý quốc tế do vi phạm pháp luật quốc tế** 11.3.1. Cơ sở xác định và miễn trách nhiệm pháp lý quốc tế 11.3.2. Trách nhiệm phi vật chất và các hình thức tương ứng 11.3.3. Thể loại vật chất và các hình thức tương ứng **11.4. Trách nhiệm vật chất đối với thiệt hại gây ra bởi hành vi Luật quốc tế không cấm** 11.4.1. Nguồn luật điều chỉnh 11.4.2. Căn cứ xác định trách nhiệm vật chất đối với thiệt hại gây ra bởi hành vi luật quốc tế không cấm (trách nhiệm khách quan) 11.4.3. Thực hiện trách nhiệm vật chất đối với thiệt hại gây ra do hành vi mà luật quốc tế không cấm của quốc gia **11.5. Trách nhiệm pháp lý quốc tế của tổ chức quốc tế** 11.5.1. Cơ sở xác định trách nhiệm của tổ chức quốc tế 11.5.2. Thực hiện trách nhiệm pháp lý quốc tế của tổ chức quốc tế		niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, bài tập thảo luận cho các nhóm. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu [1]. + Đọc tham khảo tài liệu [2], [3]. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm.	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Luật

1. Tên học phần: Pháp luật cộng đồng ASEAN
2. Mã học phần: LUAT 027
3. Số tín chỉ: 3 (2,1)
4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ tư
5. Phân bổ thời gian
- Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết, 15 giờ thực hành
- Giờ học tập định mức của người học: 150 giờ (bao gồm 30 giờ dự giờ giảng trên lớp, 60 giờ tự học có hướng dẫn, nghiên cứu, 10 giờ chuẩn bị và tham gia dự kiểm tra, đánh giá định kỳ - quy chuẩn 50 giờ học tập/1 tín chỉ).

6. Điều kiện tiên quyết/Điều kiện học trước:
7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thái Mai	0912.376.293	mailuatquocte@yahoo.com.vn
2	Ths. Phan Văn Huân	0904.395.479	huan_pv@yahoo.com.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Pháp luật cộng đồng ASEAN là môn học cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và các kiến thức pháp lí chuyên ngành về ASEAN, Cộng đồng ASEAN và pháp luật Cộng đồng ASEAN. Học phần gồm 6 nhóm vấn đề chính: 1) Tổng quan về ASEAN, Cộng đồng ASEAN và Pháp luật Cộng đồng ASEAN; 2) Khu vực thương mại tự do ASEAN; 3) Tự do hoá thương mại dịch vụ ASEAN; 4) Khu vực đầu tư ASEAN; 5) Pháp luật Cộng đồng ASEAN về phòng chống tội phạm xuyên quốc gia; 6) Cơ chế giải quyết tranh chấp của ASEAN. Thông qua những vấn đề này, môn học không chỉ cung cấp cho sinh viên những kiến thức lí luận cơ bản về pháp luật Cộng đồng ASEAN mà còn trang bị cho người học những kiến thức pháp lí cụ thể và quan trọng về: hợp tác phòng chống tội phạm xuyên quốc gia; Khu vực thương mại tự do ASEAN, Khu vực đầu tư ASEAN, tự do hoá thương mại dịch vụ, tự do di chuyển lao động lành nghề, hợp tác ngoại khối; cơ chế giải quyết tranh chấp; thực tiễn thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam, vai trò của ASEAN trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo chủ quyền quốc gia và chủ trương, định hướng hội nhập ASEAN của Việt Nam.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần
10.1. Mục tiêu
a) Mục tiêu chung của học phần:

Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về quá trình hình thành, phát triển, cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động của ASEAN và Cộng đồng ASEAN; giúp sinh viên hiểu rõ cơ sở, đặc điểm, nguồn và nội dung cơ bản của pháp luật Cộng đồng ASEAN, đặc biệt trong các lĩnh vực thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, phòng chống tội phạm xuyên quốc gia, tương trợ tư pháp hình sự và cơ chế giải quyết tranh chấp của ASEAN. Qua đó, hình thành cho sinh viên năng lực nhận diện, phân tích, đánh giá các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình hợp tác và hội nhập khu

vực; phát triển kỹ năng nghiên cứu, thu thập, xử lý thông tin, lập luận, phản biện và vận dụng các quy định của pháp luật Cộng đồng ASEAN vào giải quyết các tình huống thực tiễn. Đồng thời, góp phần nâng cao nhận thức của sinh viên về vai trò, vị trí của ASEAN và Cộng đồng ASEAN đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm lợi ích và chủ quyền quốc gia; hình thành ý thức trách nhiệm, tinh thần chủ động hội nhập quốc tế và khả năng vận dụng kiến thức pháp luật trong quá trình học tập, công tác và thực tiễn nghề nghiệp pháp lý.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng, có tính hệ thống về quá trình hình thành, phát triển, cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động của ASEAN và Cộng đồng ASEAN; khái niệm, đặc điểm, nguồn và các nội dung cơ bản của pháp luật Cộng đồng ASEAN; đồng thời trang bị kiến thức pháp lý về khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA), tự do hóa thương mại dịch vụ, khu vực đầu tư ASEAN, phòng chống tội phạm xuyên quốc gia, tương trợ tư pháp hình sự và cơ chế giải quyết tranh chấp của ASEAN. Qua đó, giúp sinh viên nhận diện được vị trí, vai trò của pháp luật Cộng đồng ASEAN trong tiến trình liên kết, hợp tác và hội nhập khu vực.

- CO2 (Kỹ năng): Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tiếp cận, thu thập, phân tích và xử lý các nguồn thông tin, văn bản pháp lý liên quan đến ASEAN và pháp luật Cộng đồng ASEAN; phát triển kỹ năng tư duy pháp lý, tư duy phản biện, phân tích, bình luận và đánh giá các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình hợp tác ASEAN; đồng thời hình thành kỹ năng thảo luận, làm việc nhóm, thuyết trình, nghiên cứu và vận dụng các quy định của pháp luật Cộng đồng ASEAN để giải quyết các tình huống pháp lý và liên hệ với thực tiễn hội nhập quốc tế của Việt Nam.

- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Tạo cơ hội và môi trường cho sinh viên phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và chủ động cập nhật kiến thức về ASEAN, pháp luật Cộng đồng ASEAN và các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình hội nhập khu vực; hình thành ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật quốc tế, pháp luật Việt Nam và các cam kết quốc tế của Việt Nam; nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của Việt Nam với tư cách thành viên ASEAN, đồng thời phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức hợp tác, chủ động hội nhập quốc tế, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc và trách nhiệm nghề nghiệp trong học tập, công tác và thực tiễn nghề nghiệp pháp lý.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Trình bày được những vấn đề cơ bản về ASEAN, Cộng đồng ASEAN; phân tích được quá trình hình thành, phát triển, cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động và các nội dung cơ bản của Cộng đồng ASEAN.	PI2.2/2	3
CLO2	Phân tích được khái niệm, đặc điểm, nguồn và các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Cộng đồng ASEAN; diễn giải được	PI2.2/2	3

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	những nội dung pháp lý cơ bản về khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA), tự do hóa thương mại dịch vụ và khu vực đầu tư ASEAN.		
CLO3	Phân tích và diễn giải được các quy định cơ bản của pháp luật Cộng đồng ASEAN về phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia, tương trợ tư pháp hình sự và cơ chế giải quyết tranh chấp trong ASEAN.	PI3.2/2	4
	Kỹ năng		
CLO4	Áp dụng được các quy định và nguyên tắc của pháp luật Cộng đồng ASEAN để phân tích, giải quyết các tình huống pháp lý liên quan đến thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, phòng chống tội phạm xuyên quốc gia và giải quyết tranh chấp trong ASEAN.	PI3.2/2	4
CLO5	Phân tích, bình luận và đánh giá được các vấn đề pháp lý trong quá trình hợp tác, hội nhập ASEAN; thu thập, xử lý và sử dụng được các nguồn thông tin, văn bản pháp lý liên quan; trình bày được quan điểm, lập luận và đề xuất giải pháp đối với các vấn đề pháp lý thuộc lĩnh vực pháp luật Cộng đồng ASEAN.	PI4.1/3	5
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Thể hiện tinh thần chủ động, trách nhiệm trong tự học, tự nghiên cứu và làm việc độc lập hoặc theo nhóm; có ý thức tuân thủ pháp luật, tôn trọng các cam kết quốc tế của Việt Nam, nhận thức đúng vai trò của ASEAN và pháp luật Cộng đồng ASEAN đối với quá trình hội nhập quốc tế, bảo vệ lợi ích quốc gia và trách nhiệm nghề nghiệp pháp lý.	PI4.1/3	5

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4	x	x	
CLO5		x	x
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	**Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)** **PLO và chỉ số PI ***		
	PLO 2	**PLO 3**	**PLO 4**
	PI2.2/2	PI3.2/2	PI4.1/3
CLO1	R		
CLO2	R		
CLO3		R	
CLO4		R	
CLO5			M
CLO6			M

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Ví dụ						
Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Điểm danh, theo dõi mức độ tham gia học tập. - Bài kiểm tra ngắn (trắc nghiệm/tự luận). - Thảo luận nhóm, thuyết trình. - Rubric đánh giá.	CLO1	20	Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO1 → PLO2/ PI2.2/2
			CLO5	40	Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO5 → PLO4/ PI4.1/3
			CLO6	40	Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên	CLO6 → PLO4/ PI4.1/3
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra tự luận. - Rubric chấm	CLO1	50	Điểm bài kiểm tra giữa học	Điểm CLO1 → PLO2/ PI2.2/2

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
		bài.			phần	
			CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	Điểm CLO2 → PLO2/PI2.2/2
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi tự luận - Rubric chấm bài .	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	Điểm CLO1 → PLO2/ PI2.2/2
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	Điểm CLO2 → PLO2/ PI2.2/2
			CLO3	20	Điểm bài thi cuối kỳ	Điểm CLO3 → PLO3/PI3.2/2
			CLO4	40	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO3/PI3.2/2

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. *Rubric đánh giá chuyên cần*

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				
		Rất tốt	**Tốt**	**Đạt yêu cầu**	**Không đạt**	**Điểm**
		10 – 8.5	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Mức độ tham dự theo thời khóa biểu	50	*Tham dự >85% buổi học*	*Tham dự 70-84% buổi học*	*Tham dự 50-69% buổi học*	*Tham dự <50% buổi học*	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50%	Chủ động chuẩn bị bài, tích cực phát biểu, thảo luận, giải quyết tình huống và làm việc nhóm	Tham gia đầy đủ các hoạt động học tập, có trao đổi ý kiến	Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn thụ động	Không tham gia hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao	

2. Rubric kiểm tra tự luận và thi tự luận.

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Kiến thức cơ	CLO1,	**20%**	Trình bày	Trình bày	Trình bày	Không nắm

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
bản về Pháp luật Cộng đồng Asean trong hoạt động pháp luật	CLO2		đầy đủ, chính xác, có hệ thống.	cơ bản đầy đủ, chính xác, còn một số hạn chế nhỏ.	được một số kiến thức cơ bản nhưng còn thiếu nội dung, còn nhầm lẫn.	được hoặc trình bày sai các kiến thức cơ bản
Vận dụng các nguyên tắc và chuẩn mực Pháp luật Cộng đồng Asean trong hoạt động pháp lý	CLO2, CLO3	**20%**	Vận dụng chính xác, linh hoạt các nguyên tắc và chuẩn mực Pháp luật Cộng đồng Asean trong hoạt động pháp lý.	Vận dụng cơ bản đúng các nguyên tắc Pháp luật Cộng đồng Asean còn một số hạn chế nhỏ.	Vận dụng được một số nguyên tắc Pháp luật Cộng đồng Asean nhưng còn lúng túng, thiếu căn cứ trong một số tình huống.	Không xác định hoặc không vận dụng được các nguyên tắc Pháp luật Cộng đồng Asean vào tình huống thực tế.
Phân tích và đánh giá các tình huống pháp luật trong cộng đồng ASEAN	CLO4	**20%**	Phân tích đầy đủ, sâu sắc và logic tình huống.	Phân tích, đánh giá cơ bản đúng, có sai sót nhỏ.	Nhận diện được vấn đề đạo đức nhưng phân tích còn hạn chế, bỏ sót một số yếu tố hoặc đưa ra nhận định chưa đầy đủ.	Không xác định được vấn đề đạo đức hoặc đưa ra nhận định, đánh giá không phù hợp với tình huống.
Thực hiện kỹ năng ứng xử, giao tiếp và giải quyết vấn đề phù hợp với Pháp luật Cộng đồng ASEAN	CLO4, CLO5	**30%**	Thể hiện rõ ràng, chuyên nghiệp, có trách nhiệm trong giao tiếp và ứng xử; giải quyết tình	Thực hiện cơ bản phù hợp với yêu cầu đạo đức nghề nghiệp trong giao tiếp và ứng xử, còn	Có khả năng xử lý tình huống ở mức cơ bản nhưng còn lúng túng, giao tiếp hoặc ứng xử chưa thật	Không thực hiện được yêu cầu về ứng xử, giao tiếp hoặc giải quyết vấn đề theo nguyên tắc Pháp luật Cộng đồng ASEAN

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
			huống phù hợp.	một số hạn chế.	phù hợp trong một số trường hợp.	
Ý thức trách nhiệm, liêm chính, tuân thủ quy phạm pháp luật Cộng đồng ASEAN	CLO6	**10%**	Thể hiện rõ và nhất quán tinh thần trách nhiệm, liêm chính, khách quan, tôn trọng sự thật, bảo vệ uy tín nghề	Thể hiện cơ bản đúng yêu cầu về trách nhiệm, liêm chính và tuân thủ chuẩn mực đạo đức; còn một số hạn chế nhỏ.	Nhận thức được yêu cầu về trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp nhưng chưa thể hiện đầy đủ hoặc chưa nhất quán trong ứng xử.	Không thể hiện được yêu cầu về trách nhiệm, liêm chính, tuân thủ chuẩn mực, quy phạm pháp luật Cộng đồng ASEAN
Tổng điểm		**100%**				

12. Yêu cầu học phần

- **Quy định chuyên cần:** Sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá 20% số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- **Nhiệm vụ học tập và tự học:** Sinh viên phải chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo liên quan đến Pháp luật cộng đồng ASEAN theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp; hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ tự học, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các chuyên đề tự học theo kế hoạch của học phần; tích cực phối hợp làm việc nhóm, chuẩn bị slide và thực hiện báo cáo, thuyết trình chuyên đề khi được phân công.

- **Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật:** Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động trao đổi, thảo luận và phản biện trong các hoạt động trên lớp; thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức:** Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng những nội dung cốt lõi của học phần Pháp luật cộng đồng ASEAN vào việc rèn luyện đạo đức, lối sống, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, phản biện và các hoạt động chính trị - xã hội phù hợp.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1]. Nguyễn Thị Thuận, Lê Minh Tiến (2021), *Giáo trình pháp luật Cộng đồng ASEAN*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
1	CHƯƠNG 1. NHẬP MÔN PHÁP LUẬT CỘNG ĐỒNG ASEAN **Mục tiêu chương:** Cung cấp cái nhìn tổng quan và hệ thống về lịch sử hình thành, sự phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), mô hình Cộng đồng ASEAN, đồng thời định hình rõ nét khái niệm và vai trò của pháp luật Cộng đồng ASEAN trong tiến trình hợp tác khu vực. 1.1. Khái quát về Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á 1.2. Khái quát về cộng đồng ASEAN và khái niệm pháp luật cộng đồng ASEAN	07 (05LT, 02TH)	**Thuyết trình kết hợp với trực quan; Phương pháp tranh biện; dạy học dựa trên vấn đề** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 1 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	CLO1 CLO4
2	CHƯƠNG 2. LUẬT CỘNG ĐỒNG CHÍNH TRỊ - AN NINH ASEAN **Mục tiêu chương:** Trang bị kiến thức nền tảng về cấu trúc, mô hình liên kết của Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC), đồng thời phân tích sâu các cơ chế hợp tác thực tiễn về quốc phòng, diễn đàn khu vực và tương trợ tư pháp trong phòng chống tội phạm xuyên quốc gia. 2.1. Khái quát về cộng đồng chính trị-an ninh ASEAN 2.2. Mô hình liên kết 2.3 Diễn đàn khu vực ASEAN 2.4. Hợp tác quốc phòng 2.5.Tương trợ tư pháp hình sự và phòng chống tội phạm xuyên quốc gia	08 (05LT, 03TH)	**Giảng giải kết hợp với trực quan; đưa bài tập tình huống; Phương pháp đóng vai; tổ chức thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu các tình huống thực tiễn, hướng dẫn sinh viên giải quyết tình huống. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:**	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			+ Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 2 Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	
3	CHƯƠNG 3. LUẬT CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN **Mục tiêu chương:** Cung cấp kiến thức toàn diện về mô hình liên kết của Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), giúp người học hiểu rõ và phân tích được các cơ chế pháp lý điều chỉnh dòng dịch chuyển tự do về hàng hóa, dịch vụ và dòng vốn đầu tư trong khu vực. 3.1. Khái quát về Cộng đồng kinh tế ASEAN 3.2. Mô hình liên kết AEC 3.3. Tự do hóa thương mại hàng hóa 3.4. Tự do hóa thương mại dịch vụ 3.5. Khu vực đầu tư ASEAN	08 (05LT, 01TH 02KT)	**Thuyết trình; giảng giải; dạy học dựa trên vấn đề; Phương pháp tranh biện; tổ chức học theo nhóm kết hợp với trực quan.** **- Giảng viên:** + Phân tích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 3 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
4	Chương 4. LUẬT CỘNG ĐỒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI ASEAN **Mục tiêu chương:** Khái quát về cộng đồng văn hóa – xã hội ASEAN, mô hình liên kết ASCC. 4.1. Khái quát về cộng đồng văn hóa – xã hội	08 (05LT, 03TH)	**Thuyết trình kết hợp với trực quan, dạy học dựa trên vấn đề; Phương pháp tranh biện; tổ chức thảo luận nhóm** **- Giảng viên:**	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	ASEAN 4.2. Mô hình liên kết ASCC		+ Giảng giải các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 4 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	
5	CHƯƠNG 5. ĐIỀU CHỈNH PHÁP LÍ HỢP TÁC NGOẠI KHỐI CỦA ASEAN **Mục tiêu chương:** Cung cấp kiến thức hệ thống về cơ chế và khuôn khổ pháp lý điều chỉnh quan hệ đối ngoại của ASEAN, giúp người học phân tích được vai trò trung tâm, vị thế chiến lược và định hướng phát triển của khối trong các mối quan hệ hợp tác ngoại khối. 5.1. Khái quát 5.2. Cơ chế hợp tác ngoại khối của ASEAN 5.3. Khuôn khổ hợp tác ngoại khối của ASEAN 5.4. Vai trò và định hướng trong hợp tác ngoại khối của ASEAN	07 (05LT, 02TH)	**Thuyết trình; Phương pháp trải nghiệm thực tế; giảng giải kết hợp với trực quan; dạy học qua tình huống thực tế.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa, nội dung lý thuyết. + Nêu tình huống thực tế liên quan bài giảng. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 5 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			+ Sinh viên nghiên cứu, giải quyết tình huống thực tế của GV đưa ra. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	
6	Chương 6. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP CỦA ASEAN **Mục tiêu chương:** Giúp người học nắm vững và phân tích được các cơ chế pháp lý giải quyết tranh chấp của ASEAN trong hai lĩnh vực cốt lõi (chính trị - an ninh và kinh tế - thương mại), từ đó có khả năng đánh giá khách quan về hiệu quả và thực tiễn vận hành của các cơ chế này. 6.1. Khái quát 6.2. Cơ chế giải quyết tranh chấp chính trị - an ninh của ASEAN 6.3. Cơ chế giải quyết tranh chấp kinh tế - thương mại của ASEAN 6.4. Một số nhận xét, đánh giá về cơ chế và thực tiễn giải quyết tranh chấp của ASEAN	07 (05LT, 02TH)	**Giảng giải kết hợp với trực quan; Phương pháp đóng vai; Phương pháp trải nghiệm thực tế; dạy học dựa trên nêu vấn đề; tổ chức học theo nhóm.** **- Giảng viên:** + Phân tích các khái niệm, định nghĩa, nội dung cơ bản. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 6 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên. + SV làm bài kiểm tra giữa học phần	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6
7	Chương 7. QUAN HỆ VIỆT NAM – ASEAN **Mục tiêu chương:** Khái quát và đánh giá tiến trình phát triển của mối quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN qua		**Giảng giải kết hợp với trực quan; Phương pháp đóng vai; Phương pháp trải nghiệm thực tế; dạy**	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	các giai đoạn lịch sử từ năm 1967 đến nay, làm rõ các cơ hội, thách thức pháp lý - định chế và định hướng hội nhập toàn diện của Việt Nam trong bối cảnh mới. 7.1. Quan hệ Việt Nam – ASEAN giai đoạn 1967 – 1995 7.2. Quan hệ Việt Nam – ASEAN giai đoạn 1995 – 2003 7.3. Quan hệ Việt Nam – ASEAN giai đoạn 2003 đến nay 7.4. Cơ hội, thách thức và định hướng hội nhập ASEAN của Việt Nam		**học dựa trên nêu vấn đề; tổ chức học theo nhóm.** **- Giảng viên:** + Phân tích các khái niệm, định nghĩa, nội dung cơ bản. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 7 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Luật

1. Tên học phần (tiếng Việt/tiếng Anh): Tư pháp quốc tế / Private International Law
2. Mã học phần: LUAT 013
3. Số tín chỉ: 3 (2, 1)
4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ ba
5. Phân bổ thời gian:
- Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết, 30 giờ thực hành
- Giờ học tập định mức của người học: 150 giờ (50 giờ / 1 tín chỉ, bao gồm giờ giảng trên lớp, tự học, thảo luận, hướng dẫn và kiểm tra, đánh giá)

6. Điều kiện tiên quyết/Điều kiện học trước: không
7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Vinh Diện	0912.341.915	dien_nv@saodo.edu.vn
2	TS. Nguyễn Thái Mai	0912.376.293	mailuatquocte@yahoo.com.vn
3	ThS. Phan Văn Huân	0986.760.599	nvhuan.ls@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Tư pháp quốc tế cung cấp kiến thức cơ bản về xung đột pháp luật và giải quyết xung đột pháp luật trong các quan hệ dân sự theo nghĩa rộng có yếu tố nước ngoài; thẩm quyền, thủ tục giải quyết tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh thương mại, lao động có yếu tố nước ngoài; công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài và phán quyết của Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; xác định pháp luật áp dụng và các trường hợp từ chối áp dụng pháp luật nước ngoài, trên cơ sở bảo đảm quyền con người, bình đẳng giới, quyền lợi của phụ nữ và trẻ em, quyền tự do thỏa thuận và các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Học phần được thiết kế nhằm giúp sinh viên hiểu rõ bản chất, đặc điểm và nội dung cốt lõi của các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài, cơ chế xung đột pháp luật và phương thức giải quyết xung đột; trang bị hệ thống kiến thức về thẩm quyền tài phán dân sự quốc tế, tương trợ tư pháp, và trình tự công nhận thi hành các phán quyết nước ngoài; qua đó xây dựng tư duy logic pháp luật, đạo đức nghề nghiệp nghiêm túc và kỹ năng giải quyết các tranh chấp thực tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức chuyên ngành chuyên sâu về các nguyên tắc pháp lý, xung đột pháp luật và giải quyết xung đột pháp luật; thẩm quyền xét xử và thủ tục tố tụng giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, lao động, kinh doanh thương mại có yếu tố nước ngoài; các điều kiện, trình tự thủ tục và quy định pháp lý về tương trợ tư pháp, công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài và phán quyết của Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.

- CO2 (Kỹ năng): : Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích hồ sơ vụ việc thực tế, tra cứu quy phạm pháp luật trong nước và điều ước quốc tế; kỹ năng lựa chọn, áp dụng pháp luật nước ngoài; kỹ năng soạn thảo các văn bản pháp lý chuyên nghiệp (đơn khởi kiện, bản ý kiến pháp lý); kỹ năng đàm phán giải quyết tranh chấp dân sự quốc tế và thực hiện kỹ năng lập luận, phản biện bảo vệ quyền lợi khách hàng tại Tòa án hoặc Trọng tài thương mại quốc tế.

- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Hình thành cho người học ý thức thượng tôn pháp luật và tinh thần bảo vệ quyền con người; rèn luyện phong thái tự tin, trung thực khoa học, cam kết bảo mật thông tin và tuân thủ nghiêm ngặt đạo đức nghề nghiệp pháp lý; phát triển năng lực tự học, chủ động nghiên cứu độc lập và phối hợp làm việc nhóm hiệu quả, linh hoạt thích ứng trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	**Mô tả CLO**	**PIs**	**Mức độ của PIs theo thang đo Bloom**
	Kiến thức		
CLO1	Trình bày và phân tích được khái niệm, nguồn, phương pháp điều chỉnh của Tư pháp quốc tế; bản chất, nguyên nhân và cơ chế giải quyết xung đột pháp luật trong các quan hệ dân sự (theo nghĩa rộng) có yếu tố nước ngoài theo pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế.	PI 2.2	4
CLO2	Phân tích được các quy định pháp luật hiện hành về địa vị pháp lý của người nước ngoài, pháp nhân nước ngoài, quốc gia và tổ chức quốc tế; thẩm quyền xét xử dân sự quốc tế và thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân gia đình, lao động, kinh doanh thương mại có yếu tố nước ngoài tại Tòa án Việt Nam.	PI 2.2	4
CLO3	Giải thích và hệ thống hóa được các quy định, điều kiện và thủ tục tương trợ tư pháp dân sự; quy trình công nhận và cho thi hành (hoặc không công nhận) bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài và phán quyết của Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.	PI 3.2	3
	Kỹ năng		
CLO4	Vận dụng thành thạo các quy phạm xung đột, quy định pháp luật quốc gia, các điều ước quốc tế (song phương và đa phương) và tập quán quốc tế nhằm đề xuất các phương án pháp lý khả thi để xử lý các xung đột pháp luật, xung đột thẩm quyền phát sinh trong thực tế.	PI 2.2, PI 4.2	4
CLO5	Thực hiện thành thạo kỹ năng nghiên cứu, phân tích hồ sơ vụ việc có yếu tố nước ngoài, kỹ năng tra cứu luật, soạn thảo các văn bản pháp lý chuyên môn (đơn khởi	PI 3.2,	4

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	kiện, đơn yêu cầu, văn bản tư vấn) và kỹ năng lập luận, phản biện bảo vệ lợi ích hợp pháp của đương sự trước Tòa án hoặc cơ quan Trọng tài.		
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Chủ động xác định mục tiêu học tập cá nhân, nghiên cứu độc lập và tự bồi dưỡng chuyên môn; lập kế hoạch và dẫn dắt làm việc nhóm hiệu quả; thể hiện tinh thần trách nhiệm xã hội, bảo vệ công lý và tuân thủ nghiêm ngặt chuẩn mực đạo đức nghề luật, trung thực khoa học, trích dẫn học thuật đúng quy chuẩn.	PI 4.2	4

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4		x	
CLO5		x	
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *		
	PLO2	**PLO3**	**PLO4**
	PI2.2	**PI3.2**	**PI4.2**
CLO1	I		
CLO2	R		
CLO3	R		I
CLO4	M		
CLO5		M	
CLO6			R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Ví dụ						
Điểm đánh giá thường xuyên	20%	- Thời gian tham gia lớp học. - Thảo luận, tranh biện và làm việc nhóm. - Đóng vai, xử lý tình huống. - Trải nghiệm thực tiễn và báo cáo kết quả. - Rubric đánh giá quá trình.	CLO5	40	Điểm Rubric quá trình, bài tập, Điểm bài tập, tình huống	CLO5 → PLO3/PI 3.2
			CLO6	60	Điểm Rubric quá trình	CLO6 → PLO4/PI4.2
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra tự luận. - Rubric chấm bài.	CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO2 → PLO2/PI2.2
			CLO4	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO4 → PLO2/PI2.2
	50%	- Bài thi kết hợp lý thuyết và bài tập vận dụng về các tình huống xảy ra trong hôn nhân và gia đình .- Rubric chấm bài thi - Bài thi kết hợp lý thuyết và bài tập vận dụng về các tình huống xảy ra trong hôn nhân và gia đình .- Rubric chấm bài	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO1 → PLO2/PI2.2
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → PLO2/PI2.2
			CLO3	30	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO3 → PLO3/PI3.2 PI 4.2
			CLO4	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO2/PI2.2
			CLO5	10	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO5 →PLO3/PI 3.2

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
		thi				

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đo lường mức đạt CLO	Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI	Dữ liệu được lấy từ
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
CLO1	Trình bày được khái niệm, nguồn, phương pháp điều chỉnh của Tư pháp quốc tế; bản chất, nguyên nhân và cơ chế giải quyết xung đột pháp luật trong các quan hệ dân sự (theo nghĩa rộng) có yếu tố nước ngoài theo pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế.	x	PI 2.2	Bài thi cuối kỳ
CLO2	Giải thích được xung đột pháp luật, quy phạm xung đột pháp luật, áp dụng pháp luật nước ngoài, những vấn đề về hiệu lực của quy phạm xung đột	x	PI 2.2	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO3	Giải thích được chủ thể của tư pháp quốc tế bao gồm: Khái quát về chủ thể của tư pháp quốc tế. Người nước ngoài. Pháp nhân nước ngoài. Quốc gia và tổ chức quốc tế liên chính phủ	x	PI 3.2 PI 4.2	Bài thi cuối kỳ
CLO4	Áp dụng được tố tụng dân sự quốc tế: Xác định thẩm quyền xét xử dân sự quốc tế. Địa vị pháp lý của chủ thể nước ngoài trong tố tụng dân sự quốc tế. Vấn đề tương trợ tư pháp và ủy thác tư pháp.	x	PI 2.2	Bài kiểm tra giữa học phần Bài thi cuối kỳ
CLO5	Vận dụng được các nguồn của tư pháp quốc tế để xây dựng lập luận, phản biện và đề xuất giải pháp pháp lý; trình bày được quan điểm bằng lời nói hoặc văn bản, đồng	x	PI 3.2	Bài thi cuối kỳ Thuyết trình, thảo luận nhóm; Bài tập vận dụng

	thời thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ cá nhân và làm việc nhóm trong học tập và nghiên cứu pháp luật quốc tế.			
CLO6	Thể hiện ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật quốc tế; chủ động tự học, tự nghiên cứu và cập nhật các vấn đề pháp lý quốc tế; có tinh thần trách nhiệm, thái độ khách quan, trung thực và chuyên nghiệp trong học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề pháp lý quốc tế.	x	PI 9.1, PI 10.1	Rubric đánh giá quá trình; Quan sát trên lớp; Đánh giá thảo luận nhóm, thuyết trình

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thảo luận nhóm

Tiêu chí đánh giá	**CLO**	**Trọng số**	**Giỏi (10 - 8.5)**	**Khá (8.4 - 7.0)**	**Trung bình (6.9 - 5.0) (Mức đạt CĐR)**	**Yếu (4.9 - 0.0)**
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	50%	Tham dự đầy đủ >90% số giờ học, đi học đúng giờ, chấp hành tốt kỷ luật phòng học và chuẩn bị bài chu đáo trước khi lên lớp.	Tham dự từ 80% đến 89% số giờ học, đi học đúng giờ, không vi phạm nghiêm trọng kỷ luật và nội quy học vụ.	Tham dự từ 70% đến 79% số giờ học, thỉnh thoảng còn đi muộn hoặc thiếu tập trung trong giờ học.	Tham dự dưới 70% số giờ học hoặc vi phạm nghiêm trọng kỷ luật học đường.
Ý thức tự học & thảo luận nhóm	CLO6	50%	Chủ động, tích cực nghiên cứu trước tài liệu; hợp tác nhóm xuất sắc, đóng góp ý kiến chất lượng cao, thuyết trình lưu	Hoàn thành tốt nhiệm vụ tự học và làm bài tập nhóm được giao, hợp tác nhóm tương đối hiệu quả.	Tham gia tự học và thảo luận nhóm còn thụ động, chỉ thực hiện khi được giảng viên yêu cầu.	Không chuẩn bị bài tự học, thờ ơ, không hợp tác nhóm hoặc không hoàn thành bài tập tự học.

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10 - 8.5)	Khá (8.4 - 7.0)	Trung bình (6.9 - 5.0) (Mức đạt CĐR)	Yếu (4.9 - 0.0)
			loát.			

2. Rubric bài kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Nội dung chính 1: Kiến thức cơ bản tư pháp quốc tế	CLO1	20%	Trình bày đầy đủ, chính xác, kiến thức cơ bản về tư pháp quốc tế	Trình bày cơ bản đầy đủ, chính xác các nội dung; còn một số thiếu sót hoặc sai sót nhỏ.	Nắm được những nội dung cơ bản nhưng thiếu hoặc còn nhầm lẫn một số khái niệm, nguyên tắc, quy định.	Không nắm được hoặc trình bày sai các nội dung cơ bản về tư pháp quốc tế
Nội dung chính 2: Giải thích được chủ thể của tư pháp quốc tế	CLO2 CLO3	30%	Xác định chính xác vấn đề chủ thể tư pháp quốc tế; lập luận chặt chẽ, logic.	Áp dụng đúng, đầy đủ các quy định pháp luật lập luận tương đối rõ, còn một số hạn chế nhỏ.	Xác định chính xác vấn đề chủ thể tư pháp quốc tế còn hạn chế, phân tích chưa đầy đủ hoặc còn sai sót.	Không Xác định chính xác vấn đề chủ thể tư pháp quốc tế
Nội dung chính 3: Áp dụng được tố tụng dân sự quốc tế: .	CLO4	20%	Phân tích đầy đủ, chính xác tố tụng dân sự quốc tế: .	Phân tích và xác định cơ bản tố tụng dân sự quốc tế: còn một số sai sót nhỏ.	Xác định được tố tụng dân sự quốc tế: nhưng phân tích còn hạn chế, chưa đầy đủ.	Không xác định hoặc xác định sai tố tụng dân sự quốc tế:
Nội dung chính 4: Vận dụng được các nguồn của tư pháp quốc tế để xây dựng lập luận, phản biện và đề xuất giải pháp pháp lý;	CLO5	30%	Vận dụng được các nguồn của tư pháp quốc tế để xây dựng lập luận, phản biện và đề xuất giải pháp pháp lý;phù hợp, có lập luận thuyết phục.	Vận dụng được các nguồn của tư pháp quốc tế để xây dựng lập luận, phản biện và đề xuất giải pháp pháp lý;còn hạn chế nhỏ.	Vận dụng được các nguồn của tư pháp quốc tế để xây dựng lập luận, phản biện và đề xuất giải pháp pháp lý;còn sai sót.	Không Vận dụng được các nguồn của tư pháp quốc tế để xây dựng lập luận, phản biện và đề xuất giải pháp pháp lý;

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Tổng điểm		100%				

12. Yêu cầu học phần

- **Quy định chuyên cần:** Sinh viên phải tham dự tối thiểu **80%** tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá **20%** số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- **Nhiệm vụ học tập và tự học:** Sinh viên phải chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo về pháp luật Tư pháp quốc tế theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp; hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ tự học, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các chuyên đề tự học theo kế hoạch của học phần; tích cực phối hợp làm việc nhóm, chuẩn bị slide và thực hiện báo cáo, thuyết trình chuyên đề khi được phân công.

- **Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật:** Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động trao đổi, thảo luận và phản biện trong các hoạt động trên lớp; thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức:** Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng những nội dung cốt lõi của học phần Tư pháp quốc tế vào việc rèn luyện đạo đức, lối sống, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, phản biện và các hoạt động chính trị - xã hội phù hợp.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] Đỗ Thị Mai Hạnh (2024), *Giáo trình Tư pháp quốc tế*, Nhà xuất bản Tư Pháp, Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

[2] Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2019), Giáo trình Tư pháp quốc tế, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội.

[3] Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (2013), Giáo trình Tư pháp quốc tế, Nhà xuất bản ĐHQGHN, Hà Nội.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
1.	**CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ TƯ PHÁP QUỐC TẾ** **Mục tiêu chương:** Trình bày được đối tượng điều chỉnh, các phương pháp điều chỉnh đặc thù và hệ thống nguồn của Tư pháp quốc tế; phân tích được các nguyên tắc pháp lý cơ bản của ngành luật. **Nội dung cụ thể:**	02 (02LT, 0TH)	**Thuyết trình; trực quan, nêu vấn đề kết hợp làm việc nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân,	CLO1 CLO2 CLO3

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	1. Đối tượng điều chỉnh của tư pháp quốc tế 2. Phương pháp điều chỉnh của Tư pháp quốc tế tế (tôn trọng quyền tự định đoạt, bảo vệ người yếu thế) 3. Vi phạm điều chỉnh của Tư pháp quốc tế 4. Tên gọi của Tư pháp quốc tế 5. Hệ thống quy phạm pháp luật và nguồn của Tư pháp quốc tế 6. Vị trí của Tư pháp quốc tế 7. Một số học thuyết cơ bản của Tư pháp quốc tế		bài tập thảo luận cho các nhóm. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên phần chương 1, tài liệu [1]. + Đọc tài liệu [2] + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảngviên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, - Bài tập thực hành	
2.	**CHƯƠNG 2.CHỦ THỂ QUAN HỆ PHÁP LUẬT TRONG TƯ PHÁP QUỐC TẾ** **Mục tiêu chương**: Phân tích được chủ thể quan hệ pháp luật trong tư pháp quốc tế như: người nước ngoài, pháp nhân nước ngoài, quy chế dân sự của người nước ngoài, quốc gia chủ thể đặc biệt của tư pháp quốc tế **Nội dung cụ thể:** 1. Người nước ngoài 2. Pháp nhân nước ngoài 3. Quy chế pháp lý dân sự của người nước ngoài, pháp nhân nước ngoài 4. Quốc gia- chủ thể đặc biệt của Tư pháp quốc tế	03 (03LT, 0TH)	**Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; tranh biện, hoạt động nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, bài tập thảo luận cho các nhóm. **- Sinh viên:** + Đọc và chương 2, tài liệu[1]. +Đọc tài liệu [2] + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. +Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liênhệ thực tiễn cuộc sống - Bài tập thực hành	CLO1 CLO2 CLO3
3.	**CHƯƠNG 3. XUNG ĐỘT PHÁP LUẬT** **Mục tiêu chương**: Phân tích khái niệm xung đột nước ngoài, phương pháp giải quyết xung đột nước	03 (03LT, 0TH	**Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, nêu vấn đề, đóng vai, trải nghiệm**. **-Giảngviên**:	CLO2 CLO4 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	ngoài, quy phạm pháp luật xung đột, giải quyết xung đột cơ bản **Nội dung cụ thể**: 1. Khái quát về xung đột pháp luật 2. Phương pháp giải quyết xung đột 3. Quy phạm pháp luật xung đột 4. Một số kiểu giải quyết xung đột cơ bản		+ Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu [1]. + Đọc tham khảo tài liệu [2], [3]. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm.	
4.	**CHƯƠNG 4. ÁP DỤNG PHÁP LUẬT NƯỚC NGOÀI** **Mục tiêu chương:** Phân tích nguyên nhân và cơ sở việc áp dụng pháp luật, cách thức áp dụng pháp luật nước ngoài. **Nội dung cụ thể:** 1. Khái niệm pháp luật nước ngoài và nguyên nhân của việc áp dụng pháp luật nước ngoài. 2. Cách thức áp dụng pháp luật nước ngoài 3. Vấn đề về dẫn chiếu ngược trở lại và dẫn chiếu đến pháp luật nước thứ ba *Lưu ý: Làm bài kiểm tra giữa kỳ viết tự luận (90 phút) tại lớp thực hành chương này.	02 (02LT, 0TH)	**Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, nêu vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, đóng vai, tình huống** **-Giảngviên**: + Giảng giải các nội dung. + Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phảnbiện. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phâncông. + Nhận xét, đánh giá giải, quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. -**Sinhviên**: + Đọc trước nội dung bài học phần 3 Chương4	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
			+ Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. - Bài tập thực hành	
5.	**CHƯƠNG 5. THẨM QUYỀN CỦA TOÀ ÁN QUỐC GIA ĐỐI VỚI CÁC VỤ VIỆC DÂN SỰ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI** **Mục tiêu chương**: Trình bày được khái quát về thẩm quyền toà án quốc gia đối với việc dân sự có yếu tố nước ngoài, xác định thẩm quyền của toàn án Việt Nam, nguyên tắc và một số trường hợp hạn chế thẩm quyền **Nội dung cụ thể:** 1. Khái quát về thẩm quyền của toà án quốc gia đối với dân sự có yếu tố nước ngoài 2. Xác định thẩm quyền của toàn án Việt Nam 3. Nguyên tắc và một số trường hợp hạn chế thẩm quyền	04 (03LT, 01TH,	**Thuyết trình; Dạy học dựa nêu vấn đề; Thảo luận nhóm kết hợp tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Trực quan tình huống. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **-Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1] +Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề - Bài tập thực hành	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
6.	**CHƯƠNG 6. UỶ THÁC TƯ PHÁP QUỐC TẾ** **Mục tiêu chương**: Trình bày được: khái niệm uỷ thác quốc tế, nguyên tắc điều kiện thực hiện uỷ thác quốc tế, trình tự thủ tục và hình thức thực hiện uỷ thác tư pháp quốc tế **Nội dung cụ thể.** 1. Khái niệm về uỷ thác tư pháp quốc tế 2. Nguyên tắc điều kiện thực hiện uỷ thác quốc tế 3. Trình tự thủ tục và hình thức thực hiện uỷ	02 (02LT, 0TH,	**Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm, đóng vai.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Trực quan tình huống. + Nhận xét, đánh giá giải	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	thác tư pháp quốc tế 4. Trình tự, thủ tục và hình thức thực hiện uỷ thác tư pháp quốc tế theo pháp luật Việt Nam		quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **-Sinhviên:** + Đọc tài liệu [1] +Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề - Bài tập thực hành	
7.	**CHƯƠNG 7. CÔNG NHẬN VÀ CHO THI HÀNH BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM** **Mục tiêu chương.** Phân tích được: Những vấn đề chung về công nhận và cho thi hành quyết định nước ngoài tại Việt Nam; quy định về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của toà án nước ngoài; thi hành phán quyết về trọng tài nước ngoài. **Nội dung cụ thể.** 1. Những vấn đề chung về công nhận và cho thi hành quyết định nước ngoài tại Việt Nam 2. Quy định về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của toà án nước ngoài 3. Quy định về công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài	02 (02LT, 0TH,	**Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, dạy học dựa trên vấn đề kết hợpvới thảo luận nhóm, đóng vai, tình huống** **-Giảngviên**: + Giảng giải các nội dung. + Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phảnbiện. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phâncông. + Nhận xét, đánh giá giải, quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **-Sinh viên**: + Đọc trước nội dung bài học + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. - Bài tập thực hành	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
8.	**CHƯƠNG 8. QUAN HỆ SỞ HỮU TRONG TƯ PHÁP QUỐC TẾ** **Mục tiêu chương** Trình bày được: Khái quát về sở hữu	02 (02LT, 0TH,	**Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, dạy học dựa trên vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, đóng**	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	trong tư pháp quốc tế;giải quyết xung đột pháp luật về quyền sở hữu trong tư pháp quốc tế; giải quyết xung đột pháp luật về thời điểm chuyển quyền sơ hữu và chuyển dịch rủi ra theo pháp luật các nước; vấn đề quốc hữu hoá trong tư pháp quốc tế **Nội dung cụ thể.** 1. Khái quát về sở hữu trong tư pháp quốc tế 2. Giải quyết xung đột pháp luật về quyền sở hữu trong tư pháp quốc tế 3. Giải quyết xung đột pháp luật về thời điểm chuyển quyền sơ hữu và chuyển dịch rủi ra theo pháp luật các nước 4. Vấn đề quốc hữu hoá trong tư pháp quốc tế		**vai, tình huống** **-Giảngviên**: + Giảng giải các nội dung. + Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phảnbiện. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phâncông. + Nhận xét, đánh giá giải, quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. -**Sinhviên**: + Đọc trước nội dung bài học + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. - Bài tập thực hành	
9.	**CHƯƠNG 9. QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG TƯ PHÁP QUỐC TẾ** **Mục tiêu chương.** Trình bày được: Những vấn đề lý luận về quyền sở hữu trí tuện trong tư pháp quốc tế;giải quyết vấn đề pháp luật trong tư pháp quốc tế; nguồn điều chỉnh quan hệ sở hữu trí tuệ có yếu tố nước ngoài. **Nội dung cụ thể.** 1. Những vấn đề lý luận về quyền sở hữu trí tuện trong tư pháp quốc tế 2. giải quyết vấn đề pháp luật trong tư pháp quốc tế 3. Nguồn điều chỉnh quan hệ sở hữu trí tuệ có yếu tố nước ngoài.	02 (02LT, 0TH,	**Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, dạy học dựatrên vấn đề kết hợpvới thảo luận nhóm,đóng vai, tình huống** **-Giảngviên**: + Giảng giải các nội dung. + Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phảnbiện. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phâncông. + Nhận xét, đánh giá giải, quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
			-Sinhviên: + Đọc trước nội dung bài học + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. - Bài tập thực hành	
10.	**CHƯƠNG 10. THỪA KẾ** **Mục tiêu chương** Phân tích được: Khái niệm về thừa kế trong tư pháp quốc tế; xung đột pháp luật và giải quyết xung đột pháp luật. **Nội dung cụ thể** 1. Khái niệm về thừa kế trong tư pháp quốc tế 2. xung đột pháp luật và giải quyết xung đột pháp luật	02 (02LT, 0TH,	**Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, dạy học dựatrên vấn đề kết hợpvới thảo luận nhóm,đóng vai, tình huống** **-Giảngviên**: + Giảng giải các nội dung. + Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phảnbiện. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phâncông. + Nhận xét, đánh giá giải, quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **-Sinhviên**: + Đọc trước nội dung bài học + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. - Bài tập thực hành	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
11.	**CHƯƠNG 11. HỢP ĐỒNG TRONG TƯ PHÁP QUỐC TẾ** **Mục tiêu chương** **Trình bày được:** Những vấn đề lý luận chung về hợp đồng trong tư pháp quốc tế; thẩm quyền của toà án quốc gia đối với hợp đồng có yếu tố nước ngoài;	02 (02LT, 0TH,	**Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, dạy học dựatrên vấn đề kết hợpvới thảo luận nhóm,đóng vai, tình huống** **-Giảngviên**:	CLO3 CLO4 CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	xung đột pháp luật và giải quyết xung đột pháp luật về hợp đồng có yếu tố nước ngoài; xu hướng phát triển của chế định về hợp đồng trong tư pháp quốc tế. **Nội dung cụ thể.** 1. Những vấn đề lý luận chung về hợp đồng trong tư pháp quốc tế 2. thẩm quyền của toà án quốc gia đối với hợp đồng có yếu tố nước ngoài 3. xung đột pháp luật và giải quyết xung đột pháp luật về hợp đồng có yếu tố nước ngoài 4. xu hướng phát triển của chế định về hợp đồng trong tư pháp quốc tế.		+ Giảng giải các nội dung. + Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phảnbiện. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phâncông. + Nhận xét, đánh giá giải, quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **-Sinhviên**: + Đọc trước nội dung bài học + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. - Bài tập thực hành	
12.	**CHƯƠNG 12. BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG TRONG TƯ PHÁP QUỐC TẾ** **Mục tiêu chương:** Trình bày được: Những vấn đề lý luận chung về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong tư pháp quốc tế; xung đột pháp luật và giải quyết xung đột pháp luật; thẩm quyền của toà án quốc gia đối với vụ việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng có yếu tố nước ngoài. Nội dung cụ thể. 1. Những vấn đề lý luận chung về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong tư pháp quốc tế. 2. Xung đột pháp luật và giải quyết xung đột pháp luật 3. Thẩm quyền của toà án quốc gia đối với vụ việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng có yếu tố nước ngoài.	02 (02LT, 0TH,	**Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, dạy học dựatrên vấn đề kết hợpvới thảo luận nhóm,đóng vai, tình huống** **-Giảngviên**: + Giảng giải các nội dung. + Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phảnbiện. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phâncông. + Nhận xét, đánh giá giải, quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **-Sinhviên**: + Đọc trước nội dung	CLO3 CLO4 CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
			bài học + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. - Bài tập thực hành	
13.	**CHƯƠNG 13. HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH TRONG TƯ PHÁP QUỐC TẾ** **Mục tiêu chương.** Trình bày được: Những vấn đề lý luận chung về hôn nhân và gia đình trong tư pháp quốc tế; kết hôn có yếu tố nước ngoài; ly hôn có yếu tố nước ngoài; quan hệ thân nhân và tài sản giữa vợ và chồng; quan hệ giữa cha mẹ và con; quan hệ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài; vấn đề giám hộ trong tư pháp quốc tế. **Nội dung cụ thể.** 1. Những vấn đề lý luận chung về hôn nhân và gia đình trong tư pháp quốc tế; 2. Kết hôn có yếu tố nước ngoài 3. Ly hôn có yếu tố nước ngoài 4. Quan hệ thân nhân và tài sản giữa vợ và chồng 5. Quan hệ giữa cha mẹ và con 6. Vấn đề giám hộ trong tư pháp quốc tế.	02 (02LT, 0TH,	**Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, dạy học dựatrên vấn đề kết hợpvới thảo luận nhóm,đóng vai, tình huống** **-Giảngviên**: + Giảng giải các nội dung. + Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phảnbiện. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phâncông. + Nhận xét, đánh giá giải, quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. -**Sinhviên**: + Đọc trước nội dung bài học + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. - Bài tập thực hành	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Luật

1. Tên học phần: (tiếng Việt/tiếng Anh): Luật lao động

2. Mã học phần: LUẬT 023

3. Số tín chỉ: 3 (2,1)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ tư

5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết 30 giờ thực hành

- Giờ học tập định mức của người học (bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá): 150 giờ (50 giờ/1 tín chỉ)

6. Điều kiện tiên quyết/Điều kiện học trước: Sau khi học xong học phần Lý luận chung về nhà nước và pháp luật.

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Trần Thị Hiền	0903472992	hiendhl@gmail.com
2.	Ths. Phạm Thị Mai	0978.370.438	Phammaidhsd1018@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Luật lao động cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: lí luận và thực tiễn xây dựng, ban hành, thực thi các định chế về quan hệ lao động và các vấn đề thuộc lĩnh vực lao động - xã hội. việc làm, học nghề, HĐLĐ, thoả ước lao động tập thể, tiền lương, thời gian làm việc và thời gian nghỉ ngơi, an toàn lao động vệ sinh lao động, kỷ luật lao động, tranh chấp lao động, đình công; các vấn đề lao động quốc tế.

9. Ngôn ngữ giảng dạy

Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu học phần

a) Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống về pháp luật lao động Việt Nam, bao gồm các quy định về quan hệ lao động, hợp đồng lao động, tiền lương, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, kỷ luật lao động và giải quyết tranh chấp lao động. Qua đó, giúp sinh viên hình thành tư duy pháp lý, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; phát triển năng lực vận dụng kiến thức pháp luật lao động vào học tập, công tác và giải quyết các tình huống thực tiễn.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): rang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản, có hệ thống về pháp luật lao động Việt Nam, bao gồm quan hệ lao động, hợp đồng lao động, tiền lương, thời giờ làm việc và nghỉ ngơi, kỷ luật lao động, an toàn lao động, bảo hiểm và giải quyết tranh chấp lao động.

- CO2 (Kỹ năng): Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức pháp luật lao động để nhận diện, phân tích và giải quyết các tình huống thực tiễn; phát triển kỹ năng tư duy pháp lý, tra cứu và áp dụng văn bản pháp luật, làm việc nhóm và thuyết trình.
- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và chủ động cập nhật pháp luật lao động; hình thành ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, tinh thần trách nhiệm và tác phong làm việc khoa học, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong quan hệ lao động.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome –CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	**Mô tả CLO**	**PIs**	**Mức độ của PIs theo thang đo Bloom**
	Kiến thức		
CLO1	Trình bày được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh, nguồn và vai trò của pháp luật lao động trong hệ thống pháp luật Việt Nam.	PI2.2/3	2
CLO2	Phân tích được các quy định cơ bản về quan hệ lao động, hợp đồng lao động, việc làm, tiền lương, thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi.	PI2.2/3	2
CLO3	Phân tích được các quy định về kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất, an toàn vệ sinh lao động, bảo hiểm và giải quyết tranh chấp lao động.	PI2.2/3	2
	Kỹ năng		
CLO4	Áp dụng kiến thức pháp luật lao động để nhận diện, phân tích và giải quyết các tình huống phát sinh trong quan hệ lao động và thực tiễn đời sống.	PI3.2/3	3
CLO5	Vận dụng tư duy pháp lý để tra cứu, phân tích và áp dụng các quy định của pháp luật lao động; thực hiện hiệu quả hoạt động học tập, thảo luận, làm việc nhóm và giải quyết tình huống pháp lý.	PI3.2/3	3
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Thể hiện ý thức tự học, tự nghiên cứu và chủ động cập nhật pháp luật lao động; có ý thức tôn trọng, tuân thủ pháp luật, tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong học tập và công tác.	PI7.1/3	4

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	**CO1**	**CO2**	**CO3**

CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4	x	x	
CLO5		x	x
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	**Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI ***		
	PLO 1	**PLO 10**	
	PI1.1	**PI10.1**	**PI10.2**
CLO1	I		
CLO2	I		
CLO3		I	
CLO4		M	
CLO5	M		
CLO6		R	R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Ví dụ						
Điểm chuyên cần, điểm	20%	- Điểm danh, theo dõi mức độ tham gia học tập.	CLO1	20	Điểm chuyên cần;	Điểm CLO1 → PLO1/PI1

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
kiển tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ		- Bài kiểm tra ngắn (trắc nghiệm/tự luận). - Thảo luận nhóm, thuyết trình. - Rubric đánh giá.			Rubric kiểm tra thường xuyên	.1
			CLO5	40	Rubric thảo luận, thuyết trình	Điểm CLO5 → PLO5/PI1 .1
			CLO6	40	Rubric thái độ học tập, tự học, làm việc nhóm	CLO6 → PLO10/PI 10.1; PI10.2
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra tự luận. - Rubric chấm bài.	CLO1	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO1 → PLO1/PI1 .1
			CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO2 → PLO1/PI1 .1
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi trắc nghiệm khách quan. - Máy tính chấm.	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO1 → PLO1/PI1 .1
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → PLO1/PI1 .1
			CLO3	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO3 → PLO1/PI1 .1

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			CLO4	40	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO1/PI1.1

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đo lường mức đạt CLO	Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI	Dữ
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	
CLO1	Trình bày được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh, nguồn và vai trò của pháp luật lao động trong hệ thống pháp luật Việt Nam.	x	PI1.1	Bài giữa Bài
CLO2	Phân tích được các quy định cơ bản về quan hệ lao động, hợp đồng lao động, việc làm, tiền lương, thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi.	x	PI1.1	Bài giữa Bài
CLO3	Phân tích được các quy định về kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất, an toàn vệ sinh lao động, bảo hiểm và giải quyết tranh chấp lao động.	x	PI1.1	Bài
CLO4	Áp dụng kiến thức pháp luật lao động để nhận diện, phân tích và giải quyết các tình huống phát sinh trong quan hệ lao động và thực tiễn đời sống.	x	PI1.1	Bài
CLO5	Vận dụng tư duy pháp lý để tra cứu, phân tích và áp dụng các quy định của pháp luật lao động; thực hiện hiệu quả hoạt động học tập, thảo luận, làm việc nhóm và giải quyết tình huống pháp lý.	x	PI1.1	Thu thảo Bài dụng
CLO6	Thể hiện ý thức tự học, tự nghiên cứu và chủ động cập nhật pháp luật lao động; có ý thức tôn trọng, tuân thủ pháp luật, tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong học tập và công tác..	x	PI10.1; PI10.2	Rub quá sát Đán luận thuy

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thảo luận nhóm (CLO6 – PL10 / PI 10.1, PI10.2)

Tiêu chí đánh giá	**CLO**	**Trọng số**	**Giỏi (10 - 8.5)**	**Khá (8.4 - 7.0)**	**Trung bình (6.9 - 5.0) (Mức đạt CĐR)**	**Yếu (4.9 - 0.0)**
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	50%	Tham dự đầy đủ >90% số giờ học, đi học đúng giờ, chấp hành tốt kỷ luật phòng học và chuẩn bị bài chu đáo trước khi lên lớp.	Tham dự từ 80% đến 89% số giờ học, đi học đúng giờ, không vi phạm nghiêm trọng kỷ luật và nội quy học vụ.	Tham dự từ 70% đến 79% số giờ học, thỉnh thoảng còn đi muộn hoặc thiếu tập trung trong giờ học.	Tham dự dưới 70% số giờ học hoặc vi phạm nghiêm trọng kỷ luật học đường.
Ý thức tự học & thảo luận nhóm	CLO6	50%	Chủ động, tích cực nghiên cứu trước tài liệu; hợp tác nhóm xuất sắc, đóng góp ý kiến chất lượng cao, thuyết trình lưu loát.	Hoàn thành tốt nhiệm vụ tự học và làm bài tập nhóm được giao, hợp tác nhóm tương đối hiệu quả.	Tham gia tự học và thảo luận nhóm còn thụ động, chỉ thực hiện khi được giảng viên yêu cầu.	Không chuẩn bị bài tự học, thờ ơ, không hợp tác nhóm hoặc không hoàn thành bài tập tự học.

2. Rubric thi tự luận (Thang điểm 10)

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Nội dung chính 1: Kiến thức cơ bản về pháp luật lao động Việt Nam	CLO1	20%	Trình bày đầy đủ, chính xác, có hệ thống các khái niệm, nguyên tắc, chủ thể và các quy định cơ bản của pháp luật lao động; nêu được nội dung cơ bản	Trình bày cơ bản đầy đủ, chính xác các nội dung của pháp luật lao động; còn một số thiếu sót	Nắm được những nội dung cơ bản nhưng còn thiếu hoặc nhầm lẫn một số khái niệm, nguyên tắc, chủ thể và	Không nắm được hoặc trình bày sai các khái niệm, nguyên tắc và quy định cơ bản của pháp luật

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
			về quan hệ lao động, người lao động và người sử dụng lao động.	hoặc sai sót nhỏ..	quy định pháp luật lao động	lao động.
Nội dung chính 2: Phân tích và áp dụng pháp luật lao động	CLO2 CLO3	30%	Xác định chính xác vấn đề pháp lý lao động; phân tích và áp dụng đúng, đầy đủ các quy định pháp luật về hợp đồng lao động, tiền lương, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và các quan hệ lao động khác; lập luận chặt chẽ, logic..	Phân tích và áp dụng cơ bản đúng các quy định pháp luật lao động; lập luận tương đối rõ ràng, còn một số hạn chế nhỏ.	Xác định được vấn đề pháp lý nhưng việc áp dụng pháp luật còn hạn chế; phân tích chưa đầy đủ hoặc còn một số sai sót.	Không xác định được vấn đề pháp lý hoặc không áp dụng được quy định pháp luật lao động để giải quyết vấn đề.
Nội dung chính 3: Phân tích quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên trong quan hệ lao động	CLO4	20%	Phân tích đầy đủ, chính xác quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động, người sử dụng lao động và các chủ thể có liên quan; xác định đúng căn cứ và hậu quả pháp lý.	Phân tích và xác định cơ bản đúng quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm và hậu quả pháp lý; còn một số sai sót nhỏ.nhỏ.	Xác định được quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên nhưng phân tích còn hạn chế, chưa đầy đủ.	Không xác định hoặc xác định sai quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm và hậu quả pháp lý trong quan hệ lao động.
Nội dung chính 4: Phân tích và giải quyết tình huống pháp	CLO5	30%	Phân tích toàn diện, chính xác tình huống; xác định đúng vấn đề	Phân tích và giải quyết tình huống cơ	Có khả năng giải quyết tình huống nhưng phân	Không phân tích được tình huống hoặc đưa ra

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
luật lao động			pháp lý, quyền và nghĩa vụ của các bên, căn cứ pháp luật và đề xuất phương án giải quyết phù hợp, có lập luận thuyết phục.	bản phù hợp; xác định được căn cứ pháp luật và phương án giải quyết, còn một số hạn chế nhỏ.	tích chưa đầy đủ; căn cứ pháp luật hoặc phương án giải quyết còn sai sót.	phương án giải quyết không phù hợp với quy định của pháp luật lao động..
Tổng điểm		100%				

12. Yêu cầu học phần

- Quy định chuyên cần: Sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá 20% số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- Nhiệm vụ học tập và tự học: Sinh viên phải chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo Luật lao động theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp; hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ tự học, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các chuyên đề tự học theo kế hoạch của học phần; tích cực phối hợp làm việc nhóm, chuẩn bị slide và thực hiện báo cáo, thuyết trình chuyên đề khi được phân công.

- Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật: Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động trao đổi, thảo luận và phản biện trong các hoạt động trên lớp; thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- Yêu cầu về vận dụng kiến thức: Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng những nội dung cốt lõi của Luật lao động vào việc rèn luyện đạo đức, lối sống, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, phản biện và các hoạt động kinh tế- chính trị - xã hội phù hợp.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Lê Thị Hoài Thu (2023), Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

[1] - Quốc hội (2021), Bộ luật Lao động (hiện hành), NXB Chính trị Quốc gia sự thật.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
1	**CHƯƠNG 1. KHÁI NIỆM LUẬT LAO ĐỘNG VIỆT NAM** **Mục tiêu chương:** sinh viên trình bày được phạm vi và phương pháp điều chỉnh của luật lao động, hiểu được các nguyên tắc cơ bản vàn nguồn của luật lao động. **Nội dung cụ thể:** 1.1. Phạm vi và phương pháp điều chỉnh của luật lao động 1.2. Những nguyên tắc cơ bản của luật lao động 1.3. Nguồn của luật lao động và mối quan hệ của luật lao động với một số ngành luật khác	05 (03LT, 02TH)	**Thuyết giảng; Thảo luận; Làm việc nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên phần 1.3. + Đọc tài liệu [1], [2]. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	CLO1; CLO2; CLO4;
2	**CHƯƠNG 2. QUAN HỆ PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG** **Mục tiêu chương:** Nêu được khái niệm và 3 đặc điểm của quan hệ pháp luật lao động cá nhân; quan hệ pháp luật tập thể, lấy được ví dụ minh họa. Đánh giá được đặc điểm quan trọng nhất của quan hệ pháp luật lao động cá nhân để phân biệt với quan hệ pháp	05 (03LT, 02TH)	**Thuyết giảng; Thảo luận; Tranh biện; Tình huống; Làm việc nhóm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng	CLO1; CLO2; CLO4; .

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	luật dịch vụ dân sự. **Nội dung cụ thể:** 2.1. Quan hệ pháp luật lao động cá nhân 2.2. Quan hệ pháp luật lao động tập thể 2.3. Nhóm quan hệ pháp luật có liên quan hoặc phát sinh từ quan hệ pháp luật lao động cá nhân, quan hệ pháp luật lao động tập thể		dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Trực quan tình huống trong quan hệ pháp luật. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2]. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn cuộc sống.	
3	**CHƯƠNG 3. ĐẠI DIỆN CÁC BÊN TRONG QUAN HỆ LAO ĐỘNG** **Mục tiêu chương:** Nêu được khái niệm đại diện các bên trong quan hệ lao động. Nêu được khái niệm và phân loại tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở. Trình bày được quyền và nghĩa vụ của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong quan hệ lao động. **Nội dung cụ thể:** 3.1. Khái niệm đại diện các bên trong quan hệ lao động 3.2. Đại diện bên tập thể lao động 3.3. Đại diện bên sử dụng lao động trong quan hệ lao động 3.4. Các hình thức tương tác của đại diện các bên trong quan hệ lao động 3.5. Cơ chế ba bên	06 (03LT, 03TH)	**Thuyết giảng; Thảo luận; Tranh biện; Tình huống; Làm việc nhóm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước nội dung bài học. + Đọc tài liệu [2].	CLO1; CLO2; CLO4; CLO5; CLO6; .

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			+ Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. + Giải quyết vấn đề. + Ôn tập chuẩn bị kiểm tra giữa học phần.	
4	**CHƯƠNG 4. HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG** **Mục tiêu chương:** Nêu được khái niệm, đặc trưng của HĐLĐ, nguyên tắc, điều kiện chủ thể và trình tự giao kết HĐLĐ và nội dung và hình thức của HĐLĐ. Nhận diện được HĐLĐ trong các tình huống cụ thể. Đánh giá được các quy định hiện hành về thời hạn HĐLĐ. Đánh giá được việc thực hiện, thay đổi, tạm hoãn và chấm dứt HĐLĐ. **Nội dung cụ thể:** 3.1. Khái niệm và đặc điểm của HĐLĐ 3.2. Giao kết HĐLĐ 3.3. Thực hiện HĐLĐ 3.4. Chấm dứt HĐLĐ 3.5. Hợp đồng đào tạo nghề	08 (04LT, 04TH)	**Thuyết giảng; Thảo luận; Tranh biện; Tình huống; Đóng vai, Làm việc nhóm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Giao bài tập cho các nhóm thảo luận. + Hướng dẫn sinh viên đóng vai người LĐ và người SDLĐ. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung bài học. + Đọc tài liệu [1], [2] và [3]. + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Sinh viên đóng vai người LĐ và người SDLĐ.	CLO1; CLO2; CLO4; CLO5;

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			+ Sinh viên thảo luận. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	
4	**CHƯƠNG 4. ĐẠI DIỆN CÁC BÊN TRONG QUAN HỆ LAO ĐỘNG** **Mục tiêu chương:** Nêu được khái niệm đại diện các bên trong quan hệ lao động. Nêu được khái niệm và phân loại tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở. Trình bày được quyền và nghĩa vụ của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong quan hệ lao động. **Nội dung cụ thể:** 4.1. Khái niệm đại diện các bên trong quan hệ lao động 4.2. Đại diện bên tập thể lao động 4.3. Đại diện bên sử dụng lao động trong quan hệ lao động 4.4. Các hình thức tương tác của đại diện các bên trong quan hệ lao động 4.5. Cơ chế ba bên	06 (03LT, 03TH)	**Thuyết giảng; Thảo luận; Tranh biện; Tình huống; Làm việc nhóm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biên. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước nội dung bài học. + Đọc tài liệu [2]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. + Giải quyết vấn đề. + Ôn tập chuẩn bị kiểm tra giữa học phần.	CLO1; CLO2; CLO4; CLO5; CLO6; .
5	**CHƯƠNG 5. ĐỐI THOẠI XÃ HỘI TRONG QUAN HỆ LAO ĐỘNG, THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ VÀ THỎA ƯỚC LAO ĐỘNG TẬP THỂ** **Mục tiêu chương:** Nêu được khái niệm, nội dung và các trường hợp đối thoại tại nơi làm việc, chủ thể, nội dung và quy trình	07 (03LT, 03TH, 01KT)	**Thuyết giảng; Thảo luận; Tranh biện; Tình huống; Đóng vai, Làm việc nhóm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết.	CLO1; CLO2; CLO4; CLO5; CLO6;

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	thương lượng tập thể, bản chất, đặc điểm và vai trò của thoả ước lao động tập thể, phạm vi, nguyên tắc, chủ thể, trình tự, thủ tục kí kết thoả ước lao động tập thể và các vấn đề về hiệu lực của thoả ước lao động tập thể. **Nội dung cụ thể:** 5.1. Đối thoại xã hội trong quan hệ lao động 5.2. Thương lượng tập thể 5.3. Thỏa ước lao động tập thể *** Kiểm tra giữa học phần**		+ Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Hướng dẫn sinh viên đóng vai. + Trực quan tình huống về xử phạt vi phạm hành chính hiện hành. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2] và [3]. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Sinh viên đóng vai. + Sinh viên làm bài kiểm tra giữa học phần.	
6	**CHƯƠNG 6. ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG VÀ ĐIỀU KIỆN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG** **Mục tiêu chương:** Nêu được khái niệm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, trách nhiệm của người sử dụng lao động với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi; Nêu được khái niệm, vai trò, các loại và cơ sở xác định tiền lương tối thiểu và khái niệm và thủ tục xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động. **Nội dung cụ thể:** 6.1. An toàn lao động, vệ sinh lao động	08 (04LT, 04TH)	**Thuyết giảng; Thảo luận; Tranh biện; Tình huống; Làm việc nhóm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Trực quan tình huống an toàn lao động. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Phân tích, lấy ví dụ về làm rõ các nội dung.	CLO1; CLO2; CLO4; CLO5; CLO6;

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	6.2. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi 6.3. Tiền lương		+ Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2] và [3]. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay. + Lấy ví dụ về vi phạm an toàn lao động, vệ sinh lao động. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	
7	**CHƯƠNG 7. KỶ LUẬT LAO ĐỘNG, TRÁCH NHIỆM VẬT CHẤT** **Mục tiêu chương:** Nêu được khái niệm và phạm vi áp dụng kỉ luật lao động, khái niệm và nội dung chủ yếu của nội quy lao động, nguyên tắc, căn cứ, hình thức, thẩm quyền và trình tự, thủ tục xử lí kỉ luật lao động và khái niệm, căn cứ, các trường hợp và thủ tục xử lí bồi thường trách nhiệm vật chất, quy định về tạm đình chỉ công việc đối với NLĐ. **Nội dung cụ thể:** 7.1. Kỷ luật lao động 7.2. Trách nhiệm vật chất	07 (03LT, 04TH)	**Thuyết giảng; Thảo luận; Tranh biện; Tình huống; Đóng vai, Làm việc nhóm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung + Phân tích, lấy ví dụ về vi phạm kỷ luật lao động. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên đóng vai. + Nhận xét, đánh giá thảo luận của sinh viên. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2] và [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép.	CLO2; CLO4; CLO5; CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			+ Sinh viên đóng vai. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay.	
8	**CHƯƠNG 8. TRANH CHẤP LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP LAO ĐỘNG** **Mục tiêu chương:** Nêu được định nghĩa, 4 đặc điểm của tranh chấp lao động, 3 cách phân loại tranh chấp lao động, dấu hiệu nhận diện tranh chấp lao động, nguyên tắc giải quyết tranh chấp lao động, thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động và trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp lao động cá nhân. **Nội dung cụ thể:** 8.1. Tranh chấp lao động 8.2. Giải quyết tranh chấp lao động	08 (04LT, 04TH)	**Thuyết giảng; Thảo luận; Tranh biện; Tình huống; Đóng vai, Làm việc nhóm.** + Giảng giải các nội dung + Phân tích, lấy ví dụ về tranh chấp lao động. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên đóng vai. + Nhận xét, đánh giá thảo luận của sinh viên. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [2], [3]. + Chuẩn bị câu hỏi theo hướng dẫn. + Làm các bài tập tình huống về giải quyết tranh chấp lao động. + Thảo luận theo chủ đề giảng viên giao. + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên. + Sinh viên đóng vai. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên.	CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			+ Lấy một số ví dụ thực tiễn.	
9	**CHƯƠNG 9. ĐÌNH CÔNG VÀ GIẢI QUYẾT ĐÌNH CÔNG** **Mục tiêu chương:** Nêu được khái niệm, bản chất, 5 dấu hiệu cơ bản và sự ảnh hưởng của đình công, các loại đình công theo 4 tiêu chí phân loại chủ yếu, quy định về đối tượng và thời điểm được đình công theo pháp luật Việt Nam, quy định về quyền lãnh đạo đình công và thủ tục đình công theo pháp luật Việt Nam và những hành vi bị cấm thực hiện trước, trong và sau đình công. **Nội dung cụ thể:** 9.1. Đình công 9.2. Giải quyết đình công	06 (03LT, 3TH)	**Thuyết giảng; Thảo luận; Tranh biện; Tình huống; Làm việc nhóm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung + Phân tích, lấy ví dụ về số vụ đình công. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Đưa ra tình huống. + Nhận xét, đánh giá thảo luận của sinh viên. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [2] + Lắng nghe, quan sát, ghi chép. + Thảo luận theo nhóm, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay. + Giải quyết tình huống.	CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Luật

1. Tên học phần: Luật môi trường/ Environmental law
2. Mã học phần: LUAT 029
3. Số tín chỉ: 3 (2,1)
4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ ba
5. Phân bổ thời gian
- Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết, 15 giờ thực hành
- Giờ học tập định mức của người học: 150 giờ (bao gồm 30 giờ dự giờ giảng trên lớp, 60 giờ tự học có hướng dẫn, nghiên cứu, 10 giờ chuẩn bị và tham gia dự kiểm tra, đánh giá định kỳ - quy chuẩn 50 giờ học tập/1 tín chỉ).

6. Điều kiện tiên quyết/Điều kiện học trước: Sau khi học xong Luật hành chính
7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Trần Thị Hiền	0903472992	hiendhl@gmail.com
2	TS. Nguyễn Thái Mai	0912.376.293	mailuatquocte@yahoo.com.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Luật môi trường là học phần thuộc chuyên ngành pháp luật kinh tế, nghiên cứu các vấn đề cơ bản về bảo vệ môi trường bằng pháp luật; một số vấn đề mang tính lý luận chung về môi trường, bảo vệ môi trường và luật môi trường; đánh giá môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học, như kiểm soát ô nhiễm không khí, kiểm soát ô nhiễm đất, kiểm soát ô nhiễm nước, bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học... Ngoài ra, học phần còn đề cập các khía cạnh của việc thực thi các công ước quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở Việt Nam cũng như cơ chế giải quyết các tranh chấp nảy sinh trong lĩnh vực này.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần
10.1. Mục tiêu
a) Mục tiêu chung của học phần:

Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về cơ sở lý luận, quá trình hình thành, phát triển và những nội dung cơ bản của pháp luật môi trường; giúp sinh viên hiểu rõ vai trò của pháp luật trong quản lý, bảo vệ môi trường, kiểm soát ô nhiễm, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và ứng phó với biến đổi khí hậu. Qua đó, hình thành tư duy pháp lý, ý thức tuân thủ pháp luật, trách nhiệm đối với môi trường và cộng đồng; phát triển năng lực tìm kiếm, phân tích, đánh giá và vận dụng các quy định pháp luật môi trường để nhận diện, giải quyết các vấn đề, tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn; đồng thời nâng cao khả năng tư vấn, lập luận và đề xuất giải pháp pháp lý trong lĩnh vực môi trường, góp phần bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành, phát triển kinh tế - xã hội bền vững và thực hiện các mục tiêu bảo vệ môi trường trong thời kỳ mới.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng và chuyên

sâu về pháp luật môi trường, bao gồm cơ sở lý luận về môi trường và bảo vệ môi trường; các nguyên tắc, chính sách và pháp luật về bảo vệ môi trường; pháp luật về kiểm soát ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường; đánh giá môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường; bảo tồn đa dạng sinh học; bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu; trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất; xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp môi trường và thực thi các điều ước quốc tế về môi trường tại Việt Nam.

- CO2 (Kỹ năng): Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tìm kiếm, thu thập, phân tích, đánh giá và vận dụng các quy định pháp luật để nhận diện, giải quyết các vấn đề và tình huống pháp lý trong lĩnh vực môi trường; phát triển kỹ năng tư duy pháp lý, tư duy phản biện, lập luận và đề xuất giải pháp pháp lý; rèn luyện kỹ năng thảo luận, làm việc nhóm, trình bày, tư vấn pháp luật và soạn thảo các văn bản pháp lý cơ bản liên quan đến bảo vệ môi trường; đồng thời nâng cao khả năng liên hệ, vận dụng kiến thức pháp luật môi trường vào thực tiễn nghề nghiệp và đời sống.

- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Tạo cơ hội và môi trường cho sinh viên phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, chủ động cập nhật và vận dụng các quy định pháp luật về môi trường; hình thành ý thức tôn trọng, tuân thủ và bảo vệ pháp luật, có trách nhiệm đối với môi trường, cộng đồng và xã hội; nâng cao tinh thần trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm nghề nghiệp trong phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó với các vấn đề môi trường; có thái độ chủ động, khách quan, trung thực và có trách nhiệm khi tham gia giải quyết các vấn đề pháp lý về môi trường.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Trình bày được những vấn đề lý luận cơ bản về môi trường, bảo vệ môi trường và pháp luật môi trường; các nguyên tắc, chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường và vai trò của pháp luật trong quản lý, bảo vệ môi trường.	PI2.2/2	2
CLO2	Diễn giải được các quy định pháp luật về kiểm soát ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; đánh giá môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường; bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên.	PI2.2/2	3
CLO3	Diễn giải được các quy định pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu, trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp môi trường và thực thi các điều ước quốc tế về môi trường tại Việt Nam.	PI3.2/2	4
	Kỹ năng		

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
CLO4	Áp dụng được các quy định pháp luật môi trường để phân tích, nhận diện và giải quyết các tình huống pháp lý cơ bản phát sinh trong hoạt động quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường.	PI2.2/2	3
CLO5	Vận dụng được kiến thức pháp luật môi trường để lập luận, phản biện, đề xuất giải pháp pháp lý; thực hiện tư vấn pháp luật và soạn thảo một số văn bản pháp lý cơ bản liên quan đến lĩnh vực môi trường.	PI3.2/2	4
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Thể hiện ý thức tự giác, chủ động trong học tập, tự nghiên cứu và cập nhật pháp luật môi trường; có trách nhiệm tuân thủ pháp luật, bảo vệ môi trường, tôn trọng lợi ích của cộng đồng và xã hội; chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân khi làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề pháp lý về môi trường.	PI9.2/3	5

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4	x	x	
CLO5		x	x
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *		
	PLO 2	**PLO 3**	**PLO 9**
	PI2.2/2	PI3.2/3	PI9.2/3
CLO1	M		
CLO2		M	
CLO3	M		
CLO4	M		

CLO5		M	
CLO6			R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Ví dụ						
Điểm chuyên cần, điểm kiển tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Thời gian tham gia lớp học. - Thảo luận, tranh biện và làm việc nhóm. - Đóng vai, xử lý tình huống. - Trải nghiệm thực tiễn và báo cáo kết quả. - Rubric đánh giá quá trình.	CLO5	40	Điểm Rubric quá trình, bài tập, Điểm bài tập, tình huống	CLO5 → PLO3/ PI3.2/2
			CLO6	60	Điểm Rubric quá trình	CLO6 → PLO9/ PI9.2/3
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra viết kết hợp lý thuyết và bài tập vận dụng. - Giải quyết tình huống luật môi trường - Rubric chấm bài kiểm tra.	CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO2 → PLO2/PI2.2
			CLO4	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO4 → PLO2/PI2.2
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi kết hợp lý thuyết và bài tập vận dụng về các tình huống xảy ra trong luật môi trường - Rubric chấm bài thi	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO1 → PLO2/PI2.2
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → PLO2/PI2.2
			CLO3	30	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO3 → CLO3/PI3.2/2

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
			CLO4	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO2/PI2.2
			CLO5	10	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO5 → PLO3/PI3.2/2

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đo lường mức đạt CLO	Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI	Dữ liệu được lấy từ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
CLO1	Trình bày và phân tích được những vấn đề cơ bản về pháp luật môi trường; nhận diện được các quy định pháp luật cơ bản trong linhc vực môi trường	x	PLO2/PI2.2	Bài kiểm tra giữa học phần; bài thi kết thúc học phần
CLO2	Vận dụng được các quy định pháp luật về môi trường để phân tích, giải quyết các tình huống pháp lý cụ thể.	x	PLO2/PI2.2	Bài kiểm tra giữa học phần; bài thi kết thúc học phần
CLO3	Phân tích, đánh giá được các vấn đề pháp lý phát sinh trong pháp luật môi trường trên cơ sở quy định của pháp luật.	x	CLO3/PI3.2/2	Bài kiểm tra giữa học phần; bài thi kết thúc học phần
CLO4	Đưa ra được lập luận, quan điểm và phương án giải quyết đối với các vấn đề pháp lý về môi trường; có khả năng phản biện các quan điểm khác nhau.	x	PLO2/PI2.2	Bài kiểm tra giữa học phần; bài thi kết thúc học phần
CLO5	Thực hiện được việc tra	x	CLO3/PI3.2/2	Kiểm tra thường

	cứu, vận dụng văn bản pháp luật; lập luận, phản biện và phối hợp làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề pháp lý về môi trường.			xuyên; thảo luận, tranh biện, làm việc nhóm; bài thi kết thúc học phần
CLO6	Thể hiện ý thức tuân thủ pháp luật, trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể; có khả năng hướng dẫn, tuyên truyền thực hiện pháp luật về môi trường.	x	PLO9/ PI9.2/3	Đánh giá chuyên cần, nhận thức và thái độ; bài thi kết thúc học phần

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thảo luận nhóm

Tiêu chí đánh giá	**CLO**	**Trọng số**	**Giỏi (10 - 8.5)**	**Khá (8.4 - 7.0)**	**Trung bình (6.9 - 5.0)**	**Yếu (4.9 - 0.0)**
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	50%	*Tham dự >85% buổi học*	*Tham dự 70-84% buổi học*	*Tham dự 50-69% buổi học*	*Tham dự <50% buổi học*
Ý thức tự học & thảo luận nhóm	CLO6	50%	Chủ động chuẩn bị bài, tích cực thảo luận, giải quyết tình huống và làm việc nhóm	Tham gia đầy đủ các hoạt động học tập, có trao đổi ý kiến	Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn thụ động	Không tham gia hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao

2. Rubric bài kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Nội dung chính 1: Kiến thức cơ bản về pháp luật môi trường	CLO1	20%	Trình bày đầy đủ, chính xác, có hệ thống các khái niệm, nguyên tắc và quy định cơ bản của pháp luật môi trường	Trình bày cơ bản đầy đủ, chính xác các nội dung; còn một số thiếu sót hoặc sai sót nhỏ.	Nắm được những nội dung cơ bản nhưng thiếu hoặc còn nhầm lẫn một số khái niệm, nguyên tắc, quy định.	Không nắm được hoặc trình bày sai các nội dung cơ bản của pháp luật môi trường
Nội dung chính 2:	CLO2 CLO3	30%	Xác định chính xác vấn đề pháp	Phân tích và áp dụng cơ	Xác định được vấn đề pháp lý	Không xác định được

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Phân tích và áp dụng pháp luật môi trường			lý; phân tích và áp dụng đúng, đầy đủ các quy định pháp luật; lập luận chặt chẽ, logic.	bản đúng quy định pháp luật; lập luận tương đối rõ, còn một số hạn chế nhỏ.	nhưng áp dụng pháp luật còn hạn chế, phân tích chưa đầy đủ hoặc còn sai sót.	vấn đề pháp lý hoặc không áp dụng được quy định pháp luật để giải quyết vấn đề.
Nội dung chính 3: Phân tích quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý trong môi trường	CLO4	20%	Phân tích đầy đủ, chính xác quyền, nghĩa vụ của các bên; xác định đúng căn cứ và hậu quả pháp lý.	Phân tích và xác định cơ bản đúng quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý; còn một số sai sót nhỏ.	Xác định được quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý nhưng phân tích còn hạn chế, chưa đầy đủ.	Không xác định hoặc xác định sai quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý.
Nội dung chính 4: Phân tích và giải quyết tình huống pháp luật về môi trường	CLO5	30%	Phân tích toàn diện, chính xác tình huống; xác định đúng vấn đề, căn cứ pháp luật và đề xuất phương án giải quyết phù hợp, có lập luận thuyết phục.	Phân tích và giải quyết cơ bản phù hợp; xác định được căn cứ pháp luật và phương án giải quyết, còn hạn chế nhỏ.	Có khả năng giải quyết tình huống nhưng phân tích chưa đầy đủ, căn cứ hoặc phương án giải quyết còn sai sót.	Không phân tích được tình huống hoặc đưa ra phương án giải quyết không phù hợp với quy định pháp luật.
Tổng điểm		100%				

12. Yêu cầu học phần

- **Quy định chuyên cần:** Sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá 20% số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- **Nhiệm vụ học tập và tự học:** Sinh viên phải chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo liên quan đến Luật môi trường theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp; hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ tự học, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các chuyên đề tự học theo kế hoạch của học phần; tích cực phối hợp làm việc nhóm, chuẩn bị slide và thực hiện báo cáo, thuyết trình chuyên đề khi được phân công.

- **Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật:** Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động trao đổi, thảo luận và phản

biện trong các hoạt động trên lớp; thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức:** Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng những nội dung cốt lõi của Luật môi trường vào việc rèn luyện đạo đức, lối sống, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, phản biện và các hoạt động chính trị - xã hội phù hợp.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1]- Vũ Thu Hạnh, Lê Kim Nguyệt (2025), *Giáo trình luật môi trường*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

[2]- Lê Hồng Hạnh, Vũ Thu Hạnh (2024), *Giáo trình luật môi trường,* Nxb Tư pháp

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
1	CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN VỀ LUẬT MÔI TRƯỜNG **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày được các khái niệm chung về môi trường, bảo vệ môi trường, luật môi trường. **Nội dung cụ thể:** 1.1. Khái niệm chung về môi trường 1.2. Khái niệm chung bảo vệ môi trường 1.3. Khái niệm chung luật môi trường	07 (03LT, 04TH)	**Thuyết giảng, thảo luận, giảng dạy thông qua tình huống, đóng vai, thảo luận nhóm, trải nghiệm thực tế.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 1 [2]: Chương 1 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	CLO1 CLO4
2	CHƯƠNG 2. PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM, SUY THOÁI, SỰ CỐ MÔI	08 (04LT,	**Giảng giải kết hợp với trực quan; đưa bài tập**	CLO1 CLO4

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	TRƯỜNG **Mục tiêu chương**: Sinh viên trình bày được nội dung cơ bản về khái niệm ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường, sự cố môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường, các hình thức pháp lí của kiểm soát ô nhiễm môi trường. Qua đó, sinh viên có thể vận dụng các tình huống pháp lý trong thực tế. **Nội dung cụ thể:** 2.1. Khái niệm ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường, sự cố môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường 2.1. Các hình thức pháp lí của kiểm soát ô nhiễm môi trường	04TH)	**tình huống; tổ chức thảo luận nhóm. - Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu các tình huống thực tiễn, hướng dẫn sinh viên giải quyết tình huống. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 2 [2]: Chương 2 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận theo nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	
3	CHƯƠNG 3. PHÁP LUẬT VỀ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC **Mục tiêu chương:** Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về đa dạng sinh học và pháp luật bảo vệ đa dạng sinh học. Qua đó, sinh viên có thể vận dụng các tình huống pháp lý trong thực tế. **Nội dung cụ thể:** 3.1. Vấn đề đa dạng sinh học và việc bảo vệ đa dạng sinh học 3.2. Pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học	08 (04LT, 04TH)	**Thuyết trình; thảo luận nhóm; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học theo nhóm kết hợp với trực quan.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa, nội dung cơ bản. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm.	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			+ Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 3 [2]: Chương 3 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	
4	CHƯƠNG 4. PHÁP LUẬT VỀ ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG, GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG, ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG **Mục tiêu chương:** Sinh viên nắm được những nội dung cơ bản về pháp luật về đánh giá môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường. **Nội dung cụ thể:** 4.1. Khái niệm đánh giá môi trường 4.2. Những nội dung cơ bản của pháp luật về đánh giá môi trường 4.3. Những nội dung cơ bản của pháp luật về giấy phép môi trường 4.4. Những nội dung cơ bản của pháp luật về đăng ký môi trường	09 (05LT, 04TH)	**Thuyết trình kết hợp với trực quan, dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức thảo luận nhóm, kết hợp với tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 4 [2]: Chương 4 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			+ Thảo luận theo nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	
5	CHƯƠNG 5. PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ CÁC NGUỒN TÀI NGUYÊN **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày được pháp luật về bảo vệ các nguồn tài nguyên hiện nay. Qua đó, sinh viên có thể vận dụng các tình huống pháp lý trong thực tế. **Nội dung cụ thể:** 5.1. Những vấn đề chung của pháp luật bảo vệ các nguồn tài nguyên 5.2. Quy định đặc thù của pháp luật bảo vệ các nguồn tài nguyên	09 (05LT, 02TH 02KT)	**Thuyết giảng, giảng dạy thông qua tình huống, thảo luận nhóm, trải nghiệm thực tế.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa, nội dung lý thuyết. + Nêu tình huống thực tế liên quan bài giảng. + Hướng dẫn sinh viên thảo luận nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 5 [2]: Chương 5 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Sinh viên nghiên cứu, giải quyết tình huống thực tế của GV đưa ra, thảo luận nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
6	CHƯƠNG 6. XỬ LÝ VI PHẠM, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP MÔI TRƯỜNG **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày được pháp luật xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp môi trường. Qua đó, sinh viên có thể vận dụng các tình huống pháp lý trong thực	10 (05LT, 05TH)	**Giảng giải kết hợp với trực quan; dạy học dựa trên nêu vấn đề; tổ chức học theo nhóm.** **- Giảng viên:**	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	tế. **Nội dung cụ thể:** 6.1. Xử lý vi phạm pháp luật môi trường 6.2. Giải quyết tranh chấp môi trường		+ Phân tích các khái niệm, định nghĩa, nội dung cơ bản. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 6 [2]: Chương 6 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên. + SV làm bài kiểm tra giữa học phần	
7	CHƯƠNG 7. THỰC THI CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ VỀ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM **Mục tiêu chương:** Sinh viên nắm được quyền và nghĩa vụ chủ yếu của Việt Nam xuất phát từ các điều ước quốc tế về môi trường; Ttực thi các nghĩa vụ phát sinh từ các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã kí kết hoặc tham gia. **Nội dung cụ thể:** 7.1. Tổng quan về các điều ước quốc tế về môi trường 7.2. Quyền và nghĩa vụ chủ yếu của Việt Nam xuất phát từ các điều ước quốc tế về môi trường	09 (04LT, 05TH)	**Thuyết giảng, giảng dạy thông qua tình huống, thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa, nội dung cơ bản + Đưa ra các bài tập tình huống thực tiễn gắn với bài học. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	7.3. Thực thi các nghĩa vụ phát sinh từ các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã kí kết hoặc tham gia		+ Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 7 [2]: Chương 7 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Luật

1. Tên học phần: Luật thuế
2. Mã học phần: LUAT 030
3. Số tín chỉ: 3 (2, 1)
4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ ba
5. Phân bổ thời gian:

- Giờ tín chỉ: 30 giờ lý thuyết, 30 giờ thực hành
- Giờ học tập định mức của người học (bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá): 150 giờ

6. Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau khi học xong học phần Nguyên lý kế toán
7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Đinh Thị Kim Thiết	0389.037.289	duongkhanh2010@gmail.com
2	TS. Nguyễn Vinh Diện	0912.341.915	dien_nv@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Luật thuế cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về thuế, pháp luật thuế và quan hệ pháp luật thuế. Học phần trình bày các quy định pháp luật điều chỉnh những sắc thuế chủ yếu đối với hàng hóa, dịch vụ, thu nhập và tài sản. Người học được nghiên cứu các yếu tố pháp lý của từng sắc thuế như người nộp thuế, đối tượng chịu thuế, căn cứ tính thuế, miễn, giảm và hoàn thuế. Học phần đồng thời trang bị kiến thức về đăng ký, khai, tính, nộp và quản lý thuế. Nội dung học phần đề cập quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý của người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế; xử lý vi phạm, khiếu nại và giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực thuế. Qua đó, người học hình thành khả năng phân tích quy định, giải quyết tình huống và đề xuất phương án pháp lý về thuế phù hợp.

9. Ngôn ngữ giảng dạy

Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức có hệ thống về thuế và pháp luật thuế Việt Nam; giúp người học hiểu và vận dụng các quy định pháp luật về những sắc thuế chủ yếu và quản lý thuế để phân tích, giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp. Học phần đồng thời góp phần phát triển năng lực tra cứu, phân tích, lập luận và tư vấn pháp luật; kỹ năng xác định nghĩa vụ thuế, xử lý vi phạm, khiếu nại và giải quyết tranh chấp về thuế; hình thành ý thức tuân thủ pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong quan hệ pháp luật thuế.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- **CO1:** Cung cấp cho người học kiến thức lý luận nền tảng về thuế, pháp luật thuế, quan hệ pháp luật thuế và cấu trúc của hệ thống pháp luật thuế Việt Nam.

- **CO2:** Trang bị cho người học kiến thức pháp lý về người nộp thuế, đối tượng chịu thuế, căn cứ tính thuế, chế độ miễn, giảm, hoàn thuế và nghĩa vụ thuế đối với các sắc thuế chủ yếu.

- **CO3:** Giúp người học phát triển năng lực tra cứu, phân tích và vận dụng các quy định pháp luật thuế để nhận diện vấn đề, đánh giá căn cứ pháp lý và đề xuất phương án giải quyết tình huống phù hợp.

- **CO4:** Rèn luyện cho người học kỹ năng thực hiện và tư vấn các thủ tục về đăng ký, khai, tính, nộp, hoàn thuế; xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý và thực hiện nghĩa vụ thuế.

- **CO5:** Tạo cơ hội cho người học rèn luyện kỹ năng lập luận, trao đổi và giải quyết tình huống liên quan đến xử lý vi phạm, khiếu nại và tranh chấp về thuế; đồng thời hình thành ý thức tuân thủ pháp luật, tính trung thực, khách quan và trách nhiệm nghề nghiệp.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome -CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Giải thích được những vấn đề lý luận cơ bản về thuế, pháp luật thuế, quan hệ pháp luật thuế và cấu trúc của hệ thống pháp luật thuế Việt Nam.	PI2.2	2
CLO2	Phân tích được các quy định pháp luật về người nộp thuế, đối tượng chịu thuế, căn cứ tính thuế, miễn, giảm và hoàn thuế đối với các sắc thuế chủ yếu.	PI2.2	4
	Kỹ năng		
CLO3	Vận dụng được quy định pháp luật để xác định nghĩa vụ thuế và đề xuất phương án giải quyết các tình huống pháp lý về thuế của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp.	PI2.2	3
CLO4	Thực hiện được việc tra cứu, phân tích hồ sơ và tư vấn các thủ tục đăng ký, khai, tính, nộp, miễn, giảm và hoàn thuế theo quy định pháp luật.	PI3.2	3
CLO5	Phân tích và đề xuất được phương án xử lý vi phạm, khiếu nại và giải quyết tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực thuế.	PI3.2	4
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Đánh giá được tính hợp pháp và hậu quả pháp lý của	PI3.2	5

	hành vi trong lĩnh vực thuế; thể hiện ý thức tuân thủ pháp luật, trung thực, khách quan, bảo mật thông tin và trách nhiệm nghề nghiệp.		

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs):

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3	CO4	CO5
CLO1	x				
CLO2		x			
CLO3		x	x		
CLO4			x	x	
CLO5			x		x
CLO6					x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình (PLOs):

CLOs	PLO2	PLO3
PLO và chỉ số PI	PI2.2	PI3.2
CLO1	R	
CLO2	R	
CLO3	R	
CLO4		R
CLO5		R
CLO6		R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Điểm chuyên cần, kiểm tra thường xuyên, nhận thức và thái độ	20%	- Thời gian và mức độ tham gia học tập trên lớp. - Bài kiểm tra ngắn bằng hình thức trắc nghiệm, tự luận	CLO1	25	Điểm bài kiểm tra ngắn, câu hỏi tự luận hoặc vấn đáp	Không lấy trực tiếp để đánh giá PLO/PI
			CLO2	25	Điểm bài tập phân tích quy định của từng	Không lấy trực tiếp để đánh giá

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
học tập		hoặc vấn đáp. - Bài tập tra cứu văn bản pháp luật. - Bài tập nhận định đúng - sai có giải thích. - Bài tập tình huống cá nhân hoặc nhóm. - Rubric chuyên cần, rubric bài tập tình huống và rubric thảo luận.			sắc thuế	PLO/PI
			CLO3	20	Điểm bài tập tình huống pháp lý về thuế	Dữ liệu tham khảo cho PLO2/PI2.2
			CLO4	15	Điểm bài tập tra cứu văn bản và phân tích hồ sơ, thủ tục thuế	Không lấy trực tiếp để đánh giá PLO/PI
			CLO6	15	Điểm rubric chuyên cần, thái độ, trách nhiệm và tuân thủ yêu cầu học tập	Không lấy trực tiếp để đánh giá PLO/PI
Điểm kiểm tra giữa kỳ	**30%**	- Bài kiểm tra tự luận kết hợp phân tích tình huống pháp lý. - Nội dung gồm phân tích quy định của một số sắc thuế, xác định nghĩa vụ thuế, thủ tục quản lý thuế và đề xuất phương án giải quyết. - Có thể sử dụng bài viết cá nhân hoặc bài tập tình huống nhóm kết hợp thuyết trình.	CLO2	25	Điểm phần phân tích quy định pháp luật thuế	Không lấy trực tiếp để đánh giá PLO/PI
			CLO3	30	Điểm phần xác định nghĩa vụ thuế và đề xuất phương án pháp lý	Dữ liệu tham khảo cho PLO2/PI2.2
			CLO4	20	Điểm phần tra cứu, lựa chọn căn cứ pháp lý và xử lý thủ tục thuế	Không lấy trực tiếp để đánh giá PLO/PI
			CLO5	15	Điểm phần phân tích vi phạm, khiếu	Dữ liệu tham khảo cho

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
		- Đáp án, hướng dẫn chấm và rubric phân tích tình huống. - Bài thi tự luận kết hợp phân tích tình huống pháp lý tổng hợp. - Nội dung gồm kiến thức lý luận, pháp luật về các sắc thuế chủ yếu, quản lý thuế, xử lý vi phạm, khiếu nại và giải quyết tranh chấp về thuế. - Người học phải xác định vấn đề pháp lý, lựa chọn căn cứ pháp luật, lập luận và đề xuất phương án giải quyết. - Đáp án và hướng dẫn chấm chi tiết theo từng CLO.			nại hoặc tranh chấp thuế	PLO3/PI3.2
			CLO6	10	Điểm phần đánh giá tính hợp pháp và trách nhiệm của các chủ thể	Không lấy trực tiếp để đánh giá PLO/PI
Điểm thi cuối kỳ	**50%**		CLO1	10	Điểm phần kiến thức lý luận về thuế và pháp luật thuế	Không lấy trực tiếp để đánh giá PLO/PI
			CLO2	20	Điểm phần phân tích các quy định pháp luật về sắc thuế	Không lấy trực tiếp để đánh giá PLO/PI
			CLO3	30	Điểm câu hỏi tình huống xác định nghĩa vụ thuế và đề xuất phương án giải quyết	Điểm CLO3 → PLO2/PI2.2
			CLO4	15	Điểm phần lựa chọn căn cứ pháp lý và xử lý thủ tục thuế	Không lấy trực tiếp để đánh giá PLO/PI
			CLO5	20	Điểm tình huống xử lý vi phạm, khiếu nại hoặc tranh	Điểm CLO5 → PLO3/PI3.2

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
					chấp thuế	
			CLO6	5	Điểm phần đánh giá tính hợp pháp, hậu quả pháp lý và trách nhiệm nghề nghiệp	Không lấy trực tiếp để đánh giá PLO/PI

Ký hiệu CLO (1)	Nội dung CLO (2)	Cần đo lường mức đạt CLO (3)	Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI (4)	Dữ liệu được lấy từ (5)
CLO1	Giải thích được những vấn đề lý luận cơ bản về thuế, pháp luật thuế, quan hệ pháp luật thuế và cấu trúc của hệ thống pháp luật thuế Việt Nam.	x	Không sử dụng trực tiếp để đánh giá PLO/PI	Bài kiểm tra thường xuyên và bài thi cuối kỳ
CLO2	Phân tích được các quy định pháp luật về người nộp thuế, đối tượng chịu thuế, căn cứ tính thuế, miễn, giảm và hoàn thuế đối với các sắc thuế chủ yếu.	x	Không sử dụng trực tiếp để đánh giá PLO/PI	Bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi cuối kỳ
CLO3	Vận dụng được quy định pháp luật để xác định nghĩa vụ thuế và đề xuất phương án giải quyết các tình huống pháp lý về thuế của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp.	x	PLO2/PI2.2	Câu hỏi tình huống trong bài thi cuối kỳ
CLO4	Thực hiện được việc tra cứu, phân tích hồ sơ và tư vấn các thủ tục đăng ký, khai, tính, nộp, miễn, giảm và hoàn	x	Không sử dụng trực tiếp để đánh giá PLO/PI	Bài tập tra cứu văn bản, bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi

	thuế theo quy định pháp luật.			cuối kỳ
CLO5	Phân tích và đề xuất được phương án xử lý vi phạm, khiếu nại và giải quyết tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực thuế.	x	PLO3/PI3.2	Câu hỏi tình huống trong bài thi cuối kỳ
CLO6	Đánh giá được tính hợp pháp và hậu quả pháp lý của hành vi trong lĩnh vực thuế; thể hiện ý thức tuân thủ pháp luật, trung thực, khách quan, bảo mật thông tin và trách nhiệm nghề nghiệp.	x	Không sử dụng trực tiếp để đánh giá PLO/PI	Rubric chuyên cần, thái độ học tập; bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi cuối kỳ

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	**CLO**	**Tỷ lệ**	**Rất tốt 10-8,5**	**Tốt 8,4-7,0**	**Đạt yêu cầu 6,9-5,0**	**Không đạt 4,9-0,0**	**Điểm**
Mức độ tham dự theo thời khóa biểu	CLO6	50%	Tham dự trên 85% số buổi học; đúng giờ và thực hiện đầy đủ quy định của lớp học	Tham dự từ 70% đến 85% số buổi học; cơ bản bảo đảm thời gian và nội quy	Tham dự từ 50% đến dưới 70% số buổi học; còn đi muộn hoặc chưa thực hiện đầy đủ nội quy	Tham dự dưới 50% số buổi học hoặc vi phạm nghiêm trọng quy định học tập	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	CLO6	50%	Chủ động phát biểu, trao đổi, đặt câu hỏi; tích cực tham gia phân tích tình huống và hỗ trợ nhóm	Tham gia trao đổi; có đặt hoặc trả lời từ hai câu hỏi trở lên; hoàn thành nhiệm vụ được giao	Có tham gia nhưng còn thụ động; đặt hoặc trả lời ít nhất một câu hỏi; hoàn thành nhiệm vụ ở mức cơ bản	Không tham gia thảo luận, không thực hiện nhiệm vụ hoặc gây ảnh hưởng đến hoạt động chung	
Điểm tổng		**100%**					

2. Rubric đánh giá bài tập tình huống pháp lý về thuế

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi 10-8,5	Khá 8,4-7,0	Trung bình 6,9-5,0	Yếu 4,9-0,0	Điểm
Nhận diện vấn đề và tình tiết pháp lý	CLO2, CLO3	15%	Xác định đầy đủ, chính xác các chủ thể, quan hệ pháp luật, sự kiện và vấn đề pháp lý cần giải quyết	Xác định được phần lớn vấn đề và tình tiết pháp lý; còn thiếu chi tiết không trọng yếu	Xác định được vấn đề pháp lý cơ bản nhưng còn nhầm lẫn hoặc bỏ sót một số tình tiết quan trọng	Không xác định được hoặc xác định sai bản chất vấn đề pháp lý	
Tra cứu và lựa chọn căn cứ pháp luật	CLO2, CLO4	25%	Lựa chọn đầy đủ văn bản, điều khoản còn hiệu lực và liên quan trực tiếp đến tình huống; trích dẫn chính xác	Lựa chọn được căn cứ pháp luật cơ bản; còn thiếu một số quy định liên quan hoặc có lỗi trích dẫn nhỏ	Tìm được một số căn cứ nhưng chưa đầy đủ, chưa cập nhật hoặc liên hệ với tình huống còn hạn chế	Không tìm được căn cứ pháp luật hoặc sử dụng văn bản không phù hợp, hết hiệu lực	
Phân tích và áp dụng pháp luật	CLO2, CLO3	25%	Phân tích logic, đối chiếu đầy đủ tình tiết với quy phạm; xác định chính xác quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý	Lập luận tương đối logic; áp dụng pháp luật cơ bản chính xác nhưng phân tích chưa toàn diện	Có áp dụng quy định pháp luật nhưng lập luận còn đơn giản, thiếu liên kết hoặc có sai sót	Áp dụng sai quy định; lập luận mâu thuẫn hoặc không có căn cứ	
Đề xuất phương án giải quyết	CLO3, CLO5	20%	Đề xuất phương án hợp pháp, khả thi; so sánh được	Phương án cơ bản phù hợp và khả thi nhưng chưa phân	Đề xuất được phương án nhưng căn cứ, tính	Không đề xuất được phương án hoặc phương	

			các lựa chọn và giải thích rõ cơ sở lựa chọn	tích đầy đủ các lựa chọn hoặc rủi ro	khả thi hoặc khả năng bảo vệ quyền lợi còn hạn chế	án trái quy định pháp luật	
Hình thức trình bày và trách nhiệm học thuật	CLO6	15%	Bài làm rõ ràng, đúng cấu trúc, diễn đạt chuẩn xác; trích dẫn đầy đủ; trung thực và đúng thời hạn	Bài làm tương đối rõ; còn một số lỗi diễn đạt, trình bày hoặc trích dẫn nhỏ	Bài làm đáp ứng yêu cầu tối thiểu nhưng trình bày thiếu hệ thống, có nhiều lỗi hoặc nộp chậm	Bài làm khó theo dõi, sao chép, không trích dẫn nguồn hoặc không hoàn thành	
Điểm tổng		**100%**					

3. Rubric đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ và thi tự luận kết thúc học phần

Tiêu chí đánh giá	**CLO**	**Trọng số Giữa kỳ/Cuối kỳ**	**Giỏi 10-8,5**	**Khá 8,4-7,0**	**Trung bình 6,9-5,0**	**Yếu 4,9-0,0**	**Điểm**
Kiến thức lý luận về thuế và pháp luật thuế	CLO1	0%/10%	Giải thích đầy đủ, chính xác khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc, vai trò và quan hệ pháp luật thuế	Trình bày cơ bản đầy đủ, chính xác; còn một số thiếu sót nhỏ	Nêu được kiến thức cơ bản nhưng chưa hệ thống hoặc còn nhầm lẫn	Không nắm được kiến thức nền tảng hoặc trả lời sai trọng tâm	
Phân tích pháp luật về các sắc thuế	CLO2	25%/20%	Phân tích đầy đủ, chính xác người nộp thuế, đối tượng chịu thuế, căn cứ tính thuế và các chế độ pháp lý liên quan	Phân tích cơ bản chính xác; còn thiếu một số nội dung hoặc điều kiện áp dụng	Trình bày được nội dung chính nhưng phân tích còn hạn chế, có sai sót	Không phân tích được hoặc áp dụng sai quy định pháp luật	

Xác định nghĩa vụ thuế và đề xuất phương án pháp lý	CLO3	30%/30%	Nhận diện đầy đủ vấn đề; lựa chọn đúng căn cứ; xác định chính xác nghĩa vụ thuế; lập luận chặt chẽ và đề xuất phương án hợp pháp, khả thi	Giải quyết được phần lớn yêu cầu; phương án cơ bản phù hợp nhưng lập luận chưa toàn diện	Giải quyết được vấn đề cơ bản nhưng còn thiếu căn cứ hoặc có sai sót	Không xác định được nghĩa vụ thuế hoặc đề xuất phương án trái pháp luật	
Tra cứu, phân tích hồ sơ và xử lý thủ tục thuế	CLO4	20%/15%	Lựa chọn đúng căn cứ; xác định đầy đủ chủ thể, hồ sơ, trình tự, thời hạn, thẩm quyền và quyền, nghĩa vụ liên quan	Xác định được phần lớn yêu cầu thủ tục; còn thiếu một số chi tiết không trọng yếu	Nêu được thủ tục cơ bản nhưng chưa đầy đủ hoặc còn nhầm lẫn	Không xác định được hoặc xác định sai hồ sơ, trình tự, thời hạn hay thẩm quyền	
Xử lý vi phạm, khiếu nại và tranh chấp thuế	CLO5	15%/20%	Phân tích chính xác hành vi, hậu quả pháp lý, thẩm quyền và trình tự xử lý; đề xuất phương án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp	Phân tích cơ bản đúng và có phương án phù hợp; còn thiếu một số căn cứ hoặc bước xử lý	Nhận diện được vấn đề nhưng phân tích và phương án xử lý còn hạn chế	Không nhận diện được vấn đề hoặc đưa ra hướng xử lý sai quy định	
Đánh giá tính hợp pháp và trách nhiệm nghề nghiệp	CLO6	10%/5%	Đánh giá toàn diện tính hợp pháp, hậu quả và trách nhiệm của các chủ thể; thể hiện quan	Đánh giá cơ bản phù hợp; còn thiếu một số khía cạnh về hậu quả hoặc trách	Nhận biết được yêu cầu tuân thủ nhưng đánh giá còn chung chung	Đưa ra nhận định trái pháp luật hoặc thể hiện sự thiếu khách quan,	

			điểm trung thực, khách quan và có trách nhiệm	nhiệm		thiếu trách nhiệm	
Điểm tổng		**100%**					

12. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập, đồ dùng học tập trước khi đến lớp, ghi chép bài đầy đủ, tích cực làm bài tập, có thái độ tích cực trong giờ học, có đóng góp ý kiến xây dựng bài, có tinh thần tự học, hỗ trợ bạn cùng lớp trong học tập.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên phải tham gia đầy đủ các giờ học (tối thiểu 80% số giờ học trên lớp) dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Về nghiên cứu tài liệu: Sinh viên đọc trước tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp.

- Kiểm tra đánh giá: Sinh viên phải hoàn thành các bài tập được giao, đạt chất lượng theo yêu cầu của giảng viên; tham gia đầy đủ, đạt chất lượng các bài kiểm tra trên lớp, bài tập lớn và thi kết thúc học phần.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu bắt buộc:

[1] Đại học Sao Đỏ (2026), *Tài liệu học tập Luật thuế*

- Tài liệu tham khảo:

[2] PGS.TS.Trần Mạnh Dũng (2018), "*Kế toán tài chính trong doanh nghiệp: Lý thuyết và thực hành",* NXB Tài chính.

[3] Bộ Tài chính, *Thông tư số 99/2025/TT-BTC*, ngày 27 tháng 10 năm 2025.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
1	**Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THUẾ VÀ PHÁP LUẬT THUẾ** **Mục tiêu chương:** Giúp sinh viên giải thích được khái niệm, đặc điểm, vai trò và cách phân loại thuế; phân tích được khái niệm, cấu trúc, nguyên tắc và nguồn của pháp luật thuế; xác định được chủ thể, quyền, nghĩa vụ và đối tượng của quan hệ pháp luật thuế; hình thành ý thức tuân thủ và trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực thuế. **Nội dung cụ thể:** 1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của thuế	5 (3 LT, 2 TH)	- **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng; giảng dạy thông qua thảo luận; dạy học dựa trên vấn đề. - **Giảng viên:** Giải thích các vấn đề lý luận; hệ thống hóa cấu trúc pháp luật thuế; đưa ra câu hỏi nhận định và tình huống về quan hệ pháp luật thuế. - **Sinh viên:** Đọc giáo trình, nghiên cứu văn bản; thảo luận, phân loại	CLO1 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	1.2. Phân loại thuế 1.3. Khái niệm, đặc điểm và nguyên tắc của pháp luật thuế 1.4. Cấu trúc và nguồn của pháp luật thuế 1.5. Quan hệ pháp luật thuế 1.6. Hệ thống pháp luật thuế Việt Nam **Bài tập, thảo luận:** - Phân biệt thuế với phí, lệ phí và các khoản thu khác. - Phân loại các sắc thuế trong hệ thống pháp luật thuế Việt Nam. - Xác định các yếu tố của quan hệ pháp luật thuế trong tình huống.		sắc thuế; xác định chủ thể, quyền và nghĩa vụ trong tình huống.	
2	**Chương 2. PHÁP LUẬT THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU** **Mục tiêu chương:** Giúp sinh viên phân tích được phạm vi điều chỉnh và các yếu tố pháp lý của thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; xác định được nghĩa vụ thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; vận dụng quy định pháp luật để giải quyết các tình huống về miễn, giảm, hoàn thuế và xử lý nghĩa vụ thuế trong hoạt động xuất nhập khẩu. **Nội dung cụ thể:** 2.1. Khái niệm và vai trò của thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2.2. Người nộp thuế và đối tượng chịu thuế 2.3. Đối tượng không chịu thuế 2.4. Căn cứ và phương pháp tính thuế 2.5. Thuế suất và trị giá tính thuế 2.6. Miễn, giảm và hoàn thuế 2.7. Kê khai, nộp và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu **Bài tập, thảo luận:** - Xác định đối tượng chịu thuế và người nộp thuế. - Phân tích tình huống miễn, giảm, hoàn thuế. - Đề xuất phương án giải quyết nghĩa vụ thuế xuất khẩu, nhập khẩu.	6 (3 LT, 3 TH)	- **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng; nghiên cứu tình huống; dạy học dựa trên vấn đề. - **Giảng viên:** Hướng dẫn phân tích cấu thành nghĩa vụ thuế; cung cấp tình huống xuất nhập khẩu và yêu cầu sinh viên lựa chọn căn cứ pháp luật. - **Sinh viên:** Tra cứu văn bản; phân tích dữ kiện, xác định nghĩa vụ thuế; lập luận và đề xuất phương án pháp lý.	CLO2 CLO3 CLO4
3	**Chương 3. PHÁP LUẬT THUẾ TIÊU**	6	- **Phương pháp giảng**	CLO2

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	THỤ ĐẶC BIỆT VÀ THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG **Mục tiêu chương:** Giúp sinh viên phân tích được mục đích điều tiết, phạm vi áp dụng và các yếu tố pháp lý của thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế bảo vệ môi trường; phân biệt được hai sắc thuế; xác định và đề xuất được phương án giải quyết nghĩa vụ thuế trong các tình huống liên quan đến sản xuất, nhập khẩu và kinh doanh hàng hóa, dịch vụ. **Nội dung cụ thể:** 3.1. Pháp luật thuế tiêu thụ đặc biệt 3.1.1. Người nộp thuế 3.1.2. Đối tượng chịu thuế và không chịu thuế 3.1.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế 3.1.4. Hoàn, khấu trừ và giảm thuế 3.2. Pháp luật thuế bảo vệ môi trường 3.2.1. Người nộp thuế và đối tượng chịu thuế 3.2.2. Căn cứ và phương pháp tính thuế 3.2.3. Kê khai, nộp và hoàn thuế **Bài tập, thảo luận:** - So sánh hai sắc thuế. - Xác định đối tượng và căn cứ tính thuế. - Phân tích tình huống hàng hóa đồng thời chịu nhiều loại thuế.	(3 LT, 3 TH	**dạy:** Thuyết giảng; giảng dạy thông qua thảo luận; nghiên cứu tình huống, kết hợp tranh biện. - **Giảng viên:** Phân tích mục tiêu điều tiết và các yếu tố pháp lý; cung cấp bảng so sánh và tình huống hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế. Hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, và tranh biện vấn đề. - **Sinh viên:** Nghiên cứu quy định; lập bảng so sánh; xác định nghĩa vụ thuế và giải thích căn cứ pháp lý; thảo luận, tranh biện nội dung giảng viên đưa ra.	CLO3 CLO4
4	**Chương 4. PHÁP LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG** **Mục tiêu chương:** Giúp sinh viên phân tích được bản chất, phạm vi áp dụng và các yếu tố pháp lý của thuế giá trị gia tăng; phân biệt được đối tượng không chịu thuế, áp dụng thuế suất và các phương pháp tính thuế; vận dụng quy định để xác định nghĩa vụ, khấu trừ, hoàn thuế và đề xuất phương án giải quyết tình huống pháp lý. **Nội dung cụ thể:** 4.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của thuế giá trị gia tăng 4.2. Người nộp thuế	08 (4 LT, 4 TH).	- **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng; nghiên cứu tình huống; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học tập theo nhóm. - **Giảng viên:** Hệ thống hóa quy định; hướng dẫn phân tích hồ sơ, hóa đơn và điều kiện khấu trừ, hoàn thuế; tổ chức giải quyết tình huống nhóm. - **Sinh viên:** Tra cứu quy định; phân tích hồ	CLO2 CLO3 CLO4 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	4.3. Đối tượng chịu thuế và không chịu thuế 4.4. Giá tính thuế và thuế suất 4.5. Phương pháp tính thuế 4.6. Khấu trừ thuế đầu vào 4.7. Hoàn thuế giá trị gia tăng 4.8. Kê khai và nộp thuế **Bài tập, thảo luận:** - Xác định đối tượng và mức thuế suất. - Phân tích điều kiện khấu trừ, hoàn thuế. - Giải quyết tình huống về hóa đơn và nghĩa vụ thuế GTGT.		sơ, xác định nghĩa vụ thuế; thảo luận và bảo vệ phương án giải quyết.	
5	**Chương 5. PHÁP LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** **Mục tiêu chương:** Giúp sinh viên phân tích được phạm vi áp dụng và các yếu tố pháp lý của thuế thu nhập doanh nghiệp; xác định được thu nhập chịu thuế, thu nhập miễn thuế, chi phí được trừ, thuế suất và ưu đãi thuế; vận dụng pháp luật để giải quyết các tình huống về nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp. **Nội dung cụ thể:** 5.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của thuế thu nhập doanh nghiệp 5.2. Người nộp thuế 5.3. Thu nhập chịu thuế và thu nhập miễn thuế 5.4. Căn cứ và phương pháp tính thuế 5.5. Doanh thu tính thuế 5.6. Chi phí được trừ và không được trừ 5.7. Thuế suất và chuyển lỗ 5.8. Ưu đãi, miễn và giảm thuế 5.9. Kê khai và nộp thuế **Bài tập, thảo luận:** - Phân loại thu nhập và chi phí. - Xác định nghĩa vụ thuế trong tình huống doanh nghiệp. - Phân tích điều kiện hưởng ưu đãi thuế.	08 (4 LT, 4 TH)	- **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng; nghiên cứu tình huống; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học tập theo nhóm. - **Giảng viên:** Giải thích cấu trúc nghĩa vụ thuế TNDN; cung cấp hồ sơ doanh nghiệp giả định; hướng dẫn phân tích chi phí và điều kiện ưu đãi. - **Sinh viên:** Nghiên cứu quy định; phân loại doanh thu, thu nhập và chi phí; giải quyết tình huống và đề xuất phương án pháp lý.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO6
6	**Chương 6. PHÁP LUẬT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN** **Mục tiêu chương:** Giúp sinh viên phân tích được các quy	08 (4 LT, 4 TH)	- **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng; nghiên cứu tình huống; giảng dạy thông qua	CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	định về người nộp thuế, thu nhập chịu thuế, thu nhập miễn thuế, giảm trừ và căn cứ tính thuế; xác định được nghĩa vụ thuế đối với cá nhân cư trú và không cư trú; vận dụng pháp luật để xử lý các tình huống về khai, khấu trừ, quyết toán và hoàn thuế thu nhập cá nhân. **Nội dung cụ thể:** 6.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của thuế thu nhập cá nhân 6.2. Người nộp thuế và tình trạng cư trú 6.3. Thu nhập chịu thuế và thu nhập miễn thuế 6.4. Các khoản giảm trừ 6.5. Căn cứ tính thuế đối với cá nhân cư trú 6.6. Căn cứ tính thuế đối với cá nhân không cư trú 6.7. Khấu trừ, kê khai, quyết toán và hoàn thuế **Bài tập, thảo luận:** - Xác định tình trạng cư trú. - Phân loại các khoản thu nhập. - Giải quyết tình huống khấu trừ, quyết toán và hoàn thuế.		thảo luận. - **Giảng viên:** Hướng dẫn phân tích tình trạng cư trú, thu nhập và giảm trừ; cung cấp tình huống về tiền lương, đầu tư, chuyển nhượng và quyết toán thuế. - **Sinh viên:** Tra cứu văn bản; phân loại thu nhập, xác định nghĩa vụ; thảo luận và giải thích phương án xử lý.	
7	**Chương 7. PHÁP LUẬT THUẾ ĐỐI VỚI TÀI NGUYÊN VÀ ĐẤT ĐAI** **Mục tiêu chương:** Giúp sinh viên phân tích được mục đích, phạm vi điều chỉnh và các yếu tố pháp lý của thuế tài nguyên và thuế sử dụng đất; xác định được nghĩa vụ thuế của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; vận dụng quy định để giải quyết các tình huống pháp lý liên quan đến khai thác tài nguyên và sử dụng đất. **Nội dung cụ thể:** 7.1. Pháp luật thuế tài nguyên 7.1.1. Người nộp thuế và đối tượng chịu thuế 7.1.2. Căn cứ và phương pháp tính thuế 7.1.3. Miễn, giảm, kê khai và nộp thuế 7.2. Pháp luật thuế sử dụng đất	06 (3 LT, 3 TH)	- **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng; nghiên cứu tình huống; tổ chức học tập theo nhóm. - **Giảng viên:** Giới thiệu các yếu tố pháp lý; cung cấp tình huống về khai thác tài nguyên, sử dụng đất và miễn, giảm thuế. - **Sinh viên:** Nghiên cứu quy định; xác định chủ thể, đối tượng và căn cứ tính thuế; thảo luận và đề xuất phương án xử lý.	CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	7.2.1. Người nộp thuế và đối tượng chịu thuế 7.2.2. Căn cứ và phương pháp tính thuế 7.2.3. Miễn, giảm, kê khai và nộp thuế **Bài tập, thảo luận:** - Xác định chủ thể và đối tượng chịu thuế. - Phân tích tình huống sử dụng nhiều thửa đất. - Giải quyết tình huống khai thác tài nguyên.			
8	**Chương 8. PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ THUẾ** **Mục tiêu chương:** Giúp sinh viên phân tích được nguyên tắc, chủ thể và nội dung quản lý thuế; xác định được quyền, nghĩa vụ của người nộp thuế và trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế; thực hiện được việc tra cứu và tư vấn các thủ tục đăng ký, khai, nộp, ấn định, hoàn, miễn, giảm, gia hạn và cưỡng chế thi hành nghĩa vụ thuế. **Nội dung cụ thể:** 8.1. Khái niệm và nguyên tắc quản lý thuế 8.2. Chủ thể quản lý thuế 8.3. Quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế 8.4. Đăng ký, khai, tính và nộp thuế 8.5. Ấn định thuế 8.6. Hoàn, miễn, giảm, gia hạn và xóa nợ tiền thuế 8.7. Quản lý thông tin người nộp thuế 8.8. Kiểm tra và thanh tra thuế 8.9. Quản lý nợ và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về thuế **Bài tập, thảo luận:** - Xây dựng sơ đồ thủ tục quản lý thuế. - Phân tích hồ sơ và xác định thẩm quyền, thời hạn. - Tư vấn thủ tục cho người nộp thuế.	08 (4 LT, 4 TH)	- **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng; dạy học dựa trên vấn đề; nghiên cứu tình huống; phương pháp sắm vai. - **Giảng viên:** Hướng dẫn quy trình quản lý thuế; cung cấp hồ sơ giả định; tổ chức tình huống tư vấn và làm việc giữa người nộp thuế với cơ quan quản lý thuế. - **Sinh viên:** Tra cứu quy định; lập sơ đồ thủ tục, phân tích hồ sơ; thực hành tư vấn và giải trình trong tình huống.	CLO3 CLO4 CLO6
9	**Chương 9. XỬ LÝ VI PHẠM, KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG LĨNH VỰC THUẾ**	05 (2 LT, 3 TH)	- **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng; nghiên cứu tình huống;	CLO3 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	Mục tiêu chương: Giúp sinh viên nhận diện và phân tích được các hành vi vi phạm pháp luật thuế, hình thức trách nhiệm pháp lý và thẩm quyền xử lý; phân tích được quyền khiếu nại, khởi kiện và trình tự giải quyết; đề xuất được phương án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người nộp thuế và các chủ thể có liên quan. **Nội dung cụ thể:** 9.1. Vi phạm pháp luật thuế và trách nhiệm pháp lý 9.2. Xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn 9.3. Trách nhiệm hình sự đối với hành vi vi phạm pháp luật thuế 9.4. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại về thuế 9.5. Khởi kiện và giải quyết vụ án hành chính về thuế 9.6. Nguyên tắc và phương án giải quyết tranh chấp thuế **Bài tập, thảo luận:** - Nhận diện hành vi và loại trách nhiệm pháp lý. - Xác định thẩm quyền, thời hiệu và trình tự giải quyết. - Soạn thảo ý kiến tư vấn hoặc phương án khiếu nại. - Phân tích tình huống tranh chấp thuế.		dạy học dựa trên vấn đề; phương pháp sắm vai. - **Giảng viên:** Hệ thống hóa các loại vi phạm và trách nhiệm; cung cấp quyết định hành chính, hồ sơ khiếu nại hoặc tình huống tranh chấp; hướng dẫn lập luận pháp lý. - **Sinh viên:** Phân tích hành vi, căn cứ, thẩm quyền và thủ tục; đóng vai các chủ thể; đề xuất và bảo vệ phương án giải quyết.	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: ngành Luật

1. Tên học phần: (tiếng Việt/tiếng Anh): Luật cạnh tranh/ Competition Law
2. Mã học phần: LUAT 010
3. Số tín chỉ: 3 (3, 0)
4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ ba
5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 0 giờ lý thuyết 90 giờ thực hành
- Giờ học tập định mức của người học (bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá): 150 giờ (50 giờ/1 tín chỉ)

6. Điều kiện tiên quyết: Luật thương mại
7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	TS Nguyễn Vĩnh Diện	0985633006	dienlsg@gmail.com
2.	Th.s Phạm Thị Mai	0978.370.438	phammaidhsd1018@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Luật cạnh tranh cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về pháp luật cạnh tranh, cơ chế bảo đảm và bảo vệ môi trường cạnh tranh lành mạnh trong nền kinh tế thị trường. Nội dung học phần tập trung vào những vấn đề lý luận về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh; xác định thị trường liên quan và sức mạnh thị trường; kiểm soát các hành vi hạn chế cạnh tranh, bao gồm thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền và tập trung kinh tế; pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh; tố tụng cạnh tranh, thủ tục miễn trừ và xử lý vi phạm pháp luật cạnh tranh. Thông qua học phần, sinh viên được trang bị khả năng nhận diện, phân tích và đánh giá các hành vi có khả năng hạn chế, loại trừ hoặc làm sai lệch cạnh tranh; vận dụng các quy định của pháp luật cạnh tranh để giải quyết các tình huống pháp lý phát sinh trong hoạt động kinh doanh. Đồng thời, học phần góp phần hình thành cho sinh viên kỹ năng lập luận, phản biện, giải quyết vấn đề và ý thức tuân thủ pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong môi trường cạnh tranh.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Học phần Luật cạnh tranh cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về pháp luật cạnh tranh Việt Nam; giúp sinh viên hiểu, phân tích và vận dụng được các quy định pháp luật về xác định thị trường liên quan, sức mạnh thị trường, thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền, tập trung kinh tế và cạnh tranh không lành mạnh; đồng thời nắm được những vấn đề cơ bản về tố tụng cạnh tranh, thủ tục miễn trừ và xử lý vi phạm pháp luật cạnh tranh. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng nhận diện, phân tích, đánh giá và giải quyết các tình huống, vụ việc

pháp lý phát sinh trong lĩnh vực cạnh tranh; hình thành và phát triển kỹ năng tư duy pháp lý, tư duy phản biện, lập luận, phân tích tình huống, trình bày và bảo vệ quan điểm pháp lý, làm việc độc lập và làm việc nhóm. Đồng thời, học phần góp phần hình thành ý thức tôn trọng, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, trách nhiệm công dân, đạo đức nghề nghiệp, tính khách quan, trung thực và trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường cạnh tranh lành mạnh, quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong nền kinh tế..

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

CO1 – Kiến thức: Trình bày và giải thích được những vấn đề lý luận cơ bản về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh; các quy định pháp luật về xác định thị trường liên quan, sức mạnh thị trường, kiểm soát thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền, tập trung kinh tế và cạnh tranh không lành mạnh; những quy định cơ bản về tố tụng cạnh tranh, thủ tục miễn trừ và xử lý vi phạm pháp luật cạnh tranh.

CO2 – Kỹ năng: Phân tích và vận dụng được các quy định của pháp luật cạnh tranh để nhận diện, đánh giá các hành vi có dấu hiệu hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh; phân tích các tình tiết pháp lý của vụ việc, xác định vấn đề pháp lý, đánh giá hậu quả pháp lý và đề xuất phương án giải quyết phù hợp; hình thành kỹ năng tư duy pháp lý, lập luận, tư duy phản biện, giải quyết tình huống, trình bày và bảo vệ quan điểm pháp lý trong lĩnh vực cạnh tranh.

CO3 – Mức tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng học tập, nghiên cứu và làm việc độc lập; phối hợp và làm việc hiệu quả trong nhóm; chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập và chịu trách nhiệm về kết quả công việc; có ý thức tôn trọng, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, đề cao trách nhiệm công dân, đạo đức nghề nghiệp, tính khách quan, trung thực và công bằng; có trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường cạnh tranh lành mạnh và quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong hoạt động kinh doanh.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
CLO1	Trình bày và giải thích được những vấn đề lý luận cơ bản về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh; khái niệm, đặc điểm của cạnh tranh, thị trường liên quan, sức mạnh thị trường và vai trò của pháp luật cạnh tranh trong việc bảo đảm môi trường cạnh tranh lành mạnh.	PI2.2	3
CLO2	Phân tích được các quy định của pháp luật cạnh tranh về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền, tập trung kinh tế và cạnh tranh không lành mạnh; các quy định về tố tụng cạnh tranh, thủ tục miễn trừ và xử lý vi phạm pháp luật cạnh tranh.	PI3.2	3

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
CLO3	Phân tích, đánh giá được các tình huống, vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật cạnh tranh; xác định được thị trường liên quan, sức mạnh thị trường, hành vi hạn chế cạnh tranh, hành vi cạnh tranh không lành mạnh và các vấn đề pháp lý phát sinh trong vụ việc cạnh tranh.	PI7.1	5
CLO4	Vận dụng được các quy định của pháp luật cạnh tranh để giải quyết các tình huống, vụ việc thực tiễn; xác định hành vi vi phạm, hậu quả pháp lý, trách nhiệm pháp lý và đề xuất được phương án giải quyết phù hợp với quy định của pháp luật.	PI7.1	5
CLO5	Thực hiện được kỹ năng tư duy pháp lý, tư duy phản biện, lập luận, thuyết trình, tranh luận và bảo vệ quan điểm trong giải quyết các vấn đề, tình huống thuộc lĩnh vực Luật cạnh tranh; có khả năng thu thập, phân tích thông tin pháp lý, trình bày ý kiến pháp lý và làm việc độc lập, làm việc nhóm.	PI3.2	4
CLO6	Có khả năng học tập và làm việc độc lập, làm việc theo nhóm; chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập, nghiên cứu và chịu trách nhiệm về kết quả công việc của cá nhân và nhóm; có ý thức tôn trọng, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, trách nhiệm công dân, đạo đức nghề nghiệp; có thái độ khách quan, trung thực, công bằng và nghiêm túc trong học tập, rèn luyện và hoạt động nghề nghiệp; có trách nhiệm góp phần bảo vệ môi trường cạnh tranh lành mạnh.	PI7.1	5

PI2.2/2***10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)***

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4		x	
CLO5		x	x
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	**Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)** **PLO và chỉ số PI ***		
	PLO 1	**PLO 10**	
	PI1.1	**PI10.1**	**PI10.2**
CLO1	I		
CLO2	I		
CLO3	I		
CLO4	M		
CLO5	M		
CLO6		R	R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Thời gian tham gia lớp học. - Bài kiểm tra thực hành. - Rubric thực hành	CLO1	30	Điểm chuyên cần; Rubric kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO1 → PI2.2/2
			CLO3	40	Rubric thực hiện bài tập thực hành	Điểm CLO3 → PI7.1/3
			CLO6	30	Rubric thái độ	Điểm CLO6 → PI7.1/3

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
					học tập, tự học, làm việc nhóm	
Điểm kiểm tra định kỳ (01 bài kiểm tra/tín chỉ): 03 bài	*80%*	- Bài kiểm tra thực hành. - Rubric bài thực hành	CLO1	30	Điểm bài thi thực hành	Điểm CLO1 → PI2.2/2
			CLO3	40	Điểm bài thi thực hành	Điểm CLO3 → PI7.1/3
			CLO4	30	Điểm bài thi thực hành	Điểm CLO4 → PI7.1/3

Ký hiệu CLO	**Nội dung CLO**	**Cần đo lường mức đạt CLO**	**Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI**	**Dữ liệu được lấy từ**
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**
CLO1	Vận dụng được quy định pháp luật để xác định chủ thể, đối tượng, phạm vi và thẩm quyền trong hoạt động thanh tra.	x	PI2.2/2	Bài kiểm tra thực hành
CLO2	Thực hiện được các bước cơ bản của một cuộc thanh tra; phân tích hồ sơ và xử lý kết quả thanh tra.	x	PI3.2/2	Bài kiểm tra thực hành
CLO3	Tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn khiếu nại; xác định được thẩm quyền và trình tự giải quyết khiếu nại.	x	PI7.1/3	Bài kiểm tra thực hành
CLO4	Phân tích được quy định pháp luật để tiếp nhận, phân loại, xử lý tố cáo; xác định thẩm quyền, trình tự, thủ tục xác minh, giải	x	PI7.1/3	Bài kiểm tra thực hành

	quyết tố cáo và các yêu cầu về bảo vệ người tố cáo.			
CLO5	Phân tích được pháp luật để nghiên cứu hồ sơ, xử lý tình huống, xây dựng lập luận và đề xuất phương án giải quyết vụ việc.	x	PI3.2/2	Bài kiểm tra thực hành
CLO6	Thể hiện ý thức tự giác, chủ động trong học tập và thực hành; làm việc khách quan, trung thực, cẩn trọng; tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể; có trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp; phối hợp với các cá nhân, cơ quan, tổ chức và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và yêu cầu nghề nghiệp.	x	PI7.1/3	Rubric đánh giá quá trình.

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thực hành (CLO6 – PL10 / PI 10.1, PI10.2)

Tiêu chí đánh giá	**CLO**	**Trọng số**	**Giỏi (10 - 8.5)**	**Khá (8.4 - 7.0)**	**Trung bình (6.9 - 5.0) (Mức đạt CĐR)**	**Yếu (4.9 - 0.0)**
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	50%	Tham dự đầy đủ >90% số giờ học, đi học đúng giờ, chấp hành tốt kỷ luật phòng học và chuẩn bị bài chu đáo trước khi lên lớp.	Tham dự từ 80% đến 89% số giờ học, đi học đúng giờ, không vi phạm nghiêm trọng kỷ luật và nội quy học vụ.	Tham dự từ 70% đến 79% số giờ học, thỉnh thoảng còn đi muộn hoặc thiếu tập trung trong giờ học.	Tham dự dưới 70% số giờ học hoặc vi phạm nghiêm trọng kỷ luật học đường.
Ý thức tự học & thực hành	CLO6	50%	Chủ động, tích cực nghiên cứu trước tài liệu; tham gia và thực hiện đúng các bài tập thực hành.	Hoàn thành đúng các bài tập thực hành theo đúng yêu cầu	Hoàn thành được các bài tập thực hành theo đúng yêu cầu.	Không hoàn thành bài tập thực hành theo cá nhân hoặc theo nhóm.

2. Rubric đánh giá bài kiểm tra định kỳ thực hành

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Rất tốt	**Tốt**	**Đạt yêu cầu**	**Không đạt**	
			10 – 8.5	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Xác định vấn đề pháp lý và căn cứ pháp luật (xác định đúng nội dung thanh tra, khiếu nại, tố cáo; xác định đúng quy định pháp luật áp dụng)	CLO1; CLO2	30%	Xác định đầy đủ, chính xác vấn đề pháp lý; lựa chọn đúng và đầy đủ căn cứ pháp luật; viện dẫn chính xác các quy định có liên quan.	Xác định đúng vấn đề pháp lý chủ yếu; lựa chọn được căn cứ pháp luật phù hợp; còn một vài thiếu sót nhỏ trong viện dẫn.	Xác định được vấn đề pháp lý cơ bản nhưng còn thiếu căn cứ hoặc viện dẫn chưa đầy đủ; có một số sai sót.	Không xác định được hoặc xác định sai vấn đề pháp lý; viện dẫn sai hoặc không có căn cứ pháp luật phù hợp.	
Kỹ năng xử lý tình huống/hồ sơ thực hành (phân tích tình huống, xác định thẩm quyền, trình tự, thủ tục và phương án giải quyết)	CLO2; CLO4	30%	Phân tích tình huống/hồ sơ đầy đủ, logic; xác định chính xác thẩm quyền, đối tượng, trình tự, thủ tục; đề xuất phương án giải quyết phù hợp và có căn cứ pháp luật.	Phân tích đúng phần lớn nội dung; xác định cơ bản đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; phương án giải quyết phù hợp nhưng còn thiếu một số nội dung.	Xử lý được các yêu cầu cơ bản của tình huống/hồ sơ; còn nhầm lẫn về thẩm quyền, trình tự hoặc thủ tục; phương án giải quyết chưa đầy đủ.	Không xử lý được tình huống/hồ sơ; xác định sai thẩm quyền, trình tự, thủ tục hoặc đưa ra phương án không phù hợp.	

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Kỹ năng xử lý văn bản /hồ sơ thực hành (Thể thức văn bản, nội dung, hình thức văn bản)	CLO4; CLO5	20%	Văn bản đầy đủ nội dung, đúng thể thức; diễn đạt rõ ràng, chính xác; căn cứ pháp lý phù hợp; nội dung và hình thức đáp ứng đầy đủ yêu cầu của bài thực hành.	Văn bản cơ bản đầy đủ, đúng thể thức; nội dung phù hợp; còn một số lỗi nhỏ về trình bày hoặc viện dẫn căn cứ pháp luật.	Văn bản thực hiện được các yêu cầu cơ bản nhưng còn thiếu nội dung, sai sót về thể thức hoặc căn cứ pháp lý.	Không hoàn thành văn bản hoặc văn bản có nhiều sai sót nghiêm trọng, không đáp ứng yêu cầu của bài thực hành.	
Trình bày, giải thích và bảo vệ phương án xử lý (trình bày kết quả, giải thích căn cứ và trả lời câu hỏi)	CLO2; CLO4	10%	Trình bày to, rõ ràng; giải thích được tất cả các căn cứ và phương án xử lý; trả lời đúng các câu hỏi..	Trình bày khá rõ ràng; giải thích được phần lớn căn cứ và phương án xử lý; trả lời đúng phần lớn câu hỏi.	Trình bày được nội dung cơ bản; giải thích còn hạn chế; trả lời được một số câu hỏi.	Trình bày thiếu rõ ràng; không giải thích được căn cứ hoặc phương án xử lý; không trả lời được phần lớn câu hỏi.	
Tác phong thực hành và tuân thủ quy định (trung thực, nghiêm túc, đúng thời	CLO6	10%	Thực hiện nghiêm túc, độc lập, trung thực; tuân thủ đầy đủ yêu cầu; hoàn thành đúng	Thực hiện nghiêm túc, đúng quy định; hoàn thành đúng thời	Thực hiện được yêu cầu cơ bản nhưng còn cần nhắc nhở	Vi phạm nội quy nghiêm trọng hoặc làm hỏng dữ liệu/thiết bị phòng	

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
gian, tuân thủ yêu cầu của bài kiểm tra)			hoặc trước thời gian quy định; hồ sơ, bài làm được sắp xếp khoa học.	gian; có một vài thiếu sót nhỏ.	về thời gian, trình tự hoặc cách thức thực hiện	máy	
ĐIỂM TỔNG		**100%**					

12. Yêu cầu học phần

- Quy định chuyên cần:

Sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá 20% số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo. Sinh viên cần chuẩn bị bài trước khi đến lớp, tích cực tham gia các hoạt động học tập như trao đổi, thảo luận, trả lời câu hỏi, phân tích tình huống pháp lý về cạnh tranh, xác định thị trường liên quan, đánh giá sức mạnh thị trường, nhận diện hành vi hạn chế cạnh tranh, hành vi cạnh tranh không lành mạnh và các hoạt động học tập khác theo yêu cầu của giảng viên.

- Nhiệm vụ học tập và tự học:

Chủ động nghiên cứu giáo trình, Luật Cạnh tranh và các văn bản pháp luật liên quan; đọc trước bài, chuẩn bị câu hỏi, tình huống và vấn đề thực tiễn. Thực hiện đầy đủ bài tập cá nhân, nhóm, thảo luận, thuyết trình, phân tích tình huống và tự nghiên cứu về hạn chế cạnh tranh, tập trung kinh tế, cạnh tranh không lành mạnh và tố tụng cạnh tranh. Vận dụng kiến thức pháp luật để nhận diện, phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề thực tiễn, qua đó phát triển tư duy pháp lý, kỹ năng lập luận, phản biện và giải quyết tình huống.

- Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức nghề nghiệp:

Có thái độ học tập nghiêm túc, chủ động, tích cực và có trách nhiệm; tôn trọng ý kiến, hợp tác trong thảo luận và làm việc nhóm. Có ý thức tuân thủ Hiến pháp, pháp luật; nhận thức đúng vai trò của cạnh tranh và tầm quan trọng của việc bảo đảm môi trường cạnh tranh công bằng, lành mạnh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể. Hình thành đạo đức nghề nghiệp, thái độ khách quan, thận trọng và trách nhiệm khi phân tích, đánh giá các vấn đề pháp luật cạnh tranh; có ý thức chịu trách nhiệm với hành vi của bản thân và trách nhiệm đối với Nhà nước, xã hội và cộng đồng.

- Yêu cầu về vận dụng kiến thức:

Vận dụng kiến thức Luật Cạnh tranh để phân tích, đánh giá các vấn đề về thị trường

liên quan, sức mạnh thị trường, hạn chế cạnh tranh, tập trung kinh tế và cạnh tranh không lành mạnh; hình thành tư duy pháp lý, logic, phản biện và khả năng lập luận, tranh luận.

Vận dụng quy định pháp luật để nhận diện hành vi vi phạm, xác định căn cứ, hậu quả pháp lý và đề xuất phương án xử lý phù hợp; phân tích các vấn đề về tố tụng cạnh tranh, miễn trừ và xử lý vi phạm.

Liên hệ kiến thức Luật Cạnh tranh với học tập và nghề nghiệp; có ý thức vận dụng pháp luật chính xác, khách quan, công bằng, có trách nhiệm; chủ động, sáng tạo trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề pháp lý thực tiễn.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1]. Nguyễn Thị Vân Anh, (2020), Giáo trình Luật cạnh tran, Nxb Công an nhân dân .

[2]. Hà Thị Thanh Bình, (2024), Giáo trình Pháp luật về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp thương mại, Nxb Công an nhân dân.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
1	**CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÍ LUẬN VỀ CẠNH TRANH VÀ PHÁP LUẬT CẠNH TRANH** **Mục tiêu chương:** Trình bày được khái niệm, các hình thức cạnh tranh, vai trò và ý nghĩa của cạnh tranh và nhu cầu điều tiết cạnh tranh bằng chính sách cạnh tranh. Những vấn đề lí luận về pháp luật cạnh tranh và khái quát về pháp luật cạnh tranh Việt Nam **Nội dung cụ thể:** I. Khái quát về cạnh tranh 1.1. Khái niệm cạnh tranh 1.2. Các hình thức cạnh tranh 1.3. Vai trò và ý nghĩa của cạnh tranh và nhu cầu điều tiết cạnh tranh bằng chính sách cạnh tranh II. Những vấn đề lí luận về pháp luật cạnh tranh 2.1. Khái niệm, đặc trưng của pháp luật cạnh tranh 2.2. Quá trình phát triển và hoàn thiện pháp luật cạnh tranh trên thế giới III. Khái quát về pháp luật cạnh tranh Việt Nam 3.1. Sự phát triển pháp luật cạnh tranh ở Việt Nam 3.2. Hiệu lực của Luật cạnh tranh năm 2004 3.3. Nguồn của pháp luật cạnh tranh Việt Nam	10 (07LT, 03TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, nêu vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên phần + Đọc tài liệu + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết	CLO1; CLO5; CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			các vấn đề, tranh luận, phản biện.	
2	**CHƯƠNG 2. CĂN CỨ XÁC ĐỊNH HÀNH VI HẠN CHẾ CẠNH TRANH** **Mục tiêu chương:** Trình bày được thị trường liên quan, những khái niệm cơ bản về thị trường liên quan trên thế giới, quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về thị trường liên quan. Sức mạnh thị trường. **Nội dung cụ thể:** I. Xác định thị trường liên quan 1.1. Những khái niệm cơ bản về thị trường liên quan trên thế giới .1.2. Quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về thị trường liên quan II. Sức mạnh thị trường 2.1. Những khái niệm cơ bản về sức mạnh thị trường ở trên thế giới 2.2. Quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về sức mạnh thị trường	09 (05LT, 04TH)	**Thuyết giảng, trực quan, sử dụng tình huống, dạy học dựa trên vấn đề.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Trực quan tình huống trong quan hệ pháp luật. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và chương 2 + Đọc tài liệu + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn cuộc sống.	CLO1; CLO3; CLO4
3	**CHƯƠNG 3. PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT THOẢ THUẬN HẠN CHẾ CẠNH TRANH** **Mục tiêu chương:** Trình bày được khái quát về thoả thuận hạn chế cạnh tranh, quy định về thoả thuận hạn chế cạnh tranh trong Luật cạnh tranh Việt Nam. Liên hệ thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 1. Khái quát về thoả thuận hạn chế cạnh tranh 1.1. Khái niệm thoả thuận hạn chế cạnh tranh 1.2. Đặc điểm hành vi thoả thuận hạn chế cạnh tranh 1.3. Phân loại thoả thuận hạn chế cạnh tranh 2. Quy định về thoả thuận hạn chế cạnh tranh trong Luật cạnh tranh Việt Nam 2.1. Các hình thức thoả thuận hạn chế cạnh tranh	09 (05LT, 04TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, phương pháp động não, dạy học dựa trên vấn đề.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	2.2. Hậu quả pháp lí của việc thực hiện hành vi thoả thuận hạn chế cạnh tranh 2.3.Áp dụng luật cạnh tranh trong việc kiểm soát thoả thuận hạn chế cạnh tranh đối với các hiệp hội ngành nghề		toàn bộ nội dung bài học tài liệu. + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	
4	**CHƯƠNG 4. CHƯƠNG 4. PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT LẠM DỤNG VỊ TRÍ THỐNG LĨNH THỊ TRƯỜNG, VỊ TRÍ ĐỘC QUYỀN** **Mục tiêu chương:** Trình bày được Khái quát về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh, các quy định về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh theo Luật cạnh tranh Việt Nam. Liên hệ thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 1. Khái quát về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh 1.1. Khái niệm, đặc điểm về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh 1.2. Phân loại hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh 2. Các quy định về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh theo Luật cạnh tranh Việt Nam 2.1. Xác định vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền của doanh nghiệp 2.2. Các hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường 2.3. Hành vi lạm dụng vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh 2.4. Các biện pháp xử lí đối với doanh nghiệp thực hiện hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh	10 (06LT, 03TH 1KT)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, dạy học dựa trên vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biên. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước nội dung bài học phần + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. + Sinh viên làm bài kiểm tra giữa học phần.	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	*** Kiểm tra giữa học phần**			
5	**CHƯƠNG 5. PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT TẬP TRUNG KINH TẾ** **Mục tiêu chương:** Trình bày được khái quát về tập trung kinh tế, quy định về tập trung kinh tế theo Luật cạnh tranh Việt Nam. Liên hệ thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 1. Khái quát về tập trung kinh tế 1.1. Khái niệm, đặc điểm của tập trung kinh tế 1.2. Phân loại tập trung kinh tế 1.3. Ảnh hưởng của tập trung kinh tế đối với môi trường cạnh tranh 1.4. Một số quan điểm và mô hình về kiểm soát tập trung kinh tế 2. Quy định về tập trung kinh tế theo Luật cạnh tranh Việt Nam 2.1. Các hình thức tập trung kinh tế 2.2. Hậu quả pháp lí của tập trung kinh tế	10 (05LT, 05TH)	**Thuyết giảng, nêu vấn đề, trực quan, sử dụng tình huống.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Trực quan hình ảnh. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề.	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5
6	**CHƯƠNG 6. PHÁP LUẬT VỀ CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH** **Mục tiêu chương:** Trình bày được khái quát về cạnh tranh không lành mạnh, quy định của pháp luật Việt Nam về hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Liên hệ thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** 1. Khái quát về cạnh tranh không lành mạnh 1.1. Khái niệm cạnh tranh không lành mạnh 1.2. Các đặc điểm của hành vi cạnh tranh không lành mạnh 1.3. Phân loại hành vi cạnh tranh không lành mạnh 2. Quy định của pháp luật Việt Nam về hành vi cạnh tranh không lành mạnh 2.1. Chỉ dẫn gây nhầm lẫn 2.2. Xâm phạm bí mật kinh doanh 2.3. Ép buộc trong kinh doanh 2.4. Gièm pha doanh nghiệp khác	09 (04LT, 05TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Trực quan tình huống trong về cạnh tranh không lành mạnh. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Phân tích, lấy ví dụ về làm rõ các nội dung. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu + Thảo luận tình huống,	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	2.5. Gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác 2.6. Quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh 2.7. Khuyến mại nhằm cạnh tranh không lành mạnh 2.8. Phân biệt đối xử của hiệp hội 2.9. Bán hàng đa cấp bất chính 2.10. Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ 2.11. Hình thức xử lí đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh		lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay. + Lấy ví dụ về các vụ án cạnh tranh không lành mạnh hiện nay ở nước ta. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	
7	**CHƯƠNG 7. CHƯƠNG 7. TỐ TỤNG CẠNH TRANH, THỦ TỤC MIỄN TRỪ VÀ XỬ LÍ VI PHẠM PHÁP LUẬT CẠNH TRANH** **Mục tiêu chương:** Trình bày được Tố tụng cạnh tranh, khái niệm, đặc điểm của tố tụng cạnh tranh, Thủ tục miễn trừ đối với hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm, Xử lí vi phạm pháp luật cạnh tranh. **Nội dung cụ thể:** 1. Tố tụng cạnh tranh 1.1. Khái niệm, đặc điểm của tố tụng cạnh tranh 1.2. Chủ thể tiến hành và tham gia tố tụng cạnh tranh 1.3. Thủ tục tố tụng cạnh tranh 2. Thủ tục miễn trừ đối với hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm 2.1. Nhận thức chung về miễn trừ đối với hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm 2.2. Thẩm quyền quyết định việc hưởng miễn trừ 2.3. Trình tự xem xét, quyết định việc hưởng miễn trừ 3. Xử lí vi phạm pháp luật cạnh tranh 3.1. Hình thức xử lí vi phạm pháp luật cạnh tranh 3.2. Thẩm quyền xử lí vi phạm pháp luật cạnh tranh	09 (04LT, 05TH)	**Thuyết giảng, phương pháp động não, trực quan, thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung + Phân tích, lấy ví dụ về tình huống. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu + Lắng nghe, quan sát. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay.	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

1. Tên học phần: Luật so sánh/Comparative Law

2. Mã học phần: LUAT 032

3. Số tín chỉ: 3 (2,1)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ ba

5. Phân bổ thời gian

- Lý thuyết: 30 giờ; thực hành: 30 giờ

- Giờ học tập định mức của người học: 150 giờ, bao gồm 30 giờ dự giờ giảng trên lớp, 30 giờ học có hướng dẫn, 90 giờ tự học.

6. Điều kiện tiên quyết/Điều kiện học trước: Sau khi học xong học phần: Luật Dân sự 1.

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Nguyễn Phương Lan	0912.316648	Phươnglan62@yahoo.com
2.	TS. Nguyễn Thái Mai	0912.376293	Mai_luatquocte@yahoo.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Luật học so sánh cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học luật so sánh, đối tượng, phương pháp, mục đích, chức năng và các tiêu chuẩn phân loại hệ thống pháp luật. Học phần giới thiệu đặc điểm, cấu trúc và nguồn pháp luật của một số dòng họ pháp luật chủ yếu trên thế giới; đồng thời rèn luyện cho sinh viên khả năng phân tích, so sánh các hệ thống pháp luật và đánh giá sự tác động của pháp luật trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về khoa học luật so sánh và các dòng họ pháp luật chủ yếu trên thế giới; hình thành khả năng tư duy, phân tích và so sánh các hệ thống pháp luật trên cơ sở nguồn gốc, lịch sử hình thành, cấu trúc, nguồn pháp luật và đặc điểm pháp lý; phát triển kỹ năng vận dụng kiến thức luật học so sánh để phân tích, nhận xét và giải quyết các vấn đề pháp lý trong bối cảnh hội nhập quốc tế; hình thành khả năng khai thác tài liệu pháp lý, làm việc nhóm, trình bày và bảo vệ quan điểm; có ý thức tôn trọng sự khác biệt giữa các hệ thống pháp luật, tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và chủ động học tập, nghiên cứu pháp luật.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Học phần cung cấp kiến thức chung về Khoa học luật so sánh, về các dòng họ pháp luật trên thế giới hiện nay, tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt trong các hệ thống pháp luật nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc gia, tiến tới quá trình nhất thể hoá pháp luật các nước trong khu vực.

- CO2 (Kỹ năng): Hình thành và phát triển kỹ năng như: Nghiên cứu, phân tích pháp luật nước ngoài trong góc nhìn đối chiếu, so sánh với pháp luật Việt Nam; Kỹ năng

so sánh pháp luật giữa các dòng họ pháp luật trên thế giới để ứng dụng vào thực tiễn tại Việt Nam; Một số kỹ năng mềm (Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình,…)

- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Hình thành thói quen làm việc độc lập, tự chủ khi đưa ra các quan điểm tiếp cận pháp luật nước ngoài. Tuân thủ các quy định của pháp luật quốc tế, hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc gia hướng đến tiến trình nhất thể hoá pháp luật.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Trình bày và giải thích được những vấn đề cơ bản của khoa học luật so sánh; khái niệm, đối tượng, phương pháp, mục đích, chức năng, khách thể và các tiêu chuẩn phân loại hệ thống pháp luật.	PI 2.1	2
CLO2	Phân tích được quá trình hình thành, phát triển, đặc điểm, cấu trúc và nguồn pháp luật của các dòng họ pháp luật chủ yếu trên thế giới	PI 2.1	2
CLO3	Phân tích, so sánh được những điểm tương đồng và khác biệt cơ bản giữa các dòng họ pháp luật trên cơ sở nguồn gốc, hệ tư tưởng, cấu trúc và nguồn pháp luật.	PI 4.1	2
	Kỹ năng		
CLO4	Vận dụng được phương pháp luật học so sánh để phân tích, đánh giá một vấn đề hoặc tình huống pháp lý có liên quan đến sự khác biệt giữa các hệ thống pháp luật.	PI 2.1; PI 4.1	2
CLO5	Trình bày, trao đổi và bảo vệ được kết quả phân tích so sánh pháp luật; khai thác được tài liệu pháp lý và công cụ số phù hợp để hỗ trợ học tập, nghiên cứu pháp luật.	PI 3.1; PI 4.1	2
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Thể hiện ý thức chủ động tự học, tôn trọng sự khác biệt giữa các hệ thống pháp luật, tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức trong học tập, nghiên cứu và trao đổi các vấn đề pháp lý.	PI 4.1	2

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4		x	

CLO5		x	
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	**Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)** **PLO và chỉ số PI ***		
	PLO2	**PLO3**	**PLO4**
	PI2.2	**PI3.1**	**PI4.1**
CLO1	I		
CLO2	R		
CLO3	R		I
CLO4	R		R
CLO5		I	R
CLO6			R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Ví dụ						
Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Điểm danh, theo dõi mức độ tham gia học tập. - Bài kiểm tra ngắn (trắc nghiệm/tự luận). - Thảo luận nhóm, thuyết trình. - Rubric đánh giá.	CLO1	20	Điểm chuyên cần; Rubric kiểm tra thường xuyên	CLO1 → PLO2/PI2.1
			CLO5	40	Rubric thảo luận, thuyết trình	CLO5 → PLO3/PI3.1; PLO4/PI4.1
			CLO6	40	Rubric thái độ học tập, tự học, làm việc nhóm	CLO6 → PLO4/PI4.1
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra viết kết hợp lý thuyết và bài tập vận dụng. - Rubric chấm bài kiểm tra..	CLO1	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO1 → PLO2/PI2.1
			CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO2 → PLO2/PI2.1
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi viết kết hợp lý thuyết và bài tập vận dụng. - Rubric chấm bài kiểm tra...	CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → PLO2/PI2.1
			CLO3	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO3 → PLO2/PI2.1; PLO4/PI4.1
			CLO4	30	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO2/PI2.1; PLO4/PI4.1

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
			CLO5	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO5 → PLO3/PI3.1; PLO4/PI4.1
			CLO6	10	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO6 → PLO4/PI4.1

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đo lường mức đạt CLO	Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI	Dữ liệu được lấy từ
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
CLO1	Trình bày được những kiến thức cơ bản về luật học so sánh, đối tượng, phương pháp, mục đích, chức năng và các tiêu chuẩn phân loại hệ thống pháp luật.	x	PLO2/PI2.1	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO2	Phân tích được quá trình hình thành, phát triển, đặc điểm, cấu trúc và nguồn pháp luật của các dòng họ pháp luật chủ yếu trên thế giới.	x	PLO2/PI2.1	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO3	Phân tích, so sánh được những điểm tương đồng và khác biệt cơ bản giữa các dòng họ pháp luật trên cơ sở nguồn gốc, hệ tư tưởng, cấu trúc và nguồn pháp luật.	x	PLO2/PI2.1; PLO4/PI4.1	Bài thi cuối kỳ; Bài tập vận dụng; Thảo luận nhóm
CLO4	Vận dụng được phương pháp luật học so sánh để phân tích, đánh giá một vấn đề hoặc tình huống pháp lý có liên quan đến sự khác biệt giữa các hệ	x	PLO2/PI2.1; PLO4/PI4.1	Bài thi cuối kỳ; Bài tập vận dụng; Thảo luận, phân tích tình huống

	thống pháp luật.			
CLO5	Trình bày, trao đổi và bảo vệ được kết quả phân tích so sánh pháp luật; khai thác được tài liệu pháp lý và công cụ số phù hợp để hỗ trợ học tập, nghiên cứu pháp luật.	x	PLO3/PI3.1; PLO4/PI4.1	Thuyết trình; Thảo luận nhóm; Bài tập vận dụng; Bài thi cuối kỳ
CLO6	Thể hiện ý thức chủ động tự học, tôn trọng sự khác biệt giữa các hệ thống pháp luật, tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức trong học tập, nghiên cứu và trao đổi các vấn đề pháp lý.	x	PLO4/PI4.1	Rubric đánh giá quá trình; Quan sát trên lớp; Đánh giá thảo luận nhóm, thuyết trình

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. *Rubric đánh giá chuyên cần*

Tiêu chí	**Tỷ lệ**	**Mức chất lượng**				
		Rất tốt	**Tốt**	**Đạt yêu cầu**	**Không đạt**	**Điểm**
		10 – 8.5	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Mức độ tham dự theo thời khóa biểu	50	*Tham dự >85% buổi học*	*Tham dự 70-84% buổi học*	*Tham dự 50-69% buổi học*	*Tham dự <50% buổi học*	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50%	Chủ động chuẩn bị bài, tích cực phát biểu, thảo luận, giải quyết tình huống và làm việc nhóm	Tham gia đầy đủ các hoạt động học tập, có trao đổi ý kiến	Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn thụ động	Không tham gia hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao	

2. *Rubric bài kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần*

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Nội dung chính 1: Kiến thức cơ bản về Luật so sánh	CLO1 CLO2	20%	TTrình bày đầy đủ, chính xác, có hệ thống các khái niệm, mục đích, phương pháp nghiên cứu Luật so sánh và đặc	Trình bày cơ bản đầy đủ, chính xác các kiến thức về Luật so sánh và các dòng họ	Trình bày được một số kiến thức cơ bản về Luật so sánh nhưng còn thiếu nội dung, còn nhầm lẫn giữa các dòng	Không nắm được hoặc trình bày sai các kiến thức cơ bản về Luật so sánh.

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
			điểm các dòng họ pháp luật chính trên thế giới.	pháp luật, còn một số hạn chế nhỏ.	họ pháp luật.	
Nội dung chính 2: Vận dụng các phương pháp so sánh pháp luật trong nghiên cứu và hoạt động pháp lý	CLO2 CLO3	20%	Vận dụng chính xác, linh hoạt các phương pháp so sánh pháp luật (so sánh vĩ mô, vi mô, so sánh chức năng...) vào việc đối chiếu các hệ thống pháp luật.	Vận dụng cơ bản đúng các phương pháp so sánh pháp luật; còn một số hạn chế nhỏ trong kỹ thuật so sánh.	Vận dụng được một số phương pháp so sánh nhưng còn lúng túng, thiếu căn cứ hoặc so sánh còn mang tính bề ngoài.	Không xác định hoặc không vận dụng được các phương pháp so sánh pháp luật vào phân tích đối chiếu thực tế.
Nội dung chính 3: Phân tích và đánh giá sự tương đồng, khác biệt giữa các hệ thống pháp luật	CLO4	20%	Phân tích đầy đủ, sâu sắc và logic các điểm tương đồng, khác biệt, nguyên nhân và xu hướng hội tụ/tiếp nhận pháp luật giữa các quốc gia.	Phân tích, đánh giá cơ bản đúng sự tương đồng và khác biệt giữa các hệ thống pháp luật, có sai sót nhỏ.	Nhận diện được sự khác biệt nhưng phân tích còn hạn chế, bỏ sót một số yếu tố lịch sử/văn hóa hoặc đưa ra nhận định chưa đầy đủ.	Không xác định được sự tương đồng/khác biệt hoặc đưa ra nhận định, đánh giá không phù hợp.
Nội dung chính 4: Thực hiện kỹ năng tư duy đối chiếu, lập luận và giải quyết các bài tập/tình huống so sánh pháp luật	CLO4 CLO5	30%	Thể hiện rõ ràng, chuyên nghiệp, có logic trong lập luận so sánh, tư vấn/đề xuất giải pháp tiếp nhận pháp luật nước ngoài phù hợp với Việt Nam.	Thực hiện cơ bản phù hợp với yêu cầu tư duy so sánh và lập luận pháp lý trong phân tích tình huống, còn một số hạn chế.	Có khả năng giải quyết bài tập so sánh ở mức cơ bản nhưng còn lúng túng, lập luận hoặc đề xuất giải pháp chưa thật phù hợp.	Không thực hiện được yêu cầu về lập luận đối chiếu hoặc không giải quyết được bài tập/tình huống so sánh pháp luật.
Nội dung chính 5: Ý	CLO6	10%	hể hiện rõ và nhất quán tinh	hể hiện cơ bản đúng	Nhận thức được yêu cầu	Không thể hiện được ý

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
thức tôn trọng sự đa dạng pháp lý, tinh thần cầu thị và bảo vệ uy tín nghề nghiệp			thần tôn trọng sự đa dạng văn hóa - pháp lý quốc tế, ý thức học hỏi, liêm chính khoa học và bảo vệ uy tín nghề nghiệp.	yêu cầu về ý thức tôn trọng sự đa dạng pháp lý và tính liêm chính trong nghiên cứu; còn một số hạn chế nhỏ.	về thái độ và đạo đức nghiên cứu so sánh nhưng chưa thể hiện đầy đủ hoặc chưa nhất quán.	thức tôn trọng sự đa dạng pháp lý, thiếu tính liêm chính hoặc vi phạm chuẩn mực nghiên cứu.
Tổng điểm		**100%**				

12. Yêu cầu học phần

- **Quy định chuyên cần:** Sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá 20% số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- **Nhiệm vụ học tập và tự học:** Sinh viên phải chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo liên quan đến Luật môi trường theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp; hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ tự học, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các chuyên đề tự học theo kế hoạch của học phần; tích cực phối hợp làm việc nhóm, chuẩn bị slide và thực hiện báo cáo, thuyết trình chuyên đề khi được phân công.

- **Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật:** Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động trao đổi, thảo luận và phản biện trong các hoạt động trên lớp; thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức:** Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng những nội dung cốt lõi của Luật môi trường vào việc rèn luyện đạo đức, lối sống, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, phản biện và các hoạt động chính trị - xã hội phù hợp.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Trường Đại học Luật Hà Nội (2025), *Giáo trình Luật so sánh*, Nxb. Tư pháp.

- Tài liệu tham khảo:

[2] – Nguyễn Bá Bình (2019), Án lệ và sử dụng án lệ trong đào tạo luật ở Việt Nam hiện nay, Nxb. Tư pháp

[3]- Nguyễn Thị Ánh Vân (2022), *Giáo trình Luật so sánh*, Nxb. Tư pháp.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
1	**PHẦN I. PHẦN CHUNG** **CHƯƠNG I. TỔNG QUAN VỀ LUẬT SO SÁNH** **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu, vận dụng được những vấn đề chung về Luật so sánh, như: Định nghĩa, đối tượng, phương pháp, cơ cấu, ý nghĩa của Luật so sánh **Nội dung cụ thể:** **I. KHÁI NIỆM LUẬT SO SÁNH** 1. Luật so sánh là gì? 2. Đối tượng nghiên cứu của luật so sánh 3. Phương pháp nghiên cứu của luật so sánh 4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luật so sánh **II. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA LUẬT SO SÁNH** 1. Sự hình thành và phát triển của luật so sánh trên thế giới 2. Sự hình thành và phát triển của luật so sánh ở Việt Nam **III. MÔN HỌC LUẬT SO SÁNH**	10 (05LT, 05TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp làm việc nhóm; phương pháp thảo luận, tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên phần chương 1, tài liệu [1]. + Đọc tài liệu [2], [3]. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	CLO1 CLO5 CLO6
2	**CHƯƠNG II. KHÁI QUÁT VỀ CÁC TRUYỀN THỐNG PHÁP LUẬT TRÊN THẾ GIỚI** **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu việc phân nhóm các hệ thống pháp luật, các truyền thống pháp luật lớn trên thế giới, các nhóm, hệ thống pháp luật chịu sự ảnh hưởng bởi tôn giáo hoặc bởi triết lý đặc thù, thực chất về các truyền thống pháp luật trên thế giới ngày nay **Nội dung cụ thể:** **I. PHÂN NHÓM CÁC HỆ THỐNG PHÁP LUẬT**	14 (07LT, 07TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp làm việc nhóm; phương pháp thảo luận, tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá giải	CLO1 CLO4 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	1. Mục đích phân nhóm các hệ thống pháp luật 2. Tiêu chí phân nhóm các hệ thống pháp luật 3. Các cách phân nhóm các hệ thống pháp luật 4. Tính tương đối của việc phân nhóm các hệ thống pháp luật trên thế giới **II. CÁC TRUYỀN THỐNG PHÁP LUẬT LỚN TRÊN THẾ GIỚI** 1. Truyền thống civil law 2. Truyền thống common law 3. Truyền thống pháp luật Xã hội chủ nghĩa 4. Những điểm tương đồng và khác biệt điển hình giữa truyền thống civil law, common law và truyền thống pháp luật Xã hội chủ nghĩa **III. CÁC NHÓM HỆ THỐNG PHÁP LUẬT CHỊU SỰ ẢNH HƯỞNG BỞI TÔN GIÁO HOẶC BỞI TRIẾT LÝ ĐẶC THÙ** 1. Nhóm hệ thống pháp luật chịu ảnh hưởng của Giáo lý đạo Hồi 2. Các hệ thống pháp luật chịu sự ảnh hưởng của Nho giáo (nhóm hệ thống pháp luật Viễn Đông) 3. Sự tương đồng và khác biệt điển hình giữa các nhóm hệ thống pháp luật chịu ảnh hưởng bởi tôn giáo hoặc bởi triết lý đặc thù **IV. THỰC CHẤT VỀ CÁC TRUYỀN THỐNG PHÁP LUẬT TRÊN THẾ GIỚI NGÀY NAY**		quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2], [3]. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	
3	**PHẦN II. PHẦN RIÊNG** **CHƯƠNG III. CẤU TRÚC PHÁP LUẬT VÀ NGUỒN LUẬT** **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu được cấu trúc pháp luật và nguồn luật, sự tương đồng và khác biệt giữa nguồn luật của Pháp, Đức, Anh, Mỹ. **I. CẤU TRÚC PHÁP LUẬT** 1. Cấu trúc pháp luật ở các nước civil law 2. Cấu trúc pháp luật ở các nước common law 3. Sự tương đồng và khác biệt về cấu trúc	12 (06LT, 06TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp làm việc nhóm; phương pháp thảo luận, tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên	CLO1 CLO3 CLO4 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	pháp luật giữa các nước civil law và common law **II. NGUỒN LUẬT** 1. Nguồn luật ở các nước civil law 2. Nguồn luật ở các nước common law 3. Sự tương đồng và khác biệt giữa nguồn luật của Pháp, Đức, Anh và Mỹ		tự học, tự nghiên cứu. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung bài học tài liệu [1], [2], [3]. + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	
4	**CHƯƠNG IV. LÀM LUẬT, GIẢI THÍCH LUẬT VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT** **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu được các vấn đề về làm luật, giải thích luật và áp dụng pháp luật. **I. LÀM LUẬT** 1. Làm luật tại Pháp 2. Làm luật tại Đức 3. Làm luật tại Anh 4. Làm luật tại Mỹ **II. GIẢI THÍCH PHÁP LUẬT THÀNH VĂN** 1. Giải thích pháp luật thành văn tại Pháp 2. Giải thích pháp luật thành văn tại Đức 3. Giải thích pháp luật thành văn tại Anh 4. Giải thích pháp luật thành văn tại Mỹ **III. ÁP DỤNG PHÁP LUẬT** 1. Áp dụng pháp luật ở Pháp và Đức 2. Áp dụng pháp luật ở Anh và Mỹ	10 (05LT, 05TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp làm việc nhóm; phương pháp thảo luận, tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc nội dung bài học phần Chương 4, tài liệu [1], [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. + Ôn tập chuẩn bị kiểm	CLO1 CLO2 CLO3 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			tra giữa học phần.	
5	**CHƯƠNG V. HỆ THỐNG TÒA ÁN VÀ THỦ TỤC XÉT XỬ** **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu được các vấn đề về hệ thống toà án và thủ tục xét xử, so sánh hệ thống toà án của Pháp, Đức, Anh, Mỹ. **I. HỆ THỐNG TÒA ÁN** 1. Hệ thống tòa án Pháp 2. Hệ thống tòa án Đức 3. Hệ thống tòa án Anh 4. Hệ thống tòa án Mỹ 5. So sánh hệ thống tòa án của Pháp, Đức, Anh và Mỹ **II. THỦ TỤC XÉT XỬ** 1. Thủ tục xét xử dân sự 2. Thủ tục xét xử hình sự 3. Thủ tục xét xử hành chính 4. Thủ tục tài phán hiến pháp	08 (04LT, 03TH, 01KT)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp làm việc nhóm; phương pháp thảo luận, tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Sinh viên làm bài kiểm tra giữa học phần.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO6
6	**CHƯƠNG VI. ĐÀO TẠO LUẬT VÀ HÀNH NGHỀ LUẬT** **Mục tiêu chương:** Sinh viên hiểu được các vấn đề về đào tạo luật và hành nghề luật ở một số nước trên thế giới, như: Pháp, Đức, Anh, Mỹ. **I. ĐÀO TẠO LUẬT** 1. Đào tạo luật ở Pháp 2. Đào tạo luật ở Đức 3. Đào tạo luật ở Anh 4. Đào tạo luật ở Mỹ 5. Một số điểm tương đồng và khác biệt trong đào tạo luật ở Pháp, Đức, Anh, Mỹ **II. HÀNH NGHỀ LUẬT** 1. Hành nghề luật ở Pháp 2. Hành nghề luật ở Đức 3. Hành nghề luật ở Anh 4. Hành nghề luật ở Mỹ 5. Một số điểm tương đồng và khác biệt điển hình trong hành nghề luật ở Pháp,	06 (03LT, 03TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp làm việc nhóm; phương pháp thảo luận, tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Phân tích, lấy ví dụ về làm rõ các nội dung. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1]. [2], [3]. + Lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay. + Lắng nghe, ghi chép và	CLO2 CLO3 CLO4 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	Đức, Anh, Mỹ		giải quyết các vấn đề.	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: ngành Luật

1. Tên học phần: (tiếng Việt/tiếng Anh) Kỹ năng tư vấn pháp luật/ Legal Consultation Skills
2. Mã học phần: LUAT 006
3. Số tín chỉ: 3 (2, 1)
4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ ba
5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 0 giờ lý thuyết 90 giờ thực hành
- Giờ học tập định mức của người học (bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá): 150 giờ (50 giờ/1 tín chỉ)

6. Điều kiện tiên quyết: Luật tố tụng hình sự, Luật tố tụng dân sự
7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Nguyễn Chí Dũng	0983.376.688	dung _nc@saodo.edu.vn
2.	TS. Nguyễn Phương Lan	0912.316.648	phuonglan62@yahoo.com.vn
3.	TS. Đức Thị Hoà	0399.515.939	Hoakaka1973@gmail.com
4.	TS. Phan Thị Thu Lê	0984.057.618	le_nt@saodo.edu.vn
5.	Ths. Chu Hải Đăng	0902.091.279	haidangspc@yahoo.com.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần "Kỹ năng tư vấn pháp luật" trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về hoạt động tư vấn pháp luật, từ xây dựng quan hệ với khách hàng, tiếp nhận và xác định yêu cầu tư vấn, nghiên cứu hồ sơ, thu thập và đánh giá thông tin đến phân tích vụ việc, tra cứu pháp luật và xây dựng phương án tư vấn phù hợp. Đồng thời rèn luyện kỹ năng tư vấn bằng lời nói và văn bản, trình bày, lập luận, phản biện, soạn thảo văn bản pháp lý và đại diện ngoài tố tụng. Thông qua thực hành, thảo luận và giải quyết tình huống, sinh viên nâng cao năng lực vận dụng pháp luật, tư duy pháp lý, kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề, làm việc độc lập và nhóm, đồng thời hình thành ý thức tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần
10.1. Mục tiêu
a) Mục tiêu chung của học phần:

Học phần **Kỹ năng tư vấn pháp luật** cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về hoạt động tư vấn pháp luật; giúp sinh viên hiểu và phân tích được những vấn đề chung về tư vấn pháp luật, nguyên tắc, yêu cầu, điều kiện thực hiện hoạt động tư vấn pháp luật và các kỹ năng cơ bản trong hoạt động tư vấn. Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng xây dựng và phát triển quan hệ với khách hàng; kỹ năng tiếp xúc, tìm hiểu yêu cầu tư vấn; kỹ năng thỏa thuận, soạn thảo và ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý; kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, tìm kiếm, khai thác, thu thập và đánh giá thông tin; kỹ năng phân tích, đánh giá vụ việc, tra cứu và áp dụng quy định pháp luật, xây dựng và lựa chọn

phương án tư vấn.

Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức pháp luật và kỹ năng nghề nghiệp để thực hiện hoạt động tư vấn pháp luật bằng lời nói, bằng văn bản và đại diện ngoài tố tụng; nhận diện, phân tích, đánh giá và đề xuất phương án giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn; hình thành và phát triển kỹ năng giao tiếp, tư duy pháp lý, tư duy phản biện, lập luận, giải quyết vấn đề, trình bày và bảo vệ quan điểm pháp lý, làm việc độc lập và làm việc nhóm. Đồng thời, học phần góp phần hình thành cho sinh viên ý thức tôn trọng, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, trách nhiệm công dân, đạo đức nghề luật, tính khách quan, trung thực, bảo mật thông tin và trách nhiệm nghề nghiệp trong hoạt động tư vấn pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

CO1 – Kiến thức: Trình bày và giải thích được những vấn đề lý luận cơ bản về tư vấn pháp luật và kỹ năng tư vấn pháp luật; các nguyên tắc, yêu cầu và điều kiện thực hiện hoạt động tư vấn pháp luật; kiến thức về xây dựng và phát triển quan hệ với khách hàng, nghiên cứu hồ sơ, tìm kiếm, khai thác, thu thập và đánh giá thông tin, phân tích vụ việc, tra cứu và áp dụng quy định pháp luật; kiến thức về tư vấn pháp luật bằng lời nói, bằng văn bản và đại diện ngoài tố tụng.

CO2 – Kỹ năng: Phân tích và vận dụng được kiến thức pháp luật, kỹ năng nghề nghiệp để tiếp nhận và xác định yêu cầu của khách hàng; nghiên cứu hồ sơ, thu thập và đánh giá thông tin; xác định vấn đề pháp lý, tra cứu và áp dụng quy định pháp luật; xây dựng, phân tích và lựa chọn phương án tư vấn phù hợp; thực hiện tư vấn pháp luật bằng lời nói và bằng văn bản, soạn thảo các văn bản pháp lý và thực hiện các hoạt động đại diện ngoài tố tụng. Hình thành và phát triển kỹ năng giao tiếp, tư duy pháp lý, tư duy phản biện, lập luận, giải quyết tình huống, trình bày và bảo vệ quan điểm pháp lý trong hoạt động tư vấn pháp luật.

CO3 – Mức tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng học tập, nghiên cứu và làm việc độc lập; phối hợp và làm việc hiệu quả trong nhóm; chủ động lập kế hoạch, tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ trong hoạt động tư vấn pháp luật, chịu trách nhiệm về kết quả công việc. Có ý thức tôn trọng, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, giữ gìn đạo đức nghề luật, bảo đảm tính khách quan, trung thực, bảo mật thông tin và trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận và bảo vệ quan điểm cá nhân trong hoạt động tư vấn pháp luật, đồng thời tôn trọng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
CLO1	Phân tích được những vấn đề lý luận cơ bản về tư vấn pháp luật và kỹ năng tư vấn pháp luật; khái niệm, đặc điểm, vai trò, nguyên tắc, yêu cầu và điều kiện thực hiện hoạt động tư vấn pháp luật; phân biệt được các loại tư vấn pháp luật và các kỹ năng cơ bản trong hoạt	PI5.1	4

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	động tư vấn pháp luật.		
CLO2	Phân tích được các kiến thức về xây dựng và phát triển quan hệ với khách hàng; kỹ năng tiếp xúc, tìm hiểu yêu cầu tư vấn, thỏa thuận, soạn thảo và ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý; kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, tìm kiếm, khai thác, thu thập và đánh giá thông tin về khách hàng và vụ việc.	PI7.2	4
CLO3	Phân tích, đánh giá được vụ việc pháp lý; xác định được các vấn đề pháp lý cần giải quyết; tra cứu, tìm kiếm và lựa chọn được các quy định pháp luật có liên quan; xây dựng và đánh giá được các phương án tư vấn phù hợp với yêu cầu của khách hàng.	PI4.2	4
CLO4	Vận dụng được các quy định của pháp luật và kỹ năng nghề nghiệp để thực hiện hoạt động tư vấn pháp luật; xây dựng, lựa chọn và hoàn thiện phương án tư vấn; thực hiện tư vấn pháp luật bằng lời nói, bằng văn bản và soạn thảo được các văn bản pháp lý phù hợp với từng vụ việc.	PI5.1	4
CLO5	Thực hiện được kỹ năng giao tiếp, lắng nghe, đặt câu hỏi, thu thập và xử lý thông tin; tư duy pháp lý, tư duy phản biện, lập luận, thuyết trình, tranh luận và bảo vệ quan điểm pháp lý; vận dụng được các kỹ năng đại diện ngoài tố tụng và giải quyết các tình huống phát sinh trong hoạt động tư vấn pháp luật.	PI7.2	5
CLO6	Có khả năng học tập, nghiên cứu và làm việc độc lập, làm việc theo nhóm; chủ động lập kế hoạch, tổ chức và thực hiện nhiệm vụ tư vấn pháp luật; chịu trách nhiệm về kết quả công việc của cá nhân và nhóm; có ý thức tôn trọng, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, giữ gìn đạo đức nghề luật, bảo đảm tính khách quan, trung thực, bảo mật thông tin và trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận và bảo vệ quan điểm cá nhân trong lĩnh vực tư vấn pháp luật.	PI7.2	5

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3

CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4		x	
CLO5		x	x
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	**Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI ***		
	PLO 1	**PLO 10**	
	PI1.1	**PI10.1**	**PI10.2**
CLO1	I		
CLO2	I		
CLO3	I		
CLO4	M		
CLO5	M		
CLO6		R	R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Điểm chuyên cần, điểm kiển tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận	20%	- Thời gian tham gia lớp học. - Bài kiểm tra thực hành. - Rubric thực hành	CLO1	30	Điểm chuyên cần; Rubric kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO1 → PI5.1/3
			CLO3	40	Rubric	Điểm CLO3 →

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
thức và thái độ					thực hiện bài tập thực hành	PI4.2/3
			CLO6	30	Rubric thái độ học tập, tự học, làm việc nhóm	Điểm CLO6 → PI7.2/3
Điểm kiểm tra định kỳ (01 bài kiểm tra/tín chỉ): 03 bài	*80%*	- Bài kiểm tra thực hành. - Rubric bài thực hành	CLO1	30	Điểm bài thi thực hành	Điểm CLO1 → PI5.1/3
			CLO3	40	Điểm bài thi thực hành	Điểm CLO3 → PI4.2/3
			CLO4	30	Điểm bài thi thực hành	Điểm CLO4 → PI5.1/3

Ký hiệu CLO	**Nội dung CLO**	**Cần đo lường mức đạt CLO**	**Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI**	**Dữ liệu được lấy từ**
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**
CLO1	Vận dụng được quy định pháp luật để xác định chủ thể, đối tượng, phạm vi và thẩm quyền trong hoạt động thanh tra.	x	PI5.1/3	Bài kiểm tra thực hành
CLO2	Thực hiện được các bước cơ bản của một cuộc thanh tra; phân tích hồ sơ và xử lý kết quả thanh tra.	x	PI7.2/3	Bài kiểm tra thực hành
CLO3	Tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn khiếu nại; xác định được thẩm quyền và trình tự giải quyết khiếu nại.	x	PI4.2/3	Bài kiểm tra thực hành

CLO4	Phân tích được quy định pháp luật để tiếp nhận, phân loại, xử lý tố cáo; xác định thẩm quyền, trình tự, thủ tục xác minh, giải quyết tố cáo và các yêu cầu về bảo vệ người tố cáo.	x	PI5.1/3	Bài kiểm tra thực hành
CLO5	Phân tích được pháp luật để nghiên cứu hồ sơ, xử lý tình huống, xây dựng lập luận và đề xuất phương án giải quyết vụ việc.	x	PI7.2/3	Bài kiểm tra thực hành
CLO6	Thể hiện ý thức tự giác, chủ động trong học tập và thực hành; làm việc khách quan, trung thực, cẩn trọng; tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể; có trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp; phối hợp với các cá nhân, cơ quan, tổ chức và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và yêu cầu nghề nghiệp.	x	PI7.2/3	Rubric đánh giá quá trình.

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thực hành

Tiêu chí đánh giá	**CLO**	**Trọng số**	**Giỏi (10 - 8.5)**	**Khá (8.4 - 7.0)**	**Trung bình (6.9 - 5.0) (Mức đạt CĐR)**	**Yếu (4.9 - 0.0)**
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	50%	Tham dự đầy đủ >90% số giờ học, đi học đúng giờ, chấp hành tốt kỷ luật phòng học và chuẩn bị bài chu đáo trước khi lên lớp.	Tham dự từ 80% đến 89% số giờ học, đi học đúng giờ, không vi phạm nghiêm trọng kỷ luật và nội quy học vụ.	Tham dự từ 70% đến 79% số giờ học, thỉnh thoảng còn đi muộn hoặc thiếu tập trung trong giờ học.	Tham dự dưới 70% số giờ học hoặc vi phạm nghiêm trọng kỷ luật học đường.
Ý thức tự học & thực hành	CLO6	50%	Chủ động, tích cực nghiên cứu trước tài liệu; tham gia và thực hiện đúng các bài tập thực hành.	Hoàn thành đúng các bài tập thực hành theo đúng yêu cầu	Hoàn thành được các bài tập thực hành theo đúng yêu cầu.	Không hoàn thành bài tập thực hành theo cá nhân hoặc theo nhóm.

2. Rubric đánh giá bài kiểm tra định kỳ thực hành

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Xác định vấn đề pháp lý và căn cứ pháp luật (xác định đúng nội dung thanh tra, khiếu nại, tố cáo; xác định đúng quy định pháp luật áp dụng)	CLO1; CLO2	30%	Xác định đầy đủ, chính xác vấn đề pháp lý; lựa chọn đúng và đầy đủ căn cứ pháp luật; viện dẫn chính xác các quy định có liên quan.	Xác định đúng vấn đề pháp lý chủ yếu; lựa chọn được căn cứ pháp luật phù hợp; còn một vài thiếu sót nhỏ trong viện dẫn.	Xác định được vấn đề pháp lý cơ bản nhưng còn thiếu căn cứ hoặc viện dẫn chưa đầy đủ; có một số sai sót.	Không xác định được hoặc xác định sai vấn đề pháp lý; viện dẫn sai hoặc không có căn cứ pháp luật phù hợp.	
Kỹ năng xử lý tình huống/hồ sơ thực hành (phân tích tình huống, xác định thẩm quyền, trình tự, thủ tục và phương án giải quyết)	CLO2; CLO4	30%	Phân tích tình huống/hồ sơ đầy đủ, logic; xác định chính xác thẩm quyền, đối tượng, trình tự, thủ tục; đề xuất phương án giải quyết phù hợp và có căn cứ pháp luật.	Phân tích đúng phần lớn nội dung; xác định cơ bản đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; phương án giải quyết phù hợp nhưng còn thiếu một số nội dung.	Xử lý được các yêu cầu cơ bản của tình huống/hồ sơ; còn nhầm lẫn về thẩm quyền, trình tự hoặc thủ tục; phương án giải quyết chưa đầy đủ.	Không xử lý được tình huống/hồ sơ; xác định sai thẩm quyền, trình tự, thủ tục hoặc đưa ra phương án không phù hợp.	
Kỹ năng xử lý văn bản /hồ sơ thực hành (Thể thức văn bản, nội dung, hình thức văn	CLO4; CLO5	20%	Văn bản đầy đủ nội dung, đúng thể thức; diễn đạt rõ ràng, chính xác; căn cứ pháp lý phù hợp;	Văn bản cơ bản đầy đủ, đúng thể thức; nội dung phù hợp; còn một số lỗi	Văn bản thực hiện được các yêu cầu cơ bản nhưng còn thiếu nội dung, sai	Không hoàn thành văn bản hoặc văn bản có nhiều sai sót nghiêm trọng,	

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
bản)			nội dung và hình thức đáp ứng đầy đủ yêu cầu của bài thực hành.	nhỏ về trình bày hoặc viện dẫn căn cứ pháp luật.	sót về thể thức hoặc căn cứ pháp lý.	không đáp ứng yêu cầu của bài thực hành.	
Trình bày, giải thích và bảo vệ phương án xử lý (trình bày kết quả, giải thích căn cứ và trả lời câu hỏi)	CLO2; CLO4	10%	Trình bày to, rõ ràng; giải thích được tất cả các căn cứ và phương án xử lý; trả lời đúng các câu hỏi..	Trình bày khá rõ ràng; giải thích được phần lớn căn cứ và phương án xử lý; trả lời đúng phần lớn câu hỏi.	Trình bày được nội dung cơ bản; giải thích còn hạn chế; trả lời được một số câu hỏi.	Trình bày thiếu rõ ràng; không giải thích được căn cứ hoặc phương án xử lý; không trả lời được phần lớn câu hỏi.	
Tác phong thực hành và tuân thủ quy định (trung thực, nghiêm túc, đúng thời gian, tuân thủ yêu cầu của bài kiểm tra)	CLO6	10%	Thực hiện nghiêm túc, độc lập, trung thực; tuân thủ đầy đủ yêu cầu; hoàn thành đúng hoặc trước thời gian quy định; hồ sơ, bài làm được sắp xếp khoa học.	Thực hiện nghiêm túc, đúng quy định; hoàn thành đúng thời gian; có một vài thiếu sót nhỏ.	Thực hiện được yêu cầu cơ bản nhưng còn cần nhắc nhở về thời gian, trình tự hoặc cách thức thực hiện	Vi phạm nội quy nghiêm trọng hoặc làm hỏng dữ liệu/thiết bị phòng máy	
ĐIỂM TỔNG		**100%**					

12. Yêu cầu học phần

- Quy định chuyên cần:

Sinh viên tham dự tối thiểu 80% số tiết học theo quy định; chuẩn bị bài trước khi lên

lớp, tích cực tham gia thảo luận, xử lý tình huống và thực hành các kỹ năng tư vấn pháp luật theo yêu cầu của giảng viên.

- Nhiệm vụ học tập và tự học:

Chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu và các quy định pháp luật liên quan; hoàn thành đầy đủ bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận, thực hành và các nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu. Vận dụng kiến thức để nghiên cứu hồ sơ, phân tích vụ việc, tra cứu pháp luật, xây dựng phương án và thực hiện tư vấn pháp luật.

- **Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức nghề nghiệp:**

Có thái độ học tập nghiêm túc, chủ động, trách nhiệm; tôn trọng pháp luật, khách hàng và đồng nghiệp; bảo mật thông tin khách hàng; tuân thủ các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động tư vấn pháp luật.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức:**

Vận dụng kiến thức pháp luật và kỹ năng tư vấn để tiếp nhận, phân tích, đánh giá vụ việc, xác định vấn đề pháp lý, lựa chọn căn cứ và xây dựng phương án tư vấn phù hợp. Thực hành tư vấn bằng lời nói, bằng văn bản, soạn thảo văn bản pháp lý và đại diện ngoài tố tụng; phát triển kỹ năng giao tiếp, tư duy pháp lý, giải quyết vấn đề và làm việc độc lập, theo nhóm.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1]. Vũ Thị Lan Anh, (2024), Giáo trình kỹ năng tư vấn pháp luật, Nxb Tư pháp.

[2]. Vũ Thị Lan Anh, (2024), Giáo trình kỹ năng chung về tư vấn pháp luật, Nxb Tư pháp.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
1	**CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TƯ VẤN PHÁP LUẬT** **Mục tiêu chương:** Trình bày được Những vấn đề chung về tư vấn pháp luật như: phân loại, nguyên tắc, cơ sở pháp lý và tổ chức hành nghề tư vấn pháp luật. Liên hệ thực tế. **Nội dung cụ thể:** 1.Khái quát về tư vấn pháp luật 2. Phân loại tư vấn pháp luật 3. Những nguyên tắc cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật 4. Cơ sở pháp lý của hoạt động tư vấn pháp luật 5. Tổ chức hành nghề tư vấn pháp luật về người thực hiện tư vấn pháp luật	7 (05LT, 02TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, nêu vấn đề, tình huống** **- Giảng viên:** + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề thảo luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên phần + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên.	CLO1; CLO4; CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			+ Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	
2	**CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ KỸ NĂNG TƯ VẤN PHÁP LUẬT** **Mục tiêu chương:** Trình bày được khái quát về kỹ năng nói chung và kỹ năng tư vấn pháp luật, liên hệ thực tiễn **Nội dung cụ thể:** 1. Khái quát về kỹ năng 2. Khái quát về kỹ năng tư vấn pháp luật	6 (04LT, 02TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, nêu vấn đề, tình huống** **- Giảng viên:** + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề thảo luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên phần + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	CLO1; CLO2; CLO5
3	**CHƯƠNG 3. KỸ NĂNG THIẾT LẬP VÀ PHÁT TRIỂN QUAN HỆ VỚI KHÁCH HÀNG YÊU CẦU TƯ VẤN PHÁP LUẬT** **Mục tiêu chương:** Trình bày được Kỹ năng tiếp xúc khách hàng, kỹ năng tìm hiểu yêu cầu tư vấn của khách hàng, kỹ năng thỏa thuận, soạn thảo và ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý, kỹ năng duy trì và phát triển mối quan hệ với khách hàng. Liên hệ thực tế. **Nội dung cụ thể:** I. Kỹ năng tiếp xúc khách hàng, tìm hiểu yêu cầu tư vấn II. Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và ký kết hợp đồng tư vấn pháp luật	6 (04LT, 02TH)	**Thuyết giảng, trực quan, sử dụng tình huống, dạy học dựa trên vấn đề.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Trực quan tình huống trong quan hệ pháp luật. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của	CLO1; CLO2; CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	III. Kỹ năng duy trì và phát triển mối quan hệ với khách hàng		sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và chương 2, tài liệu [2]. + Đọc tài liệu [2] từ tr. 20 - 25. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn cuộc sống.	
4	**CHƯƠNG 4. KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT YÊU CẦU TƯ VẤN PHÁP LUẬT** **Mục tiêu chương:** Trình bày được kỹ năng nghiên cứu, xá định vấn đề, phân tích, đánh giá vụ việc, kỹ năng tra cứu, tìm kiếm quy định pháp luật áp dụng, kỹ năng xây dựng các phương án tư vấn, kỹ năng tư vấn lựa chọn phương án và hoàn thiện giải pháp thực hiện và các loại trách nhiệm pháp lý **Nội dung cụ thể:** I. Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ . II. Kỹ năng xá định vấn đề pháp lý và kỹ năng tra cứu quy định pháp luật III. Kỹ năng phân tích, đánh giá vụ việc tư vấn IV. Kỹ năng xây dựng giải pháp tư vấn V. Kỹ năng tư vấn cho khách hàng lựa chọn giải pháp tư vấn phù hợp. VI. Kỹ năng tư vấn cho khách hàng cách thức thực hiện giải pháp tư vấn *** Kiểm tra giữa học phần**	7 (04LT, 02TH 01KT)	**Thuyết giảng, trực quan, phương pháp động não, dạy học dựa trên vấn đề.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước nội dung bài học tài liệu [2] tr. 29-35. + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Sinh viên làm bài kiểm tra giữa học phần.	CLO1; CLO2; CLO3; CLO5
5	**CHƯƠNG 5. KỸ NĂNG TƯ VẤN PHÁP LUẬT BẰNG LỜI NÓI** **Mục tiêu chương:** Trình bày được kỹ năng tư vấn pháp luật bằng lời	6 (04LT, 02TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, trực quan, dạy học dựa trên vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm.**	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4;

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	nói, và các yêu cầu đối với tư vấn bằng pháp luật **Nội dung cụ thể:** I. . Khái niệm và đặc điểm của tư vấn pháp luật bằng lời nói II. Lựa chọn hình thức tư vấn pháp luật bằng lời nói và các cách thức thực hiện tư vấn pháp luật bằng lời nói III. Các yêu cầu đối với tư vấn pháp luật bằng lời nói IV. Các kỹ năng trong tư vấn pháp luật bằng lời nói		**- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biên. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước nội dung bài học phần 4.1, 4.2 Chương 4, tài liệu [2]. tr.35-41. [3] tr.20-55. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. + Ôn tập chuẩn bị kiểm tra giữa học phần.	CLO5
6	**CHƯƠNG 6. KỸ NĂNG TƯ VẤN PHÁP LUẬT BẰNG VĂN BẢN** **Mục tiêu chương:** Trình bày được Khái niệm, đặc điểm của tư vấn pháp luật bằng văn bản, sự lựa chọn hình thức tư vấn, các yêu cầu tư vấn và kỹ năng viết, trình bày văn bản. Liên hệ thực tiễn. **Nội dung cụ thể:** I. . Khái niệm và đặc điểm của tư vấn pháp luật bằng văn bản II. Lựa chọn hình thức tư vấn pháp luật bằng văn bản và các dạng văn bản trong hoạt động tư vấn pháp luật III. Các yêu cầu đối với tư vấn pháp luật bằng văn bản IV. Các kỹ năng tviết rong soạn thảo văn bản tư vấn pháp luật. **V.** Kỹ năng trình bày văn bản kèm theo giải pháp tư vấn	7 (05LT, 02TH)	**Thuyết giảng, nêu vấn đề, trực quan, sử dụng tình huống.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Trực quan tình huống về kỹ năng tư vấn pháp luật bằng văn bản. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn.	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			+ Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	
7	**CHƯƠNG 7. CÁC KỸ NĂNG ĐẠI DIỆN NGOÀI TỐ TỤNG** **Mục tiêu chương:** Trình bày được Khái niệm, đặc điểm đại diện ngoài tố tụng. nội dung đại diện ngoài tố tụng, các kỹ năng đại diện ngoài tố tụng. **Nội dung cụ thể:** I. Khái niệm đại diện ngoài tố tụng II. Đặc điểm đại diện ngoài tố tụng III. Nội dung đại diện ngoài tố tụng IV. Các kỹ năng đại diện ngoài tố tụng	6 (03LT, 03TH)	**Thuyết giảng, nêu vấn đề, trực quan, sử dụng tình huống.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Trực quan tình huống về đại diện ngoài tố tụng. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5
TT	**Nội dung giảng dạy**	**Số giờ**	**Phương pháp dạy - học**	**CĐR học phần**
1	**CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TƯ VẤN PHÁP LUẬT VÀ KỸ NĂNG TƯ VẤN PHÁP LUẬT** **Mục tiêu chương:** Trình bày được Những vấn đề chung về tư vấn pháp luật và những vấn đề chung về kỹ năng tư vấn pháp luật Liên hệ thực tế. **Nội dung cụ thể:** 1.1. Những vấn đề chung về tư vấn pháp luật 1.2. Những vấn đề chung về kỹ năng tư vấn pháp luật	12 (06LT, 06TH)	**Thuyết giảng, vấn đáp, nêu vấn đề, thảo luận nhóm.** **- Giảng viên:** + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề thảo luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:**	CLO1; CLO4; CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			+ Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên phần 1.1, 1.2 chương 1, tài liệu [1]. + Đọc tài liệu [2] từ tr. 2 - 10. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	
2	**CHƯƠNG 2. KỸ NĂNG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN QUAN HỆ VỚI KHÁCH HÀNG TƯ VẤN PHÁP LUẬT** **Mục tiêu chương:** Trình bày được Kỹ năng tiếp xúc khách hàng, kỹ năng tìm hiểu yêu cầu tư vấn của khách hàng, kỹ năng thỏa thuận, soạn thảo và ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý, kỹ năng duy trì và phát triển mối quan hệ với khách hàng. Liên hệ thực tế. **Nội dung cụ thể:** 2.1. Kỹ năng tiếp xúc khách hàng 2.2. Kỹ năng tìm hiểu yêu cầu tư vấn của khách hàng 2.3. Kỹ năng thỏa thuận, soạn thảo và ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý 2.4. Kỹ năng duy trì và phát triển mối quan hệ với khách hàng	12 (06LT, 06TH)	**Thuyết trình, sử dụng tình huống, dạy học dựa trên vấn đề, thảo luận, đóng vai.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Đưa ra vấn đề thảo luận, hướng dẫn sinh viên thảo luận. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Trực quan tình huống trong quan hệ pháp luật. Hướng dẫn sinh viên đóng vai. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và chương 2, tài liệu [2]. + Đọc tài liệu [2] từ tr. 20 - 25. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn cuộc sống.	CLO1; CLO2; CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			+ Đóng vai.	
3	**CHƯƠNG 3. KỸ NĂNG NGHIÊN CỨU HỒ SƠ; TÌM KIẾM, KHAI THÁC, THU THẬP THÔNG TIN, ĐÁNH GIÁ VỤ VIỆC TRONG HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN** **Mục tiêu chương:** Trình bày được kỹ năng phân tích, đánh giá vụ việc, kỹ năng tra cứu, tìm kiếm quy định pháp luật áp dụng, kỹ năng **x**ây dựng các phương án tư vấn, kỹ năng tư vấn lựa chọn phương án và hoàn thiện giải pháp thực hiện và các loại trách nhiệm pháp lý **Nội dung cụ thể:** 3.1. Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, tìm kiếm, khai thác thông tin về khách hàng, về vụ việc; 3.2. Kỹ năng phân tích, đánh giá vụ việc 3.3. Kỹ năng tra cứu, tìm kiếm quy định pháp luật áp dụng 3.4. Kỹ năng **x**ây dựng các phương án tư vấn 3.5. Kỹ năng tư vấn lựa chọn phương án và hoàn thiện giải pháp thực hiện. 3.2.2. Các loại trách nhiệm pháp lý *** Kiểm tra giữa học phần**	12 (05LT, 06 TH 01KT)	**Thuyết trình, vấn đáp, phương pháp động não, tình huống thực tễn, thảo luận.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu tình huống, hướng dẫn sinh viên giải quyết tình huống. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện, thảo luận. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước nội dung bài học tài liệu [2] tr. 29-35. + Thảo luận, giải quyết tình huống. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Sinh viên làm bài kiểm tra giữa học phần.	CLO1; CLO2; CLO3; CLO5
4	**CHƯƠNG 4. KỸ NĂNG TƯ VẤN PHÁP LUẬT BẰNG LỜI NÓI VÀ BẰNG VĂN BẢN** **Mục tiêu chương:** Trình bày được kỹ năng tư vấn pháp luật bằng lời nói, kỹ năng tư vấn pháp luật bằng văn bản Liên hệ thực tế. **Nội dung cụ thể:** 4.1. Kỹ năng tư vấn pháp luật bằng lời nói 4.2. Kỹ năng tư vấn pháp luật bằng văn bản	12 (06LT, 06TH)	**Thuyết trình, vấn đáp, dạy học dựa trên vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, đóng vai.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận, đóng vai. + Nhận xét, đánh giá giải	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước nội dung bài học phần 4.1, 4.2 Chương 4, tài liệu [2]. tr.35-41. [3] tr.20-55. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận, tranh biện, đóng vai. + Ôn tập chuẩn bị kiểm tra giữa học phần.	
5	**CHƯƠNG 5. KỸ NĂNG ĐẠI DIỆN NGOÀI TỐ TỤNG** **Mục tiêu chương:** Trình bày được Khái niệm đại diện ngoài tố tụng. nội dung đại diện ngoài tố tụng, các kỹ năng đại diện ngoài tố tụng. **Nội dung cụ thể:** 5.1. Khái niệm đại diện ngoài tố tụng 5.2. Nội dung đại diện ngoài tố tụng 5.3. Các kỹ năng đại diện ngoài tố tụng.	12 (06LT, 06TH)	**Thuyết giảng, thảo luận, sử dụng tình huống.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu tình huống cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Trực quan tình huống về đại diện ngoài tố tụng. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [2] tr. 61 + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và thảo luận, giải quyết các vấn đề.	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Luật

1. Tên học phần: Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng/ Negotiation and contract drafting skills

2. Mã học phần: LUAT 034

3. Số tín chỉ: 3 (2, 1)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ ba

5. Phân bổ thời gian

- Lý thuyết: 30 giờ, 30 giờ thực hành

- Giờ học tập định mức của người học: 150 giờ (bao gồm 30 giờ dự giờ giảng trên lớp, 110 giờ tự học có hướng dẫn, nghiên cứu, 10 giờ chuẩn bị và tham gia dự kiểm tra, đánh giá định kỳ - quy chuẩn 50 giờ học tập/1 tín chỉ).

6. Điều kiện tiên quyết: Học xong các học phần Luật Dân sự 1; Luật Dân sự 2.

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Phan Thị Thu Lê	0984.057.618	le_nt@saodo.edu.vn
2.	TS. Trần Thị Hiền	0903.472.992	hien_tt@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng cung cấp cho người học các kỹ năng cần thiết để người học có thể thực hiện các công việc như đàm phán và soạn thảo hợp đồng cụ thể. Giới thiệu cho sinh viên các vấn đề chung về kỹ năng đàm phán hợp đồng, kỹ năng soạn thảo hợp đồng, kỹ năng thực hiện hợp đồng. Các kỹ năng này tập trung vào nhóm các hợp đồng thông dụng như: nhóm hợp đồng chuyển quyền sở hữu tài sản, nhóm hợp đồng chuyển quyền sử dụng tài sản, nhóm hợp đồng có đối tượng là công việc và nhóm các hợp đồng bảo đảm.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Học phần **Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng** nhằm trang bị cho người học hệ thống kiến thức lý luận, pháp lý cùng các kỹ năng thực hành chuyên sâu về quy trình đàm phán, giao kết và kỹ thuật soạn thảo, rà soát hợp đồng. Qua đó, giúp người học hình thành tư duy pháp lý, thái độ chuẩn mực và năng lực vận dụng linh hoạt trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn giao kết hợp đồng, bảo đảm tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng; làm rõ khái niệm, đặc điểm, chủ thể, nguyên tắc, phương thức và quy trình đàm phán hợp đồng; các nguyên tắc, chủ thể, thời điểm và quy trình soạn thảo hợp đồng; những vấn đề cần lưu ý trong quá trình thực hiện hợp đồng; đồng thời trang bị kiến thức về kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện các loại hợp đồng thông dụng như hợp đồng chuyển quyền sở hữu

tài sản, hợp đồng chuyển quyền sử dụng tài sản, hợp đồng có đối tượng là công việc, hợp đồng bảo đảm và một số thỏa thuận khác.

- CO2 (Kỹ năng): Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng thu thập, tra cứu và khai thác thông tin, văn bản pháp luật liên quan đến hợp đồng; kỹ năng phân tích, đánh giá và vận dụng các quy định của pháp luật để chuẩn bị và thực hiện đàm phán, soạn thảo, ký kết và thực hiện hợp đồng; phát triển kỹ năng nhận diện, xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng; đồng thời hình thành kỹ năng giao tiếp, thảo luận, tranh luận, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và vận dụng kiến thức pháp luật vào các tình huống thực tiễn.

- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Hình thành cho sinh viên ý thức tự giác trong học tập, tự học, tự nghiên cứu và cập nhật các quy định của pháp luật liên quan đến hợp đồng; nâng cao ý thức trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần thượng tôn pháp luật và đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng; có ý thức tôn trọng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong quan hệ hợp đồng; có khả năng làm việc độc lập, phối hợp với các thành viên trong nhóm, chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao và chủ động đánh giá, cải thiện hiệu quả công việc.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Trình bày được những vấn đề cơ bản về hợp đồng và kỹ năng đàm phán hợp đồng, bao gồm chủ thể, nguyên tắc, phương thức, hình thức và quy trình đàm phán.	PI4.1	3
CLO2	Phân tích được các yêu cầu pháp lý, cấu trúc, nội dung và kỹ thuật cơ bản trong soạn thảo hợp đồng và những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu lực, việc thực hiện hợp đồng.	PI4.1	4
CLO3	Phân tích được các vấn đề pháp lý cần lưu ý khi đàm phán, soạn thảo và thực hiện các loại hợp đồng về tài sản, công việc, quyền sử dụng đất và hợp tác.	PI4.1 PI7.2	4
	Kỹ năng		
CLO4	Vận dụng được kiến thức pháp luật và kỹ năng đàm phán để xây dựng phương án, xử lý tình huống và thực hiện đàm phán hợp đồng phù hợp với yêu cầu của giao dịch.	PI5.2	3
CLO5	Soạn thảo được các hợp đồng cơ bản, bảo đảm yêu cầu về nội dung, hình thức, tính pháp lý và hạn chế rủi ro cho các bên.	PI5.2	5

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Chủ động cập nhật, nghiên cứu và vận dụng các quy định pháp luật, tài liệu chuyên môn và mẫu hợp đồng; tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm bảo mật thông tin trong quá trình đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng.	PI8.1	4

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4		x	
CLO5		x	
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *			
	PLO4	**PLO5**	**PLO7**	**PLO8**
	PI4.1	**PI5.2**	**PI7.2**	**PI8.1**
CLO1	I			
CLO2	R			
CLO3	R		I	
CLO4	M			
CLO5		M		
CLO6			R	R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Ví dụ						
Điểm chuyên cần, điểm kiển tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Thời gian tham gia lớp học. - Thảo luận, tranh biện và làm việc nhóm. - Đóng vai, xử lý tình huống. - Trải nghiệm thực tiễn và báo cáo kết quả. - Rubric đánh giá quá trình.	CLO5	40	Điểm Rubric quá trình, bài tập, Điểm bài tập, tình huống	CLO5 → PLO5/PI5.2
			CLO6	60	Điểm Rubric quá trình	CLO6 → PLO8/PI8.1
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra viết kết hợp lý thuyết và bài tập vận dụng. - Giải quyết tình huống kết hôn, kết hôn trái pháp luật. - Rubric chấm bài kiểm tra.	CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO2 → PLO4/PI4.1
			CLO4	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO4 → PLO5/PI5.2
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi kết hợp lý thuyết và bài tập vận dụng về các tình huống xảy ra trong hôn nhân và gia đình .- Rubric chấm bài thi	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO1 → PLO4/PI4.1
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → PLO4/PI4.1
			CLO3	30	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO3 → PLO4/PI4.1; PLO7/PI7.2
			CLO4	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO5/PI5.2
			CLO5	10	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO5 → PLO5/PI5.2

Ký hiệu CLO	**Nội dung CLO**	**Cần đo lường mức đạt CLO**	**Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI**	**Dữ liệu được lấy từ**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
CLO1	Trình bày được hệ thống các	X	PLO4/PI4.1	Bài kiểm tra

	quy định pháp luật hiện hành về thể thức, kỹ thuật trình bày và thẩm quyền ban hành các loại văn bản.			giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO2	Phân loại và giải thích được quy trình, nguyên tắc, cùng cấu trúc chuẩn của các loại văn bản hành chính, hợp đồng và văn bản nghiệp vụ chuyên ngành.	X	PLO4/PI4.1	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO3	Trình bày được kỹ thuật sử dụng ngôn ngữ, thuật ngữ pháp lý, cách phong cách diễn đạt và quy tắc văn phong trong soạn thảo văn bản.	X	PLO4/PI4.1 PLO7/PI7.2	Bài thi cuối kỳ
CLO4	Vận dụng được kiến thức pháp luật và kỹ thuật văn bản để soạn thảo hoàn chỉnh các văn bản hành chính, hợp đồng và văn bản nghiệp vụ đúng thể thức, chuẩn ngôn ngữ.	X	PLO5/PI5.2	Bài thi cuối kỳ
CLO5	Phân tích, phát hiện và sửa chữa được các lỗi về thể thức, cấu trúc, nội dung, văn phong và rủi ro pháp lý trong các bản dự thảo văn bản.	X	PLO5/PI5.2	Thuyết trình, thảo luận nhóm; Bài tập vận dụng
CLO6	Thẩm định, đánh giá và đề xuất được phương án chỉnh sửa, tối ưu hóa nội dung văn bản nhằm đảm bảo tính hiệu lực và an toàn pháp lý.	X	PLO8/SPI8.1	Rubric đánh giá quá trình; Quan sát trên lớp; Đánh giá thảo luận nhóm, thuyết trình

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thảo luận nhóm

Tiêu chí đánh giá	**CLO**	**Trọng số**	**Giỏi (10 - 8.5)**	**Khá (8.4 - 7.0)**	**Trung bình (6.9 - 5.0)**	**Yếu (4.9 - 0.0)**
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	50%	*Tham dự >85% buổi học*	*Tham dự 70-84% buổi học*	*Tham dự 50-69% buổi học*	*Tham dự <50% buổi học*

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10 - 8.5)	Khá (8.4 - 7.0)	Trung bình (6.9 - 5.0)	Yếu (4.9 - 0.0)
Ý thức tự học & thảo luận nhóm	CLO6	50%	Chủ động chuẩn bị bài, tích cực thảo luận, giải quyết tình huống và làm việc nhóm	Tham gia đầy đủ các hoạt động học tập, có trao đổi ý kiến	Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn thụ động	Không tham gia hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao

2. Rubric bài kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Nội dung chính 1: Kiến thức cơ bản về soạn thảo và đàm phán hợp đồng	CLO1	20%	Trình bày đầy đủ, chính xác, có hệ thống các khái niệm, nguyên tắc và quy định cơ bản của pháp luật soạn thảo và đàm phán hợp đồng	Trình bày cơ bản đầy đủ, chính xác các nội dung; còn một số thiếu sót hoặc sai sót nhỏ.	Nắm được những nội dung cơ bản nhưng thiếu hoặc còn nhầm lẫn một số khái niệm, nguyên tắc, quy định.	Không nắm được hoặc trình bày sai các nội dung cơ bản của pháp luật hôn nhân và gia đình.
Nội dung chính 2: Phân tích và áp dụng pháp luật về soạn thảo và đàm phán hợp đồng	CLO2 CLO3	30%	Xác định chính xác vấn đề pháp lý; phân tích và áp dụng đúng, đầy đủ các quy định pháp luật; lập luận chặt chẽ, logic.	Phân tích và áp dụng cơ bản đúng quy định pháp luật; lập luận tương đối rõ, còn một số hạn chế nhỏ.	Xác định được vấn đề pháp lý nhưng áp dụng pháp luật còn hạn chế, phân tích chưa đầy đủ hoặc còn sai sót.	Không xác định được vấn đề pháp lý hoặc không áp dụng được quy định pháp luật để giải quyết vấn đề.
Nội dung chính 3: Phân tích quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý trong về soạn thảo và đàm phán hợp đồng	CLO4	20%	Phân tích đầy đủ, chính xác quyền, nghĩa vụ của các bên; xác định đúng căn cứ và hậu quả pháp lý.	Phân tích và xác định cơ bản đúng quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý; còn một số sai sót nhỏ.	Xác định được quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý nhưng phân tích còn hạn chế, chưa đầy đủ.	Không xác định hoặc xác định sai quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý.

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Nội dung chính 4: Phân tích và giải quyết tình huống pháp luật về soạn thảo và đàm phán hợp đồng	CLO5	30%	Phân tích toàn diện, chính xác tình huống; xác định đúng vấn đề, căn cứ pháp luật và đề xuất phương án giải quyết phù hợp, có lập luận thuyết phục.	Phân tích và giải quyết cơ bản phù hợp; xác định được căn cứ pháp luật và phương án giải quyết, còn hạn chế nhỏ.	Có khả năng giải quyết tình huống nhưng phân tích chưa đầy đủ, căn cứ hoặc phương án giải quyết còn sai sót.	Không phân tích được tình huống hoặc đưa ra phương án giải quyết không phù hợp với quy định pháp luật.
Tổng điểm		100%				

12. Yêu cầu học phần

- **Quy định chuyên cần:** Sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá 20% số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- **Nhiệm vụ học tập và tự học:** Sinh viên phải chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp; hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ tự học, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các chuyên đề tự học theo kế hoạch của học phần; tích cực phối hợp làm việc nhóm, chuẩn bị slide và thực hiện báo cáo, thuyết trình chuyên đề khi được phân công.

- **Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật:** Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động trao đổi, thảo luận và phản biện trong các hoạt động trên lớp; thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức:** Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng những nội dung cốt lõi của học phần. Từ đó có ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, phản biện và các hoạt động chính trị - xã hội phù hợp.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Trường Đại học Mở Hà Nội (2021), Tập bài giảng *Kỹ năng đàm phán & soạn thảo hợp đồng,* Nxb. Hải Phòng.

- Tài liệu tham khảo:

[2] Giáo trình kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng (Đàm thị Tố Uyên), NXB Tư pháp, 2025

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
1	**CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ**	10	**Thuyết trình, vấn**	CLO1,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	HỢP ĐỒNG **Mục tiêu chương:** Trình bày khái niệm, đặc điểm của kỹ năng đàm phán hợp đồng. Nhận diện được các chủ thể tham gia đàm phán hợp đồng. Các phương thức và quy trình đàm phán hợp đồng. Nhận diện được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình đàm phán hợp đồng. Xác định được các hệ quả của đàm phán hợp đồng. **Nội dung cụ thể:** 1.1. Những quy định chung về hợp đồng 1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của đàm phán 1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của đàm phán hợp đồng 1.1.3. Khái niệm, đặc điểm của kỹ năng đàm phán hợp đồng 1.2. Giao kết và thực hiện hợp đồng dân sự 1.2.1. Chủ thể đàm phán là chủ thể của hợp đồng 1.2.2. Chủ thể đàm phán không phải là chủ thể của hợp đồng 1.3. Sửa đổi và chấm dứt hợp đồng dân sự	(05LT, 05TH)	**đáp, trực quan, nêu vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên phần 1.1, 1.2, 1.3, chương 1, tài liệu [1]. + Đọc tài liệu [2] từ tr. 2 - 19. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	CLO2.
	CHƯƠNG 2. KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN HỢP ĐỒNG **Mục tiêu chương:** Nhận diện được khái niệm, đặc điểm của kỹ năng đàm phán hợp đồng. Nhận diện được các loại chủ thể tham gia đàm phán hợp đồng. Nhận diện được các nguyên tắc đàm phán hợp đồng. Nhận diện được thời điểm và địa điểm đàm phán hợp đồng. Nắm bắt được quy trình đàm phán hợp đồng. **Nội dung cụ thể:** 2.1. Khái niệm đàm phán hợp đồng, kỹ	10(05LT, 05TH)	**Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, nêu vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, tình huống, tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận	CLO1, CLO4, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	năng đàm phán hợp đồng 2.2. Mục đích và ý nghĩa của đàm phán hợp đồng 2.3. Nguyên tắc đàm phán hợp đồng 2.4. Quy trình đàm phán hợp đồng 2.5. Các phương thức đàm phán 2.6. Các hình thức đàm phán 2.7. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình đàm phán hợp đồng 2.8. Một số lỗi thường gặp khi đàm phán hợp đồng		theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên đọc chương 2, tài liệu [1]. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	
2	**CHƯƠNG 3. KỸ NĂNG SOẠN THẢO HỢP ĐỒNG** **Mục tiêu chương:** Nhận diện được khái niệm, đặc điểm của kỹ năng soạn thảo hợp đồng. Nhận diện được các loại chủ thể tham gia soạn thảo hợp đồng. Nhận diện được các nguyên tắc soạn thảo hợp đồng. Nhận diện được thời điểm và địa điểm soạn thảo hợp đồng. Nắm bắt được quy trình soạn thảo hợp đồng. **Nội dung cụ thể:** 3.1. Khái niệm soạn thảo hợp đồng, kỹ năng soạn thảo hợp đồng 3.2. Mục đích soạn thảo hợp đồng 3.3. Các phương thức soạn thảo hợp đồng 3.4. Các yếu tố cần xác định khi soạn thảo hợp đồng 3.5. Các bước soạn thảo hợp đồng 3.6. Cấu trúc của hợp đồng 3.7. Một số lỗi thường gặp khi soạn thảo hợp đồng 3.8. Mối liên hệ giữa đàm phán hợp đồng và soạn thảo hợp đồng	10 (05LT, 05TH)	**Thuyết trình, trực quan, sử dụng tình huống, dạy học dựa trên vấn đề, tình huống, tranh biện** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Trực quan tình huống trong quan hệ pháp luật. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và chương 3, tài liệu [1]. + Đọc tài liệu [2] từ tr. 20 - 29. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận tình huống,	CLO2, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn cuộc sống.	
4	**CHƯƠNG 4. KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN VÀ SOẠN THẢO HỢP ĐỒNG CHUYỂN QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN** **Mục tiêu chương:** Nắm bắt được các vấn đề cần lưu ý khi đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng mua bán và trao đổi tài sản. Nắm bắt được các vấn đề cần lưu ý khi đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng vay tài sản. **Nội dung cụ thể:** **4.1. Một số vấn đề chung về kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng chuyển quyền sở hữu tài sản** 4.1.1. Những lưu ý khi đàm phán, soạn thảo, thực hiện hợp đồng mua bán, trao đổi, tài sản 4.1.2. Thực hành đàm phán, soạn thảo, thực hiện hợp đồng mua bán, trao đổi tài sản trong một số tình huống cụ thể **4.2. Kỹ năng đàm phán, soạn thảo một số hợp đồng chuyển quyền sở hữu tài sản** 4.2.1. Những lưu ý khi đàm phán, soạn thảo, thực hiện hợp đồng vay tài sản 4.2.2. Thực hành đàm phán, soạn thảo, thực hiện hợp đồng vay tài sản trong một số tình huống cụ thể Kiểm tra giữa kỳ	10 (04LT, 01KT, 05TH)	**Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, đóng vai, dạy học dựa trên vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, tình huống, tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Hướng dẫn sinh viên đóng vai. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước nội dung bài học phần 4.1, 4.2 Chương 4, tài liệu [1]. tr.81-97 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. + Sinh viên đóng vai.	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.
6	**CHƯƠNG 5. KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN, SOẠN THẢO VÀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG CÓ ĐỐI TƯỢNG LÀ CÔNG VIỆC** **Mục tiêu chương:** Nắm bắt được những vấn đề cần lưu ý khi đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng dịch vụ. Nhận diện được những vấn đề cần lưu ý khi đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng gia công. Hiểu được những vấn đề cần lưu ý khi đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng vận chuyển.	10 (05LT, 05TH)	**Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, thảo luận nhóm, đóng vai, tình huống, tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Trực quan tình huống. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	Nội dung cụ thể: 5.1. Một số vấn đề chung về kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng có đối tượng là công việc 5.2. Kỹ năng đàm phán, soạn thảo một số hợp đồng có đối tượng là công việc		đóng vai. + Phân tích, lấy ví dụ về làm rõ các nội dung. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1]. tr 106-121. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay. + Lấy ví dụ về các vụ án hình sự hiện nay ở nước ta. + Sinh viên đóng vai. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	
7	**CHƯƠNG 6. KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN VÀ SOẠN THẢO HỢP ĐỒNG VỀ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ HỢP ĐỒNG HỢP TÁC** **Mục tiêu chương:** Nắm bắt được những vấn đề cần lưu ý khi đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng dịch vụ. Nhận diện được những vấn đề cần lưu ý khi đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng gia công. Hiểu được những vấn đề cần lưu ý khi đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng vận chuyển. **Nội dung cụ thể:** 6.1. Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng về quyền sử dụng đất 6.2. Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng hợp tác	10 (05LT, 05TH)	**Thuyết trình, phương pháp động não, trực quan kết hợp thảo luận nhóm, đóng vai, thực hành đàm phán và hòa giải.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung + Phân tích, lấy ví dụ về số vụ án dân sự hiện nay. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên đóng vai. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1] tr.130-201. Phần 6.1, 6.2 + Lắng nghe, quan sát,	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			ghi chép. + Sinh viên đóng vai. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay.	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: ngành Luật

1. Tên học phần: Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại/ Commercial dispute resolution skills
2. Mã học phần: LUAT 035
3. Số tín chỉ: 3 (2,1)
4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ ba
5. Phân bổ thời gian
- Giờ học tập định mức của người học: 150 giờ (bao gồm 30 giờ dự giờ giảng trên lớp, 110 giờ tự học có hướng dẫn, nghiên cứu, 10 giờ chuẩn bị và tham gia dự kiểm tra, đánh giá định kỳ - quy chuẩn 50 giờ học tập/1 tín chỉ).

6. Điều kiện tiên quyết: Sau khi học xong học phần Luật thương mại 1, Luật thương mại 2
7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Nguyễn Phương Lan	0912.316.648	phuonglan62@yahoo.com.vn
2.	TS. Phạm Văn Huân	0904.395.479	huan_pv@yahoo.com.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách thức thực hiện quy trình, thủ tục tiến hành giải quyết tranh chấp thương mại. Phân tích các quy định về nguyên tắc, kĩ năng và quy trình giải quyết tranh chấp thương mại bằng các hình thức: thương lượng, hoà giải, trọng tài thương mại, thương mại toà án. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tìm kiếm thu thập thông tin, kĩ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể. Hình thành cho sinh viên kĩ năng tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong tranh chấp thương mại

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần
10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Môn học được thiết kế nhằm giúp sinh viên hiểu rõ bản chất, đặc điểm, ưu thế và hạn chế của từng phương thức giải quyết tranh chấp thương mại; trang bị hệ thống phương pháp luận và kỹ năng nghề nghiệp thực tế của Luật sư, Trọng tài viên, Hòa giải viên và Thẩm phán để định hướng, tư vấn và đại diện giải quyết hiệu quả các tranh chấp kinh doanh thương mại trong nước và quốc tế.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

CO1 – Kiến thức: Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức chuyên ngành chuyên sâu về các nguyên tắc pháp lý, quy trình nghiệp vụ và các kỹ năng cốt lõi trong giải quyết tranh chấp thương mại bằng thương lượng, hòa giải, trọng tài thương mại và tòa án.

CO2 – Kỹ năng: Kỹ năng:

Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích hồ sơ tranh chấp, tra cứu luật, soạn thảo văn bản pháp lý chuyên nghiệp, đàm phán thuyết phục các bên và thực hiện kỹ năng tranh tụng hiệu quả tại trọng tài hoặc tòa án.

CO3 – Mức tự chủ và trách nhiệm: Giúp sinh viên hình thành tinh thần thượng tôn pháp luật, đạo đức nghề luật nghiêm túc, tính khách quan, bảo mật thông tin; có khả năng làm việc độc lập, lập kế hoạch và dẫn dắt nhóm làm việc hiệu quả, linh hoạt thích ứng với môi trường hành nghề thực tế.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Phân tích và giải thích được hệ thống các nguyên tắc pháp lý, quy trình thực hiện và kỹ năng nghiệp vụ cơ bản trong giải quyết tranh chấp thương mại bằng thương lượng, hòa giải, trọng tài thương mại và tòa án theo pháp luật Việt Nam.	PI 2.2	3
CLO2	Hệ thống hóa và vận dụng các quy định của pháp luật quốc tế, pháp luật khu vực (ASEAN) và Hiệp định thương mại tự do trong việc đề xuất giải quyết các tranh chấp thương mại có yếu tố nước ngoài.	PI 4.2	4
CLO3	Thực hiện thành thạo quy trình nghiên cứu phân tích hồ sơ tranh chấp thực tế, tra cứu và lập luận căn cứ pháp lý để xây dựng phương án giải quyết tranh chấp tối ưu.	PI 4.2	4
	Kỹ năng		
CLO4	Thực hiện thành thạo kỹ năng tư vấn hỗ trợ các bên, đàm phán thương thuyết, soạn thảo biên bản thỏa thuận hòa giải và đại diện thực thi quyền tranh tụng thuyết phục tại Tòa án hoặc Trọng tài.	PI 7.2	4
CLO5	Vận dụng linh hoạt kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp, đàm phán thuyết phục và năng lực dẫn dắt, tổ chức làm việc nhóm để phối hợp giải quyết tranh chấp hiệu quả trong môi trường làm việc đa dạng.	PI 7.2	4
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Chủ động đề xuất các giải pháp pháp lý sáng tạo,	PI 8.2	5

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	độc lập và khả thi đối với các vụ việc tranh chấp phức tạp, đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy tắc đạo đức nghề luật, giữ bí mật thông tin và trách nhiệm xã hội.		

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4		x	
CLO5		x	
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) / PI			
	PLO2 (PI 2.2)	PLO4 (PI 4.2)	PLO7 (PI 7.2)	PLO8 (PI 8.2)
CLO1	R			
CLO2		R		
CLO3		R		
CLO4			R	
CLO5			R	
CLO6				M

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Ví dụ						
Điểm đánh giá thường xuyên	20%	- Thời gian tham gia lớp học. - Thảo luận, tranh biện và làm việc nhóm. - Đóng vai, xử lý tình huống. - Trải nghiệm thực tiễn và báo cáo kết quả. - Rubric đánh giá quá trình.	CLO5	40	Điểm Rubric quá trình, bài tập, Điểm bài tập, tình huống	CLO5 → PLO7/PI7.2
			CLO6	60	Điểm Rubric quá trình	CLO6 → PLO8/PI8.2
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra viết kết hợp lý thuyết và bài tập vận dụng. - Giải quyết tranh chấp thương mại - Rubric chấm bài kiểm tra.	CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO2 → PLO2/PI2.2
			CLO4	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO4 → PLO7/PI7.2
Điểm thi kết thúc học phần	50%	- Bài thi kết hợp lý thuyết và bài tập vận dụng về các tình huống xảy ra trong tramh chấp thương mại .- Rubric chấm bài thi	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO1 → PLO2/PI2.2
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → PLO4/PI4.2
			CLO3	30	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO3 → PLO4/PI4.2
			CLO4	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO7/PI7.2
			CLO5	10	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO5 → PLO7/PI7.2

Ký hiệu CLO	**Nội dung CLO**	**Cần đo lường mức**	**Có sử dụng để đánh giá mức**	**Dữ liệu được lấy từ**

		đạt CLO	đạt PLO/PI	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
CLO1	Diễn giải được những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm giải quyết tranh chấp thương mại; làm rõ vai trò, các chủ thể tham gia giải quyết và các nhóm kỹ năng hành nghề cốt lõi.	x	PLO2 /PI 2.2	thi kết thúc học phần; bài tập và thảo luận trên lớp.
CLO2	Hiểu và phân tích rõ nguyên tắc, quy trình và vận dụng các kỹ năng thương lượng đàm phán trong thực tiễn xử lý tranh chấp của doanh nghiệp..	x	PLO4/ PI 4.2	kiểm tra giữa học phần; thi kết thúc học phần; bài tập tình huống.
CLO3	Rèn luyện kỹ năng của Hòa giải viên thương mại, kỹ năng chuẩn bị và điều phối phiên hòa giải.	x	PLO4/PI4.2	Kiểm tra giữa học phần; thi kết thúc học phần; bài tập nghiên cứu hồ sơ; bài tập tình huống.
CLO4	Thực hiện thành thạo kỹ năng tư vấn hỗ trợ các bên, đàm phán thương thuyết, soạn thảo biên bản thỏa thuận hòa giải và đại diện thực thi quyền tranh tụng thuyết phục tại Tòa án hoặc Trọng tài	x	PLO7/PI7.2	Kiểm tra giữa học phần; thi kết thúc học phần; bài tập vận dụng; xử lý tình huống pháp lý.
CLO5	Vận dụng linh hoạt kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp, đàm phán thuyết phục và năng lực dẫn dắt, tổ chức làm việc nhóm để phối hợp giải quyết tranh chấp hiệu quả trong môi trường làm việc đa dạng..	x	PLO7/PI7.2	Điểm đánh giá thường xuyên; thi kết thúc học phần; bài tập soạn thảo văn bản; đánh giá quá trình.
CLO6	Chủ động đề xuất các giải pháp pháp lý sáng tạo, độc lập và khả thi đối với các vụ việc tranh chấp phức tạp, đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy tắc đạo đức nghề luật, giữ bí mật thông tin và trách	x	PLO8/PI 8.2	Điểm đánh giá thường xuyên; thi kết thúc học phần; bài tập soạn thảo văn bản; đánh giá quá trình.

	nhiệm xã hội.			

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thảo luận nhóm

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10 - 8.5)	Khá (8.4 - 7.0)	Trung bình (6.9 - 5.0)	Yếu (4.9 - 0.0)
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	50%	*Tham dự >85% buổi học*	*Tham dự 70-84% buổi học*	*Tham dự 50-69% buổi học*	*Tham dự <50% buổi học*
Ý thức tự học & thảo luận nhóm	CLO6	50%	Chủ động chuẩn bị bài, tích cực thảo luận, giải quyết tình huống và làm việc nhóm	Tham gia đầy đủ các hoạt động học tập, có trao đổi ý kiến	Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn thụ động	Không tham gia hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao

2. Rubric bài kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Nội dung chính 1: Kiến thức cơ bản về giải quyết tranh chấp thương mại	CLO1	20%	Trình bày đầy đủ, chính xác, có hệ thống khái niệm, đặc điểm giải quyết tranh chấp thương mại; làm rõ vai trò, các chủ thể tham gia giải quyết và các nhóm kỹ năng hành nghề cốt lõi.	Trình bày cơ bản đầy đủ, chính xác các nội dung; còn một số thiếu sót hoặc sai sót nhỏ.	Nắm được những nội dung cơ bản nhưng thiếu hoặc còn nhầm lẫn một số khái niệm, nguyên tắc, quy định.	Không nắm được hoặc trình bày sai khái niệm, đặc điểm giải quyết tranh chấp thương mại; làm rõ vai trò, các chủ thể tham gia giải quyết và các nhóm kỹ năng hành nghề cốt lõi..
Nội dung chính 2: Phân tích và áp dụng quy trình và vận dụng các kỹ năng thương lượng đàm phán trong thực tiễn xử lý tranh chấp của doanh nghiệp	CLO2 CLO3	30%	Xác định chính xác vấn đề pháp lý; phân tích và áp dụng đúng, đầy đủ các quy định pháp luật; lập	Phân tích và áp dụng cơ bản đúng quy định pháp luật; lập luận tương đối rõ, còn một số hạn chế nhỏ.	Xác định được vấn đề pháp lý nhưng áp dụng pháp luật còn hạn chế, phân tích chưa đầy đủ hoặc	Không xác định được vấn đề pháp lý hoặc không áp dụng được quy định pháp luật để giải quyết

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
			luận chặt chẽ, logic.		còn sai sót.	vấn đề.
Nội dung chính 3: Thực hiện thành thạo kỹ năng tư vấn hỗ trợ các bên, đàm phán thương thuyết, soạn thảo biên bản thỏa thuận hòa giải và đại diện thực thi quyền tranh tụng thuyết phục tại Tòa án hoặc Trọng tài	CLO4	20%	Thực hiện thành thạo kỹ năng tư vấn hỗ trợ các bên, đàm phán thương thuyế	soạn thảo biên bản thỏa thuận hòa giải và đại diện thực thi quyền tranh tụng thuyết phục tại Tòa án hoặc Trọng tài.	Thực hiện thành thạo kỹ năng nhưng phân tích còn hạn chế, chưa đầy đủ.	Không thực hiện thành thạo kỹ năng hoặc thực hiện sai kỹ nănnng thương thuyết, đàm phán..
Nội dung chính 4: Vận dụng linh hoạt kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp, đàm phán thuyết phục và năng lực dẫn dắt, tổ chức làm việc nhóm để phối hợp giải quyết tranh chấp hiệu quả trong môi trường làm việc đa dạng..	CLO5	30%	Vận dụng linh hoạt kỹ năng, đề xuất phương án giải quyết phù hợp, có lập luận thuyết phục.	Phân tích và giải quyết cơ bản phù hợp; xác định được căn cứ pháp luật và phương án giải quyết, còn hạn chế nhỏ.	Có khả năng vận dụng linh hoạt kỹ năng nhưng chưa đầy đủ, còn sai sót.	Không vận dụng linh hoạt kỹ năng hoặc vận dụng linh hoạt kỹ năng không phù hợp với quy định pháp luật.
Tổng điểm		100%				

12. Yêu cầu học phần

- Quy định chuyên cần:

Sinh viên tham dự tối thiểu 80% số tiết học theo quy định; chuẩn bị bài trước khi lên lớp, tích cực tham gia thảo luận, xử lý tình huống và thực hành các kỹ năng tư vấn pháp luật theo yêu cầu của giảng viên.

- Nhiệm vụ học tập và tự học:

Chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu và các quy định pháp luật liên quan; hoàn thành đầy đủ bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận, thực hành và các nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu. Vận dụng kiến thức để nghiên cứu hồ sơ, phân tích vụ việc, tra cứu pháp luật, xây dựng phương án và thực hiện

- **Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức nghề nghiệp:**

Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động trao đổi, thảo luận và phản biện trong các hoạt động trên lớp; thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức:**

Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng những nội dung cốt của học phần. Từ đó có trách nhiệm nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, phản biện và các hoạt động chính trị - xã hội phù hợp.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1]. Hà Thị Thanh Bình (2024), *Giáo trình Pháp luật về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp thương mại*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội

- Tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Minh Hằng (2026). *Giáo trình Kỹ năng của luật sư tham gia giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại,* Nxb Tư pháp, Hà Nội.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
1	**CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI** **Mục tiêu chung**: Trình bày những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm giải quyết tranh chấp thương mại; làm rõ vai trò, các chủ thể tham gia giải quyết và các nhóm kỹ năng hành nghề cốt lõi. **Nội dung cụ thể**. 1.1. Khái quát về giải quyết tranh chấp thương mại và vai trò của giải quyết tranh chấp thương mại 1.2. Các chủ thể tham gia giải quyết tranh	07 (04LT 03TH)	**Thuyết giảng, tranh biện, , tình huống, làm việc nhóm kết hợp trực quan.** **- Giảng viên:** + Thuyết giảng khái niệm giải quyết tranh chấp thương mại và vai trò của giải quyết tranh chấp thương mại + Nêu tình huống vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết	CLO1, CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	chấp thương mại 1.3. Các kỹ năng cơ bản trong giải quyết tranh chấp thương mại		tình huống vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên + Đọc tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện	
2	**CHƯƠNG 2. KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI BẰNG HÌNH THỨC THƯƠNG LƯỢNG** **Mục tiêu chung:** Giúp sinh viên hiểu rõ nguyên tắc, quy trình và vận dụng các kỹ năng thương lượng đàm phán trong thực tiễn xử lý tranh chấp của doanh nghiệp. **Nội dung cụ thể:** 2.1. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng hình thức thương lượng 2.2. Các kỹ năng cơ bản trong giải quyết tranh chấp bằng thương lượng	07 (04LT, 03TH)	**Thuyết giảng, tranh biện, , tình huống, làm việc nhóm, đóng vai** **- Giảng viên:** + Thuyết giảng các nội dung về nguyên tắc, các kỹ năng cơ bản về giải quyết tranh chấp bằng thương lượng + Nêu tình huống hướng dẫn sinh viên giải quyết tình huống đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên thảo luận nhóm. + Trực quan tình huống tranh biện trong giải quyết tranh chấ thương mại bằng thương lượng **- Sinh viên:** + Đọc và chương 2, tài liệu [1].	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			Tham khảo tài liệu [2]. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn cuộc sống	
3	**CHƯƠNG 3. KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI BẰNG HÌNH THỨC HOÀ GIẢI** **Mục tiêu chương:** Trang bị các kiến thức và rèn luyện kỹ năng của Hòa giải viên thương mại, kỹ năng chuẩn bị và điều phối phiên hòa giải**.** **Nội dung cụ thể:** **3**.1. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng hoà giải 3.2. Kỹ năng chuẩn bị hoà giải 3.3. Kỹ năng của hoà giải viên trong quá trình giải quyết tranh chấp 3.4. Kỹ năng sau khi kết thúc hoà giải *Lưu ý: Sinh viên ôn tập và chuẩn bị kiểm tra giữa kỳ.	12 (08LT, 04TH)	**Thuyết giảng, tranh biện, tình huống,làm việc nhóm,đóng vai kết hợp trực quan.** **- Giảng viên:** + Thuyết giảng làm rõ nội dung tranh chấp thương mại bằng hình thức hoà giải + Trực quan tình huống, hướng dẫn sinh viên giải quyết tình huống. + Hướng dẫn sinh viên thảo luận nhóm. + Giao bài tập đóng vai cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá nhiệm vụ sinh viên **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung chương 3 tài liệu [1] tài liệu tham khảo [2] + Thảo luận nhóm, đóng vai về vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Ôn tập chuẩn bị kiểm tra giữa học phần	CLO1; CLO3; CLO4; CLO5
4	**CHƯƠNG 4. KỸ NĂNG GIẢI QUYẾTTRANH CHẤP TẠI TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI** **Mục tiêu chung:** Trình bày được kiến thức cơ bản về nguyên tắc, kỹ năng chuẩn bị, kỹ năng tham gia giải quyết	09 (06LT, 03TH)	**Thuyết giảng,tranh biện, tìnhhuống, làm việc nhóm, đóng vai kết hợp trực quan.** **- Giảng viên** + Thuyết giảng làm rõ nội dung tranh chấp	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	tranh chấp thương mại bằng trọng tài.Vận dụng kiến thức cơ bản vào giải quyết vấn đề thực tiễn trong tranh chấp thương mại. **Nội dung cụ thể:** 4.1. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp tại Trọng tài thương mại 4.2. Kỹ năng chuẩn bị giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại (viết bản tự bảo vệ, tra cứu quy tắc tố tụng...) 4.3. Kỹ năng tham gia giải quyết tranh chấp tại phiên họp Trọng tài thương mại *Lưu ý: Làm bài kiểm tra giữa kỳ viết tự luận (90 phút).		thương mại bằng hình thức hoà giải + Trực quan tình huống, hướng dẫn sinh viên giải quyết tình huống. + Hướng dẫn sinh viên thảo luận nhóm. + Giao bài tập đóng vai cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá nhiệm vụ sinh viên **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung chương 4 tài liệu [1] tài liệu tham khảo [2] + Thảo luận nhóm, đóng vai về vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Sinh viên làm bài kiểm tra giữa học phần	
5	**CHƯƠNG 5. KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI TẠI TOÀ ÁN** **Mục tiêu chương:** Cung cấp quy trình tố tụng dân sự trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại; rèn luyện kỹ năng viết đơn khởi kiện tòa án, kỹ năng tư vấn hỗ trợ hòa giải tại tòa án, và kỹ năng tranh tụng, phản biện thuyết phục tại phiên tòa xét xử. **Nội dung cụ thể:** 5.1. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp thương mại tại Toà án 5.2. Kỹ năng chuẩn bị giải quyết tranh chấp tại Toà án 5.3. Kỹ năng tư vấn, trợ giúp các bên tranh chấp tham gia hoà giải theo thủ tục tại Toà án 5.4. Kỹ năng tranh tụng tại phiên toà sơ	10 (07LT, 03TH)	**Thuyết giảng, tranh biện, tình huống, làm việc nhóm, đóng vai kết hợp trực quan.** **- Giảng viên** + Thuyết giảng làm rõ nội dung tranh chấp thương mại bằng hình thức hoà giải + Trực quan tình huống, hướng dẫn sinh viên giải quyết tình huống. + Hướng dẫn sinh viên thảo luận nhóm. + Giao bài tập đóng vai cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	thẩm/phúc thẩm		nhiệm vụ sinh viên - Sinh viên: + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nộidung chương 5 tài liệu [1] tài liệu tham khảo [2]. + Thảo luận nhóm, đóng vai về vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Sinh viên làm bài kiểm tra giữa học phần	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

1. **Tên học phần:** Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính

2. Mã học phần: LUAT 039

3. Số tín chỉ: 3 (2,1)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ ba

5. Phân bổ thời gian

- Lý thuyết: 30 giờ; thực hành: 30 giờ

- Giờ học tập định mức của người học: 210 giờ, bao gồm 30 giờ dự giờ giảng trên lớp, 30 giờ học có hướng dẫn, 150 giờ tự học.

6. Điều kiện tiên quyết/Điều kiện học trước: Sau khi học xong học phần: Luật Dân sự 1

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Nguyễn Thái Mai	0912.376.293	Mai_luatquocte@yahoo.com
2.	ThS. Phạm Thị Mai	0978.370.438	phammaidhsd1018@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn bản hành chính, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản; đồng thời trang bị kỹ năng xây dựng, soạn thảo và hoàn thiện một số loại văn bản hành chính thông dụng. Học phần giúp người học biết vận dụng quy định pháp luật, công nghệ và các công cụ hỗ trợ để soạn thảo văn bản chính xác, đúng quy định; hình thành ý thức trách nhiệm, tính khoa học và kỹ năng tự học, làm việc nhóm trong hoạt động nghề nghiệp.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về văn bản hành chính, bao gồm khái niệm, đặc điểm, chức năng, vai trò, phân loại văn bản hành chính; nguyên tắc, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản; ngôn ngữ, văn phong và quy trình soạn thảo văn bản hành chính theo quy định của pháp luật hiện hành. Trên cơ sở đó, học phần hình thành và phát triển cho người học kỹ năng phân tích yêu cầu, lựa chọn loại văn bản phù hợp, xây dựng nội dung, trình bày và hoàn thiện một số văn bản hành chính thông dụng trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; đồng thời biết kiểm tra, phát hiện và sửa chữa các lỗi về nội dung, thể thức, kỹ thuật và ngôn ngữ trong văn bản. Học phần cũng góp phần phát triển năng lực ứng dụng công nghệ số, phần mềm và cơ sở dữ liệu pháp lý trong tra cứu, soạn thảo, kiểm tra văn bản; hình thành ý thức tuân thủ pháp luật, tính chính xác, khoa học, trách nhiệm và chủ động tự học, tự rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Trình bày và phân tích được những vấn đề cơ bản về văn bản hành chính; nhận biết được các loại văn bản hành chính thông dụng, yêu cầu về nội dung, ngôn ngữ, văn phong, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định.

- CO2 (Kỹ năng): Phân tích được yêu cầu của tình huống thực tiễn, xác định loại văn bản phù hợp và vận dụng các quy định về nội dung, thể thức, kỹ thuật trình bày, ngôn ngữ và văn phong để soạn thảo, hoàn thiện, kiểm tra và sửa chữa các văn bản hành chính thông dụng; biết sử dụng công nghệ thông tin, phần mềm và nguồn dữ liệu phù hợp trong quá trình tra cứu, soạn thảo; có khả năng làm việc độc lập, phối hợp nhóm, nhận xét và phản biện sản phẩm soạn thảo.

- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Có ý thức tuân thủ quy định pháp luật trong soạn thảo và sử dụng văn bản; hình thành tính chính xác, khoa học, trung thực và trách nhiệm nghề nghiệp; chủ động tự học, tự rèn luyện và cập nhật các quy định, kỹ năng cần thiết để nâng cao năng lực soạn thảo văn bản hành chính.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Trình bày và phân tích được những vấn đề cơ bản về văn bản hành chính; phân biệt được các loại văn bản hành chính thông dụng và các yêu cầu về nội dung, ngôn ngữ, văn phong, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.	PI4.1	3
CLO2	Phân tích được yêu cầu của tình huống thực tiễn, xác định được loại văn bản cần soạn thảo và lựa chọn được nội dung, kết cấu, ngôn ngữ và hình thức trình bày phù hợp với mục đích sử dụng văn bản.	PI7.1	3
CLO3	Vận dụng được các quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày để soạn thảo, hoàn thiện một số văn bản hành chính thông dụng; bảo đảm nội dung, hình thức và cách diễn đạt phù hợp với quy định.	PI7.1	4
	Kỹ năng		
CLO4	Vận dụng được phương pháp kiểm tra, phân tích và đánh giá văn bản để phát hiện, giải thích và sửa chữa các lỗi về nội dung, thể thức, kỹ thuật trình bày và ngôn ngữ trong văn bản hành chính.	PI8.2	4
CLO5	Vận dụng được công nghệ thông tin, phần mềm và các nguồn dữ liệu phù hợp để tra cứu quy định, mẫu văn bản; hỗ trợ quá trình xây dựng, trình bày, kiểm tra và hoàn thiện sản phẩm soạn thảo; có khả năng làm việc độc lập và phối hợp nhóm.	PI8.2	3
	Mức tự chủ và trách nhiệm		

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
CLO6	Thể hiện ý thức tuân thủ quy định pháp luật trong soạn thảo và sử dụng văn bản; có tính chính xác, khoa học, trung thực và trách nhiệm nghề nghiệp; chủ động tự học, tự rèn luyện và cập nhật các quy định, kỹ năng về soạn thảo văn bản hành chính.	PI10.1	4

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2		x	
CLO3		x	
CLO4		x	
CLO5		x	
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *			
	PLO4	**PLO7**	**PLO8**	**PLO8**
	PI2.1	**PI3.1**	**PI4.1**	
CLO1	I			
CLO2	R			
CLO3	R		I	
CLO4	R		R	
CLO5		I	R	
CLO6			R	

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Ví dụ						
Điểm chuyên cần, điểm kiển tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Điểm danh, chuyêzn cần. - Vấn đáp, câu hỏi trên lớp. - Thảo luận nhóm, bài tập cá nhân/nhóm. - Thực hành soạn thảo văn bản.	CLO5	40	Điểm chuyên cần; Rubric đánh giá quá trình; quan sát trên lớp; sản phẩm/bài tập tự học và thảo luận nhóm.	CLO5 → PLO8/PI8.2
			CLO6	60	Rubric đánh giá chuyên cần, tự học và thảo luận; quan sát thái độ học tập và trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ.	CLO6 → PLO10/PI10.1
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra kết hợp lý thuyết và bài tập thực hành. - Nhận diện loại văn bản, xác định yêu cầu soạn thảo. - Phân tích, phát hiện và sửa lỗi	CLO1, CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO1 → PLO4/PI4.1; CLO2 → PLO7/PI7.1
			CLO4, CLO5	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	CLO4, CLO5 → PLO8/PI8.2

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
		trong văn bản. - Rubric chấm bài.				
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi thực hành kết hợp lý thuyết. - Soạn thảo một văn bản hành chính theo tình huống. - Kiểm tra nội dung, thể thức, kỹ thuật trình bày và ngôn ngữ. - Đáp án và Rubric đánh giá sản phẩm.	CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → PLO7/PI7.1
			CLO3	40	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO3 → PLO7/PI7.1
			CLO4	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → PLO8/PI8.2
			CLO6	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO6 → PLO10/PI10.1

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đo lường mức đạt CLO	Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI	Dữ liệu được lấy từ
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
CLO1	Trình bày và phân tích được những vấn đề cơ bản về văn bản hành chính; phân biệt được các loại văn bản hành chính thông dụng và các yêu cầu về nội dung, ngôn ngữ, văn phong, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.	x	PLO4/PI4.1	Bài kiểm tra giữa học phần
CLO2	Phân tích được yêu cầu của tình huống thực tiễn, xác định được loại văn bản cần soạn thảo và lựa chọn được nội dung, kết cấu, ngôn ngữ và hình thức trình bày phù hợp	x	PLO7/PI7.1	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ

	với mục đích sử dụng văn bản.			
CLO3	Vận dụng được các quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày để soạn thảo, hoàn thiện một số văn bản hành chính thông dụng; bảo đảm nội dung, hình thức và cách diễn đạt phù hợp với quy định.	x	PLO7/PI7.1	Bài thi cuối kỳ; Rubric đánh giá sản phẩm soạn thảo
CLO4	Vận dụng được phương pháp kiểm tra, phân tích và đánh giá văn bản để phát hiện, giải thích và sửa chữa các lỗi về nội dung, thể thức, kỹ thuật trình bày và ngôn ngữ trong văn bản hành chính.	x	PLO8/PI8.2	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ; bài tập phát hiện và sửa lỗi
CLO5	Vận dụng được công nghệ thông tin, phần mềm và các nguồn dữ liệu phù hợp để tra cứu quy định, mẫu văn bản; hỗ trợ quá trình xây dựng, trình bày, kiểm tra và hoàn thiện sản phẩm soạn thảo; có khả năng làm việc độc lập và phối hợp nhóm.	x	PLO8/PI8.2	Điểm chuyên cần, đánh giá quá trình; bài kiểm tra giữa học phần; bài tập/thực hành tra cứu và sử dụng công cụ hỗ trợ
CLO6	Thể hiện ý thức tuân thủ quy định pháp luật trong soạn thảo và sử dụng văn bản; có tính chính xác, khoa học, trung thực và trách nhiệm nghề nghiệp; chủ động tự học, tự rèn luyện và cập nhật các quy định, kỹ năng về soạn thảo văn bản hành chính.	x	PLO10/PI10.1	Điểm chuyên cần, đánh giá quá trình; Rubric đánh giá chuyên cần, tự học và thảo luận nhóm; Bài thi cuối kỳ

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thảo luận nhóm

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10 - 8.5)	Khá (8.4 - 7.0)	Trung bình (6.9 - 5.0)	Yếu (4.9 - 0.0)
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	50%	*Tham dự >85% buổi học*	*Tham dự 70-84% buổi học*	*Tham dự 50-69% buổi học*	*Tham dự <50% buổi học*
Ý thức tự học &	CLO6	50%	Chủ động chuẩn bị	Tham gia đầy đủ các	Hoàn thành nhiệm vụ	Không tham gia hoặc

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10 - 8.5)	Khá (8.4 - 7.0)	Trung bình (6.9 - 5.0)	Yếu (4.9 - 0.0)
thảo luận nhóm			bài, tích cực thảo luận, giải quyết bài tập và làm việc nhóm	hoạt động học tập, có trao đổi ý kiến	nhưng còn thụ động	không hoàn thành nhiệm vụ được giao

Rubric bài kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Nội dung chính 1: Kiến thức cơ bản về văn bản và kỹ thuật soạn thảo	CLO1	20%	Trình bày đầy đủ, chính xác, có hệ thống các kiến thức lý luận về văn bản; thẩm quyền ban hành; quy trình, nguyên tắc và thể thức soạn thảo văn bản.	Trình bày cơ bản đầy đủ, chính xác các nội dung lý luận và quy định về thể thức soạn thảo; còn một số thiếu sót hoặc sai sót nhỏ không đáng kể.	Nắm được những nội dung cơ bản nhưng thiếu sót hoặc còn nhầm lẫn một số quy định về thẩm quyền ban hành, thể thức hoặc quy trình soạn thảo.	Không nắm được hoặc trình bày sai các kiến thức cơ bản về văn bản, thẩm quyền ban hành và kỹ thuật soạn thảo văn bản.
Nội dung chính 2: Thể thức, kỹ thuật trình bày và cấu trúc văn bản	CLO2	20%	Định dạng và trình bày đúng 100% các thành phần thể thức bắt buộc và bổ sung theo Nghị định/quy định hiện hành (Quốc hiệu, Tiêu ngữ, Tên cơ quan, Số/Ký hiệu, Trích yếu, Chữ ký, Dấu, Nơi nhận...); bố cục văn bản chuẩn mực, rõ ràng.	Trình bày cơ bản đúng thể thức và kỹ thuật trình bày; bố cục hợp lý; còn mắc 1 - 2 lỗi nhỏ về phông chữ, cỡ chữ, khoảng cách hoặc căn chỉnh margins.	Nhận diện được các thành phần thể thức nhưng trình bày còn sai sót từ 3 - 4 lỗi (sai vị trí, sai kiểu chữ, thiếu thành phần phụ); bố cục chưa thực sự mạch lạc.	Trình bày sai thể thức nghiêm trọng; thiếu các thành phần thể thức bắt buộc; không tuân thủ quy chuẩn trình bày văn bản hành chính/pháp lý.

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Nội dung chính 3: Kỹ năng nội dung, tư duy pháp lý và phương án giải quyết tình huống	CLO3 CLO4	40%	Xác định chính xác loại văn bản cần soạn thảo; nội dung thể hiện đúng mục đích, căn cứ pháp lý vững chắc; lập luận chặt chẽ, tư duy logic; xử lý triệt để và chính xác tình huống thực tế.	Xác định đúng loại văn bản; nội dung giải quyết được yêu cầu tình huống; căn cứ pháp lý cơ bản đầy đủ; lập luận tương đối rõ ràng, còn một vài hạn chế nhỏ..	Xác định đúng loại văn bản nhưng nội dung giải quyết tình huống còn sơ sài; áp dụng căn cứ pháp lý chưa chính xác hoặc thiếu sót; lập luận chưa thuyết phục.	Xác định sai loại văn bản hoặc nội dung sai lệch hoàn toàn với yêu cầu tình huống; không áp dụng được căn cứ pháp lý; lập luận không có logic.
Nội dung chính 4: Sử dụng ngôn ngữ, phong cách văn bản và kỹ năng rà soát, sửa lỗi	CLO5	20%	Sử dụng ngôn ngữ hành chính - pháp lý chuẩn mực, chính xác, rõ nghĩa, đúng chính tả, ngữ pháp; rà soát và phát hiện/sửa chữa hoàn hảo các lỗi sai trong văn bản.	Ngôn ngữ diễn đạt rõ ràng, đúng phong cách hành chính; không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp; rà soát và sửa được phần lớn các lỗi sai trong bài tập.	Còn mắc một số lỗi chính tả, dùng từ hoặc câu từ chưa thật chuẩn xác; sửa lỗi đạt mức trung bình.	Ngôn ngữ không đúng phong cách hành chính - pháp lý; mắc nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp nghiêm trọng; không rà soát hoặc không sửa được lỗi sai trong văn bản.
Tổng điểm		100%				

12. Yêu cầu học phần

- Quy định chuyên cần: Sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá 20% số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- Nhiệm vụ học tập và tự học: Sinh viên phải chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo Luật thương mại quốc tế theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp; hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ tự học, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các chuyên đề tự học theo kế hoạch của học phần; tích cực phối hợp làm việc nhóm, chuẩn bị slide và thực hiện báo cáo, thuyết trình chuyên đề khi được phân công.

- Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật: Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động trao đổi, thảo luận và phản biện trong các hoạt động trên lớp; thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- Yêu cầu về vận dụng kiến thức: Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng những nội dung cốt lõi của Luật thương mại quốc tế vào việc rèn luyện đạo đức, lối sống, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, phản biện và các hoạt động kinh tế- chính trị - xã hội phù hợp.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Đoàn Thị Tố Uyên (2025), *Giáo trình Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng,* Nxb. Tư pháp.

- Tài liệu tham khảo:

[2] - Chính phủ (2020). *Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 về công tác văn thư.*

[3] - Đoàn Thị Tố Uyên (2022), *Giáo trình Kỹ thuật soạn thảo văn bản,* Nxb. Tư pháp.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
1	**PHẦN I: KHÁI QUÁT VỀ VĂN BẢN HÀNH CHÍNH THÔNG DỤNG** **CHƯƠNG 1. KHÁI NIỆM, VAI TRÒ VÀ CHỨC NĂNG CỦA VĂN BẢN HÀNH CHÍNH THÔNG DỤNG** 1.1. Khái niệm, phân loại văn bản hành chính thông dụng 1.2. Vai trò của văn bản hành chính thông dụng 1.3. Chức năng của văn bản hành chính thông dụng	6 (03 LT, 03TH)	**Phương pháp thuyết giảng; phát vấn, Phương pháp làm việc nhóm; Phương pháp thảo luận và tình huống.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên phần chương 1, tài liệu [1]. + Đọc tài liệu [2], [3]. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng	CLO1 CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép.	
2	**CHƯƠNG 2. YÊU CẦU ĐỐI VỚI VĂN BẢN HÀNH CHÍNH THÔNG DỤNG** 2.1. Yêu cầu nội dung 2.2. Yêu cầu hình thức 2.3. Yêu cầu về ngôn ngữ và văn phong	06 (03 LT, 03 TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp làm việc nhóm; Phương pháp thảo luận** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2], [3]. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5
3	**CHƯƠNG 3. QUY TRÌNH SOẠN THẢO VĂN BẢN HÀNH CHÍNH THÔNG DỤNG** **Mục tiêu chương:** Sau khi học xong chương này, người học phân tích được yêu cầu của tình huống, xác định được mục đích và loại văn bản phù hợp; vận dụng được phương pháp và kỹ thuật để soạn thảo công văn, giấy mời đúng yêu cầu. **Nội dung cụ thể:** 3.1. Xác định hình thức, nội dung và độ mật, độ khẩn của văn bản hành chính thông dụng 3.2. Thu thập và xử lý thông tin 3.3. Xây dựng đề cương và soạn thảo văn bản 3.4. Kiểm tra văn bản trước khi ký ban hành 3.5. Thông qua, ký ban hành văn	06 (03 LT, 03 TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp làm việc nhóm; Phương pháp thảo luận và tình huống.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Đưa ra tình huống, hướng dẫn sinh viên giải quyết tình huống, thảo luận nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2], [3]. + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	bản hành chính thông dụng		+ Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Ôn tập chuẩn bị kiểm tra giữa học phần.	
4	**PHẦN II: KĨ NĂNG SOẠN THẢO MỘT SỐ VĂN BẢN HÀNH CHÍNH THÔNG DỤNG** **CHƯƠNG 1. SOẠN THẢO BIÊN BẢN** 1.1. Khái niệm và phân loại biên bản 1.2. Cách ghi biên bản 1.3. Yêu cầu đối với biên bản 1.4. Cách thức soạn thảo biên bản	06 (03 LT, 03 TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp làm việc nhóm; Phương pháp thảo luận** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biên. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc nội dung bài học phần Chương 4, tài liệu [1], [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
5	**CHƯƠNG 2. SOẠN THẢO CÔNG VĂN, CÔNG ĐIỆN** 2.1. Soạn thảo công văn 2.2. Soạn thảo công điện	8 (04 LT, 03 TH, 01KT)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp làm việc nhóm; Phương pháp thảo luận, giảng dạy bằng tình huống** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Đưa ra chủ đề, tình huống hướng dẫn sinh viên thảo luận và giải quyết tình huống. **- Sinh viên:**	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			+ Đọc tài liệu [1], [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép, thảo luận, giải quyết tình huống. + Sinh viên làm bài kiểm tra giữa học phần.	
6	**CHƯƠNG 3: SOẠN THẢO BÁO CÁO, THÔNG BÁO** **Nội dung cụ thể:** 3.1. Soạn thảo báo cáo 3.2. Soạn thảo công báo	8 (04 LT, 04 TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp làm việc nhóm; Phương pháp thảo luận** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Sinh viên làm bài kiểm tra giữa học phần.	
7	**CHƯƠNG 4: SOẠN THẢO ĐIỀU LỆ, QUY CHẾ, QUY ĐỊNH, NỘI QUY** **Nội dung cụ thể:** 4.1. Khái niệm điều lệ, quy chế, quy định, nội quy 4.2. Yêu cầu đối với điều lệ, quy chế, quy định, nội quy 4.3. Cách thức soạn thảo điều lệ, quy chế, quy định, nội quy	06 (03 LT, 03 TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp làm việc nhóm; Phương pháp thảo luận** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			+ Sinh viên làm bài kiểm tra giữa học phần.	
8	**CHƯƠNG 5: SOẠN THẢO DỰ ÁN, ĐỀ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH CÔNG TÁC** **Nội dung cụ thể:** 5.1. Khái niệm, phân loại dự án, đề án, chương trình, kế hoạch công tác 5.2. Mục đích sử dụng của dự án, đề án, chương trình, kế hoạch công tác 5.3. Yêu cầu đối với dự án, đề án, chương trình, kế hoạch công tác 5.4. cách thức soạn thảo dự án, đề án, chương trình, kế hoạch công tác	8 (04 LT, 04 TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp làm việc nhóm; Phương pháp thảo luận** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Sinh viên làm bài kiểm tra giữa học phần.	
9	**CHƯƠNG 6: SOẠN THẢO TỜ TRÌNH** **Nội dung cụ thể:** 6.1. Khái niệm, mục đích sử dụng tờ trình 6.2. Yêu cầu đối với tờ trình 6.3. Cách thức soạn thảo tờ trình	06 (03 LT, 03 TH)	**Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp làm việc nhóm; Phương pháp thảo luận, tranh luận.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1], [2], [3]. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận, tranh biện.	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Luật

1. Tên học phần: (tiếng Việt/tiếng Anh): Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo

2. Mã học phần: LUẬT 036

3. Số tín chỉ: 3 (0,3)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ tư

5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 0 giờ lý thuyết 90 giờ thực hành
- Giờ học tập định mức của người học (bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá): 150 giờ (50 giờ/1 tín chỉ)

6. Điều kiện tiên quyết/Điều kiện học trước: Sau khi học xong Luật Hành chính Việt Nam.

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Đức Thị Hoà	0399.515.939	Hoakaka1973@gmail.com
2.	Ths. Chu Hải Đăng	0902.091.279	haidangspc@yahoo.com.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Luật Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo được tổ chức theo định hướng thực hành nghề nghiệp, giúp sinh viên vận dụng các quy định pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo vào việc nghiên cứu hồ sơ, phân tích tình huống và giải quyết các vụ việc cụ thể. Nội dung thực hành tập trung vào 6 nhóm kỹ năng: thực hành hoạt động thanh tra; thực hành tiếp công dân và xử lý khiếu nại; thực hành giải quyết khiếu nại; thực hành giải quyết tố cáo; thực hành kỹ năng nghiên cứu hồ sơ; thực hành xử lý tình huống tổng hợp và soạn thảo văn bản pháp lý.

9. Ngôn ngữ giảng dạy

Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

a) Mục tiêu chung của học phần:

Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về pháp luật thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại và tố cáo; giúp sinh viên hiểu được vị trí, vai trò, nguyên tắc, chủ thể, thẩm quyền và trình tự, thủ tục thực hiện các hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Qua đó, sinh viên được rèn luyện kỹ năng xác định vấn đề pháp lý, xác định thẩm quyền, tra cứu và lựa chọn căn cứ pháp luật, nghiên cứu hồ sơ, xây dựng lập luận, đề xuất phương án giải quyết và soạn thảo các văn bản pháp lý liên quan.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Vận dụng được các quy định pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại và tố cáo để giải quyết các vấn đề pháp lý cụ thể.

- CO2 (Kỹ năng): Hình thành và phát triển kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, tra cứu pháp luật, xác định thẩm quyền, phân tích tình huống, xây dựng lập luận pháp lý, đề xuất phương án giải quyết và soạn thảo văn bản.

- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và chủ động cập nhật quy định pháp luật; thực hiện công việc với thái độ khách quan, trung thực, cẩn trọng; tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên; có trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và ý thức tuân thủ pháp luật trong thực hành pháp lý.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome –CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Vận dụng được quy định pháp luật để xác định chủ thể, đối tượng, phạm vi và thẩm quyền trong hoạt động thanh tra.	PI3.2.	3
CLO2	Thực hiện được các bước cơ bản của một cuộc thanh tra; phân tích hồ sơ và xử lý kết quả thanh tra.	PI3.2.	3
CLO3	Tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn khiếu nại; xác định được thẩm quyền và trình tự giải quyết khiếu nại.	PI2.2.	3
	Kỹ năng		
CLO4	Phân tích được quy định pháp luật để tiếp nhận, phân loại, xử lý tố cáo; xác định thẩm quyền, trình tự, thủ tục xác minh, giải quyết tố cáo và các yêu cầu về bảo vệ người tố cáo.	PI7.2	5
CLO5	Phân tích pháp luật để nghiên cứu hồ sơ, xử lý tình huống, xây dựng lập luận và đề xuất phương án giải quyết vụ việc.	PI7.2	5
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Thể hiện ý thức tự giác, chủ động trong học tập và thực hành; làm việc khách quan, trung thực, cẩn trọng; tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể; có trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp; phối hợp với các cá nhân, cơ quan, tổ chức và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và yêu cầu nghề nghiệp.	PI9.1	4

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x	x	
CLO3	x	x	
CLO4	x	x	
CLO5		x	
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *			
	PLO 2	**PLO 3**	**PLO7**	**PLO9**
	PI2.2	**PI3.2**	**PI7.2**	**PI9.1**
CLO1		M		
CLO2		M		
CLO3	M			
CLO4			M	
CLO5			M	
CLO6				M

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người (Đối với học phần thực hành)

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Điểm chuyên cần, điểm kiển tra	20%	- Thời gian tham gia lớp học. - Bài kiểm tra	CLO1	30	Điểm chuyên cần; Rubric	Điểm CLO1 → PLO3/PI3.2

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ		thực hành. - Rubric thực hành			kiểm tra thường xuyên	
			CLO3	40	Rubric thực hiện bài tập thực hành	Điểm CLO3 → PLO2/PI2.2
			CLO6	30	Rubric thái độ học tập, tự học, làm việc nhóm	CLO6 → PLO9/PI9.1.
Điểm kiểm tra định kỳ (01 bài kiểm tra/tín chỉ): 03 bài	*80%*	- Bài kiểm tra thực hành. - Rubric bài thực hành	CLO1	30	Điểm bài thi thực hành	Điểm CLO1 → PLO3/PI3.2
			CLO3	40	Điểm bài thi thực hành	Điểm CLO3 → PLO2/PI2.2
			CLO4	30	Điểm bài thi thực hành	CLO4 → PLO7/PI7.2.

Ký hiệu CLO	**Nội dung CLO**	**Cần đo lường mức đạt CLO**	**Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI**	**Dữ liệu được lấy từ**
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**
CLO1	Vận dụng được quy định pháp luật để xác định chủ thể, đối tượng, phạm vi và thẩm quyền trong hoạt	x	PI3.2.	Bài kiểm tra thực hành

	động thanh tra.			
CLO2	Thực hiện được các bước cơ bản của một cuộc thanh tra; phân tích hồ sơ và xử lý kết quả thanh tra.	x	PI3.2.	Bài kiểm tra thực hành
CLO3	Tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn khiếu nại; xác định được thẩm quyền và trình tự giải quyết khiếu nại.	x	PI2.2.	Bài kiểm tra thực hành
CLO4	Phân tích được quy định pháp luật để tiếp nhận, phân loại, xử lý tố cáo; xác định thẩm quyền, trình tự, thủ tục xác minh, giải quyết tố cáo và các yêu cầu về bảo vệ người tố cáo.	x	PI7.2	Bài kiểm tra thực hành
CLO5	Phân tích được pháp luật để nghiên cứu hồ sơ, xử lý tình huống, xây dựng lập luận và đề xuất phương án giải quyết vụ việc.	x	PI7.2	Bài kiểm tra thực hành
CLO6	Thể hiện ý thức tự giác, chủ động trong học tập và thực hành; làm việc khách quan, trung thực, cẩn trọng; tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể; có trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp; phối hợp với các cá nhân, cơ quan, tổ chức và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và yêu cầu nghề nghiệp.	x	PI9.1	Rubric đánh giá quá trình.

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thực hành (CLO6 – PL10 / PI 10.1, PI10.2)

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10 - 8.5)	Khá (8.4 - 7.0)	Trung bình (6.9 - 5.0) (Mức đạt CĐR)	Yếu (4.9 - 0.0)

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10 - 8.5)	Khá (8.4 - 7.0)	Trung bình (6.9 - 5.0) (Mức đạt CĐR)	Yếu (4.9 - 0.0)
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	50%	Tham dự đầy đủ >90% số giờ học, đi học đúng giờ, chấp hành tốt kỷ luật phòng học và chuẩn bị bài chu đáo trước khi lên lớp.	Tham dự từ 80% đến 89% số giờ học, đi học đúng giờ, không vi phạm nghiêm trọng kỷ luật và nội quy học vụ.	Tham dự từ 70% đến 79% số giờ học, thỉnh thoảng còn đi muộn hoặc thiếu tập trung trong giờ học.	Tham dự dưới 70% số giờ học hoặc vi phạm nghiêm trọng kỷ luật học đường.
Ý thức tự học & thực hành	CLO6	50%	Chủ động, tích cực nghiên cứu trước tài liệu; tham gia và thực hiện đúng các bài tập thực hành.	Hoàn thành đúng các bài tập thực hành theo đúng yêu cầu	Hoàn thành được các bài tập thực hành theo đúng yêu cầu.	Không hoàn thành bài tập thực hành theo cá nhân hoặc theo nhóm.

2. Rubric đánh giá bài kiểm tra định kỳ thực hành

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Xác định vấn đề pháp lý và căn cứ pháp luật (xác định đúng nội dung thanh tra, khiếu nại, tố cáo; xác định đúng quy định pháp luật áp	CLO1; CLO2	30%	Xác định đầy đủ, chính xác vấn đề pháp lý; lựa chọn đúng và đầy đủ căn cứ pháp luật; viện dẫn chính xác các quy định có liên	Xác định đúng vấn đề pháp lý chủ yếu; lựa chọn được căn cứ pháp luật phù hợp; còn một vài thiếu sót nhỏ trong viện dẫn.	Xác định được vấn đề pháp lý cơ bản nhưng còn thiếu căn cứ hoặc viện dẫn chưa đầy đủ; có một số sai sót.	Không xác định được hoặc xác định sai vấn đề pháp lý; viện dẫn sai hoặc không có căn cứ pháp luật phù hợp.	

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Rất tốt	**Tốt**	**Đạt yêu cầu**	**Không đạt**	
			10 – 8.5	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
dụng)			quan.				
Kỹ năng xử lý tình huống/hồ sơ thực hành (phân tích tình huống, xác định thẩm quyền, trình tự, thủ tục và phương án giải quyết)	CLO2; CLO4	30%	Phân tích tình huống/hồ sơ đầy đủ, logic; xác định chính xác thẩm quyền, đối tượng, trình tự, thủ tục; đề xuất phương án giải quyết phù hợp và có căn cứ pháp luật.	Phân tích đúng phần lớn nội dung; xác định cơ bản đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; phương án giải quyết phù hợp nhưng còn thiếu một số nội dung.	Xử lý được các yêu cầu cơ bản của tình huống/hồ sơ; còn nhầm lẫn về thẩm quyền, trình tự hoặc thủ tục; phương án giải quyết chưa đầy đủ.	Không xử lý được tình huống/hồ sơ; xác định sai thẩm quyền, trình tự, thủ tục hoặc đưa ra phương án không phù hợp.	
Kỹ năng xử lý văn bản /hồ sơ thực hành (Thể thức văn bản, nội dung, hình thức văn bản)	CLO4; CLO5	20%	Văn bản đầy đủ nội dung, đúng thể thức; diễn đạt rõ ràng, chính xác; căn cứ pháp lý phù hợp; nội dung và hình thức đáp ứng đầy đủ yêu cầu của bài	Văn bản cơ bản đầy đủ, đúng thể thức; nội dung phù hợp; còn một số lỗi nhỏ về trình bày hoặc viện dẫn căn cứ pháp luật.	Văn bản thực hiện được các yêu cầu cơ bản nhưng còn thiếu nội dung, sai sót về thể thức hoặc căn cứ pháp lý.	Không hoàn thành văn bản hoặc văn bản có nhiều sai sót nghiêm trọng, không đáp ứng yêu cầu của bài thực hành.	

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Rất tốt	**Tốt**	**Đạt yêu cầu**	**Không đạt**	
			10 – 8.5	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
			thực hành.				
Trình bày, giải thích và bảo vệ phương án xử lý (trình bày kết quả, giải thích căn cứ và trả lời câu hỏi)	CLO2; CLO4	10%	Trình bày to, rõ ràng; giải thích được tất cả các căn cứ và phương án xử lý; trả lời đúng các câu hỏi..	Trình bày khá rõ ràng; giải thích được phần lớn căn cứ và phương án xử lý; trả lời đúng phần lớn câu hỏi.	Trình bày được nội dung cơ bản; giải thích còn hạn chế; trả lời được một số câu hỏi.	Trình bày thiếu rõ ràng; không giải thích được căn cứ hoặc phương án xử lý; không trả lời được phần lớn câu hỏi.	
Tác phong thực hành và tuân thủ quy định (trung thực, nghiêm túc, đúng thời gian, tuân thủ yêu cầu của bài kiểm tra)	CLO6	10%	Thực hiện nghiêm túc, độc lập, trung thực; tuân thủ đầy đủ yêu cầu; hoàn thành đúng hoặc trước thời gian quy định; hồ sơ, bài làm được sắp xếp khoa học.	Thực hiện nghiêm túc, đúng quy định; hoàn thành đúng thời gian; có một vài thiếu sót nhỏ.	Thực hiện được yêu cầu cơ bản nhưng còn cần nhắc nhở về thời gian, trình tự hoặc cách thức thực hiện	Vi phạm nội quy nghiêm trọng hoặc làm hỏng dữ liệu/thiết bị phòng máy	
ĐIỂM TỔNG		**100%**					

12. Yêu cầu học phần

- Quy định chuyên cần: Sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá 20% số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- Nhiệm vụ học tập và tự học: Sinh viên phải chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo Luật thanh tra và giải quyết khiếu nại tố cáo theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp; hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ tự học, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các chuyên đề tự học theo kế hoạch của học phần; tích cực phối hợp làm việc nhóm, chuẩn bị slide và thực hiện báo cáo, thuyết trình chuyên đề khi được phân công.

- Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật: Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động trao đổi, thảo luận và phản biện trong các hoạt động trên lớp; thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- Yêu cầu về vận dụng kiến thức: Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng những nội dung cốt lõi của Luật thanh tra và giải quyết khiếu nại tố cáo vào việc rèn luyện đạo đức, lối sống, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, phản biện và các hoạt động kinh tế- chính trị - xã hội phù hợp.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình* Luật thanh tra và giải quyết khiếu nại tố cáo NXB Công an nhân dân, 2025.

- Tài liệu tham khảo:

[1] Quốc hội, Luật thanh tra năm 2025, NXB Lao động, 2025.

[2] Quốc hội, Luật tố cáo và văn bản hướng dẫn thi hành,NXB Lao động, 2023.

[3] Quốc hội, Luật tố cáo và văn bản hướng dẫn thi hành,NXB Lao động, 2025.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
1	**CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THANH TRA** **Mục tiêu chương:** Giúp sinh viên hiểu được khái niệm, đặc điểm, vai trò, nguyên tắc của thanh tra; xác định được hệ thống chủ thể và phạm vi hoạt động thanh tra. **Nội dung:** 1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của thanh tra. 1.2. Nguyên tắc hoạt động thanh tra. 1.3. Chủ thể và đối tượng thanh tra.	12 (12TH)	**Thuyết trình; vấn đáp; trực quan; nêu vấn đề; thảo luận nhóm; xử lý tình huống**. **Giảng viên:** Giải thích khái niệm; hướng dẫn tra cứu luật; đưa tình huống. **Sinh viên:** - Đọc trước tài liệu; xác định vấn đề pháp lý; thảo luận và trình **bày kết quả.**	CLO1, CLO5, CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	1.4. Cơ quan thực hiện chức năng thanh tra. 1.5. Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong hoạt động thanh tra. **Thực hành:** Phân tích một tình huống xác định đối tượng, phạm vi và thẩm quyền thanh tra.		**- Giải quyết tình huống**	
2	**CHƯƠNG 2. TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG THANH TRA** **Mục tiêu chương:** Giúp sinh viên phân tích được trình tự, thủ tục và thẩm quyền trong hoạt động thanh tra. **Nội dung:** 2.1. Tổ chức cơ quan thanh tra. 2.2. Căn cứ tiến hành thanh tra. 2.3. Quyết định thanh tra. 2.4. Đoàn thanh tra và thành viên đoàn thanh tra. 2.5. Quyền và nghĩa vụ của đối tượng thanh tra. 2.6. Trình tự tiến hành một cuộc thanh tra. 2.7. Báo cáo, kết luận và xử lý kết quả thanh tra. **Thực hành:** Lập sơ đồ quy trình một cuộc thanh tra; xác định thẩm quyền và xử lý tình huống về quyết định thanh tra.	16 (16TH)	**Thuyết trình, trực quan, sử dụng tình huống, dạy học dựa trên vấn đề, đóng vai, tình huống.** - Giảng viên: + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Trực quan tình huống trong quan hệ pháp luật. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc và chương 2, tài liệu [2]. + Đọc tài liệu [2] + Nghiên cứu tình huống; thảo luận nhóm; đóng vai; sơ đồ hóa quy trình.nghiên cứu tình huống; thảo luận nhóm.quyết các vấn đề.	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6
3	**CHƯƠNG 3. TIẾP CÔNG DÂN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KHIẾU NẠI** **Mục tiêu chương:** Giúp sinh viên hiểu được quyền khiếu nại, điều kiện thực hiện quyền khiếu nại và các quy định về tiếp công dân. **Nội dung:** 3.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của khiếu nại. 3.2. Đối tượng khiếu nại.	12 (11TH, 01KT)	**Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, phương pháp động não, dạy học dựa trên vấn đề, đóng vai, trải nghiệm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu.	CLO3, CLO5, CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	3.3. Chủ thể trong quan hệ khiếu nại. 3.4. Quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại. 3.5. Quyền và nghĩa vụ của người bị khiếu nại. 3.6. Tiếp công dân và trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền. **Thực hành:** Mô phỏng một buổi tiếp công dân; phân tích và xử lý một đơn khiếu nại.		+ Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung bài học tài liệu [1] + Đóng vai; mô phỏng; vấn đáp; nghiên cứu tình huống; thảo luận nhóm.	
4	**CHƯƠNG 4. GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI** **Mục tiêu chương:** Giúp sinh viên xác định được thẩm quyền, trình tự, thủ tục và kỹ năng giải quyết khiếu nại. **Nội dung:** 4.1. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại. 4.2. Trình tự giải quyết khiếu nại lần đầu. 4.3. Giải quyết khiếu nại lần hai. 4.4. Đối thoại trong giải quyết khiếu nại. 4.5. Xác minh nội dung khiếu nại. 4.6. Quyết định giải quyết khiếu nại. 4.7. Thi hành quyết định giải quyết khiếu nại. 4.8. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại trong một số lĩnh vực cụ thể. **Thực hành:** Phân tích hồ sơ khiếu nại; xác định thẩm quyền; xây dựng dự thảo quyết định giải quyết khiếu nại.	16 (15TH, 01KT)	**Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, dạy học dựa trên vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, đóng vai, tình huống.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. +Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biên. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước nội dung bài học phần 4.1, 4.2 Chương 4 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. - Bài tập thực hành	CLO3, CLO5, CLO6
5	**CHƯƠNG 5. TỐ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO** **Mục tiêu chương:** Giúp sinh viên phân tích được bản chất, chủ thể, thẩm quyền, trình tự và thủ tục giải quyết tố cáo.	16 (15TH, 01KT)	**Thuyết trình, nêu vấn đề, trực quan, sử dụng tình huống, đóng vai, tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. +Nêu vấn đề cần giải quyết.	CLO4, CLO5, CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	Nội dung: 5 5.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của tố cáo. 5.2. Quyền và nghĩa vụ của người tố cáo. 5.3. Quyền và nghĩa vụ của người bị tố cáo. 5.4. Thẩm quyền giải quyết tố cáo. 5.5. Trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo. 5.6. Xác minh nội dung tố cáo. 5.7. Kết luận nội dung tố cáo. 5.8. Xử lý kết luận nội dung tố cáo. 5.9. Bảo vệ người tố cáo. **Thực hành:** Phân tích đơn tố cáo; xác định thẩm quyền; mô phỏng quy trình xác minh và giải quyết tố cáo.		+ Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Trực quan tình huống về chế độ pháp lý sử dụng đất. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [1] + Đóng vai; thảo luận; tranh biện; xử lý tình huống.	
6	**CHƯƠNG 6. KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG VỀ THANH TRA, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO** **Mục tiêu chương:** Giúp sinh viên vận dụng tổng hợp kiến thức đã học để xử lý các tình huống pháp lý thực tiễn. **Nội dung:** 6.1. Kỹ năng xác định vấn đề pháp lý. 6.2. Kỹ năng xác định thẩm quyền. 6.3. Kỹ năng tra cứu và lựa chọn căn cứ pháp lý. 6.4. Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ. 6.5. Kỹ năng xây dựng lập luận pháp lý. 6.6. Kỹ năng đề xuất phương án giải quyết. 6.7. Kỹ năng soạn thảo văn bản trong hoạt động thanh tra, khiếu nại, tố cáo. **Thực hành:** Xử lý hồ sơ tình huống tổng hợp; thuyết trình và bảo vệ phương án giải quyết.	16 (15TH, 01KT))	**Thuyết trình, nêu vấn đề, trực quan, thảo luận nhóm, đóng vai, tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Trực quan tình huống trong phân xử lý đất đai. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Phân tích, lấy ví dụ về làm rõ các nội dung. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc tài liệu [2] + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay. + mô phỏng; làm việc nhóm; thuyết trình; phản biện; đánh giá đồng đẳng.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Luật

1. Tên học phần: Luật thi hành án dân sự Việt Nam/ Law on Enforcement of Civil Judgments of Vietnam

2. Mã học phần: LUAT 037

3. Số tín chỉ: 3 (0,3)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ tư

5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 45 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành

- Giờ học tập định mức của người học: 150 giờ (bao gồm 30 giờ dự giờ giảng trên lớp, 60 giờ tự học có hướng dẫn, nghiên cứu, 10 giờ chuẩn bị và tham gia dự kiểm tra, đánh giá định kỳ - quy chuẩn 50 giờ học tập/1 tín chỉ).

6. Điều kiện tiên quyết/Điều kiện học trước: Sau khi học xong Luật dân sự, Luật tố tụng dân sự

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Đức Thị Hoà	0399.515.939	Hoakaka1973@gmail.com
2	Ths. Phạm Thị Mai	0978.370.438	phammaidhsd1018@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Thi hành án dân sự Việt Nam cung cấp cho người học hệ thống kiến thức cơ bản và chuyên sâu về pháp luật, tổ chức và hoạt động thi hành án dân sự ở Việt Nam. Học phần tập trung nghiên cứu các quy định về nguyên tắc thi hành án dân sự; hệ thống tổ chức thi hành án dân sự; Chấp hành viên, Văn phòng thi hành án dân sự và Thừa hành viên; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; trình tự, thủ tục thi hành án; các biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án; xử lý tài sản để thi hành án; thi hành các nghĩa vụ về tài sản, giao tài sản, thực hiện hoặc không thực hiện công việc; thi hành án đối với một số trường hợp đặc thù; khiếu nại, tố cáo, kháng nghị, kiến nghị trong thi hành án dân sự.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về pháp luật thi hành án dân sự Việt Nam; giúp sinh viên hiểu được vị trí, vai trò, nguyên tắc, nguồn của pháp luật thi hành án dân sự; tổ chức và hoạt động của hệ thống thi hành án dân sự; địa vị pháp lý, nhiệm vụ, quyền hạn của Chấp hành viên, Văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên và các chủ thể có liên quan. Học phần đồng thời giúp sinh viên nắm vững trình tự, thủ tục thi hành án dân sự, từ việc ra quyết định thi hành án, xác minh điều kiện thi hành án, tự nguyện thi hành án, áp dụng biện pháp bảo đảm, cưỡng chế thi hành án, xử lý tài sản, thanh toán tiền, tài sản thi hành án đến kết thúc việc thi hành án; nhận diện và giải quyết các vấn đề pháp lý về khiếu nại, tố cáo, kháng nghị, kiến nghị và kiểm sát thi hành

án dân sự.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng về khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc, nguồn của pháp luật thi hành án dân sự; hệ thống tổ chức thi hành án dân sự và địa vị pháp lý của các chủ thể trong thi hành án dân sự; trình tự, thủ tục thi hành án, các biện pháp bảo đảm, cưỡng chế và xử lý tài sản trong thi hành án dân sự.

- CO2 (Kỹ năng): Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tra cứu, thu thập, phân tích và áp dụng các quy định pháp luật về thi hành án dân sự; xác định thẩm quyền, thời hiệu, trình tự, thủ tục; phân tích hồ sơ, tình huống và giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn thi hành án dân sự; phát triển kỹ năng lập luận, tranh luận, thảo luận, làm việc nhóm và trình bày quan điểm pháp lý.

- CO3 (Tự chủ và Trách nhiệm): Hình thành cho sinh viên năng lực tự học, tự nghiên cứu và chủ động cập nhật các quy định mới về thi hành án dân sự; có ý thức tuân thủ pháp luật, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên; đề cao trách nhiệm nghề nghiệp, tính khách quan, trung thực và đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động pháp lý và thi hành án dân sự.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	**Mô tả CLO**	**PIs**	**Mức độ của PIs theo thang đo Bloom**
	Kiến thức		
CLO1	Trình bày và phân tích được những vấn đề lý luận và pháp lý cơ bản về thi hành án dân sự; nguyên tắc, nguồn của pháp luật thi hành án dân sự và phạm vi điều chỉnh của pháp luật thi hành án dân sự Việt Nam.	PI2.2/3	5
CLO2	Phân tích được hệ thống tổ chức thi hành án dân sự; vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên, Văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên và quyền, nghĩa vụ của các chủ thể có liên quan.	PI3.2/3	5
CLO3	Phân tích và diễn giải được trình tự, thủ tục thi hành án dân sự; các quy định về ra quyết định thi hành án, xác minh điều kiện thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoãn, tạm đình chỉ, đình chỉ và kết thúc thi hành án.	PI7.2/3	5
	Kỹ năng		
CLO4	Áp dụng được các quy định của pháp luật thi hành án dân sự để phân tích, giải quyết các tình huống liên quan đến biện pháp bảo đảm, cưỡng chế thi hành án, kê biên, xử lý tài sản và thanh toán tiền, tài sản thi hành án.	PI3.2/3	5
CLO5	Phân tích, bình luận và đánh giá được các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn thi hành án dân sự; xác định được căn cứ pháp lý, thẩm quyền và phương án xử lý; trình bày	PI7.2/3	5

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	được quan điểm, lập luận và đề xuất giải pháp đối với tình huống pháp lý cụ thể.		
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Thể hiện tinh thần chủ động, trách nhiệm trong tự học, tự nghiên cứu và làm việc độc lập hoặc theo nhóm; có ý thức tuân thủ pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, tôn trọng bản án, quyết định và thực hiện đúng chuẩn mực đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp pháp lý.	PI8.1/3	5

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4	x	x	
CLO5		x	x
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI *			
	PLO2	**PLO3**	**PLO7**	**PLO8**
	PI2.2/3	PI3.2/3	PI7.2/3	PI8.1/3
CLO1	M			
CLO2		M		
CLO3			M	
CLO4		M		
CLO5			M	
CLO6				M

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Ví dụ						
Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ	20%	- Điểm danh, theo dõi mức độ tham gia học tập. - Bài kiểm tra ngắn (trắc nghiệm/tự luận). - Thảo luận nhóm, thuyết trình. - Rubric đánh giá.	CLO1	20	Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO1 → PLO2/ PI2.2/3
			CLO5	40	Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên	Điểm CLO5 → PLO7/ PI7.2/3
			CLO6	40	Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên	CLO6 → PLO8/ PI8.1/3
Điểm kiểm tra giữa học phần	30%	- Bài kiểm tra tự luận. - Rubric chấm bài.	CLO1	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	Điểm CLO1 → PLO2/ PI2.2/3
			CLO2	50	Điểm bài kiểm tra giữa học phần	Điểm CLO2 → CLO3/PI3. 2/3
Điểm thi cuối kỳ	50%	- Bài thi tự luận - Rubric chấm bài .	CLO1	20	Điểm bài thi cuối kỳ	Điểm CLO1 → PLO2/ PI2.2/3
			CLO2	20	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO2 → CLO3/PI3. 2/3
			CLO3	20	Điểm bài thi cuối kỳ	Điểm CLO3 → CLO7/PI7. 2/3

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
			CLO4	40	Điểm bài thi cuối kỳ	CLO4 → CLO3/PI3. 2/3

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. *Rubric đánh giá chuyên cần*

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				
		Rất tốt	**Tốt**	**Đạt yêu cầu**	**Không đạt**	**Điểm**
		10 – 8.5	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Mức độ tham dự theo thời khóa biểu	50	*Tham dự >85% buổi học*	*Tham dự 70-84% buổi học*	*Tham dự 50-69% buổi học*	*Tham dự <50% buổi học*	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50%	Chủ động chuẩn bị bài, tích cực phát biểu, thảo luận, giải quyết tình huống và làm việc nhóm	Tham gia đầy đủ các hoạt động học tập, có trao đổi ý kiến	Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn thụ động	Không tham gia hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao	

2. Rubric kiểm tra tự luận và thi tự luận.

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
Kiến thức cơ bản về Luật thi hành án dân sự Việt Nam trong hoạt động pháp luật	CLO1, CLO2	**20%**	Trình bày đầy đủ, chính xác, có hệ thống.	Trình bày cơ bản đầy đủ, chính xác, còn một số hạn chế nhỏ.	Trình bày được một số kiến thức cơ bản nhưng còn thiếu nội dung, còn nhầm lẫn.	Không nắm được hoặc trình bày sai các kiến thức cơ bản
Vận dụng các quy định Luật thi hành án dân sự Việt Nam trong	CLO2, CLO3	**20%**	Vận dụng chính xác, linh hoạt các nguyên tắc Luật thi	Vận dụng cơ bản đúng các nguyên tắc Luật thi	Vận dụng được một số nguyên tắc Luật thi hành án	Không xác định hoặc không vận dụng được các nguyên

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
hoạt động pháp lý			hành án dân sự Việt Nam trong hoạt động pháp lý.	hành án dân sự Việt Nam còn một số hạn chế nhỏ.	dân sự Việt Nam nhưng còn lúng túng, thiếu căn cứ trong một số tình huống.	tắc Luật thi hành án dân sự Việt Nam vào tình huống thực tế.
Phân tích và đánh giá các tình huống Luật thi hành án dân sự Việt Nam	CLO4	**20%**	Phân tích đầy đủ, sâu sắc và logic tình huống.	Phân tích, đánh giá cơ bản đúng, có sai sót nhỏ.	Nhận diện được vấn đề đạo đức nhưng phân tích còn hạn chế, bỏ sót một số yếu tố hoặc đưa ra nhận định chưa đầy đủ.	Không xác định được vấn đề đạo đức hoặc đưa ra nhận định, đánh giá không phù hợp với tình huống.
Thực hiện kỹ năng ứng xử, giao tiếp và giải quyết vấn đề phù hợp với Luật thi hành án dân sự Việt Nam	CLO4, CLO5	**30%**	Thể hiện rõ ràng, chuyên nghiệp, có trách nhiệm trong giao tiếp và ứng xử; giải quyết tình huống phù hợp.	Thực hiện cơ bản phù hợp với yêu cầu thực hiện đúng quy phạm Luật thi hành án dân sự Việt Nam trong giao tiếp và ứng xử, còn một số hạn chế.	Có khả năng xử lý tình huống ở mức cơ bản nhưng còn lúng túng, giao tiếp hoặc ứng xử chưa thật phù hợp trong một số trường hợp.	Không thực hiện được yêu cầu về ứng xử, giao tiếp hoặc giải quyết vấn đề theo quy phạm Luật thi hành án dân sự Việt Nam.
Ý thức trách nhiệm, liêm chính, tuân thủ quy định Luật thi hành án dân sự Việt Nam	CLO6	**10%**	Thể hiện rõ và nhất quán tinh thần trách nhiệm, liêm chính, khách quan, tôn	Thể hiện cơ bản đúng yêu cầu về trách nhiệm, liêm chính và tuân thủ	Nhận thức được yêu cầu về trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp	Không thể hiện được yêu cầu về trách nhiệm, liêm chính, tuân thủ Luật thi hành án dân sự Việt Nam

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10–8,5)	Khá (8,4–7,0)	Trung bình (6,9–5,0)	Yếu (4,9–0)
			trọng sự thật, bảo vệ uy tín nghề	quy phạm Luật thi hành án dân sự Việt Nam	trong Luật thi hành án dân sự Việt Nam nhưng chưa thể hiện đầy đủ hoặc chưa nhất quán trong ứng xử.	
Tổng điểm		**100%**				

12. Yêu cầu học phần

- Quy định chuyên cần: Sinh viên phải tham dự tối thiểu **80%** tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá **20%** số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- Nhiệm vụ học tập và tự học: Sinh viên phải chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo liên quan đến Luật thi hành án dân sự theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp; hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ tự học, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các chuyên đề tự học theo kế hoạch của học phần; tích cực phối hợp làm việc nhóm, chuẩn bị slide và thực hiện báo cáo, thuyết trình chuyên đề khi được phân công.

- Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật: Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động trao đổi, thảo luận và phản biện trong các hoạt động trên lớp; thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- Yêu cầu về vận dụng kiến thức: Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng những nội dung cốt lõi của Luật thi hành án dân sự vào việc rèn luyện đạo đức, lối sống, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, phản biện và các hoạt động chính trị - xã hội phù hợp.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1]. Nguyễn Công Bình, Bùi Thị Huyền (2024), *Luật Thi hành án dân sự*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
1	CHƯƠNG 1. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ **Mục tiêu của chương**	07 (03LT, 04TH)	**Thuyết trình kết hợp với trực quan; dạy học dựa trên vấn đề**	CLO1 CLO4

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	Sau khi học xong Chương 1, sinh viên có khả năng: Trình bày được khái niệm, đặc điểm, vai trò và ý nghĩa của thi hành án dân sự. Xác định được phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Luật Thi hành án dân sự. Phân loại được các bản án, quyết định thuộc phạm vi thi hành án dân sự. Phân tích được các nguyên tắc cơ bản trong thi hành án dân sự. **CHƯƠNG 1. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ** 1.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh và nguồn của Luật thi hành án dân sự Việt Nam 1.2. Vai trò, nhiệm vụ và sự hình thành, phát triển của Luật Thi hành án dân sự Việt Nam 1.3. Quan hệ pháp luật thi hành án dân sự Việt Nam và xã hội hóa thi hành án dân sự 1.4. Các nguyên tắc cơ bản của Luật Thi hành án dân sự Việt Nam		**- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 1 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	
2	**CHƯƠNG 2. CƠ QUAN, TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ** **Mục tiêu chương:** Sinh viên phân tích được hệ thống tổ chức và địa vị pháp lý của các chủ thể. **Nội dung:** 2.1. Cơ quan thi hành án dân sự 2.2. Chấp hành viên và Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự 2.3. Đương sự và người đại diện của đương sự trong thi hành án dân sự 2.4. Cơ quan, tổ chức và cá nhân khác trong thi hành án dân sự	08 (04LT, 04TH)	**Giảng giải kết hợp với trực quan; đưa bài tập tình huống; tổ chức thảo luận nhóm. - Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu các tình huống thực tiễn, hướng dẫn sinh viên giải quyết tình huống. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:**	CLO1 CLO4

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			+ Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 2 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	
3	**CHƯƠNG 3. THẨM QUYỀN, THỜI HIỆU VÀ THỦ TỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ** **Mục tiêu chương:** Sinh viên phân tích được trình tự, thủ tục cơ bản của một vụ việc thi hành án dân sự. **Nội dung:** 3.1. Thẩm quyền thi hành án dân sự 3.2. Thời hiệu yêu cầu thi hành án; 3.3. Thủ tục thi hành án dân sự	08 (04LT, 04TH)	**Thuyết trình; giảng giải; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học theo nhóm kết hợp với trực quan.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa, nội dung cơ bản. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 3 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6
4	**CHƯƠNG 4. THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TRONG MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP CỤ**	09 (05LT,	**Thuyết trình kết hợp với trực quan, dạy học**	CLO2 CLO4

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
	THỂ **Mục tiêu chương:** Sinh viên nhận diện và áp dụng được các biện pháp bảo đảm, cưỡng chế trong thi hành án dân sự. **Nội dung:** 4.1. Thi hành khoản tịch thu sung quỹ nhà nước, tiêu hủy tài sản và hoàn trả tiền, tài sản kê biên, tạm giữ trong các bản án, quyết định hình sự 4.2. Thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp, tạm thời 4.3. Thi hành quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm 4.4. Thi hành quyết định về phá sản 4.5. Thi hành án nghĩa vụ liên đới, trong trường hợp chuyển giao quyền và nghĩa vụ thi hành án và khi có sự thay đổi tài sản tại thời điểm thi hành án	04TH)	**dựa trên vấn đề; tổ chức thảo luận nhóm, đóng vai.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, đóng vai. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 4 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, đóng vai. + Thảo luận theo nhóm. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	CLO5 CLO6
5	**CHƯƠNG 5. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM VÀ BIỆN PHÁP CƯỠNG CHẾ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ** 5.1. Biện pháp bảo đảm thi hành dân sự 5.2. Biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự	09 (05LT, 02TH 02KT)	**Thuyết trình; giảng giải kết hợp với trực quan; dạy học qua tình huống thực tế.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa, nội dung lý thuyết. + Nêu tình huống thực tế liên quan bài giảng. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			+ Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 5 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Sinh viên nghiên cứu, giải quyết tình huống thực tế của GV đưa ra. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	
6	**CHƯƠNG 6. KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, KHÁNG NGHỊ, KIẾN NGHỊ VÀ KIỂM SÁT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ** **Mục tiêu chương:** Sinh viên trình bày, phân tích và vận dụng được quy định pháp luật về kiểm soát hoạt động thi hành án dân sự và bảo vệ quyền của các chủ thể. **Nội dung:** 6.1. Khiếu nại trong thi hành án dân sự; 6.2. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại; 6.3. Tố cáo trong thi hành án dân sự; 6.4. Kháng nghị, kiến nghị; 6.5. Kiểm sát thi hành án dân sự; 6.6. Trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền; 6.7. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia thi hành án; 6.8. Bài tập tổng hợp.	10 (05LT, 05TH)	**Giảng giải kết hợp với trực quan; dạy học dựa trên nêu vấn đề; tổ chức học theo nhóm.** **- Giảng viên:** + Phân tích các khái niệm, định nghĩa, nội dung cơ bản. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. **- Sinh viên:** + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 6 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Tự nghiên cứu dưới	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CLOs
			sự hướng dẫn của giảng viên. + SV làm bài kiểm tra giữa học phần	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Luật

1. Tên học phần (tiếng Việt/tiếng Anh): Pháp luật an sinh xã hội/ Social security law
2. Mã học phần: LUAT 040
3. Số tín chỉ: 04 tín chỉ (0,4)
4. Trình độ cho sinh viên: Sinh viên năm thứ 4 (Học kỳ 7)
5. Phân bổ thời gian:
- Giờ tín chỉ: 60 giờ lý thuyết, 30 giờ thực hành
- Giờ học tập định mức của người học: 200 giờ (50 giờ / 1 tín chỉ, bao gồm giờ giảng trên lớp, tự học, thảo luận, hướng dẫn và kiểm tra, đánh giá)

6. Điều kiện tiên quyết/Điều kiện học trước: Theo lộ trình Chương trình đào tạo ngành Luật 2026.

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Chu Hải Đăng	0902.091.279	haidangspc@yahoo.com.vn
2	TS. Đức Thị Hoà	0399.515.939	Hoakaka1973@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về pháp luật an sinh xã hội bao gồm: đặc điểm và nguyên tắc cơ bản của an sinh xã hội; khái niêm, đặc điểm và các nội dung của pháp luật về bảo hiểm xã hội, ưu đãi xã hội và cứu trợ xã hội. Cung cấp và rèn luyện một số kỹ năng như: tra cứu hệ thống văn bản pháp luật an sinh xã hội; soạn thảo văn bản áp dụng pháp luật an sinh xã hội; đàm phán, thương lượng các vấn đề về bảo hiểm xã hội, cứu trợ xã hội; kỹ năng tư vấn các vấn đề phát sinh liên quan đến pháp luật an sinh xã hội một số kỹ năng mềm (kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình,...). Đóng góp vào hình thành đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp liên quan đến an sinh xã hội, ý thức tuân thủ pháp luật an sinh xã hội

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Học phần giúp sinh viên hình thành tư duy pháp lý trên cơ sở nhận thức về pháp luật an sinh xã hội nhằm giải quyết được các vấn đề pháp lý cơ bản và chuyên sâu liên quan đếnlĩnh vực bảo hiểm xã hội, ưu đãi xã hội và cứu trợ xã hội. Qua đó hình thành thành và phát triển kỹ năng: kỹ năng soạn thảo văn bản áp dụng pháp luật an sinh xã hội; đàm phán, thương lượng các vấn đề về bảo hiểm xã hội, cứu trợ xã hội; kỹ năng tư vấn các vấn đề phát sinh liên quan đến pháp luật an sinh xã hội; kỹ năng phân tích luật,nhận diện vấn đề để giải quyết các tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, ưu đãi xã hội và cứu trợ xã hội; kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng xây dựng các hồ sơ trong lĩnh vực an sinh xã hội như: hồ sơ cho đối tượng bảo hiểm xã hội; hồ sơ ưu đãi cho người có công với cách mạng; hồ sơ cho đối tượng cứu trợ xã hội..

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức chuyên ngành chuyên sâu về luật an sinh xã hội trong hệ thống pháp luật Việt Nam về quan hệ an sinh xã hội,

bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, ưu đãi xã hội, trợ cấp xã hội và giải quyết tranh chấp an sinh xã hội.

- CO2 (Kỹ năng): Hình thành và phát triển kỹ năng: kỹ năng soạn thảo văn bản áp dụng pháp luật an sinh xã hội; đàm phán, thương lượng các vấn đề về bảo hiểm xã hội, cứu trợ xã hội; kỹ năngtư vấn các vấn đề phát sinh liên quan đến pháp luật an sinh xã hội; kỹ năng phân tích luật,nhận diện vấn đề để giải quyết các tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, ưuđãi xã hội và cứu trợ xã hội; kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng xây dựng các hồ sơ trong lĩnhvực an sinh xã hội như: hồ sơ cho đối tượng bảo hiểm xã hội; hồ sơ ưu đãi cho người cócông với cách mạng; hồ sơ cho đối tượng cứu trợ xã hội..

- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Hình thành cho người học ý thức thượng tôn pháp luật và tinh thần bảo vệ quyền con người; rèn luyện phong thái tự tin, trung thực khoa học, cam kết bảo mật thông tin và tuân thủ nghiêm ngặt đạo đức nghề nghiệp pháp lý; phát triển năng lực tự học, chủ động nghiên cứu độc lập và phối hợp làm việc nhóm hiệu quả, linh hoạt thích ứng trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Phân tích và giải thích được các vấn đề lý luận, hệ thống nguồn và các nguyên tắc cốt lõi của pháp luật an sinh xã hội Việt Nam.	PI 2.1	3
CLO2	Vận dụng chính xác các quy định về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp để giải quyết các tình huống thực tiễn.	PI 2.1	3
CLO3	Phân tích và áp dụng đúng các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và trợ giúp xã hội cho các đối tượng đặc thù.	PI 3.1	4
	Kỹ năng		
CLO4	Thực hiện thành thạo việc tư vấn và soạn thảo các hồ sơ hưởng chế độ an sinh xã hội (hưu trí, tử tuất, bảo hiểm thai sản...) đúng quy định pháp luật.	PI 3.1	4
CLO5	Đề xuất được các phương án giải quyết tranh chấp về an sinh xã hội dựa trên việc phân tích hồ sơ và chứng cứ pháp lý.	PI 3.1	4
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Chủ động xác định mục tiêu học tập cá nhân, nghiên cứu độc lập và tự bồi dưỡng chuyên môn; lập kế hoạch và dẫn dắt làm việc nhóm hiệu quả; thể hiện tinh thần trách nhiệm xã hội, bảo vệ công lý và tuân thủ nghiêm ngặt chuẩn mực đạo đức nghề luật, trung thực khoa học, trích dẫn học thuật đúng quy chuẩn.	PI 9.1,	3

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3	x		
CLO4		x	
CLO5		x	
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	PLO2 (PI 2.1)	PLO3 (PI 3.1)	PLO9 (PI 9.2)
CLO1	I		
CLO2	I	R	
CLO3		R	
CLO4		R	
CLO5		R	
CLO6			M

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người (Đối với học phần thực hành)

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	Liên quan đến CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Điểm chuyên	20%	- Thời gian tham gia lớp	CLO1	30	Điểm chuyên	Điểm CLO1 → PLO3/PI3.2

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
cần, điểm kiển tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ		học. - Bài kiểm tra thực hành. - Rubric thực hành			cần; Rubric kiểm tra thường xuyên	
			CLO3	40	Rubric thực hiện bài tập thực hành	Điểm CLO3 → PLO2/PI2.2
			CLO6	30	Rubric thái độ học tập, tự học, làm việc nhóm	CLO6 → PLO9/PI9.1.
Điểm kiểm tra định kỳ (01 bài kiểm tra/tín chỉ): 03 bài	*80%*	- Bài kiểm tra thực hành. - Rubric bài thực hành	CLO1	30	Điểm bài thi thực hành	Điểm CLO1 → PLO3/PI3.2
			CLO3	40	Điểm bài thi thực hành	Điểm CLO3 → PLO2/PI2.2
			CLO4	30	Điểm bài thi thực hành	CLO4 → PLO7/PI7.2.

Ký hiệu CLO	**Nội dung CLO**	**Cần đo lường mức đạt CLO**	**Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI**	**Dữ liệu được lấy từ**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
CLO1	Phân tích và giải thích được các vấn đề lý luận, hệ thống nguồn và các nguyên tắc cốt lõi của pháp luật an sinh xã hội Việt Nam.	x	PI 2.1	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ

CLO2	Vận dụng chính xác các quy định về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp để giải quyết các tình huống thực tiễn.	x	PI 2.1	Bài kiểm tra giữa học phần; Bài thi cuối kỳ
CLO3	Phân tích và áp dụng đúng các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và trợ giúp xã hội cho các đối tượng đặc thù.	x	PI 3.1	Bài kiểm tra giữa học phần Bài thi cuối kỳ
CLO4	Thực hiện thành thạo việc tư vấn và soạn thảo các hồ sơ hưởng chế độ an sinh xã hội (hưu trí, tử tuất, bảo hiểm thai sản...) đúng quy định pháp luật.	x	PI 3.1	Bài thi cuối kỳ
CLO5	Đề xuất được các phương án giải quyết tranh chấp về an sinh xã hội dựa trên việc phân tích hồ sơ và chứng cứ pháp lý.	x	PI 3.1	Thuyết trình, thảo luận nhóm; Bài tập vận dụng
CLO6	Chủ động xác định mục tiêu học tập cá nhân, nghiên cứu độc lập và tự bồi dưỡng chuyên môn; lập kế hoạch và dẫn dắt làm việc nhóm hiệu quả; thể hiện tinh thần trách nhiệm xã hội, bảo vệ công lý và tuân thủ nghiêm ngặt chuẩn mực đạo đức nghề luật, trung thực khoa học, trích dẫn học thuật đúng quy chuẩn.	x	PI 9.2	Rubric đánh giá quá trình; Quan sát trên lớp; Đánh giá thảo luận nhóm, thuyết trình

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần, năng lực tự học và thực hành

Tiêu chí đánh giá	**CLO**	**Trọng số**	**Giỏi (10 - 8.5)**	**Khá (8.4 - 7.0)**	**Trung bình (6.9 - 5.0) (Mức đạt CĐR)**	**Yếu (4.9 - 0.0)**
Mức độ tham dự lên lớp	CLO6	50%	Tham dự đầy đủ >90% số giờ học, đi học đúng giờ, chấp hành tốt kỷ luật	Tham dự từ 80% đến 89% số giờ học, đi học đúng giờ, không vi phạm	Tham dự từ 70% đến 79% số giờ học, thỉnh thoảng còn đi muộn	Tham dự dưới 70% số giờ học hoặc vi phạm nghiêm

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Giỏi (10 - 8.5)	Khá (8.4 - 7.0)	Trung bình (6.9 - 5.0) (Mức đạt CĐR)	Yếu (4.9 - 0.0)
			phòng học và chuẩn bị bài chu đáo trước khi lên lớp.	nghiêm trọng kỷ luật và nội quy học vụ.	hoặc thiếu tập trung trong giờ học.	trọng kỷ luật học đường.
Ý thức tự học & thực hành	CLO6	50%	Chủ động, tích cực nghiên cứu trước tài liệu; tham gia và thực hiện đúng các bài tập thực hành.	Hoàn thành đúng các bài tập thực hành theo đúng yêu cầu	Hoàn thành được các bài tập thực hành theo đúng yêu cầu.	Không hoàn thành bài tập thực hành theo cá nhân hoặc theo nhóm.

2. Rubric đánh giá bài kiểm tra định kỳ thực hành

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Xác định vấn đề pháp lý và căn cứ pháp luật (xác định đúng nội dung luật an sinh xã hội)	CLO1; CLO2	30%	Xác định đầy đủ, chính xác vấn đề pháp lý; lựa chọn đúng và đầy đủ căn cứ pháp luật; viện dẫn chính xác các quy định có liên quan.	Xác định đúng vấn đề pháp lý chủ yếu; lựa chọn được căn cứ pháp luật phù hợp; còn một vài thiếu sót nhỏ trong viện dẫn.	Xác định được vấn đề pháp lý cơ bản nhưng còn thiếu căn cứ hoặc viện dẫn chưa đầy đủ; có một số sai sót.	Không xác định được hoặc xác định sai vấn đề pháp lý; viện dẫn sai hoặc không có căn cứ pháp luật phù hợp.	
Kỹ năng xử lý tình huống/hồ sơ thực hành (phân tích tình huống, xác	CLO2; CLO4	30%	Phân tích tình huống/hồ sơ đầy đủ, logic; xác định chính xác thẩm	Phân tích đúng phần lớn nội dung; xác định cơ bản đúng thẩm	Xử lý được các yêu cầu cơ bản của tình huống/hồ sơ; còn	Không xử lý được tình huống/hồ sơ; xác định sai thẩm	

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
định thẩm quyền, trình tự, thủ tục và phương án giải quyết)			quyền, đối tượng, trình tự, thủ tục; đề xuất phương án giải quyết phù hợp và có căn cứ pháp luật.	quyền, trình tự, thủ tục; phương án giải quyết phù hợp nhưng còn thiếu một số nội dung.	nhầm lẫn về thẩm quyền, trình tự hoặc thủ tục; phương án giải quyết chưa đầy đủ.	quyền, trình tự, thủ tục hoặc đưa ra phương án không phù hợp.	
Kỹ năng xử lý văn bản /hồ sơ thực hành (Thể thức văn bản, nội dung, hình thức văn bản)	CLO4; CLO5	20%	Văn bản đầy đủ nội dung, đúng thể thức; diễn đạt rõ ràng, chính xác; căn cứ pháp lý phù hợp; nội dung và hình thức đáp ứng đầy đủ yêu cầu của bài thực hành.	Văn bản cơ bản đầy đủ, đúng thể thức; nội dung phù hợp; còn một số lỗi nhỏ về trình bày hoặc viện dẫn căn cứ pháp luật.	Văn bản thực hiện được các yêu cầu cơ bản nhưng còn thiếu nội dung, sai sót về thể thức hoặc căn cứ pháp lý.	Không hoàn thành văn bản hoặc văn bản có nhiều sai sót nghiêm trọng, không đáp ứng yêu cầu của bài thực hành.	
Trình bày, giải thích và bảo vệ phương án xử lý (trình bày kết quả, giải thích căn cứ và trả lời câu hỏi)	CLO2; CLO4	10%	Trình bày to, rõ ràng; giải thích được tất cả các căn cứ và phương án xử lý; trả lời đúng các câu hỏi..	Trình bày khá rõ ràng; giải thích được phần lớn căn cứ và phương án xử lý; trả lời đúng phần lớn câu hỏi.	Trình bày được nội dung cơ bản; giải thích còn hạn chế; trả lời được một số câu hỏi.	Trình bày thiếu rõ ràng; không giải thích được căn cứ hoặc phương án xử lý; không trả lời được phần lớn	

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
						câu hỏi.	
Tác phong thực hành và tuân thủ quy định (trung thực, nghiêm túc, đúng thời gian, tuân thủ yêu cầu của bài kiểm tra)	CLO6	10%	Thực hiện nghiêm túc, độc lập, trung thực; tuân thủ đầy đủ yêu cầu; hoàn thành đúng hoặc trước thời gian quy định; hồ sơ, bài làm được sắp xếp khoa học.	Thực hiện nghiêm túc, đúng quy định; hoàn thành đúng thời gian; có một vài thiếu sót nhỏ.	Thực hiện được yêu cầu cơ bản nhưng còn cần nhắc nhở về thời gian, trình tự hoặc cách thức thực hiện	Vi phạm nội quy nghiêm trọng hoặc làm hỏng dữ liệu/thiết bị phòng máy	
ĐIỂM TỔNG		**100%**					

12. Yêu cầu học phần

- **Quy định chuyên cần:** Sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% tổng số tiết học trên lớp theo quy định. Sinh viên vắng quá 20% số tiết học sẽ không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần và phải học lại theo quy chế đào tạo.

- **Nhiệm vụ học tập và tự học:** Sinh viên phải chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo về pháp luật an sinh xã hội theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp; hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ tự học, bài tập cá nhân, bài tập nhóm và các chuyên đề tự học theo kế hoạch của học phần; tích cực phối hợp làm việc nhóm, chuẩn bị slide và thực hiện báo cáo, thuyết trình chuyên đề khi được phân công.

- **Yêu cầu về thái độ học tập và đạo đức học thuật:** Sinh viên phải chấp hành nghiêm nội quy lớp học; có ý thức học tập tích cực, chủ động trao đổi, thảo luận và phản biện trong các hoạt động trên lớp; thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, đánh giá; trung thực trong học tập, nghiên cứu, kiểm tra và thi cử; không sao chép, đạo văn hoặc gian lận dưới bất kỳ hình thức nào.

- **Yêu cầu về vận dụng kiến thức:** Sinh viên cần chủ động liên hệ, vận dụng những nội dung cốt lõi của học phần Pháp luật an sinh xã hội vào việc rèn luyện đạo đức, lối sống, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, phản biện và các hoạt động chính trị - xã hội phù hợp.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] Lê Thị Hoài Thu (2023), *Giáo trình Luật An sinh xã hội Việt Nam*, NXB ĐHQGHN.

- Tài liệu tham khảo:

[2] Trường Đại học Luật Hà Nội (2023). *Giáo trình Luật Lao động Việt Nam*, NXB ĐHQGHN.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
1.	**CHƯƠNG 1: NHẬP MÔN PHÁP LUẬT AN SINH XÃ HỘI VIỆT NAM** **Mục tiêu chương** Trình bày được khái niệm, đặc điểm, vai trò, đối tượng, phương pháp điều chỉnh, các nguyên tắc, hệ thống nguồn của phápluật an sinh xã hội. **Mục tiêu cụ thể** 1. Pháp luật an sinh xã hội 2. Vai trò của pháp luật an sinh xã hội. 3. Tổ chức Lao động quốc tế với việc đảm bảo an sinh xã hội.	04 (03LT, 1TH)	**Thuyết trình; Dạy học nêu vấn đề; Tổ chức học theo nhóm kết hợp tranh biện.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, bài tập thảo luận cho các nhóm. **- Sinh viên:** + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên phần chương 1, tài liệu [1]. + Đọc tài liệu [2] + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu củagiảngviên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phảnbiện - Bài tập thực hành	CLO1 CLO2 CLO3
2.	**CHƯƠNG 2: QUAN HỆ PHÁP LUẬT AN SINH XÃ HỘI** **Mục tiêu chương** Trình bày được khái niệm, đặc điểm của quan hệ pháp luật an sinh xã hội; phân tích các quan hệ an sinh xã hội cụ thể	05 (04LT, 01TH)	**Thuyết trình, nêuvấn đề; thảo luận nhóm; đóng vai.** **- Giảng viên:** + Giải thích các khái niệm, định nghĩa.	CLO1 CLO2 CLO3

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	Mục tiêu cụ thể 1. Khái niệm, đặc điểm của quan hệ pháp luật an sinh xã hội 2. Các quan hệ pháp luật an sinh xã hội cụ thể		+ Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, bài tập thảo luận cho các nhóm. **- Sinh viên:** + Đọc và chương 2, tài liệu[1]. + Đọc tài liệu [2] + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. +Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liênhệ thực tiễn cuộc sống - Bài tập thực hành	
3.	**CHƯƠNG 3: BẢO HIỂM XÃ HỘI** **Mục tiêu chương** Trình bày được khái quát chung về bảo hiểm xã hội và các chế độ bảo hiểm ốm đau, thai sản, tai nạn, hưu trí, tử tuất, thất nghiệp. **Mục tiêu cụ thể.** 1. Khái niệm về bảo hiểm xã hội 2. Chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc 3. Chế độ bảo hiểm xã hội tự nguyện	06 (4LT, 02TH	**Thuyết trình; vấn đáp, trực quan, dạy học dựa trên vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, đóng vai, tình huống, tranh biện** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. +Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biên. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc trước nội dung bài học Chương 4 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. + Sv kiểm tra giữa học phần.	CLO2 CLO4 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
4.	**CHƯƠNG 4: BẢO HIỂM Y TẾ** **Mục tiêu chương** Trình bày được kiến thức chung về bảo hiểm y tế, chế độ bảo hiểm y tế. Liên hệ với bản thân. Mục tiêu cụ thể. 1. Khái quát chung về bảo hiểm y tế 2. Chế độ bảo hiểm y tế	05 (03LT, 02TH)	**Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, dạy họcdựatrên vấn đề kết hợpvới thảo luận nhóm,đóng vai, tình huống** **-Giảngviên**: + Giảng giải các nội dung. + Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phảnbiện. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phâncông. + Nhận xét, đánh giá giải, quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. -**Sinhviên**: + Đọc trước nội dung bài học phần Chương 4 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. - Bài tập thực hành	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
5.	**CHƯƠNG 5: BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP** **Mục tiêu chương.** Trình bày được khái quát chung về bảo hiểm thất nghiệp; chế độ bảo hiểm thất nghiệp **Mục tiêu cụ thể.** 1. Khái quát chung về bảo hiểm thất nghiệp 2. Chế độ bảo hiểm thất nghiệp	07 (05LT, 02TH,	**Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm.** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
			+ Trực quan tình huống. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **-Sinhviên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung chương 5 tài liệu [1] tài liệu tham khảo [2] + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề - Bài tập thực hành	
6.	**CHƯƠNG 6. ƯU ĐÃI XÃ HỘI** **Mục tiêu chương.** Trình bày được khái quát chung chế độ ưu đãi xã hội, chế độ ưu đãi xã hội, nguồn tài chính thực hiện ưu đãi xã hội. **Mục tiêu cụ thể.** 1. Khái quát chung về ưu đãi xã hội 2. Chế độ ưu đãi xã hội 3. Nguồn tài chính thực hiện ưu đãi xã hội	06 (04LT, 02TH,	**Thuyết trình, trực quan, sử dụng tình huống, dạy học dựa trên vấn đề, tình huống, tranh biện** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Trực quan tình huống trong quan hệ pháp luật. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. **- Sinh viên:** + Đọc và chương 6, tài liệu [1]. + Đọc tài liệu [2 + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn cuộc sống.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
7.	**CHƯƠNG 7: TRỢ GIÚP XÃ HỘI** **Mục tiêu chương**	07 (04LT, 03TH,	**Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, đóng vai, dạy**	CLO2 CLO3

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
	Xác định được những vấn đề chung về trợ cấp xã hội , chế độ trợ giúp xã hội, nguồn tài chính thực hiện trợ giúp xã hội **Mục tiêu cụ thể.** 1. Khái quát chung về trợ giúp xã hội 2. Chế độ trợ giúp xã hội 3. Nguồn tài chính thực hiện trợ giúp xã hội		**học dựa trên vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm, tình huống, tranh biện** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Trực quan tình huống. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. -Sinhviên: + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung chương 7 tài liệu [1] tài liệu tham khảo [2] + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề - Bài tập thực hành	CLO4 CLO5 CLO6
8.	**CHƯƠNG 8. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP AN SINH XÃ HỘI** **Mục tiêu chương:** Trình bày được khái quát chung về tranh chấp an sinh xã hội; giải quyết tranh chấp an sinh xã hội **Nội dung cụ thể.** 1. Khái quát chung về tranh chấp an sinh xã hội 2. Giải quyết tranh chấp an sinh xã hội	05 (03LT, 02TH,	**Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, thảo luận nhóm, đóng vai, tình huống, tranh biện** **- Giảng viên:** + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Trực quan tình	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CLOs
			huống. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. **-Sinhviên:** + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung chương 8 tài liệu [1] tài liệu tham khảo [2] + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề - Bài tập thực hành	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Luật

1. Tên học phần: Thực tập chuyên đề/Thematic internship

2. Mã học phần: LUAT 401

3. Số tín chỉ: 3 (0,3)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ tư.

5. Phân bổ thời gian

- Giờ tín chỉ: 0 giờ lý thuyết, 135 giờ thực hành
- Giờ học tập định mức của người học (bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá): 150 giờ

6. Điều kiện tiên quyết

Sinh viên học xong toàn bộ các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành Luật

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Phương Lan	0912316648	Phuonglan62@gmail.com
2	Th.s. Phạm Thị Mai	0978370438	Phammaidhsd@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Thực tập chuyên đề giúp cho sinh viên củng cố những kiến thức lý thuyết, kỹ năng đã được học tập ở nhà trường; Vận dụng kiến thức đã học vào làm việc tại doanh nghiệp, cơ quan nhà nước; Tạo điều kiện cho sinh viên ngành Luật có cơ hội tiếp cận với môi trường làm việc tại đơn vị thực tập; Rèn luyện khả năng giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Thực tập chuyên đề nhằm trang bị và củng cố cho sinh viên ngành Luật hệ thống kiến thức lý thuyết, kỹ năng nghề nghiệp đã được đào tạo tại nhà trường; tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận, hòa nhập với môi trường làm việc thực tế tại các doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước. Qua đó, học phần rèn luyện cho sinh viên khả năng vận dụng kiến thức pháp luật để phát hiện, xử lý các tình huống thực tiễn, rèn luyện tư duy phản biện, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và nâng cao ý thức trách nhiệm, đạo đức nghề luật

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Cung cấp cho sinh viên cơ hội tiếp cận, nắm bắt thực tế công việc chuyên môn và quy trình vận hành tại các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức pháp lý.

- CO2 (Kỹ năng): Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng thực hành nghề luật, khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh; rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý

thông tin, đàm phán, soạn thảo văn bản và xử lý tình huống thực tế.

- CO3 (Năng lực tự chủ và trách nhiệm): Giúp sinh viên hình thành thái độ chủ động, nâng cao khả năng làm việc độc lập và phối hợp làm việc nhóm; có năng lực tự định hướng, lập kế hoạch, điều phối công việc; tuân thủ chấp hành pháp luật, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp và chịu trách nhiệm đối với kết quả công việc được giao.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Đọc, hiểu và vận dụng các kiến thức tổng hợp đã học để quản lý, thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn và giải quyết công việc pháp lý tại các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp.	PI4.2	4
CLO2	Phản biện, phân tích các vấn đề liên quan đến Luật và nghiệp vụ pháp lý thực tế.	PI5.2	4
	Kỹ năng		
CLO3	Thực hành nghề luật, phát hiện và giải quyết các tình huống, vấn đề pháp lý phát sinh tại cơ quan/doanh nghiệp thực tập.	PI7.2	3
CLO4	Thảo luận, làm việc nhóm, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của các thành viên và đề xuất giải pháp tối ưu để nâng cao chất lượng công việc.	PI5.2	3
CLO5	Phối hợp với các cá nhân và bộ phận liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và hoàn thành báo cáo thực tập chuyên đề.	PI7.2	3
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Thể hiện tính tự chủ, trách nhiệm, tác phong nghề nghiệp, sự tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và ý thức bảo mật thông tin tại đơn vị thực tập.	PI7.2; PI5.2	3

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3		x	
CLO4		x	
CLO5		x	

CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	**Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) PLO và chỉ số PI ***		
	PLO4	**PLO5**	**PLO7**
	PI4.2	**PI5.2**	**PI7.2**
CLO1	I		
CLO2	R		
CLO3	R		I
CLO4	M		
CLO5		M	
CLO6			R

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học (Đối với học phần lý thuyết)

Thành phần đánh giá	**Trọng số (%)**	**Hình thức/công cụ kiểm tra – đánh giá**	**Liên quan đến CLO**	**Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)**	**Dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO**	**Dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI**
Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ; điểm chuyên cần.	**20%**	Vấn đáp; nhật ký thực tập; báo cáo tiến độ; minh chứng thực hiện nhiệm vụ; quan sát quá trình; phiếu nhận xét của đơn vị thực tập; rubric đánh giá quá trình. Thực hiện trong các	CLO3	15	Điểm vấn đáp và rubric về mức độ tham gia thực hiện các công việc tại đơn vị thực tập.	Điểm CLO3 → PLO7/PI7.2
			CLO4	25	Điểm rubric về giao tiếp, thái độ tiếp nhận hướng dẫn và khả năng thích ứng trong môi trường làm việc.	Điểm CLO4 → PLO5/PI5.2
			CLO5	25	Điểm rubric về sự phối hợp với các bộ phận liên quan.	Điểm CLO5 → PLO7/PI7.2

		buổi hướng dẫn và trong quá trình thực tập tại đơn vị.	CLO6	35	Điểm rubric về tiến độ, tính tự chủ, trách nhiệm, tác phong, kỷ luật, tuân thủ và bảo mật thông tin.	Điểm CLO6 → PLO7/PI7.2; PLO5/PI5.2
Điểm báo cáo thu hoạch, báo cáo cuối kỳ.	**80%**	03 báo cáo thu hoạch theo nội dung hoặc giai đoạn thực tập; 01 báo cáo thực tập chuyên đề cuối kỳ; phụ lục minh chứng; vấn đáp xác thực khi cần thiết; rubric đánh giá báo cáo. Báo cáo thu hoạch được nộp sau mỗi nội dung/giai đoạn; báo cáo thực tập chuyên đề được nộp khi kết thúc học phần.	CLO1	20	Điểm rubric phần phân tích đặc điểm hoạt động, cơ cấu quản lý, tổ chức tại đơn vị thực tập.	Điểm CLO1 → PLO1/PI4.2
			CLO2	25	Điểm rubric phần phân tích nghiệp vụ luật và đối chiếu thực tế công tác kế toán với chuẩn mực, chế độ kế toán và pháp luật hiện hành.	Điểm CLO2 → PLO5/PI5.2
			CLO3	35	Điểm rubric về quy trình công việcliên quan ngành luật tính đầy đủ, chính xác, phù hợp của hồ sơ hoặc minh chứng nghiệp vụ.	Điểm CLO3 → PLO7/PI7.2
			CLO6	20	Điểm rubric về tiến độ, tính trung thực, trích dẫn, tuân thủ quy định, đạo đức nghề nghiệp và bảo mật thông tin trong báo cáo.	Điểm CLO6 → PLO7/PI7.2; PLO5/PI5.2

Ký hiệu CLO	**Nội dung CLO**	**Cần đo lường mức đạt CLO**	**Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI**	**Dữ liệu được lấy từ**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
CLO1	Đọc, hiểu và vận dụng các kiến thức tổng hợp đã học để quản lý, thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn và giải quyết công việc pháp lý tại các cơ quan	x	PLO4/PI4.2	Điểm rubric của 03 báo cáo thu hoạch và báo cáo thực tập chuyên đề cuối kỳ

	Nhà nước, doanh nghiệp.			
CLO2	Phản biện, phân tích các vấn đề liên quan đến Luật và nghiệp vụ pháp lý thực tế.	x	PLO5/PI5.2	Điểm rubric của 03 báo cáo thu hoạch, báo cáo thực tập chuyên đề và kết quả vấn đáp xác thực đối với phần phân tích nghiệp vụ và đối chiếu thực tế với quy định hiện hành.
CLO3	Thực hành nghề luật, phát hiện và giải quyết các tình huống, vấn đề pháp lý phát sinh tại cơ quan/doanh nghiệp thực tập.	x	PLO7/PI7.2	Điểm vấn đáp, nhật ký thực tập, minh chứng thực hiện nhiệm vụ, phiếu nhận xét của đơn vị thực tập và điểm rubric báo cáo đối với quy trình kế toán, thuế.
CLO4	Thảo luận, làm việc nhóm, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của các thành viên và đề xuất giải pháp tối ưu để nâng cao chất lượng công việc.	x	PLO5/PI5.2	Điểm rubric đánh giá quá trình; nội dung nhận xét của đơn vị thực tập về giao tiếp, thái độ tiếp nhận hướng dẫn và khả năng thích ứng trong môi trường làm việc.
CLO5	Phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu, lập kế hoạch, định hướng và bảo vệ quan điểm cá nhân trong lĩnh vực pháp lý.	x	PLO7/PI7.2	Điểm rubric đánh giá quá trình; nhật ký thực tập; minh chứng phối hợp công việc và nội dung nhận xét của cán bộ hướng dẫn tại đơn vị thực tập.
CLO6	Hướng dẫn, phối hợp, giám sát công việc chuyên môn; có khả năng thích ứng tốt với môi trường làm việc đa dạng và thực tế nghề luật.	x	PLO5/PI5.2; PLO7/PI7.2	Điểm chuyên cần; nhật ký thực tập; tiến độ thực hiện nhiệm vụ; phiếu nhận xét của đơn vị thực tập; điểm rubric về trách nhiệm, tác phong, tuân thủ, đạo đức, tính trung thực và bảo mật trong báo cáo cuối kỳ.

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng	Điểm

		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
		10.0 – 8.5	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
1. Chuyên cần & Đúng giờ	**40%**	- Tham dự ≥ 85% số buổi hướng dẫn theo lịch. - Đến lớp đúng giờ, chấp hành nghiêm túc nội quy.	- Tham dự 70% - 84% số buổi hướng dẫn. - Đi muộn/về sớm không quá 2 buổi.	- Tham dự 50% - 69% số buổi hướng dẫn. - Đi muộn/về sớm từ 3 buổi trở lên.	- Tham dự < 50% số buổi hướng dẫn (Không đủ điều kiện bảo vệ đồ án).	
2. Tiến độ thực hiện & Nộp bản thảo đề án	**40%**	- Nộp đầy đủ, đúng hạn 100% bản thảo/nhật ký đề án theo từng giai đoạn. - Khối lượng và dữ liệu thực hành hoàn thành đúng hoặc vượt tiến độ yêu cầu.	- Nộp đúng hạn 80% - 99% bản thảo đề án. - Hoàn thành khối lượng công việc theo tiến độ nhưng còn sót một vài chi tiết nhỏ.	- Nộp trễ hạn từ 1 đến 2 đợt bản thảo. - Khối lượng thực hành đề án bị chậm so với tiến độ chung của lớp.	- Nộp trễ hạn trên 2 đợt hoặc không nộp bản thảo/nhật ký đề án. - Không làm bài thực hành theo tiến độ.	
3. Thái độ học tập & Tương tác hướng dẫn	**20%**	- Chủ động chuẩn bị số liệu, tích cực trao đổi/hỏi giảng viên về các vướng mắc - Lắng nghe, ghi nhận và sửa chữa đầy đủ các góp ý của giảng viên vào đề án.	- Tích cực tương tác, có đặt câu hỏi trao đổi với giảng viên trong quá trình làm đề án. - Tiếp thu và sửa chữa phần lớn các góp ý của giảng viên.	- Bị động, ít tương tác; chỉ làm việc khi giảng viên nhắc nhở. - Chậm sửa chữa các lỗi sai đã được giảng viên chỉ ra trong bản thảo.	- Không tương tác, không tiếp thu góp ý của giảng viên. - Không sửa chữa các sai sót trong đề án hoặc có biểu hiện sao chép đề án.	

2. Rubric đánh giá báo cáo đề án

Nội dung tiêu chí	CLO	Điểm tối đa	0 điểm	50% số điểm	100% số điểm	Điểm đánh giá

1. Đặc điểm hoạt động và tổ chức công tác ngành luật tại đơn vị thực tập	CLO1	2,0	Không trình bày hoặc trình bày sai của đơn vị thực tập.	Trình bày được các nội dung cơ bản nhưng còn chung chung	Phân tích rõ ràng, chính xác và có hệ thống đặc điểm ngành nghề thực tập	
2. Phân tích nghiệp vụ và đối chiếu với quy định hiện hành	CLO2	2,5	Không phân tích được nghiệp vụ luật	Phân tích được một số nghiệp vụ cơ bản nhưng chưa làm rõ bản chất hoặc điều kiện ghi nhận	Phân tích đúng bản chất của ngành luật quy định pháp luật hiện hành.	
3. Quy trình công việc liên quan đến nghiệp vụ	CLO3	3,5	Không mô tả được quy trình công việc	Trình bày được các bước cơ bản của quy trình của ngành nghề	Thể hiện đầy đủ, logic và chính xác quy trình công việc liên quan đến ngành nghề	
4. Hình thức trình bày, bố cục và trích dẫn	CLO6	0,5	Báo cáo không đúng mẫu; bố cục thiếu hoặc không hợp lý; trình bày cẩu thả; có nhiều lỗi chính tả; bảng biểu, hình ảnh và tài liệu tham khảo không được chú thích hoặc trích dẫn.	Báo cáo cơ bản đúng mẫu và có đủ các phần chính nhưng bố cục chưa cân đối; còn một số lỗi trình bày, chính tả, đánh số bảng biểu hoặc trích dẫn.	Báo cáo đúng mẫu; bố cục chặt chẽ; diễn đạt rõ ràng; bảng biểu và phụ lục được đánh số đầy đủ; trích dẫn và danh mục tài liệu tham khảo thống nhất; hầu như không có lỗi chính tả hoặc lỗi trình bày.	
5. Tính trung thực, tuân thủ và bảo mật thông tin	CLO6	1,5	Có dấu hiệu sao chép, giả mạo số liệu hoặc minh chứng; sử dụng thông tin của đơn vị không được phép; vi phạm quy định về	Báo cáo phản ánh cơ bản quá trình thực tập nhưng việc ghi nguồn, ẩn danh dữ liệu hoặc bảo mật thông tin chưa đầy đủ; còn sai sót nhưng chưa	Báo cáo phản ánh trung thực quá trình và kết quả thực tập; số liệu, minh chứng có nguồn gốc rõ ràng; tuân thủ quy định của nhà trường và đơn vị; thông tin nhạy	

			bảo mật hoặc liêm chính học thuật.	gây hậu quả nghiêm trọng.	cảm được ẩn danh hoặc xử lý phù hợp; không vi phạm liêm chính học thuật.	
Tổng điểm		**10,0**				

Phân bổ điểm theo CLO

CLO	Điểm tối đa	Tỷ trọng trong rubric
CLO1	2,0	20%
CLO2	2,5	25%
CLO3	3,5	35%
CLO6	2,0	20%
Tổng	**10,0**	**100%**

12. Yêu cầu học phần

Để hoàn thành học phần Thực tập chuyên đề và đạt được các chuẩn đầu ra đã xác định, sinh viên phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu sau:

- Sinh viên phải thực hiện đúng kế hoạch, thời gian và địa điểm thực tập; tham gia tối thiểu 80% thời lượng thực tập và các buổi hướng dẫn.
- Chấp hành nội quy, quy định về an toàn, tác phong, đạo đức nghề nghiệp và bảo mật thông tin của Nhà trường và đơn vị thực tập.
- Chủ động tìm hiểu đặc điểm hoạt động, cơ cấu quản lý, tổ chức bộ máy ngàng nghề tại đơn vị
- Ghi chép đầy đủ nhật ký thực tập; hoàn thành đúng hạn 03 báo cáo thu hoạch và 01 báo cáo thực tập chuyên đề cuối kỳ.
- Báo cáo phải phản ánh trung thực quá trình thực tập, có số liệu và minh chứng phù hợp; tuân thủ quy định về trình bày, trích dẫn và liêm chính học thuật.
- Duy trì thái độ giao tiếp chuyên nghiệp; chủ động trao đổi, phối hợp và tiếp thu ý kiến của cán bộ, giảng viên hướng dẫn và các bên liên quan.
- Không sao chép, giả mạo số liệu, sử dụng trái phép hoặc tiết lộ thông tin của đơn vị thực tập. Thông tin nhạy cảm phải được ẩn danh theo quy định.
- Sinh viên phải tham gia vấn đáp hoặc giải trình báo cáo khi được yêu cầu và chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng, tính trung thực của kết quả thực tập.

13. Tài liệu phục vụ học phần

1. Giáo trình các bộ Luật

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CLOs
1.	**CHƯƠNG 1. ĐỀ CƯƠNG THỰC TẬP** **Mục tiêu chương:** - Tiếp cận và làm quen được với	45 (0LT, 45TH)	**Quản lý sinh viên, Giảng viên hướng dẫn sinh viên làm báo cáo thực tập theo quy trình, sinh viên thực hiện báo cáo thực tập.**	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CLOs
	môi trường làm việc chuyên nghiệp cũng như về cách tổ chức hoạt động và quản lý tại một công ty/doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước - Xây dựng được kế hoạch thực tập phù hợp nơi đến thực tập, lập được đề cương chi tiết thực tập chuyên đề. **Nội dung cụ thể:** 1.1. Lựa chọn đề tài thực tập chuyên đề 1.2. Lập đề cương chi tiết 1.3. Chỉnh sửa đề cương chi tiết 1.4. Viết báo cáo thu hoạch		**- Giảng viên:** + Giải thích các nội quy, quy định. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên lựa chọn đề tài thực tập chuyên đề. + Hướng dẫn sửa đề cương chi tiết, viết báo cáo. **- Sinh viên:** + Lắng nghe, ghi chép. + Nghiên cứu các đề tài thực tập chuyên đề. + Lựa chọn đề tài thực tập chuyên đề, đăng ký với giảng viên hướng dẫn. + Chỉnh sửa đề cương chi tiết. + Nghiên cứu tài liệu [1, 2]	CLO5
2.	**CHƯƠNG 2. THAM GIA THỰC TẬP** **Mục tiêu chương:** - Hiểu và đánh giá được công việc thực tế khi tham gia thực tập. - Thu thập, phân tích được các thông tin về vấn đề nghiên cứu tại đơn vị thực tập. **Nội dung cụ thể;** 2.1. Tham gia làm việc thực tế tại đơn vị thực tập. 2.2. Nghiên cứu thực tiễn tại doanh nghiệp 2.3. Phỏng vấn, thu thập thông tin, dữ liệu 2.4. Viết báo cáo thu hoạch	45 (0LT, 45TH)	**Quản lý sinh viên, Giảng viên hướng dẫn sinh viên làm báo cáo thực tập theo quy trình, sinh viên thực hiện báo cáo thực tập.** **- Giảng viên:** + Giảng giải, hướng dẫn thực tập tại cơ sở. + Thuyết trình, đàm thoại, gợi mở các vấn đề cần nghiên cứu. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Hướng dẫn, chỉnh sửa báo cáo. **- Sinh viên:** + Tìm hiểu tài liệu và hồ sơ liên quan tới nội dung đề tài đã đăng ký. + Tham gia vào vị trí làm việc phù hợp theo sự phân công của cán bộ hướng dẫn tại cơ sở thực tập. + Thực hiện công việc tại cơ sở theo chỉ định của cán bộ quản lý tại cơ sở thực tập. + Viết báo cáo thực tập chuyên đề (Thu thập số liệu, nghiên cứu thực tiễn) và nộp cho giảng viên hướng dẫn. + Nghiên cứu tài liệu [1, 2]	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CLOs
3.	**CHƯƠNG 3. BÁO CÁO THỰC TẬP CHUYÊN ĐỀ** **Mục tiêu chương:** **-** Vận dụng được các kiến thức ngành, chuyên ngành đánh giá được thực trạng vấn đề nghiên cứu tại đơn vị thực tập. - Phân tích và đề xuất được các giải pháp cho vấn đề nghiên cứu. **Nội dung cụ thể;** 3.1. Đánh giá thực trạng vấn đề nghiên cứu 3.2. Đề xuất giải pháp 3.3. Hoàn thiện báo cáo thực tập chuyên đề	45 (0LT, 45TH)	**Quản lý sinh viên, Giảng viên hướng dẫn sinh viên làm báo cáo thực tập theo quy trình, sinh viên thực hiện báo cáo thực tập.** **Giảng viên:** + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Thuyết trình, đàm thoại, phát vấn tổng kết rút kinh nghiệm quá trình thực tập và khắc phục một số lỗi trong quá trình thực tập. + Hướng dẫn sinh viên hoàn thiện báo cáo thực tập chuyên đề. **- Sinh viên:** + Nhận bản sửa và hoàn thiện theo yêu cầu của giảng viên. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Nghiên cứu tài liệu [1, 2] + Trao đổi với giáo viên hướng dẫn + Thực hiện công việc tại cơ sở theo chỉ định của cán bộ quản lý tại cơ sở thực tập. + Hoàn thiện báo cáo thực chuyên đề. + Nộp và bảo vệ báo cáo thực tập chuyên đề. + Tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm và tự đánh giá.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Luật

1. Tên học phần: Thực tập tốt nghiệp
2. Mã học phần: LUAT 402
3. Số tín chỉ: 7 (0, 7)
4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ tư
5. Phân bổ thời gian
- Giờ tín chỉ: 0 giờ lý thuyết, 315 giờ thực hành
- Giờ học tập định mức của người học (bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá): 350 giờ

6. Điều kiện tiên quyết/Điều kiện học trước: Sinh viên phải hoàn thành các học phần theo quy định của Chương trình đào tạo trước khi đăng ký học phần Thực tập tốt nghiệp.

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Phạm Thị Mai	0978.370.438	Phammaidhsd1018@gmail.com
2	TS. Nguyễn Chí Dũng	0983.376.688	dungvks2010@gmail.com
3	TS. Nguyễn Vĩnh Diện	0985.633.006	dienlsg@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Thực tập tốt nghiệp là học phần bắt buộc, có tính chất tích hợp thực hành cuối khóa dành cho sinh viên ngành Luật chuyên ngành đào tạo Cử nhân Luật. Học phần nhằm tạo điều kiện tối ưu để người học tiếp cận trực tiếp với thực tiễn hoạt động chuyên môn pháp luật tại các cơ quan tư pháp (Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án), cơ quan hành chính nhà nước, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp hành nghề luật (Văn phòng luật sư, Công ty luật, Văn phòng công chứng, Văn phòng thừa phát lại), trung tâm hòa giải trọng tài thương mại hoặc bộ phận pháp chế của các doanh nghiệp.

Thông qua quá trình thực tập, sinh viên được trải nghiệm trực tế bối cảnh công việc chuyên môn của một Luật sư, Thẩm phán, Kiểm sát viên, Công chứng viên, Chuyên viên pháp lý trong tương lai; rèn luyện khả năng quan sát, nghiên cứu, phân tích, tổng hợp hồ sơ vụ việc; tra cứu văn bản pháp luật hiện hành và vận dụng các kiến thức lý luận đã học vào thực tế xử lý các vụ việc cụ thể. Đồng thời, học phần rèn luyện toàn diện các kỹ năng hành nghề như kỹ năng tư vấn pháp luật, đàm phán thương lượng, kỹ năng soạn thảo văn bản pháp lý chuyên nghiệp, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm; bồi dưỡng bản lĩnh nghề nghiệp, ý thức thượng tôn pháp luật và quy tắc đạo đức, ứng xử nghề nghiệp pháp luật thực tế.

9. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

10.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung của học phần:

Học phần Thực tập tốt nghiệp được thiết kế nhằm giúp sinh viên củng cố vững chắc, hệ thống hóa và vận dụng một cách sáng tạo các kiến thức lý thuyết đã tích lũy trong nhà trường vào thực tế hành nghề luật; rèn luyện thành thạo các kỹ năng bổ trợ và nghiệp vụ chuyên môn cốt lõi của cử nhân Luật; đồng thời định hình tác phong làm việc chuyên

nghiệp, nâng cao bản lĩnh chính trị, ý thức đạo đức nghề nghiệp, năng lực tự chủ và tinh thần trách nhiệm xã hội trong hoạt động pháp lý thực tế tại cơ sở thực tập.

b) Mục tiêu cụ thể - Course Objectives (CO):

- CO1 (Kiến thức): Giúp sinh viên củng cố, tổng hợp và vận dụng hệ thống kiến thức lý luận nền tảng và chuyên sâu về các lĩnh vực pháp luật (Hiến pháp, hành chính, dân sự, hình sự, thương mại, kinh tế và tố tụng) để nhận diện, bình luận và đề xuất hướng xử lý đối với các vụ việc pháp lý phát sinh tại cơ sở thực tập.

- CO2 (Kỹ năng): Rèn luyện cho sinh viên năng lực thực hành nghề luật bao gồm tra cứu, phân tích hồ sơ vụ việc; kỹ năng tư vấn pháp lý chuyên sâu; soạn thảo các văn bản pháp luật hành chính, hợp đồng, văn bản tố tụng đúng thể thức và nội dung; rèn luyện kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp, đàm phán thuyết phục và làm việc nhóm hiệu quả trong môi trường thực tế.

- CO3 (Tự chủ & Trách nhiệm): Tạo môi trường rèn luyện ý thức kỷ luật, tinh thần tự giác, độc lập giải quyết công việc chuyên môn; bồi dưỡng đạo đức nghề luật, tính khách quan, bảo mật thông tin, bảo vệ công lý và trách nhiệm xã hội đối với sự phát triển bền vững của cộng đồng.

10.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	Kiến thức		
CLO1	Hệ thống hóa, tổng hợp và phân tích một cách có hệ thống các quy định pháp luật nền tảng và chuyên sâu (dân sự, hình sự, hành chính, thương mại, tố tụng...) phục vụ trực tiếp cho việc nghiên cứu, luận giải và xử lý vụ việc thực tiễn tại đơn vị thực tập.	PI 2.1	4
CLO2	Phân tích, đánh giá được cơ cấu tổ chức, quy trình nghiệp vụ chuyên môn, quy trình giải quyết vụ việc thực tế và quy trình áp dụng pháp luật tại cơ sở tiếp nhận thực tập.	PI 3.2	4
	Kỹ năng		
CLO3	Thực hiện thành thạo quy trình nghiên cứu hồ sơ, phân tích tình huống thực tiễn, tra cứu văn bản pháp quy hiện hành để lập luận pháp lý và đề xuất giải pháp xử lý tranh chấp, tình huống pháp lý khả thi và phù hợp luật.	PI 7.2, PI 8.2	4
CLO4	Soạn thảo thành thạo các văn bản nghiệp vụ, văn bản hành chính, hợp đồng và văn bản tố tụng đúng thể thức kỹ thuật trình bày và bảo đảm tính hợp pháp về nội dung.	PI 7.1	5
CLO5	Vận dụng linh hoạt kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp, làm việc nhóm, kỹ năng thuyết phục đàm phán giải	PI 5.1, PI 5.2	4

CLOs	Mô tả CLO	PIs	Mức độ của PIs theo thang đo Bloom
	quyết tranh chấp và ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, phần mềm, cơ sở dữ liệu pháp luật trong quá trình thực tập.		
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Chủ động lập kế hoạch và quản lý công việc chuyên môn; phối hợp hiệu quả với các đồng nghiệp và cán bộ hướng dẫn; tuân thủ nghiêm túc Hiến pháp, pháp luật, nội quy nơi thực tập, cam kết trung thực học thuật và trích dẫn chuẩn mực, giữ gìn bí mật thông tin và đạo đức nghề nghiệp pháp luật.	PI 9.1, PI 9.2, PI 10.1, PI 10.2	5

10.3. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và Mục tiêu cụ thể của học phần (COs)

CLOs \ COs	CO1	CO2	CO3
CLO1	x		
CLO2	x		
CLO3		x	
CLO4		x	
CLO5		x	
CLO6			x

10.4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

(Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) và Chỉ số PI								
	PLO2 PI 2.1	PLO3 PI 3.2	PLO5 PI 5.1	PLO5 PI 5.2	PLO7 PI 7.1	PLO7 PI 7.2	PLO8 PI 8.2	PLO9 PI 9.2	PLO10 PI 10.2
CLO1	M								
CLO2		M							
CLO1						M	M		
CLO2					M				
CLO3			R	R					
CLO1								M	M

11. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

a) Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học

Thành phần đánh	Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra -	Liên quan đến CLO	Trọng số từng	Lấy dữ liệu đo CLO	Lấy dữ liệu đo PLO/PI

giá		đánh giá		CLO (%)		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Điểm đánh giá thường xuyên (Chuyên cần, thái độ thực tập, sổ nhật ký)	20%	- Sổ nhật ký thực tập có nhận xét xác nhận của cơ sở. - Đánh giá chuyên cần, thái độ và kỷ luật lao động.	CLO6	100%	Nhật ký thực tập & Phiếu đánh giá của cơ sở	PLO9/PI 9.1 PLO10/PI 10.1
Điểm báo cáo thực tập tốt nghiệp (7 báo cáo thường kỳ và 1 báo cáo tốt nghiệp)	80%	- Làm và nộp 07 báo cáo thường kỳ sau mỗi 30 tiết thực hành thực tế. - Nộp và bảo vệ 01 báo cáo thực tập tốt nghiệp kết thúc học phần.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	15% 15% 25% 25% 20%	Bản báo cáo tiến độ & Bản báo cáo thực tập tốt nghiệp chính thức	PLO2/PI 2.1 PLO3/PI 3.2 PLO7/PI 7.1, 7.2 PLO8/PI 8.2 PLO5/PI 5.1, 5.2 PLO9/PI 9.2 PLO10/PI 10.2

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đo lường mức đạt CLO	Có sử dụng để đánh giá mức đạt PLO/PI	Dữ liệu được lấy từ
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
CLO1	Hệ thống hóa, tổng hợp và phân tích một cách có hệ thống các quy định pháp luật nền tảng và chuyên sâu (dân sự, hình sự, hành chính, thương mại, tố tụng...) phục vụ trực tiếp cho việc nghiên cứu, luận giải và xử lý vụ việc thực tiễn tại đơn vị thực tập.	x	PLO2/PI 2.1	Bản báo cáo tiến độ & Bản báo cáo thực tập tốt nghiệp chính thức
CLO2	Phân tích, đánh giá được cơ cấu tổ chức, quy trình nghiệp vụ chuyên môn, quy trình giải quyết vụ việc thực tế và quy trình áp dụng pháp luật tại cơ sở tiếp nhận thực tập.	x	PLO3/PI 3.2	Nhật ký thực tập & Phiếu đánh giá của cơ sở
CLO3	Thực hiện thành thạo quy trình nghiên cứu hồ sơ, phân tích tình huống thực tiễn, tra cứu văn bản pháp quy hiện hành để lập luận	x	PLO7 PI 7.1 PI 7.2	Bản báo cáo tiến độ & Bản báo cáo thực tập tốt nghiệp

	pháp lý và đề xuất giải pháp xử lý tranh chấp, tình huống pháp lý khả thi và phù hợp luật.			chính thức
CLO4	Soạn thảo thành thạo các văn bản nghiệp vụ, văn bản hành chính, hợp đồng và văn bản tố tụng đúng thể thức kỹ thuật trình bày và bảo đảm tính hợp pháp về nội dung.	x	PLO8 PI 8.2	Bản báo cáo tiến độ & Bản báo cáo thực tập tốt nghiệp chính thức
CLO5	Vận dụng linh hoạt kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp, làm việc nhóm, kỹ năng thuyết phục đàm phán giải quyết tranh chấp và ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, phần mềm, cơ sở dữ liệu pháp luật trong quá trình thực tập.tiễn chính trị - pháp lý.	x	PLO5 PI 5.1 PI 5.2	Bản báo cáo tiến độ & Bản báo cáo thực tập tốt nghiệp chính thức
CLO6	Chủ động lập kế hoạch và quản lý công việc chuyên môn; phối hợp hiệu quả với các đồng nghiệp và cán bộ hướng dẫn; tuân thủ nghiêm túc Hiến pháp, pháp luật, nội quy nơi thực tập, cam kết trung thực học thuật và trích dẫn chuẩn mực, giữ gìn bí mật thông tin và đạo đức nghề nghiệp pháp luật.	x	PLO9 PI 9.2 PLO10 PI 10.2	Nhật ký thực tập & Phiếu đánh giá của cơ sở

b) Rubric các bài kiểm tra, đánh giá

1. Rubric đánh giá quá trình

Nội dung tiêu chí	**CLO**	**Thang đánh giá** **Điểm/7**	**0 điểm**	**50% số điểm**	**100% số điểm**
1/ Ý thức chấp hành quy định	CLO6	1	Thái độ không đúng mực, không có ý thức hợp tác với các thành viên.	Thái độ, ý thức phù hợp hướng dẫn của giảng viên và của cơ sở thực tập. Tuân thủ các nội quy.	Thái độ, ý thức phù hợp hướng dẫn của giảng viên và của cơ sở thực tập. Tuân thủ các nội quy. Có các tham mưu cho giảng viên thiết kế nhóm, tự quản và thúc đẩy các hoạt động nhóm… trong đợt thực tập.

2/ Tham gia các hoạt động	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	6	Không tham gia hoặc tham gia không đầy đủ các hoạt động được tổ chức.	Tham gia đầy đủ các hoạt động được.	Tham gia đầy đủ các hoạt động được tổ chức. Chủ động trao đổi, thảo luận với giáo viên
					hướng dẫn tại cơ sở thực tập.
Tổng điểm		7			Kết quả

2. Rubric đánh giá báo cáo

Tiêu chí đánh giá	**CLO**	**Trọng số**	**Mô tả mức chất lượng**				**Điểm**
			Giỏi	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	
			10 – 8.5	**8.4 – 7.0**	**6.9 – 5.0**	**4.9 – 0.0**	
Hình thức báo cáo	CLO4	10%	Cấu trúc đẹp, rõ, không lỗi chính tả	Cấu trúc hợp lý, một vài lỗi chính tả.	Cấu trúc hợp lý. Rất nhiều lỗi chính tả.	Cấu trúc đơn điệu, chữ nhỏ, nhiều lỗi chính tả	
Kỹ năng trình bày	CLO4	10%	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, trong thời gian quy định giao lưu người nghe	Nói khá rõ ràng, trong thời gian quy định, giao lưu người nghe	Nói khá rõ ràng, ít hơn hoặc vượt thời gian quy định	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe, ít hơn hoặc vượt thời gian quy định	
Nội dung báo cáo/Chất lượng sản phẩm	CLO1, 2,3,5	40%	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-80% yêu cầu	Đáp ứng 50%-70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	
Trả lời câu hỏi	CLO5	20%	Trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi	Trả lời đúngtrên 1/2 số câu hỏi	Trả lời đúng dưới 1/2 số câu hỏi	

Tham gia thực hiện	CLO6	20%	100% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	~80% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	~60% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	< 40% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	
ĐIỂM TỔNG							

4. Rubric định tính

Mức chất lượng	**Thang điểm**	**Mô tả mức chất lượng**	**Điểm**
Giỏi	8.5 - 10	Hình thức đẹp, rõ, không lỗi chính tả (10%). Trình bày rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe (10%). Nội dung báo cáo/chất lượng sản phẩm đáp ứng 80%-100% yêu cầu (40%). Trả lời đúng tất cả các câu hỏi (20%). Có 100% thành viên tham gia thực hiện/trình bày (20%).	
Khá	7.0 – 8.4	Đáp ứng 70 – 80% yêu cầu của mức Giỏi	
Trung bình	5.0 – 6.9	Đáp ứng 50 – 60% yêu cầu của mức Giỏi	
Yếu	0.0 – 4.9	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu của mức Giỏi	
Nhận xét			

12. Yêu cầu học phần

Để hoàn thành học phần Thực tập chuyên đề và đạt được các chuẩn đầu ra đã xác định, sinh viên phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu sau:

- Ý thức, thái độ học tập: Sinh viên chấp hành tốt các nội quy, quy định của nhà trường, đơn vị thực tập; tham gia tối thiểu 80% số giờ thực tập tại cơ sở thực tập có sự hướng dẫn của chuyên viên; lắng nghe, ghi chép và khuyến khích đưa ra các câu hỏi thảo luận dưới sự hướng dẫn của chuyên viên; viết, nộp báo cáo thực tập tốt nghiệp có xác nhận của đơn vị thực tập theo quy định.

- Về nghiên cứu tài liệu: Sinh viên đọc trước tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên trong quá trình thực tập và làm báo cáo.

- Kiểm tra đánh giá: Sinh viên phải hoàn thành báo cáo thực tập theo tiến độ, đạt chất lượng theo yêu cầu của giảng viên; tham gia thực tập đầy đủ và có sự xác nhận của đơn vị thực tập sau khi kết thúc quá trình thực tập, đạt chất lượng báo cáo thực tập.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] Giáo trình liên quan đến chuyên ngành đề nghiên cứu.

Tài liệu có tại: Thư viện trường Đại học Sao Đỏ.

[2] Quy định viết chuyên đề thực tập cuối khóa.

Tài liệu có tại: Giảng viên hướng dẫn quy trình thực tập cuối khóa.

- Tài liệu tham khảo:

[3] Các báo cáo (thứ cấp) về đơn vị thực tập.

[4] Tham khảo các tài liệu liên quan chủ đề nghiên cứu.

Tại liệu có tại: Thư viện trường Đại học Sao Đỏ.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CLOs
1	**Chương 1. Đề cương thực tập** **Mục tiêu chương:** - Tiếp cận và làm quen được với môi trường làm việc chuyên nghiệp cũng như về cách tổ chức hoạt động và quản lý tại một cơ quan, tổ chức. - Xây dựng được kế hoạch thực tập phù hợp nơi đến thực tập, lập được đề cương chi tiết thực tập tốt nghiệp. **Nội dung cụ thể:** 1.1. Lựa chọn đề tài thực tập tốt nghiệp. 1.2. Lập đề cương chi tiết của đề tài thực tập và báo cáo giảng viên. 1.3 Tìm hiểu cơ quan, tổ chức thực tập	45 (0LT, 45TH)	**Thuyết giảng, trao đổi, phản hồi, hướng dẫn thực hành/trực quan.** **- Giảng viên:** + Giải thích các nội quy, quy định. + Nêu vấn đề, trao đổi, hướng dẫn sinh viên lựa chọn đề tài thực tập tốt nghiệp. **- Sinh viên:** + Lắng nghe, ghi chép. + Nghiên cứu các đề tài thực tập tốt nghiệp. + Lựa chọn đề tài thực tập tốt nghiệp, đăng ký với giảng viên hướng dẫn. + Lập đề cương chi tiết đề tài thực tập tốt nghiệp và nộp cho giảng viên hướng dẫn. + Tìm hiểu các hoạt động của doanh nghiệp liên quan tới đề tài thực tập tốt nghiệp.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
2	**Chương 2. Tham gia thực tập** **Mục tiêu chương:** - Hiểu và đánh giá được công việc thực tế khi tham gia thực tập. - Thu thập, phân tích được các thông tin về vấn đề nghiên cứu tại đơn vị thực tập. **Nội dung cụ thể;**	90 (00LT, 90TH)	**Hướng dẫn thực hành/dự án; Nghiên cứu tình huống, nêu vấn đề; Trải nghiệm thực tế.** **- Giảng viên:** + Giảng giải, hướng dẫn làm việc thực tế tại đơn vị thực tập. + Gợi mở các tình huống nghiệp vụ thực tế phát sinh tại doanh nghiệp để sinh viên phân tích và đối chiếu quy định pháp luật.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CLOs
	2.1. Tham gia làm việc thực tế tại đơn vị thực tập. 2.2. Nghiên cứu thực tiễn tại doanh nghiệp 2.3. Phỏng vấn, thu thập thông tin, dữ liệu 2.4. Viết báo cáo thu hoạch		+ Kiểm tra tiến độ, đôn đốc và chỉnh sửa các bài báo cáo thu hoạch định kỳ. **- Sinh viên:** + Chỉnh sửa đề cương chi tiết + Tìm hiểu tài liệu, số liệu và hồ sơ liên quan tới nội dung đề tài đã đăng ký. + Tham gia vào vị trí làm việc phù hợp theo sự phân công của cán bộ hướng dẫn tại cơ sở thực tập. + Nghiên cứu tài liệu [1, 2] + Viết và nộp báo cáo thu hoạch định kỳ theo đúng tiến độ.	
3	**Chương 3. Báo cáo thực tập tốt nghiệp** **Mục tiêu chương:** - Vận dụng được các kiến thức ngành, chuyên ngành đánh giá được thực trạng vấn đề nghiên cứu tại đơn vị thực tập. - Phân tích và đề xuất được các giải pháp cho vấn đề nghiên cứu. **Nội dung cụ thể:** 3.1. Đánh giá thực trạng vấn đề nghiên cứu 3.2. Đề xuất giải pháp 3.3. Hoàn thiện báo cáo thực tập tốt nghiệp	180 (00LT, 180TH)	**Hướng dẫn thực hành; giao nhiệm vụ; học tập trải nghiệm thực tế; nghiên cứu hồ sơ và tình huống pháp lý; trao đổi, phản hồi.** **- Giảng viên:** + Hướng dẫn sinh viên tổng hợp dữ liệu, đánh giá thực trạng và lập luận đề xuất giải pháp cải tiến. + Hướng dẫn sinh viên sửa đổi, hoàn thiện Báo cáo thực tập tốt nghiệp. + Tổ chức đánh giá, chấm bảo vệ/vấn đáp báo cáo và tổng kết rút kinh nghiệm. **- Sinh viên:** + Tổng hợp số liệu, phân tích ưu/nhược điểm và xây dựng các giải pháp cải tiến phù hợp thực tế đơn vị. + Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo theo góp ý của giảng viên hướng dẫn. + Nộp báo cáo có đủ xác nhận của	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CLOs
			cơ sở thực tập; thực hiện thuyết trình, giải trình và phản biện bảo vệ báo cáo.	